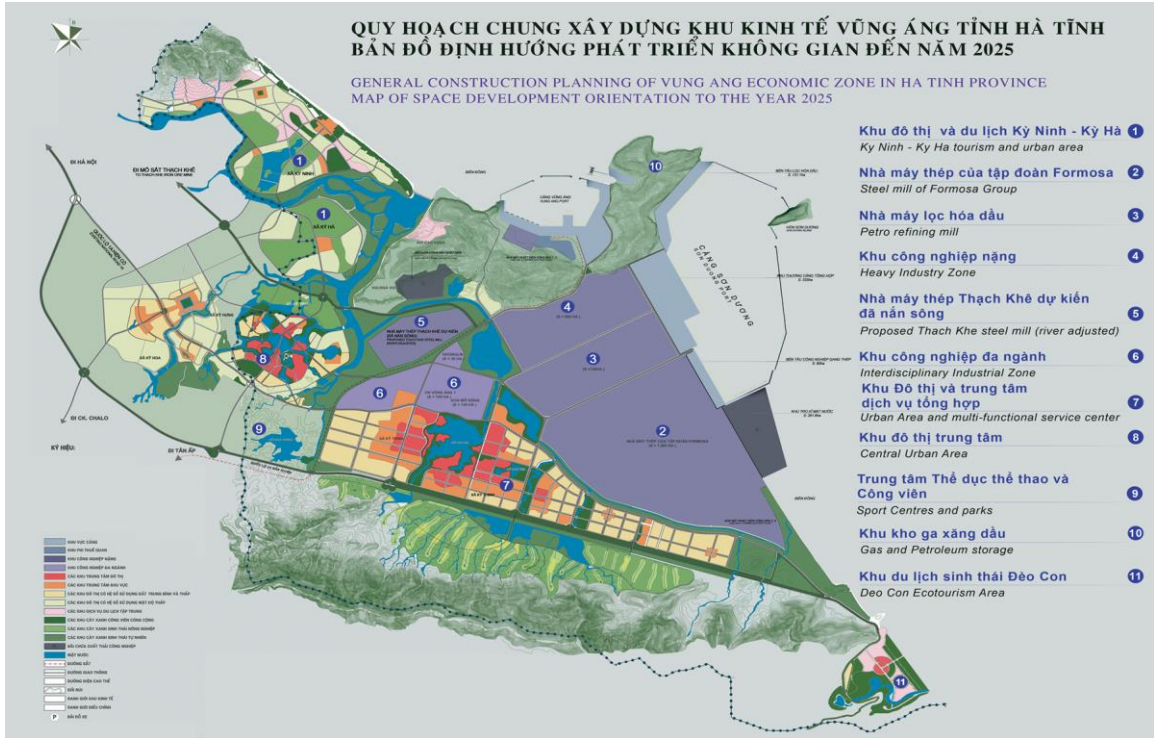


TỈNH ỦY HÀ TĨNH
TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TRẦN PHÚ - BAN TUYÊN GIÁO - BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ



TÀI LIỆU
HỘI THẢO KHOA HỌC

XÂY DỰNG KHU KINH TẾ VŨNG ÁNG TRỞ THÀNH KHU KINH TẾ ĐA CHỨC NĂNG, TRUNG TÂM CÔNG NGHIỆP ĐỘNG LỰC VÀ LOGISTICS THỨC ĐẨY KINH TẾ - XÃ HỘI TỈNH HÀ TĨNH PHÁT TRIỂN NHANH, BỀN VỮNG



Hà Tĩnh, tháng 6/2023

*

CHƯƠNG TRÌNH HỘI THẢO

1. Thời gian: Từ 07 giờ 30 đến 11 giờ 30 ngày 23 tháng 6 năm 2023

2. Địa điểm: Hội trường A, Trường Chính trị Trần Phú

3. Chủ trì Hội thảo:

- Đồng chí Hà Văn Hùng, UVBTV, Trưởng Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy.
- Đồng chí Nguyễn Trọng Tứ, UVBCH Đảng bộ Tỉnh, Hiệu trưởng Trường Chính trị Trần Phú.
- Đồng chí Lê Trung Phước, UVBCH Đảng bộ Tỉnh, Trưởng Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh.

4. Thư ký Hội thảo:

- Đồng chí Đặng Hữu Trình, Phó Trưởng Phòng Lý luận chính trị và Lịch sử Đảng, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy.
- Đồng chí Nguyễn Thị Thảo Linh, giảng viên Phòng Quản lý đào tạo và nghiên cứu khoa học, Trường Chính trị Trần Phú.

TT	NỘI DUNG	NGƯỜI THỰC HIỆN	THỜI GIAN
1	Ôn định tổ chức, thông qua chương trình	Đ/c Nguyễn Thắng Mỹ Trưởng Phòng Tổ chức, hành chính, thông tin, tư liệu Trường Chính trị Trần Phú	07h15' – 7h30'
2	Khai mạc, giới thiệu đại biểu	Đ/c Trần Ánh Dương Phó Hiệu trưởng Trường Chính trị Trần Phú	07h30' – 7h35'
3	Giới thiệu Hội thảo xem phim Phóng sự Tổng quan về Khu kinh tế Vũng Áng	Đ/c Nguyễn Trọng Tứ UVBCH Đảng bộ Tỉnh, Hiệu trưởng Trường Chính trị Trần Phú	07h35' - 7h50'
4	Trình bày tóm tắt Báo cáo Đề dẫn	Đ/c Nguyễn Trọng Tứ UVBCH Đảng bộ Tỉnh, Hiệu trưởng Trường Chính trị Trần Phú	07h50' - 8h00'
5	Các đại biểu tham luận	Chủ trì Hội thảo điều hành	08h00' – 9h30'

6	Nghỉ giải lao	Chủ trì Hội thảo điều hành	09h30' – 9h45'
7	Phát biểu của Đại diện Thường trực Tỉnh ủy	Đại diện Thường trực Tỉnh ủy	09h45' - 10h00'
8	Các đại biểu tiếp tục tham luận	Chủ trì Hội thảo điều hành	10h00'-11h00'
9	Trao đổi thảo luận (nếu có)	Chủ trì Hội thảo điều hành	11h00' - 11h15'
10	Tổng kết, bế mạc	Đồng chí Hà Văn Hùng UVBTV, Trưởng Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy	11h15'-11h30'



BAN TỔ CHỨC HỘI THẢO

DANH MỤC BÀI VIẾT THAM GIA HỘI THẢO

TT	CHỦ ĐỀ BÀI VIẾT	ĐƠN VỊ, CÁ NHÂN
I. Vị trí, tầm quan trọng, tiềm năng, lợi thế của Khu Kinh tế Vũng Áng		
1.	Khu kinh tế Vũng Áng - Tiềm năng, thế mạnh và định hướng phát triển bền vững trong bối cảnh mới	PGS,TS. Nguyễn Danh Tiên <i>Viện trưởng Viện Lịch sử Đảng. Học viện CTQG Hồ Chí Minh</i>
2.	Các nguồn lực và dư địa phát triển của Khu kinh tế Vũng Áng - tiếp cận từ xu hướng phát triển đô thị kinh tế, cảng biển phức hợp	PGS,TS. Ngô Tuấn Nghĩa <i>Viện trưởng Viện Kinh tế chính trị học, Học viện CTQG Hồ Chí Minh</i>
3.	Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức và tầm quan trọng phát triển Khu kinh tế Vũng Áng cho cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân	Lê Văn Khánh <i>Phó trưởng Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy</i>
4.	Sự cấp thiết xây dựng Đề án phát triển Công nghiệp hỗ trợ trên địa bàn Hà Tĩnh	Hoàng Văn Quảng <i>UVBCH Đảng bộ tỉnh, Giám đốc Sở Công thương</i>
5.	Khu kinh tế Vũng Áng - động lực thúc đẩy phát triển kinh tế, xã hội tỉnh Hà Tĩnh và vùng Bắc Trung bộ	TS. Trần Thị Nhân <i>Viện Lịch sử Đảng, Học viện CTQG Hồ Chí Minh</i>
6.	Vị trí của Khu kinh tế Vũng Áng trong Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt quy hoạch tỉnh Hà Tĩnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050	Ths. Phan Bá Linh <i>Trưởng Chính trị Trần Phú</i>
II. Chủ trương, cơ chế, chính sách phát triển Khu kinh tế Vũng Áng		
1.	Giải pháp thực hiện có hiệu quả chính sách xã hội, giải quyết các vấn đề xã hội nảy sinh, đảm bảo quốc phòng - an ninh, an sinh xã hội trong quá trình xây dựng, phát triển Khu kinh tế Vũng Áng	PGS. TS. Đặng Thị Ánh Tuyết <i>Phó Vụ trưởng Vụ QLKH Học viện CTQG Hồ Chí Minh</i>
2.	Thu hút FDI vào Hà Tĩnh: Thực trạng và một số hàm ý chính sách	Đại diện nhóm tác giả PGS.TS. Bùi Văn Huyền <i>Viện Kinh tế, Học viện CTQG Hồ Chí Minh</i>
3.	Đẩy mạnh ngoại giao kinh tế nhằm huy động nguồn lực phát triển Khu kinh tế Vũng Áng	TS. Trần Mạnh Hùng <i>Phó Giám đốc Sở Ngoại vụ</i>

4.	Hiệu quả và những vấn đề đặt ra trong việc thực hiện cơ chế, chính sách đối với sự phát triển của Khu kinh tế Vũng Áng	Lê Ngọc Hà <i>Ban KTNS, HĐND tỉnh</i>
5.	Huy động nguồn lực trong xây dựng và phát triển Khu kinh tế Vũng Áng	Sở Kế hoạch và Đầu tư
6.	Điều chỉnh, mở rộng Khu kinh tế Vũng Áng đáp ứng nhu cầu thu hút đầu tư, phát triển lâu dài và bền vững cho Khu kinh tế tỉnh.	Trần Thái Hợp <i>Trưởng Phòng Quản lý Quy hoạch - Xây dựng, Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh</i>
7.	Nâng cao hiệu quả thu hút các dự án đầu tư tại Khu kinh tế Vũng Áng theo hướng đa ngành nghề, đa lĩnh vực trở thành trung tâm kinh tế phía Nam của tỉnh	Đặng Huy Cường <i>Phó Giám đốc Trung tâm Hỗ trợ phát triển doanh nghiệp và Xúc tiến đầu tư</i>
8.	Tác động của chính sách tín dụng đến các doanh nghiệp tại Khu kinh tế Vũng Áng	Nguyễn Thị Tuyết Nhung <i>Phó Giám đốc Ngân hàng nhà nước, chi nhánh tỉnh Hà Tĩnh</i>
9.	Liên kết phát triển sản xuất nông nghiệp đáp ứng nhu cầu tại Khu kinh tế Vũng Áng	Lê Thị Ngọc <i>Chi cục Phát triển nông thôn, Sở Nông nghiệp và PTNT</i>
10.	Trường Chính trị Trần Phú với nhiệm vụ tuyên truyền thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TU của BCH Đảng bộ tỉnh về phát triển Khu kinh tế Vũng Áng giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030	Ths. Thái Thị Hiền <i>Trường Chính trị Trần Phú</i>
11.	Ban Tuyên giáo Huyện ủy Can Lộc chủ động, tích cực đưa Nghị quyết số 09-NQ/TU của BCH Đảng bộ Tỉnh về “phát triển Khu kinh tế Vũng Áng giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030” vào cuộc sống	Bùi Thị Nhung <i>Ban Tuyên giáo Huyện ủy Can Lộc</i>
III. Quản lý nhà nước tại Khu Kinh tế Vũng Áng		
1.	Công tác phối hợp giữa Bộ đội Biên phòng tỉnh Hà Tĩnh với các lực lượng trong đảm bảo an ninh, trật tự ở Khu kinh tế Vũng Áng.	PGS, TS Phạm Xuân Bình <i>Phó Chỉ huy Trưởng Bộ đội biên phòng Hà Tĩnh</i>
2.	Nhận diện xung đột văn hóa và những vấn đề đặt ra đối với quản trị đa văn hóa tại Khu kinh tế Vũng Áng	TS. Nguyễn Quang Ngọc <i>Phó Hiệu trưởng Trường Chính trị Trần Phú</i> Ths. Lê Thị Thùy Dung <i>Trường Chính trị Trần Phú</i>

3.	Tăng cường công tác quản lý thuế đối với các doanh nghiệp và nhà thầu tại Khu kinh tế Vũng Áng	Trương Quang Long <i>Cục trưởng Cục Thuế Hà Tĩnh</i>
4.	Quản lý hoạt động xây dựng tại Khu kinh tế Vũng Áng, thực trạng và giải pháp	Dương Thành Trung <i>Phó Giám đốc Sở Xây dựng</i>
5.	Nâng cao hiệu quả thực hiện thủ tục hành chính một cửa tại chỗ tại Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh.	Hoàng Tùng Phong <i>Phó Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh</i>
6.	Phát huy vai trò của tổ chức công đoàn tại các doanh nghiệp trong Khu kinh tế Vũng Áng	Nguyễn Đức Thạch <i>UVBTV LĐLĐ tỉnh, Chủ tịch Công đoàn các Khu kinh tế tỉnh.</i>
7.	Phát triển dịch vụ công ích tại Khu kinh tế Vũng Áng Hà Tĩnh - Những vấn đề đặt ra	Ths. Trần Thị Quỳnh Nga <i>Trưởng Chính trị Trần Phú</i>
8.	Phát huy vai trò quản lý trực tiếp của Ban Quản lý Khu kinh tế góp phần phát triển khu kinh tế Vũng Áng trở thành khu kinh tế đa chức năng, trung tâm công nghiệp động lực, logistics của tỉnh	Ths. Phan Thị An Phú- <i>Trưởng Chính trị Trần Phú</i>
IV. Nguồn nhân lực để phát triển Khu Kinh tế Vũng Áng		
1.	Vai trò của Trường Đại học Vinh trong đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho Khu kinh tế Vũng Áng, tỉnh Hà Tĩnh	GS.TS. Nguyễn Huy Bằng <i>Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh</i>
2.	Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức làm việc tại Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh và UBND thị xã Kỳ Anh	Lê Minh Đạo <i>UVBCH Đảng bộ tỉnh Giám đốc Sở Nội vụ</i>
3.	Xây dựng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển của Khu kinh tế Vũng Áng - Nhìn từ chiều cạnh văn hóa	TS Nguyễn Thị Mai Chi <i>Viện Lịch sử Đảng Học viện CTQG Hồ Chí Minh</i>
4.	Công tác đào tạo nghề, định hướng nghề nghiệp phục vụ lao động cho Khu kinh tế Vũng Áng của huyện Đức Thọ.	Đặng Giang Trung <i>Phó Bí thư Thường trực Huyện ủy Đức Thọ</i>
5.	Một số giải pháp phát triển đào tạo nghề chất lượng cao trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh gắn với cung ứng nguồn lao động cho các doanh nghiệp tại Khu kinh tế Vũng Áng	TS. Nguyễn Xuân Ninh <i>Trưởng Cao đẳng Kỹ thuật Việt - Đức</i>
6.	Nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Hà Tĩnh trong giai đoạn mới	Ths. Nguyễn Thắng Mỹ <i>Trưởng Chính trị Trần Phú</i>

7.	Phát huy vai trò đội ngũ công nhân tại Khu kinh tế Vũng Áng đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong giai đoạn hiện nay	Ths. Nguyễn Thị Thảo Linh <i>Trường Chính trị Trần Phú</i>
8.	Vấn đề lao động trong Khu kinh tế Vũng Áng tỉnh Hà Tĩnh hiện nay.	Ths. Chu Thị Thu Huyền <i>Trường Chính trị Trần Phú</i>
9.	Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao tại địa phương thích ứng với thu hút đầu tư, phát triển Khu kinh tế Vũng Áng	TS. Trần Thu Thủy TS. Nguyễn Thị Thanh Huyền <i>Trường Đại học Hà Tĩnh</i>
10.	Đào tạo, thu hút nguồn nhân lực logistics chất lượng cao góp phần thu hút các dự án đầu tư phát triển bền vững Khu kinh tế Vũng Áng	ThS. Võ Thị Cẩm Hiếu <i>Trường Đại học Hà Tĩnh</i>
11.	Đào tạo nguồn nhân lực dịch vụ logistics Hà Tĩnh gắn liền với đề án phát triển dịch vụ logistics Khu kinh tế Vũng Áng	NCS. Nguyễn Thị Thương <i>Trường Đại học Hà Tĩnh</i>
12.	Công tác đào tạo nghề góp phần cung ứng nhân lực phục vụ sự phát triển Khu kinh tế Vũng Áng	Trần Đăng Kiên <i>Sở Lao động - Thương binh và Xã hội</i>
13.	Thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển Khu kinh tế Vũng Áng	Nguyễn Thị Hồng Ninh <i>Trường Đại học Hà Tĩnh</i>
V. Xây dựng kết cấu hạ tầng thu hút đầu tư tại Khu Kinh tế Vũng Áng		
1.	Những vấn đề đặt ra và giải pháp nhằm phát triển tuyến vận tải hàng container qua Cảng Vũng Áng - Hà Tĩnh	Nhóm tác giả Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn <i>Bùi Văn Quy, Phó Giám đốc</i> <i>Phạm Thị Mỹ Lệ, Phó Giám đốc Marketing</i> <i>Phạm Tuân, Phòng Kinh doanh SNPL</i> <i>Nguyễn Trọng Hà Thanh, Ban Hãng tàu, P. Marketing</i>
2.	Huy động tổng hợp các nguồn lực cho công tác giải phóng mặt bằng để thu hút đầu tư vào Khu kinh tế Vũng Áng	Đặng Văn Thành <i>UVBCH Đảng bộ tỉnh, Bí thư Thị ủy Kỳ Anh</i>
3.	Xây dựng huyện Hương Sơn trở thành cửa ngõ xuất nhập khẩu hàng hóa của Lào, các tỉnh Đông Bắc Thái Lan và kết nối với Khu Kinh tế Vũng Áng	Bùi Nhân Sâm <i>UVBCH Đảng bộ tỉnh, Bí thư Huyện ủy, Chủ tịch HĐND huyện Hương Sơn</i>

4.	Xây dựng và kết nối các trung tâm logistics theo quy hoạch tại Quyết định số 1363/QĐ-Ttg ngày 08/11/2022 của Chính phủ trở thành một trong những trụ cột của nền kinh tế tỉnh Hà Tĩnh	Võ Tá Nghĩa <i>Phó Giám đốc Sở Công Thương</i>
5.	Xây dựng và phát triển mạng lưới giao thông đáp ứng yêu cầu của sự phát triển Khu kinh tế Vũng Áng	Lê Anh Sơn <i>Phó Giám đốc Sở Giao thông vận tải</i>
6.	Giải pháp xây dựng kết cấu hạ tầng, các khu chức năng, hạ tầng giao thông nội vùng, giao thông trên địa bàn huyện Hương Sơn để kết nối khu kinh tế Cầu Treo với Khu kinh tế Vũng Áng	Trần Bình Thân <i>Ủy viên BTV, Phó chủ tịch UBND huyện Hương Sơn</i>
7.	Thực trạng và giải pháp nhằm phát triển các bến cảng trong Khu kinh tế Vũng Áng	Trần Văn Thắng <i>Trưởng phòng Pháp chế hàng hải, Cảng vụ Hàng hải Hà Tĩnh</i>
8.	Một số giải pháp góp phần đẩy mạnh hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa tại Khu kinh tế Vũng Áng	Phạm Thị Mỹ Hạnh <i>Phó trưởng Phòng Nghiệp vụ, Cục Hải quan Hà Tĩnh</i>
9.	Bàn về đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Khu kinh tế Vũng Áng hiện nay	Ths. Nguyễn Thị Mỹ Hạnh <i>Trưởng Chính trị Trần Phú</i>
10.	Sự phát triển dịch vụ logistics tại các địa phương và bài học kinh nghiệm cho tỉnh Hà Tĩnh	Ths. Lê Thị Quyên <i>Trưởng Đại học Hà Tĩnh</i>
11.	Xây dựng hệ thống chính trị các cấp vững mạnh, đồng hành cùng doanh nghiệp tạo ra lợi thế cạnh tranh bền vững trong thu hút đầu tư Khu kinh tế Vũng Áng	Ths. Hồ Thanh <i>Trưởng Chính trị Trần Phú</i>

BÁO CÁO ĐỀ DẪN HỘI THẢO KHOA HỌC

“Xây dựng Khu kinh tế Vũng Áng trở thành khu kinh tế đa chức năng, trung tâm công nghiệp động lực và logistics thúc đẩy kinh tế - xã hội tỉnh Hà Tĩnh phát triển nhanh, bền vững”

Chúng ta vừa được xem Phóng sự với chủ đề “Khu kinh tế Vũng Áng - Động lực phát triển và những vấn đề đặt ra”. Nội dung Phóng sự đã khái quát một cách sinh động quá trình hình thành, xây dựng và phát triển cũng như những vấn đề đang đặt ra để xây dựng Khu kinh tế Vũng Áng trở thành khu kinh tế đa chức năng, trung tâm công nghiệp động lực và logistics thúc đẩy kinh tế - xã hội tỉnh Hà Tĩnh phát triển nhanh và bền vững; tiếp tục cung cấp thêm cơ sở thực tiễn để các đại biểu, nhà khoa học, các doanh nghiệp và nhà đầu tư có cách nhìn tổng thể, khách quan về Khu kinh tế Vũng Áng, giúp cho việc trao đổi, thảo luận, tranh biện tại Hội thảo đạt kết quả cao hơn.

Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Hà Tĩnh lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2021-2025 đã xác định một trong những đột phá chiến lược là: “Huy động tối đa và sử dụng hiệu quả các nguồn lực xây dựng Khu Kinh tế Vũng Áng thực sự trở thành khu kinh tế đa chức năng, trung tâm công nghiệp động lực và logistics; xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ, trọng tâm là hạ tầng giao thông chiến lược, hạ tầng đô thị, hạ tầng thông tin, thúc đẩy phát triển kinh tế số”. Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 22/11/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển Khu kinh tế Vũng Áng giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030 tiếp tục khẳng định: “Xây dựng Khu Kinh tế Vũng Áng với các trụ cột: Công nghiệp luyện kim, năng lượng, chế biến, chế tạo; Trung tâm logistics và dịch vụ cảng biển; Phát triển thương mại, dịch vụ, tạo nền tảng vững chắc. Phát triển đồng bộ khu liên hợp công nghiệp luyện kim, công nghiệp hỗ trợ, chế biến, chế tạo, trung tâm điện lực gắn với cụm cảng nước sâu Vũng Áng - Sơn Dương; đảm bảo hiệu quả tổng hợp về kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh, bảo vệ môi trường; thúc đẩy tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa; từng bước phát triển thị xã Kỳ Anh trở thành đô thị trung tâm phía Nam; hình thành thành phố Kỳ Anh, liên kết phát triển vùng Nam Hà Tĩnh - Bắc Quảng Bình”.

Tuy nhiên, việc xây dựng và phát triển Khu kinh tế Vũng Áng như mục tiêu và kỳ vọng của tỉnh còn gặp nhiều khó khăn, thách thức không nhỏ. Theo Quy hoạch chung Khu kinh tế và Thị xã Kỳ Anh thì quỹ đất dành cho phát triển

công nghiệp không nhiều; chưa có quỹ đất sạch đã được bồi thường, giải phóng mặt bằng thuộc các khu chức năng để thu hút đầu tư các dự án lớn, nhà đầu tư chiến lược; cơ sở hạ tầng mặc dù đã được quan tâm đầu tư nhưng mới chỉ đáp ứng được một phần so với nhu cầu thực tế; kết cấu hạ tầng thiết yếu trong Khu kinh tế như hệ thống giao thông, cấp điện, cấp thoát nước, xử lý nước thải, thông tin... còn thiếu và chưa đồng bộ, chưa đáp ứng yêu cầu thu hút đầu tư, phát triển của khu kinh tế; công tác thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và việc giải quyết các vấn đề xã hội nảy sinh còn gặp những khó khăn nhất định. Những khó khăn, vướng mắc nêu trên đã ảnh hưởng không nhỏ đến tiến độ của các dự án; tác động không tốt đến môi trường đầu tư; làm giảm hiệu quả đầu tư cũng như giảm sức cạnh tranh với các khu kinh tế khác.

Sau một thời gian nỗ lực chuẩn bị, đến nay Ban tổ chức Hội thảo đã nhận được gần 50 tham luận của các địa phương, đơn vị, cá nhân, nhà khoa học và các doanh nghiệp, nhà đầu tư trong và ngoài tỉnh. Đây là những công trình khoa học nghiên cứu công phu, tiếp cận khá toàn diện cả về lý luận, thực tiễn các vấn đề liên quan đến xây dựng, phát triển Khu kinh tế Vũng Áng, trọng tâm là đánh giá, phân tích, luận giải một cách có hệ thống những thành tựu đạt được, chỉ ra những hạn chế, yếu kém trong quá trình xây dựng và phát triển Khu kinh tế. Đồng thời đưa ra những dự báo, nhận diện những nguy cơ, thách thức, những vấn đề đặt ra và đề xuất nhiều giải pháp với mong muốn tiếp tục cung cấp luận cứ khoa học cho việc bổ sung, hoàn thiện chủ trương, chính sách phát triển Khu Kinh tế theo mục tiêu và kỳ vọng của tỉnh.

Với tinh thần nghiêm túc và cầu thị trong nghiên cứu khoa học, Ban Tổ chức Hội thảo hết sức trân trọng tâm huyết và trí tuệ của các địa phương, đơn vị, cá nhân và các nhà khoa học. Để Hội thảo đạt được các mục tiêu đã đề ra, tại diễn đàn này, Ban Tổ chức sẽ bố trí một thời lượng phù hợp và mong muốn các đại biểu tham dự tiếp tục tập trung trao đổi, thảo luận, tranh biện thật sâu, thật kỹ, góp phần làm sáng tỏ thêm một số nội dung trọng tâm sau đây:

Thứ nhất: Khẳng định về vị trí, tầm quan trọng và tiềm năng, lợi thế của Khu kinh tế Vũng Áng đối với Hà Tĩnh nói riêng và Khu vực Bắc Trung bộ và cả nước nói chung.

Thứ hai: Đánh giá khách quan, khoa học về thực trạng xây dựng, phát triển Khu kinh tế Vũng Áng nhất là gợi mở những vấn đề đặt ra cần tiếp tục quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện trong thời gian tới.

Thứ ba: Đóng góp, đề xuất các giải pháp nhằm xây dựng và phát triển Khu kinh tế Vũng Áng thực sự trở thành khu kinh tế đa chức năng, trung tâm công nghiệp động lực và logistics thúc đẩy kinh tế - xã hội tỉnh Hà Tĩnh phát triển nhanh, bền vững.

Việc tổ chức Hội thảo được kỳ vọng là tiếp tục cung cấp luận cứ khoa học cho việc thực hiện mục tiêu đưa Khu kinh tế Vũng Áng trở thành Khu kinh tế đa chức năng, trung tâm công nghiệp và logistics, tiếp tục trở thành động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Hà Tĩnh và khu vực Bắc Trung Bộ, góp phần hoàn thành thắng lợi Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Hà Tĩnh lần thứ XIX và Nghị quyết số 09-NQ/TU. Vì vậy, Ban Tổ chức hy vọng rằng quý vị đại biểu sẽ xem đây là cơ hội quý báu để cùng trao đổi, chia sẻ, đóng góp ý kiến một cách thẳng thắn, trách nhiệm, khách quan, khoa học và xây dựng. Với tinh thần đó, tôi xin tuyên bố khai mạc Hội thảo khoa học : *“Xây dựng Khu kinh tế Vũng Áng trở thành khu kinh tế đa chức năng, trung tâm công nghiệp động lực và logistics thúc đẩy kinh tế - xã hội tỉnh Hà Tĩnh phát triển nhanh, bền vững”*.

Xin trân trọng cảm ơn và kính chúc quý vị đại biểu cùng toàn thể các đồng chí luôn mạnh khỏe, hạnh phúc! Chúc Hội thảo thành công tốt đẹp!

PHẦN I
VỊ TRÍ, TẦM QUAN TRỌNG, TIỀM NĂNG,
LỢI THẾ CỦA KHU KINH TẾ VŨNG ÁNG

KHU KINH TẾ VŨNG ÁNG - TIỀM NĂNG, THẾ MẠNH VÀ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TRONG BỐI CẢNH MỚI

PGS, TS Nguyễn Danh Tiên

Viện trưởng Viện Lịch sử Đảng, Học viện CTQG Hồ Chí Minh

Khu kinh tế (KKT) Vũng Áng nằm trên vùng đất phía Nam của tỉnh Hà Tĩnh được thành lập từ năm 1997, có diện tích 22.781ha trên cơ sở khu công nghiệp – cảng biển Vũng Áng. Đây là một bộ phận của khu đô thị Vũng Áng và vùng kinh tế Bắc Quảng Bình – Nam Hà Tĩnh. KKT Vũng Áng được thành lập với mục tiêu xây dựng, phát triển thành KKT đa ngành, đa lĩnh vực với các trụ cột như: công nghệ luyện kim, năng lượng, logistics, dịch vụ cảng biển... trở thành trung tâm kinh tế và đô thị phía Nam của tỉnh, phù hợp với phát triển vùng và kết nối với các trung tâm kinh tế trong khu vực. Đặc biệt, KKT Vũng Áng là một trong 5 Khu kinh tế ven biển được Chính phủ lựa chọn để tập trung đầu tư. Xây dựng KKT Vũng Áng trở thành trung tâm công nghiệp luyện thép, công nghiệp phụ trợ, nhiệt điện và cảng biển nước sâu của khu vực miền Trung và cả nước, là 1 trong 3 đầu mối giao thương biển quốc tế của Việt Nam.

1. Nhận diện tiềm năng, lợi thế của Khu kinh tế Vũng Áng

****Vị trí địa lý đặc địa, hạ tầng giao thông thuận lợi***

KKT Vũng Áng được thành lập theo Quyết định số 72/2006/QĐ-TTg ngày 3/4/2006 của Thủ tướng Chính phủ, với tổng diện tích 22.781 ha, bao gồm 9 xã, phường nằm ở phía Nam Thị xã Kỳ Anh. KKT Vũng Áng có địa thế thuận lợi, lưng tựa vào núi, mặt hướng ra biển Đông, cách thành phố Hà Tĩnh gần 70 km về phía Nam, cách sân bay Đồng Hới (Quảng Bình) 50 km về phía Bắc.

Nằm trên trục giao thông Bắc - Nam, hành lang kinh tế Đông - Tây, KKT Vũng Áng rất thuận lợi cho sự giao thương. Từ KKT Vũng Áng, theo Quốc lộ 1A, đường Hồ Chí Minh, đường sắt Bắc - Nam có thể kết nối với các vùng trong cả nước. Bên cạnh đó, theo Quốc lộ 8A và Quốc lộ 12 kết nối với đường Hồ Chí Minh là tuyến đường bộ ngắn nhất từ cảng biển Việt Nam đến Lào và các tỉnh Đông Bắc - Thái Lan. Đặc biệt, tại KKT Vũng Áng có cụm cảng nước sâu Vũng Áng - Sơn Dương được Thủ tướng Chính phủ quy hoạch đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 là cảng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội liên vùng, tiếp chuyên một phần hàng quá cảnh cho Lào và Đông Bắc Thái Lan. Bên cạnh đó, cụm cảng nước sâu Vũng Áng - Sơn Dương có lợi thế độ sâu tự nhiên lớn, hàng năm độ sa

bồi ít nên có thể tiếp nhận được các tàu có trọng tải lớn đến 350.000 DWT, gồm bến cảng tổng hợp, container, hàng rời, hàng lỏng...Cụm cảng này còn có luồng hàng hải ngắn (cách phao số 0 khoảng 1,7 hải lý), thuận lợi để kết nối với các tuyến giao thông hàng hải quốc tế đến các nước Nam Á, Bắc Mỹ và Châu Âu.

Nhằm phát huy lợi thế của cụm cảng biển nước sâu và hạ tầng giao thông liên vùng, Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh đã có quyết định phê duyệt Đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm logistics tại KKT Vũng Áng, tỷ lệ 1/500, quy mô diện tích lập quy hoạch 133,32 ha. Tỉnh đặt mục tiêu hình thành Trung tâm logistics tại KKT Vũng Áng có tầm cỡ khu vực và quốc tế, phục vụ các hoạt động logistics trong tỉnh, khu vực và quốc tế; nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh, góp phần từng bước đưa kinh tế Hà Tĩnh hội nhập sâu vào kinh tế quốc tế. Ngoài ra, KKT Vũng Áng có quỹ đất rộng phù hợp cho xây dựng phát triển công nghiệp và đô thị; với địa hình đa dạng, phong phú, tạo điều kiện để phát triển thương mại, dịch vụ, du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng và đặc biệt là du lịch biển.

**** Chính sách đồng bộ, giải phóng mặt bằng nhanh gọn***

KKT Vũng Áng được hưởng chính sách ưu đãi đối với địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn theo pháp luật về đầu tư. Vì vậy, từ khi ra đời đến nay, các nhà đầu tư vào KKT Vũng Áng đã, đang được hưởng nhiều chính sách ưu đãi, chính sách thu hút đầu tư như: tiền thuê đất, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế xuất, nhập khẩu, hỗ trợ đào tạo nhân lực và hạ tầng kỹ thuật...

Đặc biệt, Đảng bộ, chính quyền tỉnh Hà Tĩnh luôn đồng hành, hỗ trợ nhà đầu tư giải quyết những vướng mắc trong công tác giải phóng mặt bằng cũng như các thủ tục hành chính... Nhờ vậy, nhiều nhà đầu tư trong và ngoài nước đều hài lòng, ghi nhận và đánh giá cao sự phối hợp, hỗ trợ tối đa của cấp ủy, chính quyền các cấp, các sở, ngành trên lĩnh vực cải cách hành chính, giải quyết hồ sơ, thủ tục và công tác giải phóng mặt bằng nhanh gọn. Với những chính sách ưu đãi, nhiều dự án lớn như: Nhà máy luyện cán thép và cảng biển Sơn Dương của Tập đoàn Formosa (Đài Loan), Nhiệt điện Vũng Áng 1, Nhiệt điện Vũng Áng 2, Tổng kho Xăng dầu – dầu khí Vũng Áng, Tập đoàn Vingroup, Tập đoàn An Việt Phát... đã được chính quyền địa phương tập trung giải phóng mặt bằng trong thời gian ngắn nhất, đảm bảo cho nhà đầu tư triển khai dự án đúng tiến độ. Điển hình như dự án Formosa Hà Tĩnh, với diện tích giải phóng mặt bằng hơn 2.000 ha, phải di dời 4.500 hộ dân bị ảnh hưởng, hàng chục nghìn ngôi mộ thuộc 6 xã trong KKT Vũng Áng đã được chính quyền sở tại tổ chức giải phóng mặt bằng “thần tốc” trong thời gian 10 tháng.

**** Là KKT được Tỉnh ủy, Ủy ban nhân tỉnh chủ trương tập trung đầu tư, xây dựng trở thành KKT đa ngành nghề, đa lĩnh vực***

Từ những chính sách “kích cầu” hiệu quả và công tác giải phóng mặt bằng nhanh gọn, KKT Vũng Áng đã trở thành “đất lành” và hiệu quả của các nhà đầu tư.

Đến nay, KKT Vũng Áng đã thu hút 151 dự án đầu tư, gồm 94 dự án trong nước với tổng vốn đăng ký 59.802 tỷ đồng, 57 dự án đầu tư nước ngoài với tổng vốn đăng ký hơn 13,5 tỷ USD, giải quyết việc làm cho gần 20.000 lao động. Đảng bộ, chính quyền tỉnh Hà Tĩnh xác định phát triển KKT Vũng Áng theo hướng đa ngành nghề, đa lĩnh vực, trở thành trung tâm kinh tế và đô thị phía Nam của tỉnh. Ngay đầu nhiệm kỳ 2021-2025, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hà Tĩnh đã ban hành Nghị quyết số 09-NQ/TU *Về phát triển Khu Kinh tế Vũng Áng giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2050*. Nghị quyết xác định rõ quan điểm chỉ đạo: Xây dựng KKT Vũng Áng là nhiệm vụ trọng tâm, trọng điểm trong phát triển kinh tế - xã hội, phù hợp với quy hoạch tỉnh giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; phát triển KKT Vũng Áng theo hướng đa ngành nghề, đa lĩnh vực, trở thành trung tâm kinh tế và đô thị phía Nam của tỉnh, gắn kết chặt chẽ với phát triển kinh tế - xã hội địa phương, phù hợp với phát triển vùng và kết nối với các trung tâm kinh tế trong khu vực; phát triển kinh tế gắn với các vấn đề xã hội, bảo vệ môi trường, đảm bảo quốc phòng - an ninh. Tỉnh ủy chủ trương, huy động mọi nguồn lực của các thành phần kinh tế; phát huy vai trò kinh tế tư nhân, kinh tế có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài; tăng cường thu hút các nhà đầu tư chiến lược, các dự án tạo động lực phát triển vào KKT Vũng Áng.

**** Vùng đất có bề dày lịch sử và giàu truyền thống yêu nước, cách mạng***

Thị xã Kỳ Anh nói riêng và nhân dân Hà Tĩnh nói chung đã có nhiều đóng góp quan trọng cho sự nghiệp bảo vệ, xây dựng và phát triển đất nước. Dù chỉ tồn tại trong một thời gian ngắn song phong trào Xô viết Nghệ - Tĩnh đã để lại những kinh nghiệm quý báu trong đấu tranh giành chính quyền cách mạng; đồng thời, đem lại cho quần chúng nhân dân niềm tin ở sức mạnh của chính mình. Hà Tĩnh là một trong 4 tỉnh đầu tiên của cả nước thiết lập được chính quyền nhân dân.

Trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, quân và dân Hà Tĩnh đã anh dũng chiến đấu không cho kẻ địch đặt chân đến quê hương và làm tròn nghĩa vụ của hậu phương với tiền tuyến, cùng cả nước thực hiện khẩu hiệu

“Tất cả cho tiền tuyến, tất cả để đánh thắng kẻ thù xâm lược”. Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, Hà Tĩnh cùng nhân dân miền Bắc vừa củng cố, phát triển kinh tế, xây dựng chủ nghĩa xã hội, vừa trực tiếp tham gia giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước. Là cửa ngõ quan trọng, nhịp cầu nối của “hậu phương lớn miền Bắc với tiền tuyến lớn miền Nam”, quân dân Hà Tĩnh đã sát cánh bên nhau, “chắc tay súng, vững tay cày”, vừa chi viện sức người, sức của cho tiền tuyến, vừa dũng cảm chiến đấu, đánh bại hai cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân của đế quốc Mỹ. Trong 30 năm chiến tranh giải phóng (1945 – 1975), nhân dân Hà Tĩnh dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh đã chi viện cho tiền tuyến hàng vạn thanh niên, trong đó có 26.473 liệt sỹ, 37.409 thương binh...

Phát huy truyền thống vẻ vang của quê hương, trong 15 năm sáp nhập tỉnh (1976 - 1991), nhân dân hai tỉnh Nghệ An và Hà Tĩnh đã cùng sát cánh bên nhau, chia ngọt sẻ bùi, đồng cam cộng khổ, khắc phục mọi khó khăn để hàn gắn vết thương chiến tranh, từng bước củng cố, xây dựng, phát triển kinh tế - xã hội, tạo nền tảng, tiền đề để tỉnh Nghệ Tĩnh cùng cả nước xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Kể từ ngày tái lập tỉnh (tháng 9 năm 1991) đến nay, Đảng bộ, chính quyền và nhân dân tỉnh Hà Tĩnh cùng cả nước đẩy mạnh công cuộc đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa, tạo nên sự chuyển biến về mọi mặt: Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân hàng năm đạt trên 10%, cao hơn bình quân chung của cả nước; cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực; nhiều mục tiêu đạt và vượt kế hoạch; văn hóa, giáo dục – đào tạo luôn ở trong tốp dẫn đầu của cả nước; chất lượng các hoạt động y tế, truyền thông... được củng cố và nâng cao; đời sống nhân dân không ngừng được cải thiện cả về vật chất và tinh thần; quốc phòng, an ninh được giữ vững, chính trị ổn định. Hơn 30 năm nỗ lực phấn đấu, vượt lên những khó khăn, thử thách, được sự giúp đỡ của Trung ương, các tỉnh bạn, Đảng bộ và nhân dân Hà Tĩnh đã đoàn kết nhất trí, chung sức chung lòng, đẩy mạnh các phong trào thi đua yêu nước thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ đề ra trong từng giai đoạn và đã giành được thành tựu toàn diện trên tất cả các lĩnh vực. Từ một tỉnh nghèo, Hà Tĩnh đã vươn lên trở thành tỉnh có quy mô nền kinh tế đứng thứ 31 của cả nước, đứng thứ 3 khu vực Bắc Trung Bộ

2. Phát huy tiềm năng, thế mạnh, xây dựng KKT Vũng Áng phát triển mạnh mẽ, bền vững

Là Khu kinh tế thu hút được nhiều dự án đầu tư, với tổng vốn đầu tư đăng ký gần 60 nghìn tỷ đồng và tổng vốn đầu tư hơn 13,5 tỷ USD, song KKT Vũng

Áng chưa thu hút được nhiều dự án công nghiệp hỗ trợ. Để xây dựng KKT Vũng Áng trở thành trung tâm kinh tế trong khu vực, phát triển kinh tế gắn với các vấn đề xã hội, bảo vệ môi trường, đảm bảo quốc phòng - an ninh, ngày 22 tháng 11 năm 2021 Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hà Tĩnh ra Nghị quyết số 09 Về phát triển Khu Kinh tế Vũng Áng giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030. Tỉnh ủy chủ trương: “Tạo sự thống nhất cao về nhận thức, hành động của cả hệ thống chính trị và các tầng lớp Nhân dân, xác định xây dựng Khu Kinh tế Vũng Áng là nhiệm vụ trọng tâm, trọng điểm trong phát triển kinh tế - xã hội, phù hợp với Quy hoạch tỉnh giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Phát triển Khu Kinh tế Vũng Áng theo hướng đa ngành nghề, đa lĩnh vực, trở thành trung tâm kinh tế và đô thị phía Nam của tỉnh, gắn kết chặt chẽ với phát triển kinh tế - xã hội địa phương, phù hợp với phát triển vùng và kết nối với các trung tâm kinh tế trong khu vực”¹. Trong đó, gồm các trụ cột: Công nghiệp luyện kim, năng lượng, chế biến, chế tạo; Trung tâm logistics và dịch vụ cảng biển; phát triển thương mại, dịch vụ, tạo nền tảng vững chắc. Phát triển đồng bộ khu liên hợp công nghiệp luyện kim, công nghiệp hỗ trợ, chế biến, chế tạo, trung tâm điện lực gắn với cụm cảng nước sâu Vũng Áng - Sơn Dương; đảm bảo hiệu quả tổng hợp về kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh, bảo vệ môi trường; thúc đẩy tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa; từng bước phát triển thị xã Kỳ Anh trở thành đô thị trung tâm phía Nam; hình thành thành phố Kỳ Anh, liên kết phát triển vùng Nam Hà Tĩnh - Bắc Quảng Bình².

Đảng bộ tỉnh đặt mục tiêu: *Trong những năm 2021 – 2025*, thu hút vốn đăng ký đầu tư mới đạt từ 3,5 tỷ USD - 5,5 tỷ USD (vốn thực hiện từ 60 - 70%); tốc độ tăng giá trị sản xuất công nghiệp, dịch vụ đạt từ 15% - 20%/năm; tổng thu ngân sách trên địa bàn cả giai đoạn đạt từ 55.000 - 60.000 tỷ đồng; hàng hoá thông qua cảng trên 40 triệu tấn/năm; tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa cả giai đoạn đạt từ 7,5 - 8,5 tỷ USD; giải quyết việc làm trên 25.000 lao động. *Trong những năm 2026 – 2030*, thu hút vốn đăng ký đầu tư mới đạt từ 4 tỷ USD - 7 tỷ USD (vốn thực hiện từ 60 - 70%); tốc độ tăng giá trị sản xuất công nghiệp, dịch vụ đạt từ 15% - 20%/năm; tổng thu ngân sách trên địa bàn cả giai đoạn đạt từ 100.000 - 120.000 tỷ đồng; hàng hoá thông qua cảng trên 60 triệu tấn/năm; tổng

¹ Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hà Tĩnh: Nghị quyết số 09-NQ/TU, ngày 22 tháng 11 năm 2021 Về phát triển Khu Kinh tế Vũng Áng giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030, tr2.

² Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hà Tĩnh: Nghị quyết số 09-NQ/TU, ngày 22 tháng 11 năm 2021 Về phát triển Khu Kinh tế Vũng Áng giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030, tr3.

kim ngạch xuất khẩu hàng hóa cả giai đoạn đạt từ 12 tỷ USD - 14 tỷ USD; giải quyết việc làm trên 30.000 lao động³.

Để đạt được mục tiêu đầy tham vọng đó, nhằm xây dựng KKT Vũng Áng phát triển nhanh, bền vững cần chú ý những vấn đề sau:

Thứ nhất, thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ và giải pháp mà Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh đề ra

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức của các cấp ủy, chính quyền, các ban, ngành, Mặt trận và các đoàn thể chính trị - xã hội của tỉnh về vị trí, tầm quan trọng phát triển Khu Kinh tế Vũng Áng. Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng, phát huy sức mạnh của hệ thống chính trị để phát triển Khu Kinh tế Vũng Áng. Các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các sở, ban, ngành, đoàn thể phối hợp chặt chẽ với Ban Quản lý Khu Kinh tế tỉnh thực hiện đồng bộ các giải pháp phát triển Khu Kinh tế Vũng Áng, gắn với nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh của các địa phương, đơn vị

- Nghiên cứu điều chỉnh quy hoạch, mở rộng quy mô Khu Kinh tế Vũng Áng; ưu tiên quy hoạch quỹ đất xây dựng các khu chức năng, khu công nghiệp, thương mại, dịch vụ quy mô lớn. Tổ chức lập mới, điều chỉnh quy hoạch phân khu xây dựng, quy hoạch chi tiết xây dựng các khu chức năng trong Khu kinh tế, gắn kết với Quy hoạch vùng thị xã Kỳ Anh và huyện Kỳ Anh, Quy hoạch vùng Nam Hà Tĩnh - Bắc Quảng Bình, phù hợp với Quy hoạch tỉnh. Tăng cường công tác quản lý quy hoạch. Xây dựng Quy hoạch chi tiết phát triển vùng đất, vùng nước cảng biển Hà Tĩnh, trong đó có cảng Vũng Áng - Sơn Dương, giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, hội nhập quốc tế và đảm bảo quốc phòng - an ninh.

- Tập trung nguồn lực đầu tư các công trình hạ tầng thiết yếu, xây dựng và phát triển cảng Vũng Áng - Sơn Dương, Trung tâm logistics, tăng cường khai thác dịch vụ cảng biển. Xây dựng và phát triển cảng Vũng Áng - Sơn Dương, tăng cường khai thác dịch vụ cảng biển. Nâng cao năng lực tiếp nhận tàu trọng tải lớn gắn với năng lực bốc xếp hàng hóa qua cảng; khai thác tối đa hiệu quả tiềm năng, lợi thế của cảng biển Vũng Áng. Thúc đẩy hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa; hỗ trợ các hãng tàu biển và phát triển tuyến vận chuyển hàng hóa bằng container qua cảng Vũng Áng.

³ Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hà Tĩnh: Nghị quyết số 09-NQ/TU, ngày 22 tháng 11 năm 2021 Về phát triển Khu Kinh tế Vũng Áng giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030, tr4.

- Nâng cao hiệu quả các chính sách thu hút, xúc tiến đầu tư, hỗ trợ doanh nghiệp, nhà đầu tư. Nghiên cứu ban hành các chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư có tính đột phá vào KKT Vũng Áng. Thường xuyên rà soát, đánh giá việc thực hiện các quy định, chính sách thu hút đầu tư để sửa đổi, bổ sung phù hợp với tình hình thực tiễn. Ưu tiên thu hút các dự án chế biến, chế tạo sau thép có công nghệ cao, thân thiện môi trường, sử dụng đất tiết kiệm, hiệu quả, phù hợp với nhu cầu, định hướng đầu tư, sử dụng lao động có trình độ chuyên môn kỹ thuật cao. Thúc đẩy hoạt động hợp tác giữa các doanh nghiệp trong Khu kinh tế với Khu liên hợp gang thép Formosa, hình thành chuỗi liên kết sản xuất công nghiệp sau thép.

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước. Tập trung xử lý các tồn đọng, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, hỗ trợ nhà đầu tư, doanh nghiệp tiếp cận pháp lý đầu tư vào KKT Vũng Áng. Tiếp tục phân cấp, phân quyền, phát huy vai trò, tính chủ động, sáng tạo của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh, gắn với kiểm tra, giám sát và tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước của các cấp, các ngành. Tăng cường phối hợp giữa Ban Quản lý Khu Kinh tế tỉnh với các sở, ban, ngành, địa phương liên quan, nhất là thị xã Kỳ Anh trong công tác quản lý nhà nước trên địa bàn Khu Kinh tế.

- Quan tâm phát triển nguồn nhân lực, đáp ứng yêu cầu phát triển của KKT Vũng Áng. Nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực, tập trung nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu của các ngành nghề, các dự án đầu tư tại Khu Kinh tế. Phối hợp, tạo điều kiện để các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, các trung tâm dịch vụ việc làm triển khai đào tạo nghề, cung ứng nguồn lao động cho KKT Vũng Áng. Khuyến khích các nhà đầu tư, doanh nghiệp ưu tiên tiếp nhận, đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho lao động địa phương, vùng tái định cư, vùng bị ảnh hưởng do triển khai các dự án.

- Tập trung thực hiện tốt công tác bồi thường, hỗ trợ tái định cư, giải phóng mặt bằng; tăng cường công tác quản lý đất đai. Ưu tiên nguồn lực thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ tái định cư, giải phóng mặt bằng, tạo quỹ đất để thu hút đầu tư; đề cao trách nhiệm của cấp ủy đảng, chính quyền địa phương trong thực hiện giải phóng mặt bằng. Tăng cường công tác quản lý đất đai trên địa bàn Khu Kinh tế; kiên quyết xử lý các hành vi vi phạm, thu hồi đất đối với các dự án đã có chủ trương đầu tư nhưng không triển khai hoặc chậm tiến độ theo quy định.

- Tăng cường công tác bảo vệ môi trường, phòng, chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu. Thực hiện các giải pháp thu gom, xử lý nước thải

trong Khu Kinh tế; kiểm soát chặt chẽ quá trình xây dựng, vận hành hệ thống xử lý nước thải, quy trình thu gom, xử lý chất thải công nghiệp, chất thải nguy hại; kiên quyết xử lý nghiêm đối với các doanh nghiệp gây ô nhiễm môi trường; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra công tác bảo vệ môi trường của các dự án đầu tư, nhất là các dự án có khả năng ảnh hưởng lớn đến môi trường.

- Kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với đảm bảo quốc phòng - an ninh, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Thẩm định chặt chẽ yếu tố quốc phòng - an ninh đối với công tác quy hoạch và các tập đoàn, doanh nghiệp, các dự án đầu tư vào Khu Kinh tế theo quy định của pháp luật. Đẩy mạnh công tác phối hợp giữa các lực lượng quân sự, công an, biên phòng với Ban Quản lý Khu Kinh tế tỉnh và các sở, ngành liên quan trong thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội và nhiệm vụ quốc phòng quân sự trên địa bàn. Chủ động phương án, lực lượng sẵn sàng ứng phó, phòng, chống thiên tai, tìm kiếm cứu hộ, cứu nạn, phòng cháy, chữa cháy, phòng, chống các loại dịch bệnh, sự cố môi trường. Thực hiện tốt công tác quản lý lao động nước ngoài làm việc tại KKT Vũng Áng và trên địa bàn.

Thứ hai, khai thác và phát huy tiềm năng về tài nguyên, địa lý và không gian liên kết kinh tế của các tỉnh miền Trung

Khai thác hiệu quả nguồn tài nguyên, vị trí địa lý, kinh tế-xã hội, giúp tỉnh Hà Tĩnh rút ngắn khoảng cách với các vùng phát triển khác trong các lĩnh vực. Triệt để tranh thủ lợi thế về nguồn tài nguyên như: mỏ sắt Thạch Khê, mỏ titan để phát triển ngành công nghiệp thép. Ngoài ra, phát triển mạnh mẽ công nghiệp gắn với khai thác cảng biển, định hướng xuất khẩu. Đẩy mạnh xây dựng và hoàn thiện khu liên hợp cảng thông ra biển của vùng Bắc Trung Bộ. Trong đó, chú trọng triển khai việc đầu tư, khai khẩn có kế hoạch liên hợp cảng Vũng Áng- Sơn Dương, phát triển các dịch vụ cảng và dịch vụ vận chuyên biển một cách hợp lý.

Phát huy hiệu quả trục giao thông Bắc - Nam, hành lang kinh tế Đông - Tây để kết nối với các vùng trong cả nước. Triệt để khai thác hệ thống cảng biển, đặc biệt là cụm cảng nước sâu Vũng Áng - Sơn Dương, với độ sâu tự nhiên lớn. Tăng cường liên kết với các tỉnh phía Bắc và phía Nam của tỉnh và liên kết Việt Nam - Lào và các tỉnh Đông Bắc - Thái Lan.

Thứ ba, phát huy sự năng động, sáng tạo, tập trung thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ đột phá gắn với cơ cấu lại và đổi mới mô hình tăng trưởng kinh tế

Trong bối cảnh mới, tỉnh cần phát huy sự năng động, sáng tạo của Đảng bộ, chính quyền tỉnh để tạo bước đột phá trong phát triển kinh tế - xã hội, với 4 trụ cột: công nghiệp chế biến, chế tạo, năng lượng; nông nghiệp; dịch vụ, du lịch; dịch vụ cảng biển và logistics cùng 3 nền tảng: nguồn lực con người; cơ sở hạ tầng; hoàn thiện thể chế, cơ chế chính sách, cải thiện môi trường kinh doanh. Xây dựng đồng bộ hệ thống giao thông, đặc biệt là các tuyến đường có vai trò quan trọng đối với phát triển kinh tế - xã hội và quốc phòng, an ninh của tỉnh; hạ tầng cửa khẩu và giao thông cho thương mại qua biên giới, hành lang kinh tế Đông - Tây. Chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư gắn với phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao. Tập trung xây dựng chính quyền điện tử, hướng tới chính quyền số để quản lý nhanh hơn, minh bạch, hiệu quả hơn; thúc đẩy việc áp dụng các công nghệ để chuyển đổi hệ thống sản xuất - kinh doanh, tối ưu hóa phân bổ nguồn lực; thúc đẩy khoa học - công nghệ và nghiên cứu phát triển, bảo đảm năng lực cạnh tranh chiến lược... Chú trọng cải thiện môi trường đầu tư. Tỉnh cần duy trì và giữ vững Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh nhằm thúc đẩy thu hút ngày càng nhiều các nhà đầu tư có quy mô lớn, thương hiệu để đầu tư dự án then chốt trên các lĩnh vực với công nghệ hiện đại, hàm lượng trí tuệ cao, thân thiện với môi trường... Khuyến khích và đẩy mạnh khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo và tạo lập môi trường thuận lợi, có cơ chế hỗ trợ hoạt động; thúc đẩy hình thành và phát triển doanh nghiệp, dự án khởi nghiệp sáng tạo; xây dựng văn hóa khởi nghiệp và thúc đẩy tinh thần khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trong toàn xã hội.

Đẩy mạnh chương trình hợp tác phát triển vùng, trong đó, chú trọng liên kết xây dựng tuyến du lịch hành lang kinh tế Đông - Tây; kết nối hình thành chuỗi liên kết sản xuất - chế biến - tiêu thụ nông sản, các sản phẩm lợi thế của các tỉnh trong vùng nhằm giúp doanh nghiệp định hướng xây dựng chiến lược phát triển, cải tiến chất lượng sản phẩm, tìm kiếm những thị trường tiềm năng. Chú trọng các hoạt động liên kết xúc tiến đầu tư, thương mại, du lịch, vận tải, giáo dục - đào tạo, y tế. Đẩy mạnh chương trình hợp tác phát triển liên kết kinh tế Đông - Tây, Bắc Hà Tĩnh - Nam Nghệ An, Nam Hà Tĩnh - Bắc Quảng Bình.

Thứ tư, khơi dậy và phát huy ý chí, quyết tâm và khát vọng phát triển của con người Hà Tĩnh

Cùng với việc phát huy các tiềm năng, thế mạnh về địa lý, điều kiện tự nhiên, tỉnh phải triệt để khơi dậy và phát huy tốt nhất truyền thống, bản lĩnh, ý chí và khát vọng vươn lên của con người và mỗi doanh nghiệp hoạt động trên

đất Hà Tĩnh. Chú trọng phát huy truyền thống quê hương “trung dũng kiên cường”, phát huy bản lĩnh, trí tuệ và sức mạnh đại đoàn kết của các dân tộc, tôn giáo trên địa bàn tỉnh, tiếp tục kiên định sứ mệnh, khơi dậy khát vọng vươn lên, phấn đấu xây dựng Hà Tĩnh trở thành tỉnh phát triển nhanh và bền vững.

Trong bối cảnh mới, phải đặc biệt quan tâm xây dựng con người Hà Tĩnh phát triển toàn diện, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững. Đồng thời, xây dựng cơ chế, chính sách phát triển nguồn nhân lực theo hướng đào tạo phát triển năng lực tiếp cận, tư duy sáng tạo và khả năng thích ứng với môi trường công nghệ số; đổi mới cơ chế khuyến khích, thu hút, sử dụng hiệu quả, đãi ngộ, tôn vinh nguồn nhân lực chất lượng cao. Tập trung đầu tư phát triển con người toàn diện về nhân cách, đạo đức, thể chất, trí tuệ, năng lực sáng tạo và khả năng hội nhập với thế giới.

CÁC NGUỒN LỰC VÀ DƯ ĐỊA PHÁT TRIỂN CỦA KHU KINH TẾ VŨNG ÁNG - TIẾP CẬN TỪ XU HƯỚNG PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ KINH TẾ, CẢNG BIỂN PHỨC HỢP

PGS.TS Ngô Tuấn Nghĩa

*Viện trưởng Viện Kinh tế chính trị học
Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh*

Tóm tắt: Phát triển Khu Kinh tế Vũng Áng trở thành không gian khu kinh tế phức hợp là phù hợp với xu hướng phát triển trên nền lợi thế so sánh đặc sắc của địa phương trong liên kết vùng Trung bộ. Từ cách tiếp cận như vậy sẽ thấy được rất nhiều nguồn lực và dư địa phát triển của Vũng Áng trong những năm tới. Tuy nhiên, để khai thác được các nguồn lực và dư địa triển vọng như vậy, việc tiếp tục tạo sinh thái thể chế thông thoáng hơn nữa cần được coi là giải pháp mang tính đột phá cả trong ngắn hạn cũng như trung hạn.

Từ khóa: Khu Kinh tế Vũng Áng, dư địa phát triển.

1. Phát triển kinh tế, cảng biển phức hợp trong xu hướng tác động của cách mạng công nghiệp lần thứ tư (4.0)

Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang tạo ra những tiền đề mang tính chất phát triển nhảy vọt về chất trong cấu trúc lực lượng sản xuất cũng như từ đó kéo theo việc đổi mới cách thức quản trị phát triển của tầm các quốc gia cũng như địa phương. Thích ứng và đi đúng vào xu thế phát triển khách quan như vậy sẽ là một nguồn lực cho sự phát triển của các địa phương vốn có thể được xem là bất lợi thế. Việc phát triển kinh tế, cảng biển phức hợp theo hướng quản trị tự chủ đang trở thành yêu cầu khách quan trong bối cảnh hiện nay và những năm tới.

Xét về mặt mô hình quản trị phát triển, tổng kết thực tiễn các khu kinh tế, cảng biển phức hợp trong không gian các địa phương, quốc gia hướng biển và dựa trên lợi thế về biển hiện nay, có nhiều mô hình rất có giá trị có thể tham chiếu các kinh nghiệm cho các nước đang phát triển như Việt Nam nói chung và Hà Tĩnh nói riêng.

Một là, mô hình phát triển kinh tế, cảng biển phức hợp kiểu của World Bank hiện đại hiện nay. Theo mô hình này, các khu kinh tế, cảng biển phức hợp được tổ hợp trong không gian gắn với biển và định hình hướng biển với cảng biển là hạt nhân. Trong đó, cách thức quản trị phát triển hạt nhân cảng biển và kinh tế phức hợp gắn với cảng biển có thể được thực hiện theo nhiều cách khác

nhau. Trước hết có thể kể đến là mô hình cảng dịch vụ công. Trong mô hình này, toàn bộ vùng đất, kết cấu hạ tầng cảng và xung quanh không gian kinh tế cảng được quản lý bởi nhà nước. Hệ thống logistics liên hoàn, hiện đại thuộc về sở hữu của Nhà nước nhằm khai thác phát triển theo chiến lược và tầm nhìn của Nhà nước. Bên cạnh đó, mô hình cảng hạt nhân là cảnh công cụ cũng đang được nhiều quốc gia áp dụng. Trong đó, có sự phân tách và phân cấp trách nhiệm giữa nhà nước và tư nhân. Nhà nước sở hữu vùng đất, không gian kinh tế, vùng nước cảng biển, các nhà đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng cảng biển, bao gồm kết cấu hạ tầng cảng biển và hạ tầng trong không gian kinh tế gắn với định hướng hạt nhân phức hợp cảng biển. Việc cung cấp các dịch vụ và khai thác hiệu quả kinh tế của khu kinh tế - cảng biển được phân cấp, phân định cho các chủ thể tư nhân cùng tham gia. Theo mô hình này, nguồn lực thực hiện đầu tư và khai thác được kết hợp từ cả nguồn khu vực công và khu vực tư. Ngoài ra, cũng theo mô hình quản trị phát triển của WB, còn có mô hình quản trị phát triển không gian kinh tế phức hợp với hạt nhân là cảng biển theo cấu trúc chủ cảng. Với mô hình này, chủ cảng nhà nước sở hữu toàn bộ vùng đất, vùng nước liên quan, đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng (bao gồm cả kết cấu hạ tầng công cộng cảng biển cũng như kết cấu hạ tầng cảng biển, và các hạ tầng liên hoàn trong không gian kinh tế phức hợp với cảng biển mang tính hạt nhân). Tổ chức tư nhân được thuê hệ thống hạ tầng chủ cảng đã đầu tư để khai thác và thực hiện lợi ích. Các loại hình dịch vụ, sản xuất kinh doanh liên quan được thực hiện bởi các chủ thể đa dạng khác nhau. Phái sinh của mô hình quản trị không gian khu kinh tế cảng biển còn có mô hình chủ cảng tư nhân. Theo mô hình này, tổ chức tư nhân được giao quyền sử dụng toàn bộ không gian phát triển và thực hiện các quy hoạch phát triển được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Cách thức này mang hình thái của các đặc khu kinh tế.

Theo mô hình tổng kết của WB, các cách thức quản trị phát triển không gian kinh tế biển, cảng biển phức hợp dù khác nhau dưới các dạng thức song có điểm chung là đều đảm bảo tăng tính tự chủ cho các chủ thể trong khai thác không gian và thực hiện các kế hoạch kinh doanh trên cơ sở yêu cầu phát triển mang tính chiến lược quốc gia đã được phê duyệt.

Ưu điểm của các mô hình quản trị phát triển kiểu WB cho thấy, toàn bộ các quá trình hiện đại hóa không gian kinh tế phức hợp đều được tính toán đồng bộ dựa trên hệ thống hạ tầng, logistics phức hợp, hiện đại theo yêu cầu mới, đảm bảo phù hợp với chiến lược, kế hoạch phát triển của quốc gia. Trong đó, việc

giải quyết các mối quan hệ phân cấp, phân quyền quản trị phát triển và huy động nguồn lực được đa dạng hóa, thích ứng với xu hướng phát triển ngày càng dân chủ hóa và trao quyền cho địa phương, đảm bảo hài hòa lợi ích cũng như lợi thế phát triển. Nguồn lực được huy động kết hợp thế mạnh của nhà nước và thị trường. Trong đó, nhà nước dùng nguồn lực để kích hoạt, dẫn dắt những khâu quan trọng có tính lan tỏa và đột phá. Các nguồn lực tư nhân thực hiện dẫn dắt phát triển theo yêu cầu thị trường. Nhìn chung, tính linh hoạt trong đầu tư xây dựng hạ tầng được áp dụng theo nghĩa huy động nguồn lực và dựa trên căn cứ là chiến lược phát triển, đảm bảo sự không trùng chéo trong không gian phát triển mang tính liên kết vùng hoặc không gian tổng hợp quốc gia.

Hai là, mô hình quản trị chính quyền tự chủ trong không gian phát triển kinh tế, càng biến phức hợp. Mô hình phát triển này đang được sử dụng thích ứng với thành tựu quản trị phát triển hiện đại của các nước phát triển hiện nay. Do sự phát triển của công nghệ mà cấu trúc chính quyền tự chủ trong không gian phát triển kinh tế, càng biến phức hợp đã được các nước phát triển (Hà Lan, Canada, Anh...) áp dụng phổ biến. Theo đó, có sự kết hợp quản trị phát triển của chính quyền trung ương hoặc chỉ có chính quyền địa phương. Đa số là có sự kết hợp vai trò quản trị phát triển phức hợp của cả chính quyền trung ương và chính quyền địa phương. Theo trình độ phát triển này, chính quyền địa phương có càng biến là hạt nhân trong không gian kinh tế phức hợp, liên hoàn được chủ động có địa vị pháp lý độc lập tương đối riêng thuận lợi. Trong đó, việc thực hiện quy hoạch phát triển đã được phê duyệt bởi cấp trung ương sẽ là căn cứ để đánh giá mức độ tuân thủ sự phát triển chung ở tầm cả quốc gia. Thậm chí, có quốc gia cho phép chính quyền địa phương trong không gian kinh tế, càng biến phức hợp được quyền tự chủ mạnh mẽ nhất như một chủ thể chủ động trong kế hoạch và chiến lược phát triển ở góc độ khai thác nguồn lực. Việc khai thác nguồn lực, kêu gọi đầu tư không nhất thiết phải có sự chỉ đạo của chính quyền cấp trung ương. Trong mô hình tự chủ cao này, dư địa phát triển của các khu kinh tế, càng biến phức hợp là rộng mở và sự tự chủ của chính quyền địa phương cũng có dư địa rộng rãi hơn cả.

Trong cơ chế tự chủ, chính quyền địa phương được tự sắp xếp, tổ chức bộ máy quản trị phát triển, quyền tự chủ cân đối nguồn lực và tự chủ trong điều chỉnh các mức thuế, phí phù hợp để tạo dư địa phát triển dài hạn. Các quy chế về huy động, hợp tác công tư và các nguồn lực dưới các dạng thức khác nhau được trao quyền chủ động cho các chủ thể quản trị phát triển địa phương.

Như vậy, xu thế phát triển mang tính phức hợp kinh tế, cảng biển của các không gian kinh tế có điều kiện, tiềm năng về biển hiện nay đang trở thành khách quan dưới tác động của cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Việc phát triển của Khu Kinh tế Vũng Áng của tỉnh Hà Tĩnh cũng không thể tách rời xu hướng phát triển khách quan đó. Và theo xu thế phát triển khách quan đó chắc chắn sẽ có nhiều dự địa cũng như nguồn lực để phát triển.

2. Dự địa và nguồn lực – điều kiện thiết thực cho Khu Kinh tế Vũng Áng cất cánh trong những năm tới

Trước hết, bàn về dự địa phát triển, như đã chỉ ra trên đây, trong không gian địa lý phức hợp với tiềm năng hết sức phong phú chưa được khai phát, các dự địa phát triển của Vũng Áng đang rất rộng mở. Với diện tích tự nhiên là 22.781 ha, bao gồm toàn bộ các xã: Kỳ Nam, Kỳ Phương, Kỳ Lợi, Kỳ Long, Kỳ Liên, Kỳ Thịnh, Kỳ Trinh, Kỳ Hà và Kỳ Ninh thuộc huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh, Vũng Áng xứng tầm là một trong những trung tâm của Vùng về phát triển kinh tế, cảng biển phức hợp. Với lợi thế về biển, cảng nước sâu là hạt nhân, trong không gian mặt tiền biển rộng lớn, với phạm vi lợi thế về biển, sự kết nối hạ tầng giao thông liên hoàn, nằm trên trục Bắc Nam, các giao thương sôi động trong không gian AEC của toàn bộ ASEAN, khó có thể phủ nhận rằng dự địa phát triển của Vũng Áng là hạn hẹp. Chỉ xét riêng về lợi thế không gian, tính chất phức hợp cả địa bàn đất liền, cảng biển là tiền đề, lợi thế mà Vũng Áng có thể khai thác theo hướng phức hợp là hoàn toàn khả thi. Thêm vào đó, xu thế phát triển kinh tế phức hợp gắn với lợi thế biển đang được các quốc gia, địa phương khai thác tối ưu càng làm cho Vũng Áng có tiềm năng để bật lên năng lực phát triển của mình trong thời gian không xa. Từ đó, hoàn toàn có căn cứ và cơ sở để Khu Kinh tế Vũng Áng phát triển theo hướng khai thác dự địa của khu kinh tế, cảng biển phức hợp. Trong không gian kinh tế, cảng biển phức hợp đó, dự địa về dịch vụ kinh tế tổng hợp, kinh tế biển, kinh tế cảng biển, kinh tế tài nguyên, không gian giao lưu phát triển và gắn kết phát triển theo trục, vùng, tuyến, liên kết vùng và liên kết quốc tế là hết sức rộng mở, Không những vậy, dự địa để Vũng Áng trở thành cảng quốc tế phục vụ cho không chỉ Việt Nam mà còn là cảng quá cảnh cho nước bạn Lào càng trở thành dự địa lớn và tương lai phát triển tốt.

Về các nguồn lực, dễ nhận thấy hơn cả phải kể tới nguồn lực không gian và nguồn lực đất đai mà Khu Kinh tế Vũng Áng đang sở hữu. Diện tích không gian rộng lớn, có đầy đủ các điều kiện để khai thác phục vụ cho nhiều loại hình

ngành kinh tế phức hợp hiện đại khác nhau. Từ đó có thể thấy, nguồn lực đất đai của Khu Kinh tế Vũng Áng cần phải được coi như vàng ròng cần phải được khai thác một cách tiết kiệm và thực sự hiệu quả.

Tiếp đến, nguồn lực biển rộng mở cũng được xem xét là lợi thế phát triển của Vũng Áng. Sự gắn kết nguồn lực đất đai, nguồn lực biển là cặp nguồn lực đặc biệt quý giá mà không phải không gian địa phương nào cũng có được.

Cùng với đó, hệ thống hạ tầng kinh tế, kỹ thuật được đầu tư trọng tâm, trọng điểm từ gần 20 năm trở lại đây cũng là nguồn lực đặc biệt tốt mà cần phải khai thác hiệu quả. Từ đó phục vụ cho sự kiên kết kinh tế, trong không gian kinh tế, cảng biển phức hợp. Mặc dù còn hạn chế nhất định, song với mặt bằng các khu kinh tế hiện nay, việc nhìn nhận hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế kỹ thuật hiện có như là một loại nguồn lực là hết sức thỏa đáng.

Không chỉ có vậy, nguồn lực cho quá trình phát triển khu kinh tế, cảng biển Vũng Áng còn có thể tới từ quốc tế. Với công năng phục vụ không chỉ của Việt Nam đi ra quốc tế, nguồn lực của mang tính tiềm năng trong những năm tới của nước bạn Lào cũng cần được khai thác bổ sung cho sự phát triển của Vũng Áng thời gian tới.

Cùng với các loại nguồn lực hiện đó, nguồn lực về thể chế, ý chí và chủ trương phát triển của Trung ương, quyết tâm phát triển của địa phương cũng có thể được nhìn nhận là nguồn lực thực sự đối với sự phát triển của Vũng Áng trong thời gian trung hạn.

Không chỉ có vậy, ngay từ trong ý tưởng phát triển và hình thành Khu Kinh tế Vũng Áng, Trung ương đã tính toán tới việc khai thác các nguồn lực tài nguyên thiên nhiên trên toàn bộ không gian tỉnh Hà Tĩnh và cả khu vực vùng theo hướng tăng cường liên kết ngang theo địa phương cũng như liên kết dọc theo chuỗi giá trị ngành luyện kim, logistics cũng là nguồn lực hết sức quan trọng. Các nguồn lực phong phú như vậy, chắc chắn đang là tiềm năng không thể không góp phần chuyển hóa thành động lực để Vũng Áng phát triển trong những năm tới.

Tuy nhiên, bên cạnh đó cũng cần nhìn nhận khách quan, sự hạn hẹp về nguồn lực tại chỗ, nhất là nguồn lực tài chính, nguồn nhân lực chất lượng cao, nguồn lực thể chế còn thiếu đồng bộ đang là điểm nghẽn cho sự phát triển của Khu Kinh tế Vũng Áng hiện nay.

Với nguồn lực tài chính, trong bối cảnh tác động khó khăn của đại dịch Covid-19, sự đứt gãy các chuỗi cung ứng, sự suy giảm sức cầu trên phạm vi thị trường thế giới, nguy cơ bùng phát khủng hoảng kép đang diễn ra trong lòng các quốc gia phát triển đang trở thành trở ngại chính cho việc huy động nguồn lực đầu tư từ các nhà đầu tư vào Khu Kinh tế Vũng Áng. Thêm vào đó, sự cạnh tranh mang tính chất ngày càng gay gắt trong xu thế tìm hãm công nghệ giữa các quốc gia cũng đang trở thành điểm nghẽn cho Khu Kinh tế Vũng Áng có thể thu hút được những nhà đầu tư, công nghệ hiện đại đẳng cấp làn sóng cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Nguy cơ của việc phát triển thiếu liên tục và công nghệ phiên bản trình độ thấp không phải là không có. Với những điểm nghẽn như vậy, nếu không có những giải pháp đột phá về sinh thái thể chế mới hơn nữa, sẽ làm cho việc phát huy dư địa và nguồn lực của Khu Kinh tế Vũng Áng gặp rào cản nhiều hơn.

3. Tiếp tục hoàn thiện sinh thái thể chế theo hướng hiện đại để thúc đẩy khơi thông dư địa và nguồn lực cho phát triển Khu Kinh tế Vũng Áng trong những năm tới

Như đã chỉ ra, các mô hình quản trị phát triển mới thường nhấn mạnh việc phân cấp và trao quyền mạnh mẽ cho địa phương. Kết hợp nhà nước – thị trường – xã hội trong huy động nguồn lực và khơi dậy tiềm năng là phương thức tối ưu để thúc đẩy phát triển kinh tế phức hợp. Với ý nghĩa như vậy, một số hàm ý có thể đề xuất để các cơ quan trung ương và địa phương quan tâm hoàn thiện sinh thái thể chế cho Khu kinh tế Vũng Áng phát triển bao gồm:

Thứ nhất, thực hiện sơ kết thường xuyên và tổng kết, rà soát hệ thống các quy định hiện có về quản lý và hoạt động của Khu Kinh tế Vũng Áng từ năm 2006 trở lại đây, trên cơ sở đó chỉ ra những điểm đã lạc hậu, chưa cụ thể, thiếu đồng bộ để xây dựng các quy định vận hành mới, phù hợp với yêu cầu phát triển mới. Từ đó có căn cứ để Khu Kinh tế Vũng Áng có nguồn lực mới. Việc khơi thông nguồn lực đất đai, cảng biển, không gian cần được xem xét điều chỉnh, trao quyền sao cho đảm bảo mức độ thuận lợi hơn nữa để giảm thiểu thời gian phê duyệt dự án và thực hiện các thủ tục trình ký qua nhiều tầng thẩm định rất công phu và có phần phức tạp.

Thứ hai, đi đôi với việc rà soát, cần xây dựng những tiêu chuẩn về công nghệ, về yêu cầu kỹ thuật, về đảm bảo an toàn, an ninh, các chỉ số cảnh báo nguy cơ... để các cơ quan liên quan cấp thẩm quyền địa phương có bộ công cụ để thực hiện giám sát, thúc đẩy các chủ thể hoạt động cũng như các cơ quan

trung ương, các cơ quan thẩm định có căn cứ để lựa chọn các nhà đầu tư phù hợp vào Khu Kinh tế.

Thứ ba, cùng với việc xây dựng các bộ công cụ về tiêu chuẩn, hệ sinh thái thể chế cho việc giám sát hoạt động, ngăn ngừa các xung đột lợi ích tiềm tàng cần phải được chú ý xây dựng mới. Việc phát triển Khu Kinh tế, cảng biển phức hợp đòi hỏi quá trình giám sát vừa chặt chẽ song vừa phải thông thoáng đòi hỏi phải có hệ thể chế khoa học và hiện đại. Tránh việc lạm dụng các quy định để gây khó khăn cho các doanh nghiệp cũng như khó khăn cho chính bộ máy quản trị phát triển.

Ngoài ra, theo xu thế chung mới nhất hiện nay, để Khu kinh tế Vũng Áng trở thành đô thị công nghiệp phức hợp, cảng biển hiện đại, hệ thể chế về phát triển thông minh cần được bổ sung mới, khơi thông các nguồn lực không chỉ là nguồn lực hiện mà cả các nguồn lực ẩn để khai thác tốt nhất dư địa phát triển của Khu Kinh tế Vũng Áng trong tương lai gần.

Tóm lại, việc phát triển Khu Kinh tế Vũng Áng trong tương lai gần là còn nhiều dư địa và lợi thế. Vấn đề mấu chốt ở chỗ, để khai thác được các nguồn lực, tháo gỡ được nhiều điểm nghẽn hiện nay, hệ thể chế khoa học thông minh là hết sức cần thiết cho sự phát triển của Khu Kinh tế Vũng Áng trong hiện tại cũng như thời gian tới./.

ĐẨY MẠNH CÔNG TÁC TUYÊN TRUYỀN, NÂNG CAO NHẬN THỨC VÀ TẦM QUAN TRỌNG PHÁT TRIỂN KHU KINH TẾ VŨNG ÁNG CHO CÁN BỘ, ĐẢNG VIÊN VÀ QUẦN CHÚNG NHÂN DÂN

Lê Văn Khánh

Phó trưởng Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy

Báo cáo Chính trị Đại hội Đảng bộ tỉnh lần XIX nhấn mạnh “Bốn trụ cột - Ba nền tảng” và “Ba đô thị - Một trung tâm - Ba hành lang” làm trọng điểm phát triển kinh tế tỉnh giai đoạn 2021- 2030; trong đó, xác định Khu kinh tế Vũng Áng đóng vai trò là “Một trung tâm”; công nghiệp chế biến, chế tạo, năng lượng, dịch vụ cảng biển, logistics là những trụ cột của nền kinh tế; thị xã Kỳ Anh gắn với Khu Kinh tế Vũng Áng là hạt nhân của đô thị phía Nam; huy động tối đa và sử dụng hiệu quả các nguồn lực xây dựng Khu kinh tế Vũng Áng trở thành khu kinh tế đa chức năng, trung tâm công nghiệp động lực và logistics là một trong ba đột phá chiến lược trong giai đoạn tới. Để thực hiện thành công nhiệm vụ quan trọng này cần huy động tối đa mọi nguồn lực, trong đó đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức và tầm quan trọng phát triển Khu Kinh tế Vũng Áng cho cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân, đây là trách nhiệm của hệ thống chính trị trong đó ngành tuyên giáo với vai trò nòng cốt, chủ lực: *“Đi trước mở đường, đi cùng thực hiện, đi sau tổng kết”*.

Những năm qua, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy đã quan tâm chỉ đạo, triển khai thực hiện đồng bộ công tác tuyên truyền, giới thiệu, quảng bá về vị trí, vai trò, tiềm năng, lợi thế và tầm quan trọng của Khu kinh tế Vũng Áng tạo sự đồng thuận trong cán bộ, đảng viên và các tầng lớp Nhân dân trong tỉnh nói chung và Nhân dân thị xã Kỳ Anh nói riêng đối với việc triển khai xây dựng, phát triển Khu kinh tế Vũng Áng, đồng thời qua đó cũng góp phần thu hút ngày càng nhiều dự án đến đầu tư, giải quyết hàng chục ngàn việc làm cho người lao động tại Khu Kinh tế. Kết quả đó thể hiện rõ nét nhất trên 05 mặt sau:

- Thứ nhất, tuyên truyền tạo dự đồng thuận liên quan đến công tác giải phóng mặt bằng, tái định cư phục vụ dự án.

Sau khi Trung ương có Quyết định số 72/2006/QĐ-TTg ngày 03/4/2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Khu kinh tế Vũng Áng, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy đã chỉ đạo đội ngũ cán bộ tuyên giáo các cấp thông qua các kênh tuyên truyền như: Tuyên truyền miệng, báo cáo viên, giao ban báo chí, hội nghị

cộng tác viên dư luận xã hội, qua truyền thông báo chí và mạng xã hội, tổ chức hàng ngàn lượt tuyên truyền để Nhân dân hiểu đúng bản chất, mục đích và triển vọng tốt đẹp của Khu kinh tế Vũng Áng. Chỉ đạo, phối hợp với Huyện ủy Kỳ Anh ban hành hàng trăm văn bản liên quan đến công tác tuyên truyền phục vụ giải phóng mặt bằng cho các dự án. Chỉ đạo cán bộ các phòng chuyên môn trong Ban và cán bộ các tổ chức, đoàn thể trong hệ thống chính trị cử cán bộ trực tiếp về tại các địa bàn để nắm chắc tình hình, diễn biến tư tưởng, tâm trạng của từng người dân. Trên cơ sở đó, chủ động tuyên truyền, giải thích chủ trương, chính sách, luật pháp đến từng người dân, nhất là những trường hợp trong diện bị thu hồi đất, bị giải tỏa, góp phần tạo sự đồng thuận, chấp hành các chủ trương của Nhà nước. Đối với những trường hợp cá biệt, ban tuyên giáo các cấp đã tranh thủ vai trò, uy tín của các cán bộ về hưu, người cao tuổi, các chức sắc tôn giáo, các linh mục, Ban hành giáo, Ủy ban đoàn kết Công giáo, các giáo xứ, giáo họ để vận động, động viên người dân chấp hành chủ trương, chính sách đền bù, giải tỏa. Nhờ kiên trì, thường xuyên làm tốt công tác tuyên truyền, đã vận động được hơn 3.000 hộ dân tự giác bàn giao đất cho dự án. Hơn 15 nghìn ngôi mộ, 40 nhà thờ, cơ sở thờ tự đã được di dời an toàn lên vùng tái định cư. Việc bàn giao mặt bằng cho các nhà đầu tư đảm bảo đúng tiến độ.

Bên cạnh công tác tuyên truyền tạo sự đồng thuận trong cán bộ, đảng viên và nhân dân về công tác giải phóng mặt bằng, tái định cư phục vụ dự án. Ban Tuyên giáo Tỉnh đã ***tuyên truyền sự phát triển của Khu kinh tế Vũng Áng gắn với điều chỉnh địa giới hành chính của huyện Kỳ Anh, thành lập thị xã Kỳ Anh*** (theo Nghị quyết số 903, ngày 10/4/2015 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội), khẳng định Khu Kinh tế Vũng Áng là khu kinh tế động lực đa ngành, đa lĩnh vực, trong đó có công nghiệp luyện cán thép, nhiệt điện, cảng nước sâu tầm cỡ khu vực và quốc tế; các dự án trọng điểm sau khi đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh sẽ giải quyết việc làm cho hàng ngàn người lao động trên địa bàn, tạo nên thời cơ, vận hội mới để Thị xã Kỳ Anh vươn lên phát triển thành đô thị công nghiệp hiện đại với nền kinh tế xã hội phát triển nhanh, nguồn thu ngân sách đạt mức cao và trở thành đô thị mới xứng tầm là vùng kinh tế động lực của tỉnh và khu vực.

**** Thứ hai, tuyên truyền về môi trường đầu tư của Hà Tĩnh trong đó tập trung giới thiệu về tầm vóc, ý nghĩa của Khu kinh tế Vũng Áng***

Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy đã chỉ đạo các địa phương, đơn vị, ngành liên quan triển khai quán triệt và thực hiện các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo của Trung

ương và của tỉnh liên quan đến Khu kinh tế Vũng Áng như: Nghị định số 82/2018/NĐ-CP, ngày 22/5/2018 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp, khu kinh tế; Quyết định số 1076/QĐ-TTg, ngày 20/8/2007 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Vũng Áng đến năm 2025; Quyết định số 706/QĐ-TTg, ngày 07/6/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2035; Quyết định số 16/2007/QĐ-UBND, ngày 27/4/2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định một số chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư vào Khu kinh tế Vũng Áng và các khu công nghiệp của tỉnh Hà Tĩnh... Kết quả tuyên truyền đã tạo chuyển biến mạnh mẽ trong toàn hệ thống chính trị, năm 2021, Hà Tĩnh có chỉ số PAR INDEX (cải cách hành chính) xếp thứ 8 cả nước và thứ 2 của Bắc Trung Bộ (sau Thừa Thiên Huế); chỉ số SIPAS (hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước) xếp thứ 5 và đứng đầu khu vực Bắc Trung Bộ; chỉ số PAPI (hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh) xếp thứ 7 và chỉ số PCI (năng lực cạnh tranh cấp tỉnh) xếp thứ 27. Những chỉ số này do người dân, doanh nghiệp trong cả nước đánh giá khách quan, phản ánh được phần nào việc môi trường đầu tư tại Hà Tĩnh đã có sự cải thiện mạnh mẽ.

Bên cạnh đó, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy đã tập trung tuyên truyền làm rõ những nội dung liên quan đến Khu kinh tế Vũng Áng được nêu tại các Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI, XVII, XVIII, ***đặc biệt là những định hướng lớn, những nhiệm vụ trọng tâm, đột phá của Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX tạo sự đồng thuận, thống nhất cao trong toàn hệ thống chính trị và Nhân dân***; các nội dung được nêu trong Nghị quyết số 09-NQ/TU, ngày 22/11/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển Khu kinh tế Vũng Áng giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030.

Công tác tuyên truyền về tầm quan trọng của Khu kinh tế Vũng Áng được Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy tiến hành đa dạng, linh hoạt đảm bảo hiệu quả, thiết thực. Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy đã phối hợp với Ban Quản lý Khu Kinh tế Vũng Áng (nay là Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh) biên soạn nhiều tài liệu tuyên truyền giới thiệu về KKT Vũng Áng với các nội dung: Thông tin những nét cơ bản về Khu kinh tế Vũng Áng; các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, lợi ích của việc triển khai các dự án tại Khu kinh tế Vũng Áng; tiềm năng, lợi thế của Khu kinh tế Vũng Áng; Phối hợp tham mưu xây dựng chuyên đề: tiếp tục xây dựng Khu kinh tế Vũng Áng thực sự trở thành động lực chính thức

đẩy phát triển kinh tế Hà Tĩnh nhanh và bền vững (năm 2020)... Hàng năm, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy đã chủ trì, phối hợp tổ chức các Hội nghị báo cáo viên cấp tỉnh trong đó mời lãnh đạo Ban Quản lý các khu kinh tế tỉnh trực tiếp đến báo cáo chuyên đề liên quan đến Khu kinh tế Vũng Áng cho đội ngũ báo cáo viên cấp tỉnh. Chỉ đạo các địa phương, đơn vị tổ chức tuyên truyền về tầm quan trọng của Khu kinh tế Vũng Áng qua hệ thống báo chí, mạng xã hội, qua các hội nghị báo cáo viên, hội nghị sinh hoạt chi bộ, sinh hoạt thường kỳ, trên trang thông tin điện tử, hệ thống truyền thanh cơ sở, bản tin nội bộ. Định kỳ, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức các Hội nghị giao ban báo chí, các cuộc họp báo, các văn bản chỉ đạo để cung cấp thông tin và định hướng tuyên truyền về các chủ trương đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, trong đó có nhiều nội dung liên quan đến Khu kinh tế Vũng Áng, nhấn mạnh quan điểm không đánh đổi môi trường lấy tăng trưởng kinh tế; Khu Kinh tế Vũng Áng đang từng bước khẳng định vai trò đầu tàu thúc đẩy sự phát triển kinh tế Hà Tĩnh và góp phần quan trọng vào tăng trưởng quốc gia. Hiện nay, Khu kinh tế Vũng Áng đóng góp hơn 56% tổng thu ngân sách trên địa bàn tỉnh, trên 95% số thu xuất nhập khẩu, chiếm 90% giá trị sản xuất công nghiệp và 87% tổng kim ngạch xuất nhập khẩu của tỉnh...

Thường xuyên chỉ đạo các cơ quan báo chí trên địa bàn mở các chuyên trang, chuyên mục để tuyên truyền về vị trí, tiềm năng to lớn của Khu kinh tế nhằm kêu gọi thu hút đầu tư. Từ đầu nhiệm kỳ đến nay, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy đã đăng tải 1.250 tin, bài, hình ảnh tuyên truyền về Khu kinh tế Vũng Áng trên các trang Fanpage mạng xã hội do Ban điều hành, quản trị; đăng 25 bài tuyên truyền, giới thiệu về Khu kinh tế Vũng Áng trên Đặc san Thông tin tư Tưởng của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh; xuất bản trên hàng ngàn cuốn TÀI LIỆU THAM KHẢO cho đội ngũ báo cáo viên; duy trì biên tập, sao gửi tài liệu phục vụ thông tin báo cáo viên, cộng tác viên dư luận xã hội và sinh hoạt chi bộ hằng tháng trong đó lồng ghép các nội dung tuyên truyền về Khu kinh tế Vũng Áng...

**** Thứ ba về tuyên truyền đảm bảo ổn định, sản xuất***

Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy đã kịp thời biên tập tài liệu tuyên truyền bảo đảm ổn định tình hình và tiếp tục đẩy mạnh phong trào thi đua lao động sản xuất tại Khu kinh tế Vũng Áng sau sự việc Trung Quốc hạ đặt giàn khoan trái phép trên thềm lục địa và vùng đặc quyền kinh tế của Việt Nam, một số đối tượng quá khích đã kích động công nhân xô xát, đập phá tại công trường Dự án Formosa, gây thiệt hại về người, tài sản của nhà đầu tư, ảnh hưởng nghiêm trọng đến môi

trường đầu tư cũng như việc làm, đời sống, thu nhập của công nhân và người lao động (năm 2014). Liên quan đến nội dung này Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy giao nhiều đồng chí Lãnh đạo, cán bộ trong Ban phối hợp với Ban Quản lý KKT Vũng Áng, Liên đoàn Lao động tỉnh tổ chức hàng trăm cuộc tuyên truyền trực tiếp tại công trường cho hàng chục ngàn công nhân tại KKT qua đó góp phần ổn định tình hình và đẩy mạnh phong trào thi đua lao động sản xuất. Biên soạn “Tài liệu thông tin liên quan đến hoạt động của Khu kinh tế Vũng Áng sau một năm xảy ra sự cố môi trường biển” (năm 2017). Bên cạnh đó, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy đã chỉ đạo các sở, ngành trong khối, Ban Tuyên giáo các huyện, thành, thị ủy, đảng ủy trực thuộc, báo cáo viên, đội ngũ cộng tác viên dư luận xã hội các cấp thường xuyên nắm bắt, phản ánh tình hình công tác tư tưởng, dư luận xã hội liên quan đến các khu kinh tế, khu cụm công nghiệp trên địa bàn. Ban đã kịp thời tổng hợp và đề xuất các nhiệm vụ, giải pháp phù hợp để báo cáo với Ban Tuyên giáo Trung ương, Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Ủy ban Nhân dân tỉnh, kiến nghị các sở, ngành liên quan nhằm giải quyết tốt những vấn đề đặt ra, góp phần giải quyết tốt các vấn đề nảy sinh trên địa bàn.

Chỉ đạo nhóm chuyên gia, lực lượng cộng tác viên Ban Chỉ đạo 35 cấp tỉnh và Ban Chỉ đạo 35 các huyện, thành, thị ủy, đảng ủy trực thuộc về bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh, phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới chủ động phát hiện, đấu tranh phản bác những thông tin sai trái, xuyên tạc lợi dụng sự cố môi trường biển do công ty Formosa gây ra để chống phá, xuyên tạc tình hình kinh tế - xã hội của đất nước và của tỉnh, xuyên tạc về Khu kinh tế Vũng Áng... Hàng năm, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy đã chỉ đạo lực lượng Ban Chỉ đạo 35 các cấp đăng tải, chia sẻ trên hàng trăm tin, bài, hình ảnh phản bác các thông tin sai trái, xuyên tạc về hoạt động của Khu kinh tế, vạch trần những âm mưu thủ đoạn của các đối tượng cố tình lợi dụng vấn đề tại khu kinh tế Vũng Áng như hiện tượng khói màu đen tại các lò cao, hiện tượng nước biển chuyển màu... để kích động và xuyên tạc vấn đề nhằm tạo bất ổn về an ninh trật tự tại các địa bàn lân cận.

**** Thứ tư, tuyên truyền kết nối***

Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy đã phối hợp với Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh, Thị ủy Kỳ Anh đã tổ chức nhiều Hội nghị Báo cáo viên; hàng trăm diễn đàn tuyên truyền, giới thiệu về Khu kinh tế Vũng Áng đến hàng chục ngàn lượt cán bộ đảng viên trong toàn tỉnh. Năm 2015 đã tham mưu cho Tỉnh ủy phối hợp với Ban Tuyên giáo Trung ương Tổ chức Hội nghị Báo cáo viên Trung ương, trong

đó đã mời đội ngũ báo cáo viên 31 tỉnh thành phía Bắc và miền Trung, Tây Nguyên đến tham quan, thực tế tại Khu kinh tế Vũng Áng. Nhằm nâng cao hiệu quả quảng bá hình ảnh, tiềm năng, lợi thế của Khu kinh tế Vũng Áng, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy đã phối hợp với Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh tổ chức cho nhiều đoàn công tác nước ngoài, các đoàn công tác của các bộ, ngành, địa phương, các đoàn làm phim, đoàn báo chí trong nước, cán bộ, đảng viên và Nhân dân trong tỉnh đi tham quan, khảo sát, thực tế, tác nghiệp tại các công trình, dự án đã và đang triển khai trong Khu kinh tế Vũng Áng như: Cảng Vũng Áng; Nhà máy nhiệt điện Vũng Áng, Nhà máy Gang thép Formosa, Nhà máy Sản xuất Pin VinES, Hệ thống hồ sinh học...

**** Thứ năm, tuyên truyền định hướng nghề nghiệp, đào tạo nghề trong hệ thống trường trung học phổ thông cho nguồn nhân lực tại Khu kinh tế***

Xác định Khu kinh tế Vũng Áng là khu kinh tế đa ngành nghề, đa lĩnh vực, thu hút được nhiều doanh nghiệp và các thành phần kinh tế vào đầu tư cho nên nhu cầu về nguồn lực lao động phổ thông và nguồn lực lao động có tay nghề cao rất lớn, hàng năm Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy đã phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, các địa phương trong tỉnh tổ chức các đợt tuyên truyền định hướng nghề nghiệp, đào tạo nghề cho hàng ngàn lượt học sinh trong hệ thống các trường trung học phổ thông, sinh viên trong các trường Đại học, Cao Đẳng, cơ sở đào tạo nghề trên địa bàn trong đó chú trọng tuyên truyền, nâng cao nhận thức của các em học sinh, sinh viên nhất là các em học sinh tại các vùng tái định cư trên địa bàn thị xã Kỳ Anh về tầm quan trọng của khu Kinh tế Vũng Áng, giới thiệu về các yêu cầu, tiêu chuẩn khi làm việc tại Khu kinh tế; các ngành nghề cần thiết để nạp hồ sơ làm việc tại khu kinh tế như: Điện, cơ khí, hóa học, tin học, tiếng Trung Quốc, Tiếng Anh và lao động phổ thông...; giới thiệu về thu nhập bình quân của lao động tại Khu kinh tế Vũng Áng... Qua công tác tuyên truyền, hướng nghiệp hàng ngàn học sinh trên địa bàn đã tham gia các lớp nghề theo nhu cầu tại Khu kinh tế và hàng ngàn con em trên địa bàn đã được tuyển dụng làm việc và lao động tại khu kinh tế Vũng Áng với thu nhập bình quân 10 triệu đồng/người/tháng.

Song song với công tác tuyên truyền, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy đặc biệt chú trọng công tác nắm bắt dư luận xã hội, kịp thời báo cáo Thường trực Tỉnh ủy để chỉ đạo giải quyết những khó khăn, vướng mắc tại Khu kinh tế Vũng Áng (như vấn đề giải phóng mặt bằng, tái định cư; vấn đề khói, bụi tại khu kinh tế;

vấn đề sử dụng tro, xỉ để san lấp mặt bằng...) và cuộc sống người dân xung quanh dự án, tạo sự ổn định, phát triển của Khu kinh tế Vũng Áng.

Bên cạnh những kết quả đạt được, việc tuyên truyền nâng cao nhận thức và tầm quan trọng phát triển Khu kinh tế Vũng Áng cho cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân còn một số khó khăn, hạn chế: Một số cấp ủy đảng, chính quyền, người đứng đầu các cơ quan, đơn vị chưa thực sự quan tâm, sâu sát đến công tác phổ biến, tuyên truyền các văn bản của Đảng và Nhà nước liên quan đến Khu kinh tế Vũng Áng. Công tác tuyên truyền của hệ thống tuyên giáo cơ sở còn thiếu chiều sâu, chưa đa dạng và thường xuyên, hiệu quả chưa cao; kinh phí dành cho hoạt động động tuyên truyền còn khó khăn; Công tác phối hợp cung cấp các tài liệu tuyên truyền liên quan đến KKT Vũng Áng chưa thường xuyên và kịp thời, đặc biệt là những dự án mới đầu tư và triển khai tại khu kinh tế; các thế lực thù địch lợi dụng sự cố môi trường biển do công ty Formosa gây ra năm 2016 để kích động chống phá và xuyên tạc về các hoạt động tại khu kinh tế Vũng Áng...

Để tiếp tục thực hiện hiệu quả công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức và tầm quan trọng phát triển khu Kinh tế Vũng Áng như Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX đã đề ra, đó là: *"Huy động tối đa và sử dụng hiệu quả các nguồn lực xây dựng Khu Kinh tế Vũng Áng thực sự trở thành khu kinh tế đa chức năng, trung tâm công nghiệp động lực và logistics"*, thời gian tới, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy xác định một số nội dung trọng tâm sau:

1. Huy động cả hệ thống chính trị, nòng cốt là khối Tuyên giáo, Dân vận, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể quần chúng tập trung tuyên truyền về tiềm năng, lợi thế của Khu kinh tế Vũng Áng; tuyên truyền các chủ trương phát triển Khu kinh tế Vũng Áng của tỉnh theo tinh thần Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX và Nghị quyết số 09-NQ/TU của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển Khu kinh tế Vũng Áng giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030; hướng dẫn cấp ủy, chính quyền các cấp cụ thể hóa nội dung các nghị quyết, chỉ thị của Trung ương, của tỉnh tùy thuộc theo tình hình thực tế ở địa phương, đơn vị và ngành của mình; đồng thời tuyên truyền để cán bộ, đảng viên và Nhân dân hiểu những nội dung cơ bản, trọng tâm, cốt lõi trong từng nghị quyết, chỉ thị của Đảng và Nhà nước liên quan đến sự phát triển của Khu kinh tế Vũng Áng.

2. Chỉ đạo cấp ủy, chính quyền các cấp chủ động giải quyết có hiệu quả, dứt điểm các vấn đề tồn đọng, vướng mắc liên quan đến quyền, lợi ích chính

đáng của Nhân dân; quan tâm công tác an sinh xã hội, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần trong Nhân dân, quan tâm đến công tác giải phóng mặt bằng, tái định cư cho người dân tại khu vực bị ảnh hưởng bởi các dự án; cung cấp thông tin, định hướng trước các vụ việc phức tạp, nảy sinh trên địa bàn, góp phần tạo sự thống nhất về tư tưởng, đồng thuận trong xã hội. Quan tâm, theo dõi nắm bắt tình hình dư luận xã hội, đề xuất cấp ủy, chính quyền kịp thời giải quyết, tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc của Nhân dân; hướng dẫn Nhân dân thực hiện tốt các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

3. Chỉ đạo các cơ quan, ngành chức năng thường xuyên chủ động theo dõi, nắm bắt thông tin trên Internet, mạng xã hội; tích cực tham gia đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái của các thế lực thù địch, phản động, cơ hội chính trị xuyên tạc về tình hình và sự phát triển của Khu kinh tế Vũng Áng; kịp thời xử lý theo quy định của pháp luật đối với các tổ chức, cá nhân có hành vi đăng tải thông tin sai sự thật, xuyên tạc, kích động liên quan đến Khu kinh tế.

4. Đẩy mạnh công tác chỉ đạo cấp ủy các cấp xây dựng chương trình, kế hoạch công tác tuyên truyền, vận động quần chúng, thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước trên địa bàn gắn với việc thực hiện chính trị của địa phương, lồng ghép tuyên truyền các nội dung về khu kinh tế Vũng Áng. Đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác học tập, quán triệt, tuyên truyền Nghị quyết của Đảng cho cán bộ, đảng viên và Nhân dân; Chỉ đạo các cơ quan báo chí trên địa bàn xây dựng chuyên trang, chuyên mục tuyên truyền, tăng lượng tin, bài phản ánh sinh động các hoạt động lao động, sản xuất tại khu kinh tế Vũng Áng cũng như việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TU nhằm tạo sự đồng thuận của cán bộ, đảng viên và các tầng lớp Nhân dân trong thực hiện các chủ trương phát triển KKT Vũng Áng.

5. Tiếp tục đổi mới và nâng cao hiệu quả công tác thông tin tuyên truyền về tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh, về tầm quan trọng và sự phát triển của các khu kinh tế nói chung và khu kinh tế Vũng Áng nói riêng, nhất là phát huy những lợi thế tuyên truyền trên Internet và các trang mạng xã hội, góp phần kịp thời cung cấp các thông tin mà người dân, cộng đồng doanh nghiệp, báo chí, mạng xã hội... quan tâm; đồng thời chú trọng công tác tuyên truyền nâng cao ý thức chăm lo xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân, tạo sự đồng thuận, vận động Nhân dân tham gia thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững quốc phòng - an ninh trên địa bàn.

6. Chỉ đạo các địa phương, đơn vị tiếp tục thực hiện Quyết định số 238-QĐ/TW ngày 30/9/2020 của Ban Bí thư về ban hành Quy chế phối hợp giữa ban tuyên giáo các cấp với cơ quan nhà nước cùng cấp trong việc thực thi pháp luật, triển khai kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, giải quyết các vấn đề nổi cộm, Nhân dân quan tâm; rà soát lại các chương trình phối hợp giữa ban tuyên giáo các cấp và các đơn vị được ký kết để phối hợp triển khai hiệu quả các nội dung tuyên truyền theo đúng nội dung thống nhất giữa các bên liên quan./.

KHU KINH TẾ VŨNG ÁNG - ĐỘNG LỰC THÚC ĐẨY PHÁT TRIỂN KINH TẾ, XÃ HỘI TỈNH HÀ TĨNH VÀ VÙNG BẮC TRUNG BỘ

TS Trần Thị Nhân

Viện Lịch sử Đảng, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

1. Khu kinh tế Vũng Áng - Tầm nhìn chiến lược của Đảng và Nhà nước về phát triển kinh tế vùng

Vũng Áng thuộc thị xã Kỳ Anh, cách trung tâm thành phố Hà Tĩnh 70km về phía Nam. Vũng Áng có vị trí giao thông thủy - bộ rất thuận lợi: Gần Quốc lộ 1, dễ dàng kết nối hệ thống đường bộ cao tốc Bắc - Nam; Quốc lộ 12C kết nối hành lang Đông - Tây với nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào và vùng Đông Bắc Thái Lan; có cảng nước sâu Vũng Áng và Sơn Dương - là cảng tổng hợp quốc gia, đầu mối khu vực (cảng loại I) của Việt Nam, có thể tiếp nhận tàu vận tải 30 vạn tấn... Vị trí đó đưa Vũng Áng trở thành đầu mối tụ hội của hệ thống giao thông thủy, bộ, nối Bắc - Nam, Đông - Tây và với quốc tế; đồng thời, còn là trung tâm kết nối của đường biển đối với các khu kinh tế ven biển Bắc Trung Bộ và cả nước. Ngoài ra, Vũng Áng còn là vùng có tài nguyên biển phong phú, gần mỏ sắt Thạch Khê với trữ lượng lớn...

Nhận rõ vị trí địa - kinh tế, xã hội của Vũng Áng, ngày 03/4/2006, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 72/2006/QĐ-TTg, về thành lập Khu kinh tế ven biển Vũng Áng, tỉnh Hà Tĩnh. Tiếp đó, ngày 20/8/2007, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1076/QĐ-TTg, phê duyệt quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Vũng Áng đến năm 2025, với diện tích tự nhiên 22.781 ha, bao gồm 09 xã, phường thuộc thị xã Kỳ Anh. Đây chính là thể hiện tầm nhìn của Đảng và Nhà nước về định hướng chiến lược phát triển kinh tế - xã hội thập niên đầu tiên của thế kỷ XXI, với một trong những trọng tâm là phát triển kinh tế vùng, nhằm đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước theo hướng phát triển bền vững.

Mục tiêu và định hướng phát triển chủ yếu của Khu kinh tế (KKT) Vũng Áng được xác định:

- Khai thác tối đa lợi thế về điều kiện tự nhiên, vị trí địa lý kinh tế và chính trị trong giao thương, dịch vụ quốc tế và trong nước, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Hà Tĩnh và khu vực Bắc Trung Bộ nhằm góp phần thu hẹp khoảng cách khu vực này với các vùng khác trong cả nước.

- Xây dựng và phát triển KKT Vũng Áng để trở thành khu kinh tế tổng hợp, đa ngành, đa lĩnh vực, với trọng tâm là: (i) Phát triển đồng bộ khu liên hợp cảng Vũng Áng - Sơn Dương bao gồm việc đầu tư và khai thác có hiệu quả khu liên hợp cảng, phát triển dịch vụ cảng và các dịch vụ vận tải biển để tạo thành một trong những cửa ngõ quan trọng ra biển của vùng Bắc Trung Bộ; là trung tâm công nghiệp luyện kim; trung tâm lọc hóa dầu; trung tâm điện lực với tổng công suất 6.300 MW. (ii) Cải tạo, nâng cấp và phát triển các khu đô thị mới, đồng thời ưu tiên phát triển các khu du lịch sinh thái, du lịch nghỉ dưỡng biển (khu du lịch Kỳ Ninh, khu du lịch Kỳ Nam) trở thành các điểm du lịch quan trọng trong tuyến du lịch ven biển Bắc Trung Bộ; đẩy mạnh tốc độ đầu tư xây dựng và phát triển KKT Vũng Áng cùng với các KKT khác của khu vực miền Trung tạo thành chuỗi các KKT có mối liên kết chặt chẽ với nhau và từng bước trở thành những hạt nhân tăng trưởng, trung tâm công nghiệp luyện kim - dịch vụ cảng biển - du lịch của khu vực Bắc Trung Bộ. (iii) Là đầu mối giao lưu quốc tế quan trọng, góp phần mở rộng thị trường khu vực Bắc Trung Bộ, trở thành cầu nối với thị trường Lào và Đông Bắc Thái Lan. (iiii) Tạo việc làm, thúc đẩy đào tạo và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của khu vực; góp phần chuyển dịch cơ cấu lao động của Hà Tĩnh, đáp ứng nhu cầu về nguồn nhân lực cho khu kinh tế.

Trong giai đoạn 2012-2020, Chính phủ đã chỉ đạo rà soát và xây dựng tiêu chí lựa chọn một số khu kinh tế ven biển để tập trung đầu tư. Theo đó, với định hướng và tầm nhìn chiến lược đến năm 2020, KKT Vũng Áng đã được Chính phủ lựa chọn là 1 trong 5 khu kinh tế trọng điểm của cả nước được tập trung nguồn lực đầu tư phát triển giai đoạn 2013-2015⁴ và là 1 trong 8 khu kinh tế ven biển được ưu tiên để tập trung đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách Nhà nước giai đoạn 2016-2020⁵; được xác định là *khu vực động lực phát triển*, cần tiếp tục tập trung đầu tư xây dựng⁶.

Điều này khẳng định được vai trò vị thế ngày càng quan trọng của KKT Vũng Áng, không chỉ là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của riêng tỉnh Hà Tĩnh mà còn là động lực, hướng đến mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của khu vực Bắc Trung Bộ và của cả quốc gia.

⁴ Văn bản số 1231/TTg-KTTH ngày 17/8/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc Đề án rà soát, xây dựng tiêu chí lựa chọn một số KKT ven biển để tập trung đầu tư giai đoạn 2013-2015

⁵ Văn bản số 2021/TTg-KHTH ngày 09/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc lựa chọn một số KKT ven biển để tập trung đầu tư phát triển từ nguồn NSNN giai đoạn 2016-2020

⁶ Thông báo số 05-TB/VPTW ngày 27/4/2016 kết quả chuyên thăm và làm việc của đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng tại tỉnh Hà Tĩnh; Thông báo số 447/TB-VPCP ngày 21/9/2017 kết luận của Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc tại buổi làm việc với tỉnh Hà Tĩnh

2. Khu kinh tế Vũng Áng - động lực thúc đẩy kinh tế, xã hội tỉnh Hà Tĩnh và vùng Bắc Trung Bộ

Sau 16 năm xây dựng và đi vào hoạt động (2006-2022), Khu kinh tế Vũng Áng được đánh giá là một trong những KKT thành công trong cả nước; trở thành khu vực động lực quan trọng thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Hà Tĩnh nói riêng và có tác động, ảnh hưởng đến sự phát triển của cả vùng Bắc Trung Bộ.

** Thứ nhất, thúc đẩy tăng mạnh tỷ trọng ngành công nghiệp, thương mại - dịch vụ trong cơ cấu GRDP của tỉnh và tăng thu ngân sách, tạo động lực thúc đẩy kinh tế vùng*

Với vị trí và các điều kiện thuận lợi, KKT Vũng Áng từ khi đi vào hoạt động đã trở thành điểm sáng thu hút đầu tư của cả nước, đặc biệt là các dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài. Nhiều nhà đầu tư đến từ các nước và các vùng lãnh thổ có nền khoa học tiên tiến như Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan, Singapore,... đã mang đến những cơ hội mới cho sự phát triển của KKT Vũng Áng, đó là theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Một trong những ngành công nghiệp trọng điểm được các nhà đầu tư vào KKT Vũng Áng là công nghiệp luyện kim, do Công ty TNHH gang thép Hưng Nghiệp Formosa Hà Tĩnh (FHS) thực hiện. Đến nay Dự án FHS là dự án đầu tư lớn nhất trong KKT Vũng Áng và cũng là dự án FDI lớn nhất tại Việt Nam, với số vốn đầu tư đăng ký 12,787 tỷ USD. Nhà máy liên hợp gang thép có công suất 7,5 triệu tấn/năm. Sản phẩm của dự án Formosa sản xuất hiện nay là thép cuộn cán nóng, thép dây, phôi thép tiêu thụ trong nước và xuất khẩu đi các nước trên thế giới. Phục vụ cho hoạt động nhà máy liên hợp gang thép là dự án cảng nước sâu Sơn Dương cũng đã chính thức đi vào hoạt động. Dự án Khu liên hợp gang thép và cảng Sơn Dương Formosa Hà Tĩnh (giai đoạn 1) hoàn thành đi vào hoạt động, trở thành động lực tăng trưởng của tỉnh, đóng góp quan trọng vào tăng trưởng cả nước.

Lĩnh vực trọng điểm thứ hai là nhiệt điện, với dự án đầu tư Nhà máy nhiệt điện Vũng Áng 1, có công suất 1.200 MW; theo thiết kế, sản lượng điện hằng năm bình quân là 7,2 tỷ kWh/năm. Sau khi Nhà máy nhiệt điện Vũng Áng 1 đi vào vận hành ổn định, sản lượng điện của Nhà máy qua các năm đạt được là: Năm 2018 là 4,876 tỷ kWh; năm 2019: 5,769 tỷ kWh; năm 2020: 6,540 tỷ kWh; năm 2021: 7,062 tỷ kWh. Cùng với Nhà máy nhiệt điện Vũng Áng 1, Dự án Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 2 có tổng mức đầu tư 2,187 tỷ USD, công suất 1.200

MW, đầu tư theo hình thức BOT. Dự án đã được Bộ Công thương và Nhà đầu tư Công ty TNHH Nhiệt điện Vũng Áng 2 ký hợp đồng BOT vào ngày 15/12/2020. Hiện nay, dự án đã khởi công.

Ngoài ra, KKT Vũng Áng còn có các dự án như Khu công nghiệp Vũng Áng 1, Khu công nghiệp Phú Vinh, đã đi vào hoạt động; đưa ngành công nghiệp trở thành động lực chính thúc đẩy tăng trưởng kinh tế cho tỉnh Hà Tĩnh. Tốc độ tăng trưởng sản xuất toàn ngành bình quân đạt 46,7%. Tỷ trọng công nghiệp trong cơ cấu kinh tế của tỉnh tăng nhanh, từ 12,4% lên 38,9%.

Cùng với lĩnh vực công nghiệp, lĩnh vực dịch vụ - thương mại cũng thu hút các nhà đầu tư và phát triển mạnh mẽ tại KKT Vũng Áng như: Tổng kho Xăng dầu Dầu khí Vũng Áng (kho chứa 60.000 m³), Tổng kho khí hóa lỏng Bắc Trung Bộ (kho chứa 1.785 tấn), Cảng Vũng Áng (bến số 01, bến số 02); Khu đô thị Phú Vinh, Khách sạn Mường Thanh Hà Tĩnh, Nhà ở thí điểm cho công nhân và người lao động thuê tại KKT Vũng Áng, Khu nhà ở hộ gia đình cho nhân viên FHS. Các bến cảng Vũng Áng (bến số 3, bến số 4, Bến số 5, 6) đang được tập trung xây dựng.

Đến tháng 12/2022, Khu kinh tế Vũng Áng thu hút được 153 dự án, bao gồm: 56 dự án có vốn đầu tư nước ngoài (trong đó có 01 dự án đầu tư theo hình thức BOT) với tổng số vốn đăng ký 16.040.933 triệu USD; và 97 dự án đầu tư trong nước với số vốn đăng ký 55.694.020 tỷ đồng⁷.

Việc thu hút các dự án đầu tư, đặc biệt là dự án đầu tư nước ngoài góp phần tăng trưởng, chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh theo hướng tăng dần tỷ trọng công nghiệp - dịch vụ, nâng cao năng lực sản xuất công nghiệp cho tỉnh. Trong giai đoạn 2015-2020, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu trên địa bàn KKT Vũng Áng đạt khoảng 12.801 triệu USD, chiếm gần 88% tổng kim ngạch xuất nhập khẩu toàn tỉnh. Thu ngân sách trên địa bàn KKT Vũng Áng chiếm tỷ trọng lớn trong tổng thu ngân sách của tỉnh, giai đoạn 2015-2020, thu ngân sách trên địa bàn KKT Vũng Áng đạt trên 37.720 tỷ đồng, chiếm gần 56% tổng thu ngân sách của tỉnh Hà Tĩnh; trong đó, thu từ xuất nhập khẩu chiếm 97% của cả tỉnh. Năm 2018, trong mức tăng trưởng GRDP 20,85% của toàn tỉnh, thì FHS đóng góp 11%. Tính riêng thu 10 tháng đầu năm 2022 của Khu kinh tế Vũng Áng đạt 7.669,57 tỷ đồng (tăng 19,26%); thu từ nội địa tại Khu kinh tế Vũng Áng 1.513,80 tỷ đồng (tăng 39,17%). Trong những năm tiếp theo, khi dự án Khu liên

⁷ UBND tỉnh Hà Tĩnh - Ban Quản lý Khu kinh tế, Báo cáo số 98/BC-KKT, ngày 9/12/2022

hợp gang thép và cảng Sơn Dương Formosa và các dự án khác hoạt động ổn định, KKT Vũng Áng sẽ tiếp tục là khu vực đóng góp chính vào ngân sách của tỉnh.

Như vậy, với sự phát triển mạnh mẽ lĩnh vực công nghiệp và dịch vụ, KKT Vũng Áng đã tạo cơ sở động lực để biến một vùng đất cằn cỗi từ sản xuất nông nghiệp lạc hậu, đến nay đã phần lớn chuyển sang phát triển công nghiệp; thúc đẩy phát triển kinh tế của cả tỉnh, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế tỉnh theo hướng tăng nhanh tỷ trọng công nghiệp - thương mại và dịch vụ. Khu kinh tế Vũng Áng đã góp phần đưa tỉnh Hà Tĩnh từ một tỉnh nông nghiệp, nghèo, sớm trở thành tỉnh công nghiệp hiện đại; đồng thời, tác động, tạo sự thay đổi cho cả vùng kinh tế Bắc Trung Bộ.

**** Thứ hai: Giải quyết việc làm, cải thiện thu nhập, góp phần xóa đói giảm nghèo cho tỉnh Hà Tĩnh và các tỉnh lân cận thuộc vùng Bắc Trung Bộ***

Với hàng loạt các dự án được đầu tư vào KKT Vũng Áng đã đặt ra nhu cầu rất lớn về nguồn lực lao động; do đó, đã giải quyết được một lượng lớn việc làm cho nhân dân địa phương và các vùng lân cận. Tính đến tháng 12/2022, tổng lao động tại Khu kinh tế Vũng Áng gồm có: 18.762 người (17.532 lao động Việt Nam; 1.230 lao động nước ngoài). Dự án Khu liên hợp Gang thép và cảng nước sâu Sơn Dương Formosa Hà Tĩnh: Tổng số lao động là 11.663 người, trong đó: lao động Việt Nam là 10.673 người (Công ty FHS: 5.900 người; Nhà thầu: 4.773 người); lao động nước ngoài: 990 người (Công ty FHS: 536 người; Nhà thầu: 454 người)⁸.

Đặc biệt, thông qua sự tham gia trực tiếp vào hoạt động của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, đã từng bước hình thành đội ngũ cán bộ quản lý, công nhân kỹ thuật là người Việt Nam có trình độ cao, có tay nghề, từng bước tiếp cận được với khoa học, kỹ thuật, công nghệ cao và có tác phong công nghiệp hiện đại, có ý thức kỷ luật lao động tốt, học hỏi được các phương thức, kinh nghiệm quản lý tiên tiến. Lực lượng lao động làm việc tại KKT Vũng Áng hầu hết đã qua đào tạo, phần lớn làm việc tại các doanh nghiệp trong lĩnh vực công nghiệp: luyện kim, cơ khí, cầu cảng, nhiệt điện, thương mại và dịch vụ, sử dụng lao động kỹ thuật cao. Nhờ đó, đã tạo sự thay đổi về chất cơ cấu lao động của tỉnh; trong đó: Lao động có trình độ cao đẳng và đại học chiếm khoảng 45%; lao động có trình độ trung cấp và công nhân kỹ thuật chiếm khoảng 30%.

⁸ UBND tỉnh Hà Tĩnh - Ban Quản lý Khu kinh tế, Báo cáo số 98/BC-KKT, ngày 9/12/2022

Khoảng 25% còn lại là lao động phổ thông, số này phần lớn làm việc trong các nhà máy chế biến thủy sản, xuất khẩu gỗ dăm và các công ty dịch vụ bảo vệ.

Như vậy, sự phát triển công nghiệp, thương mại - dịch vụ của KKT Vũng Áng đã thúc đẩy sự chuyển dịch mạnh mẽ về cơ cấu lao động của tỉnh theo hướng tăng tỷ lệ lao động tham gia vào lĩnh vực công nghiệp, dịch vụ, giảm tỷ lệ lao động lĩnh vực nông nghiệp. Người dân đã được đào tạo nghề, thay đổi tư duy, nhận thức, nâng cao tay nghề, dần dần trở thành những công nhân làm chủ máy móc, thiết bị công nghiệp, chủ các doanh nghiệp sản xuất - thương mại - dịch vụ.

Các chế độ cho người lao động được doanh nghiệp, chủ đầu tư thực hiện đầy đủ, tạo mọi điều kiện để lao động địa phương, lao động đến từ các vùng miền yên tâm làm ăn, gắn bó lâu dài với khu kinh tế. Qua đó, góp phần tăng thu nhập cho người dân và đóng góp quan trọng vào công tác xóa đói, giảm nghèo của tỉnh: Bình quân thu nhập đầu người tỉnh Hà Tĩnh tăng: Năm 2010 là 10,2 triệu đồng; năm 2015 (giai đoạn xây dựng) tăng lên là 26,4 triệu đồng (tăng gấp 2,6 lần). Bình quân GRDP đầu người và tăng trưởng GRDP: Năm 2010, bình quân GRDP đầu người tỉnh Hà Tĩnh là 13,45 triệu đồng. Đến năm 2018 (sau khi 2 lò cao bắt đầu hoạt động), GRDP đầu người của Hà Tĩnh là 51 triệu đồng, tăng gấp 3,79 lần so với năm 2010, đưa Hà Tĩnh từ vị trí 50/63 năm 2010 vươn lên thứ 32/63 cả nước năm 2018. Mức lương tối thiểu vùng được nâng cao: Năm 2008-2010, huyện Kỳ Anh thuộc vùng lương tối thiểu IV (có mức lương tối thiểu vùng thấp nhất). Năm 2011, sau khi dự án bắt đầu hoạt động, huyện Kỳ Anh được nâng lên vùng lương tối thiểu III.

Hiện nay, thu nhập bình quân đầu người của toàn tỉnh là từ 15÷18 triệu đồng/người tháng; mức lương bình quân là 7 triệu đồng/người/tháng.

**** Thứ ba: Hình thành trung tâm logistics và liên kết phát triển vùng, thúc đẩy giao thương quốc tế***

Theo định hướng phát triển, KKT Vũng Áng được quy hoạch xây dựng trung tâm logistics tại Vũng Áng - Sơn Dương là trung tâm logistics hạng I cấp quốc gia và quốc tế. Trong đó, trung tâm logistics tại Vũng Áng công suất khoảng 16,3 triệu tấn/năm. Khi trung tâm logistics tại Vũng Áng bảo hòa công suất thiết kế, tiếp tục xây dựng trung tâm logistics tại Sơn Dương công suất khoảng 22,5 triệu tấn/năm. Hiện nay, Tổng kho Xăng dầu Dầu khí Vũng Áng có sức chứa 60.000 m³; Tổng kho khí hóa lỏng Bắc Trung bộ với sức chứa là 1.785 tấn.

Với vị trí trung tâm kết nối khu vực bằng cả đường biển và đường bộ, KKT Vũng Áng còn góp phần thúc đẩy giao thương trong nước và quốc tế:

Về đường biển, cụm cảng Sơn Dương - Vũng Áng được đầu tư thành cảng chuyên dùng và tổng hợp quốc gia, đầu mối khu vực - loại I trong hệ thống cảng biển Việt Nam, trở thành một trong các đầu mối trung chuyển hàng quá cảng tiếp chuyển cho Lào và vùng Đông Bắc Thái Lan. Hiện nay, cảng Vũng Áng đã hoàn thành đầu tư xây dựng và đi vào khai thác 06 bến, trong đó 02 bến thương mại, năng lực xếp dỡ 1,32 triệu tấn/năm, 02 bến chuyên dùng sản phẩm dầu của Tổng kho xăng dầu, 02 bến chuyên dùng nhập than của Nhà máy nhiệt điện Vũng Áng 1; 04 bến cảng tổng hợp đang được đầu tư xây dựng (các bến số 3, 4, 5, 6). Chuẩn bị đầu tư bến chuyên dùng của Nhà máy nhiệt điện Vũng Áng 2. Đối với cảng Sơn Dương, bến chuyên dùng cho Khu liên hợp gang thép và cảng Sơn Dương Formosa Hà Tĩnh có 17 bến tàu giai đoạn 1+1 đã hoàn thành, trong đó 13 bến tàu đã đi vào hoạt động (03 bến tàu đáp ứng được tàu có tải trọng lên đến 20 vạn DWT, 03 bến tàu đáp ứng tàu có tải trọng đến 5 vạn DWT, 07 bến tàu còn lại đáp ứng được tàu có tải trọng 1 vạn DWT), 04 bến tàu đang hoàn thiện thủ tục cấp phép khai thác (đáp ứng tàu có tải trọng đến 1 vạn DWT).

Về đường bộ, khoảng cách từ cảng Vũng Áng đến biên giới Việt Lào ngắn nhất so với các tuyến đường bộ khác: đến cửa khẩu quốc tế Cha Lo, Quảng Bình 143 km; đến cửa khẩu Cầu Treo, Hà Tĩnh 180 km; đến các tỉnh Đông Bắc Thái Lan là 310 km (bằng 2/5 tuyến đường bộ ra biển phía Nam Thái Lan. Do đó, cảng Vũng Áng là cửa ngõ ra biển ngắn nhất của Lào và các tỉnh Đông Bắc Thái Lan.

Với vị trí thuận lợi về giao thương bằng cả đường bộ và đường thủy, KKT Vũng Áng trở thành hạt nhân liên kết phát triển vùng và thúc đẩy giao thương quốc tế, thúc đẩy phát triển ngành công nghiệp dịch vụ hỗ trợ và đóng góp cho sự phát triển của địa phương.

Thứ tư: Thúc đẩy tốc độ đô thị hóa

Khu kinh tế Vũng Áng hình thành, giai đoạn đầu tư, xây dựng cơ sở hạ tầng (2011-2016) và đi vào hoạt động (từ 2017 đến nay) đã từng bước hoàn thiện cơ sở hạ tầng kỹ thuật. Một số tuyến giao thông chính, các tuyến trục ngang, trục dọc kết nối các phân khu chức năng, các công trình dự án quan trọng và các khu đô thị, khu dân cư trong KKT Vũng Áng, hệ thống cấp điện, cấp thoát nước, hạ tầng khu tái định cư... được hình thành và từng bước hoàn thiện. Qua đó, đã thúc đẩy tốc độ đô thị hóa cho huyện Kỳ Anh và tỉnh.

Sau 09 năm thành lập KKT Vũng Áng, với tốc độ phát triển mạnh mẽ của khu kinh tế, năm 2015, thị xã Kỳ Anh⁹ được thành lập với 28.025 ha diện tích tự nhiên và 85.508 nhân khẩu; có 11 đơn vị hành chính trực thuộc (06 phường và 05 xã). Đặc biệt, KKT Vũng Áng đang dần trở thành khu kinh tế trọng điểm, tạo động lực để thúc đẩy thị xã Kỳ Anh phát triển với định hướng trở thành đô thị loại II vào năm 2025.

Ngoài ra, bộ mặt Khu đô thị mới Vũng Áng - hạt nhân là KKT Vũng Áng cũng được hình thành, với những hạng mục cao cấp như: Khu đô thị Phú Vinh, Khách sạn Mường Thanh Hà Tĩnh... Bên cạnh đó là hệ thống khách sạn, nhà hàng, trung tâm thương mại, văn phòng cho thuê, khu nhà ở hộ gia đình cho nhân viên FHS, nhà ở thí điểm cho công nhân và người lao động thuê.

Bộ mặt nông thôn nghèo huyện Kỳ Anh đã được thay thế bằng một diện mạo đô thị công nghiệp - thương mại - dịch vụ theo hướng hiện đại, góp phần thúc đẩy tốc độ đô thị hóa của toàn tỉnh.

3. Kết luận

Trải qua 16 năm hình thành và phát triển, KKT Vũng Áng đã từng bước khẳng định vị trí, vai trò và đóng góp quan trọng của một khu kinh tế trọng điểm quốc gia đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, của tỉnh và của vùng Bắc Trung Bộ. Trong định hướng và tầm nhìn phát triển của tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2021-2030, KKT Vũng Áng tiếp tục được xác định đóng vai trò là “Một trung tâm”, là khu kinh tế đa chức năng, trung tâm công nghiệp động lực, giữ vững vai trò hạt nhân tăng trưởng để đưa tỉnh Hà Tĩnh phát triển nhanh, bền vững; đồng thời giữ vai trò lan tỏa thúc đẩy phát triển kinh tế vùng Bắc Trung Bộ theo hướng CNH, HĐH.

⁹ Thị xã Kỳ Anh được thành lập theo Nghị quyết 903/NQ-UBTVQH13 ngày 10/4/2015 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

SỰ CẤP THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP HỖ TRỢ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HÀ TĨNH

Hoàng Văn Quảng

UVBCH Đảng bộ tỉnh, Giám đốc Sở Công Thương

Thuật ngữ “công nghiệp phụ trợ” được sử dụng mới chỉ bắt đầu khoảng gần 10 năm trước và gần đây được thay thế dần bằng cụm từ “công nghiệp hỗ trợ” trong các văn bản chính thức.

Năm 2015, Chính phủ ban hành Nghị định số 111/2015/NĐ-CP về phát triển công nghiệp hỗ trợ (CNHT), khái niệm về CNHT chính thức được hiểu là các ngành công nghiệp sản xuất, gia công nguyên liệu, phụ liệu, vật liệu, linh kiện và phụ tùng để cung cấp cho sản xuất sản phẩm hoàn chỉnh¹⁰.

Việc phát triển CNHT là tất yếu đối với nền kinh tế quốc gia nói chung và Hà Tĩnh nói riêng. Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Hà Tĩnh nhiệm kỳ 2020-2025 đặt ra mục tiêu: đến năm 2030 giá trị sản xuất công nghiệp tăng bình quân khoảng 6-8%/năm; Giá trị tăng thêm bình quân hàng năm khoảng 10-12%/năm; Tỷ trọng công nghiệp - xây dựng trong GRDP đến năm 2030 đạt khoảng 60,3%; Tỷ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo trong GRDP đến năm 2030 là 32,6%¹¹. Để đạt được các mục tiêu nêu trên, nhất là mục tiêu tăng tỷ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo cần phải tập trung đẩy mạnh phát triển CNHT trên địa bàn tỉnh. Việc xây dựng đề án để làm rõ thực trạng và yêu cầu của CNHT Hà Tĩnh trong thời gian tới trở nên hết sức cấp thiết vì mấy lý do cụ thể:

Thứ nhất: Vai trò của CNHT đối với nền kinh tế nói chung và Hà Tĩnh nói riêng

CNHT có ý nghĩa quan trọng đối với quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá, giúp nâng cao năng suất lao động và năng lực cạnh tranh, tạo giá trị gia tăng, góp phần tăng tỷ trọng đóng góp của ngành công nghiệp chế biến, chế tạo trong cơ cấu nền kinh tế, tăng hàm lượng giá trị tăng thêm của sản phẩm trong giá trị sản xuất công nghiệp.

Phát triển CNHT giúp tăng khả năng thu hút đầu tư, kết nối doanh nghiệp, đẩy mạnh tiếp nhận, chuyển giao công nghệ, thúc đẩy sự phát triển của các doanh nghiệp nhỏ và vừa trong nước; từ đó, tạo tính lan tỏa mạnh mẽ, giúp các

¹⁰ Khoản 1 Điều 3, Nghị định số 111/2015/NĐ-CP ngày 03/11/2015 của Chính phủ về phát triển CNHT.

¹¹ Kết luận số 57-KL/TU ngày 07/10/2022 của Tỉnh ủy.

doanh nghiệp trong nước có thể tham gia sâu vào chuỗi cung ứng của các doanh nghiệp đầu tư nước ngoài và chuỗi giá trị toàn cầu của các tập đoàn đa quốc gia. Trong bối cảnh hội nhập toàn cầu, khi các quan hệ hợp tác được thiết lập, sản phẩm công nghiệp hỗ trợ sẽ là một bộ phận hiện hữu, không tách rời, cấu thành trong các sản phẩm của các tập đoàn công nghiệp đa quốc gia hàng đầu thế giới.

CNHT tạo ra giá trị gia tăng cao cho ngành công nghiệp; thúc đẩy phân công, phân công lại lao động; Tạo nên tính ổn định cho sản xuất hoàn chỉnh sản phẩm cuối cùng; Khuyến khích sử dụng ứng dụng khoa học công nghệ cao; Tạo điều kiện thu hút đầu tư tăng sức cạnh tranh sản phẩm hạn chế nhập siêu, đảm bảo phát triển bền vững ngành công nghiệp.

Do vậy, CNHT hiện được Đảng và Nhà nước đặc biệt quan tâm, Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XIII vừa ban hành Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 17/11/2022 về “Tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045”, trong đó có định hướng về các chính sách phát triển CNHT.

Trên địa bàn Hà Tĩnh hiện đã hình thành một số doanh nghiệp sản xuất các sản phẩm thuộc các nhóm ngành ưu tiên phát triển về CNHT như Công ty TNHH gang thép Hưng nghiệp Formosa Hà Tĩnh sản xuất ra các sản phẩm thép với sản lượng từ 5,5-6 triệu tấn/năm, Công ty Cổ phần giải pháp năng lượng Vines Hà Tĩnh (sản xuất pin), Công ty Cổ phần Vinatex Hồng Lĩnh và Công ty Cổ phần Sợi Tín (sản xuất sản phẩm sợi)... Việc hình thành các vệ tinh sản xuất tại Hà Tĩnh sẽ tạo ra các sản phẩm CNHT cung cấp cho các dự án khác trong nước và trên thế giới.

Tương tự như vậy, nhu cầu về phụ liệu, linh kiện sử dụng cho ngành dệt, may hiện nay rất lớn, đang phụ thuộc vào nguồn nhập khẩu từ nước ngoài. Việc phát triển CNHT ngành này chủ yếu thu hút đầu tư một số cơ sở sản xuất phụ liệu, phụ kiện phục vụ các nhà máy may, nhà máy sản xuất sợi nhằm tăng dần tỷ trọng nội địa hóa, gia tăng giá trị sản phẩm, tăng tính chủ động cho quá trình sản xuất.

Việc phát triển CNHT là điều kiện đủ để phát triển các cụm liên kết ngành công cụ rất hữu hiệu giúp nâng cao cạnh tranh, đổi mới công nghệ và phát triển kinh tế vùng, thông qua xây dựng mạng lưới các nhà cung ứng sản phẩm đầu vào cho các doanh nghiệp khác trong địa bàn toàn tỉnh.

Thứ hai: Thực trạng công nghiệp và CNHT Hà Tĩnh

Hà Tĩnh là tỉnh thuộc Bắc Trung bộ, xa các trung tâm kinh tế lớn, ít lợi thế về phát triển CNHT, song với sự vào cuộc quyết liệt của cấp ủy chính quyền, sự đồng thuận của nhân dân, kinh tế Hà Tĩnh nói chung và công nghiệp nói riêng thời gian qua đã có bước phát triển vượt bậc. Trong giai đoạn 2011-2022, tốc độ tăng trưởng trung bình đạt 11,21%/năm, cao hơn so với tốc độ tăng trưởng trung bình (5,9%/năm) của cả nước trong cùng kỳ.

Cơ cấu kinh tế đã dần chuyển dịch theo hướng tích cực, tăng trưởng kinh tế của tỉnh Hà Tĩnh đang chuyển dịch từ tăng trưởng do vốn đầu tư sang sản xuất công nghiệp.

Công nghiệp chế biến chế tạo đang dẫn dắt đà tăng trưởng chung của ngành với “đầu tàu” là Công ty TNHH gang thép Hưng nghiệp Formosa Hà Tĩnh. Một số dự án công nghiệp quan trọng đã hoàn thành và phát huy hiệu quả như Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1, Nhà máy bia Hà Nội - Nghệ Tĩnh, Nhà máy sợi Vinatex Hồng Lĩnh, Nhà máy MDF-HDF Thanh Thành Đạt, các nhà máy may tại Đức Thọ, Thị xã Hồng Lĩnh... Các sản phẩm công nghiệp chủ lực như thép, điện... đóng góp quan trọng vào tăng trưởng kinh tế.

Đóng góp của công nghiệp trong GRDP của Hà Tĩnh tăng nhanh, từ 2.836 tỷ đồng năm 2011 lên 7.191 tỷ đồng năm 2015 và nhảy vọt lên 26.709 tỷ đồng vào năm 2020 và 29.232 tỷ đồng năm 2022 (giá hiện hành), chủ yếu dựa vào giá trị sản xuất sau khi Nhà máy thép của Formosa đi vào hoạt động từ năm 2017.

Theo Nghị định số 111/2015/NĐ-CP ngày 03/11/2015 của Chính phủ về phát triển CNHT, có 06 ngành sản xuất sản phẩm CNHT ưu tiên phát triển; tuy vậy, thực tiễn CNHT Hà Tĩnh mới chỉ bắt đầu hình thành được 03 nhóm sau đây:

(1) Ngành dệt - may

Công nghiệp dệt - may, cụ thể là ngành may, được xác định là ngành mũi nhọn để thu hút đầu tư, giải quyết việc làm cho người lao động nên trong những năm qua công nghiệp may của Hà Tĩnh có bước phát triển nhanh. Toàn tỉnh hiện có 24 doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực may, sợi và hơn 1.100 cơ sở may nhỏ lẻ, đã giải quyết việc làm cho hơn 6.000 lao động, với các sản phẩm quần áo, găng tay, sợi, bao bì...

(2) Ngành cơ khí chế tạo

Toàn tỉnh có khoảng 16 doanh nghiệp lĩnh vực CNHT ngành cơ khí chế tạo với giá trị sản xuất năm 2020 đạt 337,44 tỷ đồng, tăng gấp 5,15 lần so với năm 2016, song sản phẩm chủ yếu mang tính chế tạo gia công.

Thị trường tiêu thụ sản phẩm CNHT của ngành cơ khí, chế tạo chủ yếu là thị trường nội địa tỉnh Hà Tĩnh, phục vụ quá trình xây dựng cơ bản của dự án gang thép Formosa Hà Tĩnh; số còn lại phục vụ cho các công trình xây dựng công nghiệp và dân dụng...

(3) Ngành điện tử

Ngành công nghiệp điện tử hoạt động chủ yếu là lắp ráp, sửa chữa các linh kiện điện tử thành sản phẩm hoàn chỉnh như động cơ điện, bu lông, ốc vít chưa sản xuất. Do đó, sản phẩm CNHT ngành điện tử Hà Tĩnh chưa có doanh nghiệp nào hoạt động.

Ba nhóm ngành CNHT còn lại gồm da giày; lắp ráp ô tô và CNHT cho công nghiệp công nghệ cao trên địa bàn Hà Tĩnh chưa được hình thành.

Thứ 3: Khó khăn thách thức đối với phát triển CNHT Hà Tĩnh

Mặc dù có sự phát triển trong những năm gần đây, nhưng CNHT tỉnh Hà Tĩnh mới chỉ trong giai đoạn đầu của quá trình hình thành. Sản phẩm sản xuất sử dụng các nguyên liệu, phụ liệu, linh kiện từ nhập khẩu chiếm tỷ lệ lớn.

Số lượng doanh nghiệp CNHT trên địa bàn tỉnh còn ít, quy mô doanh nghiệp nhỏ, năng lực sản xuất, vốn, công nghệ còn hạn chế chỉ có thể tham gia vào một số lĩnh vực CNHT chưa đòi hỏi cao về kỹ thuật, trình độ công nghệ với các chi tiết đơn giản, hàm lượng công nghệ trung bình và thấp. Chưa có doanh nghiệp đầu mối, đầu tàu làm trung tâm liên kết, phát triển CNHT trên địa bàn.

Phần lớn các doanh nghiệp CNHT trên địa bàn tỉnh chưa tham gia được vào chuỗi cung ứng của các doanh nghiệp FDI đang hoạt động, nhất là doanh nghiệp FDI trên địa bàn Hà Tĩnh. Các nguyên, vật liệu, linh kiện, phụ tùng chủ yếu vẫn do các doanh nghiệp FDI cung cấp từ nguồn nhập khẩu, từ công ty mẹ hoặc từ nước bản địa của mình. Liên kết sản xuất giữa các doanh nghiệp trong nước và doanh nghiệp FDI còn rất hạn chế, thậm chí có tình trạng không tiếp cận được để tìm hiểu nhu cầu tham gia chuỗi do những đơn vị này tổ chức sản xuất dưới hình thức khép kín, quay vòng.

Việc thu hút đầu tư CNHT của tỉnh còn nhiều khó khăn do việc hình thành, kết nối các doanh nghiệp CNHT theo chuỗi liên kết trong tỉnh, khu vực hay cả nước còn hạn chế. Chưa thu hút được các tập đoàn, tổng công ty lớn đầu tư vào các ngành công nghiệp của tỉnh để làm đầu tàu thúc đẩy hình thành doanh nghiệp CNHT.

Hệ thống văn bản pháp luật về CNHT chưa đầy đủ, cơ chế, chính sách phát triển CNHT chưa đủ mạnh nên chưa tạo được điều kiện thuận lợi để các doanh nghiệp đầu tư vào CNHT với định hướng phát triển dài hạn, bền vững. Những sản phẩm, nhóm sản phẩm nằm trong danh mục sản phẩm CNHT ưu tiên phát triển được sản xuất trên địa bàn Hà Tĩnh rất ít; việc phát triển CNHT đang gặp nhiều khó khăn, thách thức, khó tiếp cận với các chính sách hiện hành.

Hạ tầng kinh tế xã hội nói chung, các khu công nghiệp (KCN), cụm công nghiệp (CCN) nói riêng mặc dù những năm gần đây đã được quan tâm đầu tư cải thiện nhiều nhưng chưa đồng bộ, chưa tạo được sự hấp dẫn các nhà đầu tư; nhiều quy trình, thủ tục hành chính thu hút đầu tư còn rườm rà, thiếu hấp dẫn.

Với vị trí địa lý của Hà Tĩnh nằm xa các trung tâm công nghiệp lớn; xa các doanh nghiệp sản xuất chủ đạo mang tính đầu kéo do đó đẩy chi phí vận tải tăng cao làm kém hấp dẫn các dự án đầu tư nói chung và dự án CNHT nói riêng.

Thứ 4: Mục tiêu phát triển CNHT Hà Tĩnh trong thời gian tới

Phát triển CNHT Hà Tĩnh để từng bước tham gia vào việc sản xuất và cung cấp các linh kiện, phụ kiện cho các ngành công nghiệp trên địa bàn tỉnh, các tỉnh Bắc Trung bộ và trong cả nước tiến tới tham gia chuỗi cung ứng toàn cầu; góp phần làm tăng giá trị gia tăng và tăng tỷ trọng đóng góp của CNHT trong giá trị sản xuất công nghiệp, tăng giá trị xuất khẩu.

Tập trung thu hút đầu tư phát triển CNHT, đặc biệt chú trọng một số ngành CNHT trong lĩnh vực cơ khí, chế tạo, sản xuất lắp ráp ô tô, linh kiện, điện, điện tử, dệt may; thu hút kêu gọi đầu tư các doanh nghiệp vệ tinh; các nhà máy sản xuất từ thép chế tạo của Công ty TNHH Hưng nghiệp Formosa Hà Tĩnh và các Nhà máy sản xuất pin của Công ty Cổ phần giải pháp năng lượng Vines Hà Tĩnh (Tập đoàn Vingroup)...

Giá trị sản xuất công nghiệp đến năm 2025 tăng bình quân 16-18%/năm; giai đoạn 2026-2030 tăng bình quân khoảng 6-8%. Giá trị tăng thêm bình quân hàng năm khoảng 10-12%/năm trong đó tỷ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo trong GRDP toàn tỉnh đến năm 2025 là 35,8%, đến năm 2030 là 32,6%; phần đầu đến năm 2030 CNHT chiếm 50% giá trị sản xuất ngành công nghiệp chế biến, chế tạo của tỉnh.

Đến năm 2025, phát triển 03 đến 05 doanh nghiệp lớn và vừa hoạt động trong các lĩnh vực CNHT; đến năm 2030, thu hút 05 đến 07 doanh nghiệp

CNHT; hình thành cụm liên kết ngành công nghiệp trong nước có quy mô lớn, đa quốc gia, có năng lực cạnh tranh quốc tế¹².

Phát triển CNHT từ các nhà máy sản xuất sản phẩm CNHT hiện có (pin, thép chế tạo, sợi, may) là động lực, tạo đột phá về phát triển CNHT của tỉnh giai đoạn 2025-2030 và những năm tiếp theo; tập trung hỗ trợ Công ty TNHH Hưng nghiệp Formosa Hà Tĩnh hoàn thiện khu gia công phụ trợ, thu hút các dự án thứ cấp đầu tư trong lĩnh vực hậu thép, sản xuất sản phẩm thép chế tạo phục vụ phát triển CNHT.

Sau năm 2030, hình thành 01 đến 02 KCN, trong đó có các phân khu phát triển CNHT; hỗ trợ hoạt động ươm tạo trong từng lĩnh vực CNHT riêng biệt nhằm hỗ trợ các doanh nghiệp CNHT khởi nghiệp và mở rộng sản xuất.

Nhóm ngành CNHT ưu tiên tập trung phát triển:

Danh mục sản phẩm CNHT ưu tiên phát triển theo Nghị định số 111/2015/NĐ-CP ngày 03/11/2015 của Chính phủ có 6 nhóm gồm ngành dệt may, ngành da giày, ngành điện tử, ngành sản xuất, lắp ráp ô tô, ngành cơ khí chế tạo và các sản phẩm CNHT cho công nghiệp công nghệ cao.

Trên cơ sở đánh giá hiện trạng, dự báo xu hướng phát triển CNHT trong nước và khu vực Bắc Trung Bộ; Căn cứ Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Hà Tĩnh tập trung ưu tiên vào 5/6 nhóm ngành chủ yếu sau đây:

(1) *CNHT ngành cơ khí, chế tạo*: Tập trung thu hút đầu tư các dự án sản xuất linh kiện phụ tùng và công nghiệp hậu thép: sản xuất các loại linh kiện, phụ tùng kim loại; rèn đúc, chế tạo thiết bị, máy nông nghiệp; các dự án hậu thép, sử dụng sản phẩm thép của Công ty TNHH Hưng nghiệp Formosa Hà Tĩnh; các cơ sở luyện kim, xưởng sửa chữa cơ khí và bảo dưỡng máy móc; nhà máy mạ hợp kim... Ngành này tập trung thu hút vào KKT Vũng Áng.

(2) *CNHT ngành dệt - may*: Nhu cầu sử dụng về phụ liệu, linh kiện sử dụng cho ngành dệt, may trên địa bàn khá lớn. Việc thu hút đầu tư một số cơ sở sản xuất phụ liệu, phụ kiện phục vụ các nhà máy may, nhà máy sản xuất sợi là cần thiết, trong đó ưu tiên các sản phẩm có chất lượng và giá trị gia tăng cao, ứng dụng công nghệ mới. Tập trung thu hút đầu tư vào CCN phía Bắc của tỉnh, trong đó tập trung tại thị xã Hồng Lĩnh, Đức Thọ.

¹² Dự kiến thu hút 01-02 doanh nghiệp sản xuất nguyên phụ liệu ngành may; 03-05 doanh nghiệp sản xuất sản phẩm ngành cơ khí, chế tạo, trong đó lấy KCN hậu thép của FHS làm trung tâm; 01-02 doanh nghiệp trong ngành lắp ráp ô tô, xe máy...

(3) *CNHT ngành sản xuất, lắp ráp ô tô*: Tập trung thu hút đầu tư các dự án sản xuất linh kiện, cụm linh kiện, các hệ thống, chi tiết phục vụ sản xuất và lắp ráp ô tô; dự án sản xuất vật liệu nhựa sản xuất linh kiện ô tô..., nòng cốt là thu hút đầu tư nhà máy sản xuất, lắp ráp ô tô và linh phụ kiện vào KKT Vũng Áng và các doanh nghiệp vệ tinh trong chuỗi sản xuất ô tô.

(4) *CNHT ngành điện tử*: Đây là nhóm ngành phát triển theo xu thế của công nghiệp 4.0 nhằm sản xuất các sản phẩm điện tử cung cấp linh kiện phụ kiện điện tử cho các nhà sản xuất lớn trong nước và thế giới. Trên cơ sở các nhà máy sản xuất Pin, xạc, việc hình thành các cơ sở vệ tinh để sản xuất, lắp ráp cho ngành điện tử từ các dự án này và sử dụng nguồn nhân lực sẵn có trên địa bàn để phát triển CNHT ngành CNTT (cả ở phần mềm và phần cứng). Dự kiến hình thành trung tâm khoa học - công nghệ và trung tâm đào tạo nghề nghiệp kỹ thuật cho tương lai; sớm xây dựng một khu phát triển phần mềm, hình thành KCN CNTT; dựa vào đó, cần tiến hành xây dựng năng lực phân tích dữ liệu lớn (dùng học máy - machine learning và các phần mềm lập trình tối ưu hóa như AIMMS, Gurobi...)¹³. CNHT ngành điện tử sẽ tập trung thu hút vào các KCN Thạch Hà, phía Tây thành phố Hà Tĩnh.

(5) *CNHT công nghiệp công nghệ cao*: các sản phẩm công nghiệp công nghệ cao như: các loại khuôn mẫu: khuôn mẫu có độ chính xác cao, khuôn đúc nhựa có độ chính xác cao; các loại chi tiết cơ khí tiêu chuẩn chất lượng cao: các loại đai ốc, bu lông, ốc vít có độ chính xác cao dùng cho các thiết bị điện tử, cơ điện tử, điện tử y tế, rô bốt công nghiệp có thể sử dụng từ nguồn nguyên liệu thép chế tạo sẵn có của Công ty FHS. CNHT công nghệ cao sẽ tập trung thu hút vào các KKT, KCN, CCN trên địa bàn tỉnh.

Thứ 5: Xây dựng đề án để đưa ra các giải pháp phù hợp cho sự phát triển CNHT tỉnh Hà Tĩnh

Đề án phát triển CNHT tập trung nghiên cứu đề xuất các giải pháp nhằm cải thiện, xử lý, khai thông, phát triển CNHT trong thời gian tới trong đó việc xây dựng cơ chế chính sách đồng bộ, đủ mạnh, hấp dẫn các nhà đầu tư là yêu cầu cấp thiết.

Ngoài các giải pháp thúc đẩy phát triển CNHT đã được xác định tại Nghị quyết số 115/NQ-CP ngày 06/8/2020 của Chính phủ, Hà Tĩnh cần tập trung thực hiện đồng bộ 05 nhóm nhiệm vụ, giải pháp gồm:

¹³ Theo phương án phát triển các ngành công nghiệp trọng điểm đã được phê duyệt tại Quy hoạch tỉnh.

Nhóm giải pháp thứ nhất: Chính sách phát triển CNHT Hà Tĩnh, trong đó tập trung triển khai thực hiện đồng bộ Nghị quyết số 96/2022/NQ-HĐND ngày 16/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về một số chính sách phát triển CN-TTCN đến năm 2025 một cách có hiệu quả nhằm tạo động lực thu hút đầu tư, kết nối doanh nghiệp. Tập trung hỗ trợ doanh nghiệp CNHT, đặc biệt là các doanh nghiệp nhỏ và vừa làm vệ tinh cho các doanh nghiệp chủ lực, các doanh nghiệp FDI.

Nhóm giải pháp thứ hai: Xây dựng các chương trình, dự án trọng tâm về công nghiệp và CNHT ưu tiên phát triển và tiến hành kêu gọi xúc tiến đầu tư vào địa bàn, trong đó cần đổi mới công tác xúc tiến đầu tư theo hướng chuyên nghiệp, có trọng điểm.

Nhóm giải pháp thứ ba: Nâng cao năng lực cho các đơn vị hoạt động trong lĩnh vực CNHT nhất là năng lực bứt phá về hạ tầng và chuyển giao công nghệ trong hoạt động CNHT.

Nhóm giải pháp thứ tư: Phát triển nguồn nhân lực phục vụ CNHT, phải xác định nhân lực đóng vai trò quan trọng, kỹ năng lao động, trình độ lao động quyết định đến chất lượng sản phẩm, trình độ quản lý kết nối, hợp tác quốc tế sẽ mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm.

Nhóm giải pháp thứ năm: Nâng cao năng lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước và liên kết vùng trong phát triển CNHT. Vai trò kết nối trung gian, xây dựng dữ liệu, cung cấp thông tin giúp giảm tình trạng thiếu thông tin và mở rộng giao dịch giữa nhà lắp ráp nước ngoài và nhà cung cấp trong nước; đồng thời, dần tạo dựng một cơ sở dữ liệu tốt giúp giảm chi phí giao dịch và thời gian, phối hợp xây dựng cơ sở dữ liệu về CNHT của vùng phục vụ cho công tác thống kê, dự báo cho các cơ sở sản xuất sản phẩm CNHT.

Các nhóm giải pháp mang tính đồng bộ, thực hiện ở tất cả các cấp, các ngành và nội tại cơ sở doanh nghiệp. Để giải quyết điểm nghẽn trước mắt về phát triển kinh tế nói chung, phát triển công nghiệp và CNHT nói riêng trên địa bàn cần:

Một là, tiếp tục tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ các dự án công nghiệp lớn, trọng điểm, tạo mọi điều kiện để hai Nhà máy Pin của Tập đoàn Vingroup đi vào vận hành và sản xuất theo kế hoạch. Tích cực thu hút đầu tư lĩnh vực CNHT và ngành công nghiệp sau thép, khuyến khích phát triển sản

xuất công nghiệp theo chiều sâu; tiếp tục tổ chức thực hiện các giải pháp phát triển dịch vụ logistics.

Hai là, thực hiện đồng bộ giải pháp cải thiện môi trường kinh doanh, phát huy hiệu quả Bộ chỉ số đánh giá năng lực cạnh tranh cấp sở, ngành và các địa phương (DDCI), góp phần nâng cao Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI).

Ba là, tiếp tục rà soát đơn giản hóa các thủ tục hành chính, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin; tạo môi trường bình đẳng, thuận lợi đối với các nhà đầu tư. Tăng cường các hoạt động thu hút đầu tư, đặc biệt là các dự án lớn, các nhà đầu tư chiến lược.

Bốn là, tập trung xử lý các điểm nghẽn, nút thắt về đất đai; giải quyết các xung đột pháp lý về thủ tục giao đất, xác định đơn giá đền bù, giá đất cụ thể...

Với thực tiễn công nghiệp nói chung, CNHT nói riêng, việc xây dựng đề án, đưa ra các giải pháp và xây dựng cơ chế chính sách phát triển CNHT là nghiên cứu đồng bộ, tạo tiền đề để tin rằng CNHT Hà Tĩnh sẽ phát triển trong tương lai không xa./.

**VAI TRÒ CỦA KHU KINH TẾ VŨNG ÁNG TRONG QUYẾT ĐỊNH VỀ
VIỆC QUY HOẠCH TỈNH HÀ TĨNH THỜI KỲ 2021-2030,
TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050**

Ths. Phan Bá Linh
Trưởng Chính trị Trần Phú

Mục tiêu mà Đảng bộ Hà Tĩnh đề ra đối với Khu Kinh tế (KKT) Vũng Áng tại Đại hội lần thứ XIX là xây dựng KKTS thành khu kinh tế đa chức năng, trung tâm công nghiệp và logistics, trở thành động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Hà Tĩnh và khu vực Bắc Trung Bộ, trở thành một trong những mắt xích quan trọng trong phát triển giao thương, kinh tế Tiểu vùng sông Mekong.

Tiếp đó, ngày 22/11/2021, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 09-NQ/TU – Nghị quyết chuyên đề về phát triển Khu kinh tế Vũng Áng giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030, xác định: “Xây dựng Khu Kinh tế Vũng Áng là nhiệm vụ trọng tâm, trọng điểm trong phát triển kinh tế - xã hội, phù hợp với Quy hoạch tỉnh giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050”.

Xuất phát từ tầm quan trọng của KKT Vũng Áng, tại Quyết định số 1363/QĐ-TTg, ngày 08/11/2022 của Thủ tướng Chính Phủ Về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Hà Tĩnh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, đã đặt KKT Vũng Áng đúng tầm trong các nội dung cơ bản của Quy hoạch, nhằm thực hiện mục tiêu “Xây dựng tỉnh Hà Tĩnh trở thành một trong những cực phát triển của vùng Bắc Trung bộ và Duyên hải miền Trung, phấn đấu đến năm 2030 trở thành tỉnh khá, nằm trong nhóm 20 tỉnh, thành phố có tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) cao nhất cả nước; phát triển các lĩnh vực văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội, đối ngoại ổn định, bền vững”.

Trong *quan điểm, mục tiêu và các định hướng lớn tạo đột phá phát triển*, Quy hoạch xác định có bốn ngành trọng điểm, thì trong đó có hai ngành là công nghiệp luyện thép, công nghiệp hỗ trợ, chế tạo sau thép, sản xuất điện và ngành dịch vụ logistics, đều là những lĩnh vực kinh tế chủ đạo của KKT Vũng Áng. Quy hoạch đồng thời xác định Trung tâm đô thị phía Nam với hạt nhân là thị xã Kỳ Anh gắn với Khu kinh tế Vũng Áng là một ba trung tâm đô thị; trong ba hành lang kinh tế, có hành lang kinh tế đồng bằng ven biển gắn với quốc lộ 1, cao tốc Bắc Nam và đường ven biển đều gắn với KKT Vũng Áng. Đặc biệt, KKT Vũng Áng với hạt nhân là Khu liên hợp gang thép Formosa, cụm cảng nước sâu Vũng Áng - Sơn Dương được xác định là trung tâm động lực tăng trưởng duy nhất của tỉnh.

Về phát triển ngành, lĩnh vực, phương hướng phát triển các ngành quan trọng của tỉnh, xác định: Đối với ngành công nghiệp, định hướng phát triển theo “chiều sâu, tạo bước đột phá trong nâng cao năng suất, chất lượng, sức cạnh tranh của sản phẩm, gắn với mục tiêu đảm bảo các điều kiện về tăng trưởng xanh và phát triển bền vững”. Trong đó, luyện thép và sản xuất các sản phẩm từ thép thì tiếp tục đầu tư nâng công suất Nhà máy thép Formosa (giai đoạn 2); trong sản xuất điện, tập trung hoàn thành nhà máy nhiệt điện Vũng Áng II bằng công nghệ điện than. Đối với, ngành dịch vụ, dịch vụ logistics được xác định phát triển thành ngành kinh tế quan trọng của tỉnh, trong đó, tập trung phát triển trung tâm dịch vụ logistics và dịch vụ cảng biển tại Khu kinh tế Vũng Áng (cùng với trung tâm logistics tại Khu kinh tế cửa khẩu Cầu Treo và huyện Đức Thọ).

Về phương án phát triển mạng lưới đường bộ, đường sắt, hệ thống cảng biển Hà Tĩnh thời kỳ 2021- 2030, để phát huy vai trò của KKT Vũng Áng và phục vụ cho quá trình xây dựng và phát triển KKT Vũng Áng, theo Quyết định số 1579/QĐ-TTg ngày 22/09/2021 của Thủ tướng Chính phủ, chủ trương xây dựng, mở rộng Quốc lộ 12C, Cảng Vũng Áng - Đường Hồ Chí Minh, huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình (quy mô quy hoạch: III, 2 - 4 làn xe); đường cao tốc Vũng Áng - Cha Lo (4 làn xe); đường ven biển đoạn qua Hà Tĩnh: Cầu Cửa Hội - Vũng Áng - Đèo Ngang (quy mô quy hoạch III, 2 - 4 làn xe); đường tỉnh ĐT. 547 (đường ven biển), Xuân Hội - Khu kinh tế Vũng Áng (quy mô quy hoạch III, 2 - 4 làn xe); đường sắt Vũng Áng - Tân Ấp - Mụ Giạ và đường sắt tốc độ cao Bắc Nam đoạn qua Hà Tĩnh. Phát triển hệ thống cảng biển với Khu bến Vũng Áng (địa điểm vùng đất và vùng nước khu vực phía Tây); Khu bến Sơn Dương (Vùng đất và vùng nước khu vực phía Đông Mũi Ròn).

Về phương án phát triển nguồn điện và mạng lưới cấp điện, Quy hoạch xác định phát triển nguồn điện phải gắn với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, phù hợp với quy hoạch điện lực quốc gia. Về nhiệt điện, dự kiến dự án đầu tư phát triển thời kỳ 2021- 2030 có Nhà máy nhiệt điện Vũng Áng II với công suất dự kiến 1.200 MW; về điện khí, có Nhà máy điện khí Vũng Áng III, công suất dự kiến 4.500 MW và Nhà máy điện khí Fomosa, công suất dự kiến 600 MW.

Đối với các dự án trạm biến áp và đường dây đầu tư phát triển thời kỳ 2021- 2030, gồm:

Hệ thống điện 500 kV: Trạm biến áp 500kV Vũng Áng, thực hiện cải tạo, nâng công suất máy biến áp 1, lắp máy biến áp 2, tổng công suất 1800MW; xây dựng mới tuyến đường dây 500kV Nhiệt điện Vũng Áng III - Nhiệt điện Quỳnh

Lập, 02 mạch x 220 km; xây dựng mới tuyến đường dây 500kV Nhiệt điện Quảng Trạch - Vũng Áng, 02 mạch x 18km; Xây dựng mới tuyến đường dây 500kV Nhiệt điện Vũng Áng 3 - Rẽ Quảng Trạch 1 - Vũng Áng, 04 mạch x 2,0 km; cải tạo đường dây 500kV Vũng Áng - Nho Quan (cải tạo đường dây 500kV 01 mạch lên thành 02 mạch x 378 km); xây dựng mới tuyến đường dây 500kV Vũng Áng - Rẽ Hà Tĩnh - Đà Nẵng (chuyển tiếp trên đường dây 500kV Hà Tĩnh - Đà Nẵng) 02 mạch x 17km.

Hệ thống điện 220kV: Về trạm biến áp, xây dựng mới trạm biến áp 220kV Vũng Áng, công suất 1x125 MVA; cải tạo trạm biến áp 220kV Vũng Áng (lắp máy biến áp 2, công suất 250MVA); cải tạo, nâng quy mô công suất trạm biến áp 220kV Vũng Áng (lắp thêm máy biến áp AT2 công suất 125MVA); xây dựng mới trạm biến áp 220kV Vũng Áng 2, công suất 2x250MVA (cấp điện cho Khu công nghiệp trung tâm lô CN4, CN5 - KKT Vũng Áng). Về đường dây, xây dựng mới đường dây 220kV đầu nối trạm biến áp 220kV Vũng Áng 2, (cấp điện cho Khu công nghiệp trung tâm lô CN4, CN5 - KKT Vũng Áng); xây dựng đường dây 220kV điện mặt trời Kỳ Sơn - Vũng Áng đầu nối vào thanh cái 220kV trạm 220kV Vũng Áng, 01 mạch x 15km; Xây dựng mới đường dây 220k; xây dựng mới đường dây 220kV Vũng Áng - Nhiệt điện Vũng Áng, 02 mạch x 3km; Vũng Áng - Ba Đồn - Đồng Hới, 02 mạch x 85km...

Hệ thống điện 110 kV: Về trạm biến áp, cải tạo, nâng công suất trạm biến áp 110kV Vũng Áng 2 (lắp thêm máy biến áp AT2 với công suất 63MVA - 110/35/22kV); xây dựng mới trạm biến áp 110kV Vũng Áng 3 (63MVA - 110/35/22kV). Về xây dựng đường dây, xây dựng mới đường dây 110kV (đầu nối chuyển tiếp trên đường dây 110kV Kỳ Anh - Vũng Áng) 02 mạch x 9,4km; xây dựng mới các tuyến đường dây 110kV cấp điện Khu công nghiệp trung tâm lô CN4, CN5- KKT Vũng Áng (xuất tuyến sau trạm biến áp 220kV Vũng Áng 2); xây dựng mới xuất tuyến 110kV từ trạm 220kV Vũng Áng - Vũng Áng 3 (đồng bộ trạm biến áp 110kV Vũng Áng 3), 02 mạch x 2,5km.

Về phương án phát triển trung tâm logistics, Quy hoạch xác định xây dựng 04 trung tâm, trong đó có 02 trung tâm tại KKT Vũng Áng. Xây dựng 2 kho chứa xăng dầu và khí quy mô từ 5.000 m³ trở lên tại Vũng Áng. Bố trí 01 kho chứa xăng dầu và 02 tàu trung chuyển có dung tích trên 210 m³ đến dưới 5.000 m³ tại KKT Vũng Áng.

Về quy hoạch không gian lãnh thổ, không gian liên huyện của tỉnh được quy hoạch thành 4 vùng, trong đó, Vùng phía Nam, gồm: Phía Nam huyện Cẩm

Xuyên, huyện Kỳ Anh và thị xã Kỳ Anh, với hạt nhân là thị xã Kỳ Anh gắn với KKT Vũng Áng. Về vùng động lực và các trục phát triển, quy hoạch Thị xã Kỳ Anh với trọng tâm KKT Vũng Áng là trung tâm công nghiệp, dịch vụ phía Nam Hà Tĩnh; tập trung phát triển công nghiệp luyện thép, chế biến, chế tạo sau thép, các dịch vụ hỗ trợ sản xuất và du lịch nghỉ dưỡng. Về các trục phát triển, đặc biệt trục theo hướng Đông – Tây, có trục dọc theo Quốc lộ 12C, đường sắt Vũng Áng - Tân Ấp - Mụ Giạ và đường bộ cao tốc Vũng Áng - Cha Lo (trong tương lai); Kết nối Khu kinh tế Vũng Áng với cửa khẩu Cha Lo (tỉnh Quảng Bình), Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào và vùng Đông Bắc Thái Lan.

Về phương án phát triển đô thị Hà Tĩnh thời kỳ 2021-2030, dự kiến đến năm 2025, Thị xã Kỳ Anh trở thành thành phố (đô thị loại II) và hình thành chuỗi đô thị dọc theo quốc lộ 1 và đường ven biển gồm các đô thị hạt nhân là thành phố Hà Tĩnh, thành phố Kỳ Anh và thị xã Hồng Lĩnh gắn với thị trấn Xuân An, thị trấn Tiên Điền, Nghi Xuân và vùng phụ cận.

Về phương án tổ chức không gian phát triển khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp. Quy hoạch chủ trương “Tiếp tục phát triển khu kinh tế Vũng Áng theo hướng đa ngành nghề, đa lĩnh vực, có kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại, sớm hình thành trung tâm kinh tế và đô thị phía Nam của tỉnh; nghiên cứu mở rộng quy mô diện tích, phạm vi ranh giới khu kinh tế Vũng Áng để đảm bảo phát triển lâu dài, bền vững”; đồng thời phát triển các khu công nghiệp trong KKT Vũng Áng, Khu công nghiệp Vũng Áng I (với diện tích 116ha) và các khu công nghiệp khác theo quy hoạch chung xây dựng KKT Vũng Áng hoặc Quy hoạch chung xây dựng thị xã Kỳ Anh...

Theo Quyết định số 1363/QĐ-TTg ngày 08 tháng 11 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ, các dự án ưu tiên đầu tư thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 có tác động trực tiếp đến quá trình xây dựng và phát triển KKT Vũng Áng, gồm có:

- *Các dự án Trung ương đầu tư:* Đường bộ cao tốc Bắc Nam phía Đông đoạn Bãi Vọt - Vũng Áng; nâng cấp QL.12C đoạn từ cảng Vũng Áng đến đường Hồ Chí Minh; nâng cấp QL.1 đoạn qua trung tâm thị xã Kỳ Anh và Khu kinh tế Vũng Áng; kéo dài Đê chắn sóng phía Bắc và xây dựng Đê chắn sóng phía Tây khu bến cảng Vũng Áng.

- *Các dự án tỉnh đầu tư:*

Về giao thông: Nâng cấp đường ven biển Xuân Hội - Thạch Khê - Vũng Áng; đường vành đai phía Nam Khu kinh tế Vũng Áng.

Về hạ tầng khu kinh tế; khu công nghiệp, cụm công nghiệp: Hạ tầng Khu kinh tế Vũng Áng

Về tài nguyên môi trường: Hạ tầng thoát nước và xử lý nước thải cho Khu kinh tế Vũng Áng

Về hạ tầng đô thị: Dự án Phát triển tổng hợp các đô thị động lực - Tiểu dự án đô thị Kỳ Anh...

- *Các dự án kêu gọi đầu tư:* Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng các khu công nghiệp trong khu kinh tế Vũng Áng ; Trung tâm logistics Vũng Áng; Cảng biển và trung tâm logistics Sơn Dương

- *Dự án sản xuất kinh doanh khác tại KKT Vũng Áng, Thị xã Kỳ Anh:* Nâng công suất Nhà máy thép Fomosa (giai đoạn 2); Tổ hợp Nhà máy tinh chế thép (Sản xuất thép tấm, thép cán nguội, dây chuyền tráng/mạ thép, thép ống, nhà máy thép hình); Nhà máy cơ khí chế tạo máy móc (thiết bị động lực, thiết bị nâng hạ); Tổ hợp Nhà máy sản xuất ô tô/linh kiện ô tô; Nhà máy chế tạo và sửa chữa đầu máy, toa xe - công nghiệp đường sắt; Nhà máy đóng các loại tàu cá bằng sắt thép; Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng II; Nhà máy điện khí Fomosa (giai đoạn 2); Nhà máy điện khí Vũng Áng III; Trung tâm nhập khẩu và phân phối LNG.

Đặc biệt, nhằm đảm bảo nguồn lực thực hiện Quy hoạch, Quyết định số 1363/QĐ-TTg, ngày 08/11/2022 của Thủ tướng Chính Phủ Về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Hà Tĩnh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã xác định hệ thống các giải pháp toàn diện. Trong đó, phần lớn các giải pháp có tác động, ảnh hưởng tích cực, có lợi thế đối với tới mục tiêu xây dựng Khu kinh tế Vũng Áng thành khu kinh tế đa chức năng, trung tâm công nghiệp và logistics, trở thành động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Hà Tĩnh và khu vực Bắc Trung Bộ. Trong đó có giải pháp về huy động và sử dụng vốn đầu tư; giải pháp về phát triển nguồn nhân lực; giải pháp về bảo vệ môi trường; giải pháp về phát triển khoa học công nghệ và chuyển đổi số; Giải pháp về cơ chế, chính sách liên kết phát triển...

Việc Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định Quy hoạch tỉnh Hà Tĩnh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, trong đó có nhiều nội dung, phương án, dự án liên quan, tác động trực tiếp, tích cực đến KKT Vũng Áng Hà

Tỉnh đã khẳng định trong thực tiễn vị trí, vai trò, tầm quan trọng của của KKT Vũng Áng trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của Hà Tĩnh nói riêng, cả nước nói chung; đồng thời, đó cũng là cơ hội quan trọng để cả hệ thống chính trị ở Hà Tĩnh, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, quyết tâm thực hiện thắng lợi các mục tiêu xây dựng, phát triển KKT Vũng Áng mà Nghị quyết Đại hội lần thứ XIX và Nghị quyết số 09 – NQ/TU của Đảng bộ Hà Tĩnh đã đề ra./.

PHẦN II
CHỦ TRƯỞNG, CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN
KHU KINH TẾ VŨNG ÁNG

**GẢI PHÁP THỰC HIỆN CÓ HIỆU QUẢ CHÍNH SÁCH XÃ HỘI, GIẢI
QUYẾT CÁC VẤN ĐỀ XÃ HỘI NẢY SINH, ĐẢM BẢO QUỐC PHÒNG -
AN NINH, AN SINH XÃ HỘI TRONG QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG,
PHÁT TRIỂN KHU KINH TẾ VŨNG ÁNG**

PGS, TS. Đặng Thị Ánh Tuyết
Phó Vụ trưởng Vụ Quản lý khoa học
Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh

Là một trong năm khu kinh tế ven biển trọng điểm của cả nước, với tốc độ phát triển nhanh trên các lĩnh vực, Khu kinh tế (KKT) Vũng Áng đang là trung tâm công nghiệp nặng lớn nhất khu vực Đông Nam Á với sản phẩm công nghiệp chủ lực là thép, nhiệt điện và dịch vụ cảng nước sâu. Khu kinh tế Vũng Áng từng bước khẳng định vai trò động lực, đóng góp hơn 56% tổng thu ngân sách trên địa bàn tỉnh, trên 95% số thu xuất nhập khẩu, chiếm 90% giá trị sản xuất công nghiệp và 87% tổng kim ngạch xuất nhập khẩu của tỉnh. Đến nay, tại Khu kinh tế Vũng Áng có 84 dự án đầu tư trong nước với tổng mức đầu tư đăng ký 48,7 ngàn tỷ đồng và 57 dự án đầu tư nước ngoài với tổng mức đầu tư đăng ký 13,6 tỷ USD, tạo việc làm ổn định cho hơn 20 ngàn lao động. Dự án Khu liên hợp gang thép và cảng Sơn Dương Formosa Hà Tĩnh (giai đoạn 1 với tổng vốn giải ngân hơn 12,4 tỷ USD) đi vào hoạt động, cung cấp ra thị trường trên 29 triệu tấn thép, trở thành hạt nhân tăng trưởng của nền kinh tế. Cảng nước sâu Sơn Dương đến nay đã có 12 bến cảng đi vào hoạt động chính thức, có bến cho tàu trọng tải đến 30 vạn tấn; cảng tổng hợp Vũng Áng đã sắp hoàn thành tất cả 7 bến với công suất 15 triệu tấn/năm¹. Tuy nhiên, quá trình phát triển mạnh mẽ với khối lượng công việc đồ sộ, mật độ lao động đông đúc dẫn đến tình hình an ninh trật tự (ANTT), quản lý lao động đã và đang có những diễn biến phức tạp. Trong quá trình phát triển kinh tế nổi lên các vấn đề xã hội đòi hỏi các cấp chính quyền quan tâm giải quyết để đảm bảo sự phát triển bền vững và mọi người dân đều được thụ hưởng thành quả từ quá trình phát triển kinh tế, đảm bảo quốc phòng - an ninh, an sinh xã hội trong quá trình xây dựng và phát triển Khu kinh tế Vũng Áng.

1. Một số vấn đề xã hội nổi cộm cần quan tâm

Cũng như nhiều địa phương khác trong cả nước, khi phát triển kinh tế vẫn đề được các cấp chính quyền và người dân quan tâm là giải phóng mặt bằng, thực hiện tái định cư (TĐC), thu hồi đất, bố trí nơi ở mới cho người dân. Làn sóng đầu tư mới với hàng chục doanh nghiệp (DN) đã và đang khảo sát đầu tư vào Khu

kinh tế (KKT) Vũng Áng, cùng với những tồn đọng cũ chưa được giải quyết dứt điểm đang đặt công tác BT-GPMB, tái định cư ở TX Kỳ Anh trước những yêu cầu lớn hơn. GPMB phục vụ các dự án trọng điểm và tạo quỹ đất thu hút nhà đầu tư ở KKT Vũng Áng là nhiệm vụ quan trọng, tạo sức bật để Hà Tĩnh hiện thực hóa mục tiêu trở thành tỉnh khá của cả nước. Câu hỏi đặt ra là liệu cuộc sống ở nơi ở mới có bằng hay tốt hơn nơi ở cũ hay không? Sinh kế của người dân trong thời gian tới như thế nào, có bền vững hay không? Muốn công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng (BT- GPMB) đạt được kết quả bền vững thì điều cốt yếu trước tiên là phải chăm lo cuộc sống người dân, giúp bà con yên tâm khi nhường đất cho dự án để di dời đến nơi ở mới. Theo đó, cần giải quyết dứt điểm tình trạng khu tái định cư có hạ tầng bị xuống cấp; khi thực hiện GPMB dự án mới, cơ quan chức năng cần khảo sát, lựa chọn vị trí, lập quy hoạch các khu TĐC, khu nghĩa trang đảm bảo thuận tiện trong giao thông và có hạ tầng khang trang, tốt hơn nơi ở cũ. Ngoài ra, để tạo niềm tin cho người dân trong thực hiện BT-GPMB, TĐC, cần tiếp tục nâng cao hiệu quả công tác thu hút đầu tư, chủ động hỗ trợ, đồng hành cùng DN, nhà đầu tư tháo gỡ vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ triển khai dự án; kiên quyết thu hồi các dự án chậm tiến độ, đặc biệt là các dự án đã được giao đất nhưng chây ỳ, không triển khai theo tiến độ đã cam kết; thực hiện các biện pháp xử lý kịp thời để tránh xảy ra tình trạng “sốt” giá và “bong bóng” bất động sản gây khó khăn cho công tác BT-GPMB.

Theo khảo sát của Phòng LĐ-TB&XH thị xã Kỳ Anh, tại các vùng TĐC hiện có hơn 9.000 người trong độ tuổi lao động, phần lớn đã có việc làm; tuy nhiên, trong số đó có khoảng 50% lao động phổ thông, chưa qua đào tạo. Tại các vùng chuẩn bị GPMB, di dời lên vùng TĐC, có hơn 7.000 người trong độ tuổi lao động, trong đó, hơn 40% lao động phổ thông, chưa qua đào tạo. Bên cạnh số lao động chưa được đào tạo nghề còn lớn thì số lao động làm việc bằng nghề được đào tạo cũng rất hạn chế. Đ/c Hoàng Văn Đức - Bí thư Đoàn phường Kỳ Phương cho biết việc làm cho thanh niên trên địa bàn không thiếu, nhưng tỷ lệ lao động phổ thông còn chiếm hơn 60%. Trong khi đó, trên địa bàn có hơn 30% thanh niên đã tốt nghiệp đại học hoặc có chứng chỉ học nghề nhưng phần lớn lại làm việc không đúng ngành nghề được đào tạo. ***Vấn đề đáng quan tâm ở đây là mặc dù các cấp chính quyền đã quan tâm tạo việc làm cho người dân nhưng phần lớn lao động là lao động phổ thông, chưa qua đào tạo do đó mức thu nhập chưa cao và chưa đảm bảo tính bền vững của việc làm và thu nhập.*** Tại buổi đối thoại với Thường trực Thị ủy, nhiều ý kiến của Đoàn viên thanh niên đã

gửi gắm mong muốn các cấp, ngành cần nắm bắt sát sao hơn nhu cầu tuyển dụng của DN một cách cụ thể về số lượng, ngành nghề để định hướng rõ cho thanh niên khi tham gia học nghề, từ đó tạo niềm tin, động lực cho thanh niên trang bị kiến thức, kỹ năng đáp ứng yêu cầu DN.

Vấn đề tiếp theo là công tác BT-GPMB ở TX Kỳ Anh và khu kinh tế Vũng Áng thời gian tới được dự báo sẽ nảy sinh những khó khăn, vướng mắc bởi quỹ đất bị thu hẹp, giá đất tăng cao, tác động đến tâm lý của người dân. Khi phát triển kinh tế, giá bất động sản leo thang, liệu có xảy ra các rắc rối, rủi ro xã hội liên quan đến tranh chấp, kiện tụng về đất đai? Khi giá đất lên cơn “sốt” liệu người dân có khả năng giữ được đất để “an cư lạc nghiệp”? Hay lại theo xu thế chung của nhiều địa phương khác trong cả nước, đứng trước áp lực kinh tế ngày càng tăng họ bán đất, chuyển dần đi nơi khác, vùng ngoại vi có giá đất rẻ hơn và dần dần ngày càng rời xa vùng đất mình đã gắn bó lâu nay? Muốn điều này không xảy ra, yêu cầu về đảm bảo sinh kế bền vững là rất quan trọng để người dân nơi đây có khả năng, mong muốn gắn bó và đóng góp nhiều hơn nữa cho quê hương và được thụ hưởng các thành tựu từ quá trình phát triển kinh tế nơi đây. Vấn đề tranh chấp đất đai có thể làm phát sinh các vụ khiếu kiện kéo dài, thậm chí gây mất ổn định về an ninh, trật tự, gây rạn nứt các mối quan hệ xã hội tại địa phương, tình làng nghĩa xóm, các mối quan hệ trong họ hàng, dòng tộc.

Khi phát triển kinh tế, tập trung đông công nhân, người lao động từ các nơi đổ về làm việc tại khu kinh tế, theo như qui luật chung của các địa phương về phát triển kinh tế, khu công nghiệp có thể nảy sinh các mối quan hệ và các vấn đề xã hội phức tạp như mâu thuẫn giữa người lao động nhập cư và cư dân địa phương, các vấn đề về cho vay nặng lãi, tệ nạn xã hội... Hay nói cách khác trong thời gian đầu, nếu chúng ta quản lý không tốt các vấn đề xã hội mới nảy sinh là khó tránh khỏi và có nguy cơ lan rộng. Ngoài ra, các cấp chính quyền cần dự báo và chuẩn bị trước cho việc phát triển các dịch vụ xã hội như trường lớp cho học sinh, con em người lao động, điều kiện chăm sóc sức khỏe, nơi vui chơi giải trí, vấn đề điều tiết giao thông tránh quá tải hạ tầng xã hội... Dẫn số liệu của đ/c Hồ Minh Hằng, Ban Tuyên giáo Thị ủy Kỳ Anh: Phường Kỳ Liên có vị trí thuận lợi là địa bàn trung tâm của dự án Formosa. Vào giờ đi làm hay tan tầm, lưu lượng phương tiện đi lại rất lớn, có lúc diễn ra tình trạng tắc nghẽn giao thông. Bên cạnh việc ổn định cuộc sống cho 100% số hộ dân di dời lên khu tái định cư, Kỳ Liên phải bảo đảm an ninh trật tự (ANTT) cho gần 3.300 lượt người tạm trú (xấp xỉ dân số của toàn xã), trong đó có 850 người nước ngoài. Lượng

lao động lưu trú trên địa bàn tăng đột biến, kéo theo nạn cờ bạc, trộm cắp tài sản, gây rối trật tự công cộng... xảy ra khá nhiều. Trong khi đó, lực lượng an ninh của phường mỏng, nên công tác xử lý vi phạm lần kiểm tra đăng ký tạm trú, lưu trú... gặp nhiều khó khăn. Không chỉ phường Kỳ Liên mà hiện nay, tình hình ANTT trên địa bàn các xã, phường nằm trong KKT Vũng Áng khá “nóng”. Trong đó, nổi lên các vấn đề như: trộm cắp tài sản ở các công trường đang thi công, đặc biệt có hiện tượng móc nối với lực lượng chức năng, lực lượng bảo vệ của các nhà thầu, doanh nghiệp để trộm cắp; vi phạm quy hoạch, khai thác, vận chuyển khoáng sản, trật tự an toàn giao thông diễn biến phức tạp. Bên cạnh đó, xuất hiện những mâu thuẫn mới như: tranh chấp địa bàn làm ăn; các ổ nhóm bảo kê, hoạt động theo kiểu xã hội đen cùng các tai tệ nạn xã hội; tội phạm và vi phạm pháp luật trong lứa tuổi vị thành niên có chiều hướng gia tăng nhất là hành vi trộm cắp, cướp giật tài sản; một số vụ việc phát sinh từ công tác giải phóng mặt bằng như cố ý gây thương tích, chống người thi hành công vụ, phá hoại tài sản tại dự án xây dựng đường dây điện 500kv đi qua địa bàn thôn Hòa Lộc (phường Kỳ Trinh); xây dựng cối nói công trình trái phép... Đáng chú ý là sự cố tai nạn lao động tại công trường đúc giồng chìm Formosa làm 13 người chết, 28 người bị thương. Theo báo cáo của Công an thị xã Kỳ Anh: 6 tháng đầu năm 2015, trên địa bàn xảy ra 15 vụ việc về ANTT liên quan đến người nước ngoài và doanh nghiệp, 53 vụ phạm pháp hình sự chiếm 80,3% số vụ phạm pháp hình sự của huyện Kỳ Anh (cũ), 11 vụ tai nạn giao thông làm chết 12 người, chiếm 50% tổng số vụ tai nạn giao thông trên địa bàn huyện Kỳ Anh và thị xã Kỳ Anh².

2. Một số chủ trương, chính sách hướng đến giải quyết các vấn đề xã hội nảy sinh

Trước các vấn đề xã hội nảy sinh như đã nêu ở trên, các cấp chính quyền tỉnh Hà Tĩnh nói chung, thị xã Kỳ Anh nói riêng đã có nhiều giải pháp chính sách để ổn định cuộc sống người dân, hạn chế, giảm thiểu các vấn đề tiêu cực có tính chất phức tạp, ảnh hưởng đến an ninh trật tự và an ninh chính trị, đảm bảo quốc phòng - an ninh, an sinh xã hội.

Ông Đặng Văn Thành - Bí thư Thị ủy Kỳ Anh cho biết, địa phương xác định GPMB gắn với đào tạo để giúp người lao động chuyển đổi nghề một cách bền vững và cung ứng cho các DN là nhiệm vụ cần làm ngay. Hiện nay, UBND thị xã đang giao cho ngành chức năng và chính quyền, các đoàn thể ở địa phương tuyên truyền, vận động và tiếp nhận đăng ký học nghề của đoàn viên, hội viên của mình. Từ đó, UBND thị xã sẽ có kế hoạch liên kết với các cơ sở

đào tạo, tổ chức các lớp dạy nghề linh hoạt nhất về thời gian như vào buổi tối hoặc ngày nghỉ để tránh ảnh hưởng công việc hiện tại của người lao động, đồng thời sẽ trích ngân sách hỗ trợ kinh phí học nghề cho người dân.

Cùng với tạo việc làm ổn định, nâng cao thu nhập cho lao động trong độ tuổi, TX Kỳ Anh cũng đang triển khai các giải pháp đảm bảo cuộc sống cho lao động ngoài độ tuổi và các đối tượng yếu thế ở vùng TĐC. Bên cạnh giao Phòng LĐ-TB&XH tham mưu các chính sách hỗ trợ nhóm đối tượng yếu thế gắn với đề án giải quyết việc làm, xóa đói giảm nghèo, thị xã chỉ đạo các tổ chức đoàn thể, các địa phương chủ động kêu gọi các nguồn lực xã hội hóa để đồng hành, giúp các đối tượng nói trên phát triển sinh kế phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh.

Để đáp ứng yêu cầu mới khi KKT Vũng Áng đang bước vào giai đoạn tăng tốc với nhiều dự án lớn, TX Kỳ Anh đang tiếp tục huy động sự vào cuộc mạnh mẽ hơn nữa của cả hệ thống chính trị, bám sát nguyên tắc dân chủ, minh bạch trong quá trình BT-GPMB, TĐC các dự án; chăm lo tốt nhất cho đời sống, việc làm của người dân, đảm bảo an sinh xã hội và an ninh trật tự trên địa bàn, tạo sự phát triển bền vững cho trung tâm kinh tế động lực phía Nam của tỉnh.

Nghị quyết số 63 của HĐND thị xã Kỳ Anh (khóa II, kỳ họp thứ 7) về một số chính sách hỗ trợ giảm nghèo và an sinh xã hội trên địa bàn thị xã Kỳ Anh giai đoạn 2023 – 2025 với mục tiêu cụ thể như sau: “Phấn đấu 100% các đối tượng hộ nghèo không có khả năng lao động trong độ tuổi từ 55 đến dưới 80 tuổi (đối với nam) và nhó hộ nghèo ốm đau, bệnh tật chưa được hưởng chế độ bảo trợ xã hội được hỗ trợ lương thực hàng tháng. Phấn đấu 100% hộ nghèo thiếu nước sạch đủ điều kiện lắp đặt được hỗ trợ lắp nước sạch hợp vệ sinh. Phấn đấu 100% hộ nghèo và nhân khẩu thuộc hộ nghèo có khả năng lao động đủ điều kiện làm mô hình giảm nghèo được hỗ trợ mô hình giảm nghèo khi có nhu cầu đăng ký làm mô hình giảm nghèo. Phấn đấu 100% hộ nghèo có nhà ở xuống cấp nghiêm trọng được hỗ trợ xây mới hoặc sửa chữa”.

UBND thị xã Kỳ Anh ban hành Đề án Một số chính sách hỗ trợ giảm nghèo và an sinh xã hội, giai đoạn 2023 – 2025. (tháng 11/2022) hướng đến mục tiêu chung “làm tốt công tác an sinh xã hội trên địa bàn. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả các chế độ, chính sách đối với hộ nghèo trên địa bàn, có giải pháp giúp họ vươn lên thoát nghèo góp phần thực hiện thành công Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn thị xã giai đoạn 2020 – 2025 và những năm tiếp theo.

Cùng với các giải pháp chính sách giảm nghèo, các cấp chính quyền và ngành công an xử lý tình hình xây dựng coi nới trái phép, triển khai dự án kênh tách nước phân lũ tại phường Kỳ Trinh... tình hình an ninh trật tự an toàn xã hội trong các xã, phường thuộc Khu kinh tế Vũng Áng sẽ tiếp tục có những diễn biến phức tạp. Bên cạnh đó số lượng lao động nhất là lao động nước ngoài đến làm việc trên địa bàn tiếp tục gia tăng cùng với đó các loại tội phạm hình sự nhất là trộm cắp tài sản và tội phạm về ma túy, kinh tế, tệ nạn xã hội sẽ tiềm ẩn nhiều yếu tố phức tạp, khó lường. Để tiếp tục tăng cường quản lý lao động, đảm bảo tốt ANTT, tạo điều kiện thuận lợi, an toàn cho các nhà đầu tư tại KKT Vũng Áng, cấp ủy, chính quyền từ tỉnh đến xã, phường thuộc Thị xã Kỳ Anh cần tiếp tục xây dựng các phương án, kế hoạch cụ thể để triển khai thực hiện có hiệu quả công tác bảo đảm ANTT. Trong đó, tập trung làm tốt công tác nắm tình hình, diễn biến của các loại tội phạm cũng như quản lý cư trú, quản lý nhân khẩu, hộ khẩu và người nước ngoài làm việc, lao động tại địa bàn; phối hợp với các công ty, doanh nghiệp làm tốt công tác phòng ngừa, ngăn chặn các hoạt động đình công, biểu tình của công nhân... Mặt khác, chủ động lập phương án đấu tranh phòng, chống các loại tội phạm và tệ nạn xã hội; đấu tranh triệt xóa các băng, ổ nhóm tội phạm hoạt động có tổ chức; tăng cường quản lý, thu hồi vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ; tuần tra, xử lý các hành vi vi phạm trật tự an toàn giao thông. Quan tâm, đầu tư cho lực lượng công an, biên phòng chủ yếu là lực lượng cảnh sát cơ động, hình sự, kinh tế, cảnh sát giao thông, quản lý hành chính về trật tự xã hội. Đồng thời, trang bị thêm phương tiện kỹ thuật cho các lực lượng công an đơn vị cơ sở nhất là các xã, phường trung tâm KKT. Thông qua công tác giao ban, công tác phối hợp thường xuyên, đột xuất với nhà thầu trong trao đổi thông tin về ANTT, đã phát hiện và xử lý kịp thời các vụ tranh chấp, khiếu kiện, lãn công... Siết chặt quản lý lao động, trọng tâm là quản lý tạm trú, cấp và quản lý giấy phép lao động cho người nước ngoài. Ban quản lý KKT Vũng Áng đã quy hoạch riêng hơn 40 ha làm chỗ ở tập trung cho các nhà thầu thi công để thống nhất quản lý, đáp ứng yêu cầu về quy định tạm trú, tạm vắng, vệ sinh môi trường, trật tự xã hội. Đồn Công an KKT Vũng Áng thực hiện tốt công tác quản lý lao động, nhất là lao động nước ngoài ngày càng chặt chẽ và đi vào nền nếp hơn (Hồ Minh Hằng, Ban Tuyên giáo Thị ủy Kỳ Anh).

Trong Báo cáo số 181/BC-SLĐTBXH của Sở Lao động, thương binh và xã hội tỉnh Hà Tĩnh có đề cập: Tăng cường vai trò của Nhà nước các cấp trong việc giám sát, điều tiết cung - cầu lao động. Phát triển hệ thống thông tin thị

trường lao động đồng bộ, thống nhất và có sự liên thông giữa các hệ thống thông tin về giáo dục - đào tạo, tăng khả năng kết nối cung - cầu lao động trên thị trường, giữa người lao động với chủ sử dụng lao động. Phối hợp các sở, ngành, địa phương xây dựng Kế hoạch và triển khai thực hiện thu thập, lưu trữ và tổng hợp thông tin thị trường lao động theo Thông tư số 01/2022/TT-BLĐTBXH ngày 25/01/2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. Tiếp tục đầu tư nâng cao năng lực các trung tâm dịch vụ việc làm, hỗ trợ tổ chức các sàn giao dịch việc làm, phát triển mạng thông tin việc làm.

Thực hiện đồng bộ, hiệu quả các chính sách, chương trình, đề án giải quyết việc làm; Đẩy mạnh công tác tư vấn học nghề, giới thiệu việc làm, xuất khẩu lao động thông qua các Ngày hội việc làm, tư vấn học nghề, XKLD tại xã, phường, thị trấn; tăng tần suất các phiên Sàn giao dịch việc làm tại thành phố Hà Tĩnh, KKT Vũng Áng và các phiên giao dịch việc làm lưu động tại các huyện, thành phố, thị xã.

Phối hợp với Tổng cục thống kê, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Cục thuế, Bảo hiểm xã hội tỉnh trong công tác quản lý đối với các loại hình doanh nghiệp đóng trên địa bàn; phối hợp BHXH tỉnh, UBND các huyện, thành phố, thị xã tập huấn, hướng dẫn việc thực hiện các quy định pháp luật về lao động, việc làm, ATVSLĐ, BHXH; tổ chức hội nghị đối thoại tháo gỡ khó khăn trong việc thực hiện pháp luật lao động cho doanh nghiệp.

3. Giải pháp thực hiện có hiệu quả chính sách xã hội, giải quyết các vấn đề xã hội nảy sinh, đảm bảo quốc phòng - an ninh, an sinh xã hội trong quá trình xây dựng, phát triển Khu kinh tế Vũng Áng

Qua phân tích các vấn đề xã hội và một số chính sách xã hội tại khu kinh tế Vũng Áng, thị xã Kỳ Anh, chúng tôi đề xuất một số giải pháp sau đây:

Thứ nhất, cần có một cuộc điều tra, khảo sát Xã hội học đầy đủ về các vấn đề xã hội tồn tại trên địa bàn. Qua đó, nhà quản lý, các cấp chính quyền nắm bắt được các vấn đề xã hội có ảnh hưởng tiêu cực đến đời sống người dân, đồng thời nắm bắt được tâm tư, nguyện vọng của các tầng lớp nhân dân làm cơ sở cho việc ban hành chính sách. Nói cách khác, chính sách ban hành ra phải dựa trên cơ sở khoa học thực chứng, tránh cảm tính và không xác định rõ nguyên nhân của vấn đề. Do đó các giải pháp đưa ra chưa bắt trúng nguyên nhân, làm giảm hiệu quả chính sách.

Thứ hai, các chính sách ban hành hiện nay chưa đầy đủ, bao quát được vấn đề, chủ yếu tập trung vào giải quyết vấn đề giảm nghèo, tạo việc làm cho người lao động, trong đó phần lớn là lao động chưa qua đào tạo, hay lao động tay nghề thấp do đó khó có thể giải quyết triệt để, hiệu quả các vấn đề xã hội. Một số giải pháp giải quyết vấn đề về an ninh trật tự trên địa bàn mới chỉ giải quyết phần ngọn chưa thực sự hướng vào nguyên nhân của vấn đề, do đó thiếu tính bền vững. Theo chúng tôi, cần tiếp cận chính sách có tính đồng bộ và hệ thống về liên thông, đồng bộ chính sách theo chiều dọc và chiều ngang. Điều đó đồng nghĩa với việc cần nhận diện vấn đề tổng thể, đầy đủ các chiều cạnh và cần phối hợp hệ thống các chính sách, chính sách kinh tế, xã hội và môi trường. Phối hợp các chính sách cùng với việc củng cố các thiết chế văn hóa, giáo dục, pháp luật...

Thứ ba, tăng cường khả năng dự báo chính sách để chúng ta có các biện pháp can thiệp từ sớm khi giải quyết các vấn đề xã hội. Kinh nghiệm thực tiễn và trong nghiên cứu chính sách cho thấy việc dự báo sớm, chính xác sẽ giúp nhà nước chủ động hơn trong công tác điều hành, tiết kiệm và sử dụng hiệu quả các nguồn lực trong ứng phó vấn đề xã hội, tránh để khi vấn đề phức tạp mới giải quyết sẽ khó khăn, tốn kém hơn rất nhiều và đôi khi hiệu quả xã hội không cao.

Thứ tư, cần thuê các chuyên gia phân tích, đánh giá, tư vấn chính sách có chuyên môn tốt, có uy tín nghề nghiệp tại các cơ quan nghiên cứu khoa học hàng đầu để nghiên cứu, đánh giá tình hình và tư vấn chính sách. Việc làm này góp phần đảm bảo tính khách quan, khoa học trong nhận diện, phân tích và đưa ra giải pháp có tính khả thi.

Thứ năm, cần tham khảo bài học kinh nghiệm của các địa phương khác trong cả nước về phát triển kinh tế, công tác bồi thường, giải tỏa đền bù. Một số địa phương trong cả nước có kinh nghiệm tốt trong phát triển kinh tế, giải quyết các vấn đề xã hội. Cả bài học thành công cũng như thất bại của các địa phương này có thể có ý nghĩa đối với Vũng Áng trong việc nhận diện và giải quyết các vấn đề xã hội nảy sinh.

Thứ sáu, đảm bảo tính công khai, minh bạch, trách nhiệm giải trình trong quá trình hoạch định và thực thi chính sách. Thực tế cho thấy rất nhiều chính sách, chủ trương, mục đích ban đầu rất tốt nhưng trong quá trình thực thi bị thất thoát, lãng phí làm giảm hiệu quả chính sách. Việc tăng cường tính minh bạch, công khai, trách nhiệm giải trình với mục đích đề cao dân chủ cơ sở theo phương châm “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân thụ hưởng”. Sự tham gia của người dân một mặt tăng cường tính đồng thuận, đồng thời huy

động nguồn lực và sự giám sát của nhân dân để các nguồn lực phát huy tối đa theo kỳ vọng của các nhà hoạch định chính sách. Do đó, tăng cường hiệu quả chính sách.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Báo cáo số 181/BC-SLĐTBXH của Sở Lao động, thương binh và xã hội tỉnh Hà Tĩnh
2. Nghị quyết số 63 của HĐND thị xã Kỳ Anh (khóa II, kỳ họp thứ 7) về một số chính sách hỗ trợ giảm nghèo và an sinh xã hội trên địa bàn thị xã Kỳ Anh giai đoạn 2023 – 2025
3. Đề án Một số chính sách hỗ trợ giảm nghèo và an sinh xã hội, giai đoạn 2023 – 2025. (tháng 11/2022).
4. <https://baohatinh.vn/dau-tu/giai-phong-mat-bang-khu-kinh-te-vung-ang-khi-ca-he-thong-chinh-tri-vao-cuoc-bai-cuoi-tao-viec-lam-ben-vung-nang-cao-chat-luong-cuoc-song-nguoi-dan/229329.htm>.
5. <http://socongthuong.hatinh.gov.vn/index.php/tap-trung-thu-hut-dau-tu-vao-cong-nghiep-sau-thep-cong-nghiep-phu-tro-va-dich-vu-logistic-nang-cao-hieu-qua-hoat-dong-khu-kinh-te-vung-ang-tao-dong-luc-phat-trien-kinh-te-nhanh-va-ben-vung/n671.html>.
6. <https://hatinh.dcs.vn/thong-tin-tu-tuong-so-29-thang-72015/news/tang-cuong-quan-ly-lao-dong-dam-bao-an-ninh-trat-tu-tai-khu-kinh-te-vung-ang.html>
7. Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ thị xã Kỳ Anh lần thứ II, nhiệm kỳ 2020 – 2025 và Chương trình công tác toàn khóa của BCH Đảng bộ thị xã nhiệm kỳ 2020 – 2025.

THU HÚT FDI VÀO HÀ TĨNH: THỰC TRẠNG VÀ MỘT SỐ HÀM Ý CHÍNH SÁCH

PGS.TS. Nguyễn Anh Thu - *Trường Đại học Kinh tế, ĐHQG Hà Nội*

TS. Nguyễn Thị Thanh Mai, *Swinburne Việt Nam, Trường Đại học FPT*

ThS. Trần Hương Linh, *Trường Đại học Kinh tế, ĐHQG Hà Nội*

TS. Nguyễn Thị Vũ Hà, *Trường Đại học Kinh tế, ĐHQG Hà Nội*

PGS.TS. Bùi Văn Huyền, *Viện Kinh tế - Học viện CTQG Hồ Chí Minh*

Tóm tắt: Hà Tĩnh là một trong những tỉnh thuộc khu vực Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung có những điểm sáng nhất định trong việc thu hút vốn FDI theo thời gian. Đã có nhiều tập đoàn kinh tế lớn trong và ngoài nước đang đầu tư các dự án trọng điểm tại Hà Tĩnh. Tuy nhiên, mức độ thu hút FDI vào Hà Tĩnh chưa tương xứng với tiềm năng phát triển của tỉnh. Bài viết này được thực hiện nhằm đánh giá tổng quan về thực trạng FDI vào Hà Tĩnh, từ đó đưa ra một số hàm ý chính sách nhằm tiếp tục thu hút FDI vào tỉnh trong bối cảnh mới của nền kinh tế thế giới và Việt Nam, nhằm phục vụ mục tiêu phát triển bền vững của tỉnh.

Từ khoá: đầu tư, FDI, Hà Tĩnh

Giới thiệu

Hà Tĩnh nằm ở trung tâm Bắc Trung Bộ và là cửa ngõ quan trọng trong hành lang Đông - Tây với CHDCND Lào, Thái Lan, Myanmar và các nước khác trong khối ASEAN. Hà Tĩnh có lợi thế giao thông cả về đường bộ, đường biển và đường hàng không. Đặc biệt là đường biển, Hà Tĩnh nằm trên hành lang các tuyến hàng hải quốc tế kết nối trực tiếp đến Lào. Đây cũng là cửa ngõ xuất nhập khẩu của khu vực Bắc Trung Bộ và Đông Bắc Thái Lan, trung tâm logistics và điểm đến đầu tư đầy triển vọng tại khu vực miền Trung.

Tỉnh có Khu kinh tế Vũng Áng là một trong 8 khu kinh tế trọng điểm ven biển quốc gia. Khu kinh tế Vũng Áng tỉnh Hà Tĩnh là Khu kinh tế ven biển, được thành lập theo Quyết định số 72/2006/QĐ-TTg ngày 03/4/2006 của Thủ tướng Chính phủ; bao gồm 09 xã, nằm ở phía Nam huyện Kỳ Anh, với tổng diện tích 22.781ha. Khu kinh tế Vũng Áng được xác định đầu tư phát triển trở thành Khu kinh tế trọng điểm ở miền Trung, là cửa ngõ hướng ra biển và theo hướng hợp tác phát triển hành lang kinh tế Đông Tây và Bắc. Chức năng là Khu kinh tế đa ngành, đa lĩnh vực, trong đó nhiệm vụ trọng tâm là phát huy các thế mạnh và tiềm năng của tỉnh Hà Tĩnh. Bên cạnh đó, tỉnh còn có cảng nước sâu Vũng Áng

- Sơn Dương lớn nhất Việt Nam có công suất 82 triệu tấn/năm, có thể tiếp nhận tàu 350.000 tấn.

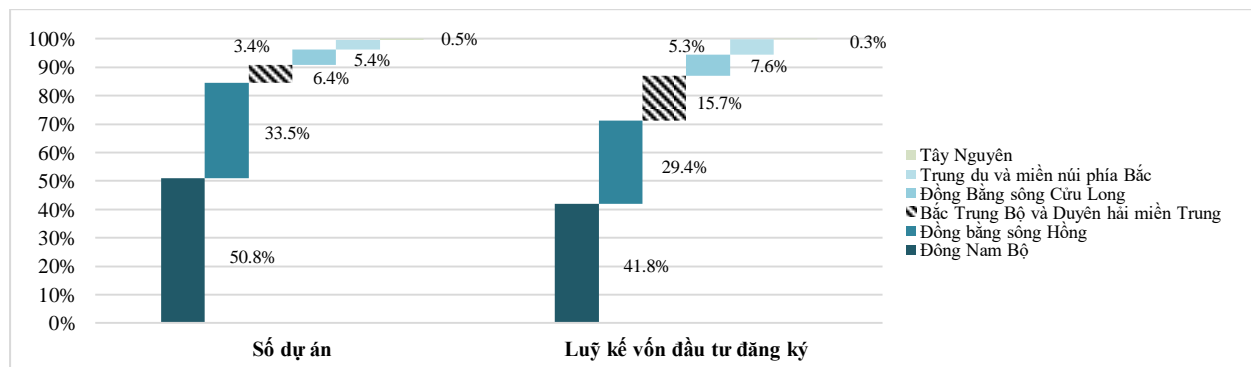
Chính vì vậy, Hà Tĩnh là một trong những tỉnh thuộc khu vực Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung có những điểm sáng nhất định trong việc thu hút vốn FDI theo thời gian. Đã có nhiều tập đoàn kinh tế lớn trong và ngoài nước đang đầu tư các dự án trọng điểm tại Hà Tĩnh. Tuy nhiên, mức độ thu hút FDI vào Hà Tĩnh chưa tương xứng với tiềm năng phát triển của tỉnh.

Bài viết này được thực hiện nhằm đánh giá tổng quan về thực trạng FDI vào Hà Tĩnh, từ đó đưa ra một số hàm ý chính sách nhằm tiếp tục thu hút FDI vào tỉnh trong bối cảnh mới của nền kinh tế thế giới và Việt Nam, nhằm phục vụ mục tiêu phát triển bền vững của tỉnh.

1. Tổng quan về thực trạng FDI vào vùng Bắc Trung bộ và Duyên hải Trung bộ

Kể từ khi Việt Nam thực hiện công cuộc đổi mới và Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 39-NQ/TW và ngày 16/8/2004 về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải Trung Bộ đến năm 2010, khu vực đã thu hút số lượng đáng kể các dự án đầu tư và nguồn vốn đầu tư mới, đóng góp vào sự phát triển kinh tế xã hội của toàn vùng cũng như của từng địa phương.

Về quy mô nguồn vốn, trong giai đoạn từ 2004-2010, cũng giống như các tỉnh khác trên cả nước, lượng FDI vào khu vực còn hạn chế, và tăng lên từ sau năm 2010 - sau khi Việt Nam chính thức trở thành thành viên của Tổ chức Thương mại thế giới (WTO). Trong giai đoạn 2010-2020, lượng FDI vào khu vực mặc dù có tăng lên nhưng vẫn rất hạn chế trong tương quan so sánh với các khu vực dẫn đầu cả nước là Đông Nam Bộ và Đồng bằng sông Hồng v. Theo tính toán thể hiện tại **Hình 1**, tính lũy kể đến hết năm 2020, Vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải Trung Bộ chỉ có 2.101 dự án, vốn đăng ký đạt 60.024 triệu USD, chiếm 6,3% về số dự án và gần 16% về lượng vốn đăng ký.



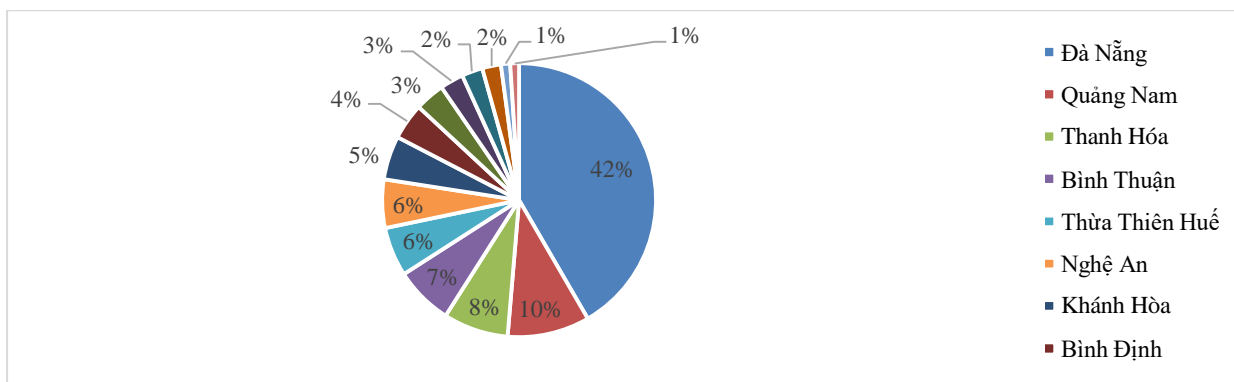
Hình 1. FDI được cấp giấy phép tại Việt Nam theo vùng kinh tế (Lũy kế các dự án còn hiệu lực đến tháng 12/2020)

Nguồn: Vẽ lại từ số liệu của Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2020)

Trong năm 2020 và 2021 - khi nền kinh tế Việt Nam ít nhiều bị ngưng trệ và ảnh hưởng bởi đại dịch Covid-19, lượng dự án đầu tư mới vào Việt Nam nói chung cũng như khu vực Bắc Trung Bộ và Duyên hải Trung Bộ đều giảm. Năm 2021, số lượng dự án đăng ký mới vào khu vực thấp nhất (84), trong đó có 26 dự án đăng ký vào tiểu vùng Bắc Trung Bộ và 58 dự án vào tiểu vùng Duyên hải Trung Bộ. Tính lũy kế đến hết năm năm 2021, khu vực này có tổng số 2.170 dự án FDI còn hiệu lực, với tổng vốn đầu tư đăng ký là 61,30 tỷ USD (Bộ Kế hoạch và Đầu tư, 2021a). Quy mô vốn bình quân một dự án FDI của khu vực miền Trung đạt 28.25 triệu USD, cao hơn quy mô vốn bình quân chung của cả nước (11,82 triệu USD).

Bước sang năm 2022, dòng vốn FDI vào Việt Nam nói chung và các tỉnh vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ nói riêng khởi sắc trở lại nhờ những chính sách thu hút đầu tư hấp dẫn và chủ trương mở cửa trở lại nền kinh tế sau hai năm đóng cửa bởi dịch bệnh Covid-19. Mặt khác, xung đột thương mại Mỹ, EU với Trung Quốc cũng như cuộc xung đột vũ trang Nga - Ukraine đều có những tác động điều chỉnh dòng vốn đầu tư từ các nước châu Âu, Mỹ và các nước khu vực châu Á, tạo ra xu hướng dịch chuyển toàn bộ hoặc một phần vốn FDI ra khỏi Trung Quốc nhằm đa dạng chuỗi cung ứng, tăng tính an toàn cho hệ thống cùng các lợi ích của mỗi quốc gia đầu tư đã và đang diễn ra. Đây là cơ hội lớn đối với các tỉnh vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ trong đẩy mạnh thu hút FDI.

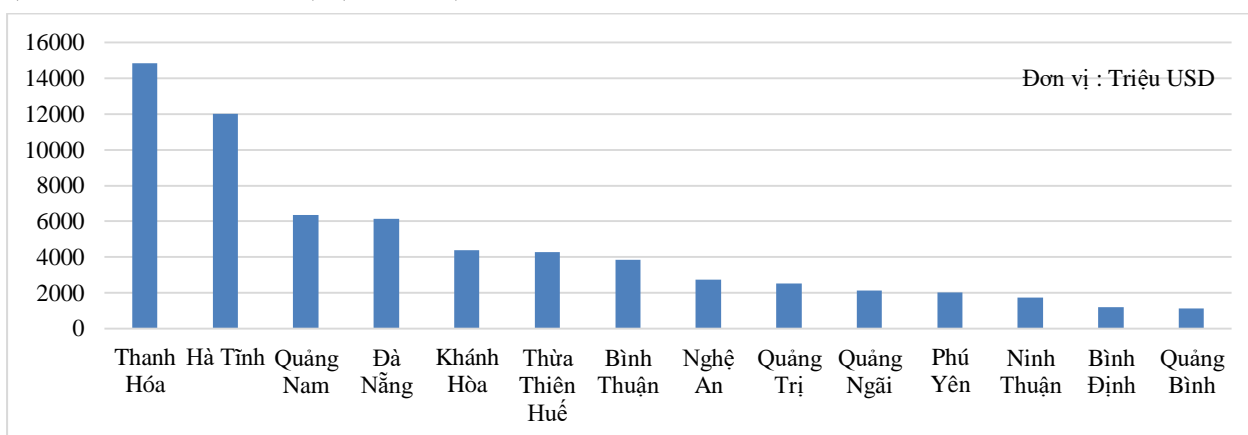
Tính lũy kế đến hết tháng 3/2023, tổng số lượng dự án trên địa bàn vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ là 2.306, với tổng số vốn đầu tư đăng ký đạt 65.359 triệu USD. Khu vực đã đóng góp 6,25% số dự án đầu tư FDI còn hiệu lực và 14,71% tổng số vốn đầu tư đăng ký trên cả nước (Bộ Kế hoạch và Đầu tư, 2023). Giá trị vốn đầu tư đăng ký bình quân trên một dự án thuộc vùng này là 28,34 triệu USD. Trong đó, Đà Nẵng là tỉnh dẫn đầu về số lượng dự án (lũy kế đạt 960 dự án, chiếm 41,63% tổng số dự án của khu vực miền Trung, 2,58% tổng số dự án trên cả nước). Quảng Nam, Thanh Hóa, Bình Thuận, Thừa Thiên Huế lần lượt xếp số 2, 3, 4, 5 về tổng số dự án lũy kế với 224, 177, 159 và 134 dự án. Quảng Trị và Quảng Bình là hai tỉnh xếp cuối hai khu vực này về tổng số dự án, với 25 và 24 dự án (**Hình 3**).



Hình 3. Số dự án đầu tư FDI (Lũy kế đến hết tháng 3/2023)

Nguồn: Vẽ lại từ dữ liệu của Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2023)

Xét về tổng giá trị vốn đầu tư đăng ký, Thanh Hóa là tỉnh dẫn đầu khu vực miền Trung với 14.851,6 triệu USD, xếp thứ 8 cả nước, đóng góp 22,73% tổng vốn đăng ký vào khu vực miền Trung và khu vực miền Trung và 3,34% cả nước. Bốn tỉnh xếp sau lần lượt là Hà Tĩnh (12.015,88 triệu USD), Quảng Nam (6.340,70 triệu USD), Đà Nẵng (6.150,63 triệu USD) và Khánh Hòa (4.395,09 triệu USD). Tỉnh có quy mô vốn đăng ký lũy kế thấp nhất là Quảng Bình (1.116,28 triệu USD) (**Hình 4**).



Hình 1. Tổng vốn đầu tư FDI vào 14 tỉnh miền Trung (Lũy kế đến tháng 3/2023)

Nguồn: Vẽ lại từ dữ liệu của Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2023)

Phân tích FDI theo ngành và lĩnh vực có thể thấy, tại khu vực miền Trung (tính cả 5 tỉnh Tây Nguyên), lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo dẫn đầu với 839 dự án, tổng vốn đăng ký lên tới 31,74 tỷ USD, chiếm 52,2% tổng vốn đăng ký. Ngành sản xuất, phân phối điện thu hút được 43 dự án, tổng vốn đăng ký đạt 10,02 tỷ USD, chiếm 16,5% tổng vốn đăng ký. Đứng thứ ba là lĩnh

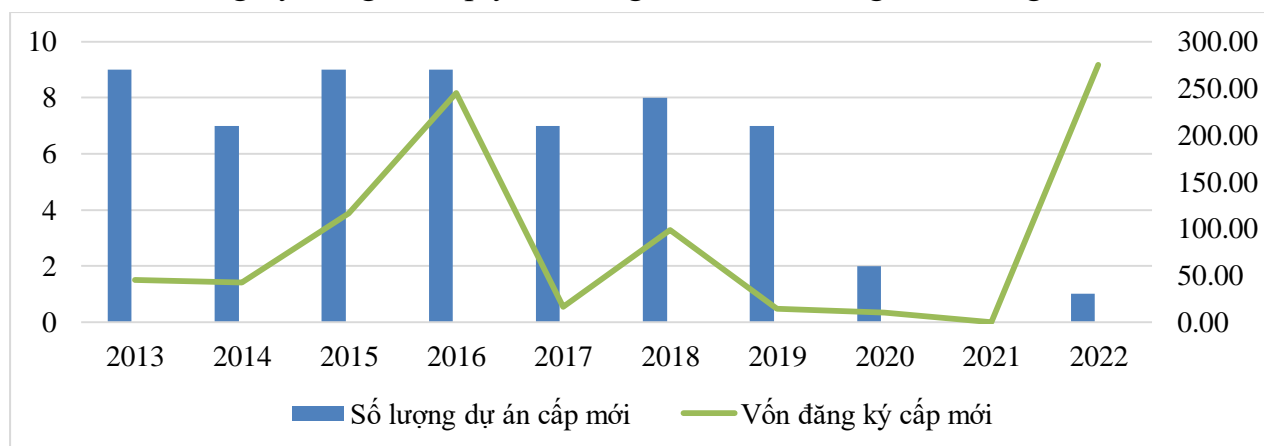
vực kinh doanh bất động sản với 109 dự án, tổng vốn đăng ký 9,91 tỷ USD, chiếm 16,3% tổng vốn đăng ký. Còn lại là các ngành khác như dịch vụ lưu trú và ăn uống, nghệ thuật, vui chơi và giải trí (Minh Ngọc, 2021). Trong năm 2021, FDI vào khu vực miền Trung nói chung và khu vực Duyên hải Trung bộ chủ yếu vào lĩnh vực năng lượng tái tạo. Đồng thời, vùng còn nổi lên là một trong những địa điểm thu hút các doanh nghiệp có hàm lượng công nghệ cao. Trong đó, có thể kể đến như dự án Nhà máy sản xuất nhũ và màng mỏng công nghệ cao, của Tập đoàn Kurz (Đức) đầu tư vào Bình Định, có tổng vốn đăng ký đầu tư 40 triệu USD. Dự án Trung tâm Nghiên cứu, Phát triển và Sản xuất của Tập đoàn Fujikin Nhật Bản đã chính thức khởi công xây dựng tại khu công nghệ cao Đà Nẵng có tổng vốn đầu tư đăng ký 35 triệu USD.

Xem xét về đối tác đầu tư, có 76 quốc gia và vùng lãnh thổ thực hiện đầu tư các dự án FDI tại các tỉnh miền Trung. Trong đó, Nhật Bản dẫn đầu với 335 dự án, tổng vốn đầu tư đăng ký đạt 17,79 tỷ USD. Đài Loan (Trung Quốc) là nhà đầu tư lớn thứ hai với 141 dự án và 12,01 tỷ USD vốn đăng ký. Đứng thứ ba là Singapore với 105 dự án, vốn đăng ký 8,52 tỷ USD, chiếm 14% tổng vốn đầu tư đăng ký. Kế đến là các nhà đầu tư Hàn Quốc, Trung Quốc, British Virgin Islands ... (Minh Ngọc, 2021).

2. Thực trạng FDI vào tỉnh Hà Tĩnh

2.1. Quy mô đầu tư

Trong giai đoạn 10 năm kể từ 2013, số lượng các dự án FDI cấp mới, tổng vốn đầu tư đăng ký cũng như quy mô từng dự án có những biến động nhất định.



Hình 5. Số lượng dự án cấp mới và số vốn đăng ký cấp mới tại tỉnh Hà Tĩnh

Nguồn: Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2013-2022)

Số lượng dự án FDI cấp mới trong giai đoạn từ năm 2013 tới năm 2019 dao động từ 7 tới 9 dự án. Tuy nhiên, số lượng sụt giảm mạnh chỉ còn 2 dự án

vào năm 2020 và 1 dự án vào năm 2022. Thậm chí, năm 2021 không có một dự án FDI mới nào được thu hút vào tỉnh. Điều này có thể được giải thích bởi những biến động của nền kinh tế toàn cầu, đặc biệt do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 (**Hình 5**).

Tuy nhiên, số lượng dự án FDI thu hút trong từng năm không phản ánh được **tổng vốn FDI** đầu tư vào tỉnh. Trong giai đoạn 10 năm từ 2013, Hà Tĩnh có 3 năm thu hút được trên 100 triệu USD vốn đăng ký đó là vào năm 2015 với 116 triệu USD, 2016 với 244.8 triệu USD và gần nhất là 2022 với 275 triệu USD. Ngoài năm 2018 thu hút được xấp xỉ 100 triệu USD, các năm còn lại có số vốn đăng ký mới tương đối ít, không vượt quá 50 triệu USD trong một năm.

Bảng 1. Số lượng dự án, số vốn FDI đăng ký cấp mới tại tỉnh Hà Tĩnh; và tỷ lệ, thứ hạng về số lượng và số vốn so với các tỉnh thành thuộc vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung, giai đoạn 2013 - 2022

Năm	Số lượng dự án FDI cấp mới	Vốn FDI đăng ký cấp mới (triệu USD)	Tỷ lệ số lượng dự án so với vùng (%)	Tỷ lệ số vốn so với vùng (%)	Thứ hạng theo số lượng	Thứ hạng theo số vốn
2013	9	44,80	12,86%	1,32%	3	7
2014	7	42,20	7,29%	2,08%	5	10
2015	9	115,96	6,38%	13,66%	4	3
2016	9	244,84	5,00%	21,22%	6	1
2017	7	16,41	4,70%	0,24%	5	10
2018	8	98,26	3,76%	5,73%	6	6
2019	7	14,31	2,88%	0,64%	8	13
2020	2	10,28	1,38%	0,96%	11	11
2021	0	0,00	0,00%	0,00%	14	14
2022	1	275,00	1,05%	21,64%	9	2

Nguồn: Tính toán theo số liệu của Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2013 - 2022)

Về quy mô dự án đăng ký, so sánh trên toàn vùng, lượng FDI thu hút được trong năm 2016 và 2022 chiếm hơn 1/5 tổng số vốn đăng ký cấp mới, lần lượt đứng thứ 1 và thứ 2 khi so sánh với các địa phương khác. Năm 2022, Hà Tĩnh chỉ đứng sau Nghệ An với 19 dự án và khoảng 490 triệu USD vốn FDI. Đây là một tín hiệu tích cực so với giai đoạn 3 năm trước đó, khi mà Hà Tĩnh chỉ thu hút được chưa đến 1% số vốn FDI toàn vùng.

Xét về quy mô trung bình, các dự án trong các năm 2013-2019 nhỏ hơn nhiều so với năm 2022. Theo số liệu của Bộ KH&ĐT, chỉ riêng một dự án được cấp mới tại Hà Tĩnh trong năm 2022 đã có giá trị vốn đăng ký là 275 triệu USD. Trong khi đó, vào những năm thu hút lên đến 9 dự án như 2013, 2015, 2016,

trung bình quy mô một dự án chỉ lần lượt vào khoảng 5 triệu USD, 12.8 triệu USD và 27.2 triệu USD.

Lũy kế đến tháng 2/2023, Hà Tĩnh có 81 dự án FDI còn hiệu lực, với tổng vốn đầu tư đăng ký hơn 12 tỷ USD, đứng thứ 2 trong vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung và đứng thứ 10 cả nước xét trên tổng số vốn đăng ký. Đặc biệt, dự án đầu tư FDI lớn nhất tại Việt Nam được lựa chọn đặt tại Hà Tĩnh - dự án xây dựng Khu liên hợp gang thép và cảng nước sâu Sơn Dương với tổng vốn đầu tư giai đoạn I hơn 12,8 tỷ USD đã hoàn thành và đi vào hoạt động (Ngô Tuấn, 2023). Đây là minh chứng rõ nét nhất cho sự hấp dẫn cũng như năng lực tiếp nhận vốn FDI của tỉnh.

2.2. Đối tác đầu tư

Theo Bộ KH&ĐT, tính đến năm 2014, Hà Tĩnh đã có 12 quốc gia và vùng lãnh thổ đầu tư vào tỉnh Hà Tĩnh. Đài Loan dẫn đầu với 31 dự án, tổng vốn đăng ký 10,258 triệu USD, chiếm 97% tổng vốn đầu tư đăng ký. Đứng thứ 2 là Hàn Quốc với 8 dự án với số vốn đăng ký đạt 153 triệu USD chiếm 1,5% tổng vốn đăng ký. Tính đến tháng 11/2021, Hà Tĩnh là địa phương dẫn đầu về vốn đầu tư của Đài Loan tại Việt Nam với 37 dự án, tổng vốn đầu tư là 11,15 tỷ USD, chiếm 31,8% tổng vốn đầu tư đăng ký mà Đài Loan đã đầu tư vào 56/63 tỉnh thành tại Việt Nam (Bộ Kế hoạch và Đầu tư, 2021b). Ngoài ra, một số quốc gia khác cũng tham gia đầu tư vào Hà Tĩnh như Nhật Bản, Úc, Brunei, Mỹ, Thái Lan, Phi-líp-pin, Lào, Trung Quốc...

Một số dự án đầu tư với quy mô lớn đã được các đối tác đầu tư nước ngoài quan tâm tại Hà Tĩnh như: tập đoàn Formosa của Đài Loan đầu tư dự án lọc hóa dầu với số vốn khoảng 12 tỷ USD, tập đoàn Mitsubishi - Nhật Bản đầu tư dự án Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng II với số vốn 2,2 tỷ USD (hiện do công ty *TNHH Xây dựng & Công nghiệp nặng Doosan - Hàn Quốc làm chủ thầu chính*).

2.3. Lĩnh vực đầu tư

Theo báo cáo của Bộ KH&ĐT (2004), tính đến năm 2014, vốn FDI của Hà Tĩnh tập trung chủ yếu vào lĩnh vực công nghiệp chế biến chế tạo với 17 dự án, tổng vốn đăng ký là 10,123 triệu USD, chiếm 32,07% về số dự án và 95,4% về vốn đăng ký. Một số ít dự án còn lại thuộc các lĩnh vực xây dựng, dịch vụ lưu trú, ăn uống, kinh doanh bất động sản, nông lâm nghiệp, kho bãi, bán buôn, bán lẻ, sửa chữa.

Trong Chương trình xúc tiến đầu tư tỉnh Hà Tĩnh năm 2021 có liệt kê các danh mục dự án trọng điểm đang xúc tiến đầu tư - tập trung vào các lĩnh vực: du

lich, khu đô thị và hạ tầng xã hội, công nghiệp, năng lượng. Trong đó, dự án tổ hợp công nghiệp cảng nước sâu, khu logistics, nhà máy điện sinh khối, nhà máy sản xuất giấy Tissue, sản xuất thiết bị phụ trợ tại KKT Vũng Áng có vốn đầu tư lớn nhất. Theo sau đó là dự án Trung tâm nhập khẩu và phân phối LNG và Nhà máy nhiệt điện Vũng Áng III - Nhiệt điện khí LNG.

2.4. Kết quả hoạt động của doanh nghiệp FDI

Khi so sánh bình quân giai đoạn 2016-2020 với giai đoạn 5 năm trước đó, khu vực doanh nghiệp FDI tại Hà Tĩnh có chỉ số phát triển đạt 136,1%, hơn 41,4% so với khu vực doanh nghiệp nhà nước và chỉ kém 17,3% so với khu vực doanh nghiệp ngoài nhà nước (Tổng cục Thống kê, 2023).

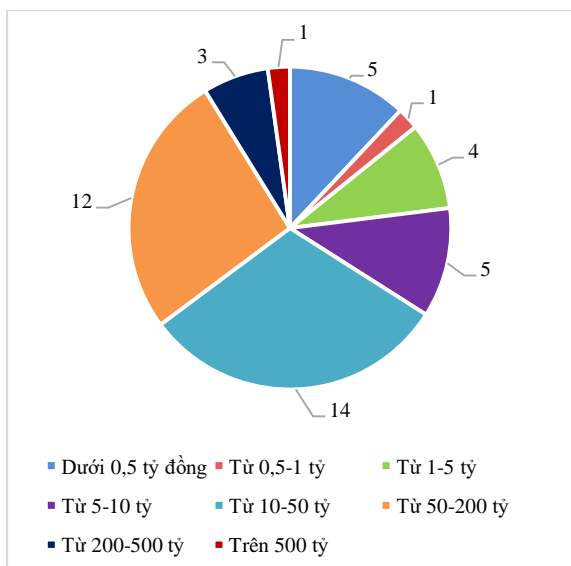
Từ năm 2016 đến năm 2020, số lượng doanh nghiệp FDI hoạt động tại Hà Tĩnh không có nhiều thay đổi, dao động khoảng 60 doanh nghiệp. So sánh trên toàn vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung, số doanh nghiệp FDI hoạt động tại Hà Tĩnh năm 2020 chỉ chiếm khoảng 5,4% tổng số doanh nghiệp FDI hoạt động trong vùng và tỷ lệ ngày càng giảm (Bảng 2).

Bảng 2. Số doanh nghiệp FDI đang hoạt động có kết quả sản xuất, kinh doanh tính đến 31/12, giai đoạn 2016 - 2020

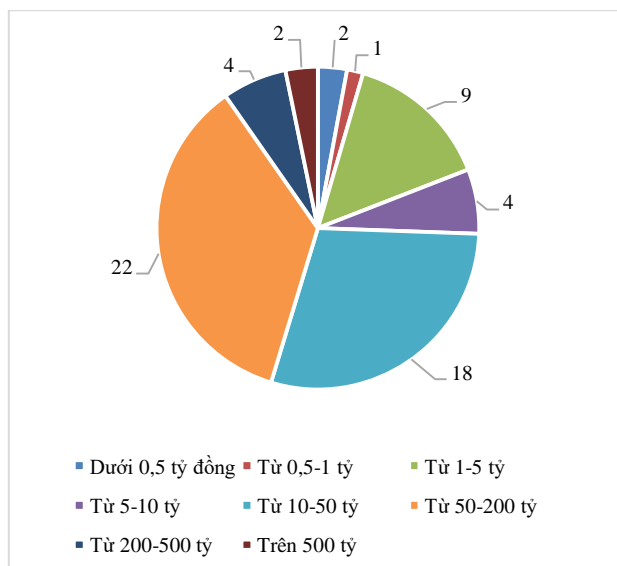
Năm	2016	2017	2018	2019	2020
Hà Tĩnh	64	66	59	58	62
Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung	772	993	892	1017	1155
Tỷ trọng (%)	8.3	6.6	6.6	5.7	5.4

Nguồn: Tổng cục Thống kê (2023)

Về quy mô nguồn vốn, các doanh nghiệp FDI tại Hà Tĩnh đa phần có quy mô nguồn vốn từ 10 - 200 tỷ. So với bình quân giai đoạn 5 năm trước, các doanh nghiệp FDI hoạt động trong giai đoạn 2016 - 2020 có quy mô vốn nhỏ dưới 1 tỷ đồng tại Hà Tĩnh giảm hẳn, trong khi doanh nghiệp có quy mô từ 50 - 200 tỷ đồng tăng rõ rệt. Số lượng các doanh nghiệp lớn với quy mô nguồn vốn trên 200 tỷ tăng nhẹ, nhưng về tỷ lệ vẫn không có nhiều thay đổi.



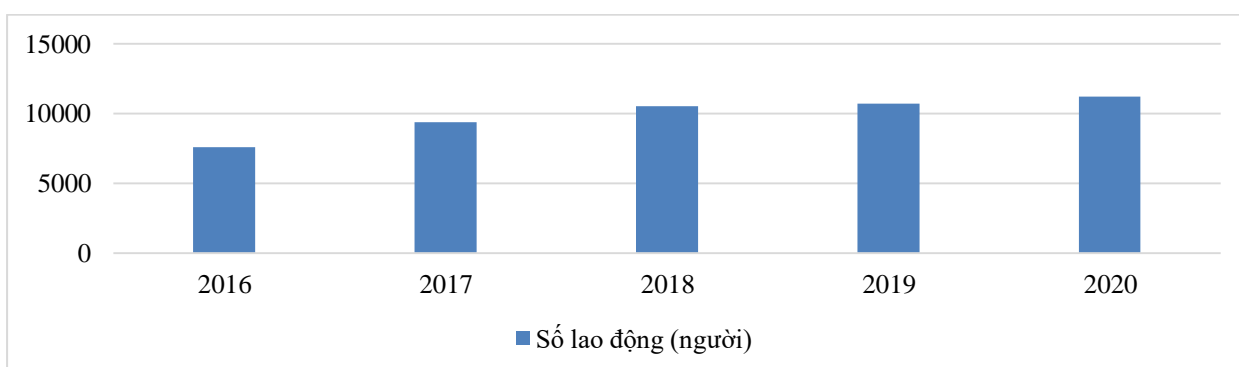
Hình 6. Số doanh nghiệp FDI bình quân hoạt động tại Hà Tĩnh, giai đoạn 2011 - 2015, theo quy mô nguồn vốn



Hình 7. Số doanh nghiệp FDI bình quân hoạt động tại Hà Tĩnh, giai đoạn 2016 - 2020, theo quy mô nguồn vốn

Nguồn: Tổng cục Thống kê (2023)

Về số lượng lao động, doanh nghiệp FDI tại Hà Tĩnh đã góp phần tạo được một số lượng việc làm nhất định tại địa phương. Bình quân giai đoạn 2011 - 2015, mỗi năm, các doanh nghiệp FDI tại Hà Tĩnh tạo công ăn việc làm cho 4553 người lao động. Từ 2016 đến 2020, số lượng người lao động tăng dần theo từng năm khiến con số bình quân này tăng lên gấp đôi, cụ thể khoảng 9891 việc làm được tạo ra mỗi năm. Tuy nhiên, khi so sánh với toàn vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung trong cùng giai đoạn với bình quân mỗi năm cung cấp 329 nghìn việc làm, lượng lao động tại doanh nghiệp FDI ở Hà Tĩnh còn hạn chế, chỉ tương đương khoảng 3%.



Hình 8. Số lao động làm việc trong các DN FDI tại Hà Tĩnh, giai đoạn 2016 - 2020

Nguồn: Tổng cục Thống kê (2023)

Về kết quả kinh doanh, các doanh nghiệp FDI ghi nhận kết quả kinh doanh có lãi chiếm khoảng 27,3% - 36,2% tổng số doanh nghiệp FDI hoạt động tại địa phương trong các năm từ 2016 đến 2020. Mức lãi bình quân của một doanh nghiệp trong giai đoạn 5 năm này vào khoảng 11,9 tỷ đồng. Con số này chỉ tương đương khoảng 1/3 mức lãi bình quân doanh nghiệp thuộc vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung. Mặt khác, bình quân 56,3% doanh nghiệp FDI tại Hà Tĩnh báo cáo lỗ trong giai đoạn này với mức lỗ trung bình lên đến 175 tỷ đồng trên một doanh nghiệp, cao gần gấp 4 lần so với bình quân doanh nghiệp FDI báo cáo lỗ trong vùng.

3. Đánh giá thực trạng FDI vào tỉnh Hà Tĩnh

Nhìn chung, tình hình đầu tư FDI vào tỉnh Hà Tĩnh đã có những thành tựu nhất định trong những năm qua. Hiện nay, Hà Tĩnh đang đứng thứ 2 trong toàn vùng về kết quả thu hút FDI. Kết quả này đạt được một phần là do tỉnh có chiến lược thu hút rõ ràng và cụ thể. Ngoài việc triển khai nhiều chính sách hỗ trợ đầu tư theo Luật đầu tư chung, tỉnh còn xây dựng các chương trình xúc tiến, đầu tư trong các năm 2016, 2017 và gần đây nhất là 2021. Chương trình xúc tiến đầu tư cũng có sự linh hoạt theo môi trường, tình hình thực tiễn. Chẳng hạn, Chương trình xúc tiến đầu tư tỉnh Hà Tĩnh năm 2021 đã đánh giá được những khác biệt về môi trường đầu tư trong tình hình dịch bệnh. Từ đó, đặt trọng tâm giải quyết khó khăn của doanh nghiệp và nhà đầu tư hiện tại hơn so với việc kêu gọi nhà đầu tư mới. Thêm vào đó, các chương trình xúc tiến đầu tư này được triển khai theo cách cấp bậc và linh hoạt, đảm bảo rằng môi trường đầu tư của tỉnh Hà Tĩnh luôn thu hút sự quan tâm của các nhà đầu tư và doanh nghiệp đến từ khắp nơi trên thế giới.

Tỉnh cũng đã tập trung thu hút đầu tư vào phát triển hạ tầng các khu công nghiệp, khu chế xuất và khu công nghiệp cụ thể. Tỉnh cũng đặt sự tập trung vào phát triển nông nghiệp công nghệ cao, công nghiệp hỗ trợ, công nghiệp chế biến, cơ khí, đóng tàu, da giày và logistics. Điều này được thực hiện bằng cách tận dụng lợi thế trong phát triển du lịch đặc sắc và đa dạng trên địa bàn tỉnh, chẳng hạn như du lịch sinh thái, du lịch biển và du lịch tâm linh.

Mặc dù Hà Tĩnh đã đạt được nhiều kết quả tích cực trong thu hút FDI nhưng vẫn còn nhiều tiềm năng phát triển chưa được khai thác và sự bền vững của tăng trưởng FDI vào Hà Tĩnh còn đang gặp nhiều thách thức.

Thứ nhất, về tổng vốn đầu tư, có thể thấy trong giai đoạn gần đây, tỉ lệ tăng trưởng FDI vào Hà Tĩnh có sự gia tăng đáng kể, tuy nhiên, số lượng dự án

đầu tư mới vào tỉnh Hà Tĩnh liên tục suy giảm gần đây. Tổng số dự án FDI vào Hà Tĩnh đang có chi phí đầu tư nhỏ, chỉ thu hút được đầu tư đến khoảng 200 tỷ VND. Điều này đòi hỏi cần có các giải pháp kịp thời hơn để thu hút các nhà đầu tư, đặc biệt là các dự án quy mô lớn hơn.

Thứ hai, quy mô trung bình các dự án đầu tư vào Hà Tĩnh còn nhỏ. Trong giai đoạn 2011-2015, chỉ có 4 dự án FDI có quy mô lớn hơn 200 tỷ VND, còn giai đoạn 2016-2020 có 6 dự án. Việc thu hút các dự án quy mô lớn là cần thiết để phát triển kinh tế và góp phần tạo ra việc làm mới cho địa phương.

Thứ ba, về lao động việc làm, mặc dù các dự án FDI vào Hà Tĩnh đã góp phần giải quyết việc làm tại địa phương, số lượng việc làm mới được tạo ra còn hạn chế so với các địa phương khác. Do đó, tỉnh cần có những chính sách hỗ trợ tạo việc làm cho người dân, đặc biệt là bối cảnh hậu đại dịch COVID-19 đang gây nhiều khó khăn cho nền kinh tế.

Thứ tư, về kết quả hoạt động của doanh nghiệp, theo kết quả điều tra của Tổng cục Thống kê (2023), hơn một nửa số doanh nghiệp FDI tại Hà Tĩnh báo cáo lỗ trong giai đoạn 2016-2020 với mức lỗ trung bình lên đến 175 tỷ đồng trên một doanh nghiệp, cao gần gấp 4 lần so với bình quân doanh nghiệp FDI báo cáo lỗ trong vùng. Điều này cho thấy cần có những chính sách hỗ trợ, cải thiện môi trường kinh doanh để hỗ trợ cho các doanh nghiệp FDI đạt hiệu quả cao hơn và có thể đóng góp tích cực hơn cho sự phát triển của địa phương.

Thứ năm, về chất lượng các dự án FDI vào tỉnh Hà Tĩnh vẫn còn thấp. Hiện tại các dự án vào tỉnh chủ yếu tập trung vào lĩnh vực chế biến chế tạo. Đây cũng là lĩnh vực ưu tiên đầu tư của tỉnh để phát huy những lợi thế như hệ thống cảng biển nước sâu, tài nguyên thép dồi dào nhằm phát triển Khu kinh tế Vũng Áng, nhằm trở thành trung tâm công nghiệp, thương mại, dịch vụ hiện đại của tỉnh, khu vực và cả nước. Tuy nhiên, một số nhà đầu tư trong khu kinh tế chưa chấp hành nghiêm túc pháp luật về bảo vệ môi trường, gây thiệt hại và ảnh hưởng nghiêm trọng đến việc thu hút FDI vào Hà Tĩnh. Tỉnh cũng đang gặp khó khăn trong việc thu hút các dự án FDI khác ở lĩnh vực công nghiệp phụ trợ, dịch vụ, du lịch và nông nghiệp. Việc phát triển các ngành công nghiệp hỗ trợ, nông nghiệp, thương mại, du lịch, dịch vụ trên cơ sở phát huy tiềm năng của tỉnh và liên kết vùng và khu vực cần đẩy mạnh hơn.

4. Một số hàm ý chính sách nhằm tiếp tục thu hút FDI vào Hà Tĩnh trong bối cảnh mới

4.1. Bối cảnh mới quốc tế và trong nước ảnh hưởng tới dòng FDI vào Hà Tĩnh

Việt Nam đã thu hút FDI đáng kể trong hơn 30 năm qua, nhưng vẫn còn rất nhiều cơ hội để thu hút thêm. Dòng vốn FDI vào Việt Nam sẽ bị ảnh hưởng bởi những biến động toàn cầu, như đã thấy trong các cuộc khủng hoảng trước đó như cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu (2008), cuộc khủng hoảng nợ công (2010), khủng hoảng do đại dịch COVID-19 (2020), v.v. Doanh nghiệp có thể thoái vốn, triển khai chậm hoặc không đảm bảo cam kết do tác động của các cuộc khủng hoảng này. Những xu hướng kinh tế thế giới hiện nay sẽ ảnh hưởng đến dòng FDI vào Việt Nam nói chung, và tỉnh Hà Tĩnh nói riêng.

Thứ nhất, trong những năm gần đây, các cường quốc và khu vực lớn trên thế giới như Hoa Kỳ, Trung Quốc, Nga, Nhật Bản, EU đang ngày càng cạnh tranh khốc liệt. Điều này tạo ra nhiều thách thức cho quá trình toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế. Chủ nghĩa bảo hộ đã trở lại và sự điều chỉnh chính sách, quan hệ đối ngoại của các nước lớn đang diễn ra không đoán trước được. Tăng trưởng kinh tế và thương mại trên toàn cầu cũng bị ảnh hưởng bởi những xu hướng này, điều này sẽ ảnh hưởng lớn tới quyết định đầu tư của doanh nghiệp.

Thứ hai, trong giai đoạn 2020-2022, đại dịch Covid-19 đã gây ra suy thoái kinh tế toàn cầu và ảnh hưởng tiêu cực đến dòng FDI toàn cầu năm 2021, đặc biệt là trong các lĩnh vực hàng không, khách sạn, nhà hàng, vui chơi giải trí, sản xuất và năng lượng. Sự giảm FDI toàn cầu do gián đoạn trong chuỗi cung ứng toàn cầu do hậu quả của đại dịch. Điều này gây ra nhiều thách thức cho Việt Nam khi các nhà đầu tư đều thận trọng hơn khi ra quyết định phân tán hoạt động ra nước ngoài sau đại dịch.

Thứ ba, phát triển bền vững là xu hướng toàn cầu; kinh tế số, kinh tế tuần hoàn, tăng trưởng xanh đang ngày càng được đẩy mạnh. Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững của Liên hợp quốc đã ảnh hưởng đến mô hình tăng trưởng, hợp tác kinh tế, thương mại và đầu tư. Nhiều quốc gia đã thể chế hoá và hiện thực hoá các chương trình phát triển bền vững. Sự chuyển dịch sang năng lượng tái tạo, năng lượng xanh sẽ là xu thế trong tương lai. Người tiêu dùng càng quan tâm đến bảo vệ môi trường, phát triển bền vững, càng lựa chọn sản phẩm xanh, thúc đẩy các công ty đa quốc gia thay đổi sản xuất, cung ứng sản phẩm thân thiện với môi trường. Điều này có tác động trực tiếp tới khối lượng và danh mục đầu tư.

Thứ tư, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo đang phát triển nhanh và có ảnh hưởng sâu rộng đến đầu tư toàn cầu. Chúng trở thành nhân tố quyết định đối với năng lực cạnh tranh của mỗi quốc gia và thúc đẩy sự phát triển kinh tế số và xã hội số. Công nghệ số cũng thay đổi cách quản lý nhà nước, sản xuất kinh doanh và đời sống văn hóa xã hội.

Thứ năm, tại Việt Nam, nhiều Hiệp định Thương mại tự do (FTA) thế hệ mới đã được ký kết và có hiệu lực, bao gồm CPTPP và EVFTA. Các hiệp định này có những quy định mới về thương mại và đầu tư, đưa ra các tiêu chuẩn cao về minh bạch, sở hữu trí tuệ, giải quyết tranh chấp, cơ chế giải quyết tranh chấp. Tuy nhiên, các quy định này cũng đặt nhiều thách thức trong việc thu hút FDI của Việt Nam. CPTPP cũng yêu cầu Việt Nam cải cách thể chế theo chuẩn mực quốc tế, đơn giản hóa thủ tục hành chính. EVFTA cũng đưa ra các nguyên tắc phát triển bền vững, bảo đảm bảo vệ môi trường, chống biến đổi khí hậu, bảo tồn và sử dụng bền vững đa dạng sinh học, nguồn tài nguyên rừng và sinh vật biển, khuyến khích thương mại và đầu tư hướng tới phát triển bền vững.

Thứ sáu, đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng Cộng sản Việt Nam tập trung vào việc tiếp tục đổi mới để chuyển sang mô hình tăng trưởng kinh tế mới dựa trên năng suất, tiến bộ khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo, nhân lực chất lượng cao, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế. Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội trong 10 năm tới cũng đặt mục tiêu phát triển nhanh và bền vững dựa trên khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Mục tiêu của Việt Nam là trở thành nước phát triển với công nghiệp hiện đại và thu nhập trung bình cao vào năm 2030 và trở thành nước phát triển với thu nhập cao vào năm 2045. Điều này đặt ra yêu cầu cho cả nước nói chung và Hà Tĩnh nói riêng trong việc thu hút FDI vào những ngành chất lượng cao theo tinh thần Nghị quyết số 50-NQ/TW ngày 20/8/2019 của Bộ Chính trị về định hướng hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao chất lượng, hiệu quả hợp tác đầu tư nước ngoài đến năm 2030 nhằm góp phần thực hiện mục tiêu phát triển của đất nước.

4.2. Một số hàm ý chính sách

Tại Hà Tĩnh, Đại hội đại biểu Đảng bộ lần thứ XIX nhiệm kỳ 2020 - 2025 đã chỉ rõ định hướng lớn xây dựng Hà Tĩnh trở thành tỉnh có công nghiệp, nông nghiệp và dịch vụ phát triển, hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, trở thành một trong những tỉnh cực phát triển của vùng Bắc Trung Bộ. Định hướng thu hút đầu tư của Hà Tĩnh thời gian 2021 - 2025 gắn liền với quy hoạch, trong đó ưu tiên là phát triển công nghiệp hỗ trợ; phát triển du lịch, nông nghiệp công nghệ cao và

kết cấu hạ tầng. Đặc biệt, dòng FDI được định hướng chủ yếu tập trung vào KCN Vũng Áng và các Cụm công nghiệp ở địa phương.

Dựa trên kết quả phân tích thực trạng FDI vào Hà Tĩnh trong thời gian qua, nhóm nghiên cứu đề xuất một số giải pháp tăng cường thu hút vốn FDI vào Hà Tĩnh trong bối cảnh mới của nền kinh tế thế giới và Việt Nam, nhằm phục vụ mục tiêu phát triển của tỉnh như sau:

Thứ nhất, Hà Tĩnh cần chủ động và tích cực triển khai chiến lược thu hút FDI trong giai đoạn tới một cách cụ thể, rõ ràng và phù hợp với lợi thế của địa phương. Tỉnh có thể tổ chức hiệu quả các chương trình xúc tiến đầu tư, các buổi hội thảo, đào tạo và triển khai các chương trình để thu hút các nhà đầu tư nước ngoài. Việc này sẽ giúp tăng cường sự đa dạng hóa kinh tế địa phương, củng cố lại lợi thế nền kinh tế của Hà Tĩnh và tạo ra những cơ hội việc làm mới cho người dân địa phương. Bên cạnh đó, Hà Tĩnh có thể tiếp tục đầu tư vào việc xây dựng khu kinh tế Vũng Áng để trở thành một khu kinh tế đa chức năng, trung tâm động lực phát triển của tỉnh. Điều này sẽ tạo sự lan tỏa cho các địa phương và giúp củng cố lại vị thế của Hà Tĩnh trong kinh tế địa phương.

Thứ hai, tỉnh Hà Tĩnh cũng cần tập trung vào việc cải thiện môi trường đầu tư để giúp tăng cường năng lực cạnh tranh của tỉnh, giảm thủ tục hành chính, và nâng cao chất lượng dịch vụ công thông qua quá trình chuyển đổi số, xây dựng chính quyền điện tử hay đô thị thông minh. Tỉnh cũng cần tập trung rà soát, bãi bỏ các thủ tục hành chính, các giấy phép, các quy định về đầu tư không cần thiết, nhằm giảm thiểu thời gian và chi phí không chính thức cho các nhà đầu tư nước ngoài. Các biện pháp này không chỉ thu hút được nhiều nhà đầu tư hơn mà còn giúp nâng cao chất lượng cuộc sống cho người dân địa phương. Với sự phát triển của môi trường đầu tư, kinh tế của tỉnh Hà Tĩnh sẽ được thúc đẩy một cách bền vững và hiệu quả hơn.

Thứ ba, cần tăng cường liên kết với các tỉnh khác trong vùng nhằm nâng cao hiệu quả thu hút FDI. Tỉnh cần xác định rõ lĩnh vực liên kết, các ngành liên kết của mình, để từ đó hình thành các chuỗi giá trị, chuỗi cung ứng, chuỗi trải nghiệm trong vùng. Hoạt động liên kết cần mở rộng hơn, không chỉ trong lĩnh vực du lịch và hạ tầng giao thông. Các ngành, lĩnh vực, sản phẩm có giá trị bổ trợ lẫn nhau giữa Hà Tĩnh và các tỉnh trong vùng cần được phối hợp để cùng phát triển. Hà Tĩnh có thể làm việc với các tỉnh lân cận để hình thành cơ quan điều phối, thúc đẩy liên kết vùng trong thu hút, kiểm tra, đôn đốc, cung cấp thông tin hỗ trợ nhau trong chỉ đạo, điều hành. Tỉnh và các địa phương lân cận

có thể hợp tác xây dựng cơ sở dữ liệu chung về thu hút đầu tư, gồm chính sách ưu đãi thu hút đầu tư, các khu công nghiệp, khu kinh tế, khu công nghệ cao; các thông tin về lao động việc làm; các thông tin về dự án ưu tiên kêu gọi thu hút đầu tư. Đồng thời, các tỉnh, thành phố nên hợp nhất cơ sở dữ liệu trên phạm vi toàn vùng để đảm bảo việc phân bổ thu hút đầu tư hiệu quả và cung cấp cơ sở dữ liệu đa chiều cho các doanh nghiệp FDI.

Thứ tư, về chính sách ưu đãi đầu tư, tỉnh cần ban hành một bộ cơ chế, chính sách ưu đãi đầu tư rõ ràng, chi tiết để giúp cho các nhà đầu tư FDI có được cái nhìn tổng quát và đầy đủ nhất về chính sách ưu đãi mà mình được hưởng. Các ưu đãi đầu tư, đặc biệt là ưu đãi về thuế cần được rà soát và điều chỉnh chi tiết hơn. Hiện nay, đa số công cụ ưu đãi đầu tư tại các tỉnh là ưu đãi về thuế. Tuy nhiên, hiện nay, mức độ và phạm vi ưu đãi thuế ở trong nước là khá cao so với nhiều nước trên thế giới, điều này phần nào ảnh hưởng đến nguồn thu ngân sách. Nhiều quy định về ưu đãi thuế tạo ra những kẽ hở để nhà đầu tư trục lợi, vì vậy, chính sách về ưu đãi thuế đối với các dự án FDI của các tỉnh cần được đánh giá cẩn thận để không chỉ bổ sung mà còn phải lược bỏ các ưu đãi không đem lại hiệu quả cao. Trong bối cảnh các quốc gia (gồm có Việt Nam) sẽ áp dụng mức thuế tối thiểu toàn cầu (15%) kể từ năm 2024, Hà Tĩnh cần nghiên cứu bổ sung các chính sách ưu đãi phi thuế hấp dẫn để có thể tạo nhiều điều kiện thuận lợi hơn cho nhà đầu tư. Các chính sách này không chỉ nên dừng lại ở việc thu hút nhà đầu tư mà nên chú trọng cả vấn đề hỗ trợ sau đầu tư. Điều này có thể giúp xây dựng mối quan hệ vững chắc với nhà đầu tư cũ, tạo cơ hội tái đầu tư hoặc giới thiệu nhà đầu tư mới.

Thứ năm, trong quá trình thu hút FDI, tỉnh cần lưu ý lựa chọn các dự án nhằm phát triển toàn diện, bền vững, bao trùm, không phụ thuộc vào khu kinh tế Vũng Áng để tránh những cú sốc trước các biến động có thể xảy ra trong tương lai. Để đạt được mục tiêu này, tỉnh cần tập trung vào việc phát triển các lĩnh vực kinh tế mới như kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, phát triển dựa vào khoa học - công nghệ, nâng cao năng lực cạnh tranh, năng lực đổi mới sáng tạo. Điều này sẽ giúp tăng cường sức mạnh kinh tế tỉnh và giảm sự phụ thuộc vào khu kinh tế Vũng Áng. Bên cạnh đó, các dự án có thể tập trung vào việc đẩy mạnh chuyển đổi năng lượng, khai thác năng lượng mặt trời, năng lượng gió để đáp ứng nhu cầu sản xuất và sử dụng năng lượng của tỉnh. Việc này sẽ giúp giảm thiểu ô nhiễm môi trường và tăng tính bền vững cho phát triển kinh tế tỉnh.

Qua đó, tỉnh sẽ thu hút được nhiều nhà đầu tư quốc tế, đưa vào hoạt động nhiều dự án mới và đem lại lợi ích kinh tế - xã hội cho địa phương.

Thứ sáu, trong tương lai, tỉnh cần phải tận dụng những tiềm năng và thế mạnh của địa phương để thu hút các dự án đầu tư nước ngoài nhằm phát triển ngành du lịch và dịch vụ. Đặc biệt là cần tập trung vào phát triển các loại hình du lịch như du lịch biển hay du lịch sinh thái. Hà Tĩnh có thể phát triển ngành du lịch và dịch vụ dọc ven biển, tận dụng được lợi thế của đường ven biển và kết nối với phát triển 3 trung tâm đô thị động lực: Thành phố Hà Tĩnh, thị xã Kỳ Anh và thị xã Hồng Lĩnh. Việc phát triển ngành du lịch và dịch vụ cũng sẽ tạo ra nhiều cơ hội việc làm mới cho người dân địa phương và đóng góp vào sự phát triển kinh tế của Hà Tĩnh. Để làm được điều này, tỉnh có thể thúc đẩy việc xây dựng cơ sở hạ tầng, nâng cao chất lượng dịch vụ và xây dựng những sản phẩm du lịch độc đáo để thu hút khách du lịch. Ngoài ra, cần tăng cường các hoạt động quảng bá, marketing để đưa hình ảnh địa phương đến gần hơn với khách hàng và thu hút sự quan tâm của nhà đầu tư.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Kế hoạch và Đầu tư. (2014). *Tình hình thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài FDI trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh*, [Trực tuyến], Truy lục tại: <https://fia.mpi.gov.vn/Detail/CatID/a7584d89-3655-4844-937d-c31dc78f5325/NewsID/f2ee28c4-c6fb-45d0-90cc-3d774dc3bff8#> (Truy cập ngày 20/3/2023).
2. Bộ Kế hoạch và Đầu tư. (2020). *Báo cáo tình hình đầu tư trực tiếp nước ngoài năm 2020*. Công thông tin điện tử Bộ Kế hoạch và Đầu tư. [Trực tuyến], Truy lục tại: <http://www.mpi.gov.vn/Pages/tinbai.aspx?idTin=48566&idcm=208> (Truy cập ngày 20/3/2023).
3. Bộ Kế hoạch và Đầu tư. (2021). *Báo cáo tình hình đầu tư trực tiếp nước ngoài năm 2021*. [Trực tuyến], Truy lục tại: <https://www.mpi.gov.vn/Pages/tinbai.aspx?idTin=52648&idcm=208> (Truy cập ngày 10/3/2023).
4. Bộ Kế hoạch và Đầu tư. (2021b). *Tình hình đầu tư của Đài Loan tại Việt Nam*, [Trực tuyến], Truy lục tại: <https://fia.mpi.gov.vn/Detail/CatID/95f75c5b-b0bf-40a3-b486-2cc4e2d5cc01/NewsID/4c67f37d-f05c-49a6-956c-af8c6e9f159e/MenuID/50557cad-3121-46e2-8449-37bfb0a04483> (Truy cập ngày 20/3/2023).
5. Bộ Kế hoạch và Đầu tư. (2023). *Tình hình thu hút đầu tư nước ngoài tại Việt Nam và đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài 3 tháng đầu năm 2023*. [Trực tuyến], Truy lục tại: <https://www.mpi.gov.vn/Pages/tinbai.aspx?idTin=57175&idcm=208> (Truy cập ngày 03/4/2023).
6. Minh Ngọc. (2021). *Thanh Hóa dẫn đầu khu vực miền Trung về thu hút FDI*, Báo điện tử Chính Phủ, [Trực tuyến] Truy lục tại: <https://baochinhphu.vn/thanh-hoa-dan-dau-khu-vuc-mien-trung-ve-thu-hut-fdi-102300661.htm> (truy cập ngày 05/7/2022).

7. Ngô Tuấn. (2023), *Hà Tĩnh xác định công thức đầu tư phát triển*. [Trực tuyến], Truy lục tại: <https://nhandan.vn/ha-tinh-xac-dinh-cong-thuc-dau-tu-phat-trien-post739976.html> (Truy cập ngày 03/4/2023).
8. Tổng cục Thống kê. (2023). *Sách trắng Doanh nghiệp Việt Nam 2022*. NXB Thống Kê: Hà Nội
9. VCCI. (2022), *Thủ tướng: Hà Tĩnh phát huy tối đa yếu tố con người, tự lực, tự cường vươn lên*, [Trực tuyến], Truy lục tại: <https://m.vcci.com.vn/thu-tuong-ha-tinh-phat-huy-toi-da-yeu-to-con-nguoi-tu-luc-tu-cuong-vuon-len> (Truy cập ngày 15/3/2023).

ĐẨY MẠNH NGOẠI GIAO KINH TẾ NHẪM HUY ĐỘNG NGUỒN LỰC PHÁT TRIỂN KHU KINH TẾ VŨNG ÁNG

TS. Trần Mạnh Hùng,
Phó Giám đốc Sở Ngoại vụ

Khu kinh tế Vũng Áng thuộc địa bàn Thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh được đánh giá là một trong những khu kinh tế tiềm năng trong cả nước, đã đóng góp to lớn vào sự phát triển kinh tế - xã hội, làm thay đổi cơ bản cơ cấu tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) của tỉnh theo hướng tăng mạnh tỷ trọng công nghiệp và tăng nguồn thu ngân sách của tỉnh, tạo việc làm cho người lao động địa phương và các tỉnh lân cận, góp phần xây dựng quê hương đất nước trong thời kỳ đổi mới.

Xác định công tác ngoại giao kinh tế là nhiệm vụ quan trọng góp phần vào việc phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh nói chung và huy động nguồn lực phát triển Khu Kinh tế Vũng Áng nói riêng; trong những năm qua, cấp ủy, chính quyền, đoàn thể các cấp luôn quan tâm đẩy mạnh ngoại giao kinh tế, thường xuyên gắn ngoại giao kinh tế với đối ngoại Đảng và ngoại giao Nhà nước, bám sát chủ trương, định hướng của Đảng, kế hoạch công tác đối ngoại hàng năm của tỉnh để chủ động, sáng tạo trong tăng cường mở rộng hợp tác với các nước, các cơ quan ngoại giao nước ngoài tại Việt Nam nhằm quảng bá hình ảnh của tỉnh, huy động nguồn lực cho phát triển kinh tế - xã hội, đặc biệt là phát triển Khu Kinh tế Vũng Áng.

1. Khái quát chung về xây dựng và phát triển Khu Kinh tế Vũng Áng

Kinh tế Vũng Áng được Thủ tướng Chính phủ lựa chọn là một trong năm Khu kinh tế trọng điểm của cả nước được tập trung nguồn lực đầu tư phát triển giai đoạn 2013-2015¹⁴ và là 1 trong 8 Khu Kinh tế ven biển được ưu tiên để tập trung đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016-2020¹⁵; được xác định là khu vực động lực phát triển, cần tiếp tục tập trung đầu tư xây dựng theo các Thông báo kết luận của lãnh đạo Đảng, Chính phủ¹⁶. Điều này

¹⁴ Văn bản số 1231/TTg-KTTH ngày 17/8/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc Đề án rà soát, xây dựng tiêu chí lựa chọn một số KKT ven biển để tập trung đầu tư giai đoạn 2013-2015

¹⁵ Văn bản số 2021/TTg-KHTH ngày 09/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc lựa chọn một số KKT ven biển để tập trung đầu tư phát triển từ nguồn NSNN giai đoạn 2016-2020

¹⁶ Thông báo số 05-TB/VPTW ngày 27/4/2016 kết quả chuyến thăm và làm việc của đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng tại tỉnh Hà Tĩnh; Thông báo số 447/TB-VPCP ngày 21/9/2017 kết luận của Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc tại buổi làm việc với tỉnh Hà Tĩnh

khẳng định được vai trò vị thế ngày càng quan trọng của KKT Vũng Áng, không chỉ là động lực, mục tiêu thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của riêng tỉnh Hà Tĩnh mà còn là động lực, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của khu vực Bắc Trung bộ và của cả nước.

Với tiềm năng và lợi thế về cảng biển nên các dự án lớn được đầu tư tại KKT Vũng Áng đã hoạt động thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội địa phương, như: Khu liên hợp gang thép và cảng Sơn Dương Formosa Hà Tĩnh - Giai đoạn 1: 7,5 triệu tấn/năm của Công ty TNHH Gang thép Hưng nghiệp Formosa Hà Tĩnh (Công ty FHS); Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 (công suất 1.200 MW); Tổng kho Xăng dầu Dầu khí Vũng Áng (kho chứa 60.000 m³); Tổng kho khí hóa lỏng Bắc Trung bộ (kho chứa 1.785 tấn); Cảng Vũng Áng (bến số 01, bến số 02); Khách sạn Mường Thanh Hà Tĩnh; Nhà ở thí điểm cho công nhân và người lao động thuê tại KKT Vũng Áng; Khu công nghiệp Vũng Áng 1; Khu công nghiệp Phú Vinh; Khu nhà ở hộ gia đình cho nhân viên Công ty FHS;... các bến cảng Vũng Áng (bến số 3, bến số 4, bến số 5, 6) đang được tập trung xây dựng; Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 2 (công suất 1.200 MW) và Nhà máy sản xuất Cell pin VINES đã khởi công và đi vào hoạt động.

Chủ trương của Chính phủ cũng như Nghị quyết của Ban Chấp hành tỉnh đảng bộ là Phát triển Khu Kinh tế Vũng Áng theo hướng đa ngành nghề, đa lĩnh vực, trở thành trung tâm kinh tế và đô thị phía Nam của tỉnh, gắn kết chặt chẽ với phát triển kinh tế - xã hội địa phương, phù hợp với phát triển vùng và kết nối với các trung tâm kinh tế trong khu vực. Phát triển kinh tế gắn với các vấn đề xã hội, bảo vệ môi trường, đảm bảo quốc phòng - an ninh. Theo đó xác định huy động mọi nguồn lực của các thành phần kinh tế; phát huy vai trò kinh tế tư nhân, kinh tế có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài; tăng cường thu hút các nhà đầu tư chiến lược, các dự án tạo động lực phát triển vào Khu Kinh tế Vũng Áng.

2. Những kết quả đạt được trong phát huy ngoại giao kinh tế huy động nguồn lực phát triển Khu Kinh tế Vũng Áng thời gian qua

Trong những năm qua, cấp ủy, chính quyền, đoàn thể các cấp tỉnh Hà Tĩnh luôn quan tâm đẩy mạnh ngoại giao kinh tế, thường xuyên gắn ngoại giao kinh tế với đối ngoại Đảng và ngoại giao Nhà nước, bám sát chủ trương, định hướng của Đảng, kế hoạch đối ngoại và hội nhập quốc tế hàng năm của tỉnh, chủ động, sáng tạo trong tăng cường mở rộng hợp tác với các nước, các cơ quan ngoại giao nước ngoài tại Việt Nam nhằm quảng bá hình ảnh, con người của tỉnh đến bạn bè quốc tế, kêu gọi xúc tiến đầu tư vào tỉnh.

Ban hành kịp thời, triển khai có hiệu quả các văn bản chỉ đạo, trong đó có nhiều văn bản mang tính chiến lược như: Kế hoạch số 161-KH/TU ngày 02/4/2015 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc thực hiện Kết luận số 98-KL/TW của Ban Bí thư Trung ương về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 19-CT/TW của Ban Bí thư (khóa IX) về công tác phi chính phủ nước ngoài; Quyết định số 339-QĐ/TU ngày 21/3/2017 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc ban hành Quy chế thống nhất các hoạt động đối ngoại trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh; Đề án số 25/ĐA-UBND, ngày 25/01/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh về “Tăng cường mở rộng, hợp tác và phát triển kinh tế đối ngoại tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2013 - 2015 và những năm tiếp theo”; Chương trình số 274/CTr-UBND, ngày 10/7/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh về triển khai Nghị quyết số 22-NQ/TW của Bộ Chính trị về Hội nhập quốc tế; Quyết định số 2810/QĐ-UBND ngày 21/9/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Chương trình xúc tiến, vận động viện trợ không hoàn lại của tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2018 - 2025; Chương trình hành động số 479-CTr/TU ngày 19/01/2017 của Tỉnh ủy Hà Tĩnh thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 05/11/2016 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về thực hiện có hiệu quả tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế, giữ vững ổn định chính trị - xã hội trong bối cảnh nước ta tham gia các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới; Kế hoạch hành động số 357/KH-UBND ngày 05/11/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về triển khai công tác đối ngoại giai đoạn 2018-2021 và các năm tiếp theo; Kế hoạch số 04/KH-UBND ngày 09/01/2023 của UBND tỉnh về triển khai Chỉ thị số 15-CT/TW ngày 10/8/2022 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về công tác ngoại giao kinh tế phục vụ phát triển kinh tế đất nước đến năm 2030; Kế hoạch đối ngoại và hội nhập quốc tế hàng năm. Các đề án, chương trình, kế hoạch đối ngoại đã góp phần nâng cao nhận thức về hội nhập và phát triển kinh tế; hoàn thiện pháp luật, chính sách đầu tư; tăng cường vận động các nguồn viện trợ, dự án đầu tư góp phần thúc đẩy thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI), viện trợ phát triển chính thức (ODA) và thúc đẩy hợp tác kinh tế với địa phương nước ngoài, các tổ chức quốc tế.

Ban Chỉ đạo hội nhập quốc tế tỉnh thường xuyên được kiện toàn, Chủ tịch UBND tỉnh trực tiếp làm nhiệm vụ Trưởng Ban Chỉ đạo hội nhập quốc tế tỉnh, Phó Chủ tịch Thường trực UBND tỉnh và Giám đốc các Sở, ngành: Ngoại vụ, Công Thương, Công an tỉnh làm Phó trưởng Ban chỉ đạo. Thực hiện phân công, phân cấp trách nhiệm trong công tác quản lý và sự phối kết hợp giữa các sở, ngành và địa phương phát huy hiệu quả.

Tỉnh đã tập trung đẩy mạnh hội nhập kinh tế quốc tế nhằm huy động nguồn lực bên ngoài tạo đà cho sự phát triển và khơi dậy được các tiềm năng, nguồn lực tại chỗ, làm cơ sở cho sự phát triển nhanh, bền vững của tỉnh; chú trọng tăng cường hợp tác với Đại sứ quán, các tổ chức quốc tế, tổ chức có uy tín trong và ngoài nước để tranh thủ sự giúp đỡ, hỗ trợ trong quảng bá, giới thiệu và xúc tiến đầu tư từ các đối tác của các nước như: Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan, Singapore, Thái Lan, Đức, Mỹ,... Đến nay, Hà Tĩnh có quan hệ hơn 70 cơ quan đại diện ngoại giao của các nước và Tổ chức quốc tế. Thông qua các cơ quan đại diện ngoại giao, các tổ chức quốc tế, các tổ chức phi chính phủ tại Việt Nam kết nối đến các đối tác, các nhà đầu tư nước ngoài đến đầu tư kinh doanh trên địa bàn tỉnh.

Tiếp tục duy trì, quan hệ hợp tác toàn diện, hữu nghị với các địa phương: Bolikhămxay, Khăm Muôn, Savannakhet, Thủ đô Viêng Chăn và mở rộng quan hệ hợp tác với các tỉnh Bắc Lào; tăng cường hợp tác các tổ chức, địa phương Hà Tĩnh đã thiết lập quan hệ hợp tác: Bang MV (Đức), I.P.M (Nhật Bản), Ngân hàng thế giới tại Việt Nam (WB), Ngân hàng phát triển Châu Á (ADB), các tỉnh nằm trong hiệp hội các tỉnh 3 nước Việt Nam - Lào - Thái Lan sử dụng đường 8 và đường 13 nhằm đưa các mối quan hệ đã xác lập đi vào chiều sâu, thực chất.

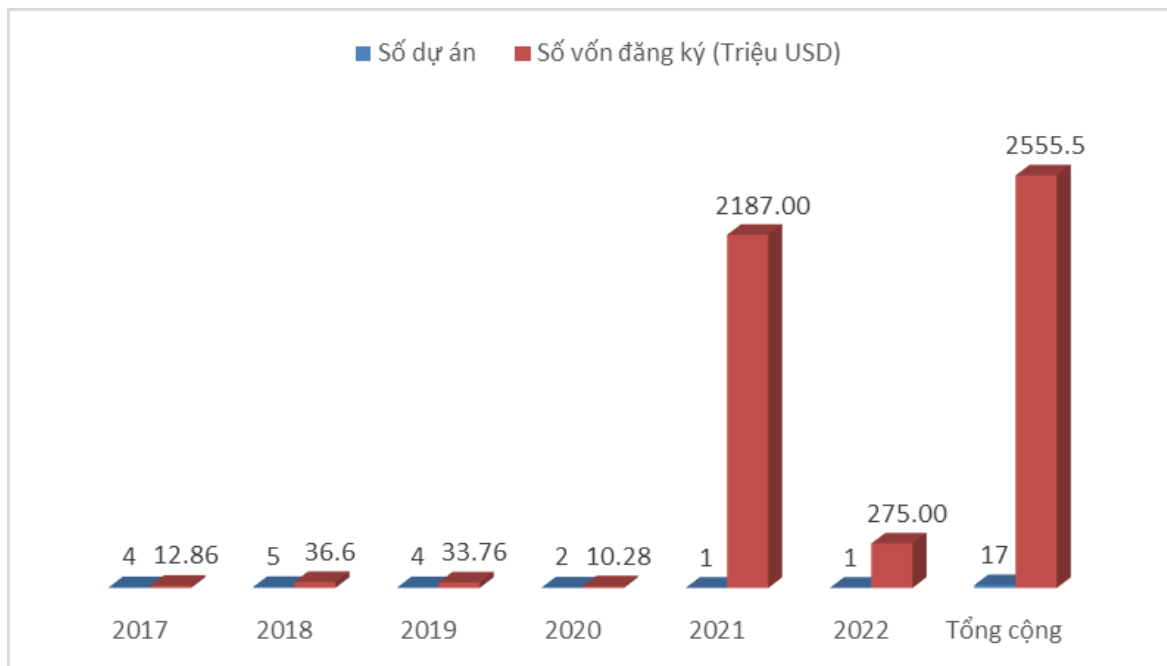
Tiếp tục xúc tiến thiết lập mối quan hệ hữu nghị, hợp tác mới với các tỉnh, thành phố của các nước có nhiều điểm tương đồng và có tiềm năng, thế mạnh trong việc hợp tác phát triển kinh tế, giao lưu văn hóa, hiện nay đang xúc tiến tiến tới hợp tác với tỉnh SAGA (Nhật Bản), Tula (Liên bang Nga), Hiệp hội thân thiện quốc tế (JIFI) trong năm 2023. Xây dựng và giữ mối liên hệ chặt chẽ với các cơ quan, tổ chức có uy tín trong và ngoài nước để tranh thủ sự giúp đỡ, hỗ trợ trong quảng bá, giới thiệu và xúc tiến đầu tư vào tỉnh như: Đại sứ quán các nước tại Việt Nam, Cơ quan xúc tiến thương mại Nhật Bản (JETRO), Phòng Thương mại và Công nghiệp Hàn Quốc (KCCI), Cơ quan Xúc tiến đầu tư Singapore, Tích cực phối hợp cơ quan đại diện ngoại giao Việt Nam tại các nước để được hỗ trợ trong việc xác minh, thẩm định tư cách các nhà đầu tư nước ngoài dự kiến đầu tư trên địa bàn tỉnh; hỗ trợ tư vấn xử lý vướng mắc đối với các dự án nước ngoài nhạy cảm về đối ngoại. Tranh thủ, tận dụng các mối quan hệ sẵn có với các tổ chức quốc tế để được tư vấn, hỗ trợ trong xây dựng các chính sách phát triển kinh tế.

Phối hợp với Bộ Ngoại giao tổ chức tốt các hoạt động xúc tiến đầu tư ở nước ngoài tại các nước Đức, Nhật Bản, Singapore, Hàn Quốc, Hoa Kỳ; tổ chức làm việc với các tập đoàn, công ty lớn của các nước để thu hút đầu tư. Ký kết

các Thỏa thuận hợp tác quốc tế nhằm kêu gọi xúc tiến đầu tư, mở rộng quan hệ hợp tác như: Ngân hàng Thế giới tại Việt Nam, Công ty TNHH DANVIT EXPRES (Cộng hòa Séc), Thành phố Pocheon (Hàn Quốc), Bộ Kinh tế - Y tế - Lao động của Bang MV, Cộng hòa Liên bang Đức và các địa phương Lào, Thái Lan. Cập nhật và cung cấp đến các nhà đầu tư nước ngoài hình ảnh, nội dung, in ấn Tờ gấp “Hà Tĩnh - Tiềm năng và cơ hội đầu tư”. Đẩy mạnh cải cách hành chính, tạo môi trường đầu tư thông thoáng, đơn giản hóa thủ tục hành chính và rút ngắn thời gian cấp phép đầu tư, thực hiện một số chính sách ưu đãi cho nhà đầu tư, thu hút các nguồn vốn đầu tư nước ngoài, đặc biệt là tiếp cận nguồn vốn FDI.

Nhờ chú trọng công tác ngoại giao kinh tế nên đến nay Hà Tĩnh có 68 dự án đầu tư nước ngoài với tổng vốn đăng ký trên 16 tỷ USD, nhiều dự án đầu tư nước ngoài tại Hà Tĩnh đã, đang phát huy hiệu quả, góp phần phát triển kinh tế của tỉnh như: dự án Khu liên hợp gang thép và cảng Sơn Dương Formosa Hà Tĩnh với vốn đầu tư lên đến 12,8 tỷ USD hoạt động hiệu quả, tạo sức lan tỏa và đóng góp lớn cho tăng trưởng kinh tế của tỉnh Hà Tĩnh nói riêng và cả nước nói chung; dự án Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 2 (khoảng 2,2 tỷ USD); dự án đầu tư sản xuất và thương mại công nghệ Pin Lithium của liên doanh giữa công ty Gotion,inc (Hoa Kỳ) và công ty cổ phần giải pháp năng lượng Vines và dự án Nhà máy may mặc xuất khẩu Sunny Apparel Vina của Công ty Citi Fox Inc (Hoa Kỳ); Dự án Khu bến Phoenix (bến cảng số 5, 6) cảng Vũng Áng; Nhà máy may mặc Haivina Hồng Lĩnh tại Hồng Lĩnh, Nhà máy điện mặt trời Solar Park Cẩm Hưng tại Cẩm Xuyên... Thị trường xuất khẩu có bước phát triển đột phá. Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của doanh nghiệp trên địa bàn tăng từ 94,95 triệu USD năm 2011 lên 125,6 triệu USD năm 2015 và lên 1.200 triệu USD năm 2020. Tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa giai đoạn 2011 - 2020 đạt 3.858 triệu USD, tốc độ tăng trưởng bình quân đạt gần 30%/năm. Tỷ trọng thu từ hoạt động xuất khẩu trên tổng thu ngân sách trên địa bàn tăng từ 12,3% năm 2011, lên 40,7% năm 2014 và lên 45,6% năm 2020. Tính cả giai đoạn 2011 - 2020, tổng thu từ hoạt động xuất nhập khẩu đạt 38.479,7 tỷ đồng, tăng bình quân 42,5%. Kêu gọi Kiều bào Hà Tĩnh đầu tư trên địa bàn, đến nay có 09 dự án của kiều bào Hà Tĩnh với tổng mức đầu tư hơn 2.900 tỷ đồng. Trong đó các dự án đầu tư nước ngoài chủ yếu được đầu tư tại Khu Kinh tế Vũng Áng. Giai đoạn 2017-2022 thu hút đầu tư nước ngoài vào Khu kinh tế Vũng Áng như sau:

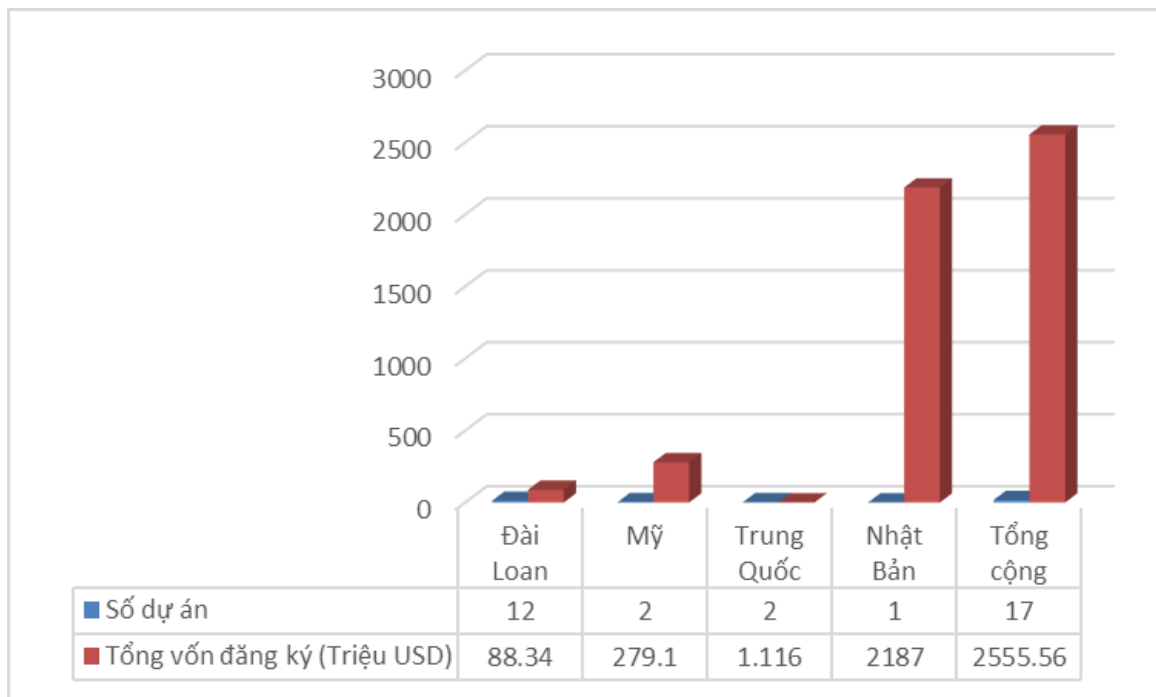
- Theo tiêu chí thời gian:



Sơ đồ 1. Thực trạng thu hút đầu tư nước ngoài hàng năm tại khu kinh tế Áng giai đoạn 2017-2022

Trong giai đoạn 2017-2022, Khu Kinh tế Vũng Áng thu hút được 17 dự án đầu tư nước ngoài với tổng số vốn đăng ký hơn 2,5 tỷ USD. Trong đó giai đoạn 2017-2019 thu hút được 13 dự án với tổng số vốn đăng ký là 83,28 triệu USD. Giai đoạn 2020-2022 là giai đoạn chịu ảnh hưởng nặng nề của đại dịch covid-19, mặc dù số dự án đầu tư nước ngoài đăng ký đầu tư tại Khu Kinh tế Vũng Áng chỉ 04 dự án, tuy nhiên số vốn đầu tư đăng ký là 2.472,28 triệu USD (tăng 2.388,8 triệu USD so với giai đoạn 2017-2019)

- Theo quốc gia đầu tư: Xét về số dự án thì giai đoạn này, số lượng dự án đến Đài Loan có 12/17 dự án tại Khu Kinh tế Vũng Áng, tuy nhiên xét về vốn đăng ký thì Nhật Bản là quốc gia có số vốn đăng ký đầu tư lớn nhất với 2.187 triệu USD chiếm gần 85,6% (Xem sơ đồ 2)



Sơ đồ 2. Thực trạng các dự án đầu tư của các nước vào KKT Vũng Áng giai đoạn 2017-2022

Mặc dù những năm qua, công tác ngoại giao kinh tế công tác ngoại giao kinh tế nhằm thu hút nguồn lực phục vụ phát triển Khu Kinh tế Vũng Áng đạt nhiều kết quả quan trọng, tuy nhiên công tác này vẫn còn gặp một số khó khăn, hạn chế:

- Các dự án thu hút đầu tư vào Khu Kinh tế Vũng Áng đa dạng, chưa tập trung vào những ngành nghề chiến lược và tính kết nối giữa các dự án chưa cao.
- Số dự án lớn trên 100 triệu USD còn ít (chỉ có 2/17 dự án). Dự án đầu tư vào các lĩnh vực có hàm khoa học công nghệ chưa cao, ít sử dụng nguyên liệu, bán thành phẩm và lao động chất lượng cao.
- Hầu như chưa thu hút được nguồn lực của kiều bào Hà Tĩnh ở nước ngoài vào Khu Kinh tế Vũng Áng.
- Chưa thu hút các nguồn lực nước ngoài chủ yếu còn tập trung chú trọng vào nguồn vốn mà chưa chú trọng và ít huy động được nguồn nhân lực với trình độ quản lý, tri thức cao từ nước ngoài.

3. Giải pháp phát huy ngoại giao kinh tế, huy động nguồn lực phát triển khu Kinh tế Vũng Áng thời gian tới

Tập trung tuyên truyền nâng cao nhận thức của chính quyền các cấp, Ban Quản lý Khu Kinh tế Vũng Áng, các doanh nghiệp và người dân về vai trò của

công tác ngoại giao kinh tế trong thu hút nguồn lực phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh nói chung và của Khu Kinh tế Vũng Áng nói riêng.

Tiếp tục đẩy mạnh triển khai Chỉ thị số 15-CT/TW Ngày 10/8/2022 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về công tác ngoại giao kinh tế phục vụ phát triển đất nước đến năm 2030; Kế hoạch số 04/KH-UBND ngày 09/01/2023 triển khai thực hiện Chỉ thị số 15-CT/TW của Ban Bí thư. Đổi mới phương thức, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động đối ngoại, xúc tiến đầu tư, hợp tác quốc tế. Tranh thủ mọi nguồn lực và lợi thế có sẵn, chú trọng đối ngoại đa phương để đẩy mạnh hội nhập, giao lưu kinh tế - thương mại quốc tế, khai thác có hiệu quả các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới.

Xây dựng chính sách phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp tỉnh Hà Tĩnh theo Kết luận số 23-KL/TU ngày 21/6/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, trong đó tích hợp phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và công nghiệp hỗ trợ; xây dựng chính sách về hỗ trợ hoạt động xuất nhập khẩu gắn với dịch vụ logistics trên địa bàn tỉnh, trong đó tích hợp chính sách hỗ trợ doanh nghiệp vận chuyển hàng hoá xuất nhập khẩu qua cảng Vũng Áng, chính sách hỗ trợ các hãng tàu biển mở tuyến vận chuyển container và các đối tượng có hàng hoá vận chuyển bằng container qua cảng Vũng Áng.

Đẩy mạnh hoạt động xúc tiến, hợp tác ngoại giao, quảng bá hình ảnh, tiềm năng, lợi thế của KKT đến với các nhà đầu tư trong và ngoài nước, đồng thời tích cực hỗ trợ nhà đầu tư triển khai nhanh các dự án. Tập trung thu hút các dự án đầu tư có chất lượng, các dự án phát triển hạ tầng KKT, ưu tiên đối với những lĩnh vực công nghiệp, logistics, công nghiệp hỗ trợ, công nghiệp sau thép, hạ tầng đô thị, du lịch - dịch vụ, dự án có sự lan tỏa mạnh mẽ đối với việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế, công nghệ kỹ thuật cao, tạo ra những sản phẩm có thương hiệu và sức cạnh tranh trên thị trường, công nghiệp thân thiện với môi trường.

Chuẩn bị sẵn sàng các điều kiện thu hút các nguồn lực nước ngoài vào Khu Kinh tế Vũng Áng như rà soát, bổ sung quỹ đất sạch, quy hoạch và xây dựng hạ tầng điện, nước, giao thông, cải thiện thủ tục hành chính, nâng cao năng lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước, công tác thẩm định và lựa chọn dự án đầu tư. Chú trọng đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao đủ về số lượng, phù hợp về cơ cấu phục vụ cho các dự án trong Khu Kinh tế.

Xây dựng các danh mục dự án, các công việc ưu tiên thu hút nguồn lực ngoài nước, đẩy mạnh phối hợp với các cơ quan ngoại giao ở nước ngoài, các cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài tại Việt Nam để cung cấp thông tin, tiếp

cận với các doanh nghiệp, tập đoàn lớn của nước ngoài có ưu thế để mời gọi đầu tư vào Khu Kinh tế.

Xây dựng, hoàn thiện và phát huy mạnh mẽ các kênh thông tin kết nối với người Việt Nam ở nước ngoài, kiều bào Hà Tĩnh nhằm cung cấp thông tin, kêu gọi, quy tụ, tập hợp nhà đầu tư, tri thức, chuyên gia trong kiều bào đầu tư sản xuất kinh doanh, chia sẻ tri thức, chuyển giao công nghệ... đóng góp vào sự phát triển của Khu Kinh tế.

Hỗ trợ nghiên cứu, phát triển các nguồn năng lượng tái tạo khu vực biển theo chỉ đạo tại Nghị quyết Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Thúc đẩy đầu tư xây dựng, khai thác điện gió, điện mặt trời và các dạng năng lượng tái tạo khác; nghiên cứu, chuyển giao, phát triển công nghệ, phát triển ngành chế tạo thiết bị phục vụ ngành công nghiệp năng lượng tái tạo, tiến tới làm chủ một số công nghệ, thiết kế, chế tạo và sản xuất thiết bị.

Nghiên cứu, quảng bá và thúc đẩy các sản phẩm du lịch mới, như du lịch công nghiệp: tham quan tại dự án Formosa, cảng Sơn Dương và các dự án lớn, tạo sự gắn kết giữa các sản phẩm du lịch nghỉ dưỡng truyền thống, du lịch văn hóa - tâm linh và du lịch công nghiệp để tận dụng và phát huy tối đa các tiềm năng du lịch trên địa bàn KKT Vũng Áng.

Hỗ trợ, đồng hành cùng các nhà đầu tư nghiên cứu, tìm hiểu cơ hội đầu tư tại KKT Vũng Áng, đặc biệt là các dự án đầu tư hạ tầng kỹ thuật, các dự án trong ngành công nghiệp chế biến, chế tạo, công nghiệp hỗ trợ sau thép, dịch vụ cảng biển, logistics, năng lượng mới, năng lượng tái tạo theo đúng định hướng phát triển KKT Vũng Áng. Tích cực, chủ động hỗ trợ, phối hợp với các nhà đầu tư dự án lớn, mang tính động lực trong quá trình hoàn thiện hồ sơ, thủ tục cấp phép đầu tư, cũng như trong quá trình dự án đi vào hoạt động sản xuất, kinh doanh.

Thúc đẩy hình thành hoạt động hợp tác giữa các doanh nghiệp trong KKT với trung tâm là Khu liên hợp gang thép Formosa nhằm tối ưu hóa việc sử dụng các yếu tố đầu vào, đầu ra như nguyên vật liệu, nước, năng lượng, chất thải, phế liệu... trong quá trình sản xuất kinh doanh. Thông qua hợp tác, các doanh nghiệp hình thành mạng lưới trao đổi các yếu tố phục vụ sản xuất, sử dụng chung hạ tầng và các dịch vụ phục vụ sản xuất, cải thiện quy trình công nghệ và nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh và tiến tới KKT xanh.

4. Kiến nghị, đề xuất

Kiến nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Ngoại giao và các cơ quan liên quan quan tâm ưu tiên trong công tác xúc tiến đầu tư vào khu kinh tế Vũng Áng, giới thiệu các tiềm năng đầu tư và kết nối Hà Tĩnh với các nhà đầu tư lớn trên thế giới.

Kiến nghị Chính phủ xem xét tiếp tục đưa khu kinh tế Vũng Áng vào danh sách các KKT ven biển trọng điểm được ưu tiên để tập trung đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn tiếp theo (từ 2022-2030).

Kiến nghị với Chính phủ làm việc với Chính phủ Lào thống nhất với Nhật Bản nghiên cứu đầu tư Dự án nâng cấp, cải tạo Quốc lộ 8 kết nối từ cửa khẩu Cầu Treo, xác định điểm cuối của Dự án là cảng Vũng Áng, Hà Tĩnh nhằm thuận lợi khai thác, vận chuyển hàng hóa đi các nước Lào, Thái Lan qua Cảng Vũng Áng.

Hàng năm có kế hoạch kết nối với các cơ quan đại diện ngoại giao các nước tại Việt Nam, cơ quan đại diện ngoại giao Việt Nam tại nước ngoài, các tổ chức quốc tế nhằm giới thiệu, quảng bá tiềm năng lợi thế, du lịch và nhu cầu xúc tiến đầu tư của tỉnh đến các nhà đầu tư và cộng đồng quốc tế, tham gia các diễn đàn quốc tế để tìm kiếm cơ hội, vận động, xúc tiến đầu tư nước ngoài vào KKT Vũng Áng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hà Tĩnh, Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 22/11/2021 về phát triển kinh tế Vũng Áng giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2023.
2. Ban Quản lý Khu Kinh tế tỉnh Hà Tĩnh, Báo cáo tình hình thực hiện chức năng quản lý nhà nước, thực hiện nhiệm vụ được giao các năm 2017,2018,2019, 2020, 2021, 2022 và Quý I/2023.
3. Thủ tướng Chính phủ, Văn bản số 1231/TTg-KTTH ngày 17/8/2012 về việc Đề án rà soát, xây dựng tiêu chí lựa chọn một số KKT ven biển để tập trung đầu tư giai đoạn 2013-2015
4. Thủ tướng Chính phủ, Văn bản số 2021/TTg-KHTH ngày 09/11/2015 về việc lựa chọn một số KKT ven biển để tập trung đầu tư phát triển từ nguồn NSNN giai đoạn 2016-2020
5. Tỉnh ủy Hà Tĩnh, Báo cáo tổng kết 10 năm của về thực hiện Chỉ thị số 41-CT/TW ngày 15/4/20210 của Ban Bí thư về tăng cường công tác ngoại giao kinh tế trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước;

6. Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh, Báo cáo công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế các năm 2017,2018,2019, 2020, 2021, 2022.
7. Văn phòng Chính phủ, Thông báo số 447/TB-VPCP ngày 21/9/2017 kết luận của Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc tại buổi làm việc với tỉnh Hà Tĩnh
8. Văn phòng Trung ương Đảng, Thông báo số 05-TB/VPTW ngày 27/4/2016 kết quả chuyến thăm và làm việc của đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng tại tỉnh Hà Tĩnh;

HIỆU QUẢ VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA TRONG VIỆC THỰC HIỆN CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI SỰ PHÁT TRIỂN CỦA KHU KINH TẾ VŨNG ÁNG

Lê Ngọc Hà

Ban Kinh tế - Ngân sách, HĐND tỉnh

Trong tiến trình bảo vệ, xây dựng và phát triển đất nước, Đảng, Nhà nước ta luôn đặc biệt coi trọng vai trò của biển. Năm 2007, Hội nghị Trung ương lần thứ 4, Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa X) đã ban hành Nghị quyết số 09-NQ/TW về “Chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020”. Sau 10 năm, thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TW, tại Hội nghị Trung ương lần thứ 8, Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) đã ban hành Nghị quyết số 36-NQ/TW về “Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045”.

Tại Hà Tĩnh, định hướng phát triển cảng biển nước sâu gắn với Khu kinh tế Vũng Áng được Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XV (nhiệm kỳ 2000-2005) và các nhiệm kỳ liên tiếp (lần thứ XVI, XVII, XVIII, XIX) đưa vào Nghị quyết của Đại hội Đảng; tại Đại hội lần thứ XVIII xác định “Xây dựng Khu kinh tế Vũng Áng sớm trở thành khu kinh tế động lực tầm cỡ quốc gia, quốc tế” là một trong những nhiệm vụ đột phá; Đại hội lần thứ XIX tiếp tục xác định “đầu tư hạ tầng Khu Kinh tế Vũng Áng” là một trong năm chương trình trọng điểm; “Huy động tối đa và sử dụng hiệu quả các nguồn lực xây dựng Khu Kinh tế Vũng Áng thực sự trở thành khu kinh tế đa chức năng, trung tâm công nghiệp động lực và logistics” là một trong ba đột phá chiến lược. Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 22/11/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển Khu kinh tế Vũng Áng giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030 đã xác định rõ mục tiêu phát triển tổng quát của Khu kinh tế Vũng Áng (viết tắt là KKT Vũng Áng) trong giai đoạn tới là: “*Xây dựng Khu Kinh tế Vũng Áng với các trụ cột: Công nghiệp luyện kim, năng lượng, chế biến, chế tạo; Trung tâm logistics và dịch vụ cảng biển; Phát triển thương mại, dịch vụ, tạo nền tảng vững chắc. Phát triển đồng bộ khu liên hợp công nghiệp luyện kim, công nghiệp hỗ trợ, chế biến, chế tạo, trung tâm điện lực gắn với cụm cảng nước sâu Vũng Áng - Sơn Dương; đảm bảo hiệu quả tổng hợp về kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh, bảo vệ môi trường; thúc đẩy tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động*

theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa; từng bước phát triển thị xã Kỳ Anh trở thành đô thị trung tâm phía Nam; hình thành thành phố Kỳ Anh, liên kết phát triển vùng Nam Hà Tĩnh - Bắc Quảng Bình.”

Chính quyền các cấp đã có các cơ chế, chính sách cụ thể để phát triển Khu kinh tế biển nói chung; Khu kinh tế Vũng Áng nói riêng. KKT Vũng Áng được thành lập theo Quyết định số 72/2006/QĐ-TTg ngày 03/4/2006 của Thủ tướng Chính phủ, với tổng diện tích 22.781 ha, bao gồm 09 xã, phường: Kỳ Nam, Kỳ Phương, Kỳ Lợi, Kỳ Long, Kỳ Liên, Kỳ Thịnh, Kỳ Trinh, Kỳ Hà và Kỳ Ninh. KKT Vũng Áng cũng được Thủ tướng Chính phủ lựa chọn và cho phép ưu tiên tập trung nguồn lực đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2013-2015 và tiếp tục là một trong 08 KKT ven biển được ưu tiên để tập trung đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016-2020. Quy hoạch chung xây dựng KKT Vũng Áng đến năm 2025 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1076/QĐ-TTg ngày 20/8/2007, theo đó KKT Vũng Áng có không gian kinh tế độc lập, là KKT tổng hợp, đa ngành, đa lĩnh vực bao gồm: công nghiệp - thương mại - dịch vụ - du lịch - nông lâm ngư nghiệp; trong đó trọng tâm là phát triển công nghiệp luyện kim, các ngành công nghiệp gắn với khai thác cảng biển, các ngành công nghiệp sử dụng nhiều lao động và các ngành công nghiệp xuất khẩu.

Trên cơ sở Quy hoạch chung xây dựng, đến hết năm 2020 đã phê duyệt thực hiện 11 đồ án quy hoạch phân khu xây dựng các khu chức năng với tổng diện tích là 13.183,31 ha. Các quy hoạch sau khi được phê duyệt đã tổ chức công bố và bàn giao hồ sơ để phối hợp quản lý, tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư triển khai lập dự án đầu tư (quy hoạch, thiết kế cơ sở, cấp phép xây dựng). Tổng vốn ngân sách hỗ trợ đầu tư hạ tầng KKT Vũng Áng từ khi thành lập đến hết năm 2020 là khoảng 10.245,602 tỷ đồng, được tập trung đầu tư hạ tầng giao thông trực chính khu kinh tế, tái định cư, hỗ trợ nhà ở xã hội. Cơ sở hạ tầng kỹ thuật KKT từng bước được hoàn thiện, bước đầu đã hoàn thành khung kết cấu hạ tầng chính quan trọng. Hình thành một số tuyến giao thông chính, các tuyến trục ngang, trục dọc xương sống kết nối các phân khu chức năng, các công trình dự án quan trọng và các khu đô thị, khu dân cư trong KKT Vũng Áng. Từng bước định hình cụm cảng nước sâu Vũng Áng - Sơn Dương. Hệ thống cấp điện, cấp thoát nước, hạ tầng khu tái định cư dần hoàn thiện...

Đến cuối năm 2020, KKT Vũng Áng có 146 dự án đầu tư còn hiệu lực, bao gồm 88 dự án trong nước với tổng mức đầu tư đăng ký 51.201,702 tỷ đồng và 58

dự án đầu tư nước ngoài với tổng mức đầu tư đăng ký 13.568,26 triệu USD.

- Hiện tại, một số dự án đã đi vào hoạt động và có sản phẩm tiêu thụ ra thị trường, trong đó, một số dự án lớn như: Tổng kho Xăng dầu Dầu khí Vũng Áng, Tổng kho khí thiên nhiên hóa lỏng Bắc Trung Bộ; cảng Vũng Áng (cầu cảng số 1, cầu cảng số 2); Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng I; Khách sạn Mường Thanh Hà Tĩnh; Khu liên hợp gang thép và cảng Sơn Dương Formosa (giai đoạn 1)...

- Một số dự án lớn đang được đẩy nhanh tiến độ thực hiện như: (i) hệ thống cấp nước cho KKT Vũng Áng; (ii) nhà ở thí điểm cho công nhân và người lao động thuê tại KKT Vũng Áng; (iii) khu đô thị Phú Vinh; (iv) KCN Phú Vinh; (v) các bến cảng Vũng Áng (bến số 3, bến số 4, Bến số 5, 6); (vi) khu nhà ở hộ gia đình cho nhân viên FHS; (vii) KCN Việt - Đức Hà Tĩnh...

- Một số dự án có quy mô đầu tư lớn đang hoàn chỉnh hồ sơ (hợp đồng BOT), đang đẩy nhanh công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng để khởi công xây dựng trong năm 2021 như Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng II (2,187 tỷ USD). KKT Vũng Áng đang tạo việc làm cho khoảng 16.795 người, trong đó lao động trong nước 14.479 người, lao động nước ngoài 2.316 người. Riêng dự án Khu liên hợp gang thép và cảng Sơn Dương đã có 12.574 người. Đây cũng là nhà đầu tư chính trong KKT Vũng Áng.

- Thời gian gần đây có một số nhà đầu tư lớn trên thế giới đang tìm hiểu để đầu tư: Nhà đầu tư Lee&Man và Hokuetsu với Dự án Xây dựng Tổ hợp công nghiệp cảng nước sâu, Khu logistics và Khu công nghiệp sản xuất giấy tissue; Nhà đầu tư từ Cộng hòa Liên bang Đức với Dự án Nhà máy sản xuất thép không gỉ; Công ty LNG Central (Hoa Kỳ) với Dự án Trung tâm tiếp nhận và phân phối LNG Hà Tĩnh kết hợp Cảng hàng hoá logistics; Công ty CP Vận tải và Dịch vụ hàng hải Đông Long cùng các đối tác đến từ Singapore, Nhật Bản với Dự án Tổ hợp cảng biển, Nhà máy sửa chữa và đóng tàu, Khu dịch vụ logistics; Công ty cổ phần Tập đoàn T&T đề xuất Dự án Cảng, Trung tâm khí hóa lỏng LNG, Trung tâm nhiệt điện sử dụng khí hóa lỏng, v.v...

KKT Vũng Áng đang là động lực quan trọng cho tăng trưởng kinh tế và thu ngân sách của tỉnh. Trong giai đoạn 2015 – 2020, tổng thu ngân sách tại Khu kinh tế Vũng Áng đạt khoảng 37.400 tỷ đồng, chiếm gần 56% tổng thu ngân sách toàn tỉnh, trong đó thu xuất nhập khẩu chiếm 97% toàn tỉnh; tổng kim ngạch xuất nhập khẩu đạt khoảng 12.800 triệu USD, chiếm trên 87% tổng kim ngạch xuất nhập khẩu toàn tỉnh; góp phần giải quyết lượng lớn việc làm cho lao động tỉnh Hà Tĩnh và lân cận (cao điểm là hơn 40.000 người). Cùng với Dự án

Khu liên hợp gang thép và cảng Sơn Dương Formosa Hà Tĩnh (giai đoạn 1) hoàn thành đi vào hoạt động, công nghiệp trở thành động lực chính thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

Sau hơn 16 năm xây dựng và phát triển, Khu kinh tế Vũng Áng (KKT Vũng Áng) được đánh giá là một trong những khu kinh tế thành công trong cả nước, đóng góp to lớn vào sự phát triển kinh tế - xã hội, làm thay đổi cơ bản cơ cấu tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) của tỉnh theo hướng tăng mạnh tỷ trọng công nghiệp và tăng nguồn thu ngân sách của tỉnh Hà Tĩnh, tạo ra hàng vạn việc làm cho người lao động địa phương và các tỉnh lân cận, góp phần xóa đói giảm nghèo. Có được như thế trước hết phải nói tính hiệu quả của các cơ chế, chính sách, tập trung nguồn lực đầu tư đối với sự phát triển của Khu kinh tế Vũng Áng, như: Được hưởng một số ưu đãi đầu tư tại các văn bản pháp luật của Trung ương (thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế nhập khẩu, tín dụng, đất đai...), các chương trình dự án đều được ưu tiên đầu tư; ở tỉnh các chính sách cụ thể cũng được HĐND, UBND ban hành để thu hút đầu tư, phát triển kinh tế, xã hội như: Hỗ trợ ngân sách nhà nước cho Dự án xây dựng hệ thống cấp nước cho Khu kinh tế Vũng Áng (Nghị quyết số 34/2012/NQ-HĐND); Nghị quyết về Đề án Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư giải phóng mặt bằng tạo quỹ đất phục vụ thu hút đầu tư tại Khu kinh tế Vũng Áng (Nghị quyết số 55/NQ-HĐND ngày 30/12/2021); chính sách hỗ trợ các hãng tàu biển mở chuyên vận chuyển container và đối tượng có hàng hoá vận chuyển bằng container qua cảng Vũng Áng, tỉnh Hà Tĩnh (Nghị quyết số 276/2021/NQ-HĐND ngày 28/4/2021 và Nghị quyết số 19/2021/NQ-HĐND ngày 17/07/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 276/2021/NQ-HĐND); Quyết định số 16/2007/QĐ-UBND ngày 27/4/2007 của UBND tỉnh về việc quy định một số chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư vào KKT Vũng Áng và các KCN của tỉnh Hà Tĩnh...

Bên cạnh đó, quá trình hoạt động và phát triển Khu kinh tế Vũng Áng vẫn còn nhiều khó khăn thách thức; cụ thể là:

- *Quỹ đất công nghiệp còn lại chưa đáp ứng được nhu cầu phát triển:* nhu cầu về diện tích đất cho các dự án, nhất là diện tích đất cho các dự án đầu tư công nghiệp trong thời gian tới là rất lớn trong khi quỹ đất công nghiệp còn lại không đáp ứng đủ.

- *Kết cấu hạ tầng thiếu đồng bộ, chưa đáp ứng yêu cầu phát triển:* Nhu cầu đầu tư về hạ tầng để phát triển KKT là rất lớn, trong khi nguồn lực địa phương còn hạn chế, chủ yếu dựa vào nguồn ngân sách hỗ trợ của Trung

ương, việc huy động xã hội hóa nguồn lực đầu tư khó khăn, vì vậy kết cấu hạ tầng chưa đáp ứng sự phát triển, đặc biệt các công trình kết cấu hạ tầng thiết yếu trong KKT, như hệ thống giao thông, cấp điện, cấp thoát nước, xử lý nước thải, thông tin...

- *Thiếu quỹ đất sạch đã được bồi thường, GPMB*; công tác bồi thường, GPMB gặp nhiều khó khăn, vướng mắc chậm được giải quyết, trở thành điểm nghẽn lớn, nguyên nhân chính làm chậm tiến độ đầu tư các dự án.

- *Hoạt động đầu tư và quản lý nhà nước còn bộc lộ nhiều bất cập*: công tác quản lý nhà nước về đầu tư tại KKT Vũng Áng của Ban Quản lý KKT tỉnh còn bộc lộ nhiều hạn chế; công tác giám sát, kiểm tra đôn đốc sau cấp phép đầu tư chưa thường xuyên, chưa kịp thời phát hiện, xử lý những vi phạm của nhà đầu tư hoặc tham mưu cấp có thẩm quyền xử lý theo đúng quy định. Còn chồng chéo trong quản lý giữa thị xã Kỳ Anh và Ban QL KKT

- *Chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư đã được quan tâm nhưng chưa thực sự hấp dẫn*:

* Các KKT đang được hưởng một số ưu đãi đầu tư (thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế nhập khẩu, tín dụng, đất đai...). Tuy vậy, các ưu đãi này chưa thật sự hấp dẫn đối với nhà đầu tư và tính cạnh tranh chưa cao, cụ thể:

+ Các ưu đãi này đều nằm trong khung pháp luật hiện hành, áp dụng chung như các ngành, khu vực khác trên cả nước. Vì vậy, các ưu đãi chưa có tính đặc thù, vượt trội. Trong khi đó, cơ sở hạ tầng kỹ thuật chưa phát triển, nguồn nhân lực được đào tạo kỹ thuật chưa có sẵn, cần có chính sách ưu đãi phù hợp, đảm bảo sức hấp dẫn đối với đầu tư nhất là đầu tư nước ngoài.

+ Các ưu đãi đầu tư cho KKT được quy định tại nhiều văn bản pháp luật chuyên ngành về thuế, đất đai... Mặt khác, các ưu đãi cũng thường xuyên thay đổi, thậm chí còn chồng chéo, vướng mắc, bất cập nên khó thực hiện. Do vậy, thời gian, chi phí để nghiên cứu, so sánh, đánh giá về ưu đãi đầu tư của các nhà đầu tư trước khi quyết định đầu tư vào các KKT không thuận lợi.

* Về chính sách hỗ trợ đầu tư vào các KKT, KCN ban hành kèm theo Quyết định số 16/2007/QĐ-UBND ngày 27/4/2007 của UBND tỉnh về việc quy định một số chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư vào KKT Vũng Áng và các KCN của tỉnh Hà Tĩnh chưa phát huy hiệu quả. Từ năm 2013 trở đi, nhiều văn bản quy phạm pháp luật mới ra đời thay thế cho các văn bản quy phạm pháp luật cũ như Luật Đất đai 2013, Luật Đầu tư 2014 (nay Luật Đầu tư 2020),... nên các

chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư không còn tính hiệu lực và hiệu quả. Do đó đã ảnh hưởng lớn đến quá trình thu hút, kêu gọi đầu tư. Các nghị quyết HĐND tỉnh như: Nghị quyết về Đề án Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư giải phóng mặt bằng tạo quỹ đất phục vụ thu hút đầu tư tại Khu kinh tế Vũng Áng là chính sách xuất phát từ thực tiễn song nguồn lực không đảm bảo; một số chính sách khác chưa có tính lan tỏa cao để thực sự đi vào cuộc sống.

Để đáp ứng được những mục tiêu, kỳ vọng đặt ra và phát huy các tiềm năng, lợi thế, trong thời gian tới KKT Vũng Áng cần tập trung giải quyết được các tồn tại, hạn chế cơ bản sau đây:

- (1) Thiếu quỹ đất công nghiệp để thu hút các dự án lớn, trọng điểm;
- (2) Hạ tầng kỹ thuật trong KKT thiếu đồng bộ, hạ tầng xã hội yếu kém;
- (3) Thiếu quỹ đất sạch; công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng, hỗ trợ, tái định cư để chuẩn bị mặt bằng thu hút các nhà đầu tư;
- (4) Vấn đề về nguồn nhân lực đáp ứng phục vụ cho hoạt động của các dự án trong KKT.
- (5) Vấn đề về thu hút đầu tư các dự án lớn, trọng điểm, có tính chất lan tỏa, tạo giá trị thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và toàn tỉnh;
- (6) Vấn đề về quản lý nhà nước (quản lý đầu tư, quản lý doanh nghiệp, quản lý môi trường, đất đai, lãnh thổ...);

Muốn giải quyết được những vấn đề trên, thì việc có cơ chế chính sách mạnh là cần thiết, tập trung vào các nội dung chủ yếu sau:

Trước hết, về phân cấp phân quyền trong xử lý hành chính, cần thiết phải nghiên cứu trình cơ quan trung ương có cơ chế đặc thù trong việc phát triển Khu kinh tế Vũng Áng, trong đó theo hướng ưu tiên giảm bớt các thủ tục trình xin ý kiến Trung ương; ưu tiên nguồn lực của Trung ương cho Khu Kinh tế Vũng Áng.

Thứ hai, về quy hoạch, tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện quy hoạch: Xây dựng Chương trình, kế hoạch và các cơ chế chính sách cần thiết để triển khai thực hiện quy hoạch đồng bộ, hiệu quả. xây dựng hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành một số cơ chế, chính sách phù hợp nhằm huy động, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực để thực hiện Quy hoạch.

Thứ ba, giải pháp về cơ chế, chính sách đất đai: Triển khai kịp thời các chính sách pháp luật về quản lý đất đai và ban hành đồng bộ kịp thời các văn bản cụ thể hóa luật và tăng cường chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện. Hoàn thiện các quy định về giao đất, cho thuê đất; bồi thường, bồi thường giải phóng mặt bằng,

tái định cư... và thực hiện đảm bảo công bằng, bình đẳng giữa quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất.

Thứ tư, thu hút đầu tư: Có chính sách khuyến khích các doanh nghiệp trong tỉnh triển khai thực hiện các dự án đầu tư theo định hướng của tỉnh, trong đó ưu tiên các doanh nghiệp vừa và nhỏ đầu tư vào các cụm công nghiệp đã được thành lập. Tạo điều kiện cho các doanh nghiệp trong tỉnh liên kết với các doanh nghiệp FDI để tham gia vào chuỗi giá trị sản xuất.

Thứ năm, thực hiện cơ chế công tư kết hợp (PPP) dưới các hình thức khác nhau: Huy động nguồn vốn đầu tư từ doanh nghiệp trong nước và nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI): (1) thiết lập các cơ chế, chính sách, thủ tục hành chính tinh giản, thuận lợi cho đầu tư; (2) nhanh chóng hoàn thiện cơ cấu hạ tầng kỹ thuật; (3) thúc đẩy việc đào tạo lực lượng lao động có tay nghề cao, với các kỹ năng đáp ứng được nhu cầu của thị trường.

Thứ sáu, giải pháp huy động vốn: Đối với nguồn ngân sách tỉnh cần có giải pháp, chính sách phù hợp để huy động các nguồn lực từ quỹ đất, nhất là quỹ đất cho phát triển đô thị, công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp và xây dựng nông thôn mới của tỉnh. Đồng thời, tiếp tục đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nhằm tăng cường thu hút các nhà đầu tư, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp hoạt động sản xuất kinh doanh trên địa bàn có hiệu quả, từ đó thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và tăng nguồn thu cho ngân sách tỉnh.

Thứ bảy, giải pháp triển nguồn nhân lực: (i) Xây dựng chiến lược phát triển nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu từng thời kỳ phát triển của Tỉnh, phù hợp xu thế phát triển chung của vùng và cả nước; (ii) Xây dựng các cơ chế, chính sách nhằm khai thác tốt nguồn lực từ đội ngũ cán bộ khoa học, kỹ thuật hiện có; thu hút cán bộ có trình độ cao, các chuyên gia giỏi, công nhân lành nghề về làm việc tại tỉnh.

Thứ tám, giải pháp về môi trường, khoa học và công nghệ: Xây dựng cơ chế, chính sách ưu đãi cho doanh nghiệp nhằm khuyến khích và đẩy mạnh hoạt động ứng dụng, chuyển giao công nghệ tiên tiến, hiện đại thân thiện với môi trường trong mọi ngành sản xuất nhằm hạn chế ô nhiễm môi trường khuyến khích sử dụng năng lượng tái tạo, năng lượng sạch. Khuyến khích các cơ sở phát triển sản xuất sạch và thân thiện môi trường, khuyến khích sử dụng nguồn nguyên liệu tái sinh. Đặc biệt trong lĩnh vực khai khoáng và công nghiệp chế biến chế tạo sẽ kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ việc tuân thủ quy trình công nghệ

thăm dò, khai thác và sản xuất.

Thứ chín, chính sách liên kết phát triển: Nhằm hình thành các trục giao thông và hành lang kinh tế, tăng cường thương mại, liên kết du lịch và giao lưu văn hóa, bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu đối với các tỉnh trong và ngoài nước; Phối hợp giữa các tỉnh để thống nhất hóa các chủ trương, chính sách thu hút đầu tư và nâng cao năng lực cạnh tranh chung của các tỉnh trong vùng.

Thứ mười, thực hiện tốt một số nhiệm vụ cụ thể được đề ra tại Đề án phát triển Khu kinh tế Vũng Áng giai đoạn 2021 – 2025, định hướng đến năm 2030 (có phụ lục kèm theo)./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Văn kiện Đại hội tỉnh Đảng bộ tỉnh Hà Tĩnh lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2020-2025.
2. Quy hoạch tỉnh Hà Tĩnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.
3. Đề án phát triển Khu kinh tế Vũng Áng giai đoạn 2021 – 2025, định hướng đến năm 2030.

PHỤ LỤC: MỘT SỐ NHIỆM VỤ CỤ THỂ

1. Nghiên cứu, triển khai điều chỉnh, mở rộng KKT Vũng Áng; tăng cường công tác quản lý quy hoạch

- Nghiên cứu điều chỉnh, mở rộng quy mô, ranh giới, diện tích tự nhiên KKT Vũng Áng: phạm vi nghiên cứu dự kiến bao gồm toàn bộ diện tích tự nhiên của thị xã Kỳ Anh, huyện Kỳ Anh và một phần khu vực biển. Việc nghiên cứu đảm bảo tính chiến lược dài hạn, kết hợp với rà soát, điều chỉnh Quy hoạch chung thị xã Kỳ Anh đến năm 2035, Quy hoạch vùng huyện Kỳ Anh, trong đó tính đến hướng mở rộng phạm vi KKT Vũng Áng trên địa bàn huyện Kỳ Anh, ưu tiên quy hoạch quỹ đất xây dựng các khu công nghiệp quy mô lớn, các khu thương mại dịch vụ, phù hợp với Quy hoạch tỉnh để đảm bảo quỹ đất đáp ứng nhu cầu thu hút đầu tư, phát triển lâu dài và bền vững cho KKT.

- Phối hợp với Cục Hàng hải Việt Nam trong việc lập Quy hoạch chi tiết phát triển vùng đất, vùng nước cảng biển Hà Tĩnh thời kỳ 2021 – 2030, đảm bảo đồng bộ, thống nhất với “Quy hoạch chi tiết nhóm cảng biển, bến cảng, cầu cảng, bến phao, khu nước vùng đất, vùng nước thời kỳ 2021 – 2030” và “Quy hoạch chi tiết phát triển vùng đất, vùng nước cảng biển thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050” đang được Cục Hàng hải Việt Nam xây dựng.

- Tổ chức lập mới, điều chỉnh quy hoạch phân khu xây dựng, quy hoạch chi tiết xây dựng các khu chức năng trong KKT để thực hiện công tác kêu gọi đầu tư, đáp ứng nhu cầu đầu tư phát triển KKT trong giai đoạn mới.

- Nâng cao công tác quản lý quy hoạch các khu chức năng theo Quy hoạch chung xây dựng KKT Vũng Áng; gắn kết với Quy hoạch chung của thị xã Kỳ Anh, quy hoạch vùng huyện Kỳ Anh, phù hợp với Quy hoạch tỉnh và Quy hoạch xây dựng vùng Nam Hà Tĩnh – Bắc Quảng Bình; kết hợp, củng cố nâng cao chất lượng các tiêu chí đô thị loại III, hướng tới xây dựng thành phố trực thuộc tỉnh vào năm 2025; tuyên truyền, vận động người dân không vi phạm quy hoạch, đồng thời xử lý nghiêm đối với các trường hợp vi phạm.

2. Huy động các nguồn vốn đầu tư các công trình hạ tầng thiết yếu phục vụ các khu chức năng KKT

- Tập trung huy động tối đa và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực để thực hiện đầu tư hoàn chỉnh kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại gắn với quy hoạch hạ tầng chung của tỉnh, đóng góp xứng đáng vào tổ chức không gian cũng như hoạt động của địa phương có KKT Vũng Áng (đô thị thị xã Kỳ Anh và vùng huyện Kỳ

Anh trong dự kiến mở rộng KKT), góp phần nâng cấp thị xã Kỳ Anh đáp ứng các yêu cầu trở thành thành phố trực thuộc tỉnh. Sử dụng các nguồn vốn bổ sung khác từ các hình thức đầu tư đối tác công tư, từ các thành phần kinh tế đầu tư kinh doanh các dự án khu dân cư đô thị, khu nhà ở cho công nhân, đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội khác. Khuyến khích hình thức xã hội hóa nguồn kinh phí lập quy hoạch cho KKT theo quy định của pháp luật.

+ Về hạ tầng kỹ thuật: Đầu tư các công trình, dự án xây dựng, nâng cấp và hoàn chỉnh hạ tầng kỹ thuật trong KKT như: Hạ tầng giao thông nội vùng, giao thông kết nối KKT với các thị trường trong nước và nước ngoài; trở thành cửa ngõ xuất nhập khẩu hàng hoá của Lào và các tỉnh Đông Bắc Thái Lan; hạ tầng kỹ thuật trong KCN Vũng Áng I, trong các khu chức năng của KKT; hệ thống thu gom và xử lý nước thải, hệ thống kênh tách nước phân lũ (giai đoạn 2),... *(Chi tiết các công trình hạ tầng kỹ thuật cần đầu tư trong giai đoạn 2021 - 2025 và giai đoạn 2026 - 2030 tại Phụ lục 2)*. Nguồn vốn đầu tư huy động từ ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh làm vai trò dẫn dắt, xây dựng và hoàn thiện cơ bản hệ thống hạ tầng kỹ thuật; làm nền tảng, cơ sở để thu hút các nguồn vốn xã hội hóa, nguồn vốn từ hình thức đối tác công tư, từ các doanh nghiệp để bổ sung và hoàn chỉnh hạ tầng trong KKT.

+ Về hạ tầng đô thị: Đầu tư xây dựng, phát triển các khu đô thị mới, có hệ thống hạ tầng đồng bộ, hiện đại, đáp ứng yêu cầu của tầng lớp có mức sống cao, đồng thời có các khu vực đáp ứng nhu cầu về nơi ở cho tầng lớp lao động có thu nhập thấp; cụ thể: đầu tư xây dựng Khu đô thị Kỳ Ninh, Kỳ Nam thành Khu đô thị hiện đại, gắn với phát triển các khu du lịch nghỉ dưỡng, đáp ứng yêu cầu là nơi sinh sống lâu dài của các gia đình thuộc tầng lớp có thu nhập cao đến từ các địa phương trong nước và các quốc gia; về lâu dài có thể hình thành Trung tâm tài chính – ngân hàng của khu vực miền Trung tại đây; Xây dựng khu đô thị Trung tâm thị xã Kỳ Anh theo hướng đa dạng, vừa có khu vực hiện đại, vừa có khu vực giá rẻ, đáp ứng yêu cầu của tầng lớp công nhân có thu nhập trung bình và thấp; cải tạo các đô thị hiện hữu (phường Hưng Trí, các khu tái định cư) nhằm đa dạng hóa phục vụ sự lựa chọn của người dân về nơi ở.

+ Về hạ tầng xã hội: Kêu gọi đầu tư xã hội hóa nhằm hình thành và phát triển hệ thống giáo dục, y tế, văn hóa, thể thao, CNTT... đáp ứng nhu cầu của nhóm thu nhập cao, hướng tới đảm bảo các tiêu chuẩn quốc tế. Bên cạnh đó, phải đầu tư phát triển hệ thống hạ tầng xã hội công lập hoặc ngoài công lập đáp ứng đủ nhu cầu của người lao động.

- Đề xuất Chính phủ tiếp tục đưa KKT Vũng Áng vào danh sách các KKT ven biển trọng điểm được ưu tiên tập trung đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 – 2025

- Đề xuất các Bộ, ngành Trung ương hỗ trợ vốn đầu tư cho các công trình dự án trọng điểm theo chương trình, dự án của ngành, lĩnh vực trên địa bàn, đồng thời lồng ghép các chương trình, dự án của các Bộ, ngành Trung ương để tập trung đầu tư hạ tầng cho KKT.

- Đẩy nhanh tiến độ các dự án khởi công mới thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 – 2025; xem xét ưu tiên khi phân bổ nguồn vốn đầu tư công để đầu tư hạ tầng KKT; sử dụng nguồn tăng thu, tiết kiệm chi hàng năm và các nguồn vốn hợp pháp khác để đầu tư hạ tầng khu kinh tế theo đúng quy định của pháp luật.

3. Tập trung huy động các nguồn lực đầu tư xây dựng và phát triển cảng Vũng Áng – Sơn Dương, Trung tâm logistics Vũng Áng – Sơn Dương và tăng cường khai thác dịch vụ cảng biển

- Nâng cao năng lực tiếp nhận tàu trọng tải lớn theo Quy hoạch phát triển hệ thống cảng biển¹⁷ gắn với nâng cao năng lực bốc xếp hàng hóa, đồng thời kêu gọi, thu hút đầu tư Cảng Vũng Áng nhằm khai thác tối đa hiệu quả tiềm năng, lợi thế của cảng biển Vũng Áng.

- Tổ chức hoạt động duy tu, nạo vét luồng hàng hải theo kế hoạch bảo trì kết cấu hạ tầng hàng hải của Bộ Giao thông Vận tải. Đề xuất bố trí nguồn vốn trung hạn đầu tư xây dựng đê chắn sóng cảng Vũng Áng theo quy hoạch¹⁸.

- Triển khai có hiệu quả chính sách hỗ trợ các hãng tàu biển và các đối tượng có hàng hóa vận chuyển bằng container qua cảng Vũng Áng trong giai đoạn 2021 – 2023 theo Nghị quyết số 276/2021/NQ-HĐND ngày 28/4/2021 của HĐND tỉnh, tạo động lực thúc đẩy phát triển tuyến vận chuyển container cố định qua Cảng Vũng Áng. Đến năm 2023, tích hợp vào nội dung của Chính sách hỗ trợ hoạt động nhập khẩu gắn với phát triển dịch vụ logistics theo Kết luận số 23-KL/TU ngày 21/6/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh.

¹⁷ Theo Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng biển Việt Nam thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 phê duyệt tại Quyết định số 1579/QĐ-TTg ngày 22/9/2021, cảng biển Hà Tĩnh thuộc nhóm cảng biển loại I; khu bến Vũng Áng có khả năng tiếp nhận tàu tổng hợp trọng tải đến 70.000 tấn, tàu container sức chở đến 4.000 TEU, tàu hàng rời trọng tải đến 100.000 tấn, tàu hàng lỏng/khí trọng tải đến 15.000 tấn hoặc lớn hơn khi đủ điều kiện; khu bến Sơn Dương có khả năng tiếp nhận tàu hàng rời trọng tải đến 300.000 tấn, tàu hàng lỏng/khí trọng tải đến 150.000 tấn, tàu tổng hợp và container trọng tải đến 50.000 tấn hoặc lớn hơn khi đủ điều kiện..

¹⁸ Bao gồm đê phía Bắc dài 370m và đê phía Tây dài 1.850m và hiện Bộ GTVT đang tiếp tục nghiên cứu để phù hợp với tình hình thực tế.

- Đối với Trung tâm logistics Vũng Áng – Sơn Dương: Tiếp tục làm việc với nhà đầu tư tiềm năng để phối hợp hoàn thiện Quy hoạch chi tiết xây dựng Trung tâm Logistics và dịch vụ hậu cảng Sơn Dương, tỷ lệ 1/500, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt; cùng với quy hoạch chi tiết xây dựng Trung tâm Logistics và dịch vụ hậu cảng Vũng Áng, tỷ lệ 1/500 đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1734/QĐ-UBND ngày 08/4/2021 để tập trung thu hút, kêu gọi các nhà đầu tư có kinh nghiệm và năng lực tài chính đầu tư vào Trung tâm logistic gắn với khai thác lợi thế cảng biển, dịch vụ hậu cảng.

- Tập trung hỗ trợ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật thiết yếu như giao thông, cấp nước, điện, thông tin liên lạc,... đối với khu hậu cảng Vũng Áng, cũng như hạ tầng giao thông kết nối với Quốc lộ 12C nhằm tạo sự đột phá mạnh mẽ, sức hấp dẫn cho việc thu hút, kêu gọi các nhà đầu tư có kinh nghiệm và năng lực tài chính đầu tư vào Trung tâm Logistic Vũng Áng – Sơn Dương gắn với khai thác lợi thế cảng biển Vũng Áng – Sơn Dương. Xây dựng khu phi thuế quan, tạm nhập tái xuất tại khu vực Cảng Vũng Áng – Sơn Dương và Trung tâm Logistic. Xúc tiến triển khai dự án đường sắt tuyến Vũng Áng – Tân Ấp – Mụ Gia từ cảng Vũng Áng đến biên giới Việt - Lào theo Quy hoạch được phê duyệt. Hình thành chuỗi giá trị có tính liên kết: Các dịch vụ cảng biển, khu đô thị cảng biển, dịch vụ phục vụ cho KKT với trọng tâm là cảng biển, công nghiệp gang thép, khu đô thị du lịch.

4. Nâng cao hiệu quả các chính sách thu hút, xúc tiến đầu tư, hỗ trợ doanh nghiệp, nhà đầu tư gắn với tăng cường công tác quản lý nhà nước về đầu tư

- Xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ, khuyến khích đầu tư vào các khu kinh tế, khu công nghiệp tỉnh theo Kết luận số 23-KL/TU ngày 21/6/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, đảm bảo tính đột phá và có đủ nguồn lực thực hiện; trong đó, chính sách hỗ trợ có trọng tâm, trọng điểm, tập trung cho các dự án đầu tư thuộc ngành nghề, lĩnh vực ưu tiên thu hút, kêu gọi đầu tư giai đoạn 2021-2025 để hình thành các động lực mạnh, có tính lan tỏa lớn thay vì thực hiện hỗ trợ dàn trải cho nhiều đối tượng cùng một lúc.

- Thu hút các dự án đầu tư của các nhà đầu tư lớn, chiến lược, có năng lực mạnh và uy tín trong lĩnh vực đầu tư; ưu tiên các dự án chế biến, chế tạo sau thép có công nghệ cao, thân thiện môi trường, suất đầu tư cao, sử dụng đất tiết kiệm, hiệu quả, phù hợp với nhu cầu, định hướng đầu tư; các dự án sử dụng lao động có trình độ chuyên môn kỹ thuật cao.

- Xây dựng chính sách phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp tỉnh Hà Tĩnh theo Kết luận số 23-KL/TU ngày 21/6/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, trong đó tích hợp phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và công nghiệp hỗ trợ; xây dựng chính sách về hỗ trợ hoạt động xuất nhập khẩu gắn với dịch vụ logistics trên địa bàn tỉnh, trong đó tích hợp chính sách hỗ trợ doanh nghiệp vận chuyển hàng hoá xuất nhập khẩu qua cảng Vũng Áng, chính sách hỗ trợ các hãng tàu biển mở tuyến vận chuyển container và các đối tượng có hàng hoá vận chuyển bằng container qua cảng Vũng Áng.

- Tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, đẩy mạnh hoạt động xúc tiến, quảng bá hình ảnh, tiềm năng, lợi thế của KKT đến với các nhà đầu tư trong và ngoài nước, đồng thời tích cực hỗ trợ nhà đầu tư triển khai nhanh các dự án. Tập trung thu hút các dự án đầu tư có chất lượng, các dự án phát triển hạ tầng KKT, khu công nghiệp, ưu tiên đối với những lĩnh vực công nghiệp, logistics, công nghiệp hỗ trợ, công nghiệp sau thép, hạ tầng đô thị, du lịch – dịch vụ, dự án có sự lan tỏa mạnh mẽ đối với việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế, công nghệ kỹ thuật cao, tạo ra những sản phẩm có thương hiệu và sức cạnh tranh trên thị trường, công nghiệp thân thiện với môi trường.

- Đa dạng hóa các hình thức xúc tiến đầu tư, chú trọng hình thức liên hệ trực tiếp, tiếp xúc với các nhà đầu tư chuyên nghiệp, các đối tác, doanh nghiệp, các tập đoàn kinh tế lớn trên thế giới hoặc thông qua các cơ quan ngoại giao để tổ chức xúc tiến, thu hút các nhà đầu tư, nhất là các nhà đầu tư nước ngoài vào KKT, bám sát nhu cầu thực tế và lợi thế so sánh của KKT Vũng Áng. Tranh thủ sự hỗ trợ của các cơ quan trung ương, Cục Đầu tư nước ngoài (Bộ Kế hoạch và Đầu tư) và các cơ quan ngoại giao Việt Nam tại nước ngoài để quảng bá, giới thiệu hình ảnh và môi trường đầu tư của KKT Vũng Áng tới các nhà đầu tư lớn.

- Hỗ trợ nghiên cứu, phát triển các nguồn năng lượng tái tạo khu vực biển theo chỉ đạo tại Nghị quyết Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Thúc đẩy đầu tư xây dựng, khai thác điện gió, điện mặt trời và các dạng năng lượng tái tạo khác; nghiên cứu, chuyển giao, phát triển công nghệ, phát triển ngành chế tạo thiết bị phục vụ ngành công nghiệp năng lượng tái tạo, tiến tới làm chủ một số công nghệ, thiết kế, chế tạo và sản xuất thiết bị.

- Nghiên cứu, quảng bá và thúc đẩy các sản phẩm du lịch mới, như du lịch công nghiệp: tham quan tại dự án Formosa, cảng Sơn Dương và các dự án lớn,

tạo sự gắn kết giữa các sản phẩm du lịch nghỉ dưỡng truyền thống, du lịch văn hóa – tâm linh và du lịch công nghiệp để tận dụng và phát huy tối đa các tiềm năng du lịch trên địa bàn KKT Vũng Áng.

- Hỗ trợ, đồng hành cùng các nhà đầu tư nghiên cứu, tìm hiểu cơ hội đầu tư tại KKT Vũng Áng, đặc biệt là các dự án đầu tư hạ tầng kỹ thuật, các dự án trong ngành công nghiệp chế biến, chế tạo, công nghiệp hỗ trợ sau thép, dịch vụ cảng biển, logistics, năng lượng mới, năng lượng tái tạo theo đúng định hướng phát triển KKT Vũng Áng.

- Tích cực, chủ động hỗ trợ, phối hợp với các nhà đầu tư dự án lớn, mang tính động lực (như Công ty Cổ phần Vinhomes dự kiến đầu tư tổ hợp nhà máy sản xuất ô tô, linh phụ kiện kết hợp cảng biển) trong quá trình hoàn thiện hồ sơ, thủ tục cấp phép đầu tư, cũng như trong quá trình dự án đi vào hoạt động sản xuất, kinh doanh. Coi trọng xúc tiến đầu tư “tại chỗ” để thông qua các dự án lớn, động lực thu hút các dự án phụ trợ thực chất, có hiệu quả.

- Thường xuyên theo dõi, nắm tình hình, quan tâm và hỗ trợ nhà đầu tư trong giải quyết thủ tục hành chính, GPMB, tiếp cận nguồn lao động... Tổ chức gặp gỡ, đối thoại với các doanh nghiệp, tiếp nhận ý kiến phản ánh khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp, giải quyết kịp thời, hiệu quả hoặc báo cáo các cơ quan có thẩm quyền nhằm tháo gỡ, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp. Đồng hành cùng doanh nghiệp đẩy nhanh tiến độ các dự án trọng điểm như: Các cầu cảng số 3, 4, 5, 6; Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 2;...; tăng cường công tác hỗ trợ tiếp cận pháp lý cho doanh nghiệp, nhà đầu tư để nâng cao hiểu biết, ý thức chấp hành pháp luật trong quá trình triển khai, vận hành dự án đầu tư. Cụ thể hoá các nội dung Nghị quyết số 08-NQ/TU, ngày 22/11/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XIX về đổi mới, phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp đến năm 2025 và những năm tiếp theo.

- Phát triển cụm ngành thép giữ vai trò chủ đạo trong ngành công nghiệp. Đồng hành, hỗ trợ Công ty FHS trong quá hoạt động sản xuất và tiêu thụ sản phẩm thép ra thị trường, tạo điều kiện thúc đẩy sản xuất đạt công suất thiết kế và nâng công suất nhà máy thép lên 11 triệu tấn/năm vào năm 2025 và 15 triệu tấn/năm vào năm 2030, trên cơ sở ứng dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại, đảm bảo nghiêm ngặt về môi trường, sản xuất các loại thép cao cấp, gia tăng về giá trị sản phẩm, như các sản phẩm thép dùng để chế tạo các thiết bị, linh kiện máy móc của máy bay, ô tô, tàu thủy, xe máy, tàu hỏa, đường sắt... Tăng cường thu hút, tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư thứ cấp, các dự án sản xuất, gia

công, chế biến, chế tạo kim loại, sản xuất thiết bị, máy móc,... từng bước hình thành hệ sinh thái công nghiệp sau thép.

- Thúc đẩy hình thành hoạt động hợp tác giữa các doanh nghiệp trong KKT với trung tâm là Khu liên hợp gang thép Formosa nhằm tối ưu hóa việc sử dụng các yếu tố đầu vào, đầu ra như nguyên vật liệu, nước, năng lượng, chất thải, phế liệu... trong quá trình sản xuất kinh doanh. Thông qua hợp tác, các doanh nghiệp hình thành mạng lưới trao đổi các yếu tố phục vụ sản xuất, sử dụng chung hạ tầng và các dịch vụ phục vụ sản xuất, cải thiện quy trình công nghệ và nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh và tiến tới KKT xanh.

- Tăng cường kiểm tra giám sát tiến độ triển khai dự án sau khi chấp thuận chủ trương đầu tư; hướng dẫn, đôn đốc nhà đầu tư thực hiện các hồ sơ, thủ tục cần thiết để triển khai dự án đúng quy định; rà soát các nguyên nhân gây chậm tiến độ thực hiện dự án để có phương án cùng nhà đầu tư tháo gỡ; xử lý nghiêm lỗi vi phạm tiến độ hoặc vi phạm các quy định của pháp luật có liên quan; trường hợp dự án chậm tiến độ kéo dài có nguyên nhân từ phía nhà đầu tư, nhà đầu tư không có khả năng tiếp tục triển khai thì thực hiện thủ tục, quy trình chấm dứt hoạt động dự án theo đúng quy định; tạo môi trường đầu tư công bằng, bình đẳng, tạo thuận lợi triển khai dự án đối với các doanh nghiệp thực hiện nghiêm túc cam kết đầu tư.

5. Tiếp tục đẩy mạnh công tác cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước

- Đẩy mạnh cải cách hành chính, đảm bảo công khai, minh bạch, đơn giản hoá thủ tục hành chính, thành phần hồ sơ và rút ngắn tối đa thời gian giải quyết thủ tục hành chính.

- Nghiên cứu xây dựng và thực hiện có hiệu quả Quy chế phối hợp giữa Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh với các sở, ban, ngành, địa phương về quản lý nhà nước tại KKT Vũng Áng nói riêng và các KKT, KCN trên địa bàn tỉnh nói chung phù hợp với tình hình thực tiễn và các quy định của pháp luật có liên quan¹⁹. Tăng cường phân cấp, uỷ quyền toàn diện cho Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh trong công tác quản lý nhà nước đối với KKT Vũng Áng và các KKT, KCN trên địa bàn tỉnh. Thực hiện tốt cơ chế “Một cửa – tại chỗ” trong quản lý, gắn kết giữa quản lý một số lĩnh vực với quản lý hành chính lãnh thổ. Tăng cường phối hợp giữa Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh với các sở, ban,

¹⁹ Thay thế Quyết định số 31/2014/QĐ-UBND ngày 21/7/2014 của UBND tỉnh.

ngành, địa phương liên quan, nhất là thị xã Kỳ Anh, huyện Kỳ Anh (trong dự kiến mở rộng KKT Vũng Áng).

- Thường xuyên rà soát, đánh giá tình hình thực hiện các quy định, chính sách hiện hành trên các lĩnh vực: đầu tư, xây dựng, thuế, tài nguyên môi trường, khoa học, công nghệ, khuyến công,... để chủ động đề xuất cấp có thẩm quyền hướng dẫn, ban hành các chính sách phù hợp với tình hình thực tế, các chính sách đặc thù, sửa đổi các quy định, chính sách chưa phù hợp, chồng chéo.

- Tranh thủ sự hỗ trợ của Chính phủ, các Bộ, ban, ngành và các cơ quan trung ương để giải quyết nhanh chóng và hiệu quả các vướng mắc, khó khăn của doanh nghiệp, nhà đầu tư cũng như trong công tác quản lý nhà nước tại KKT Vũng Áng.

- Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Kế hoạch Chuyển đổi số tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030; cụ thể hoá nội dung Nghị quyết số 05-NQ/TU, ngày 22/10/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XIX về tập trung lãnh đạo, chỉ đạo chuyển đổi số giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030, trong đó tập trung các giải pháp phát triển kinh tế số trong khu vực KKT Vũng Áng nói riêng và trong các KKT, KCN trên địa bàn tỉnh nói chung nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế, hỗ trợ các doanh nghiệp, nhà đầu tư trên địa bàn, đồng thời tăng cường hiệu quả công tác quản lý nhà nước. Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành; số hoá cơ sở dữ liệu về quy hoạch, đầu tư, đất đai, môi trường, lao động trong KKT Vũng Áng nói riêng và các KKT, KCN trong tỉnh nói chung phục vụ hoạt động quản lý và cung cấp thông tin.

- Hoàn chỉnh cơ cấu tổ chức bộ máy, bố trí nhân sự phù hợp để đáp ứng yêu cầu vị trí việc làm, nâng cao năng lực quản lý, điều hành của lãnh đạo và năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của cán bộ, công chức Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh, đảm bảo thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định của pháp luật. Quan tâm công tác đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ; tiếp tục đề ra các chính sách hỗ trợ, thu hút cán bộ làm việc tại Ban Quản lý Khu Kinh tế tỉnh, Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng khu vực khu kinh tế tỉnh.

6. Quan tâm phát triển nguồn nhân lực, đáp ứng yêu cầu phát triển của Khu kinh tế Vũng Áng

- Tập trung triển khai có hiệu quả Chỉ thị số 10-CT/TU ngày 15/6/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo công tác đào tạo nghề giải quyết việc làm cho người lao động trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh. Tiếp tục đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị, bồi dưỡng nhà giáo phát triển chương trình, giáo trình nhằm nâng cao năng lực cơ sở đào tạo, nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao theo nhu cầu của các doanh nghiệp, dự án đầu tư tại KKT Vũng Áng và nhu cầu chuyển đổi nghề của người dân.

- Đẩy mạnh xã hội hóa trong giáo dục nghề nghiệp, khuyến khích các doanh nghiệp trực tiếp tham gia đào tạo nguồn nhân lực; thực hiện tốt mô hình liên kết 3 nhà: “Nhà nước – Nhà trường – Nhà Doanh nghiệp” trong đào tạo nguồn nhân lực và giải quyết việc làm cho người lao động; đảm bảo đủ nguồn nhân lực cho các Chương trình, Dự án đầu tư vào KKT, không để thiếu nguồn nhân lực phục vụ phát triển KKT. Ứng dụng công nghệ thông tin và xây dựng cơ sở dữ liệu về thông tin thị trường lao động để hỗ trợ doanh nghiệp tìm kiếm nguồn nhân lực, định hướng cơ sở giáo dục trong công tác đào tạo và hỗ trợ người lao động tìm kiếm việc làm.

- Nghiên cứu xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ, khuyến khích công tác đào tạo nhân lực, nhất là đào tạo nhân lực quản trị, công nhân kỹ thuật có trình độ và tay nghề cao, nhân lực trong các ngành nghề thu hút đầu tư trong KKT (luyện kim, chế biến, chế tạo, logistics, năng lượng, du lịch và dịch vụ) khi xây dựng Chính sách về Đào tạo nghề và Giải quyết việc làm giai đoạn 2021-2025 theo Kết luận số 23-KL/TU ngày 21/6/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh. Khuyến khích các nhà đầu tư, doanh nghiệp ưu tiên tiếp nhận, đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho lao động địa phương, vùng tái định cư, vùng bị ảnh hưởng do triển khai các dự án. Xây dựng phương án chuyển đổi nghề nghiệp cho lao động trong vùng bị thu hồi đất. Chú trọng giáo dục lối sống, đạo đức nghề nghiệp, ý thức tổ chức, kỷ luật, văn hóa ứng xử, tác phong làm việc công nghiệp cho lao động.

7. Tạo quỹ đất sạch, tập trung thực hiện tốt công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng; tăng cường công tác quản lý đất đai

- Tập trung ưu tiên các nguồn lực thực hiện tốt công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, tạo sự đồng thuận trong nhân dân, để tạo quỹ đất để thu hút đầu tư, kịp thời bàn giao mặt bằng cho các dự án có quy mô lớn, mang tính động lực của khu kinh tế như: Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng II; dự án Nhà máy sản xuất ô tô và linh phụ kiện kết hợp cảng biển của Công ty Cổ phần Vinhomes (tại lô

CN4, CN5); trung tâm Nhiệt điện Vũng Áng III..., tổ chức thực hiện hiệu quả các đề án di dời, tái định cư các hộ dân nhằm tạo quỹ đất phục vụ thu hút đầu tư tại KKT Vũng Áng theo các quyết định và kế hoạch được giao. Phần đầu giai đoạn 2021 - 2025 giải phóng mặt bằng trên 2.500ha; giai đoạn 2026 - 2030 giải phóng mặt bằng trên 3.000ha.

- Huy động nguồn lực để xây dựng các khu tái định cư, ưu tiên hoàn thiện các công trình hạ tầng xã hội trong các khu tái định cư theo quy hoạch để đáp ứng nhu cầu sinh sống ổn định và việc làm cho các hộ dân được tái định cư.

- Tập trung huy động và bố trí nguồn vốn thực hiện bồi thường, GPMB, hỗ trợ và tái định cư từ nguồn vốn ngân sách Nhà nước, nguồn ứng trước từ nhà đầu tư và huy động các nguồn vốn hợp pháp khác.

- Tăng cường công tác quản lý đất đai trên địa bàn KKT, kiên quyết xử lý các hành vi vi phạm về đất đai, thu hồi đất đối với các dự án đã có chủ trương đầu tư không triển khai hoặc chậm tiến độ theo quy định của pháp luật.

- Tăng cường công tác phối hợp giữa UBND thị xã Kỳ Anh, UBND huyện Kỳ Anh, các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể trong tuyên truyền, vận động người dân hiểu và thực hiện các quy định, chính sách của Nhà nước về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; đồng thời đảm bảo phối hợp chặt chẽ trong thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng, hỗ trợ và tái định cư.

8. Tăng cường công tác bảo vệ môi trường, phòng, chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu

- Hoàn thành đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung tại KCN Vũng Áng I, từng bước đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải trong KKT; kiểm soát chặt chẽ việc đầu tư và quá trình vận hành hệ thống xử lý nước thải tại các KCN của các nhà đầu tư kết cấu hạ tầng và các hệ thống xử lý đơn lẻ của các dự án đầu tư; kiểm soát chặt chẽ quy trình thu gom, xử lý chất thải công nghiệp, chất thải nguy hại tại các dự án đầu tư trong KKT; không chấp thuận đầu tư vào KKT các dự án có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường cao; kiên quyết xử lý nghiêm khắc đối với các doanh nghiệp gây ô nhiễm môi trường.

- Phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường triển khai Dự án xây dựng hệ thống quan trắc và cảnh báo môi trường biển 4 tỉnh miền Trung (đối với các hạng mục thuộc địa bàn KKT Vũng Áng), sớm đưa vào vận hành đáp ứng yêu cầu cảnh báo, dự báo ô nhiễm môi trường; phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ đề xuất bổ sung KKT Vũng Áng vào Quy hoạch mạng lưới quan trắc và cảnh báo

phóng xạ môi trường quốc gia. Sớm triển khai dự án xây dựng trạm quan trắc địa phương để thiết lập hệ thống cảnh báo sớm sự cố ô nhiễm phóng xạ.

- Trên cơ sở ý kiến của các Bộ, ngành chức năng, thông tin để các tổ chức, cá nhân sử dụng các sản phẩm tro xỉ nhà máy nhiệt điện, xi thép và các chất thải không độc hại, được cơ quan có thẩm quyền chứng nhận về chất lượng nhằm thay thế các vật liệu truyền thống khai thác từ tự nhiên để làm vật liệu xây dựng, san lấp mặt bằng... nhằm tiết kiệm chi phí, góp phần bảo vệ môi trường.

- Chủ động thực hiện các giải pháp ứng phó thích nghi với biến đổi khí hậu, đề xuất các chương trình, dự án đầu tư hạ tầng kỹ thuật ứng phó thích nghi với biến đổi khí hậu trên địa bàn KKT. Các dự án đầu tư phải đảm bảo yêu cầu về ứng phó với thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng; bố trí diện tích cây xanh phù hợp tạo cảnh quan, bảo vệ môi trường sinh thái đảm bảo phát triển an toàn, bền vững.

- Khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư đổi mới thiết bị, công nghệ sản xuất theo hướng tiên tiến, hiện đại, sử dụng hiệu quả tài nguyên và thân thiện với môi trường; nâng cao mức độ chế biến sâu ở các nhóm ngành công nghiệp chủ đạo.

- rà soát, bổ sung, điều chỉnh quy chế phối hợp về công tác bảo vệ môi trường giữa Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh và các cơ quan, đơn vị liên quan, phân định rõ về trách nhiệm cũng như chức năng nhiệm vụ trong công tác bảo vệ môi trường của các dự án trong KKT; tránh tình trạng chồng chéo hoặc bị bỏ sót trong việc kiểm tra, giám sát hoạt động bảo vệ môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và các quy định pháp luật có liên quan. Đồng thời, đẩy mạnh chuyển đổi số trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường.

- Đối với dự án Khu liên hợp gang thép và cảng Sơn Dương Formosa: tiếp tục thiết lập cơ chế giám sát mới phù hợp theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, trong đó tập trung theo dõi, kiểm tra, giám sát chặt chẽ quá trình vận hành Lò cao số 01, số 02, lò chuyển, đúc gang; hệ thống đập cốc (ướt, khô). Giám sát chặt chẽ việc thu gom, phân loại, lưu trữ, chuyển giao chất thải rắn, phế liệu trong khu vực nội bộ dự án của Công ty FHS và cho các đối tác bên ngoài theo đúng quy định của pháp luật. Thúc đẩy Công ty FHS nghiên cứu, bổ sung các giải pháp sử dụng khoa học kỹ thuật để xanh hóa tổ hợp luyện thép, tái chế, tái sử dụng tro, xỉ đã được hợp chuẩn, hợp quy làm vật liệu xây dựng, vật liệu san lấp cho các công trình giao thông trên địa bàn.

- Thiết lập và giám sát “Kế hoạch hoạt động môi trường 5 năm”²⁰ với Công ty FHS, các Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng II, Vũng Áng III, Trung tâm khí hóa lỏng LNG và các dự án có tác động lớn đến môi trường để chủ động giám sát tác động lên môi trường khi các doanh nghiệp/dự án này tiến hành xây dựng công trình, đi vào hoạt động và mở rộng sản xuất.

9. Đảm bảo quốc phòng, an ninh

- Kết hợp chặt chẽ nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội với bảo đảm quốc phòng – an ninh, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội tại địa bàn KKT Vũng Áng. Các lực lượng quân sự, công an, biên phòng phối hợp với các cấp, các ngành tại KKT trong thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự an toàn xã hội và nhiệm vụ quốc phòng. Duy trì thường xuyên các lực lượng đặc nhiệm, cơ động của quân sự, biên phòng, công an, chủ động nắm chắc tình hình, phân tích, đánh giá, dự báo sớm những tác động ảnh hưởng trực tiếp đến thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân tại KKT Vũng Áng. Kiên quyết chỉ đạo xử lý dứt điểm các vụ việc liên quan đến an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội, tạo môi trường ổn định để mời gọi đầu tư.

- Tiếp tục đầu tư xây dựng hệ thống công trình quân sự trên đảo Sơn Dương, đơn vị đặc nhiệm tại Đèo Con để củng cố phòng thủ tuyến biển và bảo vệ vùng biển Vũng Áng. Đầu tư phương tiện phục vụ tuần tra, kiểm tra, kiểm soát trên biển và hệ thống thiết bị điện tử quan sát, giám sát hoạt động tàu thuyền trong khu vực cảng biển.

- Thẩm định chặt chẽ yếu tố quốc phòng, an ninh đối với công tác quy hoạch và các dự án đầu tư khu vực ven biển nói chung và đầu tư vào địa bàn KKT Vũng Áng nói riêng, tăng cường phối hợp kiểm tra, kiểm soát trong suốt quá trình triển khai thực hiện, hoạt động sản xuất kinh doanh các dự án. Triển khai phương án, kế hoạch bảo đảm an ninh trật tự, bảo vệ dự án Khu liên hợp gang thép và cảng Sơn Dương Formosa, các mục tiêu, công trình trọng điểm.

- Thực hiện tốt công tác quản lý lao động nước ngoài làm việc tại KKT Vũng Áng và trên địa bàn.

- Thực hiện tốt công tác phòng chống thiên tai, thảm họa, tìm kiếm cứu

²⁰ Kế hoạch hoạt động môi trường 5 năm được các doanh nghiệp soạn thảo với các nội dung: (i) Mô tả chi tiết các hoạt động sẽ được thực hiện trong giai đoạn lập kế hoạch; (ii) Dự báo tác động kinh tế - xã hội cho giai đoạn lập kế hoạch; (iii) Kế hoạch giảm thiểu tác động môi trường và xã hội cho giai đoạn lập kế hoạch; (iv) Kế hoạch giám sát môi trường và xã hội (bao gồm các nghĩa vụ trong giấy phép); (v) Bản đồ chi tiết vị trí nhà máy, cơ sở hạ tầng mở rộng và vị trí giám sát; (vi) Nhận xét độc lập của các công ty cùng ngành; và (vii) Tính toán về đảm bảo tài chính

nạn, cứu hộ, phòng cháy, chữa cháy, phòng chống các loại dịch bệnh, thảm họa môi trường. Các cơ quan, doanh nghiệp chủ động xây dựng đội ngũ tự vệ và bảo vệ, triển khai thực hiện nội dung, biện pháp công tác phòng ngừa, bảo vệ an toàn cơ quan, doanh nghiệp./.

HUY ĐỘNG NGUỒN LỰC TRONG XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN KHU KINH TẾ VŨNG ÁNG

Sở Kế hoạch và Đầu tư

Khu kinh tế Vũng Áng được Thủ tướng Chính phủ thành lập tại Quyết định số 72/2006/QĐ-TTg ngày 03/4/2006 với tổng diện tích tự nhiên là 22.781 ha. Sau 17 năm xây dựng và phát triển, đến nay Khu kinh tế Vũng Áng (KKT Vũng Áng) được đánh giá là một trong những khu kinh tế thành công trong cả nước, đóng góp to lớn vào sự phát triển kinh tế - xã hội và làm tăng quy mô và thay đổi cơ bản cơ cấu kinh tế của tỉnh Hà Tĩnh theo hướng tăng mạnh tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ, thể hiện rõ vai trò động lực trong việc thúc đẩy phát triển kinh tế của tỉnh nói riêng và góp phần vào phát triển kinh tế cả nước nói chung.

Năm 2011 quy mô tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) chỉ đạt 23,7 nghìn tỷ đồng thì đến năm 2022 đã tăng lên 92 nghìn tỷ đồng (gấp 3,8 lần); thu ngân sách năm 2011 đạt 3.021 tỷ đồng, đến năm 2022 đạt 18.061 tỷ đồng (gấp 5,9 lần); kim ngạch xuất khẩu năm 2011 đạt 70 triệu USD, đến năm 2022 đạt 1.800 triệu USD (gấp 25,7 lần). Kết quả nêu trên có sự đóng góp rất lớn của Khu kinh tế Vũng Áng, trong đó chủ yếu từ các dự án lớn như Khu liên hợp gang thép và cảng Sơn Dương Formosa và dự án Nhà máy nhiệt điện Vũng Áng I...; cụ thể, về quy mô kinh tế KKT Vũng Áng đóng góp khoảng 35%; thu ngân sách đóng góp khoảng 55%; kim ngạch xuất khẩu đóng góp khoảng 97% của toàn tỉnh.

Thời gian qua, cùng với sự quan tâm của Trung ương, tỉnh Hà Tĩnh đã tập trung ưu tiên nguồn lực đầu tư kết cấu hạ tầng cho khu kinh tế Vũng Áng, trong đó, vốn ngân sách nhà nước bố trí đầu tư hạ tầng khu kinh tế giai đoạn 2016-2020 là 441,715 tỷ đồng (trong đó vốn ngân sách trung ương là 387,321 tỷ đồng, vốn cân đối ngân sách tỉnh là 53,116 tỷ đồng, vốn khác là 1,278 tỷ đồng); giai đoạn 2021-2025 là 6.205 tỷ đồng (trong đó vốn ngân sách trung ương là 4.768 tỷ đồng). Đến nay, hệ thống giao thông chính kết nối trong và ngoài khu kinh tế, cấp nước, cấp điện,... cho khu kinh tế được đã được quan tâm đầu tư, từng bước đáp ứng nhu cầu phát triển của Khu kinh tế.

Bên cạnh nguồn lực đầu tư từ ngân sách, thu hút đầu tư từ các doanh nghiệp, nhà đầu tư được tỉnh chú trọng, xác định đây là một nguồn lực quan trọng để phát triển khu kinh tế Vũng Áng trở thành động lực thúc đẩy tăng trưởng.

UBND tỉnh đã ban hành một số cơ chế chính sách ưu đãi, thu hút đầu tư như Quyết định số 16/2007/QĐ-UBND ngày 27/4/2007; đặc biệt, gần đây Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh ban hành Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 22/11/2021 về phát triển Khu Kinh tế Vũng Áng giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030. Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh, các Sở, ban, ngành, địa phương liên quan đã tập trung đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, quan tâm, hỗ trợ, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp, nhà đầu tư khảo sát, nghiên cứu đầu tư, thực hiện các thủ tục đầu tư cũng như hoạt động sản xuất kinh doanh trên địa bàn.

Nhờ vậy, thu hút đầu tư vào Khu kinh tế Vũng Áng thời gian qua đạt được kết quả quan trọng, với một số dự án quy mô lớn, công nghệ hiện đại; đến nay trên địa bàn Khu kinh tế Vũng Áng có 153 dự án, trong đó 97 dự án đầu tư trong nước với tổng số vốn đăng ký gần 60.000 tỷ đồng và 56 dự án đầu tư nước ngoài (FDI) với tổng số đăng ký gần 16 tỷ USD, giải quyết việc làm cho gần 20.000 lao động. Đặc biệt, trong tổng số dự án đăng ký đầu tư có nhiều dự án quy mô lớn tầm khu vực, có tính chất quan trọng, nằm trong chiến lược phát triển của cả nước như dự án khu liên hợp gang thép và cảng Sơn Dương Formosa (tổng vốn đầu tư 12,8 tỷ USD), Nhà máy nhiệt điện Vũng Áng I (1,25 tỷ USD), dự án nhà máy nhiệt điện Vũng Áng II (2,5 tỷ USD), Nhà máy sản xuất Cell Pin VINES (3.784 tỷ đồng), Dự án đầu tư sản xuất và thương mại công nghệ Pin Lithium (275 triệu USD), Dự án Cảng tổng hợp quốc tế Hoành Sơn (1.449 tỷ đồng) và hiện đang thẩm định hồ sơ chấp thuận chủ trương đầu tư dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng KCN Vinhomes Vũng Áng với tổng diện tích trên 1.000ha, dự kiến tổng vốn đầu tư trên 13.000 tỷ đồng. Ngoài ra, hiện đang có nhiều nhà đầu tư lớn trong và ngoài nước quan tâm tìm hiểu, nghiên cứu đầu tư vào KKT Vũng Áng.

Bên cạnh những kết quả đạt được nói trên cũng cần nhìn nhận thẳng thắn rằng: việc huy động các nguồn lực phát triển Khu kinh tế Vũng Áng dù đã được tập trung lãnh đạo, chỉ đạo nhưng vẫn còn nhiều hạn chế. Nhu cầu đầu tư về hạ tầng để phát triển KKT là rất lớn, trong khi nguồn lực địa phương eo hẹp, chủ yếu dựa vào nguồn ngân sách hỗ trợ của trung ương, huy động nguồn lực xã hội hóa còn khó khăn, nên kết cấu hạ tầng chưa đáp ứng yêu cầu phát triển, đặc biệt các công trình kết cấu hạ tầng thiết yếu trong KKT. Quỹ đất sạch (đã được bồi thường, giải phóng mặt bằng) rất ít, trong khi công tác tổ chức bồi thường, giải phóng mặt bằng còn chậm do thiếu nguồn vốn và khó khăn trong tổ chức thực

hiện. Chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư đã được quan tâm nhưng chưa thực sự hấp dẫn. Việc triển khai nhiều dự án của các nhà đầu tư còn chậm, không thực hiện đúng tiến độ cam kết, nhưng chưa được xử lý dứt điểm. Sự cố môi trường biển năm 2016, tiếp đó là dịch COVID-19, cùng với những biến động của khu vực và thế giới đã làm ảnh hưởng đến thu hút đầu tư vào KKT Vũng Áng. Công tác quản lý nhà nước về đầu tư còn bộc lộ một số bất cập, hạn chế.

Về định hướng phát triển trong thời gian tới, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Hà Tĩnh lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2021-2025 đã đề ra nhiệm vụ đột phá chiến lược và giải pháp trọng tâm là huy động tối đa và sử dụng hiệu quả các nguồn lực xây dựng Khu Kinh tế Vũng Áng thực sự trở thành khu kinh tế đa chức năng, trung tâm công nghiệp động lực và logistics. Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 22/11/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển KKT Vũng Áng giai đoạn 2021 – 2025, định hướng đến năm 2030 xác định mục tiêu phát triển tổng quát của KKT Vũng Áng trong giai đoạn tới là: “Xây dựng Khu Kinh tế Vũng Áng với các trụ cột: Công nghiệp luyện kim, năng lượng, chế biến, chế tạo; Trung tâm logistics và dịch vụ cảng biển; Phát triển thương mại, dịch vụ, tạo nền tảng vững chắc”. Quyết định số 1363/QĐ-TTg ngày 08/11/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Hà Tĩnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đề ra định hướng phát triển Khu kinh tế Vũng Áng là “Tiếp tục phát triển khu kinh tế Vũng Áng theo hướng đa ngành nghề, đa lĩnh vực, có kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại, sớm hình thành trung tâm kinh tế và đô thị phía Nam của tỉnh; nghiên cứu mở rộng quy mô diện tích, phạm vi ranh giới khu kinh tế Vũng Áng để đảm bảo phát triển lâu dài, bền vững”.

Nhằm khắc phục những tồn tại, hạn chế, huy động tối đa các nguồn lực đầu tư kết cấu hạ tầng và phát triển Khu kinh tế Vũng Áng theo mục tiêu, định hướng đề ra tại Nghị quyết của BCH Đảng bộ tỉnh và định hướng Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; thời gian tới cần tập trung thực hiện một số nhiệm vụ, giải pháp sau đây:

Thứ nhất, tiếp tục tăng cường quán triệt, tuyên truyền các mục tiêu, định hướng, cơ chế chính sách phát triển khu kinh tế Vũng Áng được đề ra tại Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX, Nghị quyết 09-NQ/TU ngày 22/11/2021 và Quy hoạch tỉnh được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1363/QĐ-TTg ngày 08/11/2022 đến các cán bộ, đảng viên và đặc biệt là người dân trên địa bàn khu kinh tế Vũng Áng để nắm rõ chủ trương, định hướng của Đảng và Nhà nước về phát triển KKT Vũng Áng, từ đó nâng cao nhận thức,

trách nhiệm của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và người dân, tạo sự đồng thuận trong quá trình triển khai các chương trình, dự án trên địa bàn.

Thứ hai, tập trung nâng cao chất lượng các quy hoạch và quản lý quy hoạch trên địa bàn KKT Vũng Áng. Hoàn thiện các quy hoạch chung, quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết đảm bảo kịp thời, đồng bộ; trước mắt cần tập trung cao để sớm hoàn thành việc điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thị xã Kỳ Anh, triển khai lập quy hoạch phân khu các khu công nghiệp, các khu đô thị và khu chức năng khác trong khu kinh tế Vũng Áng nhằm chủ động trong thu hút đầu tư.

Thứ ba, tiếp tục đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh và thu hút đầu tư vào địa bàn KKT Vũng Áng, trong đó cần kịp thời rà soát, điều chỉnh, bổ sung các cơ chế chính sách ưu đãi thu hút đầu tư (thay thế Quyết định số 16/2007/QĐ-UBND ngày 27/4/2007 của UBND tỉnh), triển khai có hiệu quả chính sách hỗ trợ các hãng tàu biển mở tuyến vận chuyển container và đổi tượng có hàng hóa vận chuyển bằng container qua cảng Vũng Áng được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 276/2021/NQ-HĐND ngày 28/4/2021 và Nghị quyết số 19/NQ-HĐND ngày 27/7/2021. Ưu tiên nguồn lực bố trí nguồn lực để thực hiện Đề án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư giải phóng mặt bằng tạo quỹ đất phục vụ thu hút đầu tư tại KKT Vũng Áng được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 55/NQ-HĐND ngày 16/12/2021.

Thực hiện các giải pháp xúc tiến, thu hút đầu tư thiết thực, hiệu quả, trong đó ưu tiên thu hút đầu tư các dự án theo định hướng phát triển của KKT Vũng Áng như chế biến, chế tạo các sản phẩm từ thép, sản xuất ô tô và linh phụ kiện, dịch vụ logistic, du lịch và đô thị...; thu hút các dự án quy mô lớn, công nghệ hiện đại, các nhà đầu tư chiến lược, có sức lan tỏa trong phát triển kinh tế - xã hội; đặc biệt, cần tích cực, chủ động, hướng dẫn, phối hợp, đôn đốc các nhà đầu tư đã ký kết Biên bản ghi nhớ hợp tác đầu tư vào địa bàn KKT Vũng Áng tại Hội nghị công bố Quy hoạch tỉnh và xúc tiến đầu tư vào Hà Tĩnh ngày 28/5/2023 khẩn trương thực hiện các hồ sơ, thủ tục theo quy định để sớm triển khai các dự án.

Thứ tư, tập trung đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân các công trình dự án sử dụng nguồn vốn đầu tư công trên địa bàn KKT Vũng Áng, nhất là các công trình trọng điểm; tiếp tục ưu tiên nguồn lực từ ngân sách tỉnh, tích cực huy động nguồn vốn từ trung ương hỗ trợ có mục tiêu, các nguồn ODA để đầu tư đồng bộ, từng bước hiện đại kết cấu hạ tầng KKT Vũng Áng. Chủ động phối

hợp các bộ, ngành Trung ương để sớm hoàn thành nâng cấp Quốc lộ 12C, đầu tư đồng bộ hệ thống cảng Vũng Áng – Sơn Dương gắn với trung tâm logistic, tuyến đường sắt Vũng Áng - Tân Ấp - Mụ Giạ, đường bộ cao tốc Vũng Áng - Chalo... nhằm thúc đẩy hợp tác kinh tế với Lào và các tỉnh Đông Bắc Thái Lan.

Thứ năm, tiếp tục quan tâm tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho các dự án, nhất là các dự án đầu tư kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp; hỗ trợ mọi điều kiện thuận lợi để các nhà đầu tư triển khai các dự án, đồng thời tăng cường công tác kiểm tra, rà soát tiến độ triển khai các dự án của các nhà đầu tư, kiên quyết thu hồi các dự án chậm tiến độ, không có khả năng thực hiện theo quy định của pháp luật để tạo quỹ đất thu hút các nhà đầu tư khác có năng lực.

Thứ sáu, tiếp tục đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền các chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước, nhất là các chủ trương, pháp luật về đầu tư, đất đai, xây dựng, môi trường... cho người dân và các nhà đầu tư, doanh nghiệp trên địa bàn; tăng cường công tác đảm bảo an ninh trật tự, chủ động ứng phó với mọi tình huống để các nhà đầu tư yên tâm đầu tư vào địa bàn KKT Vũng Áng./.

ĐIỀU CHỈNH, MỞ RỘNG KHU KINH TẾ VŨNG ÁNG ĐÁP ỨNG NHU CẦU THU HÚT ĐẦU TƯ, PHÁT TRIỂN LÂU DÀI VÀ BỀN VỮNG CHO KHU KINH TẾ TỈNH

Trần Thái Hợp

*Trưởng Phòng Quản lý Quy hoạch - Xây dựng,
Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh*

1. Khái quát chung

Khu kinh tế (KKT) Vũng Áng là một trong 18 Khu kinh tế ven biển (và là 1 trong 8 Khu kinh tế ven biển trọng điểm quốc gia) đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, thành lập tại Quyết định số 72/2006/QĐ-TTg ngày 03/4/2006 có diện tích 22.781ha với mục tiêu xây dựng, phát triển thành KKT đa ngành, đa lĩnh vực.

Sau hơn 16 năm xây dựng và phát triển, Khu kinh tế Vũng Áng được đánh giá là một trong những khu kinh tế thành công trong cả nước, đóng góp to lớn vào sự phát triển kinh tế - xã hội, làm thay đổi cơ bản cơ cấu tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) của tỉnh, tạo ra hàng vạn việc làm cho người lao động địa phương và các tỉnh lân cận, góp phần xóa đói giảm nghèo.

Hiện tại, một số dự án lớn đã hoàn thành đi vào hoạt động và có các sản phẩm quan trọng tiêu thụ ra thị trường, như: Khu liên hợp Gang thép và cảng Sơn Dương Formosa Hà Tĩnh (trong đó: Nhà máy liên hợp Gang thép công suất 7,5 triệu tấn/năm; cảng nước sâu Sơn Dương phục vụ cho nhà máy liên hợp Gang thép); Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 (công suất 1.200 MW); Tổng kho Xăng dầu Dầu khí Vũng Áng (kho chứa 60.000 m³); Tổng kho khí hóa lỏng Bắc Trung bộ (kho chứa 1.785 tấn); Cảng Vũng Áng (bến số 01, bến số 02); Khách sạn Mừng Thanh Hà Tĩnh; Nhà máy sản xuất viên nén gỗ xuất khẩu An Việt Phát (công suất 150.000 tấn/năm); Nhà ở thí điểm cho công nhân và người lao động thuê tại KKT Vũng Áng; Khu công nghiệp Vũng Áng 1; Khu công nghiệp Phú Vinh; Khu đô thị Phú Vinh; Khu nhà ở hộ gia đình cho nhân viên Công ty FHS;... các bến cảng Vũng Áng (bến số 3, bến số 4, bến số 5, 6), Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 2 (công suất 1.200 MW) và Tổng kho Xăng dầu Giang Nam (kho chứa 60,000m³) đang được tập trung xây dựng vv...

Xác định vai trò, vị thế và tầm quan trọng của KKT Vũng Áng đối với chiến lược phát triển của tỉnh đến năm 2030, tầm nhìn 2050, tại Báo cáo Chính trị Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2020-2025 đã nhấn mạnh “Bốn

trụ cột - Ba nền tảng” và “Ba đô thị - **Một trung tâm** - Ba hành lang” làm trọng điểm phát triển kinh tế tỉnh giai đoạn 2021-2030; trong đó đã xác định KKT Vũng Áng đóng vai trò là “**Một trung tâm**”; công nghiệp chế biến, chế tạo, năng lượng, dịch vụ cảng biển, logistics là những trụ cột của nền kinh tế; thị xã Kỳ Anh gắn với KKT Vũng Áng là hạt nhân của đô thị phía Nam; huy động tối đa và sử dụng hiệu quả các nguồn lực xây dựng KKT Vũng Áng trở thành KKT đa chức năng, trung tâm công nghiệp động lực và logistics ven biển Bắc Trung Bộ.

Tuy nhiên, trải qua quá trình xây dựng và phát triển, đến giai đoạn hiện nay đã phát sinh những bất cập trong công tác quản lý nhà nước trên địa bàn KKT; những khó khăn vướng mắc và hạn chế dẫn đến việc thu hút đầu tư, đặc biệt là các dự án đầu tư chiến lược không đạt được kỳ vọng như yêu cầu thực tế phát triển Khu kinh tế đặt ra. Vì vậy, cần phải có sự điều chỉnh mở rộng QHC xây dựng Khu kinh tế Vũng Áng; đầu tư xây dựng các công trình HTKT thiết yếu; xây dựng các cơ chế, chính sách vượt trội để tạo ra được môi trường đầu tư tốt nhất, bền vững và lâu dài cho Khu kinh tế tỉnh.

2. Thuận lợi, khóa khăn

2. 1. Thuận lợi

Vị trí địa lý

Khu kinh tế Vũng Áng nằm phía Nam tỉnh Hà Tĩnh, với hạt nhân phát triển là cụm cảng biển nước sâu Vũng Áng – Sơn Dương. Đây là khu vực có vị trí địa lý thuận lợi cho giao lưu quốc tế, và là khu vực có quỹ đất lớn, phù hợp cho xây dựng các công trình công nghiệp và đô thị, thuận lợi cho phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng.

Việc xây dựng Khu kinh tế Vũng Áng sẽ góp phần quan trọng thúc đẩy tăng trưởng của tỉnh Hà Tĩnh nói riêng và tạo sự liên kết phát triển giữa các tỉnh Duyên hải Bắc Trung Bộ, đưa miền Trung hội nhập với sự phát triển của cả nước.

Khu kinh tế Vũng Áng nằm trong địa giới hành chính của thị xã Kỳ Anh bao gồm các phường, xã: Kỳ Nam, Kỳ Phương, Kỳ Long, Kỳ Liên, Kỳ Thịnh, Kỳ Lợi, Kỳ Trinh, Kỳ Hà và Kỳ Ninh. Khu kinh tế Vũng Áng có diện tích tự nhiên 22.781ha, được giới hạn như sau:

- Phía Bắc giáp biển Đông;
- Phía Nam giáp tỉnh Quảng Bình;
- Phía Tây giáp các xã, phường: Kỳ Khang, Kỳ Thọ, Kỳ Hải, và Hưng Trí;

- Phía Đông giáp biển Đông.

Bên cạnh đó, với hơn 40 km bờ biển cùng nhiều bãi biển đẹp, trải dài từ xã Kỳ Ninh đến xã Kỳ Nam cùng với các di tích lịch sử, danh thắng như Hoành Sơn Quan, đền thờ Công chúa Liễu Hạnh, đền Eo Bạch, có vị trí địa lý gần với quần thể danh thắng Phong Nha – Kẻ Bàng (tỉnh Quảng Bình), KKT Vũng Áng có nhiều tiềm năng, lợi thế để xây dựng các khu đô thị du lịch (như Kỳ Ninh, Kỳ Nam), xây dựng các Tour du lịch kết nối các điểm du lịch, dịch vụ trong và ngoài địa bàn đáp ứng nhu cầu đa dạng của khách du lịch (*như du lịch tâm linh, du lịch biển đảo, du lịch ẩm thực, du lịch tham quan khu công nghiệp,...*).

Hệ thống giao thông đối ngoại

- Đường biển: Thuận lợi cho giao lưu quốc tế, nằm trên hành lang của tuyến hàng hải quốc tế, là cửa ngõ ra biển, đầu mối trung chuyển hàng của Lào và Thái Lan thông qua Quốc lộ 12A, cảng Vũng Áng - Sơn Dương.

+ Cảng Vũng Áng: Là khu bến tổng hợp cho tàu trọng tải 3 - 7 vạn DWT, tàu container sức chở 4.000 TEU; có bến chuyên dùng nhập than phục vụ trung tâm nhiệt điện cho tàu trọng tải 3 - 10 vạn DWT, bến tiếp nhận sản phẩm lỏng của Tổng kho xăng dầu cho tàu trọng tải đến 3 vạn DWT. Theo quy hoạch giai đoạn hoàn thiện với 17 bến (11 bến tổng hợp, container; 06 bến chuyên dùng). Hiện nay đã hoàn thành đầu tư xây dựng và đi vào khai thác 06 bến, trong đó 02 bến thương mại, năng lực xếp dỡ 1,32 triệu tấn/năm, 02 bến chuyên dùng sản phẩm dầu của Tổng kho xăng dầu, 02 bến chuyên dùng nhập than của Nhà máy nhiệt điện Vũng Áng 1; 04 bến cảng tổng hợp đang được đầu tư xây dựng (các bến số 3, 4, 5, 6); và đang đầu tư xây dựng bến chuyên dùng của Nhà máy nhiệt điện Vũng Áng 2.

+ Cảng Sơn Dương: Là khu bến chuyên dùng, có bến cho tàu hàng rời trọng tải đến 30 vạn DWT, tàu hàng lỏng/khí đến 15 vạn DWT, bến cho tàu hàng tổng hợp, container trọng tải đến 5 vạn DWT hoặc lớn hơn xuất sản phẩm và các loại hàng khác phục vụ trực tiếp cho Khu liên hợp luyện thép, lọc hóa dầu và cơ sở công nghiệp. Theo quy hoạch giai đoạn hoàn thiện với 53 bến chuyên dùng và khu bến dự phòng phát triển. Hiện nay bến chuyên dùng cho Khu liên hợp Gang thép và cảng Sơn Dương Formosa Hà Tĩnh có 17 bến tàu giai đoạn 1 đã hoàn thành, trong đó 13 bến tàu đã đi vào hoạt động (03 bến tàu đáp ứng được tàu có tải trọng lên đến 20 vạn DWT, 03 bến tàu đáp ứng tàu có tải trọng đến 5 vạn DWT, 07 bến tàu còn lại đáp ứng được tàu có tải trọng 1 vạn DWT), 04 bến tàu đang hoàn thiện thủ tục cấp phép khai thác (đáp ứng tàu có tải trọng

đến 1 vạn DWT).

- Đường bộ: Nằm trên trục giao thông quốc gia, Quốc lộ 1A chạy qua trục trung tâm KKT với chiều dài 30 km, Quốc lộ 12C (đã được Chính phủ đầu tư) với khoảng cách từ cảng Vũng Áng đến biên giới Việt Lào ngắn nhất so với các tuyến đường bộ khác (đến cửa khẩu quốc tế Cha Lo, Quảng Bình 143 km, đến cửa khẩu Cầu Treo, Hà Tĩnh 180 km) và đến các tỉnh Đông Bắc Thái Lan là 310 km (bằng 2/5 tuyến đường bộ ra biển phía Nam Thái Lan) - là cửa ngõ ra biển ngắn nhất của Lào và các tỉnh Đông Bắc Thái Lan; Vũng Áng cũng là khu vực có vị trí trung tâm kết nối của đường biển và hệ thống đường bộ Quốc gia đối với các KKT ven biển Bắc Trung Bộ và cả nước.

- Trung tâm logistics: Theo định hướng phát triển, KKT Vũng Áng được quy hoạch xây dựng trung tâm logistics tại Vũng Áng - Sơn Dương là trung tâm logistics hạng I cấp quốc gia và quốc tế. Trong đó, trung tâm logistics tại Vũng Áng công suất khoảng 16,3 triệu tấn/năm. Khi trung tâm logistics tại Vũng Áng bão hòa công suất thiết kế, tiếp tục xây dựng trung tâm logistics tại Sơn Dương công suất khoảng 22,5 triệu tấn/năm.

Hệ thống điện

- Nguồn điện: KKT Vũng Áng đang sử dụng mạng lưới điện quốc gia, thông qua lưới điện 500 kV và 220 kV và một phần từ các nhà máy điện đặt trực tiếp trong KKT Vũng Áng. Hiện có trạm biến áp 110/22 kV - 63 MVA; Trạm biến áp 220kV/110kV - 125MVA Vũng Áng đang được Tập đoàn điện lực Việt Nam chuẩn bị đầu tư xây dựng tại Khu Công nghiệp dịch vụ - phụ trợ phía Tây Đường tránh Quốc lộ 1 đảm bảo phục vụ các Khu chức năng trong KKT. Các nhà máy nhiệt điện đã đi vào hoạt động: Nhà máy nhiệt điện Vũng Áng I, công suất 1.200 MW; Nhà máy nhiệt điện Formosa của Công ty FHS sử dụng nguồn điện tự sản xuất với công suất 650MW²¹. Ngoài ra, Nhà máy nhiệt điện Vũng Áng II, công suất 1.200 MW được đầu tư theo hình thức BOT đang thi công xây dựng²².

Hệ thống cấp nước

Hệ thống cấp nước cho KKT Vũng Áng được quy hoạch đồng bộ, có tầm

²¹ Theo Quyết định số 3565/QĐ-BCT ngày 19/7/2011 của Bộ Công Thương về việc phê duyệt Quy hoạch đầu tư Nhà máy điện Formosa Hà Tĩnh vào hệ thống điện Quốc gia, giai đoạn hoàn thiện với công suất 1.500 MW (10x150 MW)

²² Theo Quy hoạch chung thị xã Kỳ Anh đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 706/QĐ-TTg ngày 07/6/2018: đến năm 2035, Khu kinh tế Vũng Áng được quy hoạch phát triển thành một trung tâm nhiệt điện lớn với tổng công suất 6.100 MW (Nhà máy nhiệt điện Vũng Áng 1 công suất 2x600 MW; Nhà máy nhiệt điện Vũng Áng II công suất 2x600 MW; Nhà máy nhiệt điện Vũng Áng 3 công suất 4x600 MW; Nhà máy nhiệt điện Formosa với tổng công suất 1.300 MW)

chiến lược dài hạn cho toàn bộ KKT và vùng phụ cận với công suất thiết kế đáp ứng 1.005.000 m³/ngày đêm đảm bảo cung cấp nhu cầu dùng nước công nghiệp cho toàn bộ KKT Vũng Áng²³. Nhà máy cấp nước sạch sinh hoạt Vũng Áng giai đoạn I với công suất 12.000 m³/ngày đêm và mở rộng giai đoạn II đảm bảo cung cấp nước sinh hoạt cho KKT và vùng phụ cận.

Hệ thống thoát nước:

Với định hướng thoát nước là xử lý phân tán cho từng cụm công nghiệp và các khu đô thị, xây dựng các trạm XLNT loại vừa và nhỏ để làm sạch nước thải nên trong thời gian qua Hệ thống thoát nước luôn được đầu tư đồng bộ với các khu công nghiệp, khu đô thị; Cải tạo hệ thống thoát nước trong khu hiện hữu.

Hệ thống xử lý nước thải:

Hiện nay, hệ thống xử lý nước thải tập trung tại KCN Vũng Áng I đã được đầu tư xây dựng. Tiếp tục từng bước đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải toàn khu KKT.

Hệ thống xử lý chất thải rắn và khu nghĩa trang:

- Chất thải rắn sinh hoạt trong KKT đang được thu gom và xử lý tại Nhà máy chế biến rác thải Kỳ Tân. Chất thải rắn công nghiệp cơ bản được các chủ nguồn thải phân loại, lưu giữ, hợp đồng với các đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định. Hiện nay, KKT cũng đang kêu gọi đầu tư xây dựng các dự án xử lý chất thải rắn đặc biệt là dự án tái chế, tái sử dụng chất thải công nghiệp từ hoạt động sản xuất kinh doanh của các dự án trong khu kinh tế Vũng Áng.

- Khu nghĩa trang: Hiện nay có các nghĩa trang được quy hoạch và xây dựng là nghĩa trang Kỳ Thịnh, nghĩa trang Kỳ Long, nghĩa trang Kỳ Liên, nghĩa trang Kỳ Phương, nghĩa trang Kỳ Ninh, nghĩa trang Kỳ Nam, nghĩa trang Kỳ Trinh, nghĩa trang Đông Yên và nghĩa trang Hải Phong. Ngoài ra, trong KKT cũng đã lập quy hoạch xây dựng khu nghĩa trang với diện tích 55,22 ha.

Các công trình hạ tầng xã hội:

Hệ thống các công trình hạ tầng xã hội, đặc biệt là các công trình văn hoá thể thao và hệ thống trường đào tạo đã và được xây dựng theo định hướng quy hoạch góp phần nâng cao đời sống văn hoá cộng đồng và trình độ học vấn của người dân, từ đó góp phần cải thiện môi trường văn hoá, giáo dục của nhân dân các xã, phường trong KKT.

²³ Dự án đang được triển khai thi công; để dự án đầu tư phát huy hiệu quả, hiện nay Chủ đầu tư đang đề nghị giãn hoãn tiến độ và quy mô, mục tiêu đầu tư phù hợp với dự kiến nhu cầu sử dụng nước trong KKT Vũng Áng đến năm 2025, trong đó giảm công suất cấp nước xuống còn khoảng 398.904 m³/ng.đêm

Các khu tái định cư:

Đã đầu tư hoàn chỉnh các khu tái định cư Kỳ Thịnh, Đông Yên, Hòa Lộc, Kỳ Long, Kỳ Phương, Kỳ Lợi; Các Khu Tái định cư Kỳ Trinh, Kỳ Liên đã hoàn thành giai đoạn 1.

Bên cạnh đó, đang đẩy nhanh tiến độ đầu tư các khu tái định cư: Kỳ Liên, Kỳ Trinh (giai đoạn 2)... đáp ứng đủ đất chia cho các hộ dân, phục vụ công tác giải phóng mặt bằng các dự án tại KKT Vũng Áng

Nguồn lao động

Hà Tĩnh là một trong những tỉnh nằm trong tốp đầu của cả nước về giáo dục; hệ thống trường dạy nghề phát triển; nguồn lao động tương đối dồi dào. Hà Tĩnh hiện có hơn 687.285 người trong độ tuổi lao động, chiếm khoảng hơn 52,89% dân số toàn tỉnh, cơ bản đã qua đào tạo; người lao động cần cù, chịu khó.

2. 2. Khó khăn, thách thức

Quỹ đất công nghiệp còn lại chưa đáp ứng được với nhu cầu phát triển

- Tổng diện tích đất công nghiệp trong KKT Vũng Áng theo quy hoạch chung được phê duyệt là 4.895 ha, diện tích đã đăng ký đầu tư trong các khu công nghiệp 2.780 ha, đạt 56,79% tổng diện tích quy hoạch. Diện tích đất công nghiệp còn lại theo quy hoạch chung KKT là 2.115 ha. Tuy nhiên, sau khi Quy hoạch chung Thị xã Kỳ Anh và Quy hoạch phân khu công nghiệp đa ngành được phê duyệt thì diện tích đất công nghiệp còn lại là 1.842,47 ha (*khi dự án khu công nghiệp Vinhomes được cấp đất thì chỉ còn hơn 842 ha*).

Hiện tại, Công ty Cổ phần Vinhomes đang đầu tư dự án Khu công nghiệp Vinhomes với diện tích đất công nghiệp 1.000 ha (sản xuất ô tô và linh phụ kiện), và đang đề xuất đầu tư xây dựng đất logistics 160 ha, đất cảng 110 ha. Như vậy, khi đó đất công nghiệp trong KKT Vũng Áng cơ bản sẽ được lấp đầy.

Thiếu quỹ đất sạch đã được bồi thường, giải phóng mặt bằng để đón đầu, thúc đẩy thu hút đầu tư vào KKT; công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng chậm.

Hiện nay quỹ đất sạch đã được bồi thường, giải phóng mặt bằng (GPMB) trong KKT Vũng Áng hầu như không đáng kể, phân tán không tập trung. Nguyên nhân, do nguồn ngân sách tỉnh còn hạn hẹp, chưa đảm bảo việc cân đối nguồn lực tập trung ưu tiên có trọng tâm trọng điểm cho công tác bồi thường, GPMB tạo quỹ đất sạch trong KKT. Vì vậy, việc thiếu quỹ đất sạch đã được bồi thường, GPMB tại KKT Vũng Áng là một trong những tồn tại, hạn chế lớn trong

quá trình kêu gọi, thu hút các dự án đầu tư vào KKT, nhất là các dự án trọng điểm, chiến lược tác động lớn đến sự phát triển kinh tế - xã hội của KKT nói riêng, tỉnh nhà nói chung.

Kết cấu hạ tầng thiếu đồng bộ, chưa đáp ứng yêu cầu phát triển

Nhu cầu đầu tư về hạ tầng để phát triển KKT là rất lớn, trong khi nguồn lực địa phương còn hạn chế, chủ yếu dựa vào nguồn ngân sách hỗ trợ của Trung ương (vốn ngân sách hỗ trợ đầu tư giai đoạn 2016-2020 là 536,78 tỷ đồng²⁴, chỉ bằng 8,75% giai đoạn 2011-2015²⁵); việc huy động xã hội hóa nguồn lực đầu tư khó khăn và rất hạn chế, vì vậy kết cấu hạ tầng chưa đáp ứng sự phát triển, đặc biệt các công trình kết cấu hạ tầng thiết yếu trong KKT, như hệ thống giao thông, cấp điện, cấp thoát nước, xử lý nước thải, thông tin liên lạc... Một số khu chức năng chưa có hệ thống hạ tầng kỹ thuật kết nối hoặc kết nối chưa đồng bộ, hệ thống hạ tầng thiết yếu nội bộ khu chức năng còn thiếu đồng bộ.

Cùng với sự thiếu đồng bộ trong hạ tầng kỹ thuật, các công trình hạ tầng xã hội trong địa bàn KKT Vũng Áng thời gian qua chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển và nhu cầu ngày càng tăng của người dân tại địa phương và lực lượng lao động, chuyên gia từ ngoại tỉnh đến sống và làm việc trong KKT. Hiện trên địa bàn có 2 dự án nhà ở dành cho nhân viên, người lao động đi vào vận hành, gồm: 304 căn nhà liền kề của Công ty FHS và 338 căn chung cư của Tổng Công ty Khoáng sản và Thương mại Hà Tĩnh (Mitraco). Bên cạnh đó, 4 dự án nhà ở, chung cư, khách sạn cao cấp hiện đang tạm dừng hoặc chưa hoàn thành công tác GPMB, cho thuê đất. Trong địa bàn KKT hiện đang thiếu các dự án đầu tư xây dựng các thiết chế của công đoàn như: đầu tư xây dựng nhà ở, nhà trẻ, siêu thị và các công trình văn hóa, thể thao. Điều này đã làm hạn chế sức hấp dẫn của KKT với người lao động.

Chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư đã được quan tâm nhưng chưa thực sự hấp dẫn

- Các KKT đang được hưởng một số ưu đãi đầu tư (thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế nhập khẩu, tín dụng, đất đai...). Tuy nhiên, các ưu đãi này chưa

²⁴ Giai đoạn 2016-2020: Ngân sách Trung ương hỗ trợ đầu tư hạ tầng KKT 701,459 tỷ đồng, tuy nhiên trong đó bố trí thu hồi vốn ứng trước của giai đoạn trước 164,679 tỷ đồng. Riêng Ngân sách tỉnh hỗ trợ đầu tư hạ tầng KKT giai đoạn 2016-2020 là 131,188 tỷ đồng (chủ yếu để trả nợ xây dựng cơ bản)

²⁵ Giai đoạn từ 2011-2015, tổng vốn đầu tư cho hạ tầng KKT Vũng Áng là 6.904,399 tỷ đồng (gồm: Ngân sách Trung ương hỗ trợ xây dựng hạ tầng KKT: 2.264 tỷ đồng; ngân sách tỉnh: 99,229 tỷ đồng; vốn ODA (JICA): 26,474 tỷ đồng; nguồn vốn bố trí hỗ trợ đối với dự án Bồi thường, GPMB và hỗ trợ tái định cư dự án trọng điểm quốc gia Khu liên hợp gang thép và cảng Sơn Dương: Ngân sách Trung ương là 6.021,17 tỷ (trong đó giai đoạn 2011-2015 bố trí 3.871,17 tỷ đồng), Ngân sách tỉnh 100 tỷ đồng và ứng trước của nhà đầu tư 30 triệu USD (tương ứng với 570 tỷ đồng))

thật sự hấp dẫn đối với nhà đầu tư và tính cạnh tranh chưa cao.

- Về chính sách hỗ trợ đầu tư vào các KKT, KCN (ban hành kèm theo Quyết định số 16/2007/QĐ-UBND ngày 27/4/2007 về việc quy định một số chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư vào KKT Vũng Áng và các KCN của tỉnh Hà Tĩnh) chưa phát huy hiệu quả, đến nay không còn tính hiệu lực và hiệu quả.

Để đạt được mục tiêu đã nêu trong Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 22/11/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh; Thực hiện Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; đồng thời đảm bảo An ninh quốc phòng, tỉnh Hà Tĩnh cần triển khai một số giải pháp sau đây:

3. Sự cần thiết mở rộng Khu kinh tế Vũng Áng và các giải pháp thu hút đầu tư

3.1. Phân tích sự cần thiết phải điều chỉnh, mở rộng Khu kinh tế Vũng Áng.

- Khu kinh tế là khu vực có ranh giới địa lý xác định, gồm nhiều khu chức năng, được thành lập để thực hiện các mục tiêu thu hút đầu tư, phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ quốc phòng, an ninh. Tuy nhiên, từ khi thành lập thị xã Kỳ Anh thì Khu kinh tế Vũng Áng trở thành trung tâm kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội, du lịch và dịch vụ của thị xã Kỳ Anh. Mọi hoạt động xây dựng trong Khu kinh tế Vũng Áng mang tính chất đô thị, chính quyền đô thị phải sử dụng và quản lý các nguồn lực của đô thị nhằm: 1) Nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động một cách tổng thể của môi trường xây dựng đô thị, phục vụ nhu cầu đa dạng của cuộc sống đô thị; 2) đảm bảo sự phát triển bền vững các khu vực đô thị; 3) Cung cấp các dịch vụ đô thị và cơ sở hạ tầng cơ bản để đáp ứng các nhu cầu của cư dân sống và làm việc trong các khu chức năng đô thị; 4) Cải thiện chất lượng sống và sự mạnh khoẻ của cư dân đô thị. Vì vậy, nên nguồn lực để đầu tư các công trình HTKT thiết yếu để phục vụ thu hút đầu tư có phần bị phân tán.

- Sau khi quy hoạch chung thị xã Kỳ Anh được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 706/QĐ-TTg ngày 07/6/2018 về việc phê duyệt quy hoạch chung thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2035 và Quy hoạch phân khu công nghiệp đa ngành được phê duyệt thì diện tích đất công nghiệp còn lại là 1.842,47 ha (*khi dự án khu công nghiệp Vinhomes được cấp đất thì chỉ còn hơn 842 ha*), tuy nhiên phần còn lại này manh mún không đủ quy mô để thu hút các dự chiến lược, có nhu cầu sử dụng đất lớn.

- Khai thác tiềm năng, tài nguyên và quỹ đất của huyện Kỳ Anh nhằm thu hút các dự án công nghiệp phụ trợ cần thiết, các sản phẩm dịch vụ chất lượng để bổ trợ cho khu vực sản xuất điện, luyện cán thép, khai thác cảng biển và logistics.

- Quy hoạch, phân vùng sản xuất công nghiệp, dịch vụ hợp lý nhằm thu hút nguồn nhân lực tại chỗ, tạo thêm được nhiều việc làm cho người lao động; giảm chi phí sản xuất cho nhà đầu tư, giảm khoảng cách và thời gian đi lại cho người lao động; tạo động lực tăng trưởng kinh tế vùng, đảm bảo sự phát triển bền vững; Đồng thời khai thác được các thiết chế công đoàn của địa phương như: nhà ở, nhà trẻ, siêu thị và các công trình văn hóa, thể thao mà không cần phải huy động thêm nguồn lực để đầu tư xây dựng.

3. 2. Phương án đề xuất ranh giới phát triển mở rộng:

- Đối với diện tích đất liền đề xuất phạm vi ranh giới mở rộng KKT Vũng Áng theo hướng Bắc, gồm diện tích các xã, phường: Hưng Trí, Kỳ Hoa của thị xã Kỳ Anh và các xã Kỳ Hải, Kỳ Châu, Kỳ Thu, Kỳ Thọ, Kỳ Khang, Kỳ Đồng, Kỳ Phú, Kỳ Tân, Kỳ Văn của huyện Kỳ Anh. Đối với diện tích mặt nước đề xuất bổ sung 2.270 ha diện tích mặt nước tại khu vực Cảng Sơn Dương và Cảng Vũng Áng.

- Diện tích KKT Vũng Áng dự kiến nghiên cứu mở rộng là: 46.927 ha, gồm: 43.304 ha đất liền và 3.623 ha mặt nước (trong đó: Phần diện tích hiện hữu là 22.781 ha đất liền, 1.353,05 ha mặt nước; phần diện tích mở rộng là 20.523 ha đất liền và 2.270 ha mặt nước), ranh giới địa lý dự kiến mới của KKT Vũng Áng được xác định như sau: *(hiện giờ chỉ có 22.781 ha đất liền, phần 1363,5 ha mặt nước đã cấp cho Formosa chưa có trog QH, chỉ đưa vào tổng khoảng 2.270 ha mặt nước)*

- + Phía Bắc giáp Biển Đông và xã Kỳ Phong, huyện Kỳ Anh;
- + Phía Nam giáp huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình.
- + Phía Đông được giới hạn bởi các điểm tọa độ (theo hệ tọa độ VN 2000):
- + Phía Tây giáp các xã Kỳ Trung, Kỳ Phong, Kỳ Giang, Lâm Hợp huyện Kỳ Anh.

3.3. Cơ sở pháp lý để điều chỉnh, mở rộng Khu kinh tế Vũng Áng.

- Luật đầu tư năm 2020 số 61/2020/QH14, Luật Xây dựng số 50/2014/QH13, Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12;

- Nghị định 35/2022/NĐ-CP ngày 28/05/2022 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế;

- Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22/10/2018 của Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

- Nghị quyết 26/NQ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ về Kế hoạch tổng thể và Kế hoạch 5 năm thực hiện Nghị quyết 36-NQ/TW về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

- Quyết định số 72/2006/QĐ-TTg ngày 03/4/2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Khu kinh tế Vũng Áng;

- Quyết định số 1076/QĐ-TTg ngày 20/8/2007 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Vũng Áng đến năm 2025;

- Quyết định số 1037/QĐ-TTg ngày 24/6/2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng biển Việt Nam đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 1012/QĐ-TTg ngày 03/7/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt quy hoạch hệ thống trung tâm logistics trên địa bàn cả nước đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 706/QĐ-TTg ngày 07/6/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2035;

- Quyết định số 1363/QĐ-TTg ngày 08/11/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Hà Tĩnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Quyết định số 137/QĐ-BGTVT ngày 17/01/2012 của Bộ giao thông vận tải phê duyệt Quy hoạch chi tiết khu bến cảng biển Vũng Áng, Sơn Dương thuộc cảng biển Sơn Dương – Vũng Áng (tỉnh Hà Tĩnh) giai đoạn đến năm 2020;

- Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 22/11/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển Khu kinh tế Vũng Áng giai đoạn 2021- 2025, định hướng đến năm 2030.

3.4. Giải pháp thực hiện nhằm đẩy nhanh việc điều chỉnh, mở rộng Khu kinh tế Vũng Áng; đáp ứng nhu cầu thu hút đầu tư, phát triển lâu dài và bền vững cho Khu kinh tế tỉnh.

Từ những thuận lợi và khó khăn, thách thức nêu trên, để phát huy được tiềm năng, thế mạnh nhằm thu hút nhiều dự án đầu tư lớn, tạo động lực phát triển KKT Vũng Áng trong thời gian tới; triển khai thực hiện mục tiêu mà Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 22/11/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh; cụ thể hoá các nội dung trong Quyết định số 1363/QĐ-TTg ngày 08/11/2022 của Thủ

tướng Chính phủ, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh cần phối hợp với các sở ngành và chính quyền địa phương liên quan tập trung thực hiện một số giải pháp trọng tâm như sau:

Giải pháp về cơ chế, chính sách đối với KKT Vũng Áng:

Thực tế các dự án đầu tư vào khu kinh tế Vũng Áng được hưởng các ưu đãi tối đa áp dụng đối với địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn. Để tiếp tục tạo động lực cho bước phát triển ở giai đoạn tiếp theo và ở trình độ phát triển cao hơn, cần thiết phải phải tạo các động lực mới với một số ngành lĩnh vực:

- Lĩnh vực Logistic, dịch vụ cảng biển và chế tạo thiết bị;
- Một số cơ chế áp dụng riêng cho người nước ngoài về đất đai và bất động sản, về đi lại và lưu trú vv...;
- Cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư, tập trung rà soát, nghiên cứu bổ sung các cơ chế chính sách khuyến khích, ưu đãi phù hợp với nhu cầu và lợi ích của nhà đầu tư trong KKT để thu hút, kêu gọi đầu tư;
- Ưu tiên cân đối vốn và đẩy nhanh tiến độ xây dựng các dự án với mục tiêu hoàn chỉnh quy hoạch và hạ tầng thiết yếu tại KKT Vũng Áng phục vụ thu hút đầu tư;
- Đẩy nhanh quá trình đô thị hóa trên cơ sở hình thành và phát triển hệ thống các đô thị trung tâm và đô thị ở khu vực nông thôn để tạo ra các hạt nhân thúc đẩy phát triển công nghiệp, dịch vụ và chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động KKT;

Giải pháp quy hoạch:

- Quy hoạch điều chỉnh KKT Vũng Áng mở rộng cần có tính chiến lược dài hạn, ưu tiên quy hoạch quỹ đất xây dựng các khu công nghiệp quy mô lớn, các khu thương mại dịch vụ, phù hợp với Quy hoạch tỉnh để đảm bảo quỹ đất đáp ứng nhu cầu thu hút đầu tư, phát triển lâu dài và bền vững cho KKT.

- Tổ chức lập mới, điều chỉnh quy hoạch phân khu xây dựng, quy hoạch chi tiết xây dựng các khu chức năng trong KKT để thực hiện công tác kêu gọi đầu tư, đáp ứng nhu cầu đầu tư phát triển KKT trong giai đoạn mới.

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác quản lý quy hoạch các khu chức năng theo các Quy hoạch chung đã được phê duyệt, củng cố nâng cao chất lượng các tiêu chí đô thị; tuyên truyền, vận động người dân không vi phạm quy hoạch, đồng thời xử lý nghiêm khắc đối với các trường hợp vi phạm.

Giải pháp huy động nguồn vốn phát triển hạ tầng, tạo quỹ đất sạch:

- Áp dụng cơ chế đấu giá quyền sử dụng đất tại các khu đô thị mới, tại các điểm dịch vụ, các loại đất có thể sinh lợi là cần thiết để tạo vốn phát triển hạ tầng;

- Huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn như: Nguồn vốn từ quỹ đất; vốn ngân sách trung ương, địa phương; vốn tín dụng; vốn đầu tư từ các doanh nghiệp; vốn đầu tư trực tiếp FDI; vốn hỗ trợ phát triển chính thức ODA.

Giải pháp phát triển nguồn nhân lực:

- Tập trung triển khai có hiệu quả Chỉ thị số 10-CT/TU ngày 15/6/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo công tác đào tạo nghề giải quyết việc làm cho người lao động trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh. Đẩy mạnh xã hội hóa trong giáo dục nghề nghiệp, khuyến khích các doanh nghiệp trực tiếp tham gia đào tạo nguồn nhân lực; thực hiện tốt mô hình liên kết 3 nhà: “Nhà nước - Nhà trường - Nhà Doanh nghiệp” trong đào tạo nguồn nhân lực và giải quyết việc làm cho người lao động. Ứng dụng công nghệ thông tin và xây dựng cơ sở dữ liệu về thông tin thị trường lao động để hỗ trợ doanh nghiệp tìm kiếm nguồn nhân lực, định hướng cơ sở giáo dục trong công tác đào tạo và hỗ trợ người lao động tìm kiếm việc làm.

- Nghiên cứu xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ, khuyến khích công tác đào tạo nhân lực, nhất là đào tạo nhân lực quản trị, công nhân kỹ thuật có trình độ cao và tay nghề cao, nhân lực trong các ngành dịch vụ phục vụ nhu cầu phát triển của KKT. Xây dựng phương án chuyển đổi nghề nghiệp cho lao động trong vùng bị thu hồi đất.

Giải pháp về cải cách thủ tục hành chính:

- Hoàn thiện Quy chế phối hợp giữa Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh với các sở, ban, ngành, địa phương về quản lý nhà nước tại KKT Vũng Áng nói riêng và các KKT, KCN trên địa bàn tỉnh nói chung phù hợp với tình hình thực tiễn và các quy định của pháp luật có liên quan. Thực hiện tốt cơ chế phối hợp và cơ chế “Một cửa – tại chỗ” trong quản lý, gắn kết giữa quản lý một số lĩnh vực với quản lý hành chính lãnh thổ.

- Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Kế hoạch Chuyển đổi số tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030; hoàn thiện Đề án phát triển Chính quyền số, Đô thị thông minh và Kinh tế số trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn 2030, trong đó tập trung các giải pháp phát triển kinh tế số trong khu vực KKT Vũng Áng nói riêng và trong các KKT, KCN trên địa bàn tỉnh nói chung nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế, hỗ trợ

các doanh nghiệp, nhà đầu tư trên địa bàn, đồng thời tăng cường hiệu quả công tác quản lý nhà nước.

- Hoàn chỉnh cơ cấu tổ chức bộ máy, bố trí nhân sự phù hợp để đáp ứng yêu cầu vị trí việc làm, nâng cao năng lực quản lý, điều hành của lãnh đạo và năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của cán bộ, công chức Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh, đảm bảo thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định của pháp luật

Giải pháp về bồi thường, hỗ trợ tái định cư và quản lý đất đai:

- Bố trí nguồn lực để xây dựng các khu tái định cư, ưu tiên hoàn thiện các công trình hạ tầng xã hội trong các khu tái định cư theo quy hoạch để đáp ứng nhu cầu sinh sống ổn định và việc làm cho các hộ dân được tái định cư.

- Bổ sung nguồn vốn cho Quỹ phát triển đất của tỉnh để thực hiện GMPB trước, tạo quỹ đất sạch thu hút đầu tư các dự án lớn, trọng điểm.

- Tăng cường công tác phối hợp giữa UBND thị xã Kỳ Anh, UBND huyện Kỳ Anh, các cơ quan, ban, ngành trong việc thực hiện công tác tuyên truyền, vận động, giải thích cho người dân hiểu đúng, đầy đủ các quy định, chính sách của Nhà nước về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; đồng thời đảm bảo phối hợp chặt chẽ trong thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng, hỗ trợ và tái định cư.

Giải pháp về quảng bá và xúc tiến đầu tư:

- Website Khu kinh tế tỉnh Hà Tĩnh: Nâng cấp giao diện, bố cục, xây dựng kế hoạch quảng bá Website. Cập nhật tất cả các thông tin quảng bá lên Website (danh mục các dự án gọi vốn đầu tư, quy hoạch các phân khu, các văn bản pháp lý liên quan đến ưu đãi đầu tư... và các thông tin do khách truy cập trực tiếp yêu cầu).

- Xúc tiến đầu tư:

+ Tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, đẩy mạnh hoạt động xúc tiến, quảng bá hình ảnh, tiềm năng, lợi thế của KKT đến với các nhà đầu tư trong và ngoài nước, đồng thời tích cực hỗ trợ nhà đầu tư triển khai nhanh các dự án. Tập trung thu hút các dự án đầu tư có chất lượng, ưu tiên đối với những lĩnh vực công nghiệp, logistics, công nghiệp hỗ trợ, hạ tầng đô thị, du lịch - dịch vụ, dự án có sự lan tỏa mạnh mẽ đối với việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế, công nghệ kỹ thuật cao, công nghiệp "xanh", thân thiện với môi trường.

+ Đa dạng hóa các hình thức xúc tiến đầu tư, chú trọng hình thức liên hệ trực tiếp, tiếp xúc với các nhà đầu tư chuyên nghiệp, các đối tác, doanh nghiệp,

các tập đoàn kinh tế lớn trên thế giới hoặc thông qua các cơ quan ngoại giao để tổ chức xúc tiến, thu hút các nhà đầu tư, nhất là các nhà đầu tư nước ngoài vào KKT. Tổ chức hoặc tham gia các cuộc hội thảo kêu gọi đầu tư trong nước và ngoài nước. Thông qua các cuộc hội thảo, hình ảnh của KKT Vũng Áng sẽ được giới thiệu một cách rõ ràng, trung thực nhất đến các nhà đầu tư.

Giải pháp về khoa học công nghệ:

- Tập trung nghiên cứu, phát triển năng lượng tái tạo và các ngành kinh tế biển mới theo tinh thần Nghị quyết Hội nghị lần thứ VIII Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Thúc đẩy đầu tư xây dựng, khai thác điện gió, điện mặt trời và các dạng năng lượng tái tạo khác; nghiên cứu, chuyển giao, phát triển công nghệ, phát triển ngành chế tạo thiết bị phục vụ ngành công nghiệp năng lượng tái tạo, tiến tới làm chủ một số công nghệ, thiết kế, chế tạo và sản xuất thiết bị.

Giải pháp ứng dụng tiến bộ khoa học và bảo vệ môi trường:

- Nâng cao năng lực cán bộ quản lý nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học trong việc bảo vệ môi trường;

- Nâng cao hiệu quả công tác phối hợp giữa phát triển công nghiệp với phát triển các lĩnh vực có liên quan trong KKT;

- Tăng cường trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm, hỗ trợ kinh doanh;

- Xây dựng hệ thống thông tin quản lý môi trường và các lĩnh vực liên quan;

- Khai thác các thế mạnh về tài nguyên phải có kinh nghiệm và tầm nhìn dài hạn, có hiệu quả và bền vững;

Giải pháp hợp tác địa phương và quốc tế:

- Chủ động tăng cường mở rộng quan hệ, hợp tác phát triển giữa địa phương, Ban QLKKT tỉnh với các địa phương trên cả nước và bình diện quốc tế. Việc hợp tác được xem là vấn đề cấp thiết, mang tính chiến lược lâu dài nhằm đẩy mạnh việc khảo sát, học hỏi, trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm trong việc xây dựng mới và quảng bá rộng rãi các chương trình, dự án kêu gọi đầu tư, hợp tác phát triển hạ tầng kết nối các điểm kinh tế trọng điểm;

- Mở rộng và đẩy mạnh mối quan hệ hợp tác quốc tế, huy động được nguồn lực quốc tế về vốn, công nghệ, kinh nghiệm quản lý và đào tạo nguồn nhân lực; Tăng cường tiếp cận với các đối tác ngoài nước, các tập đoàn kinh tế lớn trên thế giới, các tổ chức Phi chính phủ, tìm hiểu những lĩnh vực ưu tiên của tổ chức đó

trong các chương trình đầu tư, tài trợ.

3.5. Tổ chức thực hiện:

1. Chính phủ giao nhiệm vụ cho các bộ ngành chức năng nghiên cứu, hướng dẫn việc tổ chức thực hiện các cơ chế, chính sách; đồng thời, kịp thời tháo gỡ và tạo điều kiện tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc trong quá trình quản lý và phát triển Khu kinh tế Vũng Áng.

2. UBND tỉnh Hà Tĩnh thực hiện mạnh mẽ cơ chế phân cấp, uỷ quyền nhằm tạo sự tập trung và thống nhất trong quản lý, phát triển Khu kinh tế Vũng Áng. Đồng thời ưu tiên việc cân đối nguồn vốn đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng đáp ứng yêu cầu phát triển của khu kinh tế mở rộng. UBND tỉnh chỉ đạo Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Hà Tĩnh rà soát lại cơ chế, chính sách hiện hành, tổng hợp những khó khăn, vướng mắc và bất cập để trình Chính phủ và các bộ ngành chức năng liên quan điều chỉnh, sửa đổi, ban hành mới cho phù hợp.

3. Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Hà Tĩnh Chủ trì tham mưu, đề xuất, tổ chức triển khai đồ án Điều chỉnh, mở rộng quy hoạch chung KKT Vũng Áng phù hợp với Quy hoạch tỉnh; đề xuất Chính phủ tiếp tục đưa KKT Vũng Áng vào danh sách các KKT ven biển trọng điểm được ưu tiên tập trung đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 – 2025; lập mới, điều chỉnh quy hoạch phân khu xây dựng, quy hoạch chi tiết các khu chức năng trong KKT. Đề xuất kịp thời những vấn đề khó khăn, vướng mắc với các cấp có thẩm quyền để tháo gỡ, giải quyết. Trước mắt, cần thuê tư vấn tiến hành quy hoạch mở rộng Khu kinh tế Vũng Áng, Lập kế hoạch và dự kiến nguồn vốn đầu tư phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng Khu kinh tế Vũng Áng mở rộng để nhanh chóng triển khai thực hiện.

4. Kết luận

Sau hơn 16 năm thành lập và đi vào hoạt động, Khu Kinh tế Vũng Áng đã có những bước phát triển vượt bậc về nhiều mặt. Cơ sở hạ tầng của Khu Kinh tế đang ngày một hoàn thiện, kinh tế phát triển với sức thu hút đầu tư cao, bền vững và đúng định hướng, an ninh quốc phòng luôn giữ vững và ổn định, xứng đáng là một đầu tàu kinh tế của tỉnh Hà Tĩnh, nhất là trên lĩnh vực Công nghiệp nặng và Công nghiệp cơ bản;

Việc Điều chỉnh mở rộng Khu Kinh tế Vũng Áng, tỉnh Hà Tĩnh có ý nghĩa đặc biệt quan trọng: phát huy được tối đa các lợi thế về vị trí, nguồn tài nguyên, nguồn lực khu vực, đặc biệt là phát triển các ngành công nghiệp nặng mũi nhọn, công nghiệp phụ trợ và các dịch vụ gắn liền với cảng biển nước sâu, cũng như

việc đa dạng hóa các ngành kinh tế gắn liền với các đặc thù khu vực. Tạo ra một động lực phát triển Kinh tế - Xã hội, củng cố Quốc phòng - An ninh cho tỉnh Hà Tĩnh, cho khu vực kém phát triển Nam Hà Tĩnh - Bắc Quảng Bình, và cho các tỉnh Khu vực Bắc Trung bộ nói chung;

Phát triển mở rộng Khu kinh tế Vũng Áng, bảo đảm cho các nhu cầu trước mắt cũng như về lâu dài. Việc sớm có quy hoạch mở rộng tạo tiền đề kêu gọi đầu tư, chuẩn bị đầu tư, lập kế hoạch, từng bước thực hiện các định hướng chiến lược có tính khả thi và hiệu quả cho khu kinh tế.

Mặt khác, Điều chỉnh mở rộng Khu kinh tế Vũng Áng, tỉnh Hà Tĩnh nhằm tạo nên không gian của một Đô thị đáng sống, tạo dựng được môi trường sống tiện nghi, hiện đại, không gian kiến trúc cảnh quan thân thiện môi trường, ổn định cuộc sống dân cư; một Khu kinh tế đến năm 2030 đầy năng động với tầm nhìn phát triển đến năm 2050 xứng đáng là Khu kinh tế tổng hợp, đa ngành, đa lĩnh vực; Là trung tâm công nghiệp nặng của Việt Nam; Là khu vực phát triển mới của khu vực phía Nam tỉnh Hà Tĩnh với cơ sở hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội hiện đại, đồng bộ, môi trường ở trong sạch gắn liền với thiên nhiên.

NÂNG CAO HIỆU QUẢ THU HÚT CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ TẠI KHU KINH TẾ VỮNG ÁNG THEO HƯỚNG ĐA NGÀNH NGHỀ, ĐA LĨNH VỰC, TRỞ THÀNH TRUNG TÂM KINH TẾ PHÍA NAM CỦA TỈNH.

Đặng Huy Cường

Phó Giám đốc, Trung tâm hỗ trợ PTDN& XTĐT

Trải qua nhiều giai đoạn phát triển, các khu kinh tế hiện nay đều mang tính đa năng, đóng vai trò là điểm kết nối, cực tăng trưởng nhằm huy động và phân bổ có hiệu quả các nguồn lực ưu việt nhất. Đồng thời, tạo ra động lực tăng trưởng mới cho nền kinh tế quốc gia bắt kịp sự phát triển của thế giới. Hiện nay trên thế giới, các mô hình khu tiếp tục được xác định là một mô hình hiệu quả để phát triển công nghiệp và thu hút đầu tư, đặc biệt là đối với các quốc gia đang phát triển. Tuy nhiên, các mô hình đang có sự thay đổi về động lực phát triển, theo đó các mô hình khu truyền thống hướng đến xuất khẩu và dựa chủ yếu vào ưu đãi về tài chính đang được chuyển đổi mạnh mẽ nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh dựa trên mô hình quản lý tiên tiến; hợp tác, cộng sinh công nghiệp để sử dụng hiệu quả nguyên vật liệu, năng lượng, tài nguyên, chia sẻ dịch vụ dùng chung.

Bên cạnh đó, cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4 thúc đẩy chuyển đổi mô hình sản xuất, hợp tác kinh doanh, chuỗi giá trị toàn cầu; phương thức điều hành, tổ chức và huy động nguồn lực của doanh nghiệp, chuyển đổi doanh nghiệp từ số hóa đơn giản sang hình thức đổi mới sáng tạo dựa trên sự kết hợp nhiều loại công nghệ. Các yếu tố này sẽ tác động đến mô hình, định hướng phát triển của khu công nghiệp, khu kinh tế ở Việt Nam trong thời gian tới.

Tại Việt Nam, bối cảnh phát triển các khu kinh tế cũng đã có những thay đổi với thuận lợi và khó khăn đan xen. Cụ thể, bối cảnh trong nước hiện nay tạo thuận lợi cơ bản cho sự phát triển của khu kinh tế như môi trường đầu tư kinh doanh ngày càng hoàn thiện; cơ sở hạ tầng kỹ thuật, nhất là đường giao thông kết nối vùng, với thị trường quốc tế được nâng cấp và phát triển, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động sản xuất kinh doanh; vị thế quốc tế của Việt Nam được nâng lên và thị trường xuất khẩu được rộng mở thông qua các hiệp định tự do thương mại đa phương, song phương và nguồn lao động có khả năng thích ứng tốt với những thay đổi khoa học và công nghệ.

Tuy nhiên, việc phát triển khu kinh tế theo chiều rộng gặp khó khăn do nguồn lực về lao động, đất đai, tài nguyên đã tới hạn trong khi năng suất lao động, hiệu quả khai thác tài nguyên chưa cao; chưa đảm bảo hài hòa giữa phát

triển kinh tế với yêu cầu về bảo vệ môi trường, đảm bảo an sinh xã hội; duy trì lợi thế cạnh tranh của khu kinh tế trong điều kiện các ưu đãi về thuế, đất đai đang có xu hướng giảm dần; liên kết và hợp tác sản xuất công nghiệp trong khu kinh tế của Việt Nam còn hạn chế.

Việc phát triển khu công nghiệp, khu kinh tế cần có chính sách để tận dụng được cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 và nâng cao hiệu quả thu hút và hợp tác đầu tư nước ngoài theo Nghị quyết số 50-NQ/TW của Bộ Chính trị.

Tại tỉnh Hà Tĩnh, Khu kinh tế Vũng Áng được xác định là trung tâm độc lực tăng trưởng của tỉnh theo quy hoạch tỉnh Hà Tĩnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 vừa được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1363/QĐ-TTg ngày 08/11/2022. Theo Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 22/11/2021 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển Khu Kinh tế Vũng Áng giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030 đã xác định “Phát triển Khu Kinh tế Vũng Áng theo hướng đa ngành nghề, đa lĩnh vực, trở thành trung tâm kinh tế và đô thị phía Nam của tỉnh, gắn kết chặt chẽ với phát triển kinh tế - xã hội địa phương, phù hợp với phát triển vùng và kết nối với các trung tâm kinh tế trong khu vực...”, “... với các trụ cột: Công nghiệp luyện kim, năng lượng, chế biến, chế tạo; Trung tâm logistics và dịch vụ cảng biển; Phát triển thương mại, dịch vụ, tạo nền tảng vững chắc...”.

Qua đó cho thấy tỉnh Hà Tĩnh đặt kỳ vọng lớn vào Khu kinh tế Vũng Áng. Vì vậy, trong Hội thảo hôm nay, tôi xin trình bày một số nội dung về ***“Nâng cao hiệu quả thu hút các dự án đầu tư tại Khu kinh tế Vũng Áng theo hướng đa ngành nghề, đa lĩnh vực, trở thành trung tâm kinh tế phía Nam của tỉnh”***.

Khu kinh tế Vũng Áng được thành lập năm 2006 với tổng diện tích là 22.781ha trên địa bàn 9 xã, phường thuộc huyện Kỳ Anh nay là Thị xã Kỳ Anh, nằm ở cực Nam của tỉnh Hà Tĩnh. Sau hơn 17 năm hình thành và phát triển, Khu kinh tế Vũng Áng hoạt động ngày càng hiệu quả, từng bước tạo động lực tăng trưởng, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động, tăng thu ngân sách, đóng góp quan trọng vào phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Hà Tĩnh; dần hình thành trung tâm luyện thép, năng lượng, logistics và thương mại dịch vụ của tỉnh.

Đến nay, Khu kinh tế Vũng Áng đã thu hút 153 dự án, bao gồm: 56 dự án có vốn đầu tư nước ngoài với tổng số vốn đăng ký hơn 16,041 tỷ USD và 97 dự án đầu tư trong nước với số vốn đăng ký hơn 55.694 tỷ đồng.

Khu kinh tế Vũng Áng đang trở thành điểm đến đầu tư của các tập đoàn kinh tế lớn trong nước và quốc tế như: Tập đoàn Vingroup, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, Tập đoàn Formosa Đà Loan, Tập đoàn Mitsubishi...vv với các dự án lớn đã và đang triển khai như: Khu liên hợp luyện cán thép và cảng Sơn Dương Formosa Hà Tĩnh, Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1, Tổng kho Xăng dầu Dầu khí Vũng Áng, Tổng kho khí hóa lỏng Bắc Trung bộ, Cảng Vũng Áng (bến số 01, bến số 02), Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 2, Nhà máy sản xuất Cell pin VINES...

Đến nay, Khu kinh tế Vũng Áng đang giải quyết việc cho hơn 18.760 lao động, trong đó: 17.530 lao động Việt Nam và 1.230 lao động nước ngoài; Trong giai đoạn 2015-2020, thu ngân sách trên địa bàn KKT Vũng Áng tăng nhanh, đạt gần 37.400 tỷ đồng, chiếm gần 56% tổng thu ngân sách của tỉnh Hà Tĩnh, trong đó thu xuất nhập khẩu chiếm 97% của cả tỉnh; đóng góp ngân sách cho tỉnh từ Khu kinh tế Vũng Áng tăng trong thời gian qua và chiếm tỷ trọng cao của tỉnh, riêng năm 2022 các doanh nghiệp trong Khu kinh tế Vũng Áng đã đóng nộp hơn 1.611 tỷ đồng.

Bên cạnh đó, Khu kinh tế Vũng Áng đang được nhiều tập đoàn kinh tế, doanh nghiệp lớn khảo sát, nghiên cứu đầu tư như: Tập đoàn Vingroup nghiên cứu đầu tư Khu công nghiệp Vinhomes Vũng Áng, xây dựng cảng và Logistics; Công ty cổ phần Bất động sản Capella đề xuất đầu tư Khu công nghiệp; Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng Vịnh Nha Trang đề xuất đầu tư dự án Khu đô thị Du lịch Kỳ Nam... và nhiều dự án lớn khác.

Điều này cho thấy Khu kinh tế Vũng Áng đang từng bước khẳng định được vai trò, vị trí trong phát triển kinh tế, xã hội của thị xã Kỳ Anh nói riêng và tỉnh Hà Tĩnh nói chung.

Để tiếp tục phát huy những kết quả đạt được, thực hiện có hiệu quả công tác xúc tiến đầu tư nhằm thúc đẩy Khu kinh tế Vũng Áng trở thành khu kinh tế đa chức năng, trung tâm công nghiệp động lực, logistics của tỉnh với các trụ cột: Công nghiệp luyện kim, năng lượng, chế biến, chế tạo, trung tâm điện lực; Trung tâm logistics và dịch vụ cảng biển nước sâu Vũng Áng – Sơn Dương; phát triển thương mại, dịch vụ như Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 22/11/2021 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh Hà Tĩnh đã nêu; trong khuôn khổ Hội thảo hôm nay, tôi xin đề xuất một số giải pháp như sau:

Thứ nhất: Tuyên truyền, phổ biến đến tận cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và toàn thể Nhân dân về định hướng, mục tiêu đầu tư, phát triển Khu kinh tế Vũng Áng đã được phê duyệt tại Quy hoạch tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn

2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; tại Nghị quyết của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển Khu Kinh tế Vũng Áng giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030 để từ đó tạo sự thống nhất cao về nhận thức, hành động của cả hệ thống chính trị và các tầng lớp Nhân dân trong việc đầu tư, phát triển, xúc tiến thu hút đầu tư Khu kinh tế Vũng Áng trong thời gian tới đây.

Thứ hai: Cần sớm nghiên cứu xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện các đề án, chương trình hành động cụ thể về đầu tư, phát triển của khu vực, trong đó trọng tâm là Khu kinh tế Vũng Áng. rà soát các cơ chế chính sách đã ban hành áp dụng cho Khu kinh tế Vũng Áng; đánh giá hiệu quả của các cơ chế chính sách đó trong thời gian qua, tính thiết thực trong giai đoạn tới để có phương án điều chỉnh phù hợp, đáp ứng nhu cầu phát triển trong giai đoạn tới đây của Khu kinh tế Vũng Áng theo định hướng, mục tiêu phát triển của Khu kinh tế Vũng Áng đã được xác định theo quy hoạch, nghị quyết đã được ban hành.

Thứ ba: Tập trung các nguồn lực đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật của Khu kinh tế Vũng Áng đáp ứng các điều kiện về giao thông, cấp điện, cấp nước; đẩy mạnh công tác giải phóng mặt bằng các dự án trọng điểm trong Khu kinh tế Vũng Áng; tạo quỹ đất phục vụ cho thu hút đầu tư các dự án, đặc biệt là dự án công nghiệp, hạ tầng khu công nghiệp.

Về dài hạn, cần thiết phải có phương án mở rộng quỹ đất phát triển công nghiệp nói riêng và không gian Khu kinh tế Vũng Áng nói chung để đảm bảo thu hút đầu tư, phát triển công nghiệp đảm bảo hài hòa, cân đối giữa các lĩnh vực, ngành nghề phù hợp với mục tiêu, định hướng đã được phê duyệt.

Tìm kiếm, ưu tiên lựa chọn các nhà đầu tư lớn, có kinh nghiệm, có năng lực tài chính và đặc biệt là có kết nối đối tác phạm vi quốc tế, khu vực trong đầu tư phát triển hạ tầng các khu công nghiệp, cụm công nghiệp. Để từ việc thu hút đầu tư dự án thứ cấp vào các khu công nghiệp, cụm công nghiệp được đẩy nhanh, mang lại hiệu quả xã hội thiết thực cho tỉnh.

Thứ tư: Tập trung thực hiện có hiệu quả, đi vào thực chất công tác cải cách hành chính trong lĩnh vực thu hút đầu tư, sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, nhà đầu tư. Lấy công tác đào tạo, sắp xếp, bố trí cán bộ, công chức, viên chức làm công tác giải quyết thủ tục hành chính, tiếp xúc, hướng dẫn, hỗ trợ cho doanh nghiệp, nhà đầu tư làm nền tảng, cốt lõi của công tác cải cách hành chính. Cần xây dựng cơ chế chính sách trong công tác sử dụng cán bộ trong lĩnh vực thủ tục hành chính nói riêng và công tác quản lý nhà nước nói chung; lấy đánh

giá hiệu quả công việc, tinh thần, thái độ phục vụ doanh nghiệp, nhân dân làm thước đo để thực hiện công tác bổ nhiệm, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật.

Lấy công tác xây dựng, chuẩn hóa quy trình, thủ tục hành chính ở từng đơn vị, từng lĩnh vực làm cơ sở cho công tác cải cách thủ tục hành chính theo hướng rút ngắn thời gian xử lý, tối giản hóa hồ sơ thủ tục, số hóa hồ sơ tài liệu nhưng vẫn đảm bảo chất lượng giải quyết thủ tục hành chính, đúng quy định và thuận lợi cho doanh nghiệp, nhà đầu tư và cả cơ quan quản lý nhà nước.

Thứ năm: Đẩy mạnh công tác thu hút đầu tư vào lĩnh vực công nghiệp, từ hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp, các dự án công nghiệp nặng, công nghiệp chế biến chế tạo, công nghiệp nhẹ, công nghiệp năng lượng...

Tập trung ưu tiên các dự án có hàm lượng khoa học kỹ thuật cao, sẵn sàng thực hiện chuyển giao khoa học, chuyển giao quản lý cho Việt Nam; đẩy mạnh liên kết, liên doanh đầu tư giữa nhà đầu tư nước ngoài với đối tác trong nước, trong tỉnh; các dự án thân thiện môi trường, công nghệ xanh, đảm bảo các điều kiện bảo vệ môi trường. Tăng cường việc đánh giá, xác minh năng lực tài chính, kinh nghiệm của các nhà đầu tư; ưu tiên các tập đoàn kinh tế đa quốc gia, đa ngành nghề, có thể liên kết chuỗi trong đầu tư sản xuất gắn với phân phối sản phẩm ...vv.

Từ thu hút đầu tư, phát triển công nghiệp làm cơ sở, nền tảng cho việc thúc đẩy thu hút đầu tư và phát triển lĩnh vực thương mại, dịch vụ và đô thị theo hướng bền vững, logic từ phát triển công nghiệp đến thương mại, dịch vụ, du lịch và đô thị.

TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH TÍN DỤNG ĐẾN CÁC DOANH NGHIỆP TẠI KHU KINH TẾ VŨNG ÁNG

Nguyễn Thị Tuyết Nhung

Phó Giám đốc Ngân hàng nhà nước, chi nhánh tỉnh Hà Tĩnh

Ngân hàng nhà nước (NHNN) thực hiện vai trò, sứ mệnh điều hành chính sách tiền tệ để góp phần kiểm soát lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, ổn định thị trường tiền tệ, ngoại hối. Đây là điểm quan trọng để đóng góp vào tạo lập và củng cố môi trường kinh doanh cho doanh nghiệp. Nhiều năm qua, NHNN đã góp phần quan trọng kiểm soát lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, ổn định thị trường tiền tệ, ngoại hối. Đặc biệt năm 2022 - là một năm đầy khó khăn thách thức, tuy nhiên với sự chủ động, linh hoạt, quyết liệt của NHNN thực hiện các giải pháp góp phần kiểm soát lạm phát bình quân cả năm 3,15%, hỗ trợ tăng trưởng kinh tế ở mức cao 8,02%. Thị trường tiền tệ, ngoại hối sau những biến động nhìn chung đã ổn định được, tỷ giá sau khi mất giá đến 9% vào tháng 10/2022 đã giảm trở lại, kết thúc năm 2022 mất giá 3,5%, thấp hơn rất nhiều so với các đồng tiền trên thế giới và khu vực²⁶. Về mặt bằng lãi suất, dù mặt bằng lãi suất có tăng lên nhưng đó cũng là xu hướng chung trên thế giới. Từ cuối năm 2022 và bắt đầu từ năm nay, NHNN đã rất tích cực chỉ đạo, điều tiết tiền tệ, điều chỉnh giảm lãi suất điều hành, kêu gọi sự đồng thuận của các TCTD giảm lãi suất huy động, tiết giảm chi phí hoạt động, từ đó tạo dư địa để giảm lãi suất cho vay.

Chính sách tín dụng với nội dung gồm các quy định của Ngân hàng trung ương (NHTW) về hoạt động tín dụng, các cơ chế chính sách về tín dụng, về lãi suất, các chương trình tín dụng của NHTW... nhằm định hướng hoạt động tín dụng và thông qua đó đạt được các mục tiêu chính sách tiền tệ trong từng giai đoạn phát triển của nền kinh tế và trong từng năm theo mục tiêu cụ thể. Với ý nghĩa đó, chính sách tín dụng của NHTW hiện nay đã và đang mang lại hiệu quả trong việc điều hành chính sách tiền tệ để đạt mục tiêu kinh tế vĩ mô và phát huy vai trò của tín dụng đối với nền kinh tế.

1. Chính sách tín dụng hiện nay và những tác động tích cực đến phát triển nền kinh tế và phát triển của Doanh nghiệp

²⁶ SBV.gov.vn

Chính sách tín dụng với các quy định về lãi suất tiền gửi dưới 6 tháng; lãi suất tiền gửi không kỳ hạn và lãi suất cho vay ngắn hạn bằng tiền đồng VN đối với 5 nhóm ngành lĩnh vực ưu tiên theo chủ trương của Chính phủ (doanh nghiệp nhỏ và vừa; xuất khẩu; nông nghiệp và nông thôn; công nghiệp hỗ trợ và doanh nghiệp ứng dụng công nghệ cao) đã tạo điều kiện hỗ trợ doanh nghiệp phát triển sản xuất kinh doanh nhờ lãi suất vay hợp lý, ổn định. Bên cạnh đó, chính sách tín dụng với các chương trình tín dụng chuyên đề cho một số ngành lĩnh vực là động lực tăng trưởng kinh tế (như: tín dụng cho lĩnh vực nông nghiệp và nông thôn; xuất khẩu; công nghiệp chế biến...) cùng với các cơ chế chính sách phù hợp trong từng giai đoạn, linh hoạt, rất kịp thời và hiệu quả như: cơ cấu lại nợ giữ nguyên nhóm nợ; miễn giảm lãi suất và cho vay mới lãi suất thấp đối với doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh bị ảnh hưởng bởi đại dịch COVID-19; cho vay khắc phục bão lụt, hạn hán; dịch bệnh; ... đã góp phần quan trọng trong việc hỗ trợ doanh nghiệp, hỗ trợ các ngành lĩnh vực của nền kinh tế vượt qua khó khăn, duy trì, phục hồi và tăng trưởng. Trong đó, việc các doanh nghiệp vượt qua đại dịch, phục hồi mạnh mẽ là dấu ấn đậm nét về chính sách tín dụng hỗ trợ của ngành ngân hàng, với cơ chế của thông tư 01, thông tư 03 và thông tư 14; cũng như các chính sách cho vay xuất nhập khẩu, đã tạo điều kiện doanh nghiệp phát triển, thúc đẩy tăng trưởng và phát triển nền kinh tế.

Mặt khác, chính sách tín dụng thông qua việc định hướng tín dụng tập trung lĩnh vực sản xuất kinh doanh, góp phần quan trọng trong việc hỗ trợ và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Qua đó hình thành nên cơ cấu tín dụng hợp lý giữa tín dụng VND và ngoại tệ; giữa tín dụng ngắn hạn và trung dài hạn; giữa tín dụng lĩnh vực sản xuất kinh doanh và các lĩnh vực khác. Trong đó tín dụng cho lĩnh vực sản xuất kinh doanh luôn chiếm tỷ trọng chủ yếu (khoảng 68-70%)²⁷ trong tổng dư nợ cho vay nền kinh tế trong suốt thời gian nhiều năm qua.

Bên cạnh đó, ngành Ngân hàng vẫn tiếp tục duy trì và thực hiện tốt các chương trình tín dụng chuyên đề: như cho vay mua nhà ở xã hội; cho vay nhà ở; các chương trình dự án nhà ở cho công nhân, cho người lao động thu nhập thấp, chương trình tín dụng chính sách về nhà ở... góp phần quan trọng trong việc bảo đảm an sinh xã hội cũng như phát triển bền vững thị trường bất động sản với cơ cấu và thị phần hợp lý, hạn chế hiện tượng đầu cơ và những rủi ro tiềm ẩn khi thị trường biến động.

2. Chính sách tín dụng hỗ trợ phát triển Doanh nghiệp trên địa bàn

²⁷ SBV.gov.vn

Một trong những chính sách hỗ trợ doanh nghiệp được ngành ngân hàng tập trung thực hiện hiệu quả trong thời gian qua là việc triển khai Thông tư số 01/2020/TT-NHNN quy định về việc tổ chức tín dụng (TCTD), chi nhánh ngân hàng nước ngoài cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí, giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng chịu ảnh hưởng bởi dịch Covid-19 và các Thông tư sửa đổi, bổ sung. Ngay sau khi Thông tư số 01 được ban hành, Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh đã triển khai kịp thời tới các TCTD đồng thời tích cực phối hợp với các sở, ngành, cơ quan truyền thông tăng cường tuyên truyền, phổ biến chính sách, từ đó tạo điều kiện cho cộng đồng doanh nghiệp tiếp cận, nắm bắt và sử dụng dịch vụ ngân hàng.

Lũy kế quá trình thực hiện chính sách, ngành Ngân hàng Hà Tĩnh đã thực hiện cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ 1.102 tỷ đồng cho 1.572 khách hàng; Miễn, giảm lãi và giữ nguyên nhóm nợ 347 tỷ đồng cho 464 khách hàng, số tiền lãi được miễn, giảm là 1,61 tỷ đồng; Cho vay mới với lãi suất thấp hơn so với trước khi có dịch với doanh số lũy kế đạt hơn 90.973 tỷ đồng; Giảm, hạ lãi suất dư nợ hiện hữu cho 100.158 khách hàng với tổng giá trị nợ 47.392 tỷ đồng, số tiền lãi được hạ 151 tỷ đồng (mức lãi suất giảm phổ biến từ 0,5% - 2,5%/năm).

Để tiếp tục hỗ trợ doanh nghiệp vượt qua khó khăn do tác động của dịch Covid-19, ngày 20/5/2022, Chính phủ ban hành Nghị định số 31/2022/NĐ-CP về hỗ trợ lãi suất từ ngân sách nhà nước đối với khoản vay của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh. NHNN tỉnh đã chỉ đạo các ngân hàng thương mại trên địa bàn tích cực đẩy mạnh truyền thông, triển khai chính sách hỗ trợ lãi suất 2%/năm theo Nghị định số 31/2022/NĐ-CP của Chính phủ kịp thời, có hiệu quả, đúng đối tượng, công khai, minh bạch. Đến thời điểm 31/3/2023, các NHTM trên địa bàn đã giải ngân cho 07 khách hàng (gồm 04 doanh nghiệp và 03 hộ kinh doanh) với doanh số cho vay được hỗ trợ lãi suất là 39.545 triệu đồng, số tiền lãi đã hỗ trợ là 136,48 triệu đồng.

Cùng với triển khai thực hiện kịp thời các cơ chế, chính sách hỗ trợ doanh nghiệp, thời gian qua, các TCTD trên địa bàn còn tăng cường huy động vốn từ nền kinh tế, từ đó bảo đảm cân đối, bố trí kịp thời nguồn vốn cho vay sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp. Trên địa bàn tỉnh hiện đang có 2.123 doanh nghiệp vay vốn tại các TCTD trên địa bàn với tổng dư nợ cho vay đến 31/12/2022 đạt 26.478 tỷ đồng, tăng 23,11 so với thời điểm 31/12/2021, chiếm 30,36% tổng dư nợ cho vay toàn địa bàn. Toàn ngành đã điều chỉnh cơ cấu đầu

tư, hướng trọng tâm đầu tư vào các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh hiệu quả; doanh nghiệp nông nghiệp, nông thôn, xuất khẩu; doanh nghiệp vừa và nhỏ; doanh nghiệp ứng dụng công nghệ cao...

Bên cạnh đó, việc đẩy mạnh thực hiện chương trình kết nối ngân hàng - doanh nghiệp cũng là một trong những giải pháp ngành ngân hàng tích cực thực hiện trong thời gian qua nhằm đồng hành cùng doanh nghiệp phát triển. Thông qua việc thực hiện chương trình kết nối ngân hàng - doanh nghiệp, những kiến nghị, đề xuất của doanh nghiệp đã được Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh tiếp nhận, giải quyết kịp thời, từ đó giúp các doanh nghiệp sớm hoàn thiện các thủ tục để tiếp cận vốn tín dụng ngân hàng một cách nhanh nhất. Năm 2022 và những tháng đầu năm 2023. Ngân hàng nhà nước tỉnh đã phối hợp với Sở Kế hoạch đầu tư tổ chức 02 cuộc kết nối Ngân hàng- doanh nghiệp, với sự tham gia của hàng trăm DN. Cùng với NHNN, các TCTD cũng đã tổ chức 10 cuộc kết nối Ngân hàng- doanh nghiệp.

Những giải pháp đồng hành thiết thực của ngành ngân hàng đã và đang triển khai đã góp phần bảo đảm cho các hoạt động sản xuất, kinh doanh, hỗ trợ doanh nghiệp được duy trì và phát triển.

3. Tác động của chính sách tín dụng đến các doanh nghiệp tại Khu kinh tế Vũng Áng

Khu kinh tế Vũng Áng là một trong năm Khu kinh tế trọng điểm của cả nước được Thủ tướng Chính phủ lựa chọn để tập trung nguồn lực đầu tư phát triển giai đoạn 2013-2015²⁸ và là một trong tám Khu kinh tế ven biển được ưu tiên để tập trung đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016-2020²⁹; được xác định là khu vực động lực phát triển, cần tiếp tục tập trung đầu tư xây dựng theo các Thông báo kết luận của lãnh đạo Đảng, Chính phủ³⁰. Với những quan điểm chỉ đạo và mục tiêu đã đề ra, sau 16 năm hình thành và phát triển, Khu kinh tế Vũng Áng đã thu hút được hàng ngàn doanh nghiệp hoạt động và đầu tư tại nhiều lĩnh vực với nguồn lực được huy động tối đa và sử dụng hiệu quả. Bên cạnh nguồn vốn đầu tư trực tiếp từ nước ngoài, từ ngân sách nhà nước, từ nguồn vốn tự có của doanh nghiệp thì nguồn vốn tín dụng của ngành Ngân

²⁸ Văn bản số 1231/TTg-KTTH ngày 17/8/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc Đề án rà soát, xây dựng tiêu chí lựa chọn một số KKT ven biển để tập trung đầu tư giai đoạn 2013-2015

²⁹ Văn bản số 2021/TTg-KHTH ngày 09/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc lựa chọn một số KKT ven biển để tập trung đầu tư phát triển từ nguồn NSNN giai đoạn 2016-2020

³⁰ Thông báo số 05-TB/VPTW ngày 27/4/2016 kết quả chuyến thăm và làm việc của đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng tại tỉnh Hà Tĩnh; Thông báo số 447/TB-VPCP ngày 21/9/2017 kết luận của Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc tại buổi làm việc với tỉnh Hà Tĩnh

hàng đã góp phần quan trọng vào việc triển khai, duy trì và phát triển các dự án tại Khu kinh tế Vũng Áng.

Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hà Tĩnh nhiệm kỳ 2020-2025 đã xác định mục tiêu tổng quát phát triển Khu kinh tế Vũng Áng giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 là “Xây dựng Khu kinh tế Vũng Áng với các trụ cột: Công nghiệp luyện kim, năng lượng, chế biến, chế tạo; trung tâm logistics và dịch vụ cảng biển; phát triển thương mại, dịch vụ, tạo nền tảng vững chắc”³¹. Bám sát mục tiêu của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh và chủ trương của Chính phủ là hướng tín dụng vào lĩnh vực sản xuất kinh doanh, những năm qua, ngành Ngân hàng Hà Tĩnh đã không ngừng cung cấp vốn cho các dự án hiệu quả, đáp ứng đầy đủ các quy định của pháp luật. Tính đến ngày 31/3/2023, các ngân hàng thương mại trên địa bàn đã cấp tín dụng cho 53 doanh nghiệp tại Khu kinh tế Vũng Áng với dư nợ đạt 6.658 tỷ đồng, chiếm 7,41% tổng dư nợ toàn địa bàn, tăng 4,25% so với cuối năm 2022. Trong đó, dư nợ cho vay đối với ngành công nghiệp chế biến, chế tạo đạt 6.492 tỷ đồng, chiếm 97,5% dư nợ cho vay đối với các doanh nghiệp tại Khu kinh tế Vũng Áng. Ngoài ra, tín dụng ngân hàng còn được tập trung vào các ngành như vận tải kho bãi; kinh doanh dịch vụ xếp dỡ, cảng biển; xây dựng công trình dân dụng; kinh doanh vật liệu xây dựng... Những lĩnh vực này là thế mạnh được ưu tiên phát triển tại Khu kinh tế Vũng Áng.

Vai trò của nguồn vốn tín dụng ngân hàng đối với các doanh nghiệp còn được thể hiện rõ qua tỷ lệ dư nợ ngắn hạn chiếm tới 98,74% tổng dư nợ cấp cho các doanh nghiệp tại Khu kinh tế Vũng Áng. Nguồn vốn cho vay ngắn hạn là nguồn vốn bổ sung kịp thời cho các nhu cầu về vốn lưu động của doanh nghiệp, giúp doanh nghiệp tiếp tục quá trình sản xuất kinh doanh, tạo điều kiện cho doanh nghiệp bắt kịp những cơ hội kinh doanh, tận dụng được thời cơ phát triển sản xuất và là động lực, yếu tố kích thích sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp. Một trong những doanh nghiệp lớn và tiêu biểu nhất phản ánh hiệu quả sử dụng vốn vay ngân hàng là Công ty TNHH Gang thép Hưng Nghiệp Formosa Hà Tĩnh. Công ty Formosa Hà Tĩnh là doanh nghiệp có dư nợ vay lớn nhất tại Khu kinh tế Vũng Áng, có vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội của Hà Tĩnh nói riêng và cả nước nói chung. Trong 5 năm qua, quy mô và tốc độ tăng trưởng GRDP của Hà Tĩnh luôn đạt ở mức cao trong khu vực Bắc miền trung, trong đó dự án đầu tư Khu liên hợp gang thép và cảng Sơn Dương

³¹ Nghị quyết 09-NQ/TU ngày 22/11/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển KKT Vũng Áng giai đoạn 2021 – 2025, định hướng đến năm 2030

Formosa Hà Tĩnh đóng vai trò quan trọng. Cụ thể, tỷ trọng của Công ty Formosa Hà Tĩnh trong quy mô GRDP Hà Tĩnh từ năm 2017 chiếm 7,36% và đến năm 2021 là 21,72%; đóng góp điểm phần trăm của Formosa vào tăng trưởng kinh tế Hà Tĩnh ở mức khá cao, năm 2017 tăng trưởng GRDP của Hà Tĩnh là 9,9% thì đóng góp điểm phần trăm của Formosa là 6,67%, năm 2021 GRDP Hà Tĩnh tăng 6,92% thì đóng góp điểm phần trăm của Formosa là 4,57%.

Việc triển khai nghiêm túc giải pháp điều hành tín dụng của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các cơ chế chính sách trong từng giai đoạn đã góp phần quan trọng trong việc hỗ trợ các doanh nghiệp tại Khu kinh tế Vũng Áng về vốn. Đặc biệt trong giai đoạn dịch Covid-19, các ngành vận tải kho bãi, dịch vụ, xuất khẩu hàng hóa... bị ảnh hưởng nghiêm trọng dẫn đến làm giảm tốc độ tăng trưởng kinh tế của tỉnh. Tuy nhiên, NHNN Chi nhánh tỉnh Hà Tĩnh đã kịp thời chỉ đạo các tổ chức tín dụng trên địa bàn triển khai thực chất, hiệu quả các chính sách hỗ trợ các doanh nghiệp bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19 vượt qua khó khăn, phục hồi và tăng trưởng. Điển hình là các chính sách như cơ cấu lại thời hạn trả nợ; miễn, giảm lãi và giữ nguyên nhóm nợ theo Thông tư số 01/2020/TT-NHNN và các Thông tư sửa đổi, bổ sung; cho vay mới với lãi suất thấp hơn trước khi có dịch; giảm lãi suất cho vay...

Với việc xác định rõ Khu kinh tế Vũng Áng là một trong những khu kinh tế trọng điểm của cả nước, được Chính phủ và tỉnh Hà Tĩnh xây dựng lộ trình và huy động tối đa nguồn lực để phát triển thì tiềm năng phát triển của Khu kinh tế Vũng Áng sẽ tạo cơ hội cho sự phát triển của ngành dịch vụ, tài chính ngân hàng trên địa bàn tỉnh. Do đó, nhiều chi nhánh ngân hàng thương mại đã mở chi nhánh, phòng giao dịch tại khu kinh tế Vũng Áng; triển khai nhiều sản phẩm tín dụng đặc thù nhằm tiếp cận các doanh nghiệp tại đây, trong đó phải kể đến chính sách ưu đãi về lãi suất cho vay. Bên cạnh việc thực hiện nghiêm túc các quy định về lãi suất cho vay ngắn hạn bằng Đồng Việt Nam trong từng thời kỳ đối với 05 lĩnh vực ưu tiên (nông nghiệp và nông thôn; xuất khẩu; doanh nghiệp nhỏ và vừa; công nghiệp hỗ trợ và doanh nghiệp ứng dụng công nghệ cao), các ngân hàng thương mại còn tạo điều kiện cho các doanh nghiệp có dự án tiềm năng, hiệu quả được vay vốn phát triển sản xuất kinh doanh với mức lãi suất ưu đãi, hợp lý. Điều này góp phần khuyến khích các doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp vừa và nhỏ đầu tư vào lĩnh vực công nghiệp và dịch vụ phụ trợ nhằm khai thác tối đa tiềm năng, lợi thế của khu kinh tế Vũng Áng.

Bên cạnh những tác động tích cực trên, việc triển khai các chính sách tín dụng đối với các doanh nghiệp tại Khu kinh tế Vũng Áng còn tồn tại một số khó khăn và vướng mắc. Một số doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp vừa và nhỏ còn gặp nhiều khó khăn trong việc tiếp cận nguồn vốn ngân hàng. Nguyên nhân khách quan từ phía doanh nghiệp là do hiệu quả hoạt động còn yếu kém, chưa đáp ứng được các điều kiện cho vay của tổ chức tín dụng. Về phía ngân hàng, trong bối cảnh thực hiện cơ cấu lại hoạt động ngân hàng, các tổ chức tín dụng đang ngày càng đẩy mạnh áp dụng các chuẩn mực quản trị rủi ro, đòi hỏi ngày càng cao tính minh bạch thông tin, tài chính, tài sản bảo đảm của khách hàng, do đó không thể thực hiện các giải pháp hạ chuẩn điều kiện cho vay.

Các chính sách hỗ trợ lãi suất của Chính phủ và Tỉnh đã được Ngân hàng Nhà nước tỉnh và các TCTD trên địa bàn tích cực triển khai, tuyên truyền trên các phương tiện truyền thông. Tuy nhiên, số lượng doanh nghiệp tiếp cận được chính sách tại Khu kinh tế Vũng Áng đang còn rất ít.

Trong thời gian tới, với quan điểm xuyên suốt là kết nối, đồng hành cùng doanh nghiệp, ngành Ngân hàng Hà Tĩnh tiếp tục triển khai nhiều chính sách nhằm góp phần đạt được mục tiêu đưa Khu kinh tế Vũng Áng trở thành Khu kinh tế đa chức năng, trung tâm công nghiệp và logistics, tiếp tục trở thành động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Hà Tĩnh và khu vực Bắc Trung Bộ. Ngân hàng Nhà nước tỉnh tiếp tục chỉ đạo các tổ chức tín dụng trên địa bàn tăng trưởng tín dụng an toàn, hiệu quả, tập trung tín dụng vào các lĩnh vực ưu tiên, lĩnh vực sản xuất kinh doanh theo chủ trương của Chính phủ. Đẩy mạnh chương trình kết nối Ngân hàng – Doanh nghiệp, thiết lập đường dây nóng nhằm nắm bắt và kịp thời giải đáp các khó khăn, vướng mắc mà doanh nghiệp gặp phải trong tiếp cận nguồn vốn ngân hàng.

Đề khai thác tối đa tiềm năng, lợi thế mà Khu kinh tế Vũng Áng có thể mang lại, khuyến khích các ngân hàng thương mại triển khai nhiều chính sách tín dụng ưu đãi cho các doanh nghiệp, trong đó có chính sách về vốn, lãi suất cho vay, các chính sách hỗ trợ lãi suất...

Với vai trò là kênh dẫn vốn của nền kinh tế, ngành Ngân hàng Hà Tĩnh tiếp tục phấn đấu hỗ trợ tối đa các doanh nghiệp tại Khu kinh tế Vũng Áng phát triển sản xuất, kinh doanh, qua đó góp phần đưa Khu kinh tế Vũng Áng trở thành Khu kinh tế đa ngành, đa lĩnh vực, trở thành điểm sáng phát triển kinh tế của cả nước./.

LIÊN KẾT PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP ĐÁP ỨNG NHU CẦU TẠI KHU KINH TẾ VŨNG ÁNG

Lê Thị Ngọc

Chi cục Phát triển nông thôn, Sở NN& PTNT

Xây dựng chuỗi liên kết trong cung ứng và tiêu thụ nông sản chiếm vai trò đặc biệt quan trọng đối với phát triển sản xuất nông nghiệp. Xác định đây là “chìa khoá” thúc đẩy phát triển nông nghiệp, trong thời gian qua, ngành nông nghiệp Hà Tĩnh đã tích cực hỗ trợ các địa phương, các hợp tác xã, tổ hợp tác xây dựng chuỗi nông sản, thu hút doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp để gắn sản xuất với tiêu thụ nhằm giảm rủi ro cho nông dân, nâng cao giá trị sản phẩm. Bên cạnh đó, từng bước hình thành và phát triển một số mô hình, chuỗi liên kết sản xuất; qua đó thúc đẩy ứng dụng, chuyển giao các tiến bộ kỹ thuật mới, cơ giới hóa sản xuất, giúp ngành nông nghiệp phát triển ổn định. Tốc độ tăng trưởng bình quân (2010-2020) đạt trên 3,2%/năm, năm 2021 trên 3,87%; giá trị sản xuất trên đơn vị diện tích hiện đạt trên 96 triệu đồng/ha (năm 2010 là 45 triệu đồng/ha); cơ cấu sản xuất chuyển dịch theo hướng tích cực, tăng tỷ trọng cơ cấu chăn nuôi trong nông nghiệp từ 34,37% (2010) lên trên 53% (2022), giảm tỷ trọng trồng trọt từ 59% xuống còn dưới 45%,..

Các lĩnh vực như chăn nuôi, trồng trọt bước đầu đã hình thành được các chuỗi liên kết trong sản xuất, chế biến, tiêu thụ nông sản. Phát triển các chuỗi liên kết sản xuất, trang trại, HTX, tổ hợp tác cả về số lượng, quy mô sản xuất và hiệu quả.

Liên kết trong chăn nuôi đã có sự thay đổi rõ nét về tổ chức sản xuất, chuyển mạnh từ nhỏ lẻ, phân tán sang gia trại, trang trại, nuôi công nghiệp, nuôi liên kết, góp phần cân bằng lợi ích giữa các khâu như con giống, thức ăn chăn nuôi, chế biến, tiêu thụ. Đến nay, hình thành hơn 234 trang trại chăn nuôi quy lớn và vừa (221 trang trại chăn nuôi lợn quy mô lớn và vừa, 03 trang trại bò quy mô lớn, 10 trang trại gia cầm quy mô vừa), trong đó có 140 trại lợn thịt thương phẩm và 16 trại lợn nái liên kết với doanh nghiệp theo chuỗi giá trị khép kín, góp phần tăng tỷ lệ trang trại đạt trên 60% tổng đàn lợn. Duy trì trại bò sữa Vinamilk với quy mô thả nuôi đạt trên 2.090 con, trại bò Mitraco đạt 550 con, xuất hiện nhiều mô hình chăn nuôi gia trại (quy mô từ 5-20 con).

Liên kết trong trồng trọt bước đầu đã hình thành các chuỗi liên kết trong sản xuất, giúp giảm các khâu trung gian khi phân phối vật tư nông nghiệp tới tay nông dân. Chuỗi liên kết trồng, thu mua, chế biến chè xuất khẩu với Công ty CP chè Hà Tĩnh, với diện tích hiện có đạt trên 1.217 ha, diện tích kinh doanh 1.013 ha, sản lượng thu hoạch búp tươi ước đạt trên 9.694 tấn. Hình thành các mô hình sản xuất lúa theo cánh đồng lớn, hữu cơ, gắn với tích tụ, tập trung ruộng đất có liên kết bao tiêu sản phẩm (như Quế Lâm, Công ty CP giống cây trồng Hà Tĩnh,...).

Phát triển mở rộng diện tích nuôi tôm thâm canh, công nghệ cao trên cát, đạt trên 614 ha (tăng 6% so với cùng kỳ năm 2021), xuất hiện các mô hình nuôi tôm siêu thâm canh, nuôi tôm 3 giai đoạn cho năng suất vượt trội (gấp 7-10 lần so với bình quân toàn tỉnh).

Tuy nhiên, việc xây dựng, phát triển và nhận rộng mô hình liên kết chuỗi giá trị trong sản xuất nông nghiệp của tỉnh vẫn còn nhiều hạn chế, trong lĩnh vực thủy sản và lâm nghiệp chưa hình thành được chuỗi liên kết; tỷ lệ HTX, THT tham gia liên kết sản xuất chưa nhiều.

Các chuỗi liên kết sản xuất mới bước đầu hình thành nên sự liên kết chưa chặt chẽ, quá trình thực hiện còn lúng túng. Mỗi liên kết giữa các bên là hộ nông dân, HTX, THT, DN trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông sản còn lỏng lẻo.

Nguồn lực đầu tư hỗ trợ cho việc liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ còn rất ít, chưa đáp ứng nhu cầu của các HTX, đặc biệt là nguồn lực để đầu tư hỗ trợ cơ sở hạ tầng, máy móc, thiết bị phục vụ chế biến sản phẩm. Đây là những nhu cầu rất thiết thực của các HTX nhằm nâng cao chất lượng và giá trị gia tăng cho sản phẩm, phục vụ lợi ích trực tiếp của thành viên nhằm tạo ra các sản phẩm có giá trị cao đáp ứng nhu cầu thị trường. Hơn nữa, sản phẩm tiêu thụ qua hợp đồng liên kết chưa được nhiều.

Nguyên nhân chủ yếu là: Sản xuất nông nghiệp của Hà Tĩnh còn manh mún, các HTX vẫn hoạt động theo phương thức truyền thống, chưa tạo được vùng nguyên liệu, thiếu sản phẩm hàng hóa quy mô lớn. Năng lực của HTX, THT còn hạn chế cả về vốn đầu tư và trình độ, năng lực quản lý sản xuất.

Số lượng doanh nghiệp tham gia đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, đóng vai trò đầu kéo, dẫn dắt còn rất ít; thiếu các doanh nghiệp chế biến sâu các sản phẩm nông nghiệp, nên chưa đa dạng hóa được sản phẩm, chưa tạo ra được nhiều giá trị gia tăng cho sản phẩm; việc xúc tiến, kêu gọi doanh nghiệp vào đầu tư rất khó khăn.

Sản xuất chưa gắn với bảo quản, chế biến và thị trường tiêu thụ nên nhiều sản phẩm nông nghiệp đầu ra khó khăn, giá cả không ổn định nên việc xây dựng và phát triển các chuỗi hiện đang gặp không ít khó khăn; Công tác quảng bá, xúc tiến thương mại, xây dựng thương hiệu còn hạn chế.

Việc thực hiện liên kết sản xuất đúng theo hợp đồng đôi khi còn chưa được chú trọng nên dễ vi phạm hợp đồng (khi giá thị trường cao hơn thì bán ra ngoài), điều này làm cho liên kết thiếu chặt chẽ.

Khu kinh tế Vũng Áng là một trong 8 khu kinh tế trọng điểm ven biển của quốc gia, diện tích hơn 227,81km², là khu kinh tế đa ngành, trọng tâm sản xuất thép, các sản phẩm sau thép, sản xuất điện, dịch vụ cảng biển và logistics. Hiện nay, tỉnh đã có chủ trương mở rộng quy hoạch Khu kinh tế Vũng Áng, để từng bước trở thành trung tâm kinh tế của tỉnh cũng như của khu vực. Vì vậy, với quy mô ngày càng lớn, việc phát triển liên kết sản xuất nông nghiệp nhằm đáp ứng nhu cầu tại Khu Kinh tế Vũng Áng là cần thiết và cần được quan tâm.

Trong thời gian tới, tiếp tục xác định liên kết để sản xuất theo chuỗi giá trị là xương sống trong tái cơ cấu ngành nông nghiệp, là hướng đi đúng đắn của nền sản xuất nông nghiệp hiện đại, hội nhập, là bước chuyển quan trọng trong thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp thời gian qua. Ngành nông nghiệp sẽ tập trung vào một số nhiệm vụ trọng tâm để đẩy mạnh liên kết liên kết sản xuất nông nghiệp nhằm góp phần đáp ứng nhu cầu tại Khu Kinh tế Vũng Áng:

Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền về tổ chức lại sản xuất, phát triển các chuỗi liên kết, vai trò của doanh nghiệp, KHCN,... để tiếp tục phát huy, nhanh chóng khắc phục tháo gỡ nút thắt, khó khăn trong sản xuất trên từng lĩnh vực tạo sự quyết tâm, đồng thuận cao trong chỉ đạo thực hiện kế hoạch sản xuất nông nghiệp năm 2023 và những năm tiếp theo.

Tuyên truyền, nhân rộng các mô hình sản xuất trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản, lâm nghiệp, các hình thức tổ chức sản xuất, chuỗi liên kết có hiệu quả, bền vững; phổ biến các định hướng, phương án phát triển ngành, lĩnh vực trong Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và công bố để người dân, doanh nghiệp biết và thực hiện. Tăng cường công tác phối hợp chặt chẽ với các ngành, đoàn thể, cấp ủy, chính quyền các địa phương chỉ đạo, điều hành sản xuất.

Đẩy mạnh liên kết sản xuất trồng trọt, nâng cấp, nhân rộng mô hình cánh đồng lớn sản xuất lúa liên kết theo hướng cánh đồng lớn; phát huy hiệu quả nhà máy chế biến gạo của Công ty KC Hà Tĩnh; hoàn thiện chuỗi liên kết thu mua,

tiêu thụ sản phẩm cam, bưởi Phúc Trạch; phát triển các vùng rau truyền thống các đô thị theo hướng sản xuất an toàn, hữu cơ...

Đẩy mạnh liên kết trong sản xuất chăn nuôi: Đối với các cơ sở chăn nuôi lợn thịt quy mô lớn, tiếp tục kiên trì phát triển theo chuỗi liên kết với doanh nghiệp; kiểm soát chặt chẽ môi trường chăn nuôi. Tạo điều kiện, môi trường thuận lợi, thu hút các doanh nghiệp đầu tư vào chăn nuôi quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao tạo động lực thúc đẩy tăng trưởng.

Tiếp tục phát huy hiệu quả đầu tư các dự án, chuỗi liên kết sản xuất nông nghiệp hiện có; đồng thời kêu gọi, xúc tiến, thu hút các doanh nghiệp vào đầu tư các dự án mới, phát triển các sản phẩm hàng hóa nông nghiệp chủ lực của tỉnh.

Triển khai có hiệu quả Chương trình khuyến nông giai đoạn 2023-2025 (Quyết định số 2186/QĐ-UBND ngày 24/10/2022); tổ chức các hội nghị, đào tạo, tập huấn nâng cao trình độ, kiến thức về các tiến bộ kỹ thuật, công nghệ, các giống mới vào sản xuất trồng trọt, chăn nuôi, lâm nghiệp, thủy sản... Khuyến khích ứng dụng, chuyển giao khoa học công nghệ, đưa cơ giới hóa vào sản xuất, nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm nông nghiệp, gắn với đẩy mạnh thực hiện Đề án “Mỗi xã một sản phẩm” và các chương trình mục tiêu quốc gia.

**TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TRẦN PHÚ VỚI NHIỆM VỤ TUYÊN TRUYỀN
THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 09-NQ/TU CỦA BAN CHẤP HÀNH
ĐẢNG BỘ TỈNH VỀ PHÁT TRIỂN KHU KINH TẾ VŨNG ÁNG
GIAI ĐOẠN 2021 - 2025, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN 2030**

ThS. Thái Thị Hiền
Trường Chính trị Trần Phú

Khu Kinh tế ven biển Vũng Áng tỉnh Hà Tĩnh được thành lập theo Quyết định số 72/2006/QĐ-TTg ngày 03/4/2006 của Thủ tướng Chính phủ. Quy hoạch chung xây dựng Khu Kinh tế Vũng Áng đến năm 2025 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1076/QĐ-TTg ngày 20/8/2007; với diện tích tự nhiên 22.781 ha, bao gồm 09 xã, phường thuộc thị xã Kỳ Anh.

Khu Kinh tế Vũng Áng hiện đang hoạt động và phát triển đúng theo định hướng quy hoạch đảm bảo tính bền vững. Là điểm sáng thu hút đầu tư của cả nước, đặc biệt là các dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài, với sự tham gia của các nhà đầu tư đến từ các nước và các vùng lãnh thổ có nền khoa học tiên tiến như Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan, Singapore,... mở ra nhiều triển vọng mới. Nhờ vậy, Sau 15 năm xây dựng và phát triển, Khu Kinh tế Vũng Áng được đánh giá là một trong những khu kinh tế thành công trong cả nước, đóng góp to lớn vào sự phát triển kinh tế - xã hội, làm thay đổi cơ bản cơ cấu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh theo hướng tăng mạnh tỷ trọng công nghiệp và tăng nguồn thu ngân sách của tỉnh Hà Tĩnh, tạo ra hàng vạn việc làm cho người lao động địa phương và các tỉnh lân cận (cao điểm là hơn 20.000 người), góp phần xóa đói giảm nghèo.

Với hiệu quả mà Khu Kinh tế Vũng Áng mang lại, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Hà Tĩnh lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2021 - 2025 đã chỉ ra tầm quan trọng của việc phát triển Khu Kinh tế Vũng Áng và xác định chương trình trọng điểm là: “Phát triển các tuyến giao thông chiến lược, hình thành các trục phát triển, đầu tư hạ tầng Khu Kinh tế Vũng Áng, hạ tầng số, kết cấu hạ tầng ứng phó với biến đổi khí hậu, môi trường, nước sạch”. Trên tinh thần đó, Nghị quyết cũng chỉ ra đột phá chiến lược: “Huy động tối đa và sử dụng hiệu quả các nguồn lực xây dựng Khu Kinh tế Vũng Áng thực sự trở thành khu kinh tế đa chức năng, trung tâm công nghiệp động lực và logistics; xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ, trọng tâm là hạ tầng giao thông chiến lược, hạ tầng đô thị, hạ tầng thông tin, thúc đẩy phát triển kinh tế số”. Giải pháp trọng tâm để thực hiện được xác

định là: “Huy động, sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực tập trung xây dựng hạ tầng đồng bộ, nhất là hệ thống giao thông trọng yếu, hạ tầng Khu Kinh tế Vũng Áng”.

Tuy nhiên, bên cạnh những điều kiện thuận lợi để phát triển Khu Kinh tế Vũng Áng như mục tiêu, nhiệm vụ và kỳ vọng của tỉnh, thực tiễn hiện nay cũng đặt ra không ít khó khăn, thách thức như: quỹ đất dành cho phát triển công nghiệp tại Khu Kinh tế Vũng Áng không nhiều, các khu vực còn lại quy hoạch công nghiệp đa phần còn nhỏ lẻ, manh mún. Cơ sở hạ tầng trong thời gian qua mặc dù đã được quan tâm đầu tư từ ngân sách Trung ương để xây dựng kết cấu hạ tầng Khu Kinh tế, tuy nhiên mới chỉ đáp ứng được một phần so với nhu cầu thực tế. Kết cấu hạ tầng Khu Kinh tế còn thiếu, chưa đáp ứng yêu cầu thu hút đầu tư, phát triển của Khu Kinh tế, đặc biệt là các công trình kết cấu hạ tầng thiết yếu trong Khu Kinh tế như hệ thống giao thông, cấp điện, cấp thoát nước, xử lý nước thải, thông tin. Một số khu chức năng chưa có hệ thống hạ tầng kỹ thuật kết nối hoặc kết nối chưa đồng bộ, hệ thống hạ tầng thiết yếu nội bộ khu chức năng còn thiếu đồng bộ. Chưa có quỹ đất sạch đã được bồi thường, giải phóng mặt bằng thuộc các khu chức năng để thu hút đầu tư các dự án lớn, nhà đầu tư chiến lược; công tác thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định còn gặp nhiều khó khăn, thời gian tổ chức bồi thường, giải phóng mặt bằng kéo dài... làm ảnh hưởng rất lớn đến tiến độ của các dự án, dẫn đến các dự án chậm đi vào hoạt động và giảm hiệu quả đầu tư, tác động xấu đến môi trường đầu tư, giảm sức cạnh tranh với nhiều khu kinh tế khác.

Trước thực trạng trên, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hà Tĩnh đã đánh giá các nguyên nhân của những thuận lợi, khó khăn và xác định nguyên nhân trực tiếp dẫn đến tình trạng khó khăn, thách thức hiện nay là do: công tác lãnh đạo, chỉ đạo phát triển Khu Kinh tế Vũng Áng chưa quyết liệt; vai trò, trách nhiệm, sự phối hợp giữa các sở, ban, ngành, địa phương chưa tốt; nhận thức của một số ngành, địa phương và một số cán bộ, công chức, người dân về vị trí, vai trò của Khu Kinh tế chưa đầy đủ. Vì vậy, trên cơ sở xác định xây dựng Khu Kinh tế Vũng Áng là nhiệm vụ trọng tâm, trọng điểm trong phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, ngày 22/11/2021 Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hà Tĩnh đã ban hành Nghị quyết số 09-NQ/TU về phát triển Khu Kinh tế Vũng Áng giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030. Nghị quyết 09 được ban hành một lần nữa khẳng định vai trò, tầm quan trọng của Khu Kinh tế Vũng Áng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Hà Tĩnh trong những năm qua, đặc biệt trong giai đoạn hiện nay, khi mà tỉnh Hà Tĩnh đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch giai

đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh đã tổ chức Hội nghị công bố quy hoạch tỉnh và xúc tiến đầu tư vào Hà Tĩnh.

Để tạo sự thống nhất về nhận thức và hành động của cả hệ thống chính trị và các tầng lớp Nhân dân nhằm tạo ra sức mạnh tổng hợp, phát huy được hết tiềm năng, lợi thế của Khu Kinh tế Vũng Áng trong thời gian tới, việc đưa Nghị quyết phát triển Khu Kinh tế Vũng Áng vào đời sống xã hội là nhiệm vụ hết sức cấp thiết. Từ đó đặt ra yêu cầu đối với các cơ quan, địa phương; đặc biệt là các cơ quan làm công tác tuyên truyền, phổ biến chủ trương, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và mỗi cán bộ, đảng viên phải phát huy cao độ vai trò, trách nhiệm của tổ chức và cá nhân, cùng với Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện thắng lợi Nghị quyết đã đề ra.

Trường Chính trị Trần Phú Hà Tĩnh, với chức năng tổ chức đào tạo, bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo, quản lý của hệ thống chính trị cấp cơ sở, cán bộ, công chức, viên chức ở địa phương về lý luận chính trị - hành chính; chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật Nhà nước; kiến thức và chuyên môn nghiệp vụ về công tác xây dựng Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội; tham gia tổng kết thực tiễn, nghiên cứu khoa học về xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị ở địa phương, có vai trò hết sức quan trọng trong việc đưa chủ trương, nghị quyết vào đời sống xã hội. Vì vậy, để thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ của mình, góp phần cùng cả hệ thống chính trị thực hiện tốt công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên và các tầng lớp Nhân dân về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của Khu Kinh tế Vũng Áng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Hà Tĩnh, Trường Chính trị Trần Phú cần tiếp tục thực hiện tốt các nội dung sau:

1. Tuyên truyền, phổ biến nội dung Nghị quyết thông qua thực hiện chương trình đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức

Trên cơ sở Nghị quyết số 09-NQ/TU, ngày 22/11/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển Khu Kinh tế Vũng Áng giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030; Chương trình hành động số 174/CTr-UBND, ngày 16/5/2023 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Hà Tĩnh về việc thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TU, ngày 22/11/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển Khu Kinh tế Vũng Áng giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030, Đảng ủy, Ban Giám hiệu nhà trường phải tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo các chi bộ, các khoa, phòng và mỗi cán bộ, giảng viên nghiên cứu kỹ tinh thần, nội dung Nghị quyết. Từ đó, lồng ghép các nội dung mà Nghị quyết và Chương trình hành

động thực hiện Nghị quyết đề cập vào chương trình đào tạo trung cấp lý luận chính trị và các chương trình bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức do Nhà trường tổ chức, cụ thể như sau:

Một là, đội ngũ giảng viên Trường Chính trị Trần Phú phải không ngừng đổi mới nội dung, phương pháp giảng dạy theo hướng vừa bám sát nội dung giáo trình, vừa phải thường xuyên cập nhật các chủ trương, chính sách mới của Trung ương, của tỉnh, nhất là Nghị quyết 09 về việc phát triển Khu Kinh tế Vũng Áng, qua đó lồng ghép, dẫn dắt học viên thảo luận làm rõ cơ sở lý luận và thực tiễn (cơ sở khoa học) của Nghị quyết, để từ đó giúp học viên hiểu rõ, hiểu đúng về chủ trương ban hành Nghị quyết phát triển Khu Kinh tế Vũng Áng của ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh.

Hai là, thông qua giảng dạy các phân học như: Những nội dung cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin; Đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước Việt Nam; Xây dựng Đảng và hệ thống chính trị; Quản lý hành chính nhà nước; Thực tiễn kinh nghiệm xây dựng, phát triển địa phương..., giảng viên phải lồng ghép, liên hệ làm rõ trách nhiệm của các cấp ủy đảng và mỗi cán bộ, đảng viên trong việc thực hiện Nghị quyết; thảo luận, phân tích làm rõ vai trò của các cấp chính quyền trong công tác quản lý, điều hành; cải cách hành chính; trong việc xây dựng môi trường kêu gọi thu hút đầu tư; trong đào tạo nguồn nhân lực; trong việc đảm bảo các yếu tố về hạ tầng kỹ thuật như: điện, nước, thông tin...; trong việc thúc đẩy ứng dụng khoa học công nghệ, thực hiện chuyển đổi số; giải phóng mặt bằng; đảm bảo an sinh xã hội; thực hiện pháp luật về đất đai, lao động việc làm, đảm bảo an ninh trật tự, an toàn xã hội; thích ứng biến đổi khí hậu.

Ba là, thông qua các chuyên đề về kỹ năng, nghiệp vụ tổ chức cho học viên trao đổi, thảo luận để nắm rõ hơn những cách thức, biện pháp, kỹ năng cơ bản trong quá trình tổ chức thực hiện Nghị quyết, nhất là làm tốt công tác dân vận nhằm tạo sự đồng thuận trong Nhân dân về các giải pháp phát triển Khu Kinh tế Vũng Áng. Qua việc học tập các chuyên đề này, sẽ trang bị cho học viên những kiến thức cơ bản, để từ đó vận dụng vào thực tiễn công tác nắm bắt thông tin, tuyên truyền phổ biến cho người dân hiểu rõ vị trí, vai trò, tầm quan trọng của Khu Kinh tế Vũng Áng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Hà Tĩnh; thực hiện tốt quy chế dân chủ cơ sở, công khai minh bạch trong thu hút đầu tư, công tác bồi thường, hỗ trợ tái định cư, giải phóng mặt bằng; tăng cường công tác quản lý đất đai; biểu dương những điển hình tiên tiến để nhân rộng và làm gương cho các tầng lớp Nhân dân; tập trung xây dựng nâng cao chất lượng

giai cấp công nhân, nâng cao chất lượng hoạt động của các tổ chức công đoàn thuộc Khu Kinh tế Vũng Áng nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng cho người lao động...

Tuy nhiên, để thực hiện tốt những nội dung trên, Trong các buổi học, nhất là trong các buổi thảo luận, giảng viên cần tạo bầu không khí dân chủ để học viên tự do bày tỏ tư tưởng và hiểu biết của mình đối với các quan điểm chỉ đạo, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp mà Nghị quyết đề cập, cũng như cách nhìn nhận, đánh giá đối với các vấn đề đang đặt ra trong thực tiễn đời sống kinh tế - xã hội ở địa phương, từ đó hướng dẫn họ thảo luận khắc phục các lỗ hổng về kiến thức để đi đến nhận thức đúng đắn và giúp họ rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức để giải quyết các vấn đề của thực tiễn, cũng như tổ chức thực hiện có hiệu quả các vấn đề đặt ra theo tinh thần Nghị quyết.

2. Tuyên truyền, phổ biến Nghị quyết thông qua công tác tổng kết thực tiễn, nghiên cứu khoa học

Cùng với đào tạo, bồi dưỡng, thì việc tham gia tổng kết thực tiễn, nghiên cứu khoa học về xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị ở địa phương là một nhiệm vụ hết sức quan trọng mà Trường Chính trị Trần Phú phải thực hiện thường xuyên nhằm đưa chủ trương, nghị quyết vào đời sống xã hội. Vì vậy, để góp phần tuyên truyền thực hiện Nghị quyết 09 về phát triển Khu Kinh tế Vũng Áng giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030, công tác tổng kết thực tiễn, nghiên cứu khoa học tại Trường Chính trị Trần Phú trong những năm tới cần tiếp tục làm tốt những nhiệm vụ sau:

Một là, tiếp tục nghiên cứu, lựa chọn các nội dung, chủ đề về phát triển Khu Kinh tế Vũng Áng theo tinh thần Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX và Nghị quyết 09 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết của Ủy ban nhân dân tỉnh để đăng ký tham gia đề tài khoa học cấp tỉnh; phối hợp với các sở, ban, ngành và cấp ủy các địa phương tổ chức các cuộc tọa đàm, hội thảo khoa học cấp khoa, cấp trường, cấp tỉnh, cấp quốc gia.

Hai là, Ban Giám hiệu Nhà trường cần tiếp tục chỉ đạo đội ngũ cán bộ giảng viên thường xuyên bám sát các chủ trương, nghị quyết của Trung ương và của tỉnh về Khu Kinh tế Vũng Áng, đặc biệt là bám sát các quan điểm, nhiệm vụ, giải pháp phát triển Khu Kinh tế Vũng Áng theo tinh thần Nghị quyết 09 để nghiên cứu viết bài đăng trên bản tin, website, các báo, tạp chí của Trung ương và địa phương nhằm tuyên truyền sâu rộng đến cán bộ, đảng viên và các tầng

lớp Nhân dân, từ đó tạo sự thống nhất về nhận thức và hành động, quyết tâm tổ chức thực hiện thắng lợi Nghị quyết.

Thứ ba, tiếp tục phối hợp chặt chẽ với Ban quản lý Khu Kinh tế tỉnh để tổ chức cho đội ngũ cán bộ, giảng viên và học viên các khóa đào tạo, bồi dưỡng tại Trường Chính trị Trần Phú được đi tham quan, nghiên cứu thực tế và nghe báo cáo tại Khu Kinh tế Vũng Áng, nhằm cung cấp kiến thức thực tiễn cho cán bộ, giảng viên và học viên, góp phần củng cố, tạo niềm tin cho đội ngũ cán bộ, để sau khi khóa học kết thúc, trở về cơ quan, địa phương công tác họ sẽ làm tốt hơn công tác tuyên truyền và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến phát triển Khu Kinh tế Vũng Áng.

Để đạt được mục tiêu xây dựng Khu Kinh tế Vũng Áng trở thành khu kinh tế đa chức năng, trung tâm công nghiệp động lực và logistics thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Hà Tĩnh phát triển nhanh và bền vững, phải phát huy được vai trò của cả hệ thống chính trị trong việc tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên và các tầng lớp Nhân dân nhằm tạo ra sức mạnh tổng hợp, chung sức, đồng lòng phát huy tối đa tiềm năng lợi thế, kịp thời khắc phục những hạn chế, khó khăn, góp phần hoàn thành thắng lợi mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp mà Nghị quyết 09-NQ/TU của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh đã đề ra./.

**BAN TUYÊN GIÁO HUYỆN ỦY CAN LỘC CHỦ ĐỘNG, TÍCH CỰC
ĐƯA NGHỊ QUYẾT SỐ 09-NQ/TU CỦA BCH ĐẢNG BỘ TỈNH VỀ
“PHÁT TRIỂN KHU KINH TẾ VŨNG ÁNG GIAI ĐOẠN 2021 - 2025,
ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2030” VÀO CUỘC SỐNG**

Bùi Thị Nhung
Ban Tuyên giáo Huyện ủy Can Lộc

Khu kinh tế (KKT) Vũng Áng, được thành lập theo Quyết định số 72/2006/QĐ-TTg, ngày 03 tháng 4 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ, với diện tích tự nhiên là 22.781 ha, là một trong 5 KKT ven biển được Chính phủ lựa chọn để tập trung đầu tư. Đây sẽ là trung tâm công nghiệp luyện thép, công nghiệp phụ trợ, nhiệt điện và cảng biển nước sâu của khu vực miền Trung và cả nước, là một trong ba đầu mối giao thương biển quốc tế của Việt Nam.

Với vị trí địa lý và hệ thống hạ tầng giao thông thuận lợi, cơ chế chính sách đồng bộ, KKT Vũng Áng đang là điểm đến hấp dẫn và ngày càng thu hút nhiều nhà đầu tư lớn trong và ngoài nước. Hoạt động của KKT ngày càng hiệu quả, từng bước tạo động lực tăng trưởng, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động, tăng thu ngân sách, đóng góp quan trọng vào phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Để phát huy tiềm năng và lợi thế, xây dựng KKT Vũng Áng trở thành khu kinh tế đa chức năng, trung tâm công nghiệp động lực, logistics của tỉnh và khu vực, góp phần thực hiện thắng lợi một trong ba đột phá chiến lược mà Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh khóa XIX đã đề ra, ngày 22/11/2021 BCH Đảng bộ tỉnh Hà Tĩnh đã ban hành Nghị quyết số 09-NQ/TU về *phát triển Khu kinh tế Vũng Áng giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030*. Sự ra đời của Nghị quyết, đánh dấu một bước ngoặt vô cùng quan trọng không chỉ đối với sự phát triển của KKT mà còn đối với sự phát triển của tỉnh nhà.

Nhận thức được vai trò và tầm quan trọng của Nghị quyết, Ban tuyên giáo Huyện ủy Can Lộc đã chủ động, tích cực đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền, quán triệt, học tập Nghị quyết một cách sâu rộng trong toàn Đảng bộ và lan tỏa trong đời sống Nhân dân và đã đạt được những kết quả quan trọng, khá toàn diện, thiết thực, với nhiều cách làm hay, sáng tạo, ngày càng đi vào thực chất, chiều sâu, từng bước trở thành nhiệm vụ quan trọng, thường xuyên của mỗi tổ chức đảng và từng cán bộ, đảng viên, đó là:

Trước hết, ngay sau khi Nghị quyết ra đời, Ban Tuyên giáo huyện ủy Can Lộc đã chủ động tham mưu với cấp ủy xây dựng kế hoạch, triển khai quán triệt, học tập Nghị quyết một cách nghiêm túc, hiệu quả. Mặc dù Nghị quyết được ban hành và quán triệt trong tình hình dịch bệnh Covid-19 đang bùng phát mạnh mẽ, nhưng Ban Tuyên giáo Huyện ủy đã phối hợp với các phòng, ban, đơn vị kết nối đường truyền trực tuyến với điểm cầu chính do Ban Thường vụ Tỉnh ủy tổ chức tới các điểm cầu của tất cả các đảng bộ cơ sở và đảng bộ, chi bộ cơ quan, nhờ đó, cán bộ, đảng viên trong toàn Đảng bộ được tham gia học tập đầy đủ, đạt chất lượng cao. Đồng thời, chỉ đạo Đảng ủy các xã, thị trấn tổ chức quán triệt Nghị quyết đến các đoàn viên, hội viên ở cơ sở.

Thứ hai, để Nghị quyết được lan tỏa sâu rộng trong đời sống xã hội, Ban tuyên giáo Huyện ủy đã lãnh đạo, chỉ đạo hệ thống tuyên giáo từ huyện đến cơ sở, cũng như các đảng bộ, chi bộ tăng cường tuyên truyền, quán triệt và triển khai Nghị quyết bằng nhiều hình thức đa dạng, phong phú với nội dung phù hợp, như: treo các băng cờ, khẩu hiệu, pa nô, áp phích; tổ chức hội nghị báo cáo viên cấp ủy, hội nghị cán bộ chủ chốt, hội nghị toàn thể đảng viên, đoàn thể và nhất là đưa nội dung này vào trong sinh hoạt chi bộ; tuyên truyền trên sóng phát thanh-truyền hình huyện, hệ thống truyền thanh cơ sở, các trang thông tin điện tử và các mạng xã hội do các địa phương, cơ quan, đơn vị quản lý, ...

Thứ ba, tổ chức các đợt sinh hoạt chính trị, thông qua Hội nghị quán triệt chuyên đề năm 2022: *Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh về phát huy ý chí tự lực, tự cường, khơi dậy khát vọng và truyền thống văn hoá con người Hà Tĩnh, phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội* và chuyên đề năm 2023: *Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh về phát huy ý chí tự lực, tự cường, khơi dậy khát vọng và truyền thống văn hóa, con người Hà Tĩnh, nỗ lực hoàn thành kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2023*. Qua sinh hoạt chuyên đề, đã lồng ghép và đưa nội dung Nghị quyết 09-NQ/TU vào gắn với việc thực hiện các giải pháp phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, của địa phương.

Thứ tư, lãnh đạo, chỉ đạo, tham mưu, phối hợp với các cấp chính quyền và các cơ quan chuyên môn; huy động sự vào cuộc của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, phát huy tính chủ động, sáng tạo và vai trò của mình trong việc tuyên truyền, vận động để nâng cao nhận thức, trách nhiệm của đoàn viên, hội viên và Nhân dân về quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải

pháp phát triển KKT Vũng Áng, đồng thời phát huy vai trò của Mặt trận, đoàn thể tham gia xây dựng Đảng, phát triển kinh tế - xã hội.

Thứ năm, để giúp cán bộ, đảng viên và Nhân dân hiểu sâu sắc hơn về các nội dung của Nghị quyết, Ban Tuyên giáo Huyện ủy cung cấp hệ thống văn bản của Trung ương và của Tỉnh liên quan tới KKT Vũng Áng, như: Quyết định số 72/2006/QĐ-TTg, ngày 03 tháng 4 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập và ban hành Quy chế hoạt động của Khu kinh tế Vũng Áng, tỉnh Hà Tĩnh; Quyết định số 1076/QĐ-TTg, ngày 20 tháng 8 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Vũng Áng, tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2025; Chương trình hành động Thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 22/11/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển Khu kinh tế Vũng Áng giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030; Quyết định số 1363/QĐ-TTg, ngày 08/11/2022 của Thủ tướng Chính Phủ về phê duyệt Quy hoạch tỉnh Hà Tĩnh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050...

Thứ sáu, Ban Tuyên giáo Huyện ủy Can Lộc đã tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo Trung tâm chính trị huyện thực hiện đưa nội dung của Nghị quyết vào giảng dạy và lồng ghép trong các chương trình đào tạo, bồi dưỡng hàng năm, đặc biệt lựa chọn KKT Vũng Áng là một trong những điểm đến để thực hiện học phân nghiên cứu thực tế. Qua đó, cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên không ngừng được củng cố, tăng cường thêm kiến thức và sự hiểu biết về KKT Vũng Áng, tin tưởng vào sự phát triển của KKT này trong hiện tại và tương lai, góp phần thực hiện thắng lợi kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh nhà.

Thứ bảy, tăng cường các hoạt động phối hợp với các cơ quan, đơn vị nhất là các cơ quan, đơn vị trong khối Khoa giáo, để đưa Nghị quyết vào cuộc sống, như: phối hợp với ngành giáo dục và đào tạo, Lao động-thương binh & Xã hội, Bảo hiểm xã hội, Phòng văn hóa – thông tin truyền thông, Trung tâm ứng dụng khoa học công nghệ,... để đẩy mạnh tuyên truyền, nâng cao chất lượng hoạt động hướng nghiệp, dạy nghề và đào tạo nguồn nhân lực, giới thiệu chính sách đầu tư, lao động, việc làm cho KKT Vũng Áng,...

Thứ tám, thường xuyên theo dõi, đôn đốc, cũng như tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc tổ chức thực hiện và triển khai Nghị quyết của Đảng ủy các xã, thị trấn và các đảng bộ, chi bộ cơ quan, đảm bảo nghiêm túc, qua đó kịp thời đánh giá những kết quả đạt được, những hạn chế còn tồn tại, cũng như chỉ ra được nguyên nhân và tìm thấy những giải pháp để tiếp tục thực hiện Nghị quyết hiệu quả hơn, thiết thực hơn, làm cho Nghị quyết sớm đi vào cuộc sống.

Thông qua việc tuyên truyền, triển khai học tập và quán triệt Nghị quyết, các cấp ủy Đảng, chính quyền, các ban, ngành, đoàn thể, các tổ chức chính trị - xã hội, cán bộ, đảng viên và các tầng lớp Nhân dân đã có những chuyển biến mới trong nhận thức, đó là:

- Thấy được vị trí, vai trò và tầm quan trọng của KKT Vũng Áng đối với sự phát triển của tỉnh và của đất nước, cũng như quan điểm chỉ đạo và mục tiêu xây dựng KKT Vũng Áng với các trụ cột: Công nghiệp luyện kim, năng lượng, chế biến, chế tạo; Trung tâm logistics và dịch vụ cảng biển; Phát triển thương mại, dịch vụ, tạo nền tảng vững chắc. Phát triển đồng bộ khu liên hợp công nghiệp luyện kim, công nghiệp hỗ trợ, chế biến, chế tạo, trung tâm điện lực gắn với cụm cảng nước sâu Vũng Áng - Sơn Dương; đảm bảo hiệu quả tổng hợp về kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh, bảo vệ môi trường; thúc đẩy tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa; từng bước phát triển thị xã Kỳ Anh trở thành đô thị trung tâm phía Nam; hình thành thành phố Kỳ Anh, liên kết phát triển vùng Nam Hà Tĩnh - Bắc Quảng Bình. Đồng thời, nắm vững các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu để phát triển KKT Vũng Áng trong giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030.

- Bên cạnh đó, lãnh đạo các cấp, các ngành, các địa phương xác định được trách nhiệm của mình trong việc tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện để đạt kết quả các mục tiêu, nhiệm vụ mà Nghị quyết đề ra; từng bước nâng cao ý thức, trách nhiệm của toàn dân về xây dựng và phát triển KKT Vũng Áng.

Để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của sự phát triển kinh tế - xã hội tỉnh nhà nói chung và của KKT Vũng Áng nói riêng, Ban tuyên giáo Huyện ủy Can Lộc luôn xác định trong thời gian tới, việc tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền, học tập, quán triệt Nghị quyết 09-NQ/TU, là nhiệm vụ chính trị thường xuyên và hết sức quan trọng, phải luôn luôn chủ động, tích cực với những cách làm hay, sáng tạo, chứ không phải thực hiện một lần là xong. Đồng thời, tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo và phối hợp với các cơ quan, đơn vị để đưa nghị quyết vào cuộc sống cũng như thực hiện tốt chế độ kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết việc thực hiện Nghị quyết, góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu, nhiệm vụ xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh, đưa Hà Tĩnh ngày càng phát triển./.

PHẦN III
QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC
TẠI KHU KINH TẾ VŨNG ÁNG

CÔNG TÁC PHỐI HỢP GIỮA BỘ ĐỘI BIÊN PHÒNG TỈNH HÀ TĨNH VỚI CÁC LỰC LƯỢNG TRONG ĐẢM BẢO AN NINH, TRẬT TỰ Ở KHU KINH TẾ VŨNG ÁNG

PGS, TS Phạm Lê Xuân Bình
Phó Chỉ huy trưởng BDBP tỉnh Hà Tĩnh

Khu kinh tế (KKT) Vũng Áng tỉnh Hà Tĩnh được thành lập theo Quyết định số 72/2006/QĐ-TTg ngày 03/4/2006 của Thủ tướng Chính phủ, với tổng diện tích 22.781 ha, gồm bến cảng tổng hợp, đa ngành, đa lĩnh vực, trong đó, trọng tâm là phát triển công nghiệp luyện kim, chế biến, chế tạo, container, hàng rời, hàng lỏng... Trong KKT Vũng Áng có cụm cảng nước sâu Vũng Áng- Sơn Dương với lợi thế độ sâu tự nhiên lớn, có thể tiếp nhận tàu trọng tải đến 350.000 DWT. Cụm cảng này có luồng hàng hải ngắn (cách phao số 0 khoảng 1,7 hải lý), thuận lợi để kết nối với các tuyến giao thông hàng hải quốc tế đến các nước Nam Á, Bắc Mỹ và Châu Âu; đồng thời, được Thủ tướng Chính phủ quy hoạch đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 nhằm phục vụ phát triển kinh tế - xã hội liên vùng, tiếp chuyển một phần hàng quá cảnh cho Lào và Đông Bắc Thái Lan.

Hiện nay, KKT Vũng Áng được các tập đoàn, doanh nghiệp trong và ngoài nước quan tâm đầu tư nhiều dự án, như: Nhà máy luyện cán thép và cảng biển Sơn Dương của Tập đoàn Formosa (Đài Loan), Nhiệt điện Vũng Áng 1, Nhiệt điện Vũng Áng 2, Tổng kho Xăng dầu/Dầu khí Vũng Áng, Tập đoàn Vingroup, Tập đoàn An Việt Phát, Công ty Cổ phần giải pháp năng lượng Vines và Gotion... Những dự án hoạt động tại KKT Vũng Áng đã và đang đem lại hiệu quả tích cực, tạo nhiều cơ hội để tỉnh Hà Tĩnh phát triển kinh tế - xã hội; song cũng đặt ra không ít thách thức về đảm bảo an ninh, quốc phòng, giữ gìn an ninh, trật tự (ANTT).

Những năm qua, KKT Vũng Áng được xác định là địa bàn trọng điểm, phức tạp về ANTT của tỉnh Hà Tĩnh; đây là nơi tập trung nhiều thành phần lao động, trong đó có cả lao động nước ngoài (chủ yếu là chuyên gia người Trung Quốc và Đài Loan). Lợi dụng đặc điểm của KKT Vũng Áng, thời gian qua, các thế lực thù địch, tổ chức phản động thường xuyên lợi dụng để hoạt động chống phá như: Tuyên truyền, xuyên tạc chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, chủ trương phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; phát tán thông tin, tài liệu chưa được kiểm chứng lên các trang mạng xã hội,

internet..., gây hoang mang, dao động cho quần chúng nhân dân. Điển hình, ngày 14/5/2014, trước sự kiện Trung Quốc hạ đặt trái phép Giàn khoan Hải Dương 981 trong khu vực thềm lục địa và vùng đặc quyền kinh tế của Việt Nam, các phần tử xấu đã lợi dụng để kích động hàng nghìn công nhân trong KKT Vũng Áng tham gia biểu tình trái pháp luật, gây rối trật tự công cộng, đập phá, huỷ hoại, trộm cắp tài sản, chống người thi hành công vụ. Bên cạnh đó, lợi dụng sự cố ô nhiễm môi trường biển năm 2016, những vấn đề tồn đọng, vướng mắc chưa giải quyết trong đền bù, giải phóng mặt bằng ở KKT Vũng Áng... các thế lực thù địch đã kích động người dân khiêu khích, tụ tập đông người, biểu tình đòi yêu sách, nói xấu chính quyền, phá hoại các công trình công cộng, phá hoại tài sản của các doanh nghiệp, tập trung vào doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, công nhân người nước ngoài... những vấn đề này đã và đang làm ảnh hưởng không nhỏ đến tình hình ANTT, hoạt động sản xuất của KKT Vũng Áng và chủ trương thu hút đầu tư của tỉnh.

Tình hình tội phạm hình sự, vi phạm pháp luật của công nhân lao động và người nước ngoài làm việc trong KKT Vũng Áng cũng diễn biến phức tạp, như: hoạt động sai mục đích nhập cảnh, vi phạm về đăng ký tạm trú, tuyển dụng, sử dụng lao động; hoạt động tôn giáo trái pháp luật của người nước ngoài; thành lập và duy trì, phát triển các tổ chức chính trị, các hội, liên hiệp hội của nhà đầu tư nước ngoài; tuyên truyền, quảng bá hệ tư tưởng, giá trị văn hoá, lối sống phương Tây, cùng với sự du nhập, phát triển các quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa; tội phạm vi phạm pháp luật về trật tự quản lý kinh tế và chức vụ; lừa đảo xuất khẩu lao động, rửa tiền, lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản; chuyển giá, buôn lậu, gian lận thương mại, trốn thuế, vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường của các doanh nghiệp... Tội trộm cắp tài sản, cố ý gây thương tích, gây rối trật tự công cộng; mua bán, tàng trữ, sử dụng trái phép các chất ma tuý, vũ khí, vật liệu nổ; các tệ nạn xã hội như cờ bạc, mại dâm, các băng nhóm bảo kê hoạt động theo kiểu xã hội đen... trong KKT là những nguy cơ gây mất ổn định về ANTT ở KVBG, cảng biển.

Trước thực trạng trên, để đấu tranh phòng, chống có hiệu quả với các loại tội phạm, đảm bảo ANTT ở KKT Vũng Áng, tạo điều kiện ổn định cho các doanh nghiệp trong và ngoài nước đầu tư, sản xuất kinh doanh, phát triển kinh tế - xã hội; những năm qua, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo sâu sát, kịp thời của Tỉnh uỷ, Hội đồng Nhân dân, UBND tỉnh, Đảng uỷ, Bộ Tư lệnh BDBP, sự phối hợp chặt chẽ của các ban, ngành, lực lượng và giúp đỡ, ủng hộ của Nhân dân trên địa bàn,

Đảng uỷ, BĐBP tỉnh Hà Tĩnh đã lãnh đạo, chỉ đạo các đơn vị triển khai đồng bộ các biện pháp công tác biên phòng; trong đó, phối hợp chặt chẽ với các lực lượng liên quan nhằm phát huy sức mạnh tổng hợp trong quản lý, bảo vệ chủ quyền, an ninh biên giới quốc gia (BGQG) nói chung, đảm bảo ANTT ở KKT Vũng Áng nói riêng. Cụ thể, trên địa bàn KKT Vũng Áng, BĐBP tỉnh đã tổ chức, bố trí, sử dụng thường xuyên 05 đơn vị bám, nắm, quản lý chặt chẽ địa bàn gồm: Ban Chỉ huy Biên phòng cửa khẩu cảng Vũng Áng - Sơn Dương; Đoàn Biên phòng Kỳ Khang; Đoàn Biên phòng Đèo Ngang; Hải đội 2 và Đại đội Cơ động - Đặc nhiệm. Các lực lượng phối hợp, hiệp đồng với BĐBP tỉnh trong đảm bảo ANTT ở KKT gồm: lực lượng Công an, Quân sự, Dân quân, lực lượng bảo vệ tại công ty Formosa và các lực lượng tăng cường của đơn vị khi cần thiết.

Quá trình phối hợp giữa BĐBP tỉnh với các lực lượng trong đảm bảo ANTT ở KKT Vũng Áng, kết quả đạt được như sau:

1. Phối hợp trong công tác chỉ huy, chỉ đạo

Nhận thức rõ vai trò, tầm quan trọng của công tác phối hợp lãnh đạo, chỉ đạo với các lực lượng trong đảm bảo ANTT ở KKT Vũng Áng, thời gian qua Bộ Chỉ huy BĐBP tỉnh đã cùng các lực lượng triển khai có hiệu quả các khâu, các bước trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo. Trên cơ sở Quy chế phối hợp đã ký kết với các lực lượng, BĐBP tỉnh ra nghị quyết lãnh đạo, chỉ đạo các đơn vị thuộc quyền triển khai tổ chức thực hiện; đồng thời, chỉ đạo các đơn vị Biên phòng ở KKT Vũng Áng phối hợp với các lực lượng liên quan, nhất là với lực lượng Công an, Quân sự, Dân quân, lực lượng bảo vệ tại công ty Formosa xây dựng kế hoạch, phương án sát với tình hình thực tế và chức năng, nhiệm vụ của từng lực lượng. Đến nay, 100% các đơn vị đã có kế hoạch, phương án phối hợp trong đảm bảo ANTT ở KKT Vũng Áng.

Trên cơ sở kế hoạch phối hợp giữa các lực lượng, BĐBP tỉnh đã chỉ đạo, điều hành các cơ quan, đơn vị thuộc quyền triển khai thực hiện hoạt động giữ gìn ANTT trong KKT. Quá trình phối hợp thực hiện, chỉ huy đơn vị các cấp đã thường xuyên gặp gỡ, trao đổi rút kinh nghiệm, khắc phục những hạn chế, thiếu sót trong quá trình chỉ huy, chỉ đạo. Bộ Chỉ huy BĐBP tỉnh Hà Tĩnh đã chỉ đạo các phòng nghiệp vụ, các đơn vị Biên phòng tập trung phối hợp với các lực lượng thực hiện tốt quy chế phối hợp, duy trì nghiêm chế độ giao ban, trao đổi thông tin giữa các lực lượng. Qua đó các bên thống nhất lập phương án, kế hoạch bảo đảm an ninh, trật tự theo chức năng, nhiệm vụ được giao. Vì vậy, quan hệ phối hợp

giữa BDBP tỉnh và các lực lượng đã đi vào thường xuyên, nề nếp, phát huy hiệu quả trong đấu tranh phòng, chống tội phạm, đảm bảo ANTT ở KKT Vũng Áng.

2. Phối hợp trong công tác nắm tình hình, trao đổi thông tin

Những năm qua, BDBP tỉnh đã chủ động phối hợp với các lực lượng tiến hành nhiều biện pháp nghiệp vụ để nắm chắc tình hình hoạt động của các tổ chức, công ty, doanh nghiệp trong KKT Vũng Áng; các loại đối tượng, các tổ, nhóm công nhân, tình hình Nhân dân trong KKT và công tác đền bù, giải phóng mặt bằng, di dời tái định cư; khi phát hiện có dấu hiệu vi phạm, các lực lượng đã chủ động trao đổi cho nhau cùng điều tra, xác minh, ngăn chặn, bắt giữ, xử lý kịp thời những hành vi vi phạm về ANTT. Việc trao đổi thông tin định kỳ và đột xuất giữa BDBP tỉnh và các cơ quan, đơn vị trực thuộc đã đi vào nề nếp, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ đảm bảo ANTT ở KKT Vũng Áng trong tình hình mới.

Thực hiện quy chế phối hợp, BDBP tỉnh và các lực lượng tổ chức thông báo, trao đổi thông tin qua giao ban định kỳ hàng tuần, tháng, quý. Nội dung trao đổi thông tin tập trung vào phương thức, thủ đoạn hoạt động của các thế lực thù địch, hoạt động của các doanh nghiệp; tình hình an ninh chính trị, an ninh nông thôn, an ninh tôn giáo, như: móc nối của các thế lực thù địch vào nội bộ để thu thập tin tức, tài liệu liên quan đến an ninh quốc gia; phương thức, thủ đoạn hoạt động chống phá của một số chức sắc, linh mục trong tôn giáo; trộm cắp tài sản, cờ bạc, cư trú, tạm trú và các loại tội phạm khác... Khi có vụ việc đột xuất hoặc tình huống phức tạp, cấp bách xảy ra, các lực lượng đã chủ động thông báo cho nhau để phối hợp xử lý. Đến nay, những thông tin trao đổi đều được các lực lượng kiểm tra, xác minh, thống nhất nhận định, đề ra biện pháp xử lý giải quyết. Chỉ tính từ năm 2013 đến 2022, BDBP tỉnh và các lực lượng đã thông báo, trao đổi cho nhau được 700 tin liên quan đến ma túy, gây rối trật tự công cộng, trộm cắp tài sản, cờ bạc, cư trú trái phép... Qua đó, giúp cho các đơn vị xây dựng kế hoạch, phương án phối hợp phù hợp với tình hình, nhiệm vụ của đơn vị mình, phục vụ tốt công tác chỉ huy, chỉ đạo nâng cao hiệu quả công tác đảm bảo ANTT ở KKT Vũng Áng.

Điển hình: Vụ tập trung đông người, trộm cắp tài sản, gây rối ANTT ngày 14/5/2014 tại công trường dự án Formosa; khi vụ việc xảy ra, BDBP tỉnh và các lực lượng đã phối hợp trao đổi thông tin, nhận định, đánh giá tình hình và triển khai phương án, tổ chức, bố trí, sử dụng lực lượng, phương tiện kịp thời xử lý, nhanh chóng ổn định tình hình, đảm bảo ANTT, củng cố niềm tin cho các nhà đầu tư trong KKT Vũng Áng. Qua vụ việc trên cho thấy, công tác trao đổi thông

tin, tình hình giữa BĐBP tỉnh với các lực lượng có ý nghĩa hết sức quan trọng trong đảm bảo ANTT, góp phần đập tan mọi âm mưu, thủ đoạn tuyên truyền, kích động, lôi kéo, xuyên tạc của các thế lực thù địch, giữ vững môi trường đầu tư ổn định về ANTT để địa phương phát triển kinh tế - xã hội. Tuy nhiên, quá trình phối hợp trao đổi thông tin, tình hình và kết quả xử lý một số vụ việc giữa BĐBP tỉnh với các lực lượng có lúc chưa đầy đủ, kịp thời, ảnh hưởng đến công tác điều tra, xử lý.

3. Phối hợp trong xây dựng, củng cố hệ thống chính trị cơ sở

Những năm qua, Bộ Chỉ huy BĐBP tỉnh đã chỉ đạo các đơn vị Biên phòng đóng quân trên địa bàn KKT Vũng Áng phối hợp chặt chẽ với các lực lượng chức năng, chính quyền địa phương, thường xuyên củng cố, xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở các xã biên giới vùng biển vững mạnh toàn diện. Chủ động tham mưu cho cấp ủy, chính quyền địa phương triển khai và thực hiện có hiệu quả các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, chủ trương, kế hoạch của địa phương và cấp trên; kịp thời phát hiện, tham mưu cho địa phương bồi dưỡng, tạo nguồn cán bộ, nhất là cán bộ chủ chốt đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới. Đồng thời, phối hợp với các lực lượng làm tốt công tác điều tra cơ bản, nắm chắc mối quan hệ, chủ động phát hiện những tác động xấu vào nội bộ để có phương án đấu tranh, ngăn chặn, không để các thế lực thù địch móc nối, hạ uy tín cán bộ.

Đặc biệt, BĐBP tỉnh đã phối hợp với các lực lượng tham mưu cho cấp ủy, chính quyền địa phương xây dựng, củng cố hoạt động của các tổ chức cơ sở đảng, đoàn thể quần chúng ở các doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài và doanh nghiệp liên doanh; qua đó, nắm tình hình nội bộ, giáo dục nâng cao nhận thức, ý thức chấp hành pháp luật cho công nhân trong KKT. Theo số liệu thống kê từ năm 2013 đến 2022, BĐBP tỉnh đã phối hợp với các ban, ngành, lực lượng tham gia củng cố, kiện toàn được 15 tổ chức cơ sở Đảng, 17 cơ sở Đoàn Thanh niên, 09 Hội Phụ nữ. Phát hiện, bồi dưỡng và tham mưu cho cấp ủy, chính quyền địa phương bổ sung 30 cán bộ vào vị trí lãnh đạo ở cơ sở, nhất là cán bộ chủ chốt. Vì vậy, chất lượng lãnh đạo và năng lực quản lý, điều hành của hệ thống chính trị cơ sở trong KKT Vũng Áng từng bước được nâng lên, cùng với BĐBP tỉnh và các lực lượng đứng chân trên địa bàn giữ vững ổn định chính trị, đảm bảo ANTT.

4. Phối hợp tuyên truyền, vận động quần chúng tham gia giữ gìn an ninh, trật tự ở Khu kinh tế Vũng Áng

Thời gian qua, BĐBP tỉnh và các lực lượng đã tổ chức tuyên truyền, vận động quần chúng tại các xã ở khu vực biên giới biển và khu vực tiếp giáp KKT Vũng Áng tích cực tham gia phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, bảo vệ chủ quyền, an ninh biên giới biển, đảo, giữ gìn ANTT. Cụ thể:

- Đối với cán bộ, công nhân tại các cơ quan, doanh nghiệp ở KKT: Bộ đội Biên phòng tỉnh và các lực lượng đã tập trung phối hợp tuyên truyền, vận động để mọi người nắm vững chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về kết hợp phát triển kinh tế gắn với đảm bảo ANTT. Đồng thời, phổ biến, giáo dục cho mọi người dân nắm vững các văn bản pháp luật như: Luật Cư trú, Luật Phòng cháy, chữa cháy; Luật Bảo vệ môi trường; Luật Lao động, Luật Bảo vệ bí mật nhà nước năm 2018; Nghị định số 71/2015/NĐ-CP ngày 03/9/2015 về quản lý hoạt động của người, phương tiện trong KVBG biển...; cũng như những ý đồ lợi dụng môi trường đầu tư tại KKT của các thế lực thù địch nhằm xâm phạm an ninh quốc gia, gây mất ổn định ANTT; các quy định của pháp luật về đảm bảo ANTT ở KKT; quan hệ, tiếp xúc trao đổi, cung cấp thông tin với người nước ngoài, quản lý người nước ngoài; chủ trương, quan điểm của tỉnh Hà Tĩnh trong giải quyết các vấn đề xã hội, đình công, bãi công ở KKT... Qua đó, đã góp phần nâng cao bản lĩnh chính trị, ý thức cảnh giác, tinh thần trách nhiệm của mỗi cán bộ, công nhân tại các cơ quan, doanh nghiệp ở KKT Vũng Áng.

- Đối với người nước ngoài làm việc tại các doanh nghiệp, BĐBP tỉnh đã phối hợp với các lực lượng tuyên truyền, giáo dục về chính sách đối ngoại, chính sách phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam và của tỉnh; quy định của pháp luật về nhập cảnh, xuất cảnh, cư trú và hoạt động của người nước ngoài trong KKT; về đảm bảo ANTT ở KKT để các chuyên gia, công nhân, người nước ngoài nhận thức đúng đắn, thực hiện nghiêm chỉnh các quy định pháp luật của Việt Nam.

- Đối với quần chúng nhân dân sinh sống ở địa bàn KKT: BĐBP tỉnh và các lực lượng đẩy mạnh tuyên truyền, vận động để Nhân dân nắm vững chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và của tỉnh Hà Tĩnh về việc đầu tư phát triển kinh tế - xã hội tại KKT; vai trò, tầm quan trọng và hiệu quả kinh tế - xã hội của KKT đối với sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng tỉnh Hà Tĩnh giàu mạnh; các quy định của pháp luật về giữ gìn ANTT ở KKT; đặc biệt là quy định về quản lý cư trú, quản lý người nước ngoài, quản lý ngành nghề kinh doanh có điều kiện..., trên cơ sở đó, giúp người dân

nhận thức rõ vai trò, trách nhiệm của mình để tự giác tham gia giữ gìn ANTT ở KKT Vũng Áng.

Điển hình trong công tác vận động quần chúng: Lợi dụng sự cố môi trường biển năm 2016, một số đối tượng tuyên truyền, kích động người dân tụ tập đông người, khiếu kiện tập thể, gây mất ANTT, không tham gia đi bầu cử Quốc hội và Hội đồng Nhân dân các cấp tại địa bàn KKT Vũng Áng để phản đối, đòi hỏi yêu sách. Trước tình hình đó, BDBP tỉnh đã phối hợp chặt chẽ với các lực lượng, tham mưu cho cấp ủy, chính quyền địa phương đẩy mạnh tuyên truyền, vận động, thuyết phục để Nhân dân hiểu rõ âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch nhằm kích động, chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc. Đồng thời, tuyên truyền, vận động để Nhân dân hiểu rõ về quyền và nghĩa vụ của công dân trong bầu cử, cũng như chấp hành nghiêm các quy định của pháp luật, kết quả người dân đi bầu cử đạt tỉ lệ trên 98%.

Nhờ làm tốt công tác phối hợp giữa các lực lượng trong tuyên truyền, vận động quần chúng tham gia phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, bảo vệ an ninh biên giới vùng biển, đảo trong KKT Vũng Áng và địa bàn tiếp giáp đã góp phần phát huy sức mạnh của cán bộ, đảng viên, công nhân và người lao động trong đảm bảo ANTT ở KKT Vũng Áng. Đã có nhiều tổ chức, cá nhân được các cấp, các ngành khen thưởng vì có thành tích xuất sắc trong phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, bảo vệ biên giới vùng biển, đảo, giữ gìn ANTT ở KKT Vũng Áng.

5. Phối hợp đấu tranh, phòng ngừa và xử lý các vấn đề về an ninh, trật tự tại khu kinh tế Vũng Áng

Những năm qua, BDBP tỉnh và các lực lượng đã chủ động xây dựng phương án, kế hoạch đấu tranh phòng, chống tội phạm nói chung, hoạt động vi phạm pháp luật ở KKT Vũng Áng nói riêng đảm bảo chặt chẽ, thống nhất. Tổ chức, bố trí, sử dụng lực lượng, quản lý chặt chẽ địa bàn khu vực biên giới vùng biển; tuần tra, kiểm soát, canh gác bảo vệ các mục tiêu, địa bàn trọng điểm về an ninh - quốc phòng trong KKT Vũng Áng. Quản lý chặt chẽ hoạt động cư trú, ra vào của người, phương tiện ở KKT, như: nhân khẩu, hộ khẩu, tạm trú, tạm vắng; kịp thời phát hiện những yếu tố tiềm ẩn, phức tạp về ANTT, những biểu hiện mâu thuẫn trong nội bộ quần chúng, công nhân lao động; dư luận, dấu hiệu không bình thường trong quan hệ giữa công nhân và người nước ngoài. Phối hợp triển khai nhiều phương án, kế hoạch đảm bảo ANTT, phục vụ công tác phòng ngừa từ sớm, từ xa và đấu tranh chống tội phạm; các đồn Biên phòng và

các lực lượng đã phát hiện, đấu tranh ngăn chặn, xử lý có hiệu quả các hoạt động vi phạm pháp luật ở KKT như: Cường đoạt, hủy hoại, trộm cắp tài sản, cố ý gây thương tích, gây rối trật tự công cộng, chống người thi hành công vụ, cư trú trái phép...; đặc biệt, phối hợp giải quyết kịp thời những “điểm nóng” về an ninh tôn giáo, an ninh nông thôn, phức tạp về ANTT ở KKT Vũng Áng.

Điển hình là các vụ việc người dân bị các thế lực thù địch tuyên truyền, kích động tụ tập đông người, tuân hành trái phép, chống người thi hành công vụ, phá hoại tài sản, gây mất ANTT trên địa bàn KKT Vũng Áng liên quan đến sự cố môi trường biển do Formosa gây ra tháng 4/2016. Bộ đội Biên phòng tỉnh và các lực lượng đã phối hợp nắm chắc tình hình, tham mưu cho cấp ủy, chính quyền địa phương và tham gia xử lý, giải quyết nhanh chóng, kịp thời, ổn định tình hình, góp phần giữ vững ổn định ANTT trong KKT cũng như địa bàn giáp ranh KKT Vũng Áng.

Bên cạnh những kết quả đã đạt được, công tác phối hợp giữa BDBP tỉnh và các lực lượng trong giữ gìn ANTT ở KKT Vũng Áng còn bộc lộ một số hạn chế, như: phối hợp nắm tình hình về các hoạt động của các loại tội phạm ở KKT chưa sâu; trong giải quyết các vụ việc xảy ra ở địa bàn KKT có lúc còn chậm; việc xác định nội dung và vận dụng các hình thức, phương pháp phối hợp trong xử lý các vụ việc chưa nhịp nhàng, chặt chẽ; trong quản lý người cư trú, kiểm tra, kiểm soát địa bàn tiếp giáp chưa thường xuyên; phối hợp trong sơ, tổng kết, rút kinh nghiệm có lúc, có nơi chưa thường xuyên; nội dung rút kinh nghiệm một số vụ việc chưa sâu, một số nội dung phối hợp hiệu quả còn thấp.

Nguyên nhân của những hạn chế trên là do:

Có những thời điểm địa phương coi trọng thu hút đầu tư vào KKT Vũng Áng, đặc biệt là thu hút các dự án có yếu tố nước ngoài, vì vậy chưa chú trọng đến vấn đề đảm bảo ANTT trong các cơ quan chức năng cũng như các doanh nghiệp. Điều này, gây khó khăn không nhỏ cho các lực lượng chức năng trong phối hợp đảm bảo ANTT ở KKT Vũng Áng.

Âm mưu, phương thức, thủ đoạn hoạt động của các thế lực thù địch, nhất là hoạt động của tổ chức phản động, tổ chức khủng bố “Việt Tân” tiến hành rất tinh vi, xảo quyệt, thường xuyên lợi dụng vấn đề dân chủ, tôn giáo, nhân quyền... để kích động, lôi kéo Nhân dân, giáo dân ở KKT tụ tập đông người khiếu kiện, gây rối, làm mất ANTT. Vì vậy, việc phát hiện các đối tượng này lợi dụng danh nghĩa nhà đầu tư, các chuyên gia làm việc tại trong doanh nghiệp cũng gặp rất nhiều khó khăn.

Một số mâu thuẫn, xung đột xã hội trong đền bù, giải phóng mặt bằng, thực hiện chính sách với nông dân thu hồi đất, tái định cư; tranh chấp giữa người lao động với người sử dụng lao động chưa được giải quyết kịp thời, cũng ảnh hưởng đến công tác phối hợp của các lực lượng trong đảm bảo ANTT ở KKT Vũng Áng.

Cấp ủy, chỉ huy một số đơn vị cơ sở của BĐBP tỉnh quán triệt và tổ chức thực hiện chưa cụ thể hóa nội dung trong quy chế, kế hoạch phối hợp đảm bảo ANTT cho phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và tình hình thực tiễn của đơn vị, địa bàn; cá biệt, một số cán bộ, chiến sỹ có tư tưởng cục bộ, khép kín, trao đổi thông tin chưa đầy đủ cho lực lượng phối hợp. Trong quá trình tổ chức điều tra, xác minh một số thông tin, vụ việc, có lực lượng còn tư tưởng giữ lại thông tin mình nắm được, dẫn đến hiệu quả một số nội dung phối hợp chưa cao.

Để khắc phục những hạn chế trên, nhằm nâng cao hiệu quả công tác phối hợp giữa BĐBP tỉnh và các lực lượng trong đảm bảo ANTT ở KKT Vũng Áng, trong thời gian tới cần thực hiện tốt một số giải pháp sau:

Một là, thường xuyên giáo dục, bồi dưỡng nâng cao nhận thức, trình độ năng lực chỉ huy tham mưu cho cán bộ, chiến sỹ về công tác phối hợp đảm bảo ANTT ở KKT Vũng Áng

Nhận thức là cơ sở, nền tảng định hướng cho mọi hành động, nhận thức đúng, sẽ có hành động đúng và mang lại hiệu quả cao, nhận thức sai hoặc chưa đầy đủ thì hành động sẽ rời rạc, thiếu tính thống nhất, hiệu quả công việc không cao. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, sự thống nhất nhận thức của cán bộ, chiến sỹ có ý nghĩa quan trọng, tạo nên sự thống nhất cao trong thực hiện các nội dung, yêu cầu, nhiệm vụ quan hệ phối hợp. Vì vậy, thường xuyên giáo dục, bồi dưỡng nâng cao nhận thức, trình độ năng lực cho cán bộ, chiến sỹ BĐBP tỉnh, nhất là các đơn vị cơ sở trên địa bàn KKT Vũng Áng có ý nghĩa quan trọng, góp phần nâng cao hiệu quả phối hợp với các lực lượng trong đảm bảo ANTT ở KKT. Việc nâng cao nhận thức, trình độ năng lực cần được tiến hành đồng bộ từ lãnh đạo, chỉ huy đến các đơn vị cơ sở trong BĐBP tỉnh. Trên cơ sở đó, cán bộ, chiến sỹ trên từng cương vị công tác xác định quyết tâm, trách nhiệm thực hiện tốt mối quan hệ phối hợp, làm cơ sở xây dựng các kế hoạch, phương án phối hợp đảm bảo ANTT ở KKT Vũng Áng đạt hiệu quả cao nhất. Tránh tư tưởng, thái độ xem thường, coi nhẹ quan hệ phối hợp hoặc mạnh ai nấy làm hoặc đùn đẩy trách nhiệm cho nhau.

Nội dung, biện pháp giáo dục, bồi dưỡng nâng cao nhận thức, trình độ năng lực cho cán bộ, chiến sĩ cần tập trung, giáo dục, bồi dưỡng thế giới quan, phương pháp luật của Chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, chủ trương lớn của địa phương liên quan đến quốc phòng, an ninh, phát triển kinh tế - xã hội; chủ trương, biện pháp, đối sách phòng, chống “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ; phòng, chống gây rối, gây bạo loạn... Để thực hiện tốt các nội dung này, cấp ủy, chỉ huy các cấp trong BDBP tỉnh cần vận dụng linh hoạt, sáng tạo các hình thức, phương pháp trong tuyên truyền, giáo dục, bồi dưỡng nâng cao nhận thức, trình độ năng lực cho cán bộ, chiến sĩ, như: thông qua các buổi sinh hoạt, qua các lớp bồi dưỡng kiến thức chuyên ngành; qua các đợt tập huấn, tham quan... để lồng ghép nội dung cho phù hợp. Qua đó, giáo dục, nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm cho cán bộ, chiến sĩ trong phối hợp đảm bảo ANTT ở KKT Vũng Áng; phát huy sức mạnh tổng hợp của các lực lượng, thực sự đoàn kết, tôn trọng và giúp đỡ nhau cùng hoàn thành nhiệm vụ chung, tránh sự hiểu nhầm, tượng tiêu cực, cục bộ trong công tác phối hợp. Đặc biệt, cần chống các tư tưởng bảo thủ, đề cao vai trò của lực lượng mình, cá nhân mình hoặc chạy theo thành tích của đơn vị mà xem nhẹ phối hợp. Kiên quyết xử lý mọi cán bộ, chiến sĩ thoái hóa, biến chất, đồng thời phê phán những quan điểm, hành vi sai trái, lệch lạc, những nhận thức mơ hồ thiếu khoa học đối với thực hiện nhiệm vụ phối hợp giữa các lực lượng trong đảm bảo ANTT ở KKT Vũng Áng.

Hai là, tăng cường công tác chỉ huy, chỉ đạo trong tổ chức thực hiện quy chế, kế hoạch, phương án phối hợp giữa các lực lượng

Công tác lãnh đạo, chỉ đạo có vai trò quan trọng, quyết định hiệu quả phối hợp giữa BDBP tỉnh và các lực lượng trong đảm bảo ANTT ở KKT Vũng Áng, góp phần không nhỏ vào giải quyết mối quan hệ phát sinh, điều chỉnh những bất cập, khắc phục những yếu kém, tồn tại. Tăng cường công tác chỉ huy, chỉ đạo trong phối hợp đảm bảo ANTT ở KKT Vũng Áng trước hết phải xuất phát từ sự thống nhất về mặt nhận thức của các lực lượng, trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ của mỗi lực lượng và tình hình thực tế ở địa bàn. Quá trình phối hợp thực hiện các chỉ huy các lực lượng cần nắm vững các văn bản pháp luật, quy định của trên, chức năng, nhiệm vụ của ngành mình và thực tiễn khả năng hoàn thành nhiệm vụ của đơn vị; trên cơ sở đó, phát huy tinh thần trách nhiệm các cấp trong lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện công tác phối hợp, gắn trách nhiệm của từng

đơn vị trong tham gia phối hợp, khắc phục triệt để tình trạng giao khoán hoặc đùn đẩy trách nhiệm.

Xuất phát từ nội dung công tác phối hợp trong đảm bảo ANTT ở KKT Vũng Áng rất đa dạng và phong phú với thành phần, lực lượng ở nhiều cấp tham gia. Vì vậy, các lực lượng phối hợp cần trao đổi, bàn bạc thống nhất trong xây dựng cơ chế chỉ huy, chỉ đạo và tổ chức thực hiện; tập trung phối hợp lãnh đạo, chỉ đạo và điều chỉnh hoạt động của các lực lượng tham gia hướng tới mục tiêu giữ vững môi trường ổn định, ANTT được đảm bảo ở KKT Vũng Áng. Do đó, phải xây dựng và thực hiện nghiêm túc cơ chế chỉ huy, chỉ đạo của các lực lượng tham gia phối hợp, trên cơ sở quy chế, kế hoạch phối hợp giữa các lực lượng, các thành phần tham gia, cần có biện pháp và kế hoạch thực hiện cụ thể; quá trình thực hiện chú trọng công tác kiểm tra đôn đốc, nhất là nhiệm vụ đột xuất, nắm chắc diễn biến tình hình và yêu cầu nhiệm vụ thực tiễn đặt ra để tham mưu, đề xuất và điều chỉnh, bổ sung cơ chế kịp thời.

Ba là, phối hợp xử lý dứt điểm các “điểm nóng” về an ninh, trật tự ở Khu kinh tế Vũng Áng

“Điểm nóng” về ANTT là những địa bàn, khu vực đang tập trung mâu thuẫn, tranh chấp, gây rối, xung đột, gây hậu quả xấu về chính trị, kinh tế, xã hội... Chủ động nắm chắc tình hình, phòng ngừa có hiệu quả, không để xảy ra “điểm nóng” về ANTT ở KKT là vấn đề cơ bản; tuy nhiên, khi “điểm nóng” về ANTT đã xảy ra thì việc giải quyết kịp thời, không để lan rộng, kéo dài có ý nghĩa cực kỳ quan trọng. Để phối hợp xử lý các “điểm nóng” về ANTT ở KKT Vũng Áng, BDBP tỉnh và các lực lượng phối hợp cần chủ động nắm chắc tình hình, phát hiện sớm các dấu hiệu bất thường có thể xảy ra “điểm nóng” về ANTT ở KKT Vũng Áng như: các thế lực thù địch lợi dụng vấn đề tôn giáo, đền bù, giải phóng mặt bằng, tái định cư, vấn đề về môi trường biển... để xuyên tạc, kích động, lôi kéo, mua chuộc một bộ phận quần chúng nhân dân nhẹ dạ, cả tin tham gia chống đối, gây mất ổn định ANTT, làm ảnh hưởng hoạt động sản xuất trong KKT. Vì vậy, trong phối hợp yêu cầu các lực lượng phải nắm chắc dấu hiệu, đặc điểm cơ bản của “điểm nóng” về ANTT, trên cơ sở đó, thống nhất đề ra các giải pháp phòng ngừa, ngăn chặn, đấu tranh có hiệu quả.

Khi giải quyết “điểm nóng” về ANTT, phải nắm vững quan điểm, tư tưởng chỉ đạo, phải lấy công tác vận động quần chúng làm nền tảng cơ bản, sử dụng biện pháp nghiệp vụ làm mũi nhọn, biện pháp vũ trang làm áp lực; tập trung cô lập, vô hiệu hóa số đối tượng chủ mưu, cầm đầu, chống đối, quá khích,

ngăn chặn các hành vi của các đối tượng quá khích, manh động; kiên quyết xử lý các đối tượng vi phạm pháp luật, đảm bảo các yêu cầu về chính trị, pháp luật, nghiệp vụ, với phương châm: “thu nhỏ sự việc, không để lây lan, kéo dài”. Tập trung khắc phục hậu quả, sớm ổn định tình hình, nhanh chóng đưa hoạt động lao động sản xuất trong KKT trở lại bình thường. Phối hợp tổ chức rút kinh nghiệm, đánh giá toàn diện các mặt công tác, trên cơ sở đó, điều chỉnh, bổ sung kế hoạch, phương án phối hợp đảm bảo ANTT cho phù hợp; đồng thời cùng nhau thống nhất các biện pháp để chủ động phòng ngừa, không để vụ việc tương tự xảy ra.

Bốn là, vận dụng linh hoạt, sáng tạo các hình thức, phương pháp phối hợp giữa BDBP tỉnh với các lực lượng trong đảm bảo ANTT ở KKT Vũng Áng

Xuất phát từ tính chất hoạt động vi phạm pháp luật của các loại đối tượng, phương thức, thủ đoạn hoạt động tinh vi của các thế lực thù địch và các loại tội phạm trong KKT Vũng Áng, như: lợi dụng vấn đề dân chủ, nhân quyền, tự do tôn giáo, sự cố môi trường biển, những hạn chế thiếu sót trong đền bù, giải phóng mặt bằng, tái định cư... để xuyên tạc, kích động, lôi kéo người dân tham gia chống phá, tụ tập khiêu khích động người, gây mất ổn định về an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội ở khu vực biên giới, vùng biển. Vì vậy, vận dụng linh hoạt, sáng tạo các hình thức, phương pháp phối hợp là nội dung, giải pháp cần thiết để nâng cao hiệu quả công tác này. Để thực hiện tốt giải pháp này, các lực lượng cần:

Vận dụng linh hoạt các hình thức phối hợp trong nắm tình hình, trao đổi thông tin. Thực tiễn cho thấy, khi thực hiện nhiệm vụ đảm bảo ANTT ở KKT Vũng Áng, công tác nắm tình hình, trao đổi thông tin có vai trò quan trọng, tác động không nhỏ đến việc tổ chức và thực hiện quy chế, kế hoạch, phương án phối hợp. Vì thế, vận dụng linh hoạt các hình thức, phương pháp phối hợp, đòi hỏi các lực lượng cần trao đổi tình hình toàn diện trên tất cả các mặt, các lĩnh vực liên quan đến đảm bảo ANTT ở KKT Vũng Áng. Cần kết hợp chặt chẽ giữa các biện pháp nghiệp vụ trinh sát với các biện pháp công tác khác như: Tuần tra, vận động quần chúng, điều tra cơ bản, quản lý nghiệp vụ; nắm chắc tình hình hoạt động của các loại đối tượng chính trị, hình sự; hoạt động của các công ty, doanh nghiệp, trong và ngoài nước; tình hình công nhân trong nước và người nước ngoài cư trú, hoạt động ở KKT Vũng Áng... Căn cứ vào tình hình thực tiễn địa bàn KKT để các lực lượng thống nhất trao đổi thông tin, có thể trao đổi thông tin theo định kỳ hàng tuần, tháng, quý, 6 tháng, 1 năm hoặc có vụ việc đột xuất. Bên cạnh đó, mỗi lực lượng cần nêu cao vai trò, trách nhiệm trong nắm

tình hình, trao đổi thông tin và nhận định đánh giá tình hình, phát huy tính tích cực chủ động, không ỷ lại, trông chờ vào lực lượng phối hợp.

Tích cực, chủ động phối hợp trong tổ chức các biện pháp đảm bảo ANTT ở KKT Vũng Áng. Đây là nhiệm vụ chung của các cấp, các ngành, các lực lượng và quần chúng nhân dân, trong đó LLVT là nòng cốt, BĐBP tỉnh là đơn vị chủ trì đảm bảo ANTT ở KVBG, vùng biển. Phối hợp trong tổ chức các biện pháp phòng ngừa đảm bảo ANTT ở KKT Vũng Áng là sự kết hợp chặt chẽ giữa phòng ngừa xã hội và phòng ngừa nghiệp vụ. Cần phải kết hợp chặt chẽ các biện pháp công tác nghiệp vụ của từng lực lượng trong phát hiện, ngăn chặn, bắt giữ, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật, nhất là các thủ đoạn mới của các loại tội phạm, những vấn đề phức tạp, những nhân tố có nguy cơ gây mất ổn định về ANTT ở KKT Vũng Áng. Chủ động linh hoạt, sáng tạo trong công tác tham mưu cho cấp uỷ, chính quyền địa phương chủ động giải quyết ngay từ đầu, không để đối tượng lợi dụng kích động, lôi kéo quần chúng nhân dân tạo “điểm nóng” về ANTT ở KKT Vũng Áng.

Chủ động phối hợp phòng ngừa, ngăn chặn các hoạt động vi phạm pháp luật ở KKT Vũng Áng, đây là hai mặt của một vấn đề có quan hệ mật thiết với nhau. Để phối hợp phòng ngừa, đấu tranh có hiệu quả với hành vi vi phạm pháp luật, gây mất ANTT, TTATXH, các lực lượng cần xây dựng các phương án, kế hoạch, phương án cụ thể. Trong đó có phương án, kế hoạch dài hạn và ngắn hạn; phải chú trọng khâu đánh giá, nhận định tình hình, dự kiến tình huống phát sinh để chủ động sử dụng lực lượng, phương tiện đấu tranh có hiệu quả, nâng cao hiệu quả công tác đấu tranh bí mật và công khai cũng như kết hợp cả hai hình thức đấu tranh này. Khi vụ việc xảy ra cần xử lý kiên quyết, triệt để, đúng pháp luật không để kéo dài, gây ảnh hưởng đến tư tưởng quần chúng nhân dân. Bên cạnh đó, cần phối hợp làm tốt công tác sơ, tổng kết, rút kinh nghiệm thường xuyên và đột xuất; đồng thời, phối hợp phát động phong trào quần chúng nhân dân tố giác và tham gia đấu tranh phòng, chống các loại tội phạm, góp phần nâng cao hiệu quả phối hợp giữa BĐBP tỉnh với các lực lượng trong đảm bảo ANTT ở KKT Vũng Áng trong tình hình mới./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Bộ Chỉ huy BĐBP tỉnh Hà Tĩnh (2019), *Báo cáo Tổng kết 20 năm BĐBP tham gia xây dựng, củng cố hệ thống chính trị cơ sở, phát triển kinh tế - xã hội ở khu vực biên giới*, (Số: 1017-BC/BCH ngày 04.7), Hà Tĩnh.

2. Bộ Chỉ huy BĐBP tỉnh Hà Tĩnh (2019), *Báo cáo Tổng kết công tác biên phòng năm*, (Số: 1740/BC-BCH ngày 14.11), Hà Tĩnh.
3. Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Hà Tĩnh (2020), *Báo cáo tổng kết công tác Biên phòng năm*, (Số: 1876/BC-BCH ngày 05.12), Hà Tĩnh.
4. Đảng ủy BĐBP tỉnh Hà Tĩnh (2017), *Báo cáo Tổng kết 15 năm thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 7 (Khóa IX) về công tác tôn giáo*, Hà Tĩnh.
5. Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh (2020), *Báo cáo Sơ kết 5 năm thực hiện Chỉ thị 01-CT/TTg ngày 09/01/2015 của Thủ tướng Chính phủ “Về tổ chức phong trào toàn dân tham gia bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, an ninh biên giới quốc gia trong tình hình mới” giai đoạn 2015 - 2020*, Hà Tĩnh.

NHẬN DIỆN XUNG ĐỘT VĂN HOÁ VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA ĐỐI VỚI QUẢN TRỊ ĐA VĂN HOÁ TẠI KHU KINH TẾ VŨNG ÁNG

TS. Nguyễn Quang Ngọc

Phó Hiệu trưởng Trường Chính trị Trần Phú

Ths. Lê Thị Thuỳ Dung

GV Khoa Nhà nước và Pháp luật,

Trường Chính trị Trần Phú

Tóm tắt: Trong định hướng phát triển của Hà Tĩnh giai đoạn 2021 – 2030, tầm nhìn đến 2050, Khu kinh tế Vũng Áng được xác là trung tâm động lực tăng trưởng của tỉnh. Quá trình phát triển của Khu kinh tế Vũng Áng đã thu hút một lượng lớn nguồn nhân lực đến từ các vùng miền, quốc gia khác nhau với những khác biệt về phong tục, tập quán, ngôn ngữ, hệ thống giá trị, niềm tin..., từ đó dần hình thành một môi trường làm việc đa văn hoá trong Khu kinh tế và các địa phương phụ cận. Môi trường làm việc đa văn hoá sẽ trở thành động lực thúc đẩy sáng tạo, phát triển nếu như sự giao lưu, tiếp biến giữa các hệ giá trị văn hoá khác nhau diễn ra trên tinh thần bao dung, cầu thị và nhân văn. Tuy nhiên, trong môi trường đó cũng tiềm ẩn những nguy cơ bất đồng, mâu thuẫn, nếu không được nhận diện và giải quyết tốt rất có thể dẫn đến xung đột khi sự khác biệt văn hóa bị đẩy đến mức mâu thuẫn gay gắt, phủ định lẫn nhau giữa các hệ giá trị và bản sắc văn hóa khác nhau. Bối cảnh đó đã và đang đặt ra yêu cầu mới về năng lực quản trị đa văn hoá đối với các nhà quản lý Khu kinh tế Vũng Áng, các cơ quan, đơn vị khu vực công và cấp uỷ, chính quyền các địa phương phụ cận, trước hết là thị xã Kỳ Anh.

Từ khoá: Môi trường làm việc đa văn hoá; xung đột văn hoá; quản trị đa văn hoá.

1. Về môi trường làm việc đa văn hóa

Văn hóa là hệ thống các giá trị vật chất và tinh thần do con người sáng tạo và tích lũy qua quá trình hoạt động thực tiễn, trong sự tương tác giữa con người với môi trường tự nhiên và xã hội của mình⁽³²⁾. Văn hoá phản ánh trình độ phát triển lịch sử của xã hội và của con người được biểu hiện trong cách thức tổ chức đời sống và hành động của con người, cũng như trong tổ hợp các giá trị vật chất, tinh thần, các chuẩn mực hành vi do con người sáng tạo ra để điều chỉnh hành vi con người và được tích lũy lại, được làm phong phú thêm trong quá trình con người

³² Trần Ngọc Thêm (1997): *Tìm về bản sắc văn hóa Việt Nam*. NXB. Thành phố Hồ Chí Minh, tr.8.

tương tác với thiên nhiên và trong quan hệ với nhau trong xã hội⁽³³⁾. Theo Chủ tịch Hồ Chí Minh, văn hóa là toàn bộ những giá trị vật chất và tinh thần do loài người sáng tạo ra với phương thức sử dụng chúng, nhằm đáp ứng đòi hỏi của sự sinh tồn, đồng thời đó cũng là mục đích của cuộc sống loài người. Người khẳng định: “Vì lẽ sinh tồn cũng như mục đích của cuộc sống, loài người mới sáng tạo và phát minh ra ngôn ngữ, chữ viết, đạo đức, pháp luật, khoa học, tôn giáo, văn học, nghệ thuật, những công cụ cho sinh hoạt hằng ngày về mặc, ăn, ở và các phương thức sử dụng... Toàn bộ những sáng tạo và phát minh đó tức là văn hóa. Văn hóa là tổng hợp của mọi phương thức sinh hoạt cùng với biểu hiện của nó mà loài người đã sản sinh ra nhằm thích ứng những nhu cầu đời sống và đòi hỏi của sự sinh tồn”.⁽³⁴⁾

Mỗi cộng đồng người đều xuất phát từ những nền văn hóa nhất định và theo đuổi những giá trị văn hóa nhất định. Những giá trị văn hóa này có nội hàm khác nhau ở các cộng đồng khác nhau, thậm chí có tính cá nhân, tức là mỗi cá nhân theo đuổi những giá trị văn hóa khác nhau. Ở một cách tiếp cận khác, “Văn hóa nhóm” được xem là hệ thống các giá trị, niềm tin, thói quen,... được hình thành trong một nhóm người, một cộng đồng người nhất định khi các thành viên trong nhóm chấp nhận, tôn trọng và tuân thủ các giá trị đó. Tất cả các nhóm nhỏ đều có văn hóa của mình và nó là một phần của nền văn hóa toàn xã hội. Trong văn hóa nhóm, ngoài những nét văn hóa chung của xã hội còn có thể có những nét riêng biệt của nhóm; bên cạnh những giá trị chung được chia sẻ, mỗi cá nhân đều có thể có những giá trị văn hóa riêng, không nhất thiết phải đồng nhất với các thành viên khác. Khi một nhóm, một cộng đồng (một công ty, một doanh nghiệp, cơ quan, đơn vị...) có những người đến từ các nhóm khác, nền văn hóa khác sẽ làm xuất hiện sự giao thoa về văn hóa và dần hình thành môi trường làm việc đa văn hoá.

Môi trường làm việc đa văn hóa là môi trường làm việc gồm nhiều cá nhân, tổ chức đến từ nhiều nền văn hóa khác nhau với những giá trị văn hóa khác nhau. Đó là môi trường làm việc mà trong đó có các cá nhân, tổ chức với phong tục, tập quán, chủng tộc, tôn giáo, ngôn ngữ, giới tính, quốc tịch... khác nhau cùng làm việc. Từ nội hàm khái niệm và đặc điểm của văn hoá có thể thấy rằng, mỗi cá nhân đều có những đặc điểm văn hoá mang đặc trưng của cộng đồng nơi người đó sinh ra và lớn lên. Những đặc điểm này tác động lớn đến hành vi của cá nhân khi giao tiếp với cộng đồng tại nơi sống và làm việc. Sự khác biệt về văn hoá của mỗi cá nhân trong một tập thể thể hiện rõ nét nhất ở sự khác biệt về hệ thống các tiêu chuẩn và giá trị mà con người thừa nhận, ở sự

³³ Nguyễn Trọng Chuẩn: *Văn hóa ứng xử ở Việt Nam hiện nay: Thực trạng và một số vấn đề đặt ra*, Tạp chí Triết học số 7/2020, tr.19-28.

³⁴ Hồ Chí Minh *Toàn Tập*, in lần 2, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, tập 3, tr. 431.

khác biệt về hành vi và cách ứng xử trong sinh hoạt và giao tiếp giữa các vùng miền, quốc gia khác nhau.

Môi trường làm việc đa văn hoá có thể được nhìn nhận từ hai khía cạnh: thứ nhất, từ sự đa dạng của môi trường văn hóa nội bộ (các thành viên đến từ một quốc gia nhưng ở những vùng miền có tiêu chuẩn, giá trị văn hóa khác nhau); thứ hai, từ sự đa dạng văn hóa quốc tế (gồm các cá nhân, tổ chức đến từ các quốc gia khác nhau)⁽³⁵⁾. Có thể thấy rằng, ngay trong một quốc gia cũng có thể tồn tại những lối sống, những giá trị khác biệt giữa các vùng miền, dân tộc, tôn giáo, thể hiện rõ nét trong sự khác biệt trong cách ăn mặc, sinh hoạt, hệ giá trị, tiêu chuẩn được thừa nhận, cách thức giao tiếp, ứng xử... Trong một công ty, một doanh nghiệp, cơ quan, đơn vị cũng có thể dễ dàng nhìn thấy sự pha trộn đa dạng văn hoá giữa những cá thể đến từ các vùng miền, dân tộc, tôn giáo khác nhau trong cùng một quốc gia. Sự đa dạng về văn hóa luôn tiềm ẩn nguy cơ mâu thuẫn ngay trong nội bộ, nếu không nhận diện và giải quyết tốt rất có thể dẫn đến xung đột. Ở khía cạnh thứ hai, đặc điểm rõ nét nhất của môi trường làm việc đa văn hoá quốc tế được là việc cùng chung sống và làm việc của những cá nhân, tổ chức đến từ các quốc gia khác nhau. Toàn cầu hoá và hội nhập quốc tế và quá trình phân công lao động diễn ra trên phạm vi toàn cầu thúc đẩy quá trình giao lưu mạnh mẽ không chỉ về kinh tế mà còn giao lưu về văn hoá, con người, lực lượng lao động giữa các quốc gia. Kết quả của quá trình này là trong một công ty, doanh nghiệp ngày càng có nhiều người đến từ các quốc gia khác nhau cùng chung sống và làm việc, mang lại cho tổ chức đó những sắc thái văn hoá đa dạng. Môi trường đa văn hoá quốc tế cũng đặt ra những yêu cầu đối với quản trị đa văn hoá nhằm nhận diện, ngăn chặn và xử lý tốt mâu thuẫn, bất đồng, hạn chế đến mức thấp nhất việc xảy ra xung đột văn hoá.

2. Nhận diện môi trường đa văn hoá và những nguy cơ dẫn tới xung đột văn hoá tại Khu kinh tế Vũng Áng

Khu kinh tế Vũng Áng được thành lập theo Quyết định số 72/2006/QĐ-TTg ngày 3/4/2006 của Thủ tướng Chính phủ với tổng diện tích 22.781 ha, bao gồm 9 xã, phường nằm ở phía Nam của Thị xã Kỳ Anh, với vị trí địa lý nhiều thuận lợi: cách Thành phố Hà Tĩnh gần 70 km về phía Nam, cách sân bay Đồng Hới (Quảng Bình) 50 km về phía Bắc, nằm trên trục giao thông Bắc - Nam, hành lang kinh tế Đông - Tây, thuận tiện cho sự giao thương... Đặc biệt, tại Khu kinh tế Vũng Áng có cụm cảng nước sâu Vũng Áng- Sơn Dương được Thủ tướng Chính phủ quy hoạch đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 là cảng phục

³⁵ Đặng Khắc Ánh (2016): Quản lý đa văn hoá - nhu cầu kiến thức cần thiết đối với đội ngũ cán bộ, công chức trong thời kỳ Hội nhập quốc tế. Tạp chí Quản lý Nhà nước, số 167 (tháng 12/2009), tr.15-16.

vụ phát triển kinh tế - xã hội liên vùng, tiếp chuyển một phần hàng quá cảnh cho Lào và Đông Bắc Thái Lan.

Trong những năm gần đây, Khu kinh tế Vũng Áng đã có những bước phát triển mạnh mẽ với nhiều dự án đầu tư được triển khai. Theo báo cáo của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Hà Tĩnh, đến thời điểm hiện nay, trên địa bàn Khu kinh tế Vũng Áng thu hút được 154 dự án, bao gồm 56 dự án có vốn đầu tư nước ngoài (trong đó dự án Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng II được đầu tư theo hình thức BOT) với tổng vốn đăng ký là 16.040,933 triệu USD và 98 dự án đầu tư trong nước với số vốn đăng ký 55.660,020 tỷ đồng. Sự ra đời và phát triển của Khu kinh tế Vũng Áng trong những năm qua đã góp phần tạo việc làm, thu nhập và từng bước ổn định, cải thiện đời sống cho hàng vạn công nhân lao động.

Hiện nay, Khu kinh tế Vũng Áng đang tạo việc làm cho khoảng 18.264 người (trong đó có 17.035 lao động người Việt Nam và 1.229 lao động người nước ngoài). Riêng Dự án Khu liên hợp Gang thép và cảng nước sâu Sơn Dương Formosa Hà Tĩnh tổng số lao động là 11.313 người, trong đó, lao động Việt Nam là 10.352 người (Công ty FHS: 5.715 người; Nhà thầu: 4.637 người); lao động nước ngoài: 961 người (Công ty FHS: 530 người; Nhà thầu: 431 người). Việc thu hút đông đảo lực lượng chuyên gia, nhà quản lý, công nhân trong và ngoài nước đến làm việc trong tại Khu kinh tế Vũng Áng có vai trò quan trọng đối với việc nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đóng góp vào sự phát triển của các công ty, doanh nghiệp và phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Hà Tĩnh. Tuy nhiên, nó cũng làm nảy sinh các vấn đề xã hội, tiềm ẩn nguy cơ mâu thuẫn, xung đột văn hóa và đặt ra những yêu cầu mới đối với năng lực quản trị đa văn hoá tại Khu kinh tế và các địa bàn phụ cận.

Có thể thấy rằng, nguồn nhân lực phục vụ sự vận hành của Khu kinh tế Vũng Áng đến từ các địa phương, vùng miền, quốc gia khác nhau, với sự đa dạng về dân tộc, tôn giáo, phong tục tập quán, ngôn ngữ; sự khác biệt trong quan niệm về giá trị, chuẩn mực, trong suy nghĩ, lối sống, cách sống... đã tạo nên sự phong phú, đa dạng văn hóa trong môi trường làm việc của các công ty, doanh nghiệp và đối tác của các cơ quan, đơn vị trong khu vực công. Sự đa dạng văn hóa sẽ thúc đẩy sự sáng tạo trong lao động, sản xuất của doanh nghiệp vì dù có sự khác biệt về văn hóa vùng miền, quốc gia nhưng tất cả mọi người đều hướng đến cùng mục tiêu chung của tổ chức. Mặt khác, môi trường làm việc đa văn hóa và năng lực quản trị đa văn hoá cũng góp phần khẳng định uy tín các công ty, doanh nghiệp, cơ quan, đơn vị. Nó không chỉ giúp doanh nghiệp “ghi điểm”, mà còn là cơ hội để tuyển dụng nguồn nhân tài đa dạng, có chất lượng. Như vậy, sự đa dạng nguồn nhân lực trong Khu kinh tế Vũng Áng đã tạo ra một môi trường làm việc đa văn hoá. Nhìn từ khía cạnh tích cực, môi trường làm việc đa văn hoá luôn là yếu tố kích thích sự sáng tạo. Những giá trị văn hóa mới trong tổ chức thường mang lại

những kích thích, thúc đẩy sự sáng tạo, hình thành những cách tiếp cận và giải quyết vấn đề mới, đưa các công ty, doanh nghiệp, cơ quan, đơn vị phát triển theo những hướng mới, tránh những lối mòn cũ. Đồng thời, môi trường làm việc đa văn hoá cũng tạo ra sự giao lưu, tiếp biến các hệ giá trị văn hoá tiên bộ của các quốc gia, địa phương khác, làm giàu thêm bản sắc văn hóa, chuẩn giá trị của quốc gia, địa phương, tổ chức.

Tuy nhiên, sự xuất hiện, pha trộn văn hóa nhiều vùng miền, quốc gia khác nhau tại Khu kinh tế Vũng Áng cũng đặt ra những yêu cầu đối với năng lực quản trị đa văn hoá của các công ty, doanh nghiệp trong Khu kinh tế thị và các cơ quan, đơn vị trong khu vực công cũng như cấp uỷ, chính quyền các địa phương vùng phụ cận. Sự khác biệt về hệ thống các tiêu chuẩn, giá trị, hành vi, cách ứng xử trong làm việc và sinh hoạt của các tổ chức, chuyên gia, nhà quản lý, người lao động đến từ các vùng miền, quốc gia khác nhau nếu không dung hoà được có thể dẫn đến những những mâu thuẫn nhỏ trong một phạm vi rất hẹp, những mâu thuẫn nhỏ ấy không được giải quyết kịp thời, bị tích tụ lại, dần dần mở rộng ra thành những xung đột văn hóa.

Xung đột trong văn hóa được hiểu là sự khác biệt văn hóa bị đẩy đến mức mâu thuẫn gay gắt, đến sự phủ định lẫn nhau giữa các giá trị và bản sắc văn hóa khác nhau. Nói cách khác, đó là sự đấu tranh loại trừ, chôi bỏ giữa giá trị văn hóa này với giá trị văn hóa kia; bản sắc của một cộng đồng này có thể bị hiểu sai do những cộng đồng văn hóa khác coi những cái đó là “không quan trọng”. Sự xung đột trong tín ngưỡng, phong tục, tập quán, lối sống dưới nhiều hình thức, song suy đến cùng, về bản chất, nó là sự va chạm, sự đụng độ mạnh mẽ, sự đối lập gay gắt giữa các quan niệm khác nhau về giá trị và hệ thống các giá trị. Một khi sự va chạm, sự đụng độ mạnh mẽ, sự đối lập gay gắt ấy không được giải quyết một cách khéo léo, kịp thời, hợp lý và theo tinh thần khoan dung thì rất có thể sẽ dẫn đến xung đột văn hóa.

Khi lao động trong một công ty, doanh nghiệp, các công ty trong Khu kinh tế, cán bộ, công chức trong khu vực công và đối tác của họ theo đuổi những giá trị văn hóa khác nhau thì có thể dẫn tới các xung đột văn hóa và làm cho môi trường làm việc trở nên khó khăn hơn. Con người thường chỉ có thể cảm thấy thoải mái trong một môi trường văn hoá quen thuộc; khi phải sống và làm việc trong một môi trường có văn hóa khác biệt so với môi trường mà họ đã quen thuộc họ thường gặp phải các xung đột văn hóa⁽³⁶⁾. Sự khác biệt về giá trị văn hóa và niềm tin khiến mọi người bất hòa với nhau, và một khi cá nhân này bảo vệ giá trị văn hóa này còn cá nhân khác lại bảo vệ giá trị văn hóa khác thì sẽ có

³⁶ Đặng Khắc Ánh (2016): Quản lý đa văn hoá - nhu cầu kiến thức cần thiết đối với đội ngũ cán bộ, công chức trong thời kỳ Hội nhập quốc tế. Tạp chí Quản lý Nhà nước, số 167 (tháng 12/2009), tr.13.

nguy cơ dẫn đến xung đột. Ở một chiều hướng khác, xung đột văn hoá cũng có thể tạo ra nguy cơ san bằng, đồng nhất, thậm chí tha hoá, thủ tiêu các hệ giá trị, các chuẩn mực văn hóa mang tính riêng biệt của quốc gia, vùng miền. Xung đột văn hóa rất khó giải quyết vì các bên có niềm tin khác nhau. Sự “lệch pha” trong văn hóa và lối sống giữa người dân sống ổn định lâu năm ở địa phương và người mới đến để tham gia vào các hoạt động của Khu kinh tế Vũng Áng; sự tách biệt với phong tục tập quán và văn hóa địa phương sẽ khiến cho các tệ nạn xã hội hoặc các hiện tượng “lệch chuẩn” có nguy cơ gia tăng. Đó chính là nguyên nhân làm nảy sinh các vấn đề xã hội trong quá trình vận hành của Khu kinh tế Vũng Áng.

3. Những vấn đề đặt ra đối với quản trị đa văn hoá tại Khu kinh tế Vũng Áng trong giai đoạn hiện nay

Quản trị đa văn hóa (Multicultural management) được Adler định nghĩa là: “Nghiên cứu con người trong các tổ chức trên toàn thế giới, mô tả hành vi tổ chức thông qua các quốc gia và các nền văn hóa. Quan trọng hơn, nó nghiên cứu nhằm tìm hiểu và thúc đẩy mối quan hệ tương tác giữa các đồng nghiệp, khách hàng và đối tác đến từ các quốc gia và các nền văn hóa khác nhau. Nó mở rộng phạm vi quản trị của các nhà quản trị doanh nghiệp từ trong nước tới phạm vi quốc tế, trong đó bao gồm cả sự đa dạng về văn hóa”⁽³⁷⁾. Sự tác động của môi trường đa văn hóa đã và đang đặt ra yêu cầu đối với các nhà quản trị về tính cấp thiết trong việc nâng cao kiến thức, kinh nghiệm về hoạt động quản trị đa văn hóa nhằm tìm hiểu và đưa ra các chính sách hợp lý để ngăn chặn hoặc giảm thiểu các tác động tiêu cực của các xung đột văn hóa trong hoạt động kinh doanh quốc tế; tạo điều kiện cho các chuyên gia, các kỹ thuật viên, lao động ở các vùng miền, quốc gia khác làm quen và thích nghi được với nền văn hóa của vùng miền, quốc gia nơi họ đến làm việc. Việc nâng cao năng lực quản trị đa văn hóa giúp các công ty, doanh nghiệp, cơ quan, đơn vị có thêm nhiều cơ hội tích lũy kinh nghiệm về quản trị nguồn nhân lực đa dạng văn hóa một cách có hiệu quả, biến đặc điểm đa dạng văn hóa thành nguồn lực và thế mạnh của mình trong hoạt động kinh doanh quốc tế. Quản trị đa văn hóa cũng được nhiều doanh nghiệp coi là chiến lược để giải quyết những mâu thuẫn do sự khác biệt văn hóa.

Thực tiễn cho thấy, trong giai đoạn hiện nay, tại các công ty, doanh nghiệp, các cơ quan, đơn vị trong khu vực công hoạt động tại Khu kinh tế Vũng Áng và các địa bàn phụ cận đang có sự tồn tại một cách tất yếu *sự khác biệt về văn hóa giữa nhiều nhóm người đến từ các vùng miền trong nước và các quốc gia khác*. Các nền văn hóa khác nhau luôn có những nguyên tắc và những chuẩn mực khác nhau, nó có thể là hữu ích, là cần thiết đối với một nền văn hóa nào đó, song lại rất có thể là không có ích, không cần thiết, thậm chí đi ngược lại các giá trị của

³⁷ Theo *Giáo trình Quản trị kinh doanh*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân

một nền văn hóa khác. Bối cảnh đó đã và đang đặt ra yêu cầu về nâng cao năng lực quản trị đa văn hoá đối với các nhà quản lý tại Khu kinh tế Vũng Áng, các cơ quan, đơn vị và địa phương phụ cận nơi có lao động cư trú, trước hết ở các doanh nghiệp, nhất là các doanh nghiệp trong khu vực kinh tế tư nhân, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, lực lượng lao động nước ngoài cũng như lao động đến từ các vùng miền khác trong nước và cấp uỷ, chính quyền các vùng phụ cận, trước hết là địa bàn thị xã Kỳ Anh.

Xuất phát từ việc nhận diện đặc điểm môi trường đa văn hoá và những nguy cơ có thể dẫn đến xung đột văn hoá, tập thể tác giả bài viết gợi mở một số vấn đề đặt ra đối với năng lực quản trị đa văn hoá tại Khu kinh tế Vũng Áng và cấp uỷ, chính quyền các địa phương phụ cận như sau:

Thứ nhất: Cần có những nhận thức đúng đắn về tầm quan trọng và sự tất yếu cần thiết của quản trị đa văn hoá đối với sự phát triển của các công ty, doanh nghiệp

Quản trị đa văn hoá nhằm mục đích để hiểu và tôn trọng những khác biệt văn hóa, cũng như cung cấp môi trường làm việc tốt nhất có thể cho mọi nhân viên. Quản trị đa văn hoá còn giúp tổ chức tạo ra một môi trường làm việc năng động, tạo ra sự độc lập và động cơ cho các thành viên trong công ty, doanh nghiệp. Trước những ảnh hưởng của văn hóa đến quản trị, đặc biệt là trong bối cảnh toàn cầu hóa kinh tế, nhận thức đúng đắn về tầm quan trọng và sự cần thiết của quản trị đa văn hoá sẽ giúp cho các công ty, doanh nghiệp, nhà quản lý và người lao động có cơ sở để phân tích được các chiến lược kinh doanh quốc tế phù hợp thông qua các chủ đề chuyên sâu về văn hóa, chiến lược, phương thức thâm nhập thị trường quốc tế, marketing tích hợp, trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp, quản trị nhân lực và nghệ thuật giao tiếp, đàm phán đa văn hóa, hoà nhập thân thiện, tìm được điểm tương đồng trong các hệ giá trị, chuẩn mực khác nhau.

Năng lực quản trị đa văn hóa là một trong những yếu tố quan trọng, cần thiết để các công ty, doanh nghiệp tại Khu kinh tế Vũng Áng không chỉ thu hút nhân tài ở các vùng miền trong nước và nước ngoài mà còn có thể tạo ra một môi trường văn hóa làm việc dung hòa giữa các nhân sự đến từ nhiều vùng miền, quốc gia khác nhau. Chia sẻ trên tờ *Fastcompany*, chuyên gia tư vấn David Livermore - nhà sáng lập Cultural Intelligence Center, một trung tâm tư vấn quản trị đa văn hóa, tác giả quyển *Driven by Difference: How Great Companies Fuel Innovation through Diversity* (tạm dịch: *Phát triển nhờ khác biệt: Cách những công ty lớn nuôi dưỡng sáng tạo thông qua đa dạng hóa*) cho rằng: Giữa ý thức về khác biệt văn hóa và định kiến có một ranh giới rất mong manh. Nhận thức được những đặc điểm phổ biến của một nền văn hóa là điều tốt, nhưng nếu bám chặt vào những đặc điểm chung này có thể dẫn người quản lý đến sự định kiến ngầm. Cấp quản lý cần mở rộng tư duy để hiểu thêm về nhu

cầu làm việc, giao tiếp giữa các thành viên trong đội ngũ, từ đó giúp họ giải tỏa những mâu thuẫn, hiểu nhầm nếu có.

Có thể thấy rằng, quản trị đa văn hóa là tìm kiếm sức mạnh cộng hưởng thay vì những xung đột. Trong quá trình vận hành của Khu kinh tế Vũng Áng, các nhà quản lý (cả khu vực công và khu vực tư) phải có khả năng nhận diện và làm việc với nhiều loại hình văn hóa tồn tại đồng thời trong một tổ chức hay mạng lưới kinh doanh; có khả năng đương đầu với những khác biệt văn hóa và luôn coi những nền văn hóa khác nhau tồn tại song song như một lẽ tất yếu; thay vì coi khác biệt văn hóa là một vấn đề phải đối mặt, mà có thể coi đó là một cơ hội để phát triển những kỹ năng đặc biệt, giúp các nhà quản lý đương đầu với môi trường làm việc đa văn hóa và giải quyết những khó khăn một cách nhạy bén, tận dụng được sức mạnh cộng hưởng, xây dựng tiền đề, môi trường cho sự phát triển bền vững của công ty, doanh nghiệp và địa phương.

Thứ hai: Kiến thức và kỹ năng giao tiếp đa văn hóa phải được coi là nhân tố quan trọng để đảm bảo có thể sống và làm việc trong một môi trường đa quan niệm giá trị, đa ngôn ngữ và đa quy tắc.

Hoạt động chung sống của con người trong một công ty, doanh nghiệp, địa phương được xem như một xã hội thu nhỏ, đòi hỏi phải thừa nhận những giá trị văn hoá của những người khác, không thể áp đặt các giá trị của một người cho những đối tượng đến từ các nền văn hoá khác. Trong quá trình vận hành của Khu kinh tế Vũng Áng và sự phát triển của các địa phương phụ cận, việc xuất hiện những giao tiếp ứng xử đa văn hóa giữa các cá nhân và tổ chức có những quan niệm về chuẩn giá trị văn hóa khác nhau là tất yếu. Để giao tiếp ứng xử một cách chuẩn mực với những người có các giá trị văn hóa khác mà không phát sinh mâu thuẫn, cần phải có sự hiểu biết, tôn trọng các giá trị văn hóa khác biệt và nắm được các kỹ năng giao tiếp đa văn hóa. Khả năng thấu hiểu, cảm nhận và từ đó có cách thức ứng xử thích hợp với những đối tượng có quan niệm giá trị văn hoá khác nhau là rất cần thiết cho cuộc sống cộng đồng.⁽³⁸⁾

Có thể hiểu khả năng giao tiếp đa văn hóa là khả năng tương tác, tiếp xúc, trao đổi thông tin, cảm xúc giữa những người đến từ nhiều nền văn hóa, có nhiều quan niệm về giá trị và cách biểu đạt văn hóa khác nhau. Giao tiếp đa văn hóa là một nhu cầu tất yếu, nhất là trong thời kỳ hội nhập. Thực tế cho thấy, giao tiếp đa văn hóa ngày càng khẳng định được vai trò của nó đối với sự ổn định và phát triển của các doanh nghiệp, khu kinh tế.

³⁸ Đặng Khắc Ánh (2021): Tăng cường bồi dưỡng kiến thức quản lý liên văn hóa cho cán bộ, công chức, viên chức ở Việt Nam trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế. Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc tế: Quản lý đa dạng văn hóa trong bối cảnh hội nhập quốc tế. NXB. Bách khoa Hà Nội, tr.463-480

Năng lực quản trị đa văn hoá của một công ty, doanh nghiệp hay một cơ quan, đơn vị trong khu vực công tại Khu kinh tế Vũng Áng cần phải được thể hiện trong khả năng nhận diện và giải quyết tốt các rào cản trong giao tiếp đa văn hóa. Phát triển kiến thức và kỹ năng giao tiếp giữa các cá nhân và tương tác giữa các nền văn hóa rất quan trọng. Rõ ràng, nguồn nhân lực phục vụ sự vận hành của Khu kinh tế đến từ nhiều nền văn hóa khác nhau; khác nhau về quan điểm, các tư duy, cách hành xử khi nhìn nhận cùng một sự vật, hiện tượng; khác nhau trong quan niệm về những chuẩn mực trong khoa học tổ chức, quản lý, làm việc... Hiểu biết sâu về văn hóa sẽ tạo cơ sở vững chắc tác động đến sự thành công hay thất bại của quá trình giao tiếp, đặc biệt là nhận diện và giải quyết tốt các rào cản về ngôn ngữ, rào cản về nhận thức trong giao tiếp đa văn hóa; khắc phục những khó khăn về hiểu nghĩa và sử dụng ngôn ngữ và phương ngữ. Mặt khác, các nền văn hóa khác nhau và hệ thống các giá trị, niềm tin, đạo đức, ngôn ngữ, hành vi, quy tắc và biểu hiện trong giao tiếp, việc không hiểu rõ về văn hóa của các đối tác có thể dẫn đến những xung đột trong giao tiếp khi vi phạm vào những điều cấm kỵ về văn hóa. Chính vì vậy, một trong những yêu cầu cơ bản nhất của ứng xử trong môi trường đa văn hóa là biết cách chấp nhận các giá trị văn hóa khác biệt, không cố chấp.

Quản trị đa văn hoá tốt sẽ tạo điều kiện thúc đẩy nhanh quá trình hình thành trong công ty, doanh nghiệp, người lao động một số kỹ năng giao tiếp, ứng xử hiệu quả trong môi trường đa văn hóa như: Tìm hiểu tập quán và ngôn ngữ (cả ngôn từ và phi ngôn từ) của đối tác tham gia giao tiếp, tránh những xung đột và hiểu nhầm không đáng có; thể hiện đức tính kiên nhẫn với người tham gia đối thoại, nhất là khi người đó đang sử dụng ngôn ngữ không quen thuộc với họ; biết lắng nghe, “lắng nghe đồng cảm”, “lắng nghe để kết nối” để không chỉ nắm bắt từ ngữ mà còn nắm bắt được cả nội dung, ý nghĩa mà đối phương muốn truyền tải; sử dụng cách diễn đạt ngôn ngữ đơn giản, trong sáng, dễ hiểu tránh sử dụng ngôn từ thiếu trong sáng, có thể dẫn đến hiểu nhầm; cần có kiến thức về lịch sử văn hóa và lễ nghi giao tiếp đa văn hóa... Mặt khác, năng lực quản trị đa văn hoá sẽ giúp hình thành các chuẩn giá trị của văn hoá doanh nghiệp, văn hoá lao động, văn hoá giao tiếp ứng xử trong công ty, doanh nghiệp. Giá trị cốt lõi của văn hoá nội bộ doanh nghiệp là giá trị của niềm tin, từ đó tạo ra các giá trị sống và cống hiến, thể hiện qua các giá trị bên ngoài như cách hành xử, tương tác giữa các cá nhân, phòng ban trong công ty, doanh nghiệp, cơ quan, đơn vị.

Thứ ba, cần xác định năng lực quản trị đa văn hoá đang từng bước trở thành một trong những năng lực quan trọng trong lãnh đạo, quản lý của cấp ủy, chính quyền các địa phương trong phạm vi tác động của Khu kinh tế Vũng Áng.

Trên địa bàn thị xã Kỳ Anh nói chung và các xã, phường phụ cận Khu kinh tế Vũng Áng đang có sự hiện diện của một lực lượng lao động trong và

ngoài nước đến sinh sống và làm việc. Sự đan xen, giao thoa về văn hoá đang diễn ra thường xuyên, liên tục, hằng ngày, hằng giờ. Thực tế đó đặt ra những yêu cầu mới trong hoạt động lãnh đạo, quản lý trên góc độ văn hoá, trước hết đó là năng lực quản trị đa văn hoá của lãnh đạo, quản lý của cấp ủy, chính quyền các địa phương. Khi người lao động tới một vùng đất mới, họ phải tìm cách thích nghi với văn hóa ở nơi đó, sẽ là rất tốt nếu người dân địa phương tạo điều kiện cho những người công nhân sinh sống trên địa bàn được tham gia nhiều hơn vào các sinh hoạt văn hóa địa phương, cùng nhau chia sẻ những giá trị, tạo ra bầu không khí xã hội hoà thuận và ổn định, hỗ trợ cho sự phát triển nhân cách con người hướng tới những giá trị, chuẩn mực chung, ngăn chặn nguy cơ xung đột văn hoá, bảo đảm sự phát triển ổn định của cộng đồng. Để tạo làm được điều đó, cấp ủy, chính quyền các địa phương trong phạm vi tác động của Khu kinh tế Vũng Áng cần quan tâm nâng cao nhận thức và năng lực quản trị đa văn hoá đối với từng tổ chức và khả năng làm việc trong môi trường đa văn hoá của đội ngũ cán bộ, công chức. Những tác động của sự đa dạng văn hóa trên địa bàn đã và đang đặt ra yêu cầu đối với đội ngũ cán bộ, công chức về sự cần thiết của việc nâng cao trình độ, kiến thức, kinh nghiệm, kỹ năng làm việc trong môi trường đa văn hoá, nhất là trong giao tiếp, ứng xử. Việc trang bị những kiến thức cần thiết về giao tiếp, ứng xử đa văn hóa giúp cho các cán bộ, công chức thực hiện có hiệu quả hoạt động công vụ trong môi trường đa văn hoá, giảm thiểu những tương tác tiêu cực, ngăn chặn nguy cơ dẫn đến xung đột văn hoá.

Trước mắt, cấp ủy, chính quyền các địa phương trong phạm vi tác động của Khu kinh tế Vũng Áng cần tiếp tục thực hiện nghiêm túc Chỉ thị 52-CT/TW *“Về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác nâng cao đời sống văn hóa tinh thần cho công nhân lao động khu công nghiệp, khu chế xuất”*, trong đó đặc biệt quan tâm bố trí quỹ đất để xây dựng thiết chế văn hóa và nâng cao hiệu quả việc sử dụng, vận hành các thiết chế văn hóa trong Khu kinh tế; đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức, ý thức cùng tham gia, tạo cơ hội, môi trường để những người lao động trong Khu kinh tế sinh sống trên địa bàn tham gia các lễ hội truyền thống, sinh hoạt văn hoá, văn nghệ, thể dục thể thao, các hoạt động từ thiện... của địa phương. Khi người lao động cảm thấy yêu vùng đất mới, yêu những con người ở nơi mới họ sẽ mong muốn tìm hiểu văn hóa, truyền thống của vùng đất đó và khi gặp khó khăn họ sẽ chia sẻ, tạo ra một sự giao thoa, tiếp biến văn hoá một cách tự nhiên, không khiên cưỡng, gò ép, hạn chế đến mức thấp nhất nguy cơ dẫn đến xung đột văn hoá. Cùng với việc tạo điều kiện để tiếp cận, giao lưu văn hóa giữa các vùng miền, quốc gia có lao động đến làm việc trên địa bàn, cấp uỷ, chính quyền các địa phương cần quan tâm phối hợp với các doanh nghiệp tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm, tính kỷ luật và sự tuân thủ pháp luật, quy định của Việt Nam và của địa phương nói

chung, những điều nên làm và không nên làm trên góc độ văn hóa, nhất là trên các lĩnh vực của đời sống tinh thần, tâm linh, đức tin, tín ngưỡng. Đồng thời, cần có chế tài để xử phạt nghiêm, đủ sức răn đe những hành vi vi phạm pháp luật của Việt Nam và phù hợp với thông lệ quốc tế.

Thứ tư: Năng lực quản trị đa văn hoá của các cơ quan, đơn vị trong khu vực công tại Khu kinh tế Vũng Áng phải trở thành một trong những nhân tố quan trọng quyết định đến việc tạo dựng môi trường văn hoá thuận lợi cho sự phát triển.

Sự đa dạng văn hóa trong môi trường làm việc tại Khu kinh tế Vũng Áng cần phải được các cơ quan, đơn vị trong khu vực công nhận diện và ứng xử phù hợp thông qua việc nâng cao năng lực quản trị đa văn hoá. Trong các cơ quan, đơn vị khu vực công tại Khu kinh tế Vũng Áng, việc xác định quan điểm, nguyên tắc tổ chức, xử lý công việc phải dựa trên nền tảng quan điểm, định hướng của Đảng và Nhà nước, tuân thủ các quy định pháp luật, quy chế, nội quy của cơ quan, tổ chức. Tuy nhiên, khi cơ quan, đơn vị hoạt động trong môi trường đa văn hóa, chịu tác động của nhiều cách tiếp cận khác nhau về thời gian, thông tin, lập kế hoạch, ra quyết định, phong cách giao tiếp ứng xử, cách thức giải quyết xung đột, phát triển khả năng lãnh đạo... thì mỗi cơ quan, đơn vị cũng cần xác định quan điểm, nguyên tắc riêng để hình thành các giá trị, chuẩn mực riêng cho tổ chức mình. Mặt khác, cán bộ, công chức trong các cơ quan, đơn vị này đều là công dân Việt Nam, chi phối bởi sự thống nhất và đa dạng của nền văn hóa Việt Nam. Tuy nhiên, để thực hiện chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị, mỗi cán bộ, công chức cần phải có quan hệ với các đối tác khác nhau, có nền văn hóa khác nhau. Điều này cũng đặt ra yêu cầu đối với mỗi cơ quan, đơn vị trong việc xây dựng những quan điểm, nguyên tắc làm việc phù hợp với môi trường đa văn hóa.

Cần phải khẳng định rằng, hệ thống các quan điểm, nguyên tắc làm việc của cơ quan, đơn vị khu vực công tại Khu kinh tế Vũng Áng trước hết phải tuân thủ những quy định pháp luật Việt Nam, tôn trọng bản sắc văn hóa Việt Nam, tôn trọng sự khác biệt trong giao tiếp, ứng xử của mỗi cá nhân nhưng vẫn phải đảm bảo thuần phong mỹ tục, thẩm mỹ hành vi phù hợp với các giá trị văn hóa của tổ chức đề ra. Trong môi trường làm việc đa văn hoá, việc tổ chức, phân công, phối hợp thực hiện các nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị, nhất là những nhiệm vụ cần làm việc với các đối tác có sự khác biệt về văn hóa, người lãnh đạo, quản lý cần chú trọng lựa chọn cán bộ có am hiểu về văn hóa, đất nước, con người của đối tác, có khả năng giao tiếp ứng xử và sử dụng tốt ngôn ngữ của đối tác; không ngừng nâng cao năng lực quản trị đa văn hoá thông qua việc bố trí sắp xếp công việc theo sở trường và chuyên môn của cán bộ phù hợp trình độ năng lực, kinh nghiệm, mối quan hệ, nhằm tạo sự gắn kết, tôn trọng đối tác, tôn

trọng các nguyên tắc làm việc chung và các khác biệt về quan điểm, nhận thức, chuẩn giá trị; tuyệt đối không chỉ trích, bài xích lẫn nhau khi có nhiều khác biệt về văn hóa, phong tục, tập quán, tôn giáo, tín ngưỡng; hạn chế tối đa nguy cơ dẫn đến xung đột văn hóa; chủ động theo dõi để quản lý, xử lý thấu đáo, hài hòa nếu có xung đột văn hóa xảy ra. Xử lý tốt những mâu thuẫn, xung đột văn hoá (nếu có) là một trong những yếu tố quan trọng khẳng định năng lực quản trị đa văn hoá của người lãnh đạo, quản lý các cơ quan, đơn vị trong khu vực công tại Khu kinh tế Vũng Áng.

Như vậy, một trong những yêu cầu đặt ra đối với năng lực quản trị đa văn hoá của người lãnh đạo, quản lý của các cơ quan, đơn vị khu vực công tại Khu kinh tế Vũng Áng là tìm ra được điểm chung tương đồng văn hóa lớn nhất, tạo sự đồng thuận, thống nhất bằng quy tắc ứng xử hài hòa, tôn trọng của các bên trong môi trường làm việc chung, tất cả hướng tới kết quả công việc, mục tiêu của tổ chức; xử lý thông minh, mềm dẻo khi có sự xung đột về văn hóa trong đội ngũ cán bộ, công chức, người lao động và các đối tác để thỏa mãn tối đa đặc thù văn hóa khác nhau mà không phương hại đến bản sắc văn hóa và lợi ích quốc gia, dân tộc.

Thứ năm: Trình độ và kỹ năng làm việc trong môi trường đa văn hoá phải được xác định là một trong những yêu cầu quan trọng nhất đối với mỗi cán bộ, công chức công tác tại Khu kinh tế Vũng Áng và các địa phương phụ cận trong quá trình thực thi công vụ.

Thực thi công vụ trong môi trường đa văn hóa đòi hỏi mỗi cán bộ, công chức không những phải nâng cao năng lực chuyên môn mà còn chú trọng học tập, rèn luyện các kỹ năng cần thiết khác. Có như vậy, mỗi cán bộ, công chức mới có thể vừa thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ được giao đồng thời tạo dựng được mối quan hệ, gắn kết với đồng nghiệp, đối tác trong môi trường đa văn hóa vốn chứa đựng trong đó rất nhiều hệ giá trị khác nhau và luôn tiềm ẩn nguy cơ xung đột.

Để đáp ứng được những yêu cầu trên, trước hết mỗi cán bộ, công chức cần nghiên cứu, tìm hiểu căn bản về lịch sử, văn hóa, truyền thống của đất nước, dân tộc của các tổ chức, cá nhân làm việc với mình để nhận diện và thấu hiểu sự khác biệt về văn hóa của họ; học cách sẵn sàng đón nhận những ý tưởng mới; nhận diện được các thách thức trong môi trường đa văn hóa để tìm cách thích nghi với những nền văn hóa khác nhau; trong giao tiếp, ứng xử phải đảm bảo nguyên tắc tôn trọng lẫn nhau, thể hiện sự văn minh, lịch sự; coi trọng cách tiếp cận bình đẳng, mang tính tương tác, vừa làm giàu tri thức văn hóa cho bản thân vừa hạn chế, loại bỏ mâu thuẫn, xung đột trong thực thi các công vụ; chú trọng chia sẻ cho đối tác hiểu được các giá trị văn hóa truyền thống dân tộc, địa phương và của cơ quan, tổ chức mình; chủ động tiếp thu các giá trị văn hóa tốt đẹp của đối tác để cùng thay đổi, thích nghi và hoà hợp, vừa tăng cường hiệu

quả phối hợp thực thi nhiệm vụ, vừa đảm bảo được tính thống nhất, đa dạng trong môi trường làm việc đa văn hóa.

Trong môi trường đa văn hóa, khi làm việc với các tổ chức, cá nhân đến từ các nền văn hóa khác nhau, mỗi cán bộ, công chức cần phải xây dựng các mối quan hệ tốt để thực thi hiệu quả nhiệm vụ công; chú trọng trau dồi kỹ năng tạo dựng, thiết lập và chủ động duy trì các mối quan hệ cộng tác với các đối tác là cá nhân hoặc tổ chức đến từ những dân tộc, vùng miền khác nhau với những nét văn hóa đặc thù, khác biệt về quan điểm, nhận thức. Bên cạnh đó, phải thường xuyên trau dồi phương pháp và phong cách làm việc chuyên nghiệp; coi trọng kỷ luật làm việc, đúng giờ giấc, đúng hẹn, chuẩn mực ứng xử lịch sự trong công việc; đề cao tinh thần phản biện, thực sự dân chủ, cầu thị, biết lắng nghe; có nền tảng kiến thức, kỹ năng chuyên môn theo chuẩn quốc tế; nắm vững pháp luật, quy định, thông lệ quốc tế; học cách thích ứng với môi trường đa văn hóa, chấp nhận các giá trị văn hóa khác biệt, tức là thừa nhận các giá trị văn hóa khác mình; không có chấp, không kỳ thị, phân biệt tôn giáo, tín ngưỡng, sắc tộc; đề cao chuẩn mực công vụ gắn với đạo đức, quy tắc ứng xử công vụ, văn hóa công sở; đề cao các giá trị phổ biến cần tuân thủ như liêm chính, trách nhiệm, dân chủ, minh bạch, chuyên nghiệp; không ngừng nâng cao năng lực giao tiếp bằng tiếng Anh; rèn luyện thành thạo kỹ năng tin học, ứng dụng nền tảng kỹ thuật số./.

TĂNG CƯỜNG CÔNG TÁC QUẢN LÝ THUẾ ĐỐI VỚI CÁC DOANH NGHIỆP VÀ NHÀ THẦU TẠI KHU KINH TẾ VŨNG ÁNG

Trương Quang Long
Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Hà Tĩnh

Tại thời điểm hiện nay Khu kinh tế Vũng Áng có 478 doanh nghiệp đang hoạt động, trong đó có 348 doanh nghiệp trong nước, 130 doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI). Tổng số vốn đầu tư vào KKT hàng trăm nghìn tỷ đồng, trong đó vốn đầu tư từ các doanh nghiệp FDI là hàng chục tỷ USD (*Riêng vốn đầu tư của Công ty TNHH Gang thép hưng nghiệp Formosa Hà Tĩnh trên 12 tỷ USD*). Giải quyết việc làm cho hàng chục nghìn lao động là con em Hà Tĩnh và các tỉnh lân cận.

Khu kinh tế Vũng Áng thành lập đã góp phần lớn trong thay đổi cơ cấu nguồn thu và tăng thu Ngân sách của tỉnh, đưa Hà Tĩnh từ tỉnh có số thu thấp thành tỉnh có số thu tương đối cao trong cả nước, cụ thể:

- Số thu Ngân sách trước khi có Khu kinh tế Vũng Áng: Từ năm 1991 đến năm 2005 tổng số thu NSNN toàn tỉnh là 2.002 tỷ đồng (Biểu số thu như sau):

ĐVT: Tỷ đồng

Năm	Tổng thu NSNN
1991	18
1992	36
1993	44
1994	60
1995	86
1996	99
1997	96
1998	101
1999	113
2000	96
2001	103
2002	125
2003	206
2004	351
2005	465
Tổng	2.002

- Số thu Ngân sách khi có Khu kinh tế: từ năm 2006 đến hết năm 2022 tổng số thu NSNN toàn tỉnh là 78.281 tỷ đồng trong đó số thu từ Khu kinh tế Vũng Áng là trên 17.953 tỷ đồng chiếm 23% tổng thu NSNN và 33% tổng thu từ Thuế phí (Biểu số thu như sau):

ĐVT: Tỷ đồng

Năm	Tổng thu NSNN	Trong đó: Thu từ KTT Vũng Áng
2006	525	0,2
2007	700	0,4
2008	817	1,4
2009	1.141	2,5
2010	1.785	76
2011	2.209	357
2012	3.056	982
2013	4.281	1.662
2014	5.072	1.411
2015	7.086	2.425
2016	5.511	1.277
2017	6.025	1.530
2018	6.757	1.814
2019	7.231	1.535
2020	7.988	2.460
2021	9.324	1.638
2022	8.773	1.681
Tổng	78.281	17.983

- Dự kiến số thu NSNN năm 2023: 8.000 tỷ đồng, trong đó số thu từ Khu kinh tế Vũng Áng là 1.800 tỷ đồng

Khu kinh tế Vũng Áng ra đời với lợi thế về điều kiện tự nhiên và các chính sách ưu đãi, đây được xem là **“thời nam châm”** thu hút các dự án mang tầm vóc chiến lược, tạo sức lan tỏa trong ngành công nghiệp của tỉnh. Các dự án lớn như: Dự án Khu liên hợp Gang thép Formosa Hà Tĩnh; Dự án Nhiệt điện Vũng Áng 1, Nhiệt điện Vũng Áng II, Dự án cụm Cầu cảng số 1, số 2, số 3.... Những dự án trên đã đóng góp số thu ngân sách lớn chiếm trên 70% số thu từ KKT.

Để có được kết quả thu Ngân sách như trên trên trước hết là chủ trương đúng đắn của Tỉnh ủy, HĐND, sự điều hành linh hoạt của UBND tỉnh, sự đồng thuận đồng hành của cộng đồng doanh nghiệp và sự vào cuộc quyết liệt của cả hệ thống chính trị, trong đó Cục Thuế là đơn vị được giao nhiệm vụ tham mưu chủ lực và trực tiếp tổ chức thực hiện quản lý thuế tại KKT. Cục Thuế đã triển khai đồng bộ các giải pháp quản lý thuế, nhằm tạo điều kiện cho nhà đầu tư đồng thời bảo đảm quản lý thuế đúng quy định của pháp luật, tạo sự bình đẳng trong hoạt động SXKD, góp phần khuyến khích, thu hút vốn đầu tư trong và ngoài nước. Hiện nay 100% doanh nghiệp trong KKT đã thực hiện kê khai, nộp thuế điện tử và sử dụng hóa đơn điện tử đồng thời làm tốt công tác cải cách thủ tục hành chính về thuế và các chính sách gia hạn, miễn, giảm thuế, tiền thuê đất hỗ trợ doanh nghiệp ... đã được các doanh nghiệp, nhà đầu tư trong và ngoài nước đánh giá cao, mang lại hiệu quả tích cực.

Cùng với các giải pháp tạo điều kiện cho NNT, để quản lý tốt thuế nhà thầu thời gian qua Cục Thuế đã chỉ đạo các đơn vị liên quan thực hiện rà soát và phân loại các dự án đầu tư có khả năng phát sinh thuế để yêu cầu các nhà thầu thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế, những doanh nghiệp đã đăng ký thuế, phải thường xuyên cập nhật thông tin, theo dõi việc thanh toán giữa chủ đầu tư với nhà thầu nước ngoài để theo dõi tiến độ nộp thuế và thực hiện quyết toán thuế kịp thời khi kết thúc hợp đồng, tránh tình trạng nhà thầu đã về nước nhưng chưa tổ chức thu thuế hoặc chưa quyết toán thuế. Khi thực hiện quyết toán thuế cần kiểm tra, đối chiếu việc thực hiện kê khai nộp thuế đối với các khoản thanh toán của hợp đồng được quyết toán cũng như các hợp đồng khác và yêu cầu chủ đầu tư hoặc các nhà thầu nộp thuế nếu chưa nộp đúng, đầy đủ hoặc chưa kê khai nộp thuế. Thông qua công tác giám sát kê khai, thanh tra, kiểm tra đã điều chỉnh tăng thuế nhà thầu hàng nghìn tỷ đồng.

Nhằm tạo điều kiện phát triển tại các KKT Nhà nước đã có nhiều chính sách thuế ưu đãi cho các dự án đầu tư vào KKT. Các doanh nghiệp được thành lập từ dự án đầu tư được hưởng ưu đãi thuế cao hơn địa bàn khác đã góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế vùng, miền, thu hút đầu tư, mở rộng sản xuất - kinh doanh. Việc thực hiện các chính sách ưu đãi thuế tại KKT đã góp phần thu hút đầu tư, tạo thêm việc làm cho lao động. Tuy nhiên, đây cũng là thách thức lớn cho ngành Thuế Hà Tĩnh trong việc quản lý thuế. Bên cạnh các doanh nghiệp chấp hành tốt chính sách pháp luật thuế, thì vẫn còn nhiều doanh nghiệp lợi dụng chính sách về ưu đãi thuế để thực hiện kê khai sai nhằm làm giảm số thuế

phải nộp. Lợi dụng chính sách ưu đãi này một số doanh nghiệp thành lập các Công ty con hoạt động trong KKT được ưu đãi thuế TNDN và tìm cách chuyển lợi nhuận trước thuế sang Công ty con để được hưởng ưu đãi thuế. Đặc biệt là các Doanh nghiệp FDI có dấu hiệu chuyển giá, chuyển lợi nhuận ra nước ngoài dưới hình thức khai báo giá chuyển nhượng vốn góp giá trị cao hoặc kê khai giá trị đầu vào cao dẫn đến Doanh nghiệp liên tục lỗ, số lỗ năm sau cao hơn năm trước, với số lỗ khai báo như vậy, có nhiều doanh nghiệp đến khi kết thúc dự án cũng không phát sinh thuế thu nhập doanh nghiệp.... Hành vi chuyển giá là vấn đề hết sức phức tạp, đòi hỏi phải có thông tin chính xác để có phương pháp đấu tranh với doanh nghiệp đồng thời cần được sự hỗ trợ thông tin từ Tổng cục Thuế và các ngành liên quan. Mặt khác, nhiều doanh nghiệp FDI là đối tác hoặc là công ty thuộc tập đoàn lớn, đa quốc gia nên công tác quản lý, chống thất thu thuế, chống chuyển giá gặp rất nhiều khó khăn.

Nhận thức được vấn đề đó, Cục Thuế Hà Tĩnh đã chỉ đạo tăng cường thanh tra, kiểm tra xác định giá thị trường trong giao dịch kinh doanh giữa các bên có quan hệ liên kết. Đồng thời phối hợp với các ngành chức năng nhằm tăng cường xây dựng cơ sở dữ liệu và kết nối thông tin để có hệ thống thông tin bảo đảm cho quá trình quản lý thuế nói chung và quản lý thuế đối với doanh nghiệp FDI nói riêng. Từ đó nâng cao hiệu quả công tác quản lý thuế, khai thác nguồn thu, chống thất thu NSNN, bảo đảm sự công bằng cho người nộp thuế. Đồng thời, đã nâng cao ý thức tuân thủ, chấp hành pháp luật trong việc khai và nộp thuế đối với doanh nghiệp trong KKT.

Để tiếp tục thu hút đầu tư của các Doanh nghiệp vào KKT Vũng Áng nhưng vẫn đảm bảo tăng thu ngân sách, chống thất thu thuế trong thời gian tới Cục Thuế sẽ tăng cường tập trung một số nhiệm vụ giải pháp trọng tâm như sau:

- Tích cực tham mưu tỉnh các chính sách thuế trong thu hút đầu tư, khuyến khích các doanh nghiệp mở rộng SXKD và các giải pháp quản lý có hiệu quả nguồn thu trong KKT. Phối hợp với các sở, ngành liên quan rà soát và tổ chức thực hiện kịp thời các nội dung liên quan đến Quản lý thuế nhằm quản lý tốt nguồn thu, chống thất thu ngân sách.

- Làm tốt công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật thuế đến các doanh nghiệp trong KKT nhằm nâng cao sự đồng thuận trong việc thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước. Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính theo hướng đơn giản, rõ ràng, minh bạch, công khai và hiện đại hóa, góp phần cải thiện môi trường đầu tư và hoạt động sản xuất kinh doanh; ứng dụng tốt công nghệ thông tin vào

công tác quản lý thuế, nâng cao chất lượng dịch vụ kê khai, nộp thuế, hoàn thuế điện tử.

- Tổ chức hội nghị tuyên dương Doanh nghiệp, NNT thực hiện tốt chính sách pháp luật thuế và đối thoại để kịp thời tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc; khảo sát đánh giá sự hài lòng, lắng nghe ý kiến của NNT trong thực hiện nghĩa vụ nộp ngân sách và các vướng mắc phát sinh về thủ tục hành chính và quy định hành chính.

- Thường xuyên kiểm tra, rà soát, đối chiếu với các cơ quan liên quan (Sở KHĐT; BQL KKT) về số lượng doanh nghiệp đăng ký kinh doanh, các dự án đầu tư mới để đưa vào theo dõi quản lý; Tập trung rà soát, giám sát việc kê khai của các doanh nghiệp để kịp thời phát hiện các trường hợp kê khai chậm, khai không đúng số thuế phải nộp vào Ngân sách Nhà nước để có biện pháp chấn chỉnh kịp thời. Thực hiện miễn, giảm, giãn, hoàn thuế đúng quy định tạo để điều kiện cho các doanh nghiệp chủ động về tài chính và thực hiện chính sách thuế. Tăng cường kiểm tra, giám sát hoàn thuế.

- Thực hiện thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật thuế; tập trung phân tích các hồ sơ có dấu hiệu rủi ro, Có dấu hiệu chuyển giá, trốn thuế....để xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm. Phối hợp với các ngành chức năng xây dựng cơ sở dữ liệu và kết nối thông tin cho quá trình quản lý thuế nói chung và quản lý thuế đối với doanh nghiệp FDI nói riêng. Thông qua công tác thanh tra, kiểm tra tại doanh nghiệp nắm bắt những khó khăn vướng mắc để hỗ trợ, tháo gỡ và hướng dẫn NNT thực hiện tốt chính sách pháp luật thuế đồng thời phát hiện bất cập về chính sách để có những kiến nghị các cơ quan chức năng sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với thực tế.

- Đôn đốc các doanh nghiệp nộp đầy đủ kịp thời số thuế phát sinh theo quy định. Triển khai đồng bộ các biện pháp thu hồi nợ đọng thuế.

- Thường xuyên tổ chức đào tạo, bồi dưỡng trình độ chuyên môn, nghiệp vụ (nhất là trình độ ngoại ngữ), tăng cường kỷ luật, kỷ cương, nâng cao tinh thần trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, công chức trong thực thi công vụ. Thực hiện tốt công tác phòng chống tham nhũng, tiết kiệm, chống lãng phí.

Thời gian qua thu ngân sách từ Khu kinh tế Vũng Áng bước đầu đã đạt được một số kết quả nhất định nhưng vẫn còn không ít khó khăn, thách thức phía trước. Tuy nhiên, với quyết tâm cao của Lãnh đạo tỉnh, sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị đồng thời tranh thủ sự giúp đỡ của Trung ương hy vọng, trong

tương lai không xa Khu kinh tế Vũng Áng sẽ phát huy hết tiềm năng, lợi thế, thu hút các nhà đầu tư lớn trong và ngoài nước, trở thành KKT động lực, hiện đại đưa Hà Tĩnh trở thành tỉnh có số thu ngân sách hàng năm cao của cả nước./.

QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG TẠI KHU KINH TẾ VŨNG ÁNG, THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP

Dương Thành Trung
Phó Giám đốc Sở Xây Dựng

1. Khái quát chung về Khu kinh tế Vũng Áng

Khu kinh tế Vũng Áng thành lập năm 2006, được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch chung tại Quyết định số 1076/QĐ-TTg ngày 20/8/2007; là một trong 05 Khu kinh tế trọng điểm của cả nước và là 08 Khu kinh tế ven biển được Chính phủ lựa chọn để tập trung phát triển với định hướng trở thành một trung tâm công nghiệp luyện thép, nhiệt điện và cảng nước sâu lớn nhất Việt Nam.

2. Thực trạng về đầu tư xây dựng Khu kinh tế Vũng Áng

Sau hơn 16 năm xây dựng và phát triển, Khu kinh tế Vũng Áng đã được tập trung đầu tư phù hợp định hướng Quy hoạch chung Khu kinh tế Vũng Áng; bước đầu đã hoàn thành khung kết cấu hạ tầng chính quan trọng đáp ứng yêu cầu của nhà đầu tư, hình thành một số tuyến giao thông trục chính, các tuyến trục ngang, trục dọc xương sống kết nối các phân khu chức năng, các dự án cấp nước, xử lý nước thải, xử lý rác thải, cung cấp điện, các công trình dự án quan trọng và các khu đô thị, khu dân cư trong Khu kinh tế Vũng Áng, cụ thể như: xây dựng được 103,62 Km tuyến đường giao thông, 116ha hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, nhà máy nước với công suất 49.000m³/ngày đêm, nhà máy xử lý rác thải tại Kỳ Tân với công suất 150 tấn/ngày đêm; hệ thống thu gom và xử lý nước thải với công suất 1.000m³ ngày đêm, 18 công trình giáo dục, 05 trụ Sở UBND các phường, xã, 23 công trình văn hóa, 06 công trình y tế, 01 Khu nhà ở thí điểm cho cán bộ, công nhân với khả năng cung cấp 6000 chỗ ở; đồng thời nhiều dự án khác có quy mô lớn cũng đang được đầu tư xây dựng gồm 04 công trình giao thông với tổng chiều dài 12,87 km, công trình cấp nước khu kinh tế Vũng Áng...Diện tích đất công nghiệp theo quy hoạch là 4.895ha, trong đó diện tích theo quy hoạch đã đăng ký đầu tư trong các khu công nghiệp 2.822 ha, đạt 57,65% tổng diện tích quy hoạch.

Tính đến thời điểm hiện nay, trên địa bàn Khu kinh tế Vũng Áng thu hút được 153 dự án, bao gồm: 56 dự án có vốn đầu tư nước ngoài với tổng số vốn đăng ký 16.040,933 triệu USD và 97 dự án đầu tư trong nước với số vốn đăng ký 55.799,410 tỷ đồng; trong đó có dự án Khu liên hợp gang thép và cảng nước sâu Sơn Dương với quy mô lớn đã đi vào hoạt động tạo cơ hội phát triển cho

nhiều ngành công nghiệp và mở ra triển vọng tiếp tục thu hút các nhà đầu tư lớn đến từ các nước có nền khoa học tiên tiến.

Bên cạnh những kết quả đạt được thì trong công tác quản lý hoạt động xây dựng vẫn còn một số bất cập, tồn tại:

- Công tác tổ chức tập huấn, tuyên truyền, hướng dẫn, phổ biến pháp luật về xây dựng còn chưa được quan tâm đúng mức;

- Công tác giám sát, kiểm tra đôn đốc sau cấp phép đầu tư chưa thường xuyên, chưa kịp thời phát hiện, xử lý những vi phạm của nhà đầu tư hoặc tham mưu cấp có thẩm quyền xử lý.

- Bên cạnh các dự án lớn đã đi vào hoạt động, sản xuất kinh doanh có hiệu quả, trong thời gian qua có một số dự án đầu tư đã bị chấm dứt hoạt động, chậm tiến độ so với quyết định chủ trương đầu tư, giấy chứng nhận đăng ký đầu tư được cấp, vướng mắc về thủ tục pháp lý đang chờ hướng dẫn của các cơ quan có thẩm quyền nên chưa thể xử lý dứt điểm, gây lãng phí tài nguyên, tạo hình ảnh không đẹp về môi trường đầu tư của tỉnh nhà.

- Quy hoạch chung thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2035 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 706/QĐ-TTg ngày 07/6/2018 bao trùm toàn bộ Khu kinh tế Vũng Áng tuy nhiên giữa hai Đồ án quy hoạch vẫn còn sự chông chéo, một số nội dung chưa thống nhất.

- Công tác quản lý quy hoạch của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh, UBND thị xã Kỳ Anh mặc dù đã được quan tâm, chú trọng, tuy nhiên do số lượng cán bộ, công chức phụ trách lĩnh vực còn hạn chế nên một số công trình xây dựng trong Khu kinh tế Vũng Áng vẫn còn tình trạng xây dựng chưa phù hợp quy hoạch, vi phạm trật tự xây dựng.

- Một số Đồ án Quy hoạch đã được phê duyệt nhưng chất lượng chưa cao, nên trong quá trình triển khai thực hiện dự án phải điều chỉnh nhiều lần.

- Quỹ đất Quy hoạch đất công nghiệp chưa được sử dụng còn hạn chế khoảng 22% (hiện nay Tập đoàn Vingroup đã nộp hồ sơ đề xuất thực hiện dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Vinhomes Vũng Áng với diện tích đất công nghiệp khoảng 1000 ha, nếu được chấp thuận thì tổng diện tích đất công nghiệp đã cho thuê là 3.822 ha chiếm khoảng 78% diện tích đất công nghiệp theo quy hoạch). Vì vậy, cần phải có định hướng mở rộng Khu kinh tế Vũng Áng.

3. Định hướng phát triển Khu kinh tế Vũng Áng

1. Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Hà Tĩnh lần thứ XIX đề ra chỉ tiêu “phấn đấu đến năm 2030 hình thành các thành phố phía Bắc và phía Nam của tỉnh”

2. Quy hoạch tỉnh Hà Tĩnh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, đã xác định các định hướng tạo đột phá phát triển cho tỉnh trong đó có Khu kinh tế Vũng Áng, cụ thể:

- Về cụm ngành kinh tế trọng điểm:

+ Công nghiệp luyện thép, chế tạo sau thép và sản xuất điện là đầu tàu phát triển kinh tế: Xanh hóa và hiện đại hóa công nghiệp thép thông qua việc phát triển các chuỗi công nghiệp chế biến, chế tạo đa dạng để tạo thành mô hình kinh tế sinh thái, kinh tế tuần hoàn; tận dụng tiến bộ của công nghiệp 4.0 để hiện đại hóa các ngành công nghiệp nặng (đặc biệt là ngành thép) và các ngành sản xuất khác. Đặt trọng tâm là sản xuất thép chất lượng cao và phát triển các ngành công nghiệp hậu thép theo nhu cầu thị trường. Phát triển ngành công nghiệp sản xuất điện sử dụng nguồn năng lượng sạch và bền vững. Đồng thời, thu hút các ngành công nghiệp chế biến trong tương lai như: dược phẩm sinh học, công nghệ kỹ thuật số... Xây dựng Hà Tĩnh trở thành một trong những trung tâm công nghiệp lớn của cả nước, đồng thời dừng tiếp nhận các dự án có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường.

+ Dịch vụ logistics là ngành mới có triển vọng lâu dài, cần được đầu tư kịp thời: Xây dựng và vận hành cảng nước sâu quốc tế tổng hợp Sơn Dương, khai thông và phát triển luồng vận chuyển hàng hóa theo hành lang Đông - Tây kết nối với Lào và Đông Bắc Thái Lan.

- Về trung tâm đô thị

+ Trung tâm đô thị phía Nam với hạt nhân là thị xã Kỳ Anh (hiện là đô thị loại III) gắn với Khu kinh tế Vũng Áng và các vùng phụ cận. Trung tâm đô thị này sẽ trở thành trung tâm công nghiệp nặng, chế biến chế tạo, dịch vụ logistics và tiềm năng phát triển thành đô thị trung tâm của vùng Bắc Trung Bộ. Phấn đấu đến cuối năm 2025, thị xã Kỳ Anh trở thành thành phố - đô thị loại II. Về lâu dài, thị xã Kỳ Anh sẽ kết nối với huyện Kỳ Anh với chức năng vùng đệm cho thị xã Kỳ Anh và có thể mở rộng không gian phát triển khi phát triển đô thị lên loại II trong tương lai.

- Về Hành lang kinh tế, gồm:

Hành lang kinh tế đồng bằng ven biển cùng với Quốc lộ 1, cao tốc Bắc - Nam đang triển khai và Quốc lộ ven biển là những tuyến giao thông huyết mạch,

là trục trung tâm liên kết chặt chẽ với hệ thống đô thị tại khu vực Bắc Trung bộ:

+ Tập trung phát triển Khu kinh tế Vũng Áng, trong đó ưu tiên phát triển công nghiệp sản xuất thép và các sản phẩm từ thép, nhiệt điện, cảng biển, dịch vụ logistics, du lịch biển;

- Một trung tâm động lực tăng trưởng: Khu kinh tế Vũng Áng với nòng cốt là Khu liên hợp gang thép Formosa, cụm cảng nước sâu Vũng Áng - Sơn Dương, các khu công nghiệp trong Khu kinh tế và thị xã Kỳ Anh sẽ là động lực, tạo đột phá về kinh tế - xã hội trong vùng Bắc Trung Bộ, tạo sự liên kết phát triển giữa các tỉnh Bắc Trung Bộ và một cửa ngõ quan trọng ra biển của vùng Bắc Trung Bộ và các nước Lào, Thái Lan

4. Giải pháp về quản lý hoạt động xây dựng

Đề Xây dựng Khu Kinh tế Vũng Áng đa ngành nghề, đa lĩnh vực, với các trụ cột: Công nghiệp luyện kim, năng lượng, chế biến, chế tạo; Trung tâm logistics và dịch vụ cảng biển; Phát triển thương mại, dịch vụ, tạo nền tảng vững chắc. Phát triển đồng bộ khu liên hợp công nghiệp luyện kim, công nghiệp hỗ trợ, chế biến, chế tạo, trung tâm điện lực gắn với cụm cảng nước sâu Vũng Áng - Sơn Dương; đảm bảo hiệu quả tổng hợp về kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh, bảo vệ môi trường; thúc đẩy tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa; đảm bảo các mục tiêu định hướng của tỉnh; cần có các giải pháp tổng thể liên quan đến nhiều ngành, nhiều lĩnh vực. Đối với lĩnh vực quản lý hoạt động xây dựng và quy hoạch xây dựng cần thực hiện một số giải pháp trọng tâm như sau:

- Tăng cường công tác tập huấn, tuyên truyền, hướng dẫn, phổ biến các quy định mới của pháp luật về xây dựng cho các Chủ đầu tư, Ban quản lý dự án, các doanh nghiệp tham gia hoạt động xây dựng trên địa bàn.

- Quan tâm công tác đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động.

- Tiếp tục tập trung rà soát và xử lý các dự án đầu tư chậm tiến độ, chậm đưa đất vào sử dụng, xử lý nghiêm các dự án vi phạm, kiên quyết thu hồi giấy chứng nhận đầu tư, quyết định chủ trương đầu tư khi có đủ cơ sở pháp lý; đồng thời đồng hành, hướng dẫn nhà đầu tư tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ xây dựng dự án, sớm đưa dự án vào hoạt động sản xuất, kinh doanh.

- Tăng cường kiểm tra, giám sát sau cấp phép đầu tư và trong quá trình hoạt động sản xuất, kinh doanh của các dự án; kiên quyết xử lý các vi phạm kịp

thời, theo đúng quy định, tạo môi trường đầu tư minh bạch, bình đẳng.

- Tăng cường kiểm tra giám sát tiến độ triển khai dự án sau khi chấp thuận chủ trương đầu tư; hướng dẫn, đôn đốc nhà đầu tư thực hiện các hồ sơ, thủ tục cần thiết để triển khai dự án đúng quy định; rà soát các nguyên nhân gây chậm tiến độ thực hiện dự án để có phương án cùng nhà đầu tư tháo gỡ; xử lý nghiêm lỗi vi phạm tiến độ hoặc vi phạm các quy định của pháp luật có liên quan; trường hợp dự án chậm tiến độ kéo dài có nguyên nhân từ phía nhà đầu tư, nhà đầu tư không có khả năng tiếp tục triển khai thì thực hiện thủ tục, quy trình chấm dứt hoạt động dự án theo đúng quy định; tạo môi trường đầu tư công bằng, bình đẳng, tạo thuận lợi triển khai dự án đối với các doanh nghiệp thực hiện nghiêm túc cam kết đầu tư.

- Bố trí nguồn vốn, thu hút đầu tư xây dựng các dự án hạ tầng khung, hạ tầng đầu mối theo Quy hoạch được duyệt.

- Rà soát, tham mưu điều chỉnh Kế hoạch phát triển nhà ở, tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2025, để đảm bảo các điều kiện thu hút các dự án phát triển nhà ở.

- Nghiên cứu điều chỉnh quy hoạch, mở rộng quy mô Khu Kinh tế Vũng Áng; ưu tiên quy hoạch quỹ đất xây dựng các khu chức năng, khu công nghiệp, thương mại, dịch vụ quy mô lớn. Tổ chức lập mới, điều chỉnh quy hoạch phân khu xây dựng, quy hoạch chi tiết xây dựng các khu chức năng trong Khu Kinh tế, gắn kết với Quy hoạch vùng thị xã Kỳ Anh và huyện Kỳ Anh, Quy hoạch vùng Nam Hà Tĩnh - Bắc Quảng Bình.

- Rà soát, điều chỉnh tổng thể Quy hoạch chung thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2035 đảm bảo phù hợp với định hướng phát triển Khu kinh tế Vũng Áng.

- Tăng cường công tác quản lý nhà nước về quy hoạch xây dựng đối với Ban Quản lý Khu kinh tế Vũng Áng, UBND thị xã Kỳ Anh; thường xuyên kiểm tra, phát hiện, xử lý, chấn chỉnh kịp thời các trường hợp vi phạm. Bổ sung số lượng biên chế, nâng cao năng lực trình độ cán bộ chuyên môn phụ trách.

- Rà soát tổng thể các dự án đã chấp thuận chủ trương đầu tư, cấp giấy chứng nhận đầu tư nhưng chưa triển khai thực hiện và thực hiện thu hồi nếu đảm bảo các điều kiện theo quy định.

- Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu liên thông trên nền GIS (quy hoạch, đất đai, môi trường...) phục vụ phát triển khu kinh tế Vũng Áng.

NÂNG CAO HIỆU QUẢ THỰC HIỆN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỘT CỬA TẠI BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ TỈNH

Hoàng Tùng Phong

Phó Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh

1. Thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa

Thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa là là phương thức tiếp nhận hồ sơ, giải quyết và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính, theo dõi, giám sát, đánh giá việc giải quyết thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân của một cơ quan có thẩm quyền thông qua Bộ phận Một cửa.

Việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trên thực tế là cách thức cơ quan nhà nước giải quyết thủ tục hành chính cho cá nhân, tổ chức và là một biện pháp quan trọng để cải cách thủ tục hành chính. Để góp phần làm thay đổi phương thức làm việc của cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương các cấp, nhằm tạo chuyển biến cơ bản trong quan hệ giữa cơ quan hành chính nhà nước với tổ chức, công dân, đơn giản hóa các thủ tục hành chính, giảm phiền hà, chi phí, thời gian, công sức cho tổ chức, công dân. Ngày 22 tháng 6 năm 2007, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Quyết định số 93/2007/QĐ-TTg ban hành Quy chế thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông tại cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương. Sau khi Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 93/2007/QĐ-TTg, các địa phương đã tổ chức tốt việc quán triệt, triển khai bao gồm các công việc, như: tuyên truyền, học tập, xây dựng đề án, chuẩn bị cơ sở vật chất, bố trí nhân lực, rà soát, lựa chọn và ban hành danh mục các công việc, lĩnh vực và thủ tục hành chính để triển khai thực hiện theo cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông; niêm yết, công khai các loại thủ tục hành chính, các quy định, mức thu phí, lệ phí để thực hiện thủ tục hành chính cho cá nhân, tổ chức biết và thực hiện.

Quan điểm chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ trong đề án Đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính là “(1) Lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm để phục vụ; sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp làm thước đo chất lượng và hiệu quả phục vụ của cán bộ, công chức, viên chức và cơ quan có thẩm quyền trong giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông; đáp ứng mục tiêu yêu cầu cải cách hành chính, nhất là việc cắt giảm, đơn giản hoá thủ tục hành chính

thông qua việc ứng dụng công nghệ thông tin. (2) Đẩy mạnh thực hiện chuyển đổi số trong hoạt động quản lý, cung cấp dịch vụ công, thay đổi cách thức quản trị hành chính từ truyền thống sang hiện đại, góp phần hình thành công dân số, doanh nghiệp số, thúc đẩy phát triển kinh tế số, xã hội số. (3) Bảo đảm tính khả thi, hiệu quả; hiện thực hoá chủ trương đẩy mạnh việc chuyển giao một số nhiệm vụ, dịch vụ hành chính công mà nhà nước không nhất thiết phải thực hiện cho doanh nghiệp, các tổ chức xã hội đảm nhiệm”.

2. Nhìn lại kết quả CCHC chung của tỉnh

- Giai đoạn 2011-2020, công tác CCHC trên địa bàn tỉnh đã có những chuyển biến tích cực, kết quả đạt được khá toàn diện trên cả 06 lĩnh vực, góp phần thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Chỉ số PAR INDEX của tỉnh ngày càng tăng về thứ hạng và liên tục nằm trong nhóm các tỉnh, thành phố có điểm trung bình cao cả nước, 4 năm liền (2016-2019) xếp thứ nhất trong cụm 6 tỉnh Bắc Trung Bộ, Chỉ số Hiệu quả quản trị hành chính công cấp tỉnh (PAPI liên tục 9 năm liền (2011-2019) thuộc nhóm 16 tỉnh, thành phố có điểm số cao nhất cả nước.

- Các sở, ban, ngành đã quan tâm triển khai các nhiệm vụ CCHC tại đơn vị và có nhiều đổi mới, sáng tạo trong quá trình thực hiện, công tác CCHC ngày càng được quan tâm hơn. Người đứng đầu cơ quan hành chính đã nâng cao vai trò, trách nhiệm trong việc lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện CCHC. Các nhiệm vụ trọng tâm của CCHC đã được triển khai đồng bộ, kịp thời đến từng cơ quan, đơn vị và từng cán bộ, công chức liên quan. Việc kiểm tra tình hình thực hiện CCHC được tổ chức thực hiện đúng kế hoạch và nghiêm túc, có hiệu quả; kịp thời phát hiện những tồn tại, hạn chế và đưa ra các giải pháp khắc phục.

- Công tác tuyên truyền CCHC được đẩy mạnh, góp phần nâng cao nhận thức của đội ngũ cán bộ, công chức và các tầng lớp nhân dân về CCHC, về tình hình chính trị - xã hội, kinh tế, an ninh - quốc phòng của tỉnh, của cả nước.

- Chất lượng và hiệu quả của hệ thống thể chế tỉnh nhà được nâng lên rõ rệt. Công tác xây dựng, ban hành và rà soát văn bản quy phạm pháp luật được tiến hành kịp thời, thường xuyên, có chất lượng và đồng bộ, nhất là xây dựng, ban hành được nhiều cơ chế, chính sách thiết thực đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Công tác cải cách TTHC được chú trọng đẩy mạnh, góp phần nâng cao chất lượng phục vụ đối với người dân, tổ chức, doanh nghiệp và đem lại nhiều thuận lợi trong quản lý hành chính nhà nước.

- Đặc biệt trong năm 2015, UBND tỉnh chỉ đạo cắt giảm tối thiểu 1/3 thành phần hồ sơ và giảm ½ thời gian giải quyết các TTHC; năm 2017 thành lập Trung tâm Hành chính công tỉnh (nay là Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh) đến hết năm 2018 tất cả 13/13 huyện, thành phố, thị xã đều có Trung tâm Hành chính công và đã đi vào hoạt động. Đây là bước đột phá mạnh mẽ trong cải cách TTHC được người dân, tổ chức đồng tình ủng hộ cao.

- Năm 2019, UBND tỉnh đã ban hành Đề án thí điểm chuyên giao một số nhiệm vụ hành chính công thực hiện qua dịch vụ bưu chính công ích trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh tại Quyết định số 2459/QĐ-UBND ngày 23 tháng 7 năm 2019; thành lập Ban Chỉ đạo Đề án, đồng thời ban hành kế hoạch hoạt động. Đến nay, đã thực hiện thí điểm 09 Sở (gồm các Sở: Thông tin và Truyền thông, Nội vụ, Ngoại vụ, Văn hóa - Thể thao và Du lịch, Khoa học và Công nghệ, Giáo dục và Đào tạo, Tài chính, Công Thương, Lao động TBXH); 04 đơn vị cấp huyện: UBND các huyện Lộc Hà, Cẩm Xuyên, Kỳ Anh và UBND thị xã Hồng Lĩnh và 08 xã trên địa bàn các đơn vị cấp huyện thí điểm.

- Ngày 15/8/2022, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 1656/QĐ-UBND về việc ban hành Danh mục 694 thủ tục hành chính đủ điều kiện triển khai dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh (*trong đó: cấp tỉnh 496 thủ tục, cấp huyện 131 thủ tục và cấp xã 67 thủ tục*). Đến nay, 100% Thủ tục hành chính một phần và toàn trình của tỉnh đã được công bố, công khai trên Cổng thông tin dịch vụ công trực tuyến của tỉnh và tích hợp trên cổng DVC quốc gia, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp nộp hồ sơ trực tuyến, thanh toán trực tuyến...

3. Kết quả thực hiện giải quyết TTHC của Ban quản lý khu kinh tế tỉnh

Ban quản lý Khu kinh tế đã có nhiều kết quả đạt được trong cải cách hành chính, tiếp nhận và giải quyết TTHC cho người dân, doanh nghiệp.

Nhằm tạo sự thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp nộp hồ sơ TTHC; Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh đã thực hiện bố trí 03 địa điểm tiếp nhận hồ sơ: Gồm Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả tại trụ sở chính của Ban (Kỳ Lợi, Kỳ Anh, Hà Tĩnh), tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và tại Cửa khẩu Cầu treo. Ban QLKKT tỉnh là đơn vị duy nhất bố trí 3 điểm tiếp nhận hồ sơ ở 3 khu vực nhằm

tạo điều kiện thuận lợi nhất cho người lao động, doanh nghiệp nộp hồ sơ TTHC. Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh đã tham mưu UBND tỉnh công bố 50 thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền (gồm 35 DVC toàn trình và 15 DVC một phần).

Tính từ khi khai trương Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (13/7/2017) đến nay, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh đã thực hiện tiếp nhận hơn 5000 hồ sơ TTHC, trong đó có 760 hồ sơ nộp qua mạng. Cơ bản các hồ sơ đã được giải quyết đúng hẹn.

Bên cạnh những kết quả đạt được, việc thực hiện cơ chế một cửa của Ban Quản lý Khu kinh tế vẫn còn một số tồn tại, hạn chế như tỷ lệ hồ sơ trực tuyến thấp; chất lượng một số văn bản về CCHC chưa cao; chưa có nhiều sáng kiến cấp tỉnh trong CCHC; có thời điểm chậm cập nhật công bố TTHC; công tác tuyên truyền về cải cách thủ tục hành chính chưa thực sự hiệu quả... ngoài ra, trong hoạt động xúc tiến đầu tư của Ban còn có một số khó khăn, vướng mắc như - Công tác tổ chức các hoạt động xúc tiến đầu tư mặc dù đã được quan tâm, triển khai đồng bộ nhiều giải pháp nhưng chưa đáp ứng được yêu cầu. Các hoạt động xúc tiến đầu tư đang thực hiện đơn lẻ, tính liên kết giữa các ngành, lĩnh vực chưa cao; Công tác xây dựng, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất chưa đáp ứng kịp thời nhu cầu của doanh nghiệp, nhà đầu tư cũng như chưa theo kịp tốc độ phát triển của khu vực. Việc công bố và cung cấp thông tin về các quy hoạch của tỉnh trên trang thông tin điện tử của tỉnh, các sở, ngành còn hạn chế; Thủ tục hành chính về đầu tư mặc dù đã có nhiều chuyển biến tích cực, hiệu quả nhưng chưa tương xứng với tốc độ thu hút đầu tư; chưa đáp ứng được yêu cầu của doanh nghiệp, nhà đầu tư trong điều kiện hiện hội nhập; Đội ngũ cán bộ làm công tác xúc tiến đầu tư của tỉnh còn mỏng, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, kinh nghiệm Xúc tiến đầu tư còn hạn chế, trình độ ngoại ngữ chưa đáp ứng được yêu cầu; Cơ sở hạ tầng đã được quan tâm đầu tư nhưng còn thiếu liên kết, chưa thực sự đồng bộ. Kinh phí phục vụ cho hoạt động xúc tiến đầu tư còn hạn hẹp...

4. Một số giải pháp nâng cao chất lượng thực hiện thủ tục hành chính một cửa tại Ban quản lý khu kinh tế tỉnh

Để nâng cao chất lượng giải quyết TTHC tại Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh, qua thực tiễn một số cơ quan, đơn vị, tôi xin mạnh dạn đề xuất một số giải pháp sau:

Một là: Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, triển khai thực hiện nhiệm vụ giải quyết thủ tục hành chính tại Ban quản lý khu kinh tế tỉnh

Chấn chỉnh việc tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính không thông qua Bộ phận Một cửa (nếu có); hạn chế tối đa việc người dân, doanh nghiệp phải đi lại nhiều lần; thường xuyên đôn đốc, kiểm tra việc giải quyết thủ tục hành chính, khắc phục tình trạng thiếu công khai, minh bạch thông tin về thủ tục hành chính; chỉ đạo cán bộ, công chức, viên chức làm việc tại Bộ phận Một cửa cập nhật đầy đủ hồ sơ thủ tục hành chính trên phần mềm một cửa điện tử; thực hiện nghiêm việc công khai xin lỗi của công chức, viên chức khi giải quyết thủ tục hành chính cho cá nhân, tổ chức chậm, quá hẹn trong giải quyết thủ tục hành chính; động viên, khen thưởng những công chức, viên chức hoàn thành xuất sắc trong việc giải quyết thủ tục hành chính và xử lý nghiêm, thay thế những công chức, viên chức có hành vi nhũng nhiễu, gây phiền hà cho cá nhân, tổ chức giải quyết thủ tục hành chính.

Nâng cao chất lượng xây dựng và ban hành các văn bản về cải cách hành chính như Kế hoạch CCHC của Ban đảm bảo sát đúng với chức năng, nhiệm vụ của Ban, phù hợp với kế hoạch CCHC chung của tỉnh.

Thường xuyên kiểm tra, soát xét, định vị, so sánh kết quả của Ban QL KKT tỉnh Hà Tĩnh với các sở ban ngành khác trong tỉnh hoặc so sánh với các Ban QLKKT của các tỉnh khác để học tập kinh nghiệm.

Hai là: Tiếp tục thực hiện Rà soát, đơn giản hoá thủ tục hành chính

Việc rà soát, đơn giản hoá thủ tục hành chính phải làm thực chất, phải có sự quan tâm về chiều sâu đối với các quy định hiện hành với thực tiễn để báo cáo đề xuất thay đổi, điều chỉnh các quy định hành chính nhằm cắt giảm thành phần hồ sơ; rút ngắn thời gian...

Ba là: Tăng cường công tác tuyên truyền, đẩy mạnh dịch vụ công trực tuyến

Công tác tuyên truyền về quy định thủ tục hành chính chính của Ban quản lý khu kinh tế tỉnh và các cách thức nộp hồ sơ cần thực hiện thường xuyên, sâu rộng, nhất là đối với các công ty, doanh nghiệp thường xuyên nộp hồ sơ để thực hiện trực tuyến toàn trình.

Bốn là: Nâng cao chất lượng đội ngũ công chức trực ở Bộ phận Một cửa

Việc tổ chức, vận hành Bộ phận Một cửa cần có sự tham gia của công chức đầu mối kiểm soát thủ tục hành chính để bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ của việc thực hiện các quy định của pháp luật về kiểm soát thủ tục hành chính và theo dõi tình hình kết quả giải quyết thủ tục hành chính.

Siết chặt kỷ luật công vụ và kỷ cương hành chính, thường xuyên kiểm tra và xử lý nghiêm những trường hợp vi phạm về thái độ ứng xử, những biểu hiện tiêu cực, những thiếu... nhất là những công chức, viên chức xử lý hồ sơ thủ tục hành chính quá hạn, nhằm nâng cao chất lượng cung ứng dịch vụ công của các cơ quan hành chính.

Năm là: Hiện đại hoá bộ phận một cửa, quy trình giải quyết

Niêm yết công khai đầy đủ, kịp thời danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền quản lý và giải quyết đúng quy định tại các Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả và niêm yết công khai địa chỉ tiếp nhận, xử lý phản ánh kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính theo Quyết định số 53/2021/QĐ-UBND ngày 06/12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh bằng nhiều hình thức.

Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính, nhằm tạo sự thuận lợi, minh bạch trong tiếp nhận và trả kết quả thủ tục hành chính; tuyên truyền sâu rộng đến quần chúng nhân dân, doanh nghiệp việc ứng dụng công nghệ thông tin trên các phương tiện, thiết bị thông minh nhằm từng bước cho người dân trở thành “công dân thông minh” nhằm nâng cao việc giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính của người dân trên môi trường mạng.

Thực hiện giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử; Công chức ở Bộ phận một cửa vừa có thể tiếp nhận hồ sơ, vừa có thể thẩm định, xử lý trình dự thảo lên lãnh đạo Ban để phê duyệt, ký số, trả kết quả không phụ thuộc vào không gian địa giới hoặc hồ sơ giấy./.

PHÁT HUY VAI TRÒ CỦA TỔ CHỨC CÔNG ĐOÀN TẠI CÁC DOANH NGHIỆP TRONG KHU KINH TẾ VỮNG ÁNG

Nguyễn Đức Thạch

UVBTV LĐLĐ tỉnh, Chủ tịch Công đoàn các Khu kinh tế tỉnh

Được thành lập theo Quyết định số 47/QĐ-LĐLĐ và đi vào hoạt động từ ngày 12/4/2016, ngày đầu thành lập Công đoàn Khu kinh tế tỉnh Hà Tĩnh có 13 CĐCS với gần 3.500 đoàn viên, đến nay sau 5 năm tổng số CĐCS tăng lên 70 đơn vị, với hơn 11.000 đoàn viên. Đội ngũ cán bộ CĐCS có 190 đồng chí, trong đó 155 đồng chí trình độ Cao Đẳng, Đại học (tỷ lệ 82%). Thời gian qua tập thể Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Công đoàn các Khu kinh tế tỉnh tập trung cao trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, hướng dẫn tổ chức các hoạt động. Đội ngũ cán bộ, đoàn viên, CNLĐ tiếp tục phát triển về số lượng, chất lượng được nâng cao, hoạt động công đoàn từng bước tập trung hướng về cơ sở, chăm lo thiết thực lợi ích đoàn viên, người lao động, tiếp tục phát huy vai trò là tổ chức đại diện của người lao động tại các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp. Tập trung chỉ đạo thực hiện hiệu quả nhiệm vụ đại diện, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên, CNVCLĐ; thực hiện tốt công tác chăm lo đời sống vật chất, tinh thần, kịp thời thăm hỏi những CNLĐ có hoàn cảnh khó khăn, ốm đau, hoạn nạn. Chương trình “Tết sum vầy”, “Tháng công nhân” hàng năm tiếp tục được lan tỏa và ngày càng đi vào thực chất, xem đây là đợt cao điểm trong tổ chức các hoạt động công đoàn; vị thế của Công đoàn các Khu kinh tế tỉnh ngày càng được khẳng định và nâng cao.

Các cấp công đoàn Khu kinh tế tỉnh đã thực hiện tốt công tác tham gia bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp chính đáng cho CNVCLĐ được xem là một trong những hoạt động nhằm thực hiện chức năng xuyên suốt của tổ chức Công đoàn Việt Nam, nhằm bảo vệ người lao động trong các doanh nghiệp hiện nay. Tập trung chỉ đạo các Công đoàn cơ sở phối hợp với lãnh đạo doanh nghiệp tổ chức đối thoại, tổ chức Hội nghị người lao động, tổ chức ký kết thỏa ước lao động tập thể, tăng cường xử lý các sự vụ, sự việc ngay tại cơ sở, tại chuyên sản xuất góp phần nâng cao năng lực sản xuất, thúc đẩy phát triển kinh doanh tạo tiền đề cho sự ổn định và phát triển. Tham gia quản lý xã hội, tham gia quản lý nhà nước, tham gia xây dựng nội quy, quy chế, thang bảng lương, định mức lao động trong doanh nghiệp. Thể hiện vị trí, vai trò của công đoàn trong quan hệ lao động.

Không ngừng thực hiện công tác tuyên truyền giáo dục nâng cao nhận thức pháp luật, chấp hành nội quy, quy chế cơ quan, của đơn vị, doanh nghiệp; sử dụng phong phú, đa dạng các hình thức tuyên truyền, vận dụng sáng tạo, linh hoạt để truyền tải các nội dung về pháp luật đến với người lao động. Quân bình hằng năm tuyên truyền được 80 đến 90% tổng số công nhân lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp, đã khâu nối làm việc với chủ doanh nghiệp, xây dựng kế hoạch, mục đích nội dung, không gian, thời gian đảm bảo phương tiện để thực hiện công tác tuyên truyền. Kết quả đã làm giảm tình trạng dưng việc tập thể, đình công, lãn công so với trước đây (*Trước năm 2016 có tới 3 vụ đình công, dưng việc tập thể tại Khu kinh tế Vũng Áng, từ năm 2017 đến nay không xảy ra vụ đình công, dưng việc nào*).

Thực hiện tốt công tác tuyên truyền, phát triển đoàn viên, thành lập công đoàn cơ sở tiêu biểu, tăng mạnh số lượng đoàn viên, thành lập công đoàn cơ sở giai đoạn 2016- 2023. Công tác này được xem là khâu then chốt để tồn tại và phát triển của tổ chức Công đoàn. Vì vậy hằng năm căn cứ vào chỉ tiêu của LĐLĐ tỉnh, nhiệm vụ của BQL để tập trung xây dựng kế hoạch, khảo sát doanh nghiệp, chọn lọc đối tượng để tuyên truyền và phát triển đoàn viên.

Các hoạt động phong trào được phát triển dân thông qua các năm và các nhiệm kỳ đại hội, tiêu biểu như phong trào văn hoá, văn nghệ trong hơn 7 năm qua đã tổ chức được hàng chục cuộc hội diễn, hội thi, liên hoan văn hoá nghệ thuật mà Công đoàn các khu Kinh tế tỉnh Hà Tĩnh đã đứng ra tổ chức và chỉ đạo các công đoàn cơ sở tổ chức nhân các ngày lễ kỷ niệm lớn của đất nước, của tổ chức và của công ty, doanh nghiệp. Phong trào TDTT được lan toả, các hoạt động như kéo co, bao bố, đá bóng, bóng chuyền, bóng bàn, cầu lông được duy trì thường xuyên, đã tổ chức nhiều chương trình hội thao, giải đấu, giao lưu với các đơn vị bạn. Thực hiện tốt công tác nâng cao sức khoẻ, tập thể dục giữa giờ đối với một số cơ quan đơn vị.

Công tác động viên thăm hỏi đã thành nề nếp, có tác dụng tới đoàn viên, đặc biệt là tinh thần kịp thời chia sẻ những hoạn nạn, khó khăn trong cuộc sống, đoàn viên người lao động cảm thấy ấm lòng khi được tổ chức công đoàn quan tâm giúp đỡ; các chương trình, các hoạt động xã hội từ thiện, các bản ký kết, thoả thuận hợp pháp nhằm đem lại phúc lợi cho đoàn viên ngày càng phát triển, mang lại lợi ích thiết thân cho người lao động.

Công tác đào tạo bồi dưỡng cho cán bộ đảng viên, công chức, cán bộ Công đoàn cơ sở được tăng cường, tập trung bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp

vụ, kỹ năng công tác, thực hành trong quá trình hoạt động. Công tác đối ngoại, giao lưu với mạng lưới công đoàn khu kinh tế, khu chế xuất, khu công nghiệp của các tỉnh, thành phố phía Bắc và toàn quốc được chú trọng. Đây được xem như là sân chơi, là diễn đàn trao đổi về nghiệp vụ, về cách làm để mỗi đơn vị vận dụng, có tính lan toả, góp phần xây dựng tổ chức CĐVN ngày càng phát triển và vững mạnh.

Hoạt động của Ban Nữ công, các mô hình tổ nhóm, câu lạc bộ được duy trì và nhân rộng, hoạt động của UBKT Công đoàn các cấp có nhiều chuyên biến, thông qua kiểm tra tạo tính nề nếp trong hoạt động và xây dựng tổ chức Công đoàn. Công tác thu - chi tài chính công đoàn ngày một khoa học, đảm bảo thu đúng, thu đủ và chi theo đúng quy định của pháp luật, dần tạo tính minh bạch, công khai trong quá trình hoạt động từ Công đoàn các Khu kinh tế tỉnh đến các công đoàn cơ sở.

Bên cạnh những kết quả đạt được, hoạt động công đoàn tại Khu kinh tế tỉnh còn gặp nhiều không ít khó khăn. Tuy đến nay tổng số đoàn viên, CNLĐ thuộc Khu kinh tế tỉnh Hà Tĩnh lên tới hơn 20 nghìn người song tỉ lệ qua đào tạo nghề còn rất ít (mới chiếm khoảng 70%), lực lượng lao động chất lượng cao còn hạn chế vì vậy nên quan hệ lao động còn tiềm ẩn nhiều phức tạp. Nhận thức pháp luật không đồng đều, người công nhân chưa được đào tạo, chưa có kỹ năng làm việc, chưa có tác phong công nghiệp nên hạn chế về việc thực hiện pháp luật, nội quy, quy định công ty, dẫn đến vi phạm kỷ luật lao động; xảy ra tranh chấp trong quan hệ lao động làm cho tổ chức công đoàn phải giải quyết nhiều việc liên quan đến kiến nghị đề xuất, chấm dứt HĐLĐ, có nguy cơ vi phạm pháp luật.

Về đội ngũ cán bộ công đoàn chuyên trách, cán bộ CĐCS. Còn một số hạn chế bất cập về trình độ chuyên môn, năng lực công tác, chưa đáp ứng với yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới. Về ý thức trách nhiệm, kỹ năng tuyên truyền, soạn thảo văn bản, xây dựng kế hoạch hoạt động phong trào chưa nhạy bén, năng động, chưa khoa học dẫn đến hiệu quả hoạt động chưa cao. Vị trí việc làm, tinh thần đoàn kết, giúp đỡ nhau trong công tác đôi lúc còn nể nang, hời hợt thiếu tính liên kết nên việc chỉ đạo hoạt động nhất là đối với hoạt động ở cơ sở chưa rõ nét, còn chung chung, tinh thần giám nghĩ, giám làm, giám chịu trách nhiệm chưa được lan toả. Sự bình quân chung chung, trong đánh giá nhận xét, trong khen thưởng, phúc lợi nên tạo sức ỳ trong hoạt động, công tác, thiếu ý chí phấn đấu vươn lên.

Cán bộ công đoàn cơ sở là kiêm nhiệm, nên hạn chế tính chiến đấu, sự liên lụy và ảnh hưởng tới việc làm khi tham gia đối thoại, đàm phán, thương lượng với chủ sử dụng lao động lại chính là người chi trả tiền lương cho mình.

Địa điểm, cơ sở vật chất phục vụ cho công tác tuyên truyền còn nghèo nàn, lạc hậu, chưa đáp ứng với thời kỳ CNH đất nước, HĐH đất nước nhất là cuộc cách mạng công nghệ 4.0 hiện nay.

Trong công tác phối hợp để giải quyết giữa các cấp uỷ chính quyền địa phương, các ban ngành chức năng có liên quan, đôi lúc chưa nhạy bén, chưa hình kỹ năng về xử lý các điểm nóng nhất là trong các thời điểm nhạy cảm.

Số doanh nghiệp nhỏ, rất nhỏ còn nhiều, chủ doanh nghiệp né tránh thiếu hợp tác nên việc thành lập công đoàn cơ sở chưa được như kỳ vọng đặt ra. (hiện nay trong khu kinh tế tỉnh có khoảng 153 dự án đầu tư hoạt động song mới chỉ thành lập được 70 công đoàn cơ sở- số các doanh nghiệp chưa có tổ chức công đoàn còn nhiều.).

Đặc biệt trong bối cảnh Việt Nam đã và đang là quốc gia thành viên của nhiều Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới (FTA), đặc biệt là Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP), lần đầu tiên vấn đề nhiều tổ chức công đoàn được quy định và áp dụng tại Việt Nam. Do đó, một thách thức lớn đặt ra là công đoàn Việt Nam phải cạnh tranh, thu hút đoàn viên công đoàn với tổ chức đại diện người lao động được thành lập ở cơ sở. Điều này làm thay đổi cơ bản nhận thức, nguyên tắc tổ chức, hoạt động, giá trị cốt lõi, truyền thống của tổ chức công đoàn đã được hình thành và khẳng định trong thực tế hơn 94 năm qua. Quá trình đổi mới và hội nhập của quê hương, đất nước đòi hỏi đội ngũ cán bộ công đoàn phải không ngừng nâng cao năng lực, trình độ để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Quan hệ lao động sẽ ngày càng phức tạp, nhiều vấn đề liên quan trực tiếp đến quyền, lợi ích, những bức xúc của người lao động đòi hỏi tổ chức công đoàn, cán bộ công đoàn phải thể hiện rõ hơn vai trò đại diện, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng cho đoàn viên và người lao động.

Trước bối cảnh còn nhiều khó khăn, thách thức trong tình hình mới, với quyết tâm tiếp tục nâng cao chất lượng hoạt động công đoàn trong giai đoạn mới, phát huy vai trò của tổ chức Công đoàn trong doanh nghiệp, Công đoàn các Khu kinh tế tỉnh Hà Tĩnh tập trung vào một số giải pháp như sau:

1. Bám sát thực tiễn, tổ chức thực hiện sáng tạo chủ trương của Đảng, đồng thời chủ động nghiên cứu, tham mưu kịp thời định hướng phát triển phong

trào công nhân và hoạt động công đoàn. Tập trung ãnh đạo, chỉ đạo, phân công nhiệm vụ cho các đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ, Ban Chấp hành nhìn chung thực hiện tốt các nhiệm vụ được phân công, phát huy vai trò chỉ đạo và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ tại cơ sở và các lĩnh vực được phụ trách, tăng cường phối hợp với BQL Khu kinh tế tỉnh và các ngành liên quan trong chỉ đạo hoạt động Công đoàn.

2. Quan tâm chăm lo lợi ích chính đáng của đoàn viên, lấy lợi ích là điểm quan trọng tập hợp, thu hút người lao động đến với tổ chức Công đoàn; tạo sự khác biệt rõ hơn những quyền, lợi ích của người lao động là đoàn viên công đoàn và chưa là đoàn viên công đoàn để tăng cường sự gắn kết giữa đoàn viên với tổ chức Công đoàn. Thực hiện tốt vai trò đại diện bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của đoàn viên, người lao động. Tiến hành đồng bộ cả ba khâu: Tham gia xây dựng, tổ chức triển khai, kiểm tra, giám sát chế độ, chính sách với sự phân công trách nhiệm của từng cấp công đoàn, đảm bảo quyền lợi tốt hơn cho người lao động.

3. Chú trọng nâng cao hiệu quả hoạt động công đoàn, kịp thời thích ứng với sự thay đổi nhanh chóng của tình hình thực tế. Cõi trọng chất lượng hoạt động của công đoàn cơ sở, lấy cơ sở làm địa bàn hoạt động chủ yếu, lấy nhu cầu hợp pháp, chính đáng của số đông đoàn viên, người lao động làm nền tảng cho hoạt động công đoàn, phát huy tính tự giác, tự nguyện gia nhập và tham gia hoạt động công đoàn của đoàn viên, người lao động.

Xây dựng CĐCS vững mạnh trong các doanh nghiệp. CĐCS phải thực hiện tốt chức năng đại diện chăm lo, bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động; nâng cao vai trò của CĐCS trong việc đại diện bảo vệ NLĐ về lĩnh vực luật pháp, giải quyết tranh chấp, thương lượng, hòa giải... CĐCS phải thực sự là chỗ dựa tin cậy, làm cho người lao động thấy được quyền lợi khi vào công đoàn. Thông qua công đoàn, người lao động thể hiện ý chí, nguyện vọng bằng thương lượng tập thể và đối thoại, thúc đẩy phát triển ổn định cho doanh nghiệp và xã hội. Đồng thời CĐCS phải tạo được niềm tin cho chủ sử dụng lao động, giúp họ nhận thấy khi có công đoàn thì quan hệ lao động ổn định và thuận lợi hơn. Đồng thời, đấu tranh vạch trần bản chất các tổ chức đại diện cho người lao động được thành lập không vì mục đích bảo vệ người lao động mà vì động cơ chính trị, chống phá đất nước hoặc do giới chủ thao túng, phá hoại tổ chức công đoàn, ảnh hưởng đến quyền lợi của doanh nghiệp và người lao động.

Thường xuyên đồng hành cùng doanh nghiệp, nắm chắc tình hình hoạt động của doanh nghiệp, tham gia với doanh nghiệp thúc đẩy sản xuất kinh doanh, để từ đó xây dựng kế hoạch vận động phát triển đoàn viên, thành lập CĐCS; làm tốt công tác tuyên truyền vận động phát triển đoàn viên, thành lập CĐCS, nội dung công tác tuyên truyền ngắn gọn, dễ hiểu, dễ nhớ, tập trung vào những vấn đề có ý nghĩa thiết thực, liên quan trực tiếp đến quyền lợi, nghĩa vụ của NLĐ khi tham gia vào tổ chức công đoàn, tự nguyện tích cực tham gia các hoạt động của tổ chức công đoàn. Đồng thời phải làm cho chủ sử dụng lao động hiểu được vai trò của tổ chức công đoàn trong doanh nghiệp.

4. Xây dựng đội ngũ cán bộ CĐCS có bản lĩnh chính trị vững vàng trên cơ sở lập trường giai cấp công nhân, tuyệt đối trung thành với lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, có phẩm chất đạo đức, trình độ, năng lực; đủ về số lượng, đồng bộ về cơ cấu để bảo đảm hoàn thành tốt các nhiệm vụ công đoàn trong thời kỳ mới, bảo đảm đủ nguồn cán bộ cho mỗi kỳ đại hội công đoàn các cấp. Việc xây dựng đội ngũ bắt đầu từ khâu sàng lọc cán bộ, lựa chọn cán bộ hội tụ đủ bản lĩnh, trình độ, uy tín tham gia lãnh đạo công đoàn, vì sự hạn chế của công tác cán bộ sẽ là những thách thức khi người lao động tự lựa chọn “thủ lĩnh” của mình.

Tập trung chỉ đạo thực hiện tốt vai trò của ban chấp hành CĐCS trong tổ chức tốt hội nghị CBCCVN, hội nghị người lao động, đối thoại doanh nghiệp; sửa đổi, bổ sung, ký mới thỏa ước lao động tập thể; phối hợp giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở, chế độ chính sách, pháp luật lao động. Tranh thủ các nguồn lực cho công tác đào tạo nhằm nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ CĐCS, nhất là năng lực đối thoại, thương lượng tập thể.

5. Tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức hoạt động công đoàn các cấp, không có nội dung nào thiết thực bằng chính những nội dung hoạt động của công đoàn tại các doanh nghiệp. Tập trung triển khai các nhiệm vụ trọng tâm, cốt lõi mà đoàn viên, người lao động quan tâm, mang lại những lợi ích trước mắt, lâu dài, hài hòa cho người lao động, người sử dụng lao động. Nội dung hoạt động phải thiết thực, phù hợp với điều kiện làm việc, ngành nghề, nhận thức của từng đối tượng đoàn viên, người lao động. Phương thức hoạt động cần linh hoạt, đa dạng, hiện đại, ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin; bám sát cơ sở và phục vụ người lao động; phong trào phải thiết thực, hấp dẫn, được người lao động đón nhận, tham gia. Tất cả các hoạt động phải thực sự có chiều sâu, có sức lan tỏa lớn để từ đó thu hút CNLĐ tự nguyện tham gia và hoạt động trong tổ chức Công đoàn.

Kiến nghị, đề xuất:

- Các cơ quan, sở ban ngành tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với các doanh nghiệp trên địa bàn: Công tác an toàn vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ...

- Ngành công an tăng cường bám nắm địa bàn, đặc biệt là vấn đề an ninh trong công nhân lao động, đề phòng, xử lý các thế lực thù địch, phân tử xấu thường xuyên lợi dụng những thời điểm khó khăn, nhạy cảm để thông tin xuyên tạc, sai sự thật; cần đề phòng hiện tượng CNLĐ ngừng việc, tụ tập đông người gây mất ổn định tại chính các doanh nghiệp và Khu kinh tế.

- Tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với các nhà thầu phụ của Dự án Formosa Hà Tĩnh, tránh để các vụ việc phát sinh gây ra ảnh hưởng đến tình hình an ninh chính trị, trật tự ATXH.

PHÁT TRIỂN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH TẠI KHU KINH TẾ VŨNG ÁNG HÀ TĨNH - NHỮNG VẤN ĐỀ ĐANG ĐẶT RA

Ths. Trần Thị Quỳnh Nga
Trưởng Chính trị Trần Phú

Dịch vụ công là những hoạt động phục vụ các nhu cầu cơ bản, thiết yếu của người dân vì lợi ích chung của cả cộng đồng, do nhà nước trực tiếp đảm nhận hay ủy quyền, tạo điều kiện cho khu vực tư thực hiện và chịu trách nhiệm, nhằm bảo đảm sự phát triển ổn định và công bằng xã hội. Có nhiều hình thức phân loại dịch vụ công, tùy thuộc các tiêu thức phân loại và ý đồ quản lý của nhà nước, nhưng hiện nay dịch vụ công thường được phân thành ba loại: (1) Dịch vụ hành chính công là dịch vụ gắn liền với chức năng quản lý nhà nước, mà đặc trưng của nó là gắn với thẩm quyền hành chính và thường do các cơ quan hành chính thực hiện. Đó là những hoạt động của nhà nước cung cấp các giấy tờ hành chính, tư pháp như: cấp phép, giấy chứng nhận, đăng ký, công chứng, thi hành án, thi thực, hộ tịch... (2) Dịch vụ sự nghiệp công gồm các hoạt động cung cấp phúc lợi xã hội thiết yếu cho người dân như: Giáo dục, y tế, văn hóa, khoa học, thể dục - thể thao, bảo hiểm, an sinh xã hội...(3) Dịch vụ công ích là các hoạt động cung cấp các hàng hóa, dịch vụ có tính chất kinh tế đáp ứng nhu cầu vật chất thiết yếu cho sinh hoạt của người dân và cộng đồng, nó gắn liền với việc cung cấp các cơ sở hạ tầng kỹ thuật cơ bản như: vệ sinh môi trường, xử lý rác thải, cấp thoát nước, điện chiếu sáng, giao thông đô thị...

Khu kinh tế Vũng Áng được Thủ tướng Chính phủ lựa chọn là 1 trong 5 khu kinh tế trọng điểm của cả nước được tập trung nguồn lực đầu tư phát triển giai đoạn 2013-2015 và 1 trong 8 khu kinh tế ven biển được ưu tiên để tập trung đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016-2020; được xác định là khu vực động lực phát triển, cần tiếp tục tập trung đầu tư xây dựng theo các Thông báo kết luận của lãnh đạo Đảng, Chính phủ. Điều này khẳng định được vai trò vị thế ngày càng quan trọng của khu kinh tế Vũng Áng, không chỉ là động lực, mục tiêu thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của riêng tỉnh Hà Tĩnh mà còn là động lực, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của khu vực Bắc Trung bộ và của cả nước. Hiện đã có 151 dự án đầu tư còn hiệu lực, gồm 94 dự án đầu tư trong nước với tổng vốn đầu tư đăng ký 59.908 tỷ đồng và 57 dự án đầu tư nước ngoài với tổng vốn đầu tư đăng ký 15,775 tỷ USD. Đến nay, công tác giao lại đất, cho thuê đất đã thực hiện 113 dự án với tổng diện tích 4.410,14

ha, trong đó: Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh đã thực hiện giao lại đất, cho thuê đất 98 dự án với tổng diện tích là 4.259 ha (bao gồm cả 1.293,35 ha đất có mặt nước biển) và UBND tỉnh cho thuê đất 15 dự án với tổng diện tích là 151,14 ha.

Đề tập trung phát triển khu kinh tế Vũng Áng trở thành khu kinh tế đa chức năng, trung tâm công nghiệp động lực và logistics thúc đẩy kinh tế - xã hội, Hà Tĩnh đã được tập trung đầu tư và từng bước hoàn thiện hệ thống dịch vụ công ích quan trọng đáp ứng yêu cầu của nhà đầu tư như: hình thành một số tuyến đường giao thông trục chính, các tuyến trục ngang, trục dọc xương sống kết nối các phân khu chức năng, các dự án cấp nước, xử lý nước thải, xử lý rác thải, cung cấp điện, các công trình dự án quan trọng và các khu đô thị, khu dân cư trong Khu kinh tế Vũng Áng. Có 21 công trình giao thông đã hoàn thành đưa vào sử dụng với tổng chiều dài 103,62 km đường (chủ yếu là kết cấu mặt đường bằng bê tông nhựa). Các công trình cấp nước: Nhà máy nước Kỳ Thịnh (thuộc Hệ thống cấp nước cho Khu kinh tế Vũng Áng) với công suất 40.000m³/ngày.đêm); Nhà máy nước Vũng Áng (giai đoạn 2) với công suất nhà máy 9.000m³/ngày đêm; hệ thống cấp nước sạch Kỳ Trinh - Kỳ Hà - Kỳ Ninh

Về điện: hiện tại, trong Khu kinh tế đã đưa vào sử dụng trạm biến áp 110/35 kV, đang triển khai hồ sơ thủ tục đầu tư xây dựng trạm biến áp 220/110kV; cùng với các tuyến đường dây 35 kV cơ bản đã phủ đầy khác khu vực trong Khu kinh tế. Có 03 công trình điện chiếu sáng công cộng với tổng chiều dài hơn 20,5Km.

Công trình thủy lợi, thoát nước: 04 công trình phòng chống ngập lũ với tổng chiều dài 22,377Km.

Công trình xử lý nước thải: Hệ thống thu gom và xử lý nước thải Khu kinh tế Vũng Áng (GD I) đã đầu tư xây dựng hoàn thành đưa vào vận hành sử dụng.

Hệ thống xử lý chất thải rắn và khu nghĩa trang: Đã xây dựng và đưa vào vận hành nhà máy Xử lý rác thải Kỳ Tân, xây dựng 09 Khu nghĩa trang xã Kỳ Lợi, Kỳ Thịnh, Kỳ Long, Kỳ Liên, Kỳ Phương, Kỳ Trinh, Kỳ Nam, thôn Đông Yên, thôn Hải Phong với tổng diện tích là 45,73ha bố trí được 39.767 mộ cát táng và 4.035 mộ hung táng, ngoài ra quy hoạch chỉnh trang một số nghĩa trang hiện hữu.

Hệ thống thông tin liên lạc: Trong Khu kinh tế Vũng Áng hệ thống cáp quang, sóng di động được cung cấp bởi các nhà mạng đã phủ đầy các khu chức năng trong Khu kinh tế.

Do nhu cầu và sự cần thiết, quan trọng của dịch vụ công ích, nên Khu kinh tế Vũng Áng tiếp tục đầu tư các loại hình dịch vụ công ích quan trọng như: Công trình giao thông: Đang thực hiện đầu tư 04 công trình với tổng chiều dài 12,87 km bao gồm: Đường QL 1A đi Cảng Sơn Dương (giai đoạn 2); Đường trục ngang Khu đô thị Kỳ Long - Khu công nghiệp đa ngành (giai đoạn 2); Đường từ Khu tái định cư xã Kỳ Phương đến nhà máy nhiệt điện Vũng Áng 3 và KCN phụ trợ; Đường trục ngang Khu đô thị Trung tâm - Khu đô thị du lịch Kỳ Ninh (giai đoạn 2); cơ bản hoàn thành Đường trục chính từ Quốc lộ 1A đến Khu đô thị trung tâm Khu kinh tế Vũng Áng.

Công trình cấp nước: Hệ thống cấp nước Khu kinh tế Vũng Áng, gồm 04 tiểu dự án: Hồ chứa nước Rào Trỏ; Đập dâng Lạc Tiên, tuynen và kênh dẫn; Cống ngăn mặn, giữ ngọt, thoát lũ (bara) Kỳ Hà; Nhà máy nước Kỳ Thịnh.

Tuy đã đầu tư lớn về dịch vụ công ích, nhưng nhu cầu sử dụng dịch vụ công ích để phát triển khu kinh tế là rất lớn, trong khi nguồn lực địa phương còn hạn chế, chủ yếu dựa vào nguồn ngân sách hỗ trợ của Trung ương, việc huy động xã hội hóa nguồn lực để đầu tư dịch vụ công ích còn khó khăn và rất hạn chế, vì vậy nhiều loại hình dịch vụ công ích chưa đáp ứng sự phát triển, đặc biệt như hệ thống giao thông, cấp điện, cấp thoát nước, xử lý nước thải, thông tin... Một số khu chức năng chưa có hệ thống dịch vụ công ích hạ tầng kỹ thuật kết nối hoặc kết nối chưa đồng bộ, hệ thống hạ tầng thiết yếu nội bộ khu chức năng còn thiếu đồng bộ. Là 1 trong 8 khu kinh tế trọng điểm (ưu tiên để tập trung đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016-2020) nhưng nguồn vốn từ ngân sách Trung ương hỗ trợ xây dựng dịch vụ công ích khu kinh tế trong Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 còn thấp so với nhu cầu đầu tư (vốn ngân sách hỗ trợ đầu tư giai đoạn 2016-2020 là 536,78 tỷ đồng³⁹, chỉ bằng 8,75% giai đoạn 2011-2015⁴⁰).

Cùng với sự thiếu đồng bộ trong dịch vụ công ích thì dịch vụ sự nghiệp công trong địa bàn khu kinh tế Vũng Áng thời gian qua cũng chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển và nhu cầu ngày càng tăng của người dân tại địa phương và

³⁹ Giai đoạn 2016-2020: Ngân sách Trung ương hỗ trợ đầu tư hạ tầng KHU KINH TẾ 701,459 tỷ đồng, tuy nhiên trong đó bố trí thu hồi vốn ứng trước của giai đoạn trước 164,679 tỷ đồng. Riêng Ngân sách tỉnh hỗ trợ đầu tư hạ tầng KHU KINH TẾ giai đoạn 2016-2020 là 131,188 tỷ đồng (chủ yếu để trả nợ xây dựng cơ bản)

⁴⁰ Giai đoạn từ 2011-2015, tổng vốn đầu tư cho hạ tầng KKT Vũng Áng là 6.904,399 tỷ đồng (gồm: Ngân sách Trung ương hỗ trợ xây dựng hạ tầng KKT: 2.264 tỷ đồng; ngân sách tỉnh: 99,229 tỷ đồng; vốn ODA (JICA): 26,474 tỷ đồng; nguồn vốn bố trí hỗ trợ đối với dự án Bồi thường, GPMB và hỗ trợ tái định cư dự án trọng điểm quốc gia Khu liên hợp gang thép và cảng Sơn Dương: Ngân sách Trung ương là 6.021,17 tỷ (trong đó giai đoạn 2011-2015 bố trí 3.871,17 tỷ đồng), Ngân sách tỉnh 100 tỷ đồng và ứng trước của nhà đầu tư 30 triệu USD (tương ứng với 570 tỷ đồng))

lực lượng lao động, chuyên gia từ ngoại tỉnh. Hiện trên địa bàn có 2 dự án nhà ở dành cho nhân viên, người lao động đi vào vận hành, gồm: 304 căn nhà liền kề của Công ty FHS và 338 căn chung cư của Tổng Công ty Khoáng sản và Thương mại Hà Tĩnh (Mitraco). Trong địa bàn khu kinh tế hiện đang thiếu các dự án đáp ứng nhu cầu về vui chơi, nghỉ dưỡng dành cho đối tượng là các chuyên gia, người lao động có trình độ cao từ địa phương khác tới. Điều này đã làm hạn chế sức hấp dẫn của khu kinh tế với người lao động, chưa tận dụng triệt để được những tiềm năng về tự nhiên vốn có, khai thác tạo hiệu quả thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của khu vực.

Tuy nhiên, trong quá trình phát triển và cung ứng dịch vụ công ích ở Khu kinh tế Vũng Áng đang gặp phải những vấn đề sau:

Một là, công tác quy hoạch phát triển mạng lưới dịch vụ công ích chưa hoàn chỉnh và đồng bộ, chưa theo kịp yêu cầu phát triển của Khu kinh tế, việc đầu tư của nhà nước còn dãn trải. Việc phân cấp thẩm quyền và trách nhiệm quản lý giữa các ngành, các cấp thiếu rõ ràng, mạch lạc.

Hai là, Số lượng và chất lượng dịch vụ công ích còn thấp, chưa đáp ứng được nhu cầu của người dân, công nhân khu kinh tế. Công tác kiểm tra, giám sát và đánh giá chất lượng dịch vụ còn yếu.

Ba là, Chưa có cơ chế, chính sách phù hợp đối với từng lĩnh vực hoạt động công ích cụ thể. Công tác xã hội hóa triển khai thiếu đồng bộ, cơ chế quản lý và phương thức ứng xử đối với khu vực tư nhân còn nhiều hạn chế. Nên số lượng các tổ chức, đơn vị thuộc khu vực ngoài nhà nước tham gia cung ứng dịch vụ công ích còn chưa nhiều, lượng vốn đầu tư còn hạn chế.

Để việc giải quyết có hiệu quả những vấn đề đang đặt ra cho công tác quản lý và cung ứng dịch vụ công ích tại Khu kinh tế Vũng Áng cần thực hiện tốt một số vấn đề sau:

Thứ nhất, tập trung huy động tối đa và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực để thực hiện đầu tư hoàn chỉnh dịch vụ công ích đồng bộ, hiện đại gắn với quy hoạch hạ tầng chung của tỉnh, đóng góp xứng đáng vào tổ chức không gian cũng như hoạt động của địa phương có khu kinh tế Vũng Áng (đô thị thị xã Kỳ Anh và vùng huyện Kỳ Anh trong dự kiến mở rộng khu kinh tế), góp phần nâng cấp thị xã Kỳ Anh đáp ứng các yêu cầu trở thành thành phố trực thuộc tỉnh. Sử dụng các nguồn vốn bổ sung khác từ các hình thức đầu tư đối tác công tư, từ các thành phần kinh tế đầu tư kinh doanh các dự án khu dân cư đô thị, khu nhà ở cho

công nhân, đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội khác. Đầu tư các công trình giao thông nội vùng, giao thông kết nối khu kinh tế với các thị trường trong nước và nước ngoài; trở thành cửa ngõ xuất nhập khẩu hàng hoá của Lào và các tỉnh Đông Bắc Thái Lan; hệ thống thu gom và xử lý nước thải, hệ thống kênh tách nước phân lũ (giai đoạn 2),... Đầu tư xây dựng, phát triển các khu đô thị mới, có hệ thống hạ tầng đồng bộ, hiện đại, đáp ứng yêu cầu của tầng lớp có mức sống cao, đồng thời có các khu vực đáp ứng nhu cầu về nơi ở cho tầng lớp lao động có thu nhập thấp; về lâu dài có thể hình thành Trung tâm tài chính – ngân hàng của khu vực miền Trung tại đây.

Thứ hai, nâng cao hiệu quả các chính sách thu hút, xúc tiến đầu tư, hỗ trợ doanh nghiệp, nhà đầu tư gắn với tăng cường công tác quản lý nhà nước về đầu tư dịch vụ công ích. Xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ, khuyến khích đầu tư vào các khu kinh tế, khu công nghiệp tỉnh theo Kết luận số 23-KL/TU ngày 21/6/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, đảm bảo tính đột phá và có đủ nguồn lực thực hiện; trong đó, chính sách hỗ trợ có trọng tâm, trọng điểm, tập trung cho các dự án đầu tư thuộc ngành nghề, lĩnh vực ưu tiên thu hút, kêu gọi đầu tư giai đoạn 2021-2025 để hình thành các động lực mạnh, có tính lan tỏa lớn thay vì thực hiện hỗ trợ dàn trải cho nhiều đối tượng cùng một lúc.

Thứ ba, cần tiếp tục đẩy mạnh xã hội hoá dịch vụ công ích. Để nâng cao về số lượng và chất lượng dịch vụ công ích. Trong điều kiện tỉnh ta còn nghèo, nguồn thu từ ngân sách còn thấp thì việc thực hiện xã hội hoá là cần thiết để tăng thêm nguồn lực cung ứng dịch vụ công ích, đáp ứng ngày càng đầy đủ hơn nhu cầu rất đa dạng và không ngừng tăng lên của người dân, doanh nghiệp. Nếu thực hiện xã hội hoá thì chất lượng cung ứng dịch vụ công ích sẽ được cải thiện hơn rất nhiều. Việc chuyển giao một số dịch vụ công ích cho các tổ chức ngoài quốc doanh sẽ tạo môi trường cạnh tranh giữa các tổ chức này. Những tổ chức được nhận thầu cung ứng độc quyền một loại dịch vụ công ích nào đó luôn có nguy cơ bị xoá bỏ hợp đồng nếu làm ăn kém hiệu quả. Do đó, đòi hỏi họ phải nâng cao hiệu quả phục vụ, cung ứng để tồn tại trong một môi trường cạnh tranh quyết liệt.

Thứ tư, nâng cao vai trò quản lý của Nhà nước đối với việc cung ứng dịch vụ công ích. Việc xã hội hoá dịch vụ công ích, chuyển giao một số hoạt động cung ứng cho các tổ chức không phải là làm suy giảm vai trò của Nhà nước trong việc cung ứng dịch vụ công ích. Nhà nước vẫn là người chịu trách nhiệm cuối cùng về chất lượng dịch vụ công ích. Chất lượng cung ứng phụ thuộc rất nhiều

vào năng lực quản lý của Nhà nước. Vai trò của Nhà nước ở đây là thể chế hoá hoạt động cung cấp dịch vụ, quy định một cách chặt chẽ, rõ ràng trách nhiệm của các đơn vị, tổ chức dịch vụ công ích nhằm đảm bảo hiệu quả kinh tế, xã hội; đồng thời, tăng cường hoạt động kiểm tra, giám sát và có chế tài nghiêm minh, đủ mạnh để ngăn chặn những hành vi vi phạm các quy định của Nhà nước.

Thứ năm, nâng cao tinh thần, trách nhiệm phục vụ nhân dân của những người làm nhiệm vụ cung ứng dịch vụ công ích. Cần phải làm cho những người làm nhiệm vụ cung ứng dịch vụ công ích hiểu rằng người dân chính là “khách hàng” của họ, sự hài lòng của người dân cả về chất lượng dịch vụ lẫn thái độ phục vụ chính là tiêu chí đánh giá năng lực, hiệu quả công việc của họ.

Thứ sáu, khách hàng tiêu dùng dịch vụ công vừa là đối tượng tiêu dùng dịch vụ công, vừa là người giám sát chất lượng cung ứng dịch vụ công. Cần tạo cơ chế để người dân, doanh nghiệp được phản hồi về chất lượng cung ứng và các tổ chức cung ứng dịch vụ có trách nhiệm đáp ứng những mong đợi của người dân./.

PHÁT HUY VAI TRÒ QUẢN LÝ TRỰC TIẾP CỦA BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ GÓP PHẦN PHÁT TRIỂN KHU KINH TẾ VŨNG ÁNG TRỞ THÀNH KHU KINH TẾ ĐA CHỨC NĂNG, TRUNG TÂM CÔNG NGHIỆP ĐỘNG LỰC, LOGISTICS CỦA TỈNH

Ths. Phan Thị An Phú
Trưởng Chính trị Trần Phú

Việc phát triển các khu kinh tế ven biển chính là nền tảng, động lực góp phần thúc đẩy nền kinh tế. Vì vậy, Đảng và Nhà nước ta sớm xác định mục tiêu thành lập các khu kinh tế ven biển là cửa mở hướng về biển, từng bước củng cố sức mạnh, tiềm lực nội sinh đưa nền kinh tế Việt Nam phát triển theo hướng hội nhập với khu vực và thế giới đồng thời tạo sự gắn kết giữa kinh tế trong nước cùng khu vực Đông Bắc Á với chương trình hợp tác chiến lược hai hành lang, một vành đai kinh tế ven biển vịnh Bắc Bộ; phát triển hành lang kinh tế Đông - Tây và Bắc - Nam trong khu vực Thái Bình Dương và hội nhập kinh tế cùng các quốc gia Đông Nam Á.

Hà Tĩnh là địa phương có nhiều yếu tố thuận lợi từ vị trí địa lý, tài nguyên thiên nhiên, nguồn nhân lực, chính sách phát triển; sự kế thừa những kinh nghiệm từ các khu kinh tế đã được xây dựng trước đó trên toàn quốc tiêu biểu như khu kinh tế Chu Lai (Quảng Nam), Dung Quất (Quảng Ngãi).. Khu Kinh tế Vũng Áng được thành lập theo Quyết định số 72/2006/QĐ-TTg ngày 03 tháng 4 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ; có diện tích tự nhiên 22.781ha, gồm 09 xã nằm ở phía Nam huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh; cách Thành phố Hà Tĩnh và mỏ sắt Thạch Khê 60 km về phía Nam, có cụm cảng nước sâu Vũng Áng - Sơn Dương có thể tiếp nhận tàu có trọng tải từ 05 đến 25 vạn tấn; Khu kinh tế Vũng Áng nằm trên trục đường giao thông Bắc Nam, hành lang kinh tế Đông Tây rất thuận lợi cho sự phát triển kinh tế. Từ khi thành lập đến hiện nay, Khu kinh tế Vũng Áng đã dần khẳng định vai trò hạt nhân, tạo đột phá trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Hà Tĩnh, đảm bảo an ninh, quốc phòng, chủ quyền toàn vẹn lãnh thổ đất nước. Việc thu hút các dự án đầu tư, đặc biệt là dự án đầu tư nước ngoài góp phần tăng trưởng, chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh theo hướng tăng dần tỷ trọng công nghiệp - dịch vụ và cơ cấu lao động, nâng cao năng lực sản xuất công nghiệp. Chỉ tính riêng việc thu ngân sách trên địa bàn Khu kinh tế Vũng Áng chiếm tỷ trọng lớn trong tổng thu ngân sách của Hà Tĩnh với mức tăng trưởng tăng dần qua các năm. Giai đoạn 2015-2020, thu ngân sách

trên địa bàn Khu kinh tế Vũng Áng tăng nhanh, đạt trên 37.720 tỷ đồng, chiếm gần 56% tổng thu ngân sách của tỉnh Hà Tĩnh, trong đó thu xuất nhập khẩu chiếm 97% của cả tỉnh. Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu toàn tỉnh. Những đóng góp chính của Khu kinh tế Vũng Áng là công nghiệp trở thành động lực chính thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Tốc độ tăng trưởng sản xuất toàn ngành bình quân đạt 46,7%. Tỷ trọng công nghiệp trong cơ cấu kinh tế tăng nhanh, từ 12,4% lên 38,9%. Dự án Khu liên hợp gang thép và cảng Sơn Dương Formosa Hà Tĩnh (giai đoạn 1) hoàn thành đi vào hoạt động, trở thành động lực tăng trưởng của tỉnh, đóng góp một phần vào tăng trưởng cả nước. Bên cạnh đó, dịch vụ của các doanh nghiệp trong và ngoài nước, trong những năm qua các địa phương trong tỉnh có sự chuyển dịch mạnh mẽ về cơ cấu lao động theo hướng tăng tỷ lệ lao động tham gia vào lĩnh vực công nghiệp, dịch vụ, giảm tỷ lệ lao động lĩnh vực nông nghiệp; người dân đã thay đổi tư duy, nhận thức, nâng cao tay nghề dần dần trở thành những công nhân làm chủ máy móc, thiết bị công nghiệp, chủ các doanh nghiệp sản xuất - thương mại - dịch vụ. Hiện nay, Khu kinh tế Vũng Áng đã từng bước trở thành “điểm sáng” của cả nước và tạo tiền đề để thúc đẩy thị xã Kỳ Anh phát triển, phấn đấu trở thành đô thị loại II vào năm 2025. Đồng thời, nhiều dự án đầu tư nước ngoài đã góp phần chuyển giao công nghệ tiên tiến vào Việt Nam, thúc đẩy kinh tế đất nước như nhiệt điện, luyện kim... Với trình độ ứng dụng khoa học công nghệ hiện đại của các dự án nước ngoài đã đưa vào sản xuất kết hợp áp dụng phương thức quản lý tiên tiến, được kết nối hệ thống quản lý hiện đại của công ty chính.

Mặc dù đóng góp to lớn vào sự phát triển kinh tế - xã hội, làm thay đổi cơ bản cơ cấu GRDP của tỉnh theo hướng tăng mạnh tỷ trọng công nghiệp và tăng nguồn thu ngân sách của tỉnh Hà Tĩnh, giải quyết việc làm cho người lao động của địa phương và các tỉnh lân cận, góp phần xóa đói giảm nghèo. Tuy nhiên, vẫn còn một số khó khăn: Việc phát huy vai trò quản lý trực tiếp của Ban quản lý Khu kinh tế Vũng Áng. Cơ chế phân cấp, ủy quyền hiện nay được thực hiện thiếu ổn định, việc phân cấp, ủy quyền cho Ban Quản lý Khu kinh tế chưa nhất quán giữa các văn bản quy phạm pháp luật, có sự chông chéo; một số nhiệm vụ được phân cấp, ủy quyền không có tính liên tục, ổn định nên việc thực hiện cơ chế “một cửa, tại chỗ” còn gặp nhiều khó khăn. Những quy định về quản lý nhà nước đối với các vấn đề xã hội trong các khu công nghiệp chưa có những quy định cụ thể còn chung chung; hệ thống văn bản pháp quy không ổn định mà thường xuyên thay đổi qua việc sửa đổi, bổ sung, chưa được xác định cụ thể khi

đối chiếu với các quy định của pháp luật chuyên ngành như: Luật Bảo vệ Môi trường; Luật Cư trú; Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam; Luật nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài ở Việt Nam.... Bên cạnh đó, tại Khu Kinh tế Vũng Áng cơ bản hoàn chỉnh việc quản lý về xây dựng hạ tầng nhưng tiến độ triển khai xây dựng hạ tầng rất yếu và chậm hơn so với yêu cầu vì yếu các nguồn lực hoặc không tuân thủ đúng theo các thiết kế, thi công đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Mặc dù theo quy định thì Ban Quản lý Khu kinh tế là cơ quan đầu mối quản lý nhà nước về khu công nghiệp tại địa phương nhưng thẩm quyền thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước chuyên ngành như quản lý xây dựng, môi trường, lao động, xuất, nhập khẩu, đất đai... trong khu công nghiệp của Ban Quản lý phải được ủy quyền, hướng dẫn tại pháp luật chuyên ngành. Tuy nhiên, pháp luật chuyên ngành không hướng dẫn ủy quyền cho Ban Quản lý hoặc ủy quyền lại không thống nhất với quy định về khu công nghiệp. Dẫn đến thực hiện quản lý nhà nước về khu công nghiệp không tập trung tại một đầu mối là các Ban Quản lý. Theo thống kê hiện nay nhiều dự án tại Khu kinh tế Vũng Áng có nhiều dự án chậm tiến độ đưa đất vào sử dụng trên 3 năm, cá biệt có dự án đến 09 năm nhưng không thực hiện các thủ tục xử lý, soát xét để chấm dứt dự án theo quy định. Mặt khác, Ban Quản lý không được giao chức năng, nhiệm vụ về thanh tra. Khi phát hiện vi phạm trong khu công nghiệp, Ban Quản lý không tự thanh tra, xử phạt mà chỉ phối hợp bộ phận thanh tra chuyên ngành để triển khai; trong khi thanh tra chuyên ngành không đủ bộ máy nhân lực để xử lý kịp thời các vi phạm trong khu công nghiệp. Điều này làm giảm vai trò và hiệu quả hoạt động của Ban Quản lý khu công nghiệp. Việc kiểm tra, thanh tra các khu công nghiệp hiện nay như thanh tra, kiểm tra về giấy phép hoạt động đầu tư, quy hoạch, xây dựng và về sử dụng người lao động; về chế độ, chính sách của người sử dụng và người lao động cũng như về các điều kiện bảo hộ lao động. Ngoài việc thanh tra, kiểm tra về an ninh, an toàn trật tự do cơ quan chức năng thực hiện, thì hoạt động này đều do thanh tra tỉnh, thanh tra bộ chuyên ngành thực hiện. Trong khi đó, doanh nghiệp hoạt động sản xuất kinh doanh trong Khu Kinh tế hiện nay lại chịu sự thanh tra, kiểm tra của nhiều cơ quan như Tổng cục Môi trường của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường, Phòng Cảnh sát phòng chống tội phạm về môi trường, Cục Cảnh sát môi trường... Thực tế là các cơ quan này có thể triển khai thực hiện mà không cần có sự nhất trí hay phối hợp của Ban Quản lý Khu kinh tế tạo ra không ít khó khăn với các doanh nghiệp trong quá trình sản xuất kinh doanh.

Vì vậy, để góp phần nâng cao hiệu quả quản lý trực tiếp của Ban quản lý Khu kinh tế Vũng Áng xin đề xuất một số giải pháp như sau:

Thứ nhất, quy định chi tiết, cụ thể về chức năng, quyền hạn, cơ chế ủy quyền của Ban quản lý Khu kinh tế Vũng Áng.

Xây dựng hoàn thiện hệ thống chính sách quản lý chung và cho mỗi khu kinh tế những chính sách đặc thù, để các khu phát triển theo đúng định hướng chiến lược phù hợp với đặc điểm, lợi thế của từng khu, từng địa phương nhằm chủ động khai thác triệt để những lợi thế đó. Điều chỉnh mô hình hoạt động, quy mô diện tích, các ưu tiên đầu tư phù hợp với từng khu, nhằm phát huy hiệu quả kinh tế - xã hội của khu. Hoàn thiện các văn bản pháp luật về đầu tư, thành lập và phát triển khu kinh tế cho phù hợp với tình hình thực tiễn, tạo sự thống nhất trong cơ chế phối hợp của các cơ quan quản lý nhà nước về khu kinh tế (hành chính, kinh tế, an ninh, quốc phòng...). Xây dựng hoàn thiện luật và các chính sách áp dụng riêng cho các khu kinh tế nhằm tạo hành lang pháp lý thống nhất, giải quyết triệt để sự chồng chéo, thiếu đồng bộ giữa pháp luật và các văn bản dưới luật để giúp các khu kinh tế phát huy được vai trò “hạt nhân đột phá” trong phát triển kinh tế - xã hội.

Thứ hai, cần nâng cao hiệu lực thanh tra, kiểm tra, giám sát thông qua bổ sung chức năng xử lý sai phạm của Ban quản lý Khu kinh tế Vũng Áng.

Thanh tra, kiểm tra và giám sát là một chức năng thiết yếu, quan trọng trong quản lý nhà nước, thực hiện việc xem xét, đánh giá và xử lý theo trình tự, thủ tục do pháp luật quy định đối với việc thực hiện chính sách, pháp luật, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, tổ chức, cá nhân. Qua đó nắm bắt kết quả việc thực hiện mục tiêu đầu tư quy định tại Giấy chứng nhận đầu tư, tiến độ góp vốn và triển khai dự án đầu tư; chủ trì, phối hợp kiểm tra, thanh tra việc thực hiện các điều khoản cam kết đối với các dự án được hưởng ưu đãi đầu tư và việc chấp hành pháp luật về xây dựng, lao động, tiền lương, bảo hiểm xã hội đối với người lao động, bảo vệ quyền lợi hợp pháp của người lao động và người sử dụng lao động, hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội, phòng chống cháy nổ, an ninh - trật tự, bảo vệ môi trường sinh thái đối với các dự án tại Khu kinh tế Vũng Áng. Cần thay đổi phương thức thực hiện, tổ chức thực hiện thanh tra theo chuyên đề, chú trọng công tác đôn đốc, xử lý sau thanh tra. Nâng cao vai trò, chức năng giám sát của các tổ chức chính trị - xã hội, người dân. Quan tâm giải quyết hiệu quả khiếu nại, tố cáo của người lao động, của doanh nghiệp; trong đó,

cần tập trung thực hiện tốt công tác tiếp công dân, xử lý đơn thư và phấn đấu nâng tỷ lệ giải quyết vụ việc khiếu nại.

Thứ ba, chú trọng đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; làm việc tại Ban Quản lý Khu Kinh tế Vũng Áng.

Đội ngũ cán bộ quản lý cần phân công nhiệm vụ phù hợp với chuyên môn được đào tạo, bám sát địa bàn, lĩnh vực quản lý. Hiện nay tổng biên chế của đơn vị là 36 đồng chí nên khó khăn trong thực hiện nhiệm vụ. Do đó cần tuyển dụng những công chức gắn với chỉ tiêu biên chế, chuyên ngành đào tạo phù hợp với Đề án vị trí việc làm, phù hợp với tính cách, sở trường của công chức để thực hiện công tác cải cách hành chính, xây dựng nền hành chính phục vụ, chuyên nghiệp và hiện đại, tạo nên nhân tố quan trọng giúp cho hoạt động công vụ đạt hiệu quả cao. Cần có chính sách thu hút cán bộ đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ vào làm việc tại Ban Quản lý Khu Kinh tế Vũng Áng, Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng khu vực khu kinh tế tỉnh nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao.

Thứ tư, tăng cường phối hợp giữa Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh với các sở, ban, ngành, địa phương liên quan, nhất là thị xã Kỳ Anh trong công tác quản lý nhà nước trên địa bàn.

Thực hiện đồng bộ các giải pháp cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, đẩy mạnh hoạt động xúc tiến, quảng bá hình ảnh, tiềm năng, lợi thế của Khu kinh tế Vũng Áng đến với các nhà đầu tư. Tăng cường hỗ trợ các dự án lớn, có tính chất động lực và kịp thời giải quyết các khó khăn vướng mắc trong quá trình thực hiện dự án để tiếp tục củng cố niềm tin của các nhà đầu tư, tạo hiệu ứng tích cực tới nhà đầu tư mới. Phát huy tốt trách nhiệm, quyền hạn của người đứng đầu cơ quan, đơn vị; nội dung, thời hạn, cách thức thực hiện; chế độ thông tin, báo cáo. Đây cũng là quá trình tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành; phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, quy chế tổ chức hoạt động của từng cơ quan, đơn vị trong tiến hành các yêu cầu chung góp phần thực hiện hiệu quả nhiệm vụ triển khai công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư do Nhà nước thu hồi đất để xây dựng các khu chức năng trên địa bàn Khu kinh tế Vũng Áng là nhiệm vụ chung của tỉnh do Ban Quản lý Khu kinh tế là đầu mối triển khai thực hiện.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Hà Tĩnh lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2020-2025.

2. Chương trình số 04/CTr-UBND tỉnh ngày 06/01/2021 của UBND tỉnh về việc triển khai nhiệm vụ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2021.
3. Quyết định số 72/2006/QĐ-TTg ngày 03/4/2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Khu kinh tế Vũng Áng.
4. Quyết định số 381/QĐ-TTg ngày 24/3/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Hà Tĩnh.
5. Quyết định số 1076/QĐ-TTg ngày 20/8/2007 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Vũng Áng đến năm 2025.
6. Quyết định số 706/QĐ-TTg ngày 07/6/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2035.
7. Quyết định số 1037/QĐ-TTg ngày 24/6/2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng biển Việt Nam đến năm 2020, định hướng đến năm 2030.
8. Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Hà Tĩnh lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2020-2025.
9. Nghị định số 82/2018/NĐ-CP ngày 22/5/2018 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp, khu kinh tế.

PHẦN IV
NGUỒN NHÂN LỰC ĐỂ PHÁT TRIỂN
KHU KINH TẾ VŨNG ÁNG

VAI TRÒ CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH TRONG ĐÀO TẠO NGUỒN NHÂN LỰC CHẤT LƯỢNG CAO CHO KHU KINH TẾ VŨNG ÁNG, TỈNH HÀ TĨNH

GS.TS. Nguyễn Huy Bằng

Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh

Đặt vấn đề

Nguồn nhân lực, đặc biệt là nguồn nhân lực chất lượng cao đóng vai trò quyết định đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của mỗi quốc gia. Trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang diễn ra mạnh mẽ, Đảng và Nhà nước ta càng đặc biệt coi trọng việc xây dựng, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế. Đại hội Đảng lần thứ XIII đã xác định phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao là một trong ba đột phá chiến lược cho phát triển đất nước để thực hiện thành công mục tiêu phát triển đất nước.

Khu kinh tế Vũng Áng được đánh giá là một trong những khu kinh tế thành công trong cả nước, đóng góp to lớn vào sự phát triển kinh tế - xã hội, làm thay đổi cơ bản cơ cấu tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) của tỉnh theo hướng tăng mạnh tỷ trọng công nghiệp và tăng nguồn thu ngân sách của tỉnh Hà Tĩnh, tạo ra hàng vạn việc làm cho người lao động địa phương và các tỉnh lân cận, góp phần xóa đói giảm nghèo. Được xác định là khu vực động lực phát triển, cần tiếp tục tập trung đầu tư xây dựng theo các Thông báo kết luận của lãnh đạo Đảng, Chính phủ. Điều này khẳng định được vai trò vị thế ngày càng quan trọng của KKT Vũng Áng, không chỉ là động lực, mục tiêu thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của riêng tỉnh Hà Tĩnh mà còn là động lực, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của khu vực Bắc Trung bộ và của cả nước.

Trường Đại học Vinh là cơ sở giáo dục đại học có uy tín, đóng trên địa bàn tỉnh Nghệ An và Hà Tĩnh. Trong bối cảnh CMCN 4.0 và nhu cầu của các địa phương, Nhà trường đã tái cơ cấu, điều chỉnh tầm nhìn và sứ mạng để trở thành đại học thông minh, vươn tầm Châu Á, dẫn dắt sự phát triển về giáo dục và đào tạo trong khu vực Bắc Trung Bộ, làm đầu tàu và cùng với các cơ sở giáo dục trong khu vực chuẩn bị tốt nguồn nhân lực chất lượng cao cho sự phát triển của khu vực toàn quốc. Trong bài viết này, chúng tôi tiến hành phân tích thực trạng nguồn nhân lực chất lượng cao cũng như vai trò của trường Đại học Vinh

trong đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho Khu Kinh tế Vũng Áng, tỉnh Hà Tĩnh, từ đó đề xuất một số giải pháp mang tính đột phá nhằm góp phần giải quyết bài toán nhân lực chất lượng cao cho Khu Kinh tế Vũng Áng, tỉnh Hà Tĩnh trong thời gian tới.

1. Vai trò của Trường Đại học trong xây dựng và phát triển các Khu kinh tế

1.1. Quan điểm của Đảng ta về phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao

Diễn đàn Kinh tế thế giới năm 2015 đã khẳng định: “Nhân tài, chứ không phải vốn, sẽ là yếu tố chính liên kết sự đổi mới, khả năng cạnh tranh và tăng trưởng trong thế kỷ 21”. Quá trình chuyển đổi từ nền kinh tế công nghiệp sang nền kinh tế tri thức đã kéo theo những thay đổi căn cốt: các thiết bị, nhà xưởng hay vốn tài chính đã không còn là những tài sản quan trọng bậc nhất của hình thái kinh tế này. Thay vào đó, những nguồn lực vô hình như tri thức, kỹ năng, và các mối quan hệ trở thành những lợi thế cạnh tranh hàng đầu giữa các quốc gia. Thực tiễn hiện nay cho thấy, lợi thế của các quốc gia hoặc địa phương phụ thuộc rất nhiều vào nguồn lực con người bởi nền kinh tế hiện nay là nền kinh tế dựa trên tri thức và đổi mới sáng tạo. Chính vì lẽ đó, xây dựng, phát triển nguồn nhân lực, đặc biệt là nguồn nhân lực trình độ cao, là nhân tố quan trọng để thúc đẩy nền kinh tế phát triển.

Ở Việt Nam, Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đã xác định đã xác định: “Phát triển nguồn nhân lực, nhất là NNL CLC; ưu tiên phát triển nguồn nhân lực cho công tác lãnh đạo, quản lý và các lĩnh vực then chốt trên cơ sở nâng cao, tạo bước chuyển biến mạnh mẽ, toàn diện, cơ bản về chất lượng giáo dục, đào tạo gắn với cơ chế tuyển dụng, sử dụng, đãi ngộ nhân tài, đẩy mạnh nghiên cứu, chuyên giao, ứng dụng và phát triển mạnh khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo; khơi dậy khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc, phát huy giá trị văn hoá, sức mạnh con người Việt Nam, tinh thần đoàn kết, tự hào dân tộc trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc” là một trong ba đột phá chiến lược trong nhiệm kỳ đại hội.

1.2. Vai trò của nguồn nhân lực chất lượng cao trong xây dựng và phát triển các Khu kinh tế

Nguồn nhân lực của xã hội bao gồm những người trong độ tuổi lao động (theo Bộ Luật Lao động) và ngoài độ tuổi lao động nhưng có khả năng hoặc sẽ tham gia lao động. Số lượng nguồn nhân lực phụ thuộc vào tỷ lệ tăng dân số tự nhiên và độ tuổi lao động; chất lượng nguồn nhân lực phụ thuộc vào sự nghiệp

giáo dục đào tạo và thể chất người lao động, yếu tố di truyền, nhu cầu sử dụng lao động ở địa phương. Nguồn nhân lực là nguồn lực cơ bản của mỗi quốc gia, là tổng thể tiềm năng lao động của con người.

Nguồn nhân lực chất lượng cao sẽ giúp cho doanh nghiệp, công ty, tổ chức tiếp cận được nhanh nhất với tri thức và công nghệ hiện đại và tốt nhất. Sau đó, việc ứng dụng hiệu quả tri thức và công nghệ vào hoạt động sản xuất và hoạt động kinh doanh của tổ chức, công ty và doanh nghiệp sẽ thúc đẩy phát triển. Nguồn nhân lực chất lượng cao giúp cho năng suất lao động của tổ chức, công ty, doanh nghiệp được tốt hơn nhờ vào kỹ năng và kiến thức, cùng với kinh nghiệm làm việc của đội ngũ nhân viên. Nguồn nhân lực chất lượng cao sẽ hoàn thành tốt công việc được giao, luôn sáng tạo trong công việc và tìm tòi học hỏi cách làm mới để đạt hiệu quả năng suất lao động tốt nhất. Việc đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao giúp các tổ chức, công ty, doanh nghiệp phát triển bền vững và là nền móng cho sự vững mạnh doanh nghiệp của mình. Nâng cao khả năng cạnh tranh trên thị trường và tiến xa hơn với nguồn nhân lực chất lượng cao. Nguồn nhân lực chất lượng cao được giống như “đôi cánh” để đưa doanh nghiệp tiến xa hơn trên con đường phát triển của doanh nghiệp mình. Qua đó ta thấy được nguồn nhân lực chất lượng cao là yếu tố rất quan trọng và là yếu tố nòng cốt để phát triển tổ chức, phát triển doanh nghiệp bền vững, tăng khả năng cạnh tranh và phát triển lâu dài trong tương lai.

Phát triển nguồn nhân lực là tạo ra tiềm năng của con người thông qua đào tạo, bồi dưỡng, tự bồi dưỡng và đào tạo lại, chăm sóc sức khỏe về thể lực và tinh thần, khai thác tối đa tiềm năng trong đó các hoạt động lao động thông qua việc tuyển, sử dụng, tạo điều kiện về môi trường làm việc, môi trường văn hóa, xã hội kích thích động cơ, thái độ làm việc của con người, để họ mang hết sức mình hoàn thành các nhiệm vụ được giao. Phát triển nguồn nhân lực được xem xét trên hai mặt chất và lượng. Ngoài ra phát triển nguồn nhân lực còn liên quan đến phát triển nguồn nhân lực theo một cơ cấu hợp lý nghĩa là nghĩa là phải có trình độ độ tuổi và giới tính hợp lý. Phát triển nguồn nhân lực về mặt số lượng, nguồn nhân lực của một quốc gia, vùng lãnh thổ, về mặt số lượng thể hiện ở quy mô dân số, cơ cấu về giới và độ tuổi. Theo đó, nguồn nhân lực được gọi là đông về số lượng khi quy mô dân số lớn, tỷ lệ người trong độ tuổi lao động cao. Phát triển nguồn nhân lực về mặt chất lượng, cơ cấu: Phát triển nguồn nhân lực về mặt chất lượng là sự phát triển trên cả ba mặt: trí lực, thể lực và nhân cách, thẩm mỹ của người lao động. Phát triển nguồn nhân lực ngoài việc phải phát triển đầy

đủ về số lượng và chất lượng đòi hỏi phải phát triển lực lượng lao động theo một cơ cấu hợp lý phù hợp với đặc thù phát triển của nền kinh tế như: Trình độ người lao động như thế nào, độ tuổi có phù hợp không, giới tính như thế nào để đáp ứng công việc trong khu kinh tế.

1.3. Vai trò của Trường Đại học trong xây dựng và phát triển các Khu kinh tế

Theo Nghị quyết 52-NQ/TW về một số chủ trương, chính sách của Việt Nam trong việc tham gia vào CMCN 4.0 (Nguyễn, 2019), hệ thống đổi mới sáng tạo quốc gia được phát triển theo hướng lấy doanh nghiệp làm trung tâm, trường đại học và viện nghiên cứu là chủ thể nghiên cứu mạnh. Trong Chương trình chuyển đổi số quốc gia (TechPort, 2018), vai trò của cơ sở đào tạo đại học mới chỉ dừng lại ở giáo dục đào tạo và cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao theo các ngành nghề gắn với công nghệ số và nguồn nhân lực chủ động theo yêu cầu.

Nguồn lực tri thức cao tập trung rất nhiều trong các trường đại học, viện nghiên cứu. Hiện nay, các nguồn lực tri thức cao này đang đảm nhận vai trò nghiên cứu, thực hiện, tư vấn trong rất các dự án. Vai trò tư vấn và hỗ trợ ra quyết định của các trường đại học, viện nghiên cứu vẫn chưa được đề cập đúng mức. Chưa nhiều các dự án, nghiên cứu thực tế có sự tham gia của đại diện là các trường học, viện nghiên cứu hoặc đưa về cho các trường đại học, viện nghiên cứu thực hiện kết hợp với các bên liên quan. Nhiều trường đại học, viện nghiên cứu uy tín đã thành lập các hội đồng chuyên môn hoàn toàn có thể đảm nhận việc tư vấn các dự án liên quan. Việc thiếu vắng đại diện của các trường đại học, viện nghiên cứu trong các lĩnh vực chuyên ngành trong tư vấn, ra quyết định của các chiến lược phát triển, thực hiện dự án sẽ làm giảm tính tích hợp giữa khoa học và thực tế, cũng như ảnh hưởng đến hiệu quả của dự án.

Trường Đại học với Vai trò cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao, phù hợp với thực tiễn. Qua các phân tích trên có thể thấy rằng, cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 tạo ra một sự thay đổi mạnh mẽ trong cơ cấu lao động, và qua đó tác động mạnh đến giáo dục, đào tạo nguồn nhân lực. Các ngành nghề phổ thông sẽ dần bị thay thế, trong khi dù việc làm mới sẽ nảy sinh, nhưng lại đặt yêu cầu rất cao về trình độ lao động, với nhiều kỹ năng mới, phức tạp hơn, và cũng thay đổi nhanh chóng hơn. Chính vì vậy, đào tạo nguồn nhân lực đứng trước sức ép nặng nề của sự thay đổi. Đối với một trường đại học, hai sản phẩm của quá trình đào tạo nguồn nhân lực trong kỷ nguyên số gồm người lao động và chuyên gia. Sản phẩm đầu ra là người lao động, ngoài việc phải được trang bị các kiến thức

chuyên môn nghề nghiệp, còn cần phải được trang bị đầy đủ các kỹ năng số (digital skills) cần thiết để thích ứng với CN4.0. Về cơ bản, các kỹ năng số này bao gồm kỹ năng về sử dụng máy tính, và internet, nhưng nó cần bao gồm cả kỹ năng tự học để nâng cao nghiệp vụ về kỹ năng số hàng ngày, để tránh tụt hậu trong kỷ nguyên số. Các nghiên cứu cũng chỉ ra rằng, sự bất bình đẳng trong tiếp cận số (digital inequality) sẽ làm sâu sắc hơn sự bất bình đẳng trong xã hội. Vì vậy, cần đảm bảo quyền tiếp cận số với các kỹ năng số cần thiết cho mọi người, đặc biệt là đối với một quốc gia có điều kiện tiếp cận công nghệ khác nhau ở các vùng miền, đặc biệt là những hạn chế ở vùng cao và miền sâu. Sản phẩm đầu là các chuyên gia, những người đi tiên phong trong việc nghiên cứu kiến thức, kỹ năng, công nghệ mới, là đầu vào cho vai trò nghiên cứu và phát triển.

2. Thực trạng nguồn nhân lực chất lượng cao tại Khu Kinh tế Vũng Áng, tỉnh Hà Tĩnh

2.1. Thực trạng phát triển Khu Kinh tế Vũng Áng, tỉnh Hà Tĩnh thời gian qua

Vũng Áng có diện tích tự nhiên là 22.781 ha, bao gồm toàn bộ các xã: Kỳ Nam, Kỳ Phương, Kỳ Lợi, Kỳ Long, Kỳ Liên, Kỳ Thịnh, Kỳ Trinh, Kỳ Hà và Kỳ Ninh thuộc huyện Kỳ Anh (nay là Thị xã Kỳ Anh), tỉnh Hà Tĩnh. Ranh giới địa lý được xác định như sau: Phía Bắc giáp biển Đông; Phía Nam giáp tỉnh Quảng Bình; Phía Đông giáp biển Đông; Phía Tây giáp các xã: Kỳ Khang, Kỳ Thọ, Kỳ Hải, Kỳ Hưng và thị trấn Kỳ Anh, huyện Kỳ Anh.

KKT Vũng Áng, bao gồm các khu chức năng, các công trình hạ tầng kỹ thuật kinh tế - xã hội, các công trình dịch vụ tiện ích công cộng, thuộc lãnh thổ và chủ quyền của quốc gia, nhưng có không gian kinh tế riêng biệt, môi trường đầu tư và sản xuất kinh doanh thuận lợi, bình đẳng, với các chính sách ưu đãi, khuyến khích, ổn định lâu dài và cơ chế quản lý thông thoáng, tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức và cá nhân trong nước và nước ngoài yên tâm đầu tư phát triển sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ.

KKT Vũng Áng định hướng trở thành KKT tổng hợp, đa ngành, đa lĩnh vực, với trọng tâm là: Phát triển các ngành công nghiệp luyện kim gắn với lợi thế về tài nguyên, nguồn nguyên liệu (mỏ sắt Thạch Khê, mỏ titan...); các ngành công nghiệp gắn với khai thác cảng biển; các ngành công nghiệp sử dụng nhiều lao động; các ngành công nghiệp định hướng xuất khẩu. Phát triển đồng bộ khu liên hợp cảng Vũng Áng - Sơn Dương bao gồm việc đầu tư và khai thác có hiệu quả khu liên hợp cảng, phát triển dịch vụ cảng và các dịch vụ vận tải

biển để tạo thành một trong những cửa ngõ quan trọng ra biển của vùng Bắc Trung Bộ. Xây dựng khu đô thị mới Vũng Áng, đồng thời ưu tiên phát triển các khu du lịch sinh thái, du lịch nghỉ dưỡng biển (khu du lịch Kỳ Ninh, khu du lịch Kỳ Nam, khu du lịch Đèo Con) trở thành các điểm du lịch quan trọng trong tuyến du lịch ven biển Bắc Trung Bộ.

KKT Vũng Áng là một trong 05 (năm) KKT ven biển trọng điểm quốc gia, được Chính phủ ưu tiên đầu tư giai đoạn 2013 - 2015 và được quy hoạch phát triển các ngành có ý nghĩa chiến lược quốc gia bao gồm: Khu liên hợp luyện gang thép công suất 22,5 triệu tấn/năm; Trung tâm Nhiệt điện 7.000MW; Cụm Cảng nước sâu Vũng Áng - Sơn Dương công suất 50 triệu tấn/năm vào năm 2015 và 82 triệu tấn/năm vào năm 2020, có thể cho tàu từ 35 vạn tấn cập cảng; Trung tâm lọc hóa dầu công suất 16 triệu tấn/năm; tổng kho ga xăng dầu và khí hóa lỏng phục vụ khu vực Bắc Trung bộ của Việt Nam và nước CHDCND Lào. Từ Cụm cảng Vũng Áng - Sơn Dương theo tuyến hàng hải quốc tế rất thuận lợi đến các nước Nam Á, Bắc Mỹ, Châu Âu và các nước khác trên thế giới.

KKT Vũng Áng đang phát triển sôi động với gần 450 doanh nghiệp đã được cấp ĐKKD và hơn 93 dự án được cấp CNĐT với số vốn đăng ký trên 17 tỷ USD. Hiện nay đang triển khai các dự án lớn về luyện thép, nhà máy nhiệt điện, hệ thống cảng nước sâu. Đây là điều kiện thuận lợi tạo động lực cho các ngành công nghiệp, dịch vụ phụ trợ phát triển. Đầu tư sản xuất các sản phẩm từ thép, các ngành cơ khí chế tạo, khuôn đúc, sản phẩm hàng tiêu dùng phục vụ văn phòng và gia đình; phát triển công nghiệp phụ trợ sau lọc hóa dầu có nhiều lợi thế do có nguồn nguyên liệu, điện, nước tại chỗ, chi phí vận chuyển hợp lý và có Cụm cảng nước sâu Vũng Áng - Sơn Dương rất thuận lợi cho việc xuất nhập khẩu hàng hóa và nguyên liệu.

Sau 15 năm xây dựng và phát triển, Khu kinh tế Vũng Áng (KKT Vũng Áng) được đánh giá là một trong những khu kinh tế thành công trong cả nước, đóng góp to lớn vào sự phát triển kinh tế - xã hội, làm thay đổi cơ bản cơ cấu tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) của tỉnh theo hướng tăng mạnh tỷ trọng công nghiệp và tăng nguồn thu ngân sách của tỉnh Hà Tĩnh, tạo ra hàng vạn việc làm cho người lao động địa phương và các tỉnh lân cận, góp phần xóa đói giảm nghèo.

KKT Vũng Áng được Thủ tướng Chính phủ lựa chọn là 1 trong 5 KKT trọng điểm của cả nước được tập trung nguồn lực đầu tư phát triển giai đoạn 2013-2015 và 1 trong 8 KKT ven biển được ưu tiên để tập trung đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016-2020; được xác định là khu vực

động lực phát triển, cần tiếp tục tập trung đầu tư xây dựng theo các Thông báo kết luận của lãnh đạo Đảng, Chính phủ. Điều này khẳng định được vai trò vị thế ngày càng quan trọng của KKT Vũng Áng, không chỉ là động lực, mục tiêu thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của riêng tỉnh Hà Tĩnh mà còn là động lực, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của khu vực Bắc Trung bộ và của cả nước.

Một số dự án lớn tại KKT Vũng Áng đã hoàn thành đi vào hoạt động thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội địa phương, như: Khu liên hợp gang thép và cảng Sơn Dương Formosa Hà Tĩnh – Giai đoạn 1: 7,5 triệu tấn/năm của Công ty TNHH Gang thép Hưng nghiệp Formosa Hà Tĩnh (Công ty FHS); Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 (công suất 1.200 MW); Tổng kho Xăng dầu Dầu khí Vũng Áng (kho chứa 60.000 m³); Tổng kho khí hóa lỏng Bắc Trung bộ (kho chứa 1.785 tấn); Cảng Vũng Áng (bến số 01, bến số 02); Khách sạn Mường Thanh Hà Tĩnh; Nhà ở thí điểm cho công nhân và người lao động thuê tại KKT Vũng Áng; Khu công nghiệp Vũng Áng 1; Khu công nghiệp Phú Vinh; Khu nhà ở hộ gia đình cho nhân viên Công ty FHS;... các bến cảng Vũng Áng (bến số 3, bến số 4, bến số 5, 6) đang được tập trung xây dựng; Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 2 (công suất 1.200 MW) và Nhà máy sản xuất Cell pin VINES đã khởi công vào cuối năm 2021.

Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Hà Tĩnh lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2021-2025 đã chỉ ra tầm quan trọng của việc phát triển Khu kinh tế Vũng Áng qua **chương trình trọng điểm**: *“Phát triển các tuyến giao thông chiến lược, hình thành các trục phát triển, đầu tư hạ tầng Khu Kinh tế Vũng Áng, hạ tầng số, kết cấu hạ tầng ứng phó với biến đổi khí hậu, môi trường, nước sạch”*; **đột phá chiến lược**: *“Huy động tối đa và sử dụng hiệu quả các nguồn lực xây dựng Khu Kinh tế Vũng Áng thực sự trở thành khu kinh tế đa chức năng, trung tâm công nghiệp động lực và logistics; xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ, trọng tâm là hạ tầng giao thông chiến lược, hạ tầng đô thị, hạ tầng thông tin, thúc đẩy phát triển kinh tế số”*; **giải pháp trọng tâm**: *“Huy động, sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực tập trung xây dựng hạ tầng đồng bộ, nhất là hệ thống giao thông trọng yếu, hạ tầng Khu Kinh tế Vũng Áng”*. Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 22/11/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển KKT Vũng Áng giai đoạn 2021 – 2025, định hướng đến năm 2030 đã xác định rõ mục tiêu phát triển tổng quát của KKT Vũng Áng trong giai đoạn tới là: *“Xây dựng Khu Kinh tế Vũng Áng với các trụ cột: Công nghiệp luyện kim, năng lượng, chế biến, chế tạo; Trung tâm logistics và dịch vụ cảng biển; Phát triển thương mại, dịch vụ, tạo nền tảng*

vững chắc. Phát triển đồng bộ khu liên hợp công nghiệp luyện kim, công nghiệp hỗ trợ, chế biến, chế tạo, trung tâm điện lực gắn với cụm cảng nước sâu Vũng Áng - Sơn Dương; đảm bảo hiệu quả tổng hợp về kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh, bảo vệ môi trường; thúc đẩy tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa; từng bước phát triển thị xã Kỳ Anh trở thành đô thị trung tâm phía Nam; hình thành thành phố Kỳ Anh, liên kết phát triển vùng Nam Hà Tĩnh - Bắc Quảng Bình.”

Tuy vậy, để phát triển KKT Vũng Áng như mục tiêu, nhiệm vụ và kỳ vọng của tỉnh còn gặp nhiều khó khăn, thách thức không nhỏ. Theo Quy hoạch chung Khu kinh tế, Quy hoạch chung Thị xã Kỳ Anh thì quỹ đất dành cho phát triển công nghiệp không nhiều, các khu vực còn lại quy hoạch công nghiệp đa phần còn nhỏ lẻ, manh mún. Cơ sở hạ tầng trong thời gian qua mặc dù đã được quan tâm đầu tư từ ngân sách Trung ương để xây dựng kết cấu hạ tầng KKT, tuy nhiên mới chỉ đáp ứng được một phần so với nhu cầu thực tế. Kết cấu hạ tầng KKT còn thiếu, chưa đáp ứng yêu cầu thu hút đầu tư, phát triển của KKT, đặc biệt các công trình kết cấu hạ tầng thiết yếu trong KKT như hệ thống giao thông, cấp điện, cấp thoát nước, xử lý nước thải, thông tin. Một số khu chức năng chưa có hệ thống hạ tầng kỹ thuật kết nối hoặc kết nối chưa đồng bộ, hệ thống hạ tầng thiết yếu nội bộ khu chức năng còn thiếu đồng bộ. Chưa có quỹ đất sạch đã được bồi thường, giải phóng mặt bằng (GPMB) thuộc các khu chức năng để thu hút đầu tư các dự án lớn, nhà đầu tư chiến lược; công tác thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định còn gặp nhiều khó khăn, thời gian tổ chức bồi thường, GPMB kéo dài... đã làm ảnh hưởng rất lớn đến tiến độ của các dự án, dẫn đến các dự án chậm đi vào hoạt động và giảm hiệu quả đầu tư; tác động xấu đến môi trường đầu tư, giảm sức cạnh tranh với các KKT khác.

2.2. Thực trạng nguồn nhân lực chất lượng cao tại Khu Kinh tế Vũng Áng, tỉnh Hà Tĩnh

KKT Vũng Áng đóng trên địa bàn 9 xã phía Nam của huyện Kỳ Anh, đây là vùng điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, người dân chủ yếu sống nhờ vào sản xuất nông nghiệp và ngư nghiệp nhưng với quy mô nhỏ, năng suất lao động thấp. Kinh tế của hầu hết người dân kém phát triển. Chính vì thế người dân tại địa phương này từ xưa đến nay luôn muốn thoát ly, tìm kiếm việc làm tại các địa phương có nền kinh tế phát triển phía Bắc và phía Nam đất nước.

Các xã nằm trong KKT Vũng Áng là những xã có tỷ lệ sinh cao của huyện Kỳ Anh, mặt khác hoạt động kinh tế chủ yếu ở đây là sản xuất nông

nghiệp năng suất thấp, sản xuất ngư nghiệp (nuôi trồng, đánh bắt hải sản, làm muối, ...) hiệu quả kém.

Tình trạng lao động việc làm của lao động trong 9 xã, phường KKT Vũng Áng được điều tra, tổng hợp cụ thể như sau:

Bảng 1. Tổng hợp số liệu lao động tại các xã, phường thuộc KKT Vũng Áng, tỉnh Hà Tĩnh

TT	Xã, phường	Kỳ Nam	Kỳ Phương	Kỳ Liên	Kỳ Long	Kỳ Lợi	Kỳ Thịnh	Kỳ Trinh	Kỳ Ninh	Kỳ Hà	Tổng theo chỉ tiêu
	Chỉ tiêu										
I	Tham gia hoạt động kinh tế (I+2+3)										
1	Lao động có việc làm ổn định	1366	1754	1162	1596	2948	4291	2594	3365	2706	21782
2	Lao động có việc làm không ổn định	42	280	220	284	914	4	26	122	28	1920
3	Thất nghiệp	31	69	67	116	194	128	105	39	23	772
II	Không tham gia hoạt động kinh tế	200	820	325	503	1382	1169	775	717	696	6587
Tổng lao động (I+II)		1639	2923	1774	2499	5438	5592	3500	4243	3453	31061

Nguồn: Ban Quản lý Khu kinh tế Hà Tĩnh

Số lao động tham gia hoạt động kinh tế: bao gồm số lao động có việc làm ổn định và số lao động chưa có việc làm, việc làm không ổn định.

- Số lao động có việc làm ổn định: 21.782 người.

+ Lao động có việc làm ổn định phân theo ngành nghề:

- Lao động làm việc trong các cơ quan, đơn vị hành chính nhà nước: 1.336 người;
- Lao động hoạt động kinh doanh dịch vụ: 2.167 người;
- Lao động các ngành kỹ thuật: 6.440 người;
- Lao động là nhân viên văn phòng công ty: 255 người;
- Lao động trong lĩnh vực nông nghiệp: 11.519 người;
- Lao động các ngành nghề khác: 65 người.

+ Lao động có việc làm ổn định phân theo nơi làm việc:

- Lao động làm việc trên địa bàn xã trong lĩnh vực nông nghiệp, kinh doanh dịch vụ, lao động tự do: 15.955 người;
- Lao động làm việc tại các doanh nghiệp, nhà thầu thuộc KKT Vũng Áng: 2.023 người;
- Lao động làm việc tại các nơi khác thuộc huyện Kỳ Anh: 484 người;
- Lao động làm việc tại các huyện khác thuộc tỉnh Hà Tĩnh: 107 người;
- Lao động làm việc ngoại tỉnh: 1.536 người;
- Lao động đi xuất khẩu lao động: 1.677 người;

+ Trình độ đào tạo của lao động có việc làm ổn định: 3.473 người đã qua đào tạo, trong đó: Đại học trở lên 616 người; cao đẳng 671 người; trung cấp 1.392 người; sơ cấp 794 người.

- Số lao động chưa có việc làm và việc làm không ổn định: 1.920 lao động có việc làm không ổn định và 772 lao động chưa có việc làm (thất nghiệp).

+ Số lao động chưa có việc làm và việc làm không ổn định đã qua đào tạo: 9 xã KKT có 341 lao động đã qua đào tạo chưa có việc làm và việc làm không ổn định, trong đó: Đại học trở lên 86 người, Cao đẳng 94 người, Trung cấp 128 người, Sơ cấp 39 người

Số lao động không tham gia hoạt động kinh tế: 6.587 người, bao gồm học sinh, sinh viên trong độ tuổi lao động và lao động không có khả năng lao động..

Qua phân tích trên cho thấy trình độ lao động của 9 xã, phường trong KKT Vũng Áng rất thấp và chủ yếu làm việc trong các lĩnh vực nông nghiệp. Do đó đòi hỏi phải tổ chức việc đào tạo nghề, chuyển đổi việc làm cho người lao động tại đây.

Trong khi đó số lao động làm việc tại các doanh nghiệp, nhà thầu trong KKT Vũng Áng là 35.141 người (tính đến ngày 10/9/2015). Cụ thể như sau:

- + Lao động trong nước: 27.956 người
- + Lao động nước ngoài: 7.185 người
- + Lao động người Hà Tĩnh: 14.286 (chiếm 51,1% lao động Việt Nam)
- + Lao động người Kỳ Anh: 6.880 (chiếm 48,2% lao động Hà Tĩnh)
- + Thu nhập bình quân người Việt Nam: 6,8 triệu đồng/người/tháng.

3. Trường Đại học Vinh trong đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho Khu Kinh tế Vũng Áng, tỉnh Hà Tĩnh.

Trường Đại học Vinh là cơ sở giáo dục đại học có uy tín, đóng trên địa bàn tỉnh Nghệ An và Hà Tĩnh. Trong bối cảnh CMCN 4.0 và nhu cầu của các địa phương, Nhà trường đã tái cơ cấu, điều chỉnh tầm nhìn và sứ mạng để trở thành đại học thông minh, vươn tầm Châu Á, dẫn dắt sự phát triển về giáo dục và đào tạo trong khu vực Bắc Trung Bộ, làm đầu tàu và cùng với các cơ sở giáo dục trong khu vực chuẩn bị tốt nguồn nhân lực chất lượng cao cho sự phát triển của khu vực toàn quốc. Trong bài viết này, chúng tôi phân tích cơ cấu nền kinh tế và thực trạng nguồn nhân lực của Nghệ An và các địa phương trong tiểu vùng Bắc Trung Bộ (gọi tắt là Vùng, gồm các tỉnh Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị), từ đó đề xuất một số giải pháp mang tính đột phá của Trường Đại học Vinh nhằm giải quyết bài toán nhân lực cho sự phát triển Nghệ An và các địa phương trong Vùng.

Đến nay, Nhà trường đã phát triển với 57 ngành đào tạo trình độ Đại học, 38 ngành trình độ Thạc sĩ, 17 ngành trình độ Tiến sĩ. Bên cạnh đó, Nhà trường có Trường THPT Chuyên, Trường phổ thông thực hành và Trường Mầm non thực hành được hoạt động theo mô hình tiên tiến. Sau 63 năm phát triển, Nhà trường đã đào tạo trên 120.000 cử nhân, kỹ sư; hơn 10.000 thạc sĩ và tiến sĩ. Theo bảng xếp hạng các trường đại học trên thế giới của tổ chức CSIC, hằng năm Trường Đại học Vinh đều được xếp trong top 20 các cơ sở giáo dục đại học của Việt Nam. Nhà trường hiện là trường đại học duy nhất cả nước có Trung tâm kiểm định chất lượng giáo dục, đã thực hiện đánh giá ngoài hàng chục trường đại học và đánh giá ngoài hàng trăm chương trình đào tạo cho các trường đại học và cao đẳng trên cả nước.

Trong thời gian gần đây, Nhà trường ổn định quy mô đào tạo để tiếp tục nâng cao chất lượng theo mô hình tiên tiến CDIO được khởi xướng bởi học viện MIT (Hoa Kỳ). Số lượng sinh viên và học viên tốt nghiệp của Nhà trường và làm việc trên các địa bàn khu vực Bắc trung bộ trong 5 năm gần đây được mô tả ở các bảng sau:

Bảng 2. Số lượng sinh viên Trường Đại học Vinh tốt nghiệp giai đoạn 2018 - 2022

<i>Trình độ đào tạo</i>	2018	2019	2020	2021	2022
Đại học	8055	8747	8074	7662	7035
Sau đại học (ThS, TS)	1115	1109	1106	1086	1118

Bảng 3. Thống kê sinh viên tốt nghiệp của Trường ĐH Vinh làm việc ở trong Vùng

<i>Địa phương</i>	2016	2017	2018	2019	2020
Tỉnh Nghệ An	730	1311	1195	2023	1746
Khối các ngành khoa học xã hội và nhân văn	173	281	266	589	385
Khối ngành Kinh tế	171	287	231	474	353
Khối các ngành sư phạm	154	329	224	588	626
Khối ngành kỹ thuật	113	156	218	270	286
Khối ngành NLN và Môi trường	119	258	256	102	96
Tỉnh Hà Tĩnh	286	697	597	571	427
Khối các ngành khoa học xã hội và nhân văn	95	182	215	259	145
Khối ngành Kinh tế	61	135	100	123	107
Khối các ngành sư phạm	21	57	36	52	57
Khối ngành kỹ thuật	60	168	183	113	107
Khối ngành NLN và Môi trường	49	155	63	24	11
Tỉnh Thanh Hóa	36	90	64	91	57
Khối các ngành khoa học xã hội và nhân văn	20	55	34	54	22
Khối ngành Kinh tế	1	9	7	9	8
Khối các ngành sư phạm	6	17	13	15	22
Khối ngành kỹ thuật	8	2	5	7	4
Khối ngành NLN và Môi trường	1	7	5	6	1
Tỉnh Quảng Bình	58	136	121	134	94
Khối các ngành khoa học xã hội và nhân văn	21	41	35	62	36
Khối ngành Kinh tế	16	23	10	17	14
Khối các ngành sư phạm	9	11	14	17	14
Khối ngành kỹ thuật	8	21	38	37	17
Khối ngành NLN và Môi trường	4	40	24	1	13
Tỉnh Quảng Trị	02	17	08	10	04
Khối các ngành khoa học xã hội và nhân văn	1	6	3	6	4
Khối ngành Kinh tế	1	1	2	0	0
Khối các ngành sư phạm	0	8	1	2	0
Khối ngành kỹ thuật	0	0	0	2	0
Khối ngành NLN và Môi trường	0	2	2	0	0

Nâng cao chất lượng đào tạo là yếu tố được Nhà trường ưu tiên hàng đầu. Đã có 18 chương trình đào tạo đã được kiểm định đạt chuẩn quốc gia, 2 chương

trình được kiểm định theo chuẩn quốc tế của khu vực ASEAN (AUN-QA); có 1 chương trình đào tạo được xếp hạng 5 sao định hướng nghiên cứu theo Bộ chuẩn đối sánh chất lượng với 100 đại học hàng đầu Châu Á (UPM). Mặc dù mới được thành lập vào 9/2021, sau 1 năm Trường Sư phạm đã được xếp hạng 5 sao, Trường Kinh tế được xếp hạng 4 sao Plus theo Bộ chuẩn UPM.

Đứng trước cơ hội và thách thức của kỷ nguyên mới, năm 2021, Trường Đại học Vinh đã tái cơ cấu để thành lập 3 trường (Trường Sư phạm, Trường Kinh tế, Trường Khoa học xã hội & Nhân văn) và Viện Nghiên cứu & Đào tạo trực tuyến. Từ đó, triển khai xây dựng Đề án chuyển Trường thành Đại học với tầm nhìn mới “*Trở thành đại học thông minh, xếp hạng top 500 đại học hàng đầu châu Á vào năm 2030, hướng đến top 1000 đại học hàng đầu thế giới vào năm 2045*”. Để hiện thực hóa tầm nhìn này, Nhà trường đã xây dựng sứ mạng mới “*là cơ sở giáo dục đại học đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, dẫn dắt sự phát triển giáo dục và đào tạo của khu vực Bắc Trung Bộ, là trung tâm nghiên cứu đổi mới sáng tạo, góp phần thúc đẩy sự phát triển của quốc gia và quốc tế*”.

4. Một số giải pháp của Trường Đại học Vinh về đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho Khu Kinh tế Vũng Áng, tỉnh Hà Tĩnh trong thời gian tới

Nhóm giải pháp thứ nhất, đổi mới phương thức đào tạo nhân lực, tăng cường đào tạo theo nhu cầu xã hội, liên kết đào tạo:

- **Thứ nhất**, gắn chặt công tác tuyển sinh, đào tạo với nhu cầu của doanh nghiệp, xã hội, đảm bảo “sản phẩm” của quá trình đào tạo luôn đáp ứng kịp thời, chính xác yêu cầu của các doanh nghiệp/ tổ chức tại KKT, nguồn lực phục vụ cho công tác đào tạo của nhà nước, xã hội không bị lãng phí nhằm nâng cao hiệu quả công tác đào tạo. Để cụ thể hóa vấn đề này đòi hỏi cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường và KKT trong xây dựng cơ chế chính sách, chương trình đào tạo đảm bảo rằng yêu cầu, tiêu chuẩn của KKT về nguồn nhân lực chất lượng cao và sản phẩm đào tạo của nhà trường phải trùng nhau hoặc có sự giao thoa với nhau.

- **Thứ hai**, chú trọng tới công tác xây dựng Chương trình, giáo trình đào tạo nhằm tăng thời lượng đào tạo thực hành, thực tế giúp sinh viên tiếp cận nhiều hơn với kiến thức thực tế. Vấn đề này đòi hỏi nhà trường phải có mối liên hệ chặt chẽ với KKT, cần có sự hỗ trợ và tham gia của Ban Quản lý, các cán bộ lãnh đạo, kỹ sư, nhân viên, người lao động ở KKT vào quá trình đào tạo từ lý thuyết đến thực hành và thực tế.

- **Thứ ba**, tăng cường liên kết hợp tác tổ chức các hội thảo. Tăng cường liên kết giữa nhà trường và doanh nghiệp là xu hướng và cầu nối quan trọng trong việc đảm bảo, nâng cao chất lượng đào tạo sinh viên, đồng thời là cách thức để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đầu vào của đơn vị sử dụng lao động, doanh nghiệp. Trường Đại học Vinh hiện đang đào tạo theo định hướng ứng dụng nghề nghiệp, sinh viên được đào tạo sát với thực tế nghề nghiệp và có nhiều cơ hội tiếp cận doanh nghiệp tuyển dụng. Tuy vậy, làm thế nào để nâng cao hiệu quả liên kết giữa cơ sở đào tạo và doanh nghiệp là một thách thức.

Để tăng hiệu quả liên kết, về phía KKT Vũng Áng cần có chiến lược “nuôi dưỡng”, “ươm mầm” tài năng tại trường đại học bằng các hình thức cung cấp học bổng, đầu tư cơ sở vật chất, kỹ thuật, tài chính, tuyển dụng trước và sau tốt nghiệp; đặt hàng cho trường Đại học giải quyết những vấn đề cần thiết mà KKT đang và sẽ có nhu cầu. KKT cần cam kết hỗ trợ nguồn lực cho nhà trường bằng việc thành lập các khu công nghệ, trang thiết bị cho phòng thực hành, thí nghiệm, giảng đường phục vụ giảng dạy và học tập. Gắn kết chặt chẽ với nhà trường trong việc tham gia đào tạo; góp ý về xây dựng, đánh giá và cải tiến chương trình; sử dụng nguồn nhân lực sau khi tốt nghiệp phục vụ cho hoạt động của doanh nghiệp, đem lại hiệu quả lớn cho KKT. Bên cạnh đó, KKT sẽ cử các chuyên gia, kỹ sư tham gia trực tiếp giảng dạy hoặc hướng dẫn thực hành tại nhà trường hoặc tại KKT. Tạo điều kiện tiếp nhận các cán bộ quản lý, giảng viên, sinh viên đến KKT để tham quan, học tập, học hỏi kinh nghiệm hoặc trao đổi những vướng mắc giữa chương trình đào tạo và yêu cầu thực tế.

Nhóm giải pháp thứ hai, xây dựng thể chế cho mô hình hệ sinh thái đại học đổi mới sáng tạo, hình thành tổ hợp đại học:

- **Thứ nhất**, tiếp tục tái cơ cấu và hoàn thành chuyển đổi Trường Đại học Vinh từ mô hình *trường đại học đa ngành* như hiện nay thành *đại học đa lĩnh vực theo mô hình hệ sinh thái đại học đổi mới sáng tạo* để có đủ tiềm lực triển khai các hoạt động đào tạo, nghiên cứu, chuyển giao công nghệ, đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp phù hợp với xu thế của bối cảnh mới. Tiến tới *phối hợp với cơ sở đào tạo* trong Vùng hình thành *tổ hợp đại học (University System)* để phân nhiệm hợp lý các phân khúc trong đào tạo nguồn nhân lực, công nhận tín chỉ đào tạo giữa các trường, tập trung nguồn lực toàn tổ hợp đại học để giải quyết những vấn đề thực tiễn về giáo dục và đào tạo đối với từng lĩnh vực.

- **Thứ hai**, tham mưu Chính phủ, các bộ ngành Trung ương và các địa phương trong Vùng ban hành các cơ chế chính sách về phối kết hợp giữa các

trường, Chính phủ/chính quyền địa phương và doanh nghiệp trong sử dụng và phát triển nhân lực chất lượng cao gắn với đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp; chính sách về *hợp tác công - tư* trong giáo dục và đào tạo trong tổ hợp đại học.

- **Thứ ba**, xây dựng mô hình quản trị chất lượng theo mô hình hệ sinh thái đại học đổi mới sáng tạo. Trong đó, tập trung cho hệ thống quản trị chất lượng; xây dựng các *chính sách và quy định nội bộ* để cụ thể hóa sự *phối kết hợp* giữa *nhà giáo, người học và nhà tuyển dụng* trong đào tạo nhân lực, chuyển giao công nghệ và khởi nghiệp ở cấp độ chương trình đào tạo và môn học.

- **Thứ tư**, phát triển một số lĩnh vực đào tạo chất lượng cao gắn yêu cầu phát triển trọng điểm của địa phương và Vùng. Xây dựng mới và hoàn thiện các chương trình đào tạo chất lượng cao theo mô hình quốc tế CDIO (được khởi xướng bởi học viện MIT của Hoa Kỳ), ưu tiên *một số ngành trọng điểm* cho phát triển kinh tế của địa phương và vùng. Xây dựng *mô hình tổ chức hoạt động dạy học mới* dựa trên ứng dụng thành quả công nghệ 4.0 và phù hợp với học tập cá thể hóa của thế hệ công dân mới (thế hệ Z, thế hệ alpha). Đẩy mạnh *kiểm tra đánh giá* theo định hướng chuẩn quốc tế về chuẩn đầu ra để cung cấp *hồ sơ năng lực* sinh viên tốt nghiệp cho nhà tuyển dụng.

- **Thứ năm**, Tham mưu với các địa phương trong Vùng xây dựng mạng lưới các trường phổ thông trở thành các *vệ tinh* của *Tổ hợp đại học* để hỗ trợ hoạt động định hướng nghề nghiệp và có thể triển khai đào tạo một số kỹ năng cơ bản đối với lao động phổ thông trong khi thực hiện chương trình giáo dục phổ thông 2018, hướng tới đào tạo gắn với sử dụng lao động, đặc biệt là xuất khẩu lao động chất lượng cao ra các thị trường trong bối cảnh chưa sử hết nhân lực qua đào tạo tại địa phương.

Nhóm giải pháp thứ ba, đầu tư cơ sở hạ tầng và công nghệ phục vụ cho sự phát triển của hệ sinh thái và đại học thông minh.

- **Thứ nhất**, đầu tư xây dựng và sắp xếp hệ thống phòng học, nhà xưởng, phòng thực hành, thư viện số, các trung tâm nghiên cứu và phát triển (R&D) theo các lĩnh vực và theo mô hình *đại học số*, hướng tới *đại học thông minh*.

- **Thứ hai**, đầu tư, hoàn thiện đại học số (trước năm 2025) và tiến tới đại học thông minh (năm 2030): hệ thống thông tin tổng thể, hệ quản lý học tập LMS, trung tâm sản xuất học liệu số, trung tâm dữ liệu lớn.

- **Thứ ba**, xây dựng các phòng thí nghiệm, trung tâm nghiên cứu của các lĩnh vực áp dụng các công nghệ mới: trí tuệ nhân tạo, điện toán đám mây,

internet kết nối vạn vật, block chain, vật liệu mới, công nghệ sinh học, nông nghiệp công nghệ cao, kinh tế số.

- **Thứ tư**, tăng cường huy động các nguồn lực tài chính và đẩy mạnh hoạt động đổi mới sáng tạo gắn với dạy học trong các chương trình đào tạo thông qua các quỹ đầu tư, hợp tác công - tư.

5. Kết luận và kiến nghị

Nguồn nhân lực chất lượng cao là bộ phận cấu thành nguồn nhân lực của quốc gia, có vai trò quan trọng trong sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước. Trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế hiện nay, phát triển nguồn nhân lực nói chung, nguồn nhân lực chất lượng cao nói riêng càng trở nên quan trọng và cấp thiết. Do đó, việc nghiên cứu bổ sung, hoàn thiện chính sách phát triển nguồn nhân lực, trong đó có nhân lực chất lượng cao là nhiệm vụ thường xuyên, lâu dài và là một tất yếu khách quan. Đây cũng là một trong những nhiệm vụ được Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đặt ra nhằm góp phần thực hiện thành công mục tiêu đưa đất nước phát triển nhanh, bền vững.

Là cơ sở giáo dục đại học có uy tín trong cả nước, trước bối cảnh đó, Trường Đại học Vinh đã tái cơ cấu, điều chỉnh tầm nhìn và sứ mạng để trở thành đại học thông minh theo mô hình hệ sinh thái đại học đổi mới sáng tạo, vươn tầm Châu Á, dẫn dắt sự phát triển về giáo dục và đào tạo trong khu vực Bắc Trung Bộ, làm đầu tàu và cùng với các cơ sở giáo dục trong khu vực chuẩn bị tốt nguồn nhân lực chất lượng cao cho sự phát triển của khu vực toàn quốc. Nhằm tạo ra hành lang pháp lý và môi trường thuận lợi góp phần giải quyết bài toán nhân lực chất lượng cao cho Khu Kinh tế Vũng Áng, tỉnh Hà Tĩnh trong thời gian tới, Nhà trường có một số đề xuất và kiến nghị sau:

- **Thứ nhất**, kính đề nghị Trung ương chỉ đạo và sớm ban hành quy hoạch mạng lưới các trường đại học, trong đó tiểu vùng Bắc Trung Bộ cần có một tổ hợp đại học trọng điểm quốc gia theo mô hình đại học đổi mới sáng tạo với đầu tàu là Trường Đại học Vinh để đào tạo nhân lực cho sự phát triển kinh tế - xã hội của cả Vùng và hướng tới xuất khẩu lao động chất lượng cao ra quốc tế. Mặc dù đây là mô hình mới ở Việt Nam nhưng đã được các nước phát triển trên thế giới và một số nước ASEAN triển khai.

- **Thứ hai**, kính đề nghị Trung ương và tỉnh Hà Tĩnh ban hành cơ chế chính sách và chế tài đối với doanh nghiệp trong việc gia tăng hoạt động đổi mới

sáng tạo gắn với công nghệ nguồn để tăng cường sử dụng lao động chất lượng cao; tạo cơ chế hợp tác công tư trong giáo dục để gắn kết giữa nhà tuyển dụng và cơ sở đào tạo nhân lực trong khu vực (bao hàm cả đào tạo theo đặt hàng và nghiên cứu phát triển - R&D)

- *Thứ ba*, kính đề nghị tỉnh Hà Tĩnh có các chỉ đạo để hệ thống các trường phổ thông trở thành vệ tinh của các cơ sở đào tạo nhân lực để được hỗ trợ tăng cường hoạt động hướng nghiệp sớm gắn với giáo dục một số kỹ năng quan trọng thông qua chương trình giáo dục phổ thông 2018; đồng thời, đẩy mạnh công tác dự báo nguồn nhân lực trên địa bàn để định hướng cho hoạt động hướng nghiệp và hoạt động đào tạo.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Công văn số 1231/TTg-KTTH của Thủ tướng Chính phủ: V/v Đề án rà soát, xây dựng tiêu chí lựa chọn một số Khu kinh tế ven biển để tập trung đầu tư giai đoạn 2013 - 2015.
2. Công văn số 2021/TTg-KHTH ngày 09/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc lựa chọn một số KKT ven biển để tập trung đầu tư phát triển từ nguồn NSNN giai đoạn 2016-2020.
3. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*.
4. Luật Giáo dục Đại học số 08/2012/QH13.
5. Thông báo số 05-TB/VPTW ngày 27/4/2016 kết quả chuyến thăm và làm việc của đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng tại tỉnh Hà Tĩnh.
6. Thông báo số 447/TB-VPCP ngày 21/9/2017 kết luận của Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc tại buổi làm việc với tỉnh Hà Tĩnh.
7. UBND Tỉnh Hà Tĩnh, *Đề án Phát triển Khu kinh tế Vũng Áng giai đoạn 2021 – 2025, định hướng đến năm 2030*.
8. UBND Tỉnh Hà Tĩnh, *Quyết định Ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Hà Tĩnh*.

NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC LÀM VIỆC TẠI BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ TỈNH VÀ UBND THỊ XÃ KỶ ANH

Lê Minh Đạo

UVBCH Đảng bộ tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế, việc nâng cao chất lượng cán bộ, công chức, viên chức, hướng tới mục tiêu xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược, đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ theo quan điểm chỉ đạo tại Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 19/5/2018 của Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược, đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ là một trong những nhiệm vụ quan trọng trong giai đoạn hiện nay.

Đặc biệt, trong bối cảnh tỉnh Hà Tĩnh đang tăng cường hoạt động xúc tiến đầu tư, tập trung thu hút các tập đoàn kinh tế lớn trong và ngoài nước đầu tư các dự án trọng điểm, động lực, tạo tiền đề cho việc hình thành khu vực phát triển công nghiệp nông cốt thì việc đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức nói chung và cán bộ, công chức, viên chức đang làm việc tại Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh và UBND thị xã Kỳ Anh nói riêng là yêu cầu và nhiệm vụ cần thiết đặt ra hiện nay. Bài viết phân tích một số vấn đề lý luận, thực tiễn và đề xuất giải pháp tiếp tục nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức làm việc tại Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh và UBND thị xã Kỳ Anh.

1. Quan điểm chỉ đạo về nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức

Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 19/5/2018 của Hội nghị Trung ương lần thứ bảy, khóa XII về tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược, đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ nêu rõ: *“Chuẩn hoá, siết chặt kỷ luật, kỷ cương đi đôi với xây dựng thể chế, tạo môi trường, điều kiện để thúc đẩy đổi mới, phát huy sáng tạo và bảo vệ cán bộ dám nghĩ, dám làm, dám đột phá vì lợi ích chung. Phân công, phân cấp gắn với giao quyền, ràng buộc trách nhiệm, đồng thời tăng cường kiểm tra, giám sát, kiểm soát quyền lực và xử lý nghiêm minh sai phạm”*.

Quyết định số 1847/QĐ-TTg ngày 27/12/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án Văn hóa công vụ đã đưa ra mục tiêu: “*Nâng cao văn hóa công vụ, góp phần hình thành phong cách ứng xử, lễ lối làm việc chuẩn mực của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; đảm bảo tính chuyên nghiệp, trách nhiệm, năng động, minh bạch, hiệu quả trong hoạt động thực thi nhiệm vụ, công vụ; đáp ứng yêu cầu phục vụ Nhân dân, xã hội*”.

Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030 (ban hành kèm theo Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ) đã xác định mục tiêu cải cách chế độ công vụ: “*Xây dựng nền công vụ chuyên nghiệp, trách nhiệm, năng động và thực tài. Thực hiện cơ chế cạnh tranh lành mạnh, dân chủ, công khai, minh bạch trong bổ nhiệm, đề bạt cán bộ và tuyển dụng công chức, viên chức để thu hút người thực sự có đức, có tài vào làm việc trong các cơ quan hành chính nhà nước*”; đồng thời, đã xác định xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức chuyên nghiệp, có năng lực, phẩm chất đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ và sự phát triển đất nước là một trong những nhiệm vụ trọng tâm cải cách hành chính 10 năm tới.

Quyết tâm của Chính phủ trong việc xây dựng Chính phủ kiến tạo phát triển và đổi mới phương thức quản lý, điều hành, xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức có đủ năng lực và phẩm chất đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước, phục vụ nhân dân trong giai đoạn mới đã đạt được những kết quả đáng ghi nhận. Điều này được thể hiện rõ thông qua sự gia tăng liên tục chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS). Năm 2020, chỉ số SIPAS của 63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nằm trong khoảng từ 75.68% đến 95.76%, với giá trị trung vị là 85.17%. Năm 2021, chỉ số SIPAS của 63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nằm trong khoảng 82.79% - 94.07%, với giá trị trung bình là 87.16%.

Tại tỉnh Hà Tĩnh, thực hiện các văn bản chỉ đạo của Trung ương, chủ trương của Tỉnh ủy về đạo đức công vụ, văn hóa công sở, kỷ luật, kỷ cương hành chính, xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, thời gian qua, UBND tỉnh đã ban hành và tổ chức thực hiện triển khai các Quyết định quy định liên quan như: Quy chế văn hóa công vụ tại các cơ quan, đơn vị (Quyết định số 20/2019/QĐ-UBND); Quy định thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông tại các cơ quan, đơn vị (Quyết định số 27/2016/QĐ-UBND); Quy định trách nhiệm thực hiện kỷ luật, kỷ cương hành chính trong đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và cán bộ, chiến sỹ lực lượng

vũ trang trên địa bàn tỉnh (Quyết định số 52/QĐ-UBND); Quy định trách nhiệm người đứng đầu cơ quan hành chính nhà nước và cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh về thực hiện CCHC (Quyết định số 54/2019/QĐ-UBND). Ngoài ra, UBND tỉnh đã trình Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh ban hành Nghị quyết số 12-NQ/TU ngày 26/5/2022 về đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của chính quyền các cấp giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030; đồng thời, đã chỉ đạo triển khai, thực hiện hoàn thành, có hiệu quả Kế hoạch cải cách hành chính năm 2022.

2. Thực trạng chất lượng cán bộ, công chức, viên chức làm việc tại Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh và UBND thị xã Kỳ Anh

2.1. Tổng quan về Khu kinh tế Vũng Áng và nhu cầu về nguồn nhân lực

Khu kinh tế Vũng Áng được thành lập theo Quyết định số 72/2006/QĐ-TTg ngày 03/4/2006 của Thủ tướng Chính phủ. Khu kinh tế Vũng Áng được Thủ tướng Chính phủ lựa chọn là 1 trong 5 khu kinh tế trọng điểm của cả nước được tập trung nguồn lực đầu tư phát triển giai đoạn 2013 - 2015 và 1 trong 8 khu kinh tế ven biển được ưu tiên để tập trung đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016 - 2020.

Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 22/11/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển Khu kinh tế Vũng Áng giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030 đã xác định rõ mục tiêu phát triển tổng quát của Khu kinh tế Vũng Áng trong giai đoạn tới là: *“Xây dựng Khu Kinh tế Vũng Áng với các trụ cột: Công nghiệp luyện kim, năng lượng, chế biến, chế tạo; Trung tâm logistics và dịch vụ cảng biển; Phát triển thương mại, dịch vụ, tạo nền tảng vững chắc. Phát triển đồng bộ khu liên hợp công nghiệp luyện kim, công nghiệp hỗ trợ, chế biến, chế tạo, trung tâm điện lực gắn với cụm cảng nước sâu Vũng Áng - Sơn Dương; đảm bảo hiệu quả tổng hợp về kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh, bảo vệ môi trường; thúc đẩy tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa; từng bước phát triển thị xã Kỳ Anh trở thành đô thị trung tâm phía Nam; hình thành thành phố Kỳ Anh, liên kết phát triển vùng Nam Hà Tĩnh - Bắc Quảng Bình”*.

Đến nay, trên địa bàn Khu kinh tế Vũng Áng có 154 dự án đầu tư còn hiệu lực, trong đó có 56 dự án có vốn đầu tư nước ngoài với tổng vốn đăng ký trên 16 tỷ USD và 98 dự án đầu tư trong nước với tổng vốn đăng ký trên 55 nghìn tỷ đồng. Việc thu hút các dự án đầu tư, đặc biệt là dự án đầu tư nước

ngoài góp phần tăng trưởng, chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh theo hướng tăng dần tỷ trọng công nghiệp - dịch vụ và cơ cấu lao động, nâng cao năng lực sản xuất công nghiệp. Thu ngân sách trên địa bàn Khu kinh tế Vũng Áng tăng trưởng cao qua các năm, chiếm tỷ trọng lớn trong tổng thu ngân sách của tỉnh (Trong giai đoạn 2021-2022, thu ngân sách trên địa bàn Khu kinh tế Vũng Áng đạt gần 19.000 tỷ đồng, chiếm trên 54% tổng thu ngân sách toàn tỉnh, trong đó thu xuất nhập khẩu chiếm 94% tổng thu toàn tỉnh).

Với những lợi thế và kết quả đạt được trong những năm qua, Khu kinh tế Vũng Áng đáp ứng các tiêu chí để được Thủ tướng Chính phủ lựa chọn là 1 trong 5 khu kinh tế trọng điểm của cả nước và là hạt nhân tăng trưởng, thu hút đầu tư, thúc đẩy phát triển ngành công nghiệp dịch vụ hỗ trợ và liên kết phát triển vùng, tạo tiền đề để thúc đẩy thị xã Kỳ Anh phát triển, phấn đấu trở thành thành phố vào năm 2025.

Với vai trò là cơ quan quản lý nhà nước đối với Khu Kinh tế Vũng Áng, để vận hành bộ máy hành chính thật sự hiệu quả, nội dung đầu tiên và quan trọng nhất chính là công tác tổ chức cán bộ. Do đó, làm rõ thực trạng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức làm việc tại Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh và UBND thị xã Kỳ Anh để đưa ra giải pháp cụ thể, phù hợp nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức là yêu cầu đặt ra hiện nay.

2.2. Thực trạng chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức làm việc tại Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh và UBND thị xã Kỳ Anh

a) Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Hà Tĩnh được thành lập theo Quyết định số 381/QĐ-TTg ngày 24/3/2015 của Thủ tướng Chính phủ trên cơ sở hợp nhất Ban Quản lý Khu kinh tế Vũng Áng với Ban Quản lý Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Cầu Treo. Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh là cơ quan trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh, thực hiện chức năng quản lý nhà nước trực tiếp đối với các khu công nghiệp, Khu kinh tế Vũng Áng, Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Cầu Treo trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh; quản lý và tổ chức thực hiện chức năng cung ứng dịch vụ hành chính công và dịch vụ hỗ trợ khác có liên quan đến hoạt động đầu tư và sản xuất, kinh doanh cho nhà đầu tư trong các khu công nghiệp, Khu kinh tế Vũng Áng, Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Cầu Treo trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật.

Tính đến thời điểm 31/12/2022, tổng số công chức, viên chức đang làm việc tại Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh và các đơn vị sự nghiệp trực thuộc là 49 người (trong đó: 36 công chức, 13 viên chức).

Về trình độ chuyên môn của cán bộ, công chức, viên chức: Đối với công chức: Thạc sĩ: 05 người (chiếm 13,9%); Đại học: 30 người (chiếm 83,3%); Trung cấp: 01 người (chiếm 2,8%). Đối với viên chức trong các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc: Đại học: 10 người (chiếm 76,9%); Cao đẳng: 01 người (chiếm 7,7%); Trung cấp: 01 người (chiếm 7,7%); còn lại: 01 người (chiếm 7,7%).

b) Thị xã Kỳ Anh là đơn vị được thành lập theo Nghị quyết số 903/NQ-UBTVQH13 ngày 10/4/2015 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội trên cơ sở chia tách địa giới hành chính huyện Kỳ Anh; là đô thị loại III, có diện tích tự nhiên là 280,25 km², hiện có 11 đơn vị hành chính cấp xã. Thị xã Kỳ Anh cách thành phố Hà Tĩnh khoảng 60 km, là khu vực có vị trí địa lý thuận lợi cho giao lưu quốc tế, nằm trên hành lang của các tuyến hàng hải quốc tế, là cửa ngõ ra biển của Lào và Thái Lan thông qua Quốc lộ 12C, có cụm cảng biển nước sâu Vũng Áng - Sơn Dương và có tuyến đường Quốc lộ 1 (tuyến đường huyết mạch của cả nước) đi qua; nhờ đó, tạo điều kiện thuận lợi để phát triển kinh tế - xã hội, đặc biệt là các ngành thương mại, dịch vụ, công nghiệp và du lịch; tạo động lực để đưa thị xã Kỳ Anh bứt phá đi lên và thực sự trở thành đô thị tổng hợp, động lực vùng Nam Hà Tĩnh - Bắc Quảng Bình.

Tính đến thời điểm 31/12/2022, tổng số cán bộ, công chức, viên chức đang làm việc tại UBND thị xã Kỳ Anh và các đơn vị sự nghiệp trực thuộc là 1.435 người (trong đó, 61 công chức, 1.374 viên chức).

Về trình độ chuyên môn của cán bộ, công chức, viên chức: Đối với cán bộ, công chức của UBND thị xã Kỳ Anh: Thạc sĩ: 23 người (chiếm 37,7%); Đại học: 38 người (chiếm 62,3%). Đối với viên chức trong các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc: Thạc sĩ: 20 người (chiếm 1,5%); Đại học: 1.056 người (chiếm 76,9%); Cao đẳng: 193 người (chiếm 14%); Trung cấp: 105 người (chiếm 7,6%).

c) Đánh giá ưu điểm

Nhìn chung, đến nay đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh và UBND thị xã Kỳ Anh đã có bước phát triển mạnh mẽ về chất lượng cũng như đảm bảo về số lượng, cơ bản đã được chuẩn hóa về trình độ chuyên môn đào tạo. Việc quản lý, sử dụng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đã có nhiều chuyển biến phù hợp với tình hình mới, với yêu cầu nhiệm vụ mới, cụ thể:

- Nhận thức được tầm quan trọng của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong động lực tạo bút phá mới, cũng như hiểu rõ những thuận lợi, những khó khăn thách thức đặc thù của Khu Kinh tế Vũng Áng, tỉnh Hà Tĩnh đã ban hành nhiều chính sách thu hút, đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực chất lượng cao được ban hành, như: Chính sách quy định tạm thời về khuyến khích đào tạo, bồi dưỡng, thu hút và sử dụng nguồn nhân lực chất lượng cao giai đoạn 2011 - 2015 (Quyết định số 14/2011/QĐ-UBND ngày 21/6/2011 của UBND tỉnh; Quyết định số 64/2012/QĐ-UBND ngày 14/12/2012 của UBND tỉnh; Quyết định số 15/2014/QĐ-UBND ngày 25/3/2014 của UBND tỉnh sửa đổi Quyết định số 14/2011/QĐ-UBND); Chính sách hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực cho Khu Kinh tế Vũng Áng (Quyết định số 26/2013/QĐ-UBND ngày 03/7/2013 của UBND tỉnh); Chính sách khuyến khích phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao tỉnh Hà Tĩnh (Nghị quyết số 72/2017/NQ-HĐND ngày 13/12/2017 của HĐND tỉnh); Chính sách khuyến khích phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2022 - 2025 (Nghị quyết số 46/2021/NQ-HĐND ngày 16/12/2021). Nhờ đó, góp phần nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; một số công chức, viên chức được thu hút, đào tạo, bồi dưỡng đã phát huy tốt năng lực, sở trường, được đề bạt bổ nhiệm lãnh đạo chủ chốt của các cơ quan, đơn vị.

- Công tác tuyển dụng công chức, viên chức được thực hiện đúng quy định, đảm bảo dân chủ, công khai và phát huy được tính chủ động của các cơ quan, đơn vị. Năm 2020, UBND tỉnh đã tổ chức xét tuyển công chức, viên chức theo Nghị định số 140/2017/NĐ-CP ngày 05/12/2017 của Chính phủ về chính sách thu hút, tạo nguồn từ sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ; kết quả: tuyển dụng 14 công chức viên chức (trong đó có 01 công chức có trình độ Thạc sĩ vào làm việc tại Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh). Năm 2022, Sở Nội vụ đã tham mưu UBND tỉnh ban hành các Quyết định: số 721/QĐ-UBND ngày 06/4/2022 về việc phê duyệt Chỉ tiêu và Kế hoạch tuyển dụng công chức năm 2022; số 783/QĐ-UBND ngày 18/4/2022 về việc bổ sung chỉ tiêu tuyển dụng công chức năm 2022. Theo đó, đã phê duyệt 13 chỉ tiêu thi tuyển công chức đối với Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh; 03 chỉ tiêu thi tuyển công chức và 04 chỉ tiêu tiếp nhận công chức đối với UBND thị xã Kỳ Anh. Hiện nay, UBND tỉnh đang tổ chức thi tuyển công chức theo quy định.

Đối với tuyển dụng viên chức: năm 2022, sau khi được UBND tỉnh phê duyệt chỉ tiêu, cơ cấu tuyển dụng, Ban Quản lý Khu Kinh tế tỉnh thực hiện tuyển dụng 07 viên chức và UBND thị xã Kỳ Anh thực hiện tuyển dụng 14 viên chức.

- Vị trí việc làm đối với các cơ quan, đơn vị được cấp có thẩm quyền phê duyệt, làm cơ sở cho các đơn vị thực hiện tốt việc bố trí, quản lý, sử dụng công chức, viên chức, phát huy được năng lực, sở trường công tác và nâng cao chất lượng đội ngũ công chức, viên chức tại đơn vị, địa phương.

- Công tác bổ nhiệm công chức, viên chức giữ chức vụ lãnh đạo quản lý được thực hiện nghiêm túc, đúng quy định; cán bộ, công chức được cơ quan có thẩm quyền quy hoạch vào chức vụ lãnh đạo mới được xem xét bổ nhiệm, người được bổ nhiệm, bổ nhiệm lại đảm bảo đầy đủ tiêu chuẩn, điều kiện.

- Thực hiện tốt chế độ tiền lương, nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức và các chế độ, chính sách khác đối với cán bộ, công chức, viên chức theo đúng quy định. Bên cạnh các chế độ tiền lương, phụ cấp lương theo quy định của Trung ương, năm 2019, UBND tỉnh đã trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết số 182/2019/NQ-HĐND ngày 15/12/2019 quy định chế độ hỗ trợ đối với công chức; lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP làm việc tại Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh (theo đó, mức hỗ trợ đối với công chức, lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP bằng 50% tiền lương hiện hưởng). Chính sách nêu trên đã góp phần hỗ trợ đời sống vật chất và tinh thần đối với công chức, lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP làm việc tại Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh, tạo điều kiện cho công chức, người lao động ổn định thu nhập, yên tâm công tác; đồng thời, nhằm thu hút, khuyến khích người lao động đến làm việc tại Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh.

- Tinh giản biên chế theo Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/4/2015 của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức được UBND tỉnh, Sở Nội vụ và các đơn vị quan tâm thực hiện.

- Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức được quan tâm đúng mức. Kế hoạch giai đoạn, hàng năm về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh đã bám sát mục tiêu chủ đạo, như trang bị kiến thức, kỹ năng, phương pháp thực hiện nhiệm vụ trong hoạt động công vụ của cán bộ, công chức; nội dung, hình thức đào tạo, bồi dưỡng đa dạng hơn, chương trình đào tạo bồi dưỡng được xây dựng sát đúng phù hợp với từng nhóm đối tượng cán bộ, công chức, viên chức và ngày càng quan tâm hơn đến việc cập

nhật, đổi mới nội dung, chương trình, kiến thức, kỹ năng thực thi công vụ cho đội ngũ cán bộ, công chức.

Có thể nói, công tác cải cách hành chính thời gian qua đã góp phần nâng cao chất lượng cán bộ, công chức, viên chức, đem lại những chuyển biến rõ rệt trong việc nâng cao chất lượng quản lý nhà nước và sự hài lòng của nhà đầu tư và doanh nghiệp hoạt động trong Khu kinh tế Vũng Áng. Việc đơn giản hóa thủ tục hành chính đã góp phần cải thiện môi trường đầu tư, nâng cao các chỉ số của tỉnh (như PCI, PAPI...), giúp doanh nghiệp và nhà đầu tư dễ hiểu, dễ tra cứu thực hiện, tiết kiệm thời gian, chi phí, đồng thời việc thực hiện chức năng quản lý nhà nước của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh được chặt chẽ, đảm bảo các quy định của pháp luật. Chỉ số cải cách hành chính của thị xã Kỳ Anh năm sau luôn cao hơn năm trước. Năm 2022, thị xã Kỳ Anh xếp thứ 3 khối các huyện, thành phố, thị xã, tăng 3 bậc so với năm 2021 - thứ hạng cao nhất từ trước đến nay.

d) Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và công tác quản lý đội ngũ công chức, viên chức trên địa bàn còn bộc lộ một số tồn tại, hạn chế, như: Số lượng công chức còn thiếu khá nhiều so với số biên chế được cấp có thẩm quyền giao (như: Ban Quản lý Khu Kinh tế tỉnh còn thiếu 14 biên chế công chức; UBND thị xã Kỳ Anh còn thiếu 11 biên chế công chức). Kết quả đạt được trong thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao về làm việc tại Ban Quản lý Khu Kinh tế tỉnh và UBND thị xã Kỳ Anh còn thấp so với nhu cầu thu hút nguồn nhân lực của đơn vị. Thực trạng công chức, viên chức nghỉ việc, thôi việc, xin chuyển công tác... tại các đơn vị (đặc biệt là Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh) diễn ra khá nhiều trong thời gian qua. Chất lượng đội ngũ công chức, viên chức chưa đồng đều, cơ cấu chưa hợp lý; vẫn còn tình trạng vừa thừa, vừa thiếu ở nhiều nơi. Một số cán bộ, trong đó có cả cán bộ cấp chiến lược thiếu tính chuyên nghiệp (*tác phong tinh thần, ý thức trong lao động, bao gồm: phẩm chất đạo đức, lập trường tư tưởng, thái độ làm việc, tâm lý làm việc và khả năng chịu áp lực công việc*), làm việc không đúng chuyên môn, sở trường; trình độ ngoại ngữ, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng giải quyết công việc và khả năng làm việc trong môi trường quốc tế còn nhiều hạn chế; chất lượng thực thi công vụ chưa cao. Công tác đào tạo, bồi dưỡng có lúc, có nơi chưa gắn với công tác quy hoạch và bố trí sử dụng cán bộ, công chức, viên chức. Việc nhận xét, đánh giá công chức, viên chức tại một số cơ quan, đơn vị chưa đi vào thực chất, còn có tâm lý nể nang, ngại va chạm, thiếu nhất quán

trong quán triệt, chỉ đạo, tổ chức thực hiện. Tại một số cơ quan, đơn vị, người đứng đầu chưa quyết liệt trong việc kiện toàn tổ chức, kiện toàn nhân sự, chưa xem tinh giản biên chế là một thách thức nhưng cũng là một cơ hội để nâng cao chất lượng đội ngũ.

Những hạn chế, khuyết điểm nêu trên là do một số nguyên nhân như sau:

- Điều kiện và môi trường làm việc tại một số cơ quan, đơn vị còn khó khăn; trụ sở làm việc đóng tại địa bàn cách xa trung tâm, địa hình, khí hậu khắc nghiệt; cơ sở vật chất, trang thiết bị làm việc không đảm bảo, điều kiện sinh hoạt, ăn, ở còn hạn chế trong khi mức thu nhập thấp, không đủ để trang trải cuộc sống sinh hoạt của cá nhân và gia đình (*hầu hết công chức, viên chức mới lập gia đình và có con nhỏ*).

- Lĩnh vực tư nhân với môi trường làm việc năng động, linh hoạt và chế độ tiền lương hấp dẫn đang thu hút ngày càng nhiều nhân lực chất lượng cao từ khu vực công, trong đó có cả những trường hợp là đối tượng thu hút. Tình trạng không giữ chân được các công chức, viên chức sau tuyển dụng đã và đang diễn ra. Một số trường hợp sau khi tiếp nhận, bố trí công tác lại ngại khó, chưa thật sự gắn bó với công việc, có tâm lý thăm dò, thử việc, đôi lúc còn so sánh mức lương và chưa thực sự an tâm công tác nên xin thôi việc hoặc chuyển công tác đến cơ quan khác.

- Một bộ phận cán bộ, công chức, viên chức thiếu tu dưỡng, rèn luyện, chưa nhận thức đúng các giá trị chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp, đạo đức công vụ, nhất là những lĩnh vực nhạy cảm, thường xuyên tiếp xúc với doanh nghiệp và người dân.

- Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, quán triệt về nâng cao chất lượng cán bộ, công chức, viên chức của một số cấp ủy, chính quyền, cơ quan, đơn vị thiếu quyết liệt, thiếu tầm nhìn, chiến lược phát triển đội ngũ. Phương pháp quản lý cán bộ, công chức, viên chức chưa phù hợp, chưa phát huy được năng lực, sở trường, thiếu đổi mới, sáng tạo.

3. Giải pháp nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức làm việc tại Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh và UBND thị xã Kỳ Anh

Năm 2023 là năm bản lề trong triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XI. Trong bối cảnh dự báo sẽ có nhiều khó khăn thách thức, với khối lượng công việc ngày càng nhiều, yêu cầu về chất lượng ngày càng cao, đòi hỏi mỗi cán bộ, công chức, viên chức phải nêu cao hơn nữa tinh

thần trách nhiệm trong thực thi nhiệm vụ. Xác định đổi mới, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức là nhiệm vụ trọng tâm trong kế hoạch cải cách hành chính của tỉnh, góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các cơ quan, đơn vị, địa phương và hướng tới mục tiêu xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược, đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ theo quan điểm chỉ đạo tại Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 19/5/2018 của Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khóa XII. Để nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức làm việc tại Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh và UBND thị xã Kỳ Anh, trong thời gian tới, cần tập trung một số giải pháp sau:

Thứ nhất, thực hiện rà soát thực chất kết quả đánh giá đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo vị trí việc làm, từ đó xác định vị trí cần đào tạo, thu hút và hỗ trợ sau tuyển dụng; thực hiện có hiệu quả việc tuyển dụng, thu hút, tạo nguồn từ sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ theo Nghị định số 140/2017/NĐ-CP của Chính phủ. Sau thu hút, tuyển dụng cần thực hiện chính sách sử dụng, đãi ngộ nhân tài một cách hợp lý, tạo động lực cho nhân tài phát huy tối đa khả năng, trí tuệ và cống hiến, như: ưu tiên đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng nghiệp vụ; ưu tiên giao thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và công nghệ, chương trình, đề án, dự án từ cấp huyện và tương đương trở lên; ưu tiên trong xét thi đua, khen thưởng, nâng bậc lương trước thời hạn nếu có nhiều đóng góp cho ngành, đơn vị...

Thứ hai, kịp thời giải quyết các quyền lợi, chế độ, chính sách cho cán bộ, công chức, viên chức theo quy định. Nâng cao cơ sở vật chất, đầu tư trang thiết bị, phương tiện làm việc hiện đại phù hợp yêu cầu, nhiệm vụ trong từng giai đoạn cụ thể. Có chính sách tăng thu nhập cho cán bộ, công chức, viên chức; đặc biệt là các chính sách hỗ trợ kịp thời đối với cán bộ, công chức, viên chức có hoàn cảnh kinh tế khó khăn.

Thứ ba, tăng cường hiệu quả công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức, có biện pháp khuyến khích cán bộ, công chức, viên chức tự học tập và tự rèn luyện. Thông qua quá trình đào tạo, bồi dưỡng, kịp thời cập nhật chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước, ; những phương thức quản lý, điều hành và tổ chức thực thi công vụ hiện đại, trang bị phương pháp tư duy lý luận... cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, từ đó mỗi cán bộ, công chức, viên chức xác định cách thức thực thi công vụ, nhiệm vụ cho phù hợp.

Thứ tư, đổi mới công tác bố trí, sử dụng, đánh giá, khen thưởng cán bộ, công chức, viên chức để tạo cơ hội, điều kiện phát triển, nhất là cán bộ trẻ. Việc đánh giá cán bộ, công chức, viên chức phải nghiêm túc, công tâm, khách quan, công bằng, thực chất, đúng năng lực, bằng sản phẩm cụ thể, làm cơ sở sắp xếp, điều chuyển, bố trí nhân sự phù hợp với vị trí việc làm để nâng cao hiệu quả hoạt động; kiên quyết thực hiện tinh giản biên chế đối với cán bộ, công chức, viên chức năng lực yếu, thiếu tinh thần trách nhiệm, không hoàn thành nhiệm vụ, vi phạm kỷ luật, tín nhiệm thấp; xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm trong thực thi công vụ.

Thứ năm, xác định rõ trách nhiệm và đề cao vai trò của người đứng đầu trong việc điều hành, kiểm tra, giám sát thực hiện kỷ luật, kỷ cương hành chính, đạo đức công vụ. Người đứng đầu cơ quan, đơn vị phải chịu trách nhiệm nếu cán bộ, công chức, viên chức thuộc quyền quản lý vi phạm kỷ luật, kỷ cương hành chính, đạo đức công vụ.

Thứ sáu, đẩy mạnh cải cách hành chính, chuyên đổi số, thực hiện nghiêm cơ chế một cửa, một cửa liên thông, nhất là thời gian giải quyết thủ tục hành chính; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, cải tiến lề lối làm việc nhằm chỉ đạo điều hành thông suốt, tạo thuận lợi nhất cho tổ chức, công dân.

Thứ bảy, tập trung thực hiện tốt hơn nữa công tác thanh tra, kiểm tra công vụ nhằm nâng cao trách nhiệm, tinh thần, thái độ, chất lượng phục vụ Nhân dân của cán bộ, công chức, viên chức thuộc các cơ quan, đơn vị; từ đó, xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có nền nếp, ý thức tôn trọng kỷ luật, kỷ cương hành chính.

Có thể nói, trước yêu cầu của cải cách hành chính, cải cách chế độ công vụ và hội nhập quốc tế, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức vừa là nhiệm vụ, vừa là giải pháp để các cơ quan, tổ chức, đơn vị thực hiện, nhằm góp phần cải thiện và nâng cao chỉ số hài lòng, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh của tỉnh, phục vụ tốt cho người dân, nhà đầu tư, doanh nghiệp tại Khu Kinh tế Vũng Áng nói riêng và tỉnh Hà Tĩnh nói chung./.

**XÂY DỰNG NGUỒN NHÂN LỰC ĐÁP ỨNG
YÊU CẦU PHÁT TRIỂN CỦA KHU KINH TẾ VŨNG ÁNG
– NHÌN TỪ CHIỀU CẠNH VĂN HÓA**

TS Nguyễn Thị Mai Chi
Viện Lịch sử Đảng, Học viện CTQG Hồ Chí Minh

***Tiếp nối mạch nguồn văn hóa – xây dựng nguồn nhân lực cho khu
kinh tế Vũng Áng***

Hà Tĩnh là vùng đất có bề dày lịch sử - văn hóa. Trải qua các thời kỳ dựng nước và giữ nước, nhân dân Hà Tĩnh đã có những đóng góp hết sức xứng đáng vào những thành tựu vẻ vang của dân tộc, đất nước. Hà Tĩnh là nơi tụ cư của người Việt cổ, được minh chứng bằng các di chỉ khảo cổ có niên đại trên 4 ngàn năm như: Phôi Phôi, Bãi Cọi, Thạch Lạc... Đây là đất “Giang sơn tụ khí” không chỉ theo nghĩa địa lý phong thổ mà xét về trầm tích văn hóa giống nòi qua các thời đại. Đồng thời, do những đặc điểm riêng về địa lý tự nhiên và lịch sử, trong quá trình đấu tranh chống ngoại xâm bảo vệ Tổ quốc, quê hương và chống thiên tai khắc nghiệt để tồn tại, phát triển, người dân nơi đây cũng đã sáng tạo, xây đắp nên những nét riêng về cốt cách, truyền thống – những giá trị văn hóa đặc trưng, riêng có, góp phần làm phong phú thêm lịch sử, văn hóa dân tộc.

Hà Tĩnh, vùng đất nổi hai đầu đất nước, có vị trí rất quan trọng về mặt chính trị và lịch sử. Mọi con đường dọc theo chiều dài đất nước từ Bắc vào Nam đều đi qua địa phận Hà Tĩnh. Là miền quê chịu nhiều thiên tai, trong lịch sử từng nhiều lần là phen dậu của các cuộc chiến tranh, tao loạn. Hà Tĩnh cũng là đất văn vật với mạch nguồn hiếu học, khoa bảng⁴¹. Chính vì thế, trong mỗi con người Hà Tĩnh đều hội tụ rất nhiều phẩm chất như Giáo sư Vũ Ngọc Khánh nhân định: “Một kẻ bình dân khổ chạc, một người chữ nghĩa văn chương và một chiến sĩ tiên phong cách mạng” với 4 đặc điểm: có lý tưởng trong tâm hồn; sự trung kiên trong bản chất; sự khắc khổ trong sinh hoạt; sự cứng cỏi trong giao tiếp”⁴².

Hà Tĩnh là vùng biên viễn, ngoài cư dân bản địa có mặt ở đây từ thuở hồng hoang của lịch sử, vùng đất này còn là nơi “đi”, “hợp” của nhiều nguồn cư

⁴¹ Từ thời Trần đến thời Nguyễn, Hà Tĩnh có 148 vị đại khoa, trong đó người đỗ Tiến sĩ trẻ nhất, lúc 18 tuổi là Nguyễn Tử Trọng (Hương Sơn), người đỗ Tiến sĩ cao tuổi nhất, lúc 52 tuổi là Nguyễn Văn Suyền (Thạch Hà) và người được khắc tên vào bia cuối cùng tại Văn Miếu Quốc Tử giám (bia số 82) là Phan Huy Ôn, năm 1779.

⁴² Đại học uốc gia Hà Nội, *Văn hóa học đại cương và cơ sở văn hóa Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1996, tr.404.

dân khác. Cùng với vị trí địa lý, thổ nhưỡng, nguồn gốc cư dân... đã tạo nên một cộng đồng có những nét tính cách, phong tục... đặc trưng, phong phú, mang dấu ấn “hóa thạch ngoại biên”, đủ sức đề kháng với những yếu tố văn hóa ngoại lai, đồng thời lại biết giao lưu, tiếp biến với cái mới, tiến bộ của các vùng miền khác để trường tồn.

Vì vậy, xây dựng nguồn nhân lực để đáp ứng yêu cầu phát triển của khu kinh tế Vũng Áng hiện nay – nhìn từ góc độ tác động văn hóa để tiếp tục phát huy những giá trị văn hóa, những truyền thống văn hóa tốt đẹp của người Hà Tĩnh trong xu thế hội nhập và phát triển, đồng thời góp phần xây dựng không gian văn hóa khu kinh tế Vũng Áng là điều cần thiết.

Đặc trưng đầu tiên của con người Hà Tĩnh là hiếu học, ham học. Chịu khó học hành, ham học hỏi, hiếu học, cầu học và có ý chí thành danh bằng con đường học vấn. Con em Hà Tĩnh bao đời nay luôn chịu khó học hành, thành đạt trên con đường khoa cử trong các triều đại phong kiến còn lưu danh sử sách. Nhiều học giả, tên tuổi văn hóa lừng danh trong thời hiện đại, đó là niềm tự hào không phải vùng đất nào cũng có được. Truyền thống đó được tiếp nối trong từng gia đình. Ham học, hiếu học đã đi vào từng nếp nhà, nếp nghĩ của người dân Hà Tĩnh. Vì vậy, nhà nhà ai cũng mong con em mình học hành đỗ đạt và sẵn sàng tạo mọi điều kiện để con cái được học tập thành danh, thành người dẫu chỉ bằng củ sắn củ khoai người Hà Tĩnh cũng dốc sức ăn học thành tài. Hiếu học trở thành một phẩm chất nổi trội, một hàng số trong văn hóa tính cách của người Hà Tĩnh.

Đây là phẩm chất rất quan trọng để xây dựng nguồn nhân lực nói chung và cho khu kinh tế Vũng Áng, bởi lẽ ham học, hiếu học để mong muốn tiếp thu cái mới, cái tiến bộ, khoa học trong thời đại số, cùng với phẩm chất cần cù, chịu khó để tạo nên nguồn nhân lực có chất lượng, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp đổi mới và hội nhập ngày càng sâu rộng. Sự chủ động, tích cực học hỏi là nhân tố để tạo nên nguồn lực có chuyên môn, nghiệp vụ.

Hà Tĩnh là một đất khá đặc biệt với khí hậu và thiên nhiên khắc nghiệt, người Hà Tĩnh chọn cách chung sống hoà bình trên vùng đất này đã chứng tỏ một tinh thần quả cảm và ý chí vượt lên mọi hoàn cảnh khắc nghiệt. Đây cũng là vùng đất có vị trí đặc biệt trong lịch sử, là phen dậu về phía Nam của Đại Việt trong quá trình Nam tiến và cũng là nơi chứng kiến những đổi thay của lịch sử và sự hưng vong của các vương triều phong kiến. Vì những lẽ trên, người Hà Tĩnh tự thân đã có tính gan góc, cương trực với chất lý tưởng sâu sắc và tìm cách phấn đấu cho mục tiêu đã đặt ra. Khắc phục hoàn cảnh, tiến thủ với ý chí

vượt khó và quyết tâm cao, thể hiện một tinh thần vươn lên không biết mệt mỏi. Do vậy, người Hà Tĩnh rất *giàu lý tưởng*, lý tưởng trong tâm hồn, lý tưởng vươn tới đích cao, vượt lên hoàn cảnh thực tại. Nhờ đặc trưng ấy, bao người con xứ Nghệ đã ra sức học tập, phấn đấu, hy sinh không mệt mỏi vì lý tưởng. Vùng đất “chảo lửa, túi mưa” với gió Lào cát trắng dường như đã tôi luyện, hun đúc cho con người ở đây một tinh thần vượt khó, vượt khổ, một ý chí sắt đá vượt lên hoàn cảnh và một nghị lực đáng khâm phục. Trong khó khăn họ vẫn luôn tràn đầy lạc quan, tin tưởng. Người dân bình thường chăm lo sản xuất, dù gặp phải hoàn cảnh khó khăn, cũng không chán nản, buông xuôi mà luôn tìm cách phấn đấu vượt qua. Trong lịch sử - văn hóa Việt Nam ghi đậm dấu ấn của lớp nhà Nho xứ Nghệ dù thành đạt trên con đường quan lộ hay chỉ là ông đồ nghèo, ả sĩ, thì họ vẫn miệt mài trên con đường tri thức, tu dưỡng đạo đức bản thân. Tính cách của con người Hà Tĩnh vừa là sự gắn kết giữa tính chất lý tưởng, trí tuệ với lòng yêu quê hương, gia đình; vừa có tính chất của người chí sĩ nhiệt tình với đất nước, không màng danh lợi lại vừa có ý chí phấn đấu vươn lên thoát khỏi hiện tại tù túng để vươn đến tìm kiếm tri thức rộng lớn⁴³. Những phẩm chất này được hun đúc trên chính mảnh đất quê hương, được gia truyền qua các thế hệ và nhất là được tạo nên trong chính cội nguồn của nề nếp gia phong, rèn luyện đạo đức trong gia đình. Do vậy, trong chặng đường đổi mới, người Hà Tĩnh vẫn luôn “đi đầu bước trước”. Sau hơn 30 năm tái lập tỉnh (1991-2023), Hà Tĩnh với nhiều đổi thay, đặc biệt sau 10 thành lập khu kinh tế Vũng Áng (2013- 2023) – đã trở thành khu kinh tế trọng điểm uốc gia – đó là mạch nguồn từ sức mạnh văn hóa, con người Hà Tĩnh. Đánh thức tiềm năng cảng biển, tạo bước đột phá của khu kinh tế Vũng Áng là kết quả của ý chí dám làm, dám chịu trách nhiệm, sự đoàn kết, thống nhất và cũng rất nhân văn của người Hà Tĩnh. Luôn sáng tạo và biết khai mở, dám nghĩ, dám làm, dám chinh phục khó khăn để phát triển là phẩm chất tiếp tục được phát huy để xây dựng nguồn nhân lực cho kinh tế Vũng Áng.

Sức mạnh và sự thôi thúc của học hành, của lý tưởng đã giúp người Hà Tĩnh vượt qua nhiều gian nan, khó khăn, bất chấp mọi hoàn cảnh để tìm đến sự học và tri thức. Hình ảnh ông đồ Nghệ “đeo khăn gói đồ” là một điển hình về tinh thần và ý chí phấn đấu không mệt mỏi. Mặc dù luôn phấn đấu để vươn lên tìm kiếm tri thức song họ không phải bất chấp mọi thủ đoạn mà luôn giữ mình thanh sạch hợp với đạo nhà. Đạo nhà và truyền thống gia đình là kỷ cương

⁴³ Dẫn theo: Nguyễn Thị Thanh Xuyên, *Một vài suy nghĩ về tính cách của người xứ Nghệ trong nề nếp gia đình truyền thống và sự phát triển của Phật giáo xứ Nghệ*, <https://chuaxaloi.vn/thong-tin/mot-vai-suy-nghi-ve-tinh-cach-cua-nguoi-xu-nghe/2647.html>

hướng đạo mọi thành viên gia đình thực hiện theo, mọi điều đi ngược và xấu xa được xem như là điều "điểm nhục gia phong" có ảnh hưởng xấu đến cả dòng họ và làng xã. Một con người xem thường danh lợi, rũ bỏ mọi đua chen của cải vật chất đời thường để hướng về những giá trị của tri thức và đạo đức, xem danh lợi phù phiếm là cái trước mắt, tạm thời. Chính vì vậy, các nhà nghiên cứu đã đúc kết những tính cách đặc trưng của người xứ Nghệ nói chung, người Hà Tĩnh nói riêng: Đinh Gia Khánh đã phân tích tính cách của con người xứ Nghệ: "*Quen chịu gian khổ, cần cù, sinh hoạt tiết kiệm, gan góc, mưu trí, chịu khổ nhưng không chịu nhục, trong gan góc có bướng bỉnh, trong trung thực có thô bạo, trong mưu trí có liều lĩnh*". Vũ Ngọc Khánh còn nêu lên một vài khía cạnh tâm lý khác của con người xứ Nghệ: "*Lý tưởng trong tâm hồn, khắc khổ trong sinh hoạt, cứng cỏi trong giao tiếp*". Ninh Viết Giao - nhà "xứ Nghệ học" nổi tiếng lại khái quát cái bản ngã của xứ Nghệ: "*Không có miền nào lại có bản ngã rõ rệt như miền này... Có thể nói rằng có một tinh thần Nghệ Tĩnh. Tinh thần đó làm lộ một cách rõ rệt lòng phụng thờ, sự cố gắng cùng tinh thần nhẫn nại, kiên quyết của một dân tộc nông nghiệp chật vật giành lấy một chỗ sống dưới mặt trời*"⁴⁴.

Khí khái, thẳng thắn nhưng giàu tình cảm, chân thành trong quan hệ và trong ứng xử. Trong quan hệ ứng xử, người Hà Tĩnh thường là chân thành thẳng thắn đến mức khí khái, mà như Gs. Vũ Ngọc Khánh một người con của chính đất Nghệ đã nghiên cứu và đưa ra những nhận định, được giới nghiên cứu tán thành, đó là trong mỗi con người Nghệ "có sự cứng cỏi trong giao lưu"⁴⁵. Vì thế, trong quan hệ không phải lúc nào cũng dễ được mọi người xứ khác hiểu, chấp nhận. Đôi lúc cứng rắn nguyên tắc đến mức xem là "gàn". Có thể nói "gàn" cũng là một nét tính cách người Nghệ. Tuy nhiên, gàn đây không phải là gàn dở mà gàn một cách có lý trí. Tính "gàn" đặc trưng, xem tiền tài danh vọng là vật ngoài thân. GS. Cao Xuân Phổ cho rằng cái "gàn" của người xứ Nghệ là "không bằng lòng với thực tại". Cũng với cái "gàn", nhưng GS. Phạm Đức Dương lại cho là họ "có khung giá trị định sẵn và bất kỳ trong hoàn cảnh nào cũng không chịu thay đổi", bản chất này đôi khi lại là một thứ pha trộn của tính cố chấp của người tiểu nông Việt Nam yêu nước với người quân tử của Nho giáo. Một người con xứ Nghệ khác là GS. Phan Ngọc thì khẳng định "gàn là làm theo cái mô hình trong óc, coi mô hình trong óc lớn hơn thực tế...(họ) không hoà mình vào cuộc đời như người Nam Bộ mà thích nghi với cuộc đời bằng cách vạch giữa

⁴⁴ Hà Nguyễn, *Tiểu vùng văn hóa xứ Nghệ*, Nxb Thông tin và truyền thông, Hà Nội, 2013, tr.30.

⁴⁵ Hà Nguyễn, *Tiểu vùng văn hóa xứ Nghệ*, Nxb Thông tin và truyền thông, Hà Nội, 2013, tr.31

cuộc đời với mình với giới hạn cho phép anh ta sống với cái thế giới mô hình mà anh ta thích”. Qua một số quan niệm về tính chất “gàn” của người xứ Nghệ phần nào hiểu được tính cách đặc trưng của con người sống theo lý tưởng mà mình định hình sẵn, dù cho hoàn cảnh xã hội thay đổi họ cũng giữ được lý tưởng và tìm cách thích nghi theo một giới hạn cho phép.

Cũng do yếu tố địa văn hóa đặc trưng nên người Hà Tĩnh cương trực, thẳng thắn và cởi mở, biểu lộ tình cảm chân tình, không khách sáo; thủy chung, trọn tình, trọn nghĩa trong kết giao. Thẳng, thật, thô mộc nhiều khi đến vụng về, dễ mất lòng người nhưng bù lại là bản tính chân tình, có trước, có sau của người Hà Tĩnh lại quy tụ được lòng người. Các nhà nghiên cứu cũng cho rằng, người Hà Tĩnh có tinh thần đoàn kết, tương thân, tương ái, kết nối vì cộng đồng bền vững. Ý thức cộng đồng, gắn bó và kết nối cộng đồng ăn sâu vào tiềm thức, được thể hiện rất rõ nét trong cốt cách con người Hà Tĩnh, tạo nên những giá trị nhân văn đáng quý của người Hà Tĩnh. Bắt đầu từ những mối quan hệ gia đình, dòng họ... Gia đình là cội nguồn của hạnh phúc, trong mối quan hệ gia đình của người Hà Tĩnh thấy rõ hơn hết là tinh thần tương thân, tương ái, khăng khít giữa anh em, chồng vợ, bố mẹ và con cái. Người Hà Tĩnh luôn hướng về quê hương dù sinh sống và làm việc ở bất kỳ đâu mà hội đồng hương xứ Nghệ là một minh chứng điển hình cho tinh thần cố kết này.

Trên mảnh đất nghèo khó khăn, khắc khổ người Hà Tĩnh luôn mơ ước vươn cao bay xa, thoát khỏi cảnh lam lũ, vì thế người Hà Tĩnh rất nhiều con em đi ra, lập nghiệp ở các vùng thành phố và những vùng kinh tế mới. Nhiều con em Hà Tĩnh học tập trụ lại thành phố, thành danh ở xứ Người. Với tính cách cần cù, chịu thương, chịu khó, bản lĩnh và ý chí vươn lên cộng với khát vọng, nhiều người con Hà Tĩnh đã làm rạng danh cho đất nước, quê hương. Đặc biệt là những người con Hà Tĩnh đi làm ăn ở nơi xa, nhưng luôn canh cánh câu hát “đi mô cũng nhớ về Hà Tĩnh”. Tính đoàn kết, cố kết cộng đồng là đặc trưng văn hóa của con người Việt Nam, nhưng rất nổi trội ở con người Hà Tĩnh. Vì vậy, cần tiếp tục phát huy hơn nữa để con em người Hà Tĩnh xa quê hương có cơ hội trở về đầu tư trên mảnh đất quê hương – đầu tư xây dựng khu kinh tế Vũng Áng.

Những lực cản từ tính cách con người Hà Tĩnh trong xây dựng nguồn nhân lực cho khu kinh tế Vũng Áng

Bên cạnh những ưu điểm nói trên, người xứ Nghệ nói chung, người Hà Tĩnh nói riêng cũng có nhược điểm. Đặng Thai Mai đã từng nhận xét về tính cách con người xứ Nghệ: “một ưu điểm bao giờ cũng kèm theo một nhược điểm,

nhược điểm là một món “phụ phí” của ưu điểm”; “Người Nghệ - Tĩnh can đảm đến sơ suất, cần cù đến liều lĩnh, kiên quyết đến khô khan, tận tiện đến cá gỗ”⁴⁶. Nhận xét đó không phải là hoàn toàn vô căn cứ. Đó là biểu hiện tính hai mặt trong tính cách con người Hà Tĩnh. Người Hà Tĩnh có quyền tự hào, phát huy và làm lan tỏa những nét đẹp vốn có của mình. Nhưng người Hà Tĩnh cũng cần phải khắc phục những mặt trái của mình như tính nóng nảy, cục cằn, tự mãn, hẹp hòi, bảo thủ, cục bộ địa phương,... Có thể nói, “gàn” cũng trở thành một thứ “bệnh” của người xứ Nghệ. “Bệnh gàn của người xứ Nghệ vừa đáng yêu vừa đáng phục, nhưng cũng tội nghiệp vì đến một giới hạn nào đó trở thành lực cản - bệnh sĩ”⁴⁷.

Con người Hà Tĩnh với những phẩm chất và tính cách nổi trội như: thẳng thắn, cương trực, kiên cường, bất khuất, tinh thần chịu khó, đoàn kết, gắn bó với quê hương... được coi là tài nguyên quý giá. Tuy nhiên, nhiều nhà nghiên cứu cũng chỉ ra rằng, trong tính cách người Nghệ nói chung, người Hà Tĩnh nói riêng cũng tồn tại nhiều nhược điểm như: thô vụng, thiếu mềm dẻo trong giao tiếp, bảo thủ, cục đơan, cứng nhắc, cam chịu, thích nghi mà ít cải biến, cải tiến; tư tưởng học để làm thầy đã ăn sâu vào tiềm thức, dẫn đến thực trạng “thừa thầy, thiếu thợ”, thiếu công nhân có tay nghề và thợ bậc cao. Bệnh chuộng hình thức, thành tích, phô trương, phong trào đã đi sâu trong một bộ phận nhân dân dẫn đến tình trạng lãng phí, phô trương, kém hiệu quả trong đầu tư, sản xuất kinh doanh và tiêu dùng.

Khi tiếp xúc với con người Hà Tĩnh, ta còn bắt gặp nét ngang tàng, bướng bỉnh. Cứng cỏi ở đây có lúc là một cái gì đó *gai ngạnh* để thể hiện chất trung kiên, không chịu cúi mình trước khó khăn, nhưng có lúc lại là sự cứng nhắc, thiếu linh hoạt, thậm chí cản trở tầm nhìn xa trông rộng.

PGS, TS Biện Minh Điền cho rằng: “Hà Tĩnh mang đậm bản sắc văn hóa làng, trong đó, bên cạnh những giá trị tốt đẹp thì cũng có nhiều hạn chế trong tư duy đô thị. Sự thiếu ý thức, cảm thức thị dân đã tạo nên những ngăn trở trong việc tiếp nhận cái mới và thiếu sự sòng phẳng, rõ ràng, trong khi đây là chuẩn mực của hiện đại. Con người Hà Tĩnh sống thiên về tình cảm nên có những hạn chế về mặt lý. Bên cạnh đó, một bộ phận người dân có tâm lý tự ti, vọng ngoại, thiếu tinh thần tự lực, sáng tạo, chưa mạnh dạn xóa bỏ những uan niệm cũ, giáo điều, xơ cứng.

⁴⁶ Phạm Đức Dương (2004), “Gia phong xứ Nghệ trong bối cảnh đất nước đổi mới”, *Kỷ yếu Hội thảo khoa học*, Nxb Nghệ An, tr. 56.

⁴⁷ Phạm Đức Dương (2004), “Gia phong xứ Nghệ trong bối cảnh đất nước đổi mới”, *Kỷ yếu Hội thảo khoa học*, Nxb Nghệ An, tr. 56.

Trong xu thế hội nhập, người Hà Tĩnh, nhất là giới trẻ đã biết tự nhận ra hạn chế và nỗ lực khắc phục. Một số đặc điểm như bảo thủ, co cụm, thiếu sáng tạo... đã được nhiều thế hệ loại bỏ. Dù vậy, vẫn có một bộ phận người Hà Tĩnh chưa thích ứng trong điều kiện kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, nhất là trong môi trường kinh tế. Đặc biệt, tư tưởng tiểu nông ăn sâu dẫn đến tư duy manh mún, thiếu tính kỷ luật, thiếu chuyên nghiệp trong lao động công nghiệp. Điều này dẫn đến hệ lụy các doanh nghiệp trong nước, nước ngoài “kén” tuyển dụng người Nghệ, trong đó có người Hà Tĩnh.

Nhận diện các hạn chế trong tính cách con người Hà Tĩnh để tiếp tục phát huy các tính cách đáng quý đã được hun đúc trong lịch sử, văn hóa Hà Tĩnh, là nguồn tài nguyên nhân văn quý báu, là sức mạnh nội sinh, “sức mạnh mềm” cho Hà Tĩnh phát triển bền vững và xây dựng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển của khu kinh tế Vũng Áng trong điều kiện mới.

Đất nghèo nhưng kiên cường, vượt qua “nắng lửa mưa chan”, giữa bộn bề khó khăn, thiếu thốn, bằng những quyết sách đúng đắn, sáng tạo, Hà Tĩnh đã khơi dậy truyền thống, tương thân tương ái và ý chí cách mạng để vươn lên chiến thắng đói nghèo, từng bước xây dựng và phát triển. Xây dựng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu cho khu kinh tế Vũng Áng là góp phần thực hiện khát vọng phát triển quê hương Hà Tĩnh, đến năm 2030, Hà Tĩnh “trở thành tỉnh khá” của cả nước như Bác Hồ hằng mong đợi.

CÔNG TÁC ĐÀO TẠO NGHỀ, ĐỊNH HƯỚNG NGHỀ NGHIỆP PHỤC VỤ LAO ĐỘNG CHO KHU KINH TẾ VÙNG ÁNG CỦA HUYỆN ĐỨC THỌ

Đặng Giang Trung

Phó Bí thư Thường trực Huyện ủy Đức Thọ

Công tác Đào tạo nghề, định hướng nghề nghiệp cho lao động nông thôn là 1 trong những nhiệm vụ quan trọng được cấp ủy huyện Đức Thọ quan tâm chỉ đạo nhằm góp phần nâng cao chất lượng lao động nông thôn tăng thu nhập, cải thiện đời sống, góp phần xóa đói giảm nghèo; đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn. Đặc biệt việc đào tạo nghề, định hướng nghề nghiệp phục vụ cho lực lượng lao động tại các doanh nghiệp trên địa bàn huyện và tỉnh được cấp ủy Đảng, chính quyền các cấp ở huyện Đức Thọ thường xuyên quan tâm đúng mức; đạt nhiều kết quả nổi bật.

Xác định công tác đào tạo nghề, định hướng nghề nghiệp là một trong những nội dung quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội. Vì vậy, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện khóa XXX, nhiệm kỳ 2020-2025 đề ra chỉ tiêu xác định tỷ lệ lao động qua đào tạo trên địa bàn huyện đạt 80% . Để triển khai hiệu quả công tác đào tạo nghề, giải quyết việc làm theo chỉ tiêu Đại hội Đảng bộ huyện; Huyện Đức Thọ đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo thực hiện; các kế hoạch về đào tạo nghề cho lao động nông thôn, giải quyết việc làm cho người lao động; đồng thời đẩy mạnh tuyên truyền các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về đào tạo nghề; những mô hình các tổ, nhóm, hợp tác xã giải quyết việc làm, mang lại nguồn thu nhập ổn định cho nhiều người lao động sau khi học nghề, góp phần nâng cao nhận thức, tính chủ động của người lao động trong quá trình tìm việc làm và chuyển đổi nghề nghiệp.

Hàng năm, Huyện giao chỉ tiêu đào tạo nghề, giải quyết việc làm cho các xã, thị trấn; chỉ đạo rà soát các ngành nghề phù hợp với vùng quy hoạch xây dựng Nông thôn mới trên địa bàn các xã, thị trấn; khảo sát thực trạng lao động, việc làm tại địa phương và các đơn vị tuyển dụng lao động để hướng nguồn nhân lực theo cơ chế của doanh nghiệp, đơn vị tuyển dụng lao động để định hướng nghề, hỗ trợ đào tạo nghề. Đồng thời, khuyến

khích các doanh nghiệp mở rộng sản xuất kinh doanh, đa dạng hóa các ngành nghề nhằm tạo thêm có việc làm mới cho người lao động và xây dựng mở các lớp đào tạo nghề. Chương trình, nội dung các lớp đào tạo nghề được xây dựng phù hợp với từng nhóm đối tượng, ưu tiên lĩnh vực mũi nhọn, đảm bảo quy mô, cơ cấu ngành, nghề cho phục hồi phát triển kinh tế - xã hội. Các chế độ, chính sách học nghề được quan tâm đầy đủ, kịp thời theo quy định. Việc liên kết chuyển giao, tiếp nhận kỹ thuật, sử dụng qua đào tạo, tiêu thụ sản phẩm của người lao động trong và sau khi đào tạo nghề được quan tâm, chú trọng.

Bên cạnh đó, Huyện cũng chỉ đạo đẩy mạnh hoạt động tư vấn, giới thiệu việc làm, xuất khẩu lao động; tập trung triển khai đồng bộ chính sách hỗ trợ người lao động làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng; khuyến khích các mô hình, dự án tạo việc làm tại chỗ; thực hiện hiệu quả chính sách cho người lao động vay vốn tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm...vv.

Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể như Đoàn Thanh niên, Hội Nông dân, Hội Phụ nữ thường xuyên có các lớp đào tạo, tập huấn nghề nghiệp cho đoàn viên, hội viên để giải quyết công ăn việc làm, nâng cao tay nghề, thu nhập cho người lao động.

Từ năm 2011 đến năm 2022 huyện đã mở 152 lớp đào tạo nghề, với 5.181 lao động nông thôn được đào tạo. Cụ thể: Trong số 5.181 lao động được đào tạo từ năm 2012 đến năm 2020 có 416 lao động thuộc hộ nghèo, 511 lao động thuộc hộ cận nghèo, 125 lao động thuộc hộ có công với cách mạng, 25 lao động là người khuyết tật. Các đối tượng này đều được giải quyết việc làm, có cuộc sống ổn định, có 416 lao động thuộc hộ nghèo đã vươn lên thoát nghèo. Đặc biệt trong số này có 2.854 lao động có thu nhập khá trở lên.

Từ kết quả đào tạo nghề, năm 2012 tỷ lệ lao động qua đào tạo có việc làm là 31,2% đến năm 2022 tỷ lệ lao động qua đào tạo có việc làm là 66,16%; đến nay huyện nhà đã có 15/15 xã đạt chuẩn về tiêu chí tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo trong Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng Nông thôn mới.

Bên cạnh những kết quả đã đạt được, công tác đào tạo nghề giải quyết việc làm trên địa bàn huyện Đức Thọ trong những năm qua vẫn gặp nhiều khó khăn, hạn chế như: Việc tuyên truyền chủ trương, cơ chế, chính sách trong lĩnh vực dạy nghề, giải quyết việc làm còn chưa thường xuyên, hình

thức chưa phong phú. Công tác tuyển sinh của các cơ sở dạy nghề hiện nay đang gặp nhiều khó khăn, số học viên học có xu hướng giảm. Việc đào tạo nghề trình độ sơ cấp và dạy nghề dưới 3 tháng cho lao động nông thôn có nơi chưa gắn kết với nhu cầu tuyển dụng. Mô hình trang trại, cơ sở sản xuất, kinh doanh hiệu quả chưa nhiều, quy mô còn nhỏ lẻ; chưa thu hút được nhiều lao động...vv. Chất lượng đào tạo nghề cho lao động còn nhiều hạn chế, chưa đáp ứng được yêu cầu làm việc tại các doanh nghiệp và khu kinh tế, đặc biệt là lao động có trình độ cao... vv. Sự phối hợp giữa các đơn vị cần tuyển dụng lao động với các địa phương còn nhiều hạn chế, tuyên truyền chưa sâu rộng đến người lao động nên hiệu quả chưa cao.

Để tiếp tục triển khai công tác đào tạo nghề, giải quyết việc làm cho người lao động có hiệu quả; coi công tác đào tạo nghề, giải quyết việc làm, thực hiện các chính sách bảo đảm an sinh xã hội có ý nghĩa quyết định đối với sự phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương. Trong thời gian tới, Huyện Đức Thọ tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện các giải pháp chủ yếu sau đây:

- Tiếp tục đổi mới công tác tuyên truyền cho cán bộ Đảng viên và các tầng lớp nhân dân nhận thức sâu sắc việc phát triển đồng bộ các nguồn lực- đào tạo nghề, giải quyết việc làm, thực hiện các chính sách bảo đảm an sinh xã hội có ý nghĩa quyết định đối với sự phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương. Tăng cường công tác tư vấn, hướng nghiệp, phân luồng học sinh bậc trung học phổ thông, trung học cơ sở khắc phục tình trạng mất cân đối giữa đào tạo và sử dụng lao động.

- Đẩy mạnh xã hội hóa công tác đào tạo nghề, huy động mọi nguồn lực cho phát triển đào tạo nghề. Khuyến khích và tạo điều kiện cho các doanh nghiệp tham gia tích cực vào công tác đào tạo nghề và giải quyết việc làm sau đào tạo nghề.

- Tăng cường phối hợp thông tin, tuyên truyền để thu hút học sinh, sinh viên tốt nghiệp, lao động có hộ khẩu thường trú tại huyện Đức Thọ về làm việc Khu kinh tế Vũng Áng và khuyến khích học sinh theo học các ngành nghề phù hợp với nhu cầu nhân lực của Khu kinh tế Vũng Áng.

- Tiếp tục tổ chức tốt các phiên giao dịch lưu động, tạo cơ hội cho người lao động ở huyện Đức Thọ có cơ hội tìm việc làm tại các doanh nghiệp tại khu kinh tế Vũng Áng. Nhất là đối tượng Đoàn Thanh niên, học sinh, sinh viên... lực lượng lao động trẻ có trình độ, kỹ năng....

- Phối hợp với các doanh nghiệp, các khu kinh tế, đặc biệt là khu kinh tế Vũng Áng để nắm bắt nhu cầu, số lượng, định hướng nghề, hoạch định chiến lược, bố trí lao động để tổ chức đào tạo lao động có tay nghề cao đáp ứng được yêu cầu của doanh nghiệp, khu kinh tế; đồng thời có chính sách thu hút lao động trên địa bàn huyện làm việc tại khu kinh tế trọng điểm của Tỉnh;

1 số kiến nghị đề xuất:

- Đối với Tỉnh đề nghị tăng cường công tác chỉ đạo các khu kinh tế, các doanh nghiệp dự báo nhu cầu lao động theo cơ cấu ngành nghề, mang tính trọng tâm, trọng điểm trong đào tạo, hướng nghiệp; đồng thời chỉ đạo các cơ sở đào tạo nâng cao trình độ, chuyên môn nghiệp vụ, trang thiết bị đáp ứng nhu cầu đào tạo, đặc biệt là đối với lực lượng lao động có tay nghề cao. Bố trí kinh phí hợp lý, đảm bảo yêu cầu và có chính sách hỗ trợ kinh phí đào tạo đối với những ngành nghề đảm bảo yêu cầu cho các khu kinh tế trọng điểm.

- Tiếp tục tạo thuận lợi cho huyện phối hợp với các cơ sở đào tạo trong việc mở các lớp đào tạo nghề chất lượng cao, có trình độ chuyên môn, kỹ thuật phục vụ khu kinh tế Vũng Áng.

- Chỉ đạo Khu kinh tế Vũng Áng có chính sách ưu tiên cho lao động trong tỉnh Hà Tĩnh, nhất là lao động có trình độ chuyên môn, kỹ thuật để tạo thuận lợi trong quá trình định hướng nghề nghiệp cho lao động.

- Đầu tư, cải tạo, nâng cấp tạo thuận lợi về hệ thống giao thông qua đường quốc lộ 8A để thuận lợi hơn cho khu công nghiệp ở Vũng Áng giao thương, kết nối hàng hóa qua nước bạn Lào, Thái Lan.

Trên đây là 1 số nội dung tham luận của huyện Đức Thọ về công tác đào tạo nghề, định hướng nghề nghiệp cho lao động phục vụ tại khu kinh tế Vũng Áng./.

MỘT SỐ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN ĐÀO TẠO NGHỀ CHẤT LƯỢNG CAO TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HÀ TĨNH GẮN VỚI CUNG ỨNG NGUỒN LAO ĐỘNG CHO CÁC DOANH NGHIỆP TẠI KHU KINH TẾ VŨNG ÁNG

TS. Nguyễn Xuân Ninh
Trường Cao đẳng Kỹ thuật Việt – Đức

Đặt vấn đề

Nguồn nhân lực kỹ thuật chất lượng cao là nguồn nhân lực có trí tuệ, có kỹ năng nghề tốt, được đào tạo cơ bản, chuyên sâu để đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ của thực tiễn doanh nghiệp, của thị trường lao động hiện nay. Phát triển nguồn nhân lực kỹ thuật chất lượng cao được xem là yếu tố quan trọng, nòng cốt bảo đảm cho nền kinh tế phát triển, hội nhập sâu rộng, bền vững, ổn định trong thời kỳ cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 và phát triển nền kinh tế kỹ thuật số. Trong những năm qua, vượt qua nhiều khó khăn, thách thức, tỉnh ta đã chủ động, đáp ứng tốt nhất nhu cầu nguồn nhân lực cho nền kinh tế, nhất là cung ứng nguồn lao động có kỹ năng nghề cho các doanh nghiệp, nhà đầu tư tại Khu Kinh tế Vũng Áng, điển hình như Công ty TNHH Hưng nghiệp Pormosa Hà Tĩnh trong 03 năm (*từ 2020 đến tháng 12/2022*) đã tuyển dụng 1890 người, trong đó lao động Hà Tĩnh 1359 người, chiếm 72%.

Bên cạnh đó, Tỉnh ủy, UBND tỉnh đặc biệt quan tâm xây dựng, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế. Ban hành Chỉ thị số 10-CT/TU ngày 15/6/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo công tác đào tạo nghề, giải quyết việc làm cho người lao động trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh; Kế hoạch số 403/KH-UBND ngày 17/9/2021 Thực hiện công tác đào tạo nghề, giải quyết việc làm trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2021-2025.

Thực trạng đào tạo nghề chất lượng cao trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh gắn với cung ứng nguồn lao động cho các doanh nghiệp tại Khu kinh tế Vũng Áng

Tính đến nay, toàn tỉnh hiện có 7 trường cao đẳng, trung cấp thuộc hệ thống cơ sở giáo dục nghề nghiệp (GDNN) công lập và 1 trường trung cấp nghề tư thục gồm: Cao đẳng Kỹ thuật Việt - Đức, Cao đẳng Công nghệ Hà Tĩnh; Cao đẳng Y Hà Tĩnh, Cao đẳng Nguyễn Du; Trung cấp nghề Hà Tĩnh,

Trung cấp kỹ nghệ, Trung cấp nghề Lý Tự Trọng và Trường Trung cấp kỹ thuật tư thục Kỳ Anh.

Giai đoạn 2017 - 2021, tổng số học sinh, sinh viên (HSSV) được các trường cao đẳng, trung cấp tuyển sinh, đào tạo là 88.030 học viên. Trong đó có 6,7% tỷ lệ tuyển sinh cao đẳng; 30,5% trình độ trung cấp; 62,8% trình độ sơ cấp.

Số HSSV đang học tại các trường cao đẳng, trung cấp trung bình mỗi năm 26.000 người, đạt 92% quy mô đào tạo đã cấp phép. Các trường cũng tích cực liên kết đào tạo, đào tạo nghề theo đơn đặt hàng của doanh nghiệp. Tỷ lệ HSSV sau khi tốt nghiệp có việc làm ổn định đạt trên 85% so với tổng số tốt nghiệp. Nhờ vậy, góp phần quan trọng cung cấp nguồn nhân lực cho các chương trình dự án trọng điểm và sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, nhất là nguồn lao động có kỹ năng nghề cho các doanh nghiệp tại Khu kinh tế Vũng Áng.

Ngày 23-5-2014, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 761/QĐ-TTg phê duyệt *Đề án phát triển trường nghề chất lượng cao đến năm 2020* (Đề án 761). Theo đó, trường CĐKT Việt – Đức và trường Cao đẳng CN Hà Tĩnh là hai trong 45 trường công lập đã được lựa chọn để ưu tiên đầu tư tập trung, đồng bộ theo tiêu chí trường chất lượng cao, có đủ năng lực đào tạo một số nghề được các nước tiên tiến trong khu vực ASEAN hoặc quốc tế công nhận.

Để cải thiện cũng như cung ứng được nguồn nhân lực chất lượng cao cho các doanh nghiệp tại Khu kinh tế Vũng Áng, các cơ sở GDNN trên địa bàn đã và đang triển khai mô hình đào tạo theo chuẩn quốc tế, khu vực Asean và quốc gia.

Trong giai đoạn 2016 - 2022, Trường Cao đẳng Kỹ thuật Việt – Đức và Trường Cao đẳng công nghệ Hà Tĩnh là 2 trường Cao đẳng trên địa bàn được Bộ LĐTBXH lựa chọn đào tạo thí điểm 4 nghề trọng điểm cấp độ quốc tế chuyển giao từ Ô-xtrây-li-a và Đức.

Sau thời gian thí điểm, bước đầu đã đạt được nhưng kết quả tích cực. Trong đó, với sự hỗ trợ của các chuyên gia Học viện Chisholm(Ô-xtrây-li-a) và Học viện Avechstops(CH Liên bang Đức), các Trường đã hoàn thành việc xây dựng chương trình đào tạo theo mô hình Ô-xtrây-li-a và Đức. Ngoài ra, chương trình học có hệ thống rõ ràng theo chuẩn đầu ra, giúp học sinh dễ dàng định hướng và nắm bắt tiến trình học tập; thực hành, thực tập tại doanh nghiệp như làm việc thực tế cùng với nội dung 5S, an toàn và kỷ luật lao động, đạo đức nghề nghiệp, các kỹ năng mềm và ngoại ngữ là những nội dung được chú trọng, là ưu việt của 4 chương trình này so với các chương trình khác.

Đến nay các Trường đã tuyển sinh và đào tạo được 2 khóa tổng số 70 sinh viên các ngành Điện tử Công nghiệp, Công nghệ Ô tô, Kỹ thuật Điện – Điện tử và Cơ điện tử theo tiêu chuẩn của Ô-xtrây-li-a, Đức. Qua theo dõi và đánh giá sơ bộ của 2 Trường, kết quả học tập, rèn luyện của sinh viên cao hơn mức trung bình của sinh viên theo học cùng chuyên ngành ở Chương trình học bình thường.

Gắn kết với doanh nghiệp được xác định là khâu đột phá để đổi mới và nâng cao chất lượng đào tạo nghề. Nhiều hoạt động gắn kết với doanh nghiệp đã được triển khai. Cơ chế phối hợp ba bên: **Nhà nước - Nhà trường - Nhà doanh nghiệp** đang bắt đầu hình thành và vận hành tốt trong thực tiễn. Nhiều doanh nghiệp chủ động cho sinh viên thực tập trực tiếp trên dây chuyền sản xuất; quá trình thực tập, các doanh nghiệp hỗ trợ tiền ăn, kinh phí vật tư cho sinh viên. Để thu hút, tuyển dụng lao động, một số doanh nghiệp đã chủ động đặt hàng, phối hợp với các cơ sở GDNN để tuyển sinh, hỗ trợ đào tạo và thực hiện nhiều chính sách ưu đãi đối với người học; tiêu biểu Công ty TNHH Hưng nghiệp Pormosa Hà Tĩnh, công ty TNHH UP Hà Tĩnh, nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1... Theo thống kê, số học sinh, sinh viên tốt nghiệp trình độ cao đẳng, trung cấp có việc làm ngay với mức lương khởi điểm bình quân từ 7,5 - 9,0 triệu đồng/tháng. Một số ngành, nghề có mức lương khá cao như nghề điện, hàn, bảo trì hệ thống thiết bị cơ khí..., với mức lương từ 10 - 15 triệu đồng/tháng. Việc gắn kết đào tạo nghề với doanh nghiệp đã góp phần lớn giải quyết việc làm và cung ứng lao động cho các doanh nghiệp, nhà đầu tư tại Khu Kinh tế Vũng Áng, góp phần chuyển dịch cơ cấu lao động, xây dựng nông thôn mới trên địa bàn.

Bên cạnh kết quả đạt được, khó khăn, hạn chế của đào tạo nghề là: Tuyển sinh đào tạo nghề gặp nhiều khó khăn, đặc biệt hệ cao đẳng số lượng giảm dần qua các năm. Chất lượng học sinh đầu vào thấp. Cơ cấu và quy mô tuyển sinh chưa tương xứng với năng lực của các trường nghề trên địa bàn và nhu cầu của các doanh nghiệp tại Khu kinh tế Vũng Áng. Thiếu lao động có trình độ kỹ thuật để đáp ứng yêu cầu phát triển Khu kinh tế; Chất lượng nguồn lao động kỹ thuật còn thấp so với mặt bằng chung của cả nước. Ngành nghề và trình độ đào tạo trùng lặp, chồng chéo, chậm đổi mới; chất lượng, hiệu quả đào tạo chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu của doanh nghiệp. Hiệu lực và hiệu quả quản lý nhà nước về GDNN chưa cao; các định mức chi phí đào tạo hỗ trợ cho các nghề trọng điểm còn thấp nên ảnh hưởng chất lượng đào tạo.

Các hạn chế nêu trên chủ yếu xuất phát từ nguyên nhân đó là: Công tác lãnh đạo, chỉ đạo của một số cấp ủy, chính quyền thiếu quyết liệt; sự tham gia

của các cơ quan, hội đoàn thể cơ sở đối với công tác đào tạo nghề, giải quyết việc làm còn chưa sâu sát, các giải pháp tổ chức thực hiện chưa hiệu quả; nhận thức của xã hội về giáo dục nghề nghiệp còn chưa đầy đủ; tâm lý coi trọng bằng cấp vẫn còn nặng nề. Hợp tác giữa cơ sở GDNN và doanh nghiệp còn hạn chế, thiếu tính bền vững; các cơ chế, chính sách khuyến khích liên kết chưa thật sự phát huy hiệu quả. Công tác dự báo và thông tin về cung - cầu của các doanh nghiệp tại Khu kinh tế Vũng Áng chưa sát, chưa kịp thời. Chưa có các giải pháp đủ mạnh và đồng bộ để tạo ra sự đột phá về chất lượng và quy mô phát triển đào tạo nghề chất lượng cao trên địa bàn.

Xác định phát triển nguồn nhân lực, đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả đào tạo nghề chất lượng cao gắn với cung ứng nguồn lao động cho các doanh nghiệp là nhiệm vụ trọng tâm của các cơ sở GDNN trên địa bàn trong giai đoạn tiếp theo. Đây được xem là một trong những nhân tố quan trọng, là lợi thế cạnh tranh, nâng cao năng suất lao động, thu hút đầu tư và phát triển tại Khu kinh tế Vũng Áng.

Điều đó đặt ra, công tác đào tạo nghề chất lượng cao gắn với giải quyết việc làm cần tập trung mạnh vào các ngành nghề đào tạo phục vụ phát triển công nghiệp, cơ khí, điện năng, luyện kim, điện tử, logistics... nhằm đáp ứng nhu cầu nhân lực cho các doanh nghiệp tại Khu kinh tế Vũng Áng là trụ cột trung tâm. Trong đó, tập trung thay đổi cách thức đào tạo theo hướng chủ động mở ra các kênh tiếp xúc với nhà đầu tư, doanh nghiệp để phân loại và xây dựng hệ thống thông tin về nhu cầu chất lượng nguồn nhân lực theo từng nhóm các nhà đầu tư, tập trung vào một số nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu như sau:

Một số nhiệm vụ trong thời gian tới

Thứ nhất, tiếp tục đổi mới phương thức đào tạo nghề chất lượng cao gắn liền với doanh nghiệp, chủ sử dụng lao động, khuyến khích doanh nghiệp, chủ sử dụng lao động tại Khu kinh tế Vũng Áng tham gia hoạt động đào tạo nghề; tăng cường gắn kết giữa các cơ sở GDNN trên địa bàn với các doanh nghiệp và việc làm bền vững.

Thứ hai, nâng cao chất lượng đào tạo cả về quy mô và cơ cấu. Chuẩn hóa các điều kiện bảo đảm chất lượng trong hệ thống GDNN; đổi mới chương trình đào tạo theo định hướng năng lực thực hiện.

Các giải pháp đào tạo nghề chất lượng cao trên địa bàn tỉnh gắn với cung ứng nguồn lao động cho các doanh nghiệp tại Khu kinh tế Vũng Áng

Một là, tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, chính quyền, sự phối hợp đồng bộ giữa các cấp, các ngành, hội đoàn thể và hệ thống chính trị đối với công tác đào tạo nghề theo tinh thần Chỉ thị số 24/CT-TTg ngày 28/5/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy mạnh phát triển nhân lực có kỹ năng nghề, góp phần nâng cao năng suất lao động và tăng năng lực cạnh tranh quốc gia trong tình hình mới.

Hai là, về cơ chế chính sách, tiếp tục triển khai thực hiện Nghị quyết số 70/2022/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 quy định một số chính sách hỗ trợ đào tạo nghề, giải quyết việc làm trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2022 – 2025. Rà soát, tiếp tục hoàn thiện cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp tham gia hoạt động đào tạo nghề gắn với giải quyết việc làm.

Ba là, đổi mới, nâng cao chất lượng đào tạo gắn với doanh nghiệp, theo địa chỉ đặt hàng và thị trường lao động. Đào tạo thông qua đặt hàng của doanh nghiệp nơi người lao động được tiếp nhận vào làm việc. Xây dựng khung chương trình để người học và người sử dụng lao động tham gia chủ động vào đánh giá chất lượng đào tạo. Xây dựng và ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật cho một số ngành, nghề trong đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng chất lượng cao.

Bốn là, nâng cao chất lượng hoạt động dự báo ngắn hạn, trung hạn và dài hạn về nhu cầu nguồn nhân lực, nhu cầu việc làm và nhu cầu đào tạo theo lĩnh vực, ngành nghề, cấp trình độ đào tạo. Nhất là dự báo nguồn lao động có tay nghề phục vụ sản xuất kinh doanh, thu hút đầu tư phát triển công nghiệp, dịch vụ các doanh nghiệp tại Khu kinh tế Vũng Áng.

Năm là, tăng cường chuyển đổi số và đào tạo trực tuyến, chú trọng đào tạo lại và đào tạo thường xuyên lực lượng lao động để tạo chuyển biến mạnh mẽ về quy mô, chất lượng và hiệu quả của các cơ sở đào tạo nghề chất lượng cao; bảo đảm người học có kỹ năng chuyên môn, kỹ năng số, kỹ năng mềm, kỹ năng khởi nghiệp và ngoại ngữ... thích ứng với yêu cầu của các doanh nghiệp tại Khu kinh tế Vũng Áng.

Sáu là, Phát triển các trường cao đẳng, trung cấp có năng lực đào tạo đáp ứng nhu cầu nhân lực kỹ thuật cao, phù hợp với chiến lược phát triển của ngành, địa phương. Tập trung nguồn lực đầu tư một số cơ sở GDNN có ngành, nghề trọng điểm đã được quy hoạch theo các cấp độ (*quốc tế, khu vực ASEAN và quốc gia*) .

Bây là, quy hoạch và xây dựng hệ thống đơn vị dịch vụ việc làm có hiệu quả, đáp ứng công tác thu thập, xử lý thông tin, kết nối cung - cầu lao động, tư vấn và dự báo thông tin thị trường lao động tại Khu kinh tế. Quan tâm đến các điều kiện để thu hút và đảm bảo đời sống của người lao động như các quyền lợi về lao động, tiền lương, thu nhập, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, nhà ở công nhân, các thiết chế văn hóa, các tiện ích xã hội phục vụ đời sống người lao động, các chính sách khuyến khích, hỗ trợ thu hút lao động.

Kết luận

Đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả đào tạo nghề chất lượng cao gắn với cung ứng nguồn nhân lực cho các doanh nghiệp tại Khu kinh tế Vũng Áng là yêu cầu cấp thiết, có tính chiến lược trước mắt và lâu dài của tỉnh ta. Việc triển khai thực hiện đồng bộ, có hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp đề ra cùng với sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, sự tham gia tích cực của doanh nghiệp và xã hội sẽ góp phần phát triển nguồn nhân lực, đẩy nhanh chuyển dịch cơ cấu và tăng năng suất lao động, phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế của tỉnh.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Chỉ thị số 24/CT-TTg(2020) về, *Đẩy mạnh và phát triển nhân lực có kỹ năng nghề, góp phần nâng cao năng suất lao động và tăng năng lực cạnh tranh quốc gia trong tình hình mới;*
2. Chỉ thị số 10-CT/TU(2021)về, *Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo công tác đào tạo nghề, giải quyết việc làm cho người lao động trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh;*
3. Kế hoạch số 403/KH-UBND(2021), *Thực hiện công tác đào tạo nghề, giải quyết việc làm trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2021-2025;*
4. Nghị quyết số 70/2022/NQ-HĐND ngày 15/7/2022, *Quy định một số chính sách hỗ trợ đào tạo nghề, giải quyết việc làm trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2022 – 2025*
5. Sở Lao động- Thương binh và Xã hội Hà Tĩnh(2021), *Báo cáo tổng kết Giáo dục nghề nghiệp năm 2021 và năm 2022.*

**NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP ĐÁP ỨNG
YÊU CẦU PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI TỈNH HÀ TĨNH
TRONG GIAI ĐOẠN MỚI**

Ths. Nguyễn Thăng Mỹ
Trưởng Chính trị Trần Phú

Giáo dục nghề nghiệp là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu trong phát triển nguồn nhân lực để hình thành nguồn nhân lực trực tiếp có chất lượng, hiệu quả và kỹ năng nghề cao không chỉ phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội của đất nước mà còn đáp ứng yêu cầu của quá trình hội nhập vào khu vực và thế giới cùng những đòi hỏi của cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0. Trong những năm qua nhằm tạo điều kiện cho hoạt động Giáo dục nghề nghiệp phát triển, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Chỉ thị số 10-CT/TU ngày 15/6/2021 và Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch số 403/KH-UBND ngày 17/9/2021 về thực hiện công tác đào tạo nghề, giải quyết việc làm trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2021-2025; triển khai kịp thời các nội dung Thông báo kết luận số 528-TB/TU ngày 21/4/2022 của Thường trực Tỉnh ủy về công tác quy hoạch, đầu tư phát triển các trường dạy nghề theo hướng giữ ổn định quy mô hiện tại, đồng thời đẩy mạnh cơ chế tự chủ tài chính của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, phấn đấu đến năm 2025, tất cả các trường cao đẳng, trung cấp công lập trên địa bàn thực hiện tự chủ 100% kinh phí chi thường xuyên, Hội đồng nhân dân tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 70/2022/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 quy định một số chính sách hỗ trợ đào tạo nghề, giải quyết việc làm trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2022 – 2025. Thực hiện sự lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh, hệ thống cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh đã tiến hành sắp xếp lại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp từ 26 xuống còn 22 đơn vị, bao gồm: 04 trường cao đẳng, 04 trường trung cấp, 02 trung tâm giáo dục nghề nghiệp, 10 Trung tâm GDNN-GDTX cấp huyện, 01 cơ sở có tham gia hoạt động giáo dục nghề nghiệp, 01 phân hiệu Trường Cao đẳng Công nghệ và Thương mại trực thuộc Bộ Công Thương. Chia theo hình thức sở hữu, bao gồm: 19 cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập (02 cơ sở trực thuộc cơ quan Trung ương, 17 cơ sở trực thuộc tỉnh), 03 cơ sở tư thực (01 cơ sở trực thuộc doanh nghiệp, 01 cơ sở trực thuộc hội nghề nghiệp, 1 cơ sở trực thuộc Dòng Don Bosco Việt Nam. Cùng với đó là đội ngũ giáo viên dạy nghề được nâng cao về chất lượng và chuẩn hóa, trong tổng số 1054 giáo viên dạy nghề, có: 5 tiến sĩ, 2 nghiên cứu sinh tiến sĩ (đạt

0,7%); 231 thạc sĩ (đạt 21,9%); 545 đại học (đạt 51,7%), 124 cao đẳng (đạt 11,8%) và 147 trình độ khác (đạt 13,9%). Cơ sở vật chất phục vụ công tác đào tạo nghề của các cơ sở GDNN được quy hoạch và đầu tư khá đồng bộ, từ hệ thống giảng đường, nhà hiệu hộ, phòng làm việc của cán bộ, nhà giáo, nhân viên; nhà xưởng/phòng thực hành và trang thiết bị thực hành nghề; cơ sở tập lái, sát hạch lái xe ô tô (01 sân sát hạch, 03 sân tập lái, 25 máy công trình, 382 xe ô tô tập lái); hệ thống ký túc xá cho học sinh, sinh viên với diện tích 10.522m² (234 phòng) đáp ứng nhu cầu của 1.870 sinh viên ở nội trú; hệ thống giảng đường của các trường được đầu tư khá đồng bộ từ dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp với 190 phòng học lý thuyết, 120 phòng thực hành và xưởng thực hành nghề, đáp ứng nhu cầu học tập/ thực hành của 14.500 học viên (đạt 73% diện tích nhà xưởng, phòng học theo quy định); nhà hiệu bộ, phòng làm việc của cán bộ, nhà giáo được đầu tư 9.805m²

Hệ thống các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn đã chủ động triển khai các giải pháp nhằm đẩy mạnh công tác tư vấn, hướng nghiệp tuyển sinh ngay tại các trường, các trung tâm giáo dục nghề nghiệp và thông qua ngày hội tư vấn hướng nghiệp tuyển sinh cấp tỉnh, cấp huyện như: Ngày hội tư vấn hướng nghiệp, đào tạo nghề và giới thiệu việc làm cho thanh niên năm 2022 do Tỉnh đoàn và các huyện, thị, thành đoàn phối hợp các Trường cao đẳng, trung cấp nghề tổ chức; Hội nghị tuyển sinh – đào tạo và cung ứng nhân lực với sự tham gia tích cực của các doanh nghiệp, nhà tuyển dụng như: Công ty Vinfast, Công ty TNHH Gang thép Hưng Nghiệp Formosa Hà Tĩnh, Công ty TNHH LG DISPLAY Việt Nam, Công ty TNHH SIGMA Việt Nam, Hòa Phát, Lilama, Tập đoàn Sông Đà, Samsung Vina và các cơ sở kinh doanh nhà hàng, khách sạn để tổ chức đào tạo nghề theo đơn đặt hàng và hỗ trợ học sinh, sinh viên thực hành nghề tại cơ sở sản xuất; Hội nghị tư vấn việc làm, khởi nghiệp tổ chức tại trực tiếp tại các trường THPT, THCS với nhiều hình thức, nội dung như trải nghiệm nghề nghiệp, thực hành nghề, trải nghiệm nghề nghiệp, đây là điều kiện hết sức quan trọng để bảo đảm cho học sinh, sinh viên được các doanh nghiệp tuyển dụng sau khi tốt nghiệp nghề. Mặt khác các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đã tích cực, chủ động điều chỉnh chương trình đào tạo theo chuẩn đầu ra, tăng cường kết nối doanh nghiệp, đa dạng hóa các hình thức đào tạo, đào tạo lại, đào tạo nâng cao trình độ kỹ năng nghề cho người lao động, để đáp ứng yêu cầu chuyển đổi nghề, chuyển đổi công việc của người lao động trong doanh nghiệp và thích ứng được với sự thay đổi của sản xuất, kinh doanh trong kỷ nguyên số và cuộc

cách mạng công nghiệp lần thứ 4. Chỉ tính riêng năm 2022, tỷ lệ học sinh, sinh viên được đào tạo theo đơn đặt hàng của doanh nghiệp đã tăng 9,5% (so với năm 2021 là 8%) đã giúp cho các em học sinh hiểu về nghề, hiểu về sở thích của mình với nghề nghiệp để có sự lựa chọn đúng với nghề nghiệp tương lai tìm kiếm được cơ hội việc làm, thu nhập tốt sau tốt nghiệp.

Bên cạnh những điểm sáng rõ nét, công tác Giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh vẫn còn những khó khăn, thách thức cần vượt qua như: Cơ cấu trình độ đào tạo trong Giáo dục nghề nghiệp chưa hợp lý, chủ yếu vẫn là đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo thường xuyên, ngắn hạn, quy mô đào tạo cao đẳng nghề còn thấp, thậm chí một số trung tâm không tuyển sinh học viên học nghề; đội ngũ cán bộ quản lý Nhà nước về Giáo dục nghề nghiệp còn thiếu về số lượng và một bộ phận chưa đạt chuẩn, một số nhà giáo trẻ chưa có nhiều kinh nghiệm trong dạy nghề, một số nhà giáo thiếu chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm, một số nghề đặc thù nhà giáo chưa đảm bảo chuẩn về chuyên môn, hầu hết các nhà giáo ở cơ sở giáo dục nghề nghiệp trình độ ngoại ngữ còn hạn chế nên khó tiếp cận với các tài liệu tiếng nước ngoài khi thực hiện nghiên cứu khoa học và soạn thảo các giáo trình, tài liệu giảng dạy; ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, đào tạo Giáo dục nghề nghiệp chưa đáp ứng được yêu cầu; Công tác tuyển sinh trong GDNN gặp nhiều khó khăn; quy mô lao động qua đào tạo của tỉnh còn nhỏ bé so với yêu cầu của nền kinh tế và quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế; chất lượng, hiệu quả đào tạo của nhiều cơ sở Giáo dục nghề nghiệp đã được cải thiện nhưng vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu nhân lực của từng ngành, lĩnh vực cụ thể Chất lượng một số ngành nghề đào tạo vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu, nhất là đối với các ngành, nghề kỹ thuật, yêu cầu chất lượng đào tạo, kỹ thuật cao và yêu cầu của đổi mới cơ cấu kinh tế - xã hội; Chỉ tiêu giải quyết việc làm hàng năm tuy đạt kế hoạch HĐND tỉnh, nhưng chủ yếu phụ thuộc hơn 50% vào xuất khẩu lao động và đi làm việc ngoài tỉnh; quy mô sử dụng lao động của các doanh nghiệp trên địa bàn còn ít và mức độ tăng hàng năm không lớn (hiện toàn tỉnh có 83.000 lao động đang làm việc tại doanh nghiệp, mức độ gia tăng hàng năm 2000-3000 người/năm). Một số doanh nghiệp dật may, may mặc tại thị xã Hồng Lĩnh và các huyện: Đức Thọ, Hương Sơn, Cẩm Xuyên tuy có quy mô tuyển dụng lao động khá lớn, nhưng mức lương mà các công ty trả cho người lao động còn thấp, nên việc tuyển dụng và giữ chân người lao động gặp khó khăn, đồng thời dễ phát sinh đình công liên quan đến quyền lợi và chế độ chính sách (năm 2022 đã xảy ra 2 vụ đình công tại Công ty

Havina Hồng Lĩnh và Công ty Appareltech huyện Đức Thọ); Việc thu hút lao động Hà Tĩnh từ các thành phố, các khu công nghiệp trở về địa phương làm việc theo tinh thần Chỉ thị số 10-CT/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và công tác giải quyết việc làm cho lực lượng lao động hồi hương trở về địa phương do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 đạt kết quả thấp (29.300 lao động trở về địa phương nơi cư trú do giãn cách xã hội hoặc mất việc làm nhưng đến nay chỉ có chưa đến 2.130 lao động ở lại địa phương làm việc). Hà Tĩnh đang có trên 120.000 lao động làm việc tại các tỉnh, thành phố, các khu công nghiệp trên địa bàn cả nước và hơn 76.000 lao động đang làm việc ở nước ngoài, trong đó có hơn 50% trong số đó có nhu cầu, nguyện vọng được trở về địa phương làm việc ổn định. Tuy vậy, khả năng thu hút của các doanh nghiệp đầu tư trên địa không lớn, mức lương còn thấp. Công tác kiểm tra, giám sát chưa được thực hiện thường xuyên; công tác triển khai hệ thống đảm bảo chất lượng, kiểm định chất lượng chưa được triển khai đồng bộ, thực chất tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, việc mời các tổ chức kiểm định ngoài để đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp rất hạn chế.

Thực hiện Chỉ thị số 24/CT-TTg ngày 28/5/2020 của Thủ tướng Chính phủ về đẩy mạnh phát triển nhân lực có kỹ năng nghề và Quyết định số 2239/QĐ-TTg, ngày 30/12/2021, của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt về Chiến lược phát triển GDNN giai đoạn 2021- 2030 tầm nhìn đến năm 2045 đặt mục tiêu đến năm 2025 bảo đảm quy mô, cơ cấu ngành, nghề đào tạo đảm bảo cho mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; Quyết định số 73/QĐ-TTg ngày 10/02/2023 của Chính phủ về Phê duyệt quy hoạch mạng lưới giáo dục nghề nghiệp thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045; Tỉnh ủy Hà Tĩnh đã ban hành Chỉ thị số 10-CT/TU, ngày 15/6/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo công tác đào tạo nghề, giải quyết việc làm cho người lao động trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh; Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch 403/KH-UBND ngày 17/9/2021 về việc thực hiện công tác đào tạo nghề, giải quyết việc làm trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2021-2025 góp phần nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo lên 80% trong đó tỷ lệ lao động có bằng, chứng chỉ đạt 50%, giải quyết việc làm mới cho trên 20 nghìn người/năm, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX

Để nâng cao chất lượng Giáo dục nghề nghiệp đáp ứng yêu cầu hội nhập và thực hiện mục tiêu chiến lược phát triển Giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2021- 2030 tầm nhìn đến năm 2045, trong thời gian tới, các cơ sở giáo dục nghề

nghiệp tỉnh Hà Tĩnh cần tập trung thực hiện đẩy nhanh chuyển đổi số, hiện đại hóa cơ sở vật chất thiết bị và đổi mới chương trình, phương thức đào tạo; Phát triển đội ngũ nhà giáo, nghệ nhân, chuyên gia, người dạy nghề và cán bộ quản lý trong Giáo dục nghề nghiệp trên cơ sở thực hiện đồng bộ các nhóm nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu như:

Một là, hoàn thiện thể chế, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý Nhà nước về giáo dục nghề nghiệp, trong đó, triển khai hiệu quả Khung trình độ quốc gia Việt Nam đối với các trình độ Giáo dục nghề nghiệp và khung trình độ kỹ năng nghề quốc gia. Nghiên cứu, bổ sung trình độ cao hơn của giáo dục nghề nghiệp đáp ứng nhu cầu thị trường lao động và xu hướng quốc tế. Chuẩn hóa các bộ tiêu chuẩn trong giáo dục nghề nghiệp tiếp cận chuẩn của các nước phát triển trong khu vực ASEAN và thế giới nhằm đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh nói chung và khu kinh tế Vũng Áng nói riêng.

Hai là, đẩy nhanh chuyển đổi số, hiện đại hóa cơ sở vật chất thiết bị và đổi mới chương trình, phương thức đào tạo. Theo đó, phát triển khoa học số liệu ở tất cả các trình độ, ngành nghề đào tạo dùng chung toàn ngành và liên kết với quốc tế. Đầu tư nâng cấp các phòng thí nghiệm, xưởng thực hành ảo, thiết bị ảo, thiết bị tăng cường ở những ngành, nghề phù hợp. Hiện đại hóa cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo của cơ sở giáo dục nghề nghiệp, phù hợp với công nghệ sản xuất của doanh nghiệp, định hướng phân tầng chất lượng và đặc thù các ngành, nghề đào tạo. Tăng cường gắn kết với doanh nghiệp để khai thác, sử dụng thiết bị đào tạo tại doanh nghiệp. Khuyến khích, tạo điều kiện phát triển các chương trình liên kết đào tạo với nước ngoài, các chương trình đào tạo gắn với mô hình nghề của các doanh nghiệp, nhất là khu kinh tế Vũng Áng.

Ba là, hoàn thiện các chuẩn và chuẩn hóa nhà giáo, chú trọng kinh nghiệm thực tiễn và năng lực nghề nghiệp trong kỷ nguyên số, phương pháp dạy học hiện đại, tích hợp các kỹ năng cốt lõi mà thế kỷ XXI đòi hỏi cùng kỹ năng mềm, kỹ năng số, thích ứng với cuộc cách mạng công nghiệp. Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo đáp ứng nhu cầu phát triển đội ngũ nhà giáo. Phát triển mạnh đội ngũ nghệ nhân, chuyên gia, người dạy nghề đủ năng lực tham gia đào tạo các cấp trình độ của Giáo dục nghề nghiệp. Chuẩn hóa cán bộ quản lý cơ sở giáo dục nghề nghiệp theo hướng chú trọng kỹ năng quản lý - quản trị hiện đại, đổi mới sáng tạo, kỹ năng số, trình độ ngoại ngữ

Bốn là, xây dựng các mô hình gắn kết Giáo dục nghề nghiệp với doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ sở sản xuất - kinh doanh và thị trường lao động theo từng

địa phương, phù hợp với từng nhóm đối tượng, trong đó chú trọng đối tượng đặc thù, lao động từ khu vực phi chính thức, lao động bị thất nghiệp hoặc có nguy cơ thất nghiệp.

Năm là, tăng cường nghiên cứu khoa học Giáo dục nghề nghiệp theo hướng ứng dụng và chuyển giao công nghệ với sự tham gia của người học, nhà giáo, chuyên gia, nghệ nhân, người sử dụng lao động. Hình thành các trung tâm khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tại các cơ sở Giáo dục nghề nghiệp chất lượng cao. Đẩy mạnh hướng nghiệp trước, trong và sau đào tạo nghề nghiệp. Xây dựng không gian khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo trong các cơ sở Giáo dục nghề nghiệp và hệ sinh thái khởi nghiệp Giáo dục nghề nghiệp tại các địa phương.

Sáu là, tăng cường huy động và nâng cao hiệu quả đầu tư tài chính cho Giáo dục nghề nghiệp. Đa dạng hóa nguồn lực đầu tư cho Giáo dục nghề nghiệp, khuyến khích khu vực tư nhân tham gia Giáo dục nghề nghiệp. Thúc đẩy sự hỗ trợ, tài trợ của các nước phát triển, các tổ chức quốc tế đầu tư cho Giáo dục nghề nghiệp.

Bảy là, đa dạng hoá các hoạt động truyền thông. Hình thành đội ngũ làm công tác truyền thông về giáo dục nghề nghiệp, nâng cao năng lực cho các cán bộ truyền thông trong cơ quan quản lý nhà nước và cơ sở giáo dục nghề nghiệp giúp nâng cao hình ảnh, thương hiệu và giá trị xã hội của Giáo dục nghề nghiệp.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Chỉ thị số 24/CT-TTg ngày 28/5/2020 của Thủ tướng Chính phủ về đẩy mạnh phát triển nhân lực có kỹ năng nghề.
2. Quyết định số 2239/QĐ-TTg, ngày 30/12/2021, của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt về Chiến lược phát triển GDNN giai đoạn 2021- 2030 tầm nhìn đến năm 2045.
3. Chỉ thị số 10-CT/TU, ngày 15/6/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo công tác đào tạo nghề, giải quyết việc làm cho người lao động trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.
4. Kế hoạch 403/KH-UBND ngày 17/9/2021 về việc thực hiện công tác đào tạo nghề, giải quyết việc làm trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2021-2025.
5. Báo cáo Tổng kết công tác giáo dục nghề nghiệp năm 2022 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2023, ngày 30/01/2023 của Sở LĐ, TB &XH.

**PHÁT HUY VAI TRÒ ĐỘI NGŨ CÔNG NHÂN
TẠI KHU KINH TẾ VŨNG ÁNG ĐÁP ỨNG YÊU CẦU, NHIỆM VỤ
TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY**

Ths. Nguyễn Thị Thảo Linh
Trưởng Chính trị Trần Phú

Trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với phát triển kinh tế tri thức, kinh tế số và hội nhập quốc tế, giai cấp công nhân Việt Nam đang ngày càng có vị trí, vai trò quan trọng, quyết định. Khu kinh tế Vũng Áng là một trong 8 khu kinh tế trọng điểm của cả nước, không chỉ là động lực, mục tiêu thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của riêng tỉnh Hà Tĩnh mà còn là động lực, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của khu vực Bắc Trung bộ và của cả quốc gia. Việc phát triển đội ngũ công nhân góp phần xây dựng Khu Kinh tế Vũng Áng trở thành khu kinh tế đa chức năng, trung tâm công nghiệp động lực, logistics của tỉnh và khu vực là một yêu cầu cấp thiết hiện nay.

Sinh thời, C.Mác, Ph.Ăngghen khẳng định: Giai cấp công nhân hiện đại là sản phẩm và là chủ thể của nền “đại công nghiệp”⁴⁸; “Giai cấp vô sản là do cách mạng công nghiệp sinh ra”⁴⁹. Do gắn liền với quá trình sản xuất vật chất bằng phương thức công nghiệp, giai cấp công nhân trở thành lực lượng sản xuất hàng đầu, đại diện cho phương thức sản xuất tiên tiến nhất và là giai cấp quyết định quá trình phát triển của xã hội hiện đại. Giai cấp công nhân ở chế độ chính trị nào cũng là chủ thể của quá trình sản xuất vật chất bằng phương thức công nghiệp mang tính chất xã hội hóa cao, tạo ra nhiều của cải, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của con người. Qua đó, họ tạo ra tiền đề vật chất - kỹ thuật cho sự ra đời xã hội mới. Từ vị thế của mình, giai cấp công nhân thông qua cuộc cách mạng khoa học công nghệ hiện đại, thúc đẩy lực lượng sản xuất xã hội hóa mạnh mẽ để tăng năng suất lao động và thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội. Đảng ta luôn coi trọng phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, đặc biệt là đội ngũ công nhân lành nghề. Nghị quyết Trung ương 6 khóa X về “Tiếp tục xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước” xác định: Giai cấp công nhân là lực lượng đại diện cho phương thức sản xuất tiên tiến; giai cấp tiên phong trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa

⁴⁸ C.Mác và Ph.Ăngghen: Toàn tập, t.4, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, tr.457.

⁴⁹ C.Mác và Ph.Ăngghen: Toàn tập, t.4, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, tr.612

xã hội, lực lượng đi đầu trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh”⁵⁰. Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (Bổ sung, phát triển năm 2011) khẳng định: “Xây dựng giai cấp công nhân lớn mạnh cả về số lượng và chất lượng; là giai cấp lãnh đạo cách mạng thông qua đội tiên phong là Đảng Cộng sản Việt Nam, giai cấp tiên phong trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội”⁵¹.

Nghị quyết 06 NQ/TU của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh Hà Tĩnh Khóa XVIII về tiếp tục xây dựng đội ngũ công nhân và tổ chức công đoàn đến năm 2020 và những năm tiếp theo khẳng định: xây dựng đội ngũ công nhân có giác ngộ giai cấp và bản lĩnh chính trị vững vàng, không giao động trước những khó khăn, thách thức; có tinh thần yêu quê hương, đất nước, đoàn kết, năng động, sáng tạo; đảm bảo trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, tay nghề, có khả năng tiếp cận khoa học công nghệ tiên tiến và kiến thức hội nhập; thích ứng nhanh với cơ chế thị trường, tác phong lao động công nghiệp, kỷ luật nghiêm, lối sống lành mạnh, xứng đáng là lực lượng đi đầu trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Khu kinh tế Vũng Áng được thành lập theo Quyết định số 72/2006/QĐ-TTg ngày 03/4/2006 của Thủ tướng Chính phủ. Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 22/11/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển Khu kinh tế Vũng Áng giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030 đã xác định rõ mục tiêu phát triển tổng quát của Khu kinh tế Vũng Áng trong giai đoạn tới là: “*Xây dựng Khu Kinh tế Vũng Áng với các trụ cột: Công nghiệp luyện kim, năng lượng, chế biến, chế tạo; Trung tâm logistics và dịch vụ cảng biển; Phát triển thương mại, dịch vụ, tạo nền tảng vững chắc. Phát triển đồng bộ khu liên hợp công nghiệp luyện kim, công nghiệp hỗ trợ, chế biến, chế tạo, trung tâm điện lực gắn với cụm cảng nước sâu Vũng Áng - Sơn Dương; đảm bảo hiệu quả tổng hợp về kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh, bảo vệ môi trường; thúc đẩy tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa; từng bước phát triển thị xã Kỳ Anh trở thành đô thị trung tâm phía Nam; hình thành thành phố Kỳ Anh, liên kết phát triển vùng Nam Hà Tĩnh - Bắc Quảng Bình.*”

⁵⁰ Ban Tuyên giáo Trung ương: Tài liệu nghiên cứu các Nghị quyết Trung ương 6, khóa X, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2008, tr.15-16.

⁵¹ Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.80.

Từ khi thành lập đến nay, Khu Kinh tế Vũng Áng hoạt động ngày càng hiệu quả, từng bước tạo động lực tăng trưởng, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động, tăng thu ngân sách, đóng góp quan trọng vào phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Hiện nay, Khu kinh tế Vũng Áng có 154 dự án, bao gồm 56 dự án có vốn đầu tư nước ngoài (trong đó dự án Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng II được đầu tư theo hình thức BOT) với tổng vốn đăng ký là 16.040,933 triệu USD và 98 dự án đầu tư trong nước với số vốn đăng ký 55.660,020 tỷ đồng⁵². Việc thu hút các dự án đầu tư, đặc biệt là dự án đầu tư nước ngoài góp phần tăng trưởng, chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh theo hướng tăng dần tỷ trọng công nghiệp - dịch vụ và cơ cấu lao động, nâng cao năng lực sản xuất công nghiệp. Trong giai đoạn 2015 – 2020, tổng thu ngân sách tại Khu kinh tế Vũng Áng đạt gần 37.400 tỷ đồng, chiếm gần 56% tổng thu ngân sách toàn tỉnh, trong đó thu xuất nhập khẩu chiếm 97% toàn tỉnh; tổng kim ngạch xuất nhập khẩu đạt khoảng 12.800 triệu USD, chiếm trên 87% tổng kim ngạch xuất nhập khẩu toàn tỉnh; góp phần giải quyết lượng lớn việc làm cho lao động tỉnh Hà Tĩnh và lân cận. Tổng lao động tại Khu kinh tế Vũng Áng hiện nay là 18.264 người (17.035 lao động Việt Nam; 1.229 lao động nước ngoài), trong đó dự án Khu liên hợp gang thép và cảng nước sâu Sơn Dương Formosa Hà Tĩnh có 11.431 lao động (10.464 lao động Việt Nam và 967 lao động nước ngoài). Thông qua sự tham gia trực tiếp vào hoạt động của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, đã từng bước hình thành đội ngũ cán bộ quản lý, công nhân kỹ thuật là người Việt Nam có trình độ cao, có tay nghề, từng bước tiếp cận được với khoa học, kỹ thuật, công nghệ cao và có tác phong công nghiệp hiện đại, có ý thức kỷ luật lao động tốt, học hỏi được các phương thức, kinh nghiệm quản lý tiên tiến. Lực lượng lao động làm việc tại Khu kinh tế hầu hết đã qua đào tạo, phần lớn làm việc tại các doanh nghiệp trong lĩnh vực công nghiệp: luyện kim, cơ khí, cầu cảng, nhiệt điện, thương mại và dịch vụ, sử dụng lao động kỹ thuật cao, trong đó: lao động có trình độ cao đẳng và đại học chiếm khoảng 45%; lao động có trình độ trung cấp và công nhân kỹ thuật chiếm khoảng 30%, khoảng 25% là lao động phổ thông. Các chế độ cho người lao động được doanh nghiệp, chủ đầu tư thực hiện tương đối đầy đủ. Bên cạnh đó, các phong trào thi đua yêu nước trong đoàn viên công đoàn và người lao động đã được các cấp công đoàn thường xuyên phát động, tổ chức thực hiện đạt hiệu quả; tiêu biểu như các phong trào: “Lao động giỏi, lao động sáng tạo”, “Đoàn kết - Dân chủ - Kỷ cương - Gương

⁵² Báo cáo Phòng quản lý doanh nghiệp tháng 03/2023/BC-QLDN

mẫu - Sáng tạo - Hiệu quả”, ... Qua đó đã khơi dậy lòng nhiệt tình, tính năng động sáng tạo của công nhân, phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật làm lợi cho doanh nghiệp, Nhà nước. Tuy nhiên, đội ngũ công nhân ở Khu kinh tế Vũng Áng hiện nay cũng đang còn nhiều bất cập: Công nhân tay nghề cao và lành nghề còn ít; đa số công nhân chưa đáp ứng được yêu cầu của doanh nghiệp cũng như yêu cầu của sự nghiệp đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, hội nhập quốc tế. Một bộ phận công nhân nhận thức chính trị, giác ngộ giai cấp, hiểu biết về chính sách, pháp luật, ý thức tổ chức kỷ luật và tác phong công nghiệp còn hạn chế. Số lượng công nhân là đảng viên chiếm tỷ lệ rất khiêm tốn 1,7%; một số tổ chức công đoàn cơ sở chưa phát huy được vai trò, trách nhiệm của mình. Điều kiện ăn ở, làm việc, tham gia các hoạt động xã hội và đời sống tinh thần ở một số doanh nghiệp chưa đảm bảo cho công nhân an tâm làm việc,...

Để phát huy vai trò của đội ngũ công nhân tại khu kinh tế Vũng Áng góp phần xây dựng Khu kinh tế Vũng Áng trở thành khu kinh tế đa chức năng, trung tâm công nghiệp động lực, logistics của tỉnh và khu vực theo mục tiêu Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 22/11/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển Khu kinh tế Vũng Áng giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030 đề ra, cần tập trung một số giải pháp sau:

Thứ nhất, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên, công nhân, người lao động và toàn xã hội về vị trí, vai trò của giai cấp công nhân trong sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước nói chung, trong quá trình xây dựng và phát triển của Khu kinh tế Vũng Áng nói riêng. Tập trung tuyên truyền về chủ trương, chính sách của Trung ương và của tỉnh về xây dựng giai cấp công nhân và phát triển Khu kinh tế Vũng Áng đặc biệt là Nghị quyết Trung ương 6 khóa X về “Tiếp tục xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước”; Nghị quyết 06 NQ/TU của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh Hà Tĩnh Khóa XVIII về tiếp tục xây dựng đội ngũ công nhân và tổ chức công đoàn đến năm 2020 và những năm tiếp theo; Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Hà Tĩnh lần thứ XIX; Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 22/11/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Khóa XIX về phát triển Khu kinh tế Vũng Áng giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030,... Đổi mới, đa dạng hình thức tuyên truyền như: Xây dựng các chuyên trang, chuyên mục trên Báo Hà Tĩnh, Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh và trên cổng thông tin điện tử của các Sở, ngành, địa phương, đơn vị, doanh nghiệp. Công tác tuyên truyền cần tập trung làm rõ Giai cấp công nhân là lực lượng nòng cốt trong

liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức dưới sự lãnh đạo của Đảng; sự lớn mạnh của giai cấp công nhân là một điều kiện tiên quyết bảo đảm thành công của công cuộc đổi mới, công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước nói chung và phát triển Khu Kinh tế Vũng Áng, tỉnh nhà nói riêng.

Thứ hai, nâng cao chất lượng đào tạo nghề, phát triển đội ngũ công nhân vừa có bản lĩnh chính trị vững vàng vừa có trình độ cao, làm chủ được khoa học công nghệ, có kỹ năng lao động, tác phong công nghiệp, ý thức kỷ luật đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập quốc tế. Kịp thời bổ sung, sửa đổi, hoàn thiện chính sách đào tạo và đào tạo lại công nhân. Khuyến khích các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế dành kinh phí thích đáng và thời gian cho đào tạo, đào tạo lại công nhân. Chú trọng đầu tư cơ sở vật chất, kinh phí cho các trường dạy nghề trên địa bàn tỉnh, ưu tiên đào tạo những ngành, nghề mũi nhọn như luyện kim, cơ khí, cầu cảng, nhiệt điện, thương mại và dịch vụ,... Tạo điều kiện để công nhân tiếp cận được với sự thay đổi nhanh chóng của khoa học - kỹ thuật, công nghệ. Phát triển đa dạng các loại hình đào tạo ở cả nhà trường và ngay tại doanh nghiệp một cách phù hợp, hiệu quả, thích ứng với khả năng, điều kiện học tập, để mọi công nhân, người lao động đều có cơ hội, điều kiện học tập.

Thứ ba, thực hiện tốt quy chế dân chủ tại doanh nghiệp, phát huy quyền làm chủ trực tiếp của công nhân trong các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế và quyền dân chủ đại diện của người lao động thông qua tổ chức công đoàn. Bên cạnh đó cần tiếp tục ban hành và đẩy mạnh các chính sách ưu đãi tuyển chọn, sử dụng và đãi ngộ, tôn vinh những công nhân, người lao động có tay nghề giỏi; khích lệ, tạo cơ hội, điều kiện vật chất, tinh thần cho công nhân học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, ngoại ngữ, phát huy tài năng, trí tuệ, sự cần cù, tinh thần vượt khó, cống hiến; khơi dậy mạnh mẽ tinh thần yêu nước, ý chí tự lực, tự cường và khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc.

Thứ tư, thực hiện nghiêm pháp luật lao động, an toàn, vệ sinh lao động, xử lý nghiêm những tổ chức, doanh nghiệp vi phạm quyền, lợi ích hợp pháp của người lao động; chú trọng chăm lo, cải thiện điều kiện lao động, phòng, chống có hiệu quả tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp; quan tâm xây dựng, hoàn thiện và tổ chức thực hiện có hiệu quả chính sách chăm sóc sức khỏe cho công nhân, người lao động, nhất là công nhân, người lao động nữ, những công nhân làm việc nặng nhọc, độc hại... Triển khai thực hiện nghiêm, có hiệu quả Luật Bảo hiểm xã hội, bảo đảm công nhân, người lao động được thực hiện đúng đắn, đầy đủ, kịp

thời, thuận tiện các chính sách bảo hiểm xã hội. Quan tâm hơn nữa đến các chính sách thi đua, khen thưởng, chính sách tôn vinh các cá nhân, tập thể xuất sắc, có nhiều công hiến, nhất là đối với những công nhân, người lao động trực tiếp; làm cho người công nhân luôn thấy tự hào về nghề nghiệp mà mình đã lựa chọn.

Thứ năm, không ngừng nâng cao điều kiện sống và đời sống tinh thần cho công nhân. Tăng cường quảng bá, vận động các doanh nghiệp hạ tầng, doanh nghiệp hoạt động sản xuất, kinh doanh tại các Khu kinh tế Vũng Áng đầu tư xây dựng nhà ở cho công nhân; khuyến khích xã hội hoá đầu tư, hoặc hỗ trợ trực tiếp một phần tiền thuê nhà cho công nhân. Khai thác có hiệu quả các thiết chế văn hóa, thể thao hiện có tại các doanh nghiệp đồng thời vận động, khuyến khích các doanh nghiệp nhất là doanh nghiệp hoạt động sản xuất, kinh doanh tại Khu kinh tế Vũng Áng đầu tư xây dựng các thiết chế văn hóa, thể thao; tăng cường trang thiết bị âm thanh, ánh sáng, nhạc cụ, dụng cụ thể dục, thể thao để công nhân có điều kiện tham gia ngày càng nhiều các hoạt động văn hóa, tinh thần. Đẩy mạnh và nâng cao chất lượng hoạt động liên kết, giao lưu văn nghệ, thi đấu giao hữu thể thao giữa các doanh nghiệp trong Khu kinh tế Vũng Áng, giữa các Khu kinh tế của tỉnh và các địa phương.

Thứ sáu, phát huy vai trò của tổ chức công đoàn các cấp, đặc biệt là công đoàn cơ sở tại các doanh nghiệp. Tỉnh ủy, UBND tỉnh, Cấp ủy, chính quyền Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh, Liên đoàn lao động tỉnh, Công đoàn các Khu kinh tế tỉnh chú trọng lãnh đạo, tạo điều kiện để các tổ chức công đoàn tại Khu kinh tế Vũng Áng làm tròn vai trò, vị trí của mình; thông qua hoạt động công đoàn tập hợp, đại diện bảo vệ lợi ích công nhân, người lao động; bồi dưỡng công nhân, người lao động đủ tiêu chuẩn giới thiệu cho Đảng xem xét kết nạp vào Đảng. Bản thân tổ chức Công đoàn các cấp phải đổi mới mạnh mẽ cả tổ chức, nội dung lẫn phương thức hoạt động, theo tinh thần Nghị quyết số 02-NQ/TW, ngày 12-6-2021, của Bộ Chính trị “Về đổi mới tổ chức và hoạt động của Công đoàn Việt Nam trong tình hình mới”. Phải đa dạng hóa các hình thức vận động, tập hợp công nhân, người lao động... Hoạt động của công đoàn phải hướng về cơ sở, lấy cơ sở làm địa bàn hoạt động, lấy công nhân, người lao động làm đối tượng vận động; lấy chăm lo, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của công nhân, người lao động làm mục tiêu hoạt động. Tiếp tục triển khai các mô hình hoạt động hiệu quả như: “nâng cao chất lượng bữa ăn ca”, Chương trình “Tết sum vầy”, “Tháng công nhân”, “Khám sức khỏe định kỳ”, Chương trình “Phúc lợi đoàn viên”...

VẤN ĐỀ LAO ĐỘNG TRONG KHU KINH TẾ VŨNG ÁNG TỈNH HÀ TĨNH HIỆN NAY

Chu Thị Thu Huyền
Trưởng Chính trị Trần Phú

Được thành lập theo quyết định số 72/2006/QĐ-TTg ngày 03/4/2006 của Thủ tướng Chính phủ, với vị trí địa lý và hệ thống hạ tầng giao thông thuận lợi, cơ chế chính sách đồng bộ, Khu kinh tế Vũng Áng (TX Kỳ Anh - Hà Tĩnh) đang là điểm đến hấp dẫn, “bên đõ” an toàn của các nhà đầu tư trong, ngoài nước. KKT Vũng Áng nằm trên trục giao thông Bắc - Nam, hành lang kinh tế Đông - Tây rất thuận lợi cho sự giao thương, lợi thế của cụm cảng biển nước sâu và hạ tầng giao thông liên vùng, Hà Tĩnh đặt mục tiêu hình thành Trung tâm logistics tại KKT Vũng Áng có tầm cỡ khu vực và quốc tế, phục vụ các hoạt động logistics trong tỉnh, khu vực và quốc tế. Hiện tại, Khu Kinh tế Vũng Áng đang từng bước khẳng định vai trò đầu tàu thúc đẩy sự phát triển kinh tế Hà Tĩnh và góp phần quan trọng vào tăng trưởng quốc gia.

Từ Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XV (nhiệm kỳ 2000-2005) và các nhiệm kỳ tiếp theo đều khẳng định quan điểm nhất quán của tỉnh trong việc tập trung đầu tư xây dựng khu kinh tế Vũng Áng. Đại hội lần thứ XVIII xác định “Xây dựng Khu kinh tế Vũng Áng sớm trở thành khu kinh tế động lực tầm cỡ quốc gia, quốc tế” là một trong những nhiệm vụ đột phá; tại Đại hội lần thứ XIX tiếp tục xác định “đầu tư hạ tầng Khu Kinh tế Vũng Áng” là một trong năm chương trình trọng điểm; “Huy động tối đa và sử dụng hiệu quả các nguồn lực xây dựng Khu Kinh tế Vũng Áng thực sự trở thành khu kinh tế đa chức năng, trung tâm công nghiệp động lực và logistics” là một trong ba đột phá chiến lược...

Đến nay, Khu kinh tế Vũng Áng thu hút được 153 dự án, bao gồm: 56 dự án có vốn đầu tư nước ngoài (trong đó có 01 dự án đầu tư theo hình thức BOT) với tổng số vốn đăng ký 16.040.933 triệu USD; và 97 dự án đầu tư trong nước với số vốn đăng ký 55.694.020 tỷ đồng;⁵³ Hàng năm Khu Kinh tế Vũng Áng đã giải quyết việc làm, thu nhập ổn định cho trên 18.000 lao động là người Việt Nam và lao động người nước ngoài. (17.532 lao động Việt Nam; 1.230 lao động nước ngoài). Đây là khu vực có nhu cầu thu hút lượng lao động chất lượng cao

⁵³ Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh Hà Tĩnh. Báo cáo tình hình triển khai thực hiện nhiệm vụ năm 2022 và nhiệm vụ trọng tâm năm 2023

ngày càng đông. Chỉ tính trong 11 tháng đầu năm 2022 đã đề xuất chấp thuận sử dụng lao động người nước ngoài của 516 vị trí công việc (trong đó: Nhà quản lý: 23; Giám đốc điều hành: 04; Chuyên gia: 130; Lao động kỹ thuật: 359) cho tổng 48 doanh nghiệp có nhu cầu sử dụng lao động người nước ngoài trong Khu kinh tế Vũng Áng; Riêng Dự án Khu liên hợp Gang thép và cảng nước sâu Sơn Dương Formosa Hà Tĩnh có 11.663 người, trong đó: Lao động Việt Nam: 10.673 người (Công ty FHS: 5.900 người; Nhà thầu: 4.773 người). Lao động nước ngoài: 990 người (Công ty FHS: 536 người; Nhà thầu: 454 người).⁵⁴

Sắp tới các dự án lớn triển khai sử dụng nhiều lao động như dự án Nhiệt điện Vũng Áng II dự kiến tạo việc làm cho hơn 3.000 lao động giai đoạn thi công và 300 lao động giai đoạn vận hành; dự án Nhà máy sản xuất ô tô và linh phụ kiện kết hợp cảng biển của tập đoàn Vingroup sử dụng hàng ngàn lao động... điều này mở ra nhiều cơ hội cho công nghiệp và lao động, việc làm ở Hà Tĩnh và các vùng phụ cận. Song môi trường này đòi hỏi chất lượng lao động ngày càng khắt khe. Với việc đầu tư thiết bị công nghệ vào sản xuất kinh doanh của các nhà máy, doanh nghiệp ở đây cho thấy nhu cầu sử dụng lao động có tay nghề cao là rất lớn. Bên cạnh đó, môi trường đầu tư kinh doanh, dịch vụ ở Hà Tĩnh có nhiều tiềm năng, sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng phát triển công nghiệp, dịch vụ ở Hà Tĩnh là đúng đắn. Tuy nhiên, đó chỉ là điều kiện, là tiền đề còn nhân tố mang tính chất đột phá trong việc nâng cao năng suất chất lượng lao động; yếu tố quyết định sự phát triển nền công nghiệp; đòn bẩy trong tăng trưởng kinh tế là nguồn nhân lực lại chưa đáp ứng được yêu cầu.

Theo khảo sát, nhu cầu sử dụng lao động có tay nghề trong các khu kinh tế, khu, cụm công nghiệp nhất là tại khu kinh tế Vũng Áng ngày càng tăng, theo tính toán đến 2020 đã cần khoảng 7 vạn lao động có tay nghề. Tuy nhiên trên thực tế số lao động đáp ứng yêu cầu tại chỗ rất thấp. Theo báo cáo Công đoàn KKT tỉnh, trong năm 2022, tiếp đón, tư vấn cho 1.400 lao động tìm kiếm việc làm tại KKT Vũng Áng (giảm 9,1% so với năm 2021; đạt 77,8% kế hoạch năm 2022). Riêng giai đoạn 2023 -2025 cần tuyển dụng mới gần 3.900 lao động có trình độ Trung cấp, Cao đẳng⁵⁵. Đây vừa là cơ hội, nhưng nhìn vào thực trạng lao động, đặc biệt lao động Hà Tĩnh hiện tại trong khu kinh tế Vũng Áng thì đây cũng chính là thách thức đặt ra mà tỉnh cần đặc biệt quan tâm.

⁵⁴ Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh Hà Tĩnh. Báo cáo tình hình triển khai thực hiện nhiệm vụ năm 2022 và nhiệm vụ trọng tâm năm 2023

⁵⁵ Ban QL khu kinh tế tỉnh. Tổng hợp nhu cầu tuyển mới lao động trình độ Cao đẳng, Trung cấp giai đoạn 2023-2025 của các đơn vị, doanh nghiệp trên địa bàn KKT Vũng Áng.

Hiện nay, lao động ở Hà Tĩnh nói chung, nhất là ở khu kinh tế Vũng Áng còn nhiều bất cập như số lượng không ổn định, có sự chênh lệch cao giữa các ngành nghề đào tạo, giữa số lượng đào tạo và nhu cầu sử dụng; giữa chất lượng đào tạo và khả năng thực hành nghề nghiệp, tác phong công nghiệp, kỷ luật lao động chưa cao; trình độ nhận thức, hiểu biết pháp luật còn hạn chế...

Về chất lượng nguồn lao động: Hiện nay, số lao động qua đào tạo chưa đáp ứng yêu cầu hoặc không phù hợp với nhu cầu tuyển dụng của doanh nghiệp nên tỷ lệ lao động đáp ứng tại chỗ thấp. Trong 08 tháng đầu năm 2022, UBND thị xã phối hợp với Trung tâm Dịch vụ Việc làm Hà Tĩnh, Sàn Giao dịch việc làm Kỳ Anh tổ chức 22 phiên Sàn giao dịch việc làm, trong đó có 229 Doanh nghiệp đăng ký tuyển dụng lao động, giải quyết việc làm mới cho 2.090 người lao động, trong đó chỉ có 167 người được tuyển dụng qua Sàn giao dịch việc làm Kỳ Anh.⁵⁶ Bên cạnh đó, một bộ phận khá lớn công nhân năng lực thực hành, khả năng làm chủ công nghệ sản xuất còn yếu, năng suất lao động thấp, sinh hoạt tùy tiện, ý thức chấp hành pháp luật và kỷ luật lao động còn thấp. Tình trạng vi phạm pháp luật về an toàn vệ sinh lao động còn khá phổ biến, nguy cơ có thể xảy ra tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp là rất cao. Thực trạng này một phần do thiếu hiểu biết về pháp luật, phần vì cần có việc làm, thu nhập mà chấp nhận các quy định chưa phù hợp, chưa đúng với qui định của pháp luật nên phần lớn người lao động không tự đấu tranh để bảo vệ lợi ích chính đáng của mình như khi ký kết hợp đồng chỉ chú ý tới thu nhập mà ít quan tâm tới việc đảm bảo các quyền lợi khác như: thời gian làm việc, môi trường làm việc, an toàn vệ sinh lao động, chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, thai sản, nhà ở, điện nước, các chế độ đãi ngộ khác cũng như quyền lợi trong hưởng thụ văn hóa và tham gia các tổ chức chính trị xã hội....

Một thực tế ở các khu công nghiệp trên địa bàn Hà Tĩnh và khu kinh tế Vũng Áng hiện nay lao động tuổi đời trẻ, lao động nữ tương đối cao, đặt ra một số vấn đề xã hội cần phải giải quyết như: Hôn nhân gia đình, thai sản, nhà ở, nhà trẻ, trường học cho con em họ và các điều kiện sinh hoạt khác. Đại đa số công nhân ở xa công ty, việc đi lại khó khăn; lao động nữ chưa lập gia đình có nguyện vọng ở lại khu tập thể, các chị nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi có nguyện vọng có nhà giữ trẻ tại công ty để tiện việc đi lại, đưa đón con và yên tâm lao động

⁵⁶ UBND Thị xã Kỳ Anh. Báo cáo kết quả đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho lao động trên địa bàn thị xã Kỳ Anh giai đoạn 2019-2022

sản xuất. Tuy nhiên tại khu kinh tế Vũng Áng hiện nay, ngoài Công ty TNHH Gang thép Hưng Nghiệp Formosa có điều kiện tương đối đảm bảo về nhà ở và một số điều kiện sinh hoạt, còn lại công nhân chủ yếu ở nhà thuê, điều kiện sinh hoạt khó khăn. Hạ tầng giao thông, trường học, nhà trẻ, bệnh viện, khu sinh hoạt tập thể, vui chơi giải trí cho người lao động còn hạn chế, họ ít sự lựa chọn so với các địa phương lân cận; điện - nước sinh hoạt không ổn định, chất lượng cuộc sống chưa đảm bảo.⁵⁷ Thời gian qua nhiều lao động làm việc tại khu kinh tế Vũng Áng nghỉ việc hoặc không mặn mà tham gia tuyển dụng vào làm công nhân tại đây. Mặc dù các doanh nghiệp có nhu cầu tuyển dụng hàng ngàn công nhân. Nguyên nhân đầu tiên là hiện các dịch vụ tại khu công nghiệp, khu kinh tế Vũng Áng như nhà trông trẻ, nhà ở cho công nhân, chợ, khu vui chơi giải trí vẫn còn thiếu trong khi giá cả ăn ở, phòng trọ, tiêu dùng ở Vũng Áng vẫn cao. Chế độ lương, thưởng của hầu hết các doanh nghiệp tại Hà Tĩnh chi trả cho người lao động vẫn còn thấp hơn so với ở các thành phố lớn. Vì vậy, hiện nhiều người lao động vẫn muốn đi vào nam tìm công việc có thu nhập cao hơn hoặc lựa chọn đi xuất khẩu lao động.⁵⁸

Về phía doanh nghiệp - người sử dụng lao động, nhiều công ty ý thức tự giác, tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động và các quy định pháp luật còn hạn chế, một bộ phận lớn vì lợi ích doanh nghiệp đã vi phạm hợp đồng lao động cũng như các lợi ích chính đáng, hợp pháp của người lao động. Theo số liệu khảo sát của Liên đoàn lao động tỉnh, hiện nay trên địa bàn tỉnh có khoảng 31% công nhân lao động được ký kết hợp đồng lao động không xác định thời hạn; 30,7% công nhân lao động được ký kết hợp đồng lao động có xác định thời hạn từ 12 đến 36 tháng; có khoảng 38,3% công nhân lao động chưa được ký kết hợp đồng lao động, hoặc được ký kết loại hợp đồng dưới 3 tháng. Tại Khu kinh tế Vũng Áng năm 2015 số lao động người Việt Nam được ký hợp đồng lao động trên một năm chỉ có 43,5%. Việc giao kết sai hợp đồng lao động còn diễn ra khá phổ biến, gây ảnh hưởng đến quyền lợi của người lao động. Tình trạng ký hợp đồng ngắn hạn, nhưng làm những công việc có tính chất ổn định, thường xuyên, lâu dài còn xảy ra ở nhiều doanh nghiệp, đặc biệt có nhiều doanh nghiệp ký kết hợp đồng lao động có thời gian dưới 3 tháng nhiều lần để trốn đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế cho người lao động. Tình trạng chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật còn xảy ra. Nội dung hợp đồng lao động còn bất cập, ghi

⁵⁷ Báo cáo Công đoàn cơ sở KKT

⁵⁸ <https://laodong.vn/cong-doa/nhieu-doa-nghiep-ha-tinh-co-nhu-cau-lon-nhung-kho-tuyen-dung-lao-dong-1188631.ldo>

chép sơ sài, nhất là các nội dung quy định công việc phải làm, thời gian hợp đồng, tiền lương, tiền công, điều kiện làm việc, công tác đảm bảo an toàn vệ sinh lao động... đối với người lao động không rõ ràng, có nội dung không đúng quy định của pháp luật. Đặc biệt, việc vi phạm pháp luật về BHXH ở các doanh nghiệp khá phổ biến như: không đóng bảo hiểm xã hội cho người lao động; đóng không đủ số lao động; đóng không đúng mức lương, phụ cấp của người lao động. Nhiều doanh nghiệp tư nhân chủ yếu đóng bảo hiểm xã hội cho người lao động theo mức lương tối thiểu vùng. Một số doanh nghiệp mặc dù đã khấu trừ qua bảng lương khoản bảo hiểm của người lao động nhưng không đóng nộp về cơ quan bảo hiểm nên người lao động không được hưởng các chế độ trợ cấp của BHXH về ốm đau, thai sản, tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp; không được giải quyết chế độ hưu trí khi hết tuổi lao động; không có thẻ bảo hiểm y tế.

Đây là thực trạng đáng báo động đối với các doanh nghiệp hiện nay. Bên cạnh đó, một số doanh nghiệp tư nhân chưa thực hiện tốt Nghị định số 49/2013/NĐ-CP của Chính phủ, nhiều doanh nghiệp người sử dụng lao động thoả thuận với người lao động để trả lương mà không căn cứ vào các quy định hiện hành; nhiều doanh nghiệp không tổ chức thi tay nghề, nâng bậc thợ, nâng bậc lương cho người lao động.

Đặc biệt, việc thực hiện thời gian làm việc, nghỉ ngơi tại khá nhiều doanh nghiệp trong thời gian qua chưa được quan tâm đúng mức. Nhiều doanh nghiệp lấy lý do đặc thù trong sản xuất kinh doanh để huy động công nhân lao động làm thêm giờ trái qui định. Việc thực hiện chế độ nghỉ lễ của công nhân cũng không được đảm bảo ở một số doanh nghiệp, nhiều doanh nghiệp vì lí do khác nhau đã cắt xén thời gian nên lao động khó được hưởng các phúc lợi do nhà nước quy định. Nhiều doanh nghiệp chú trọng mục tiêu lợi nhuận chưa quan tâm đến công tác đảm bảo an toàn vệ sinh lao động, không tổ chức huấn luyện an toàn vệ sinh lao động; không trang cấp hoặc trang cấp bảo hộ lao động không đầy đủ, không đúng chủng loại; không khám sức khỏe định kỳ cho người lao động; không cử cán bộ làm công tác an toàn vệ sinh lao động. Thậm chí một số doanh nghiệp khi xảy ra tai nạn lao động còn thiếu trách nhiệm với người lao động, không khai báo với các ngành chức năng, không phối hợp để giải quyết chế độ tai nạn lao động cho người bị nạn...

Thực tế này ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng nguồn nhân lực và năng suất chất lượng lao động cũng như cơ hội và khả năng tìm kiếm việc làm của người lao động. Vì vậy, để đáp ứng được những mục tiêu, kỳ vọng đặt ra và phát huy các tiềm năng, lợi thế nhằm phát triển “KKT Vũng Áng có không gian kinh tế độc

lập, là KKT tổng hợp, đa ngành, đa lĩnh vực theo Quyết định số 1076/QĐ-TTg ngày 20/8/2007 của Thủ tướng Chính phủ và giải quyết những vấn đề đặt ra ở trên, trong thời gian tới Hà Tĩnh cần quan tâm một số giải pháp chủ yếu sau:

Thứ nhất, Nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của nguồn nhân lực trong quá trình phát triển Hà Tĩnh nói chung và phát triển khu kinh tế Vũng Áng nói riêng.

- Đa dạng hóa, khai thác tối đa ưu thế các hình thức, các phương pháp tuyên truyền nhằm truyền tải thông điệp, thay đổi nhận thức của người dân, của cả xã hội về tầm quan trọng của nguồn nhân lực, đặc biệt là nguồn nhân lực chất lượng cao đối với việc phát triển kinh tế xã hội, nhất là giai đoạn Hà Tĩnh đang chuyển mình từ một địa phương thuần nông đi lên công nghiệp.

- Tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức làm cho mỗi cán bộ, Đảng viên và người dân thấy được đòi hỏi tất yếu và cấp thiết của nguồn nhân lực chất lượng cao đối với sự phát triển của các khu, cụm công nghiệp trên địa bàn Hà Tĩnh, đặc biệt là Khu kinh tế Vũng Áng. Mặt khác, nhu cầu lao động của các doanh nghiệp và quá trình hội nhập quốc tế sâu, rộng càng tạo ra môi trường cạnh tranh gay gắt đối với chính lao động Hà Tĩnh ngay tại Khu kinh tế Vũng Áng.

- Nâng cao nhận thức người dân về vị trí, tầm quan trọng của lao động có trình độ tay nghề trong KTT và ý nghĩa của công tác đào tạo nghề, đồng thời xóa bỏ định kiến xã hội đối với việc học nghề nhằm tạo tính chủ động, tích cực, tự giác của người dân về học nghề và ý thức tự nỗ lực học tập nâng cao trình độ văn hóa, khoa học kỹ thuật, hiểu biết pháp luật, tác phong công nghiệp, phẩm chất chính trị, đạo đức để đáp ứng yêu cầu xã hội và tăng cơ hội cho mình trong tìm kiếm việc làm ngay trên địa bàn tỉnh và nâng cao chất lượng, hiệu quả công việc đồng nghĩa. với nâng cao và ổn định thu nhập cho lao động.

Thứ hai, Có cơ chế khuyến khích công tác đào tạo nghề góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực ở KKT Vũng Áng

- Để công tác đào tạo nghề thực sự có hiệu quả, chủ động cung cấp nguồn nhân lực cho KKT Vũng Áng và các khu, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh, hàng năm, phải thực hiện tốt công tác điều tra, đánh giá chính xác số lượng, chất lượng nguồn lao động. Xác định cụ thể số lao động đã được đào tạo theo từng ngành nghề; số lao động chưa được đào tạo phân theo nhóm tuổi; nhu cầu sử dụng lao động của các doanh nghiệp trong KKT Vũng Áng và dự báo cung cầu lao động theo giai đoạn.

- Trên cơ sở dữ liệu điều tra về lao động, việc làm, các cấp chính quyền cần tổ chức tốt công tác giới thiệu việc làm, tư vấn hướng nghiệp học nghề. Đặc biệt đối với học sinh mới học xong phổ thông hoặc vừa hoàn thành nghĩa vụ công an, quân sự và những lao động còn trẻ tuổi khác chưa có việc làm ổn định thì có cơ chế khuyến khích học trung cấp, cao đẳng nghề theo năng lực và nhu cầu của các DN trong KKT. Đối với những lao động đã được đào tạo nhưng chưa đáp ứng yêu cầu cần tổ chức các lớp nghiệp vụ ngắn hạn cũng như vận động lao động tự đào tạo lại nhằm trang bị kiến thức, kỹ năng để có thể làm việc với năng suất, chất lượng cao hơn phù hợp yêu cầu của thị trường lao động tại KKT trong những năm tới.

- Nâng cao năng lực của các cơ sở đào tạo nghề trên địa bàn tỉnh, đáp ứng yêu cầu về ngành nghề và chất lượng đào tạo toàn diện: gồm trình độ chuyên môn kỹ thuật, thể lực, kỹ năng thực hành, ý thức kỷ luật và tác phong lao động công nghiệp... Bên cạnh đó giữa cơ sở đào tạo và người sử dụng cần có cơ chế ràng buộc để giảm bớt gánh nặng chi phí cho cơ sở đào tạo và trách nhiệm đối với sản phẩm sau đào tạo.

- Tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với công tác đào tạo nghề. Tổ chức thực hiện tốt các cơ chế chính sách của nhà nước đối với cơ sở đào tạo nghề và đối tượng học nghề. Xây dựng chính sách hỗ trợ học nghề cho người lao động thuộc hộ gia đình chính sách, hộ nghèo, hộ gia đình bị thu hồi đất sản xuất nông nghiệp khi thực hiện các công trình dự án. Đẩy mạnh xã hội hóa, huy động mọi thành phần kinh tế tham gia nhằm tăng thêm nguồn lực cho công tác đào tạo nghề. Xây dựng cơ chế chính sách tạo sự phối hợp chặt chẽ giữa người sử dụng lao động với cơ sở đào tạo trong và ngoài tỉnh để tổ chức đào tạo theo hình thức đặt hàng nhằm nâng cao hiệu quả đào tạo, sử dụng lao động; đảm bảo sau đào tạo người lao động được bố trí việc làm và phát huy tốt ngành nghề.

Thứ ba, Xây dựng các cơ chế, chính sách nhằm khai thác tốt nguồn lực lao động hiện có; thu hút lao động có trình độ cao, các chuyên gia giỏi, công nhân lành nghề về làm việc tại khu kinh tế Vũng Áng.

Để nâng cao chất lượng nguồn lao động, chủ động cung cấp cho thị trường, nhất là khu kinh tế Vũng Áng, Hà Tĩnh cần triển khai các biện pháp hỗ trợ thị trường lao động trên địa bàn. Cụ thể, xây dựng chính sách thu hút, giữ chân lao động chất lượng cao làm việc tại tỉnh. Chính sách nâng cao chất lượng nguồn lao động, chính sách thu hút nguồn lực lao động chất lượng cao từ các vùng kinh tế lân cận cung cấp cho KTT Vũng Áng, chính sách thúc đẩy chuyên dịch lao động

từ nông nghiệp sang công nghiệp, dịch vụ. Chính sách hỗ trợ đổi mới công nghệ, chuyển đổi số phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh

Bên cạnh đó, tỉnh cần đầu tư nguồn lực xây dựng cơ sở dữ liệu một cách đầy đủ, chính xác, khách quan và minh bạch, tiến hành cung cấp kịp thời cho người lao động thông tin về đào tạo, nhân lực, việc làm và chiến lược, quy hoạch phát triển nhân lực địa phương.

Đa dạng hoá huy động các nguồn lực đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng; xây dựng Khu kinh tế Vũng Áng sớm trở thành khu kinh tế động lực có tầm cỡ quốc gia, quốc tế; phát triển nhanh các ngành công nghiệp nặng, cơ khí, công nghiệp phục vụ nông nghiệp và công nghiệp hỗ trợ để mở rộng thị trường lao động.

Thứ tư, Tổ chức tốt mạng lưới dịch vụ cung ứng lao động, giao dịch, tìm hiểu và giới thiệu việc làm.

Xây dựng ngân hàng dữ liệu về cung cầu lao động và cung cấp những thông tin cần thiết, kịp thời cho cấp huyện, xã; tạo sự kết nối chặt chẽ, cam kết có trách nhiệm giữa người đào tạo và người sử dụng; giữa yêu cầu của doanh nghiệp và các trường đào tạo.

Tuyên truyền, thông tin rộng rãi đến mọi người dân, nhất là người trong độ tuổi lao động về hoạt động của sàn giao dịch việc làm và thường xuyên tổ chức các phiên sàn cố định và lưu động để người lao động có cơ hội tiếp cận việc làm cũng như chủ động cung cấp nguồn lao động cho khu kinh tế Vũng Áng.

Thứ năm, Thực hiện chế độ chính sách, bảo đảm an sinh xã hội đối với lao động trong khu kinh tế tỉnh nói chung và khu kinh tế Vũng Áng nói riêng.

- Tăng cường quản lý nhà nước về việc thực hiện chế độ chính sách đối với người lao động trong các khu kinh tế Vũng Áng. Kịp thời khắc phục tình trạng vi phạm pháp luật trong việc ký kết, thực hiện hợp đồng lao động và các quy định về bảo đảm tiền lương, tiền công, điều kiện làm việc, công tác đảm bảo an toàn vệ sinh lao động, các chính sách về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp... Tổ chức cam kết giữa chính quyền với nhà đầu tư, chủ Doanh nghiệp về thực hiện các chính sách đối với người lao động như mức lương ban đầu, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và các chế độ chính sách khác khi cấp phép đầu tư.

- Quan tâm đầu tư xây dựng, hoàn thiện hệ thống cơ sở hạ tầng phục vụ các nhu cầu tối thiểu của người lao động về nhà ở, nhà trẻ, điện, nước, dịch vụ y tế, an toàn vệ sinh lao động và đảm bảo cơ hội tham gia các hoạt động văn hóa tinh thần của người lao động.

- Kiện toàn và phát huy vai trò của tổ chức công đoàn, các tổ chức chính trị xã hội trong các doanh nghiệp. Thành lập tổ chức công đoàn ở những doanh nghiệp chưa có và tiếp tục phát huy vai trò của tổ chức công đoàn và các tổ chức chính trị xã hội trong việc tập hợp, đoàn kết, giáo dục ý thức, kỷ luật lao động và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người lao động.

- Tiếp tục nghiên cứu bổ sung, hoàn thiện hệ thống cơ chế chính sách bảo đảm an sinh xã hội đối với lực lượng lao động tại các khu kinh tế, khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

Thứ sáu, Nâng cao chất lượng hoạt động của các tổ chức chính trị xã hội, nhất là tổ chức công đoàn nhằm tổ chức, bảo vệ quyền lợi hợp pháp, chính đáng cho người lao động.

- Đẩy mạnh việc thực hiện chức năng đại diện, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp chính đáng của người lao động; tăng cường phối hợp kiểm tra, giám sát việc chấp hành pháp luật về lao động, chế độ chính sách đối với người lao động; phối hợp thực hiện quy chế dân chủ cơ sở tại nơi làm việc; ngăn ngừa và xử lý kịp thời các sự việc phát sinh nhằm bảo vệ quyền lợi cho người lao động

- Tăng cường tổ chức thực hiện đối thoại tại nơi làm việc; thương lượng, ký kết, giám sát và kiểm tra việc thực hiện thỏa ước lao động tập thể; vận động người sử dụng lao động thực hiện tốt Nghị quyết 7c của Tổng Liên đoàn về chất lượng bữa ăn ca của người lao động; chỉ đạo thực hiện Chương trình Công đoàn đồng hành cùng doanh nghiệp; xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định, tiến bộ trong doanh nghiệp, giúp doanh nghiệp phát triển bền vững.

- Kịp thời xử lý những kiến nghị, đề xuất của cơ sở, đoàn viên, người lao động, là chỗ dựa tin cậy của đoàn viên, người lao động. Quan tâm chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho đoàn viên và người lao động để “quyền lợi được đảm bảo, phúc lợi tốt hơn”

- Tập trung tổ chức học tập, quán triệt, tuyên truyền các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước nhất là Luật Công đoàn, Luật BHXH, Luật an toàn vệ sinh lao động tại các doanh nghiệp trên địa bàn Khu kinh tế.

- Đổi mới hoạt động chăm lo lợi ích đoàn viên, công tác tuyên truyền, công tác thi đua khen thưởng..., hoạt động công đoàn đã tạo niềm tin cho chủ sử dụng lao động, người lao động, góp phần vào sự phát triển ổn định, bền vững của Khu kinh tế tỉnh./.

ĐÀO TẠO NGUỒN NHÂN LỰC CHẤT LƯỢNG CAO TẠI ĐỊA PHƯƠNG THÍCH ỨNG VỚI THU HÚT ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN KHU KINH TẾ VŨNG ÁNG

TS. Trần Thu Thủy, TS. Nguyễn Thị Thanh Huyền
Khoa Kinh tế - QTKD, Trường Đại học Hà Tĩnh

Tóm tắt: *Nguồn nhân lực chất lượng cao đóng một vai trò quan trọng đối với việc phát triển kinh tế - xã hội. Cùng với sự phát triển mạnh mẽ của Khu kinh tế Vũng Áng với định hướng trở thành khu kinh tế đa chức năng, trung tâm công nghiệp động lực và logistics góp phần kết nối hành lang kinh tế Đông - Tây thì vấn đề đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao tại địa phương cũng đang đặt ra những thách thức không nhỏ. Bài viết phân tích định hướng phát triển Khu kinh tế Vũng Áng với thực trạng thu hút đầu tư, phân tích nhu cầu nguồn nhân lực và cung nguồn nhân lực chất lượng cao cho các dự án đầu tư vào KKT Vũng Áng, trên cơ sở đó đề ra các giải pháp đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển Khu kinh tế Vũng Áng.*

Từ khóa: Khu kinh tế, Vũng Áng, đào tạo, nguồn nhân lực, chất lượng cao

Đặt vấn đề

Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng nhu cầu phát triển KKT Vũng Áng đã và đang là sự quan tâm từ chính quyền địa phương Hà Tĩnh, các cơ sở giáo dục đào tạo, các doanh nghiệp và thị trường lao động. Song, việc đào tạo được nguồn nhân lực chất lượng cao tại địa phương gặp nhiều khó khăn và cần phải có một chiến lược đồng bộ của tỉnh. Bởi lẽ hiện nay chất lượng giáo dục đại học, đào tạo nghề chưa cao và không đáp ứng nhu cầu kỹ năng cao của thị trường lao động ... Việc đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cũng phải gắn liền với định hướng phát triển và khả năng thu hút các dự án đầu tư vào KKT Vũng Áng. Đối với các cơ sở đào tạo cung cấp nguồn nhân lực tại địa phương đã bắt nhịp và có khả năng tạo nguồn cung nhân lực chất lượng cao hay chưa? Đây vẫn là câu hỏi cần được nhìn nhận, đánh giá một cách tổng thể để có những chính sách, chiến lược phù hợp của địa phương. Thực tế cho thấy ở một số địa phương quan niệm, nhận thức về vai trò, tầm quan trọng của nguồn nhân lực chất lượng cao đối với phát triển kinh tế - xã hội ở các cấp lãnh đạo, các nhà hoạch định chính sách, người sử dụng lao động cũng còn chưa thấu đáo; tình trạng có quan điểm nhưng thiếu định hướng; có chủ trương nhưng thiếu hành động và có chính sách nhưng

thiếu nguồn lực còn phổ biến. Do vậy dẫn đến coi giáo dục đào tạo là quốc sách, song việc tổ chức thực hiện như thế nào cho xứng tầm lại không được quan tâm đúng mức. Hà Tĩnh đang thực hiện quy hoạch phát triển KKT Vũng Áng thành khu kinh tế đa chức năng, trung tâm công nghiệp động lực và logistics nhưng chưa có những đánh giá tổng thể về cung cầu nhân lực cũng như chưa có các chính sách, quy định riêng về đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho các dự án thu hút vào KKT. Bởi vậy rất cần có những nghiên cứu phân tích về vấn đề trên để định hướng những giải pháp đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển KKT Vũng Áng trong tương lai không xa.

1. Định hướng, mục tiêu phát triển Khu kinh tế Vũng Áng và việc thu hút các dự án đầu tư trong thời gian qua

Theo định hướng, quy hoạch phát triển Khu kinh tế (KKT) Vũng Áng đó là tiếp tục phát triển theo hướng đa ngành nghề, đa lĩnh vực, có kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại, sớm trở thành trung tâm kinh tế và đô thị phía Nam của tỉnh. Xây dựng Khu Kinh tế Vũng Áng đa ngành nghề, đa lĩnh vực, với các trụ cột: Công nghiệp luyện kim, năng lượng, chế biến, chế tạo; Trung tâm logistics và dịch vụ cảng biển; Phát triển thương mại, dịch vụ, tạo nền tảng vững chắc. Phát triển đồng bộ khu liên hợp công nghiệp luyện kim, công nghiệp hỗ trợ, chế biến, chế tạo, trung tâm điện lực gắn với cụm cảng nước sâu Vũng Áng - Sơn Dương; đảm bảo hiệu quả tổng hợp về kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh, bảo vệ môi trường; thúc đẩy tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa; từng bước phát triển thị xã Kỳ Anh trở thành đô thị trung tâm phía Nam; hình thành thành phố Kỳ Anh, liên kết phát triển vùng Nam Hà Tĩnh - Bắc Quảng Bình [4,5].

Đặc biệt với định hướng phát triển ngành dịch vụ logistics thành một trong những trụ cột kinh tế, đảm bảo mục tiêu tái cơ cấu kinh tế của tỉnh, đóng vai trò là cầu nối giữa sản xuất với tiêu dùng, đáp ứng đà phát triển của thương mại, xuất nhập khẩu. Quy hoạch của tỉnh tập trung vào khai thác lợi thế cảng nước sâu Vũng Áng và các tuyến đường nối với Lào và các nước thành viên trong Chương trình hợp tác kinh tế tiểu vùng Mê kong mở rộng (GMS) nhằm thu hút các luồng hàng hóa thông qua các cửa khẩu biên giới giữa Thái Lan với Lào từ đó đi qua Việt Nam; luồng hàng từ Lào qua Việt Nam đến các tỉnh phía Đông Trung Quốc; và phục vụ nhu cầu xuất khẩu các mặt hàng sản xuất trên địa bàn tỉnh.

Cụ thể, trung tâm logistics Vũng Áng được quy hoạch:

+ Địa điểm tại khu vực xã Kỳ Lợi, thị xã Kỳ Anh; nằm trong KKT Vũng

Áng liền kề phía sau khu bến tổng hợp container Vũng Áng.

+ Là trung tâm logistics hạng I cấp quốc gia và quốc tế, gắn kết với cảng biển và KKT Vũng Áng. Tại đây sẽ tập kết hàng từ các KKT, khu CN thuộc Hà Tĩnh và khu vực Bắc Quảng Bình, Nam Nghệ An để:

- Vận chuyển đến cảng Hải Phòng bằng đường biển.
- Vận chuyển trực tiếp đến các cảng trung chuyển lớn trong khu vực như: Hồng Kông, Singapore bằng đường biển.
- Vận chuyển bằng đường bộ (QL.8 và QL.12C) đến Lào và các tỉnh Đông Bắc Thái Lan.

+ Là trung tâm có công năng tích hợp đầy đủ, trọn gói các dịch vụ của một trung tâm logistics; đảm nhận hầu hết các dịch vụ logistics. Bao gồm các thành tố phục vụ hàng hóa (bốc xếp, lưu trữ, sơ chế, đóng gói gián nhãn, kiểm định chất lượng, phân phối, xử lý...); dịch vụ vận tải, giao nhận môi giới thuê tàu; sửa chữa bảo dưỡng phương tiện bốc xếp, cung ứng sửa chữa container, v.v... Phục vụ hoạt động quản lý của trung tâm và các dịch vụ hỗ trợ khác. Hoạt động như một cảng, bãi container, kho ngoại quan, kho bãi thu gom hàng lẻ.

+ Các cơ sở công nghiệp hỗ trợ, chủ yếu dựa trên các cơ sở đã/sẽ có của KKT. Tập trung chủ yếu cho các cơ sở công nghiệp dịch vụ hậu cảng nhằm phát huy tiềm năng và lợi thế to lớn về điều kiện tự nhiên, cơ sở hạ tầng hiện có và đang triển khai xây dựng của cảng biển nước sâu Sơn Dương - Vũng Áng.

+ Bổ sung Trung tâm logistics Sơn Dương (vị trí sau khu cảng Sơn Dương). Trung tâm logistics này được đầu tư xây dựng sau khi Trung tâm logistics Vũng Áng bảo hòa công suất thiết kế hoặc khi có nhu cầu cao trong việc phát triển để tận dụng lợi thế cảng biển nước sâu Sơn Dương.

+ Dựa trên dự báo lưu lượng hàng hóa, quy mô trung tâm dao động từ 49 ha - 60 ha năm 2025 và 64,3 ha - 80 ha năm 2030. Về lâu dài, theo Quyết định 137/QĐ-BGTVT ngày 17/01/2012 của Bộ GTVT và Văn bản số 1539/UBND-GT ngày 16/5/2013 của UBND tỉnh Hà Tĩnh, Trung tâm logistics Vũng Áng có diện tích là 106,9 ha (nếu kể cả mạng đường xung quanh là 133,32 ha) và Trung tâm logistics Sơn Dương là 159,8 ha.

+ Ngoài ra, theo đề xuất phát triển ngành công nghiệp năng lượng và nhu cầu tiêu thụ khí LNG trong nước và quốc tế, xây dựng một trung tâm nhập và lưu trữ khí thiên nhiên hóa lỏng (LNG) tại khu vực cảng.

Như vậy, trong tương lai KKT Vũng Áng sẽ tập trung phát triển về công

nghiệp luyện thép, CN chế biến chế tạo và năng lượng, trụ cột là cảng biển, logistics, trung chuyển hàng hóa nội vùng, liên vùng và quốc tế; công nghiệp luyện thép và sản xuất các sản phẩm từ thép cho xây dựng, đóng tàu, sản xuất và lắp ráp ô tô, cơ khí chế tạo, sản xuất pin điện.

Mặt khác, mục tiêu phát triển cụ thể KKT Vũng Áng như sau:

- Giai đoạn 2021- 2025: Thu hút đầu tư đạt từ 3,5 - 5,5 tỷ USD; tốc độ tăng giá trị sản xuất công nghiệp, dịch vụ đạt 15%-20%/năm; thu ngân sách trên địa bàn đạt khoảng 55.000 -60.000 tỷ đồng; hàng hoá thông qua cảng khoảng 40 triệu tấn/năm; kim ngạch xuất khẩu hàng hoá cả giai đoạn khoảng 7,5-8,5 tỷ USD; giải quyết việc làm trên địa bàn khoảng 25.000 lao động.

- Giai đoạn 2026- 2030: Thu hút vốn đăng ký đầu tư mới đạt từ 4 tỷ USD - 7 tỷ USD; Tốc độ tăng giá trị sản xuất công nghiệp, dịch vụ đạt từ 15% - 20%/năm; tổng thu ngân sách đạt từ 100.000-120.000 tỷ đồng; hàng hoá thông qua cảng trên 60 triệu tấn/năm; tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hoá cả giai đoạn đạt từ 12 tỷ USD - 14 tỷ USD; giải quyết việc làm trên 30.000 lao động.

- Sau 2030, phát triển KKT Vũng Áng theo hướng hình thành các đô thị công nghiệp bảo đảm kết hợp hiệu quả giữa các mục tiêu công nghiệp hóa và phát triển hậu công nghiệp, song hành giữa môi trường sản xuất công nghiệp và môi trường sống tốt. Chú trọng khai thác các giá trị sinh thái, cảnh quan thiên nhiên, tạo cấu trúc đô thị thuận lợi cho việc sử dụng đa chức năng, đặc biệt là các không gian du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng và du lịch đô thị [4,5].

Năm 2022, KKT Vũng Áng đóng góp 56% tổng thu ngân sách trên địa bàn tỉnh, 95% số thu xuất nhập khẩu, 90% giá trị sản xuất công nghiệp và 87% tổng kim ngạch xuất nhập khẩu. Tính đến hiện nay, KKT Vũng Áng thu hút được 153 dự án, bao gồm: 56 dự án có vốn đầu tư nước ngoài (trong đó dự án Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng II đầu tư theo hình thức BOT) với tổng số vốn đăng ký 16.041,219 triệu USD và 97 dự án đầu tư trong nước với số vốn đăng ký 55.602,272 tỷ đồng. Tổng nộp ngân sách KKT Vũng Áng năm 2022 đạt 1.611,151 tỷ đồng. Trong đó Công ty gang thép Hưng nghiệp Fomosa là Công ty có số nộp ngân sách lớn nhất trong KKT [1,6].

Bảng 1.1. Tổng hợp các dự án đầu tư nước ngoài vào KKT Vũng Áng theo nhà đầu tư

TT	Nhà đầu tư	Số lượng dự án	Tổng vốn đăng ký (USD)
1	Trung Quốc	42	15.604.438.535
	<i>Các vùng thuộc Trung Quốc</i>	6	2.509.615.796
	<i>Lãnh thổ Đài Loan (Trung Quốc)</i>	36	13.094.822.739
2	Hàn Quốc	4	127.549.389
3	Australia	1	57.500.000
4	Brunei	3	86.500.000
5	Lào	1	50.000.000
6	Singapore	2	98.975.653
7	Seychelles	2	12.150.000
8	Hoa Kỳ	1	4.105.752
	Tổng	56	16.041.219.329

Nguồn: Trung tâm Hỗ trợ PTĐN&XTĐT tỉnh Hà Tĩnh

Đối với các dự án đầu tư nước ngoài, chủ yếu là các nhà đầu tư Trung Quốc với 42 dự án, số vốn đăng ký 15.604.438.535 USD, ngoài ra có các nhà đầu tư từ Hàn Quốc, Brunei, Singapore... (Xem bảng 1.1). Mặt khác, các dự án tập trung vào các lĩnh vực chủ yếu: công nghiệp với 28 dự án, tổng vốn đăng ký 15.438.901.306 USD chiếm 96,25% tổng vốn đăng ký, ngoài ra có các dự án thương mại dịch vụ chiếm 2,97% tổng vốn đăng ký và cảng biển chiếm 0,78% tổng vốn đăng ký (Xem bảng 1.2).

Bảng 1.2. Tổng hợp các dự án đầu tư nước ngoài vào KKT Vũng Áng theo lĩnh vực

TT	Lĩnh vực	Số lượng dự án	Tổng vốn đăng ký (USD)	Tỷ lệ vốn đăng ký (%)
1	Công nghiệp	28	15.438.901.306	96,25
2	Thương mại dịch vụ	26	476.342.370	2,97
3	Cảng biển	2	125.975.653	0,78
	Tổng	56	16.041.219.329	100

Nguồn: Trung tâm Hỗ trợ PTĐN&XTĐT tỉnh Hà Tĩnh

Đối với các dự án đầu tư trong nước đầu tư ở nhiều lĩnh vực đa dạng, trong đó số lượng lớn dự án thuộc lĩnh vực công nghiệp (42 dự án, chiếm 85,22% tổng vốn đăng ký) và thương mại dịch vụ (40 dự án, chiếm 12,91% tổng vốn đăng ký). Ngoài ra có các dự án thuộc các lĩnh vực khác song tỷ lệ vốn đăng ký tương đối nhỏ (Xem bảng 1.3).

Bảng 1.3. Tổng hợp các dự án đầu tư trong nước vào KKT Vũng Áng theo lĩnh vực

TT	Lĩnh vực	Số lượng dự án	Tổng vốn đăng ký (triệu đồng)	Tỷ lệ vốn đăng ký (%)
1	Công nghiệp	42	47.386.344	85,22
2	Nông nghiệp	11	881.341	1,59
3	Thương mại dịch vụ	40	7.176.863	12,91
4	Y tế	3	150.000	0,27
5	May mặc	1	7.724	0,01
Tổng		97	55.602.272	100

Nguồn: Trung tâm Hỗ trợ PTĐN&XTĐT tỉnh Hà Tĩnh

Như vậy với việc thu hút nhiều dự án vào KKT Vũng Áng, nhất là các dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài với các lĩnh vực công nghiệp, thương mại dịch vụ với công nghệ cao và quy mô lớn đòi hỏi một nguồn nhân lực chất lượng cao để đáp ứng nhu cầu trong tương lai.

2. Nguồn nhân lực chất lượng cao cho các dự án đầu tư vào KKT Vũng Áng

2.1. Nguồn nhân lực chất lượng cao là yếu tố quyết định cho sự phát triển của KKT Vũng Áng

Nguồn nhân lực được hiểu là tổng thể số lượng và chất lượng con người với tổng hòa các tiêu chí về trí lực, thể lực và những phẩm chất đạo đức - tinh thần tạo nên năng lực mà bản thân con người và xã hội đã, đang và sẽ huy động vào quá trình lao động sáng tạo vì sự phát triển và tiến bộ xã hội. Nguồn nhân lực là nguồn lực con con người, bao gồm những người đang lao động hoặc đang ở dạng tiềm năng, được trang bị kiến thức, kỹ năng để sẵn sàng tham gia lao động.

Nguồn nhân lực chất lượng cao là một bộ phận của nguồn nhân lực xã hội, có sự phát triển toàn diện về thể lực, trí lực và tâm lực, được đào tạo cơ bản

và trải nghiệm qua thực tiễn, có trình độ cao về khoa học, công nghệ, có khả năng sáng tạo, ứng dụng tiến bộ khoa học - công nghệ vào thực hiện công việc được giao với năng suất, chất lượng và hiệu quả cao nhất, đặc biệt là khả năng chịu áp lực và phản ứng nhanh trong mọi tình huống. Nguồn nhân lực chất lượng cao có thể không cần đông về số lượng, nhưng phải thực chất.

Do vai trò quan trọng nên các quốc gia trên thế giới đều chú ý đến phát triển nguồn nhân lực, đặc biệt là nguồn nhân lực chất lượng cao. Đối với nước ta, trong quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam, Đảng ta luôn chú trọng yếu tố con người, coi con người vừa là mục tiêu, vừa là động lực phát triển của xã hội. Trải qua các kỳ Đại hội, Đảng ta luôn có sự thay đổi trong nhận thức và tư duy về con người và phát triển nguồn nhân lực.

Đại hội Đảng lần thứ VIII đã nêu ra quan điểm: “Lấy việc phát huy nguồn lực con người làm yếu tố cơ bản cho sự phát triển nhanh chóng và bền vững”, đồng thời khẳng định: “Nâng cao dân trí, bồi dưỡng và phát huy nguồn lực to lớn của con người Việt Nam là nhân tố quyết định thắng lợi của công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa”. Tại Đại hội XI, Đảng nhấn mạnh quan điểm: “Phát triển, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao là một trong những yếu tố quyết định sự phát triển nhanh, bền vững đất nước”, “là một đột phá chiến lược, là yếu tố quyết định đẩy mạnh phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ”. Những nội dung quan trọng, cơ bản về nguồn nhân lực, đặc biệt là nguồn nhân lực chất lượng cao tiếp tục được nhấn mạnh trong nội dung Văn kiện Đại hội XII của Đảng với phương hướng, nhiệm vụ là: “Xây dựng chiến lược phát triển nguồn nhân lực cho đất nước, cho từng ngành, từng lĩnh vực, với những giải pháp đồng bộ, trong đó tập trung cho giải pháp đào tạo, đào tạo lại nguồn nhân lực trong nhà trường cũng như trong quá trình sản xuất, kinh doanh, chú trọng nâng cao tính chuyên nghiệp và kỹ năng thực hành”. Kế thừa ba đột phá chiến lược do Đại hội Đảng lần thứ XI, XII đã đề ra, vừa bổ sung, cụ thể hóa cho phù hợp với giai đoạn phát triển mới, Đại hội Đảng lần thứ XIII khẳng định: “Phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao; ưu tiên phát triển nguồn nhân lực cho công tác lãnh đạo, quản lý và các lĩnh vực then chốt trên cơ sở nâng cao, tạo bước chuyển biến mạnh mẽ, toàn diện, cơ bản về chất lượng giáo dục, đào tạo gắn với cơ chế tuyển dụng, sử dụng, đãi ngộ nhân tài, đẩy mạnh nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng và phát triển mạnh khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo”.

Hiện nay, toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế và cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư tác động nhanh, sâu rộng đến mọi mặt kinh tế, xã hội vừa tạo thời cơ, vừa đặt ra nhiều thách thức đối với mọi quốc gia, địa phương. Cạnh tranh kinh tế diễn ra quyết liệt, phần thắng sẽ thuộc về những quốc gia, địa phương có môi trường pháp lý thuận lợi cho đầu tư, có môi trường chính trị - xã hội ổn định, đặc biệt là có nguồn nhân lực chất lượng cao. Đối với Hà Tĩnh, trong bối cảnh kinh tế có nhiều biến động thì phát triển KKT Vũng Áng và công nghiệp có ý nghĩa quan trọng trong việc thúc đẩy phát triển kinh tế-xã hội của tỉnh. Tuy nhiên, để phát triển nhanh chóng, bền vững KKT Vũng Áng thì một trong những yếu tố quan trọng là phát triển nguồn nhân lực, trong đó đào tạo, thu hút và sử dụng nguồn nhân lực chất lượng cao đặt ở vị trí hàng đầu.

2.2. Thực trạng nguồn nhân lực cho các dự án đầu tư vào KKT Vũng Áng

2.2.1. Nhu cầu nguồn nhân lực giai đoạn đến năm 2025

Hiện tại Khu kinh tế Vũng Áng thu hút 18.762 lao động (Trong đó: 17.532 lao động Việt Nam; 1.230 lao động nước ngoài), so với Khu kinh tế Quốc tế Cầu Treo và Khu công nghiệp Gia Lách (1.860 lao động Việt Nam) thì số lượng nhân lực thu hút lớn hơn rất nhiều.

Tại KKT Vũng Áng, một số dự án đã đi vào hoạt động và một số dự án đang triển khai xây dựng tạo cơ hội việc làm cho người lao động, nhu cầu tuyển dụng của một số dự án trong thời gian tới [1,6]:

Bảng 1.4. Tổng hợp nhu cầu tuyển dụng của một số dự án lớn trong KKT Vũng Áng đến năm 2025

TT	Tên dự án	Tình hình đầu tư	Nhu cầu tuyển dụng nhân lực (lao động)	Ghi chú
1	Dự án Nhà máy Gang thép Formosa Hà Tĩnh	Giai đoạn 1 đã đi vào hoạt động tương đối ổn định	500 - 600	Nhu cầu thay thế hàng năm
2	Dự án Nhà máy luyện Gang thép 500.000 tấn/năm	Dự kiến Quý 4/2024 đi vào hoạt động	850	
3	Nhà máy sản xuất cầu kiện bê tông đúc sẵn công nghệ cao của Công ty TNHH sản xuất cầu kiện công nghệ cao Việt Hải	Dự kiến Quý I/2023 đi vào hoạt động	150	
4	Dự án Nhà máy sản xuất pin VINES Vũng Áng	Dự kiến Quý I/2023 đi vào hoạt động	300	
5	Dự án Nhà máy nhiệt điện Vũng Áng II	Dự kiến Quý 2/2025 đi vào hoạt động	300	
6	Dự án Cảng tổng hợp quốc tế Hoành Sơn (bến số 4 - cảng Vũng Áng)	Dự kiến Quý III/2023 đi vào hoạt động	100	
7	Khu công nghiệp sản xuất linh kiện ô tô	Năm 2025 hoạt động	1500	
8	Dự án đầu tư sản xuất và thương mại công nghệ pin lithium của Công ty TNHH giải pháp năng lượng công nghệ cao V-G	Dự kiến Quý I/2024 đi vào hoạt động	450	

Nguồn: Số liệu tổng hợp từ Báo cáo của Ban quản lý KKT tỉnh Hà Tĩnh

Như vậy đến năm 2025, trong KKT Vũng Áng sẽ có nhu cầu tuyển dụng khoảng 4.000 - 4.200 lao động cơ cấu ngành chủ yếu là các chuyên ngành kỹ thuật: tự động hóa, điện, cơ khí, công nghệ thông tin và ngoại ngữ. Đây là các dự án sẽ thu hút chủ yếu là lao động trẻ ở độ tuổi thanh niên, vì vậy tạo cơ hội việc làm rất lớn đối với nguồn nhân lực tại địa phương.

2.2.2. Về cung nguồn nhân lực chất lượng cao tại địa phương

Dân số trung bình năm 2022 của Hà Tĩnh ước tính 1.319.181 người. Lực lượng lao động 15 tuổi trở lên ước tính là 530.805 người. Trong những năm qua, lực lượng lao động của tỉnh đã có nhiều sự thay đổi. Số lượng lao động của tỉnh Hà Tĩnh đang ngày càng đa dạng hóa và dần chuyển dịch từ khu vực nông nghiệp sang khu vực công nghiệp hoặc dịch vụ. Năm 2022, số lao động đang làm việc là 505.162 người, chiếm 95,17% trong tổng số lực lượng lao động 15 tuổi trở lên, trong đó: lao động làm việc trong lĩnh vực Nông, lâm nghiệp, thủy sản chiếm 30,72% trong tổng số (tương ứng 155.170 người); Công nghiệp-Xây

dụng chiếm 28,64% (tương ứng 144.686 người); Thương mại - Dịch vụ chiếm 40,64% (tương ứng 205.306 người) [3].

Trong thời gian qua, đào tạo đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp và dạy nghề trong tỉnh đã có những chuyển biến tích cực. Hình thành hệ thống giáo dục nghề nghiệp với nhiều phương thức và trình độ đào tạo kỹ năng nghề nghiệp theo hướng ứng dụng, thực hành, đáp ứng nhu cầu nhân lực kỹ thuật công nghệ của thị trường lao động trong tỉnh, trong nước và quốc tế. Giáo dục đại học, tập trung đào tạo nhân lực trình độ cao, bồi dưỡng nhân tài, phát triển phẩm chất và năng lực tự học, tự làm giàu tri thức, sáng tạo của người học. Sắp xếp, đa dạng hóa các cơ sở đào tạo theo hướng đào tạo phù hợp với quy hoạch phát triển nhân lực, yêu cầu xây dựng, bảo vệ Tổ quốc và hội nhập quốc tế.

Tuy nhiên, số lượng lao động cung ứng và chất lượng lao động có chuyên môn trong các ngành công nghiệp còn hạn chế, chưa đáp ứng được nhu cầu phát triển nhanh của KKT Vũng Áng. Lao động chủ yếu của địa phương đào tạo hiện đang làm trong KKT Vũng Áng là lao động trình độ phổ thông (chưa qua đào tạo nghề). Trường hợp có nghề chủ yếu là sơ cấp, đào tạo 3 tháng tại cơ sở không có bằng hoặc đã làm việc một thời gian trở thành có nghề, có kinh nghiệm hoặc kèm cặp trực tiếp tại doanh nghiệp. Lao động có nghề trình độ trung cấp, cao đẳng chiếm tỷ lệ thấp. Lao động trình độ cao đẳng, đại học chủ yếu làm nhân viên văn phòng, kế toán, nhân sự, xuất nhập khẩu, thống kê, phiên dịch. Thật vậy, theo Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội tỉnh Hà Tĩnh của Cục thống kê tỉnh Hà Tĩnh, về giáo dục đào tạo cho thấy năm 2022, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh đã duy trì tổ chức đào tạo nghề cho 19.671 người, trong đó: trình độ cao đẳng nghề khoảng 662 người, trình độ trung cấp nghề khoảng 4.190 người, trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 3 tháng 14.819 người. Riêng về đào tạo đại học, Hà Tĩnh hiện có Trường Đại học Hà Tĩnh, hàng năm có khoảng 300-500 sinh viên tốt nghiệp trình độ đại học song số lượng chiếm chủ yếu vẫn thuộc ngành sư phạm và ngôn ngữ. Mặt khác, trong những năm gần đây nền kinh tế gặp khó khăn, cơ hội việc làm giảm nên số lượng sinh viên tham gia học tập ở các trường đại học và cao đẳng chuyên nghiệp trên địa bàn thiếu ổn định và có xu hướng giảm dẫn đến nguồn cung nhân lực tại địa phương cũng có xu hướng giảm.

Bên cạnh đó, chương trình đào tạo của các trường và các cơ sở dạy nghề chưa theo kịp công nghệ và cũng chưa có sự đổi mới cho phù hợp với xu thế phát triển của KKT Vũng Áng nên người lao động sau khi được đào tạo phần

lớn chưa đáp ứng ngay được nhu cầu tuyển dụng của các doanh nghiệp, dự án lớn trong KKT. Ngoài ra, trình độ ngoại ngữ của người lao động trong một số khu công nghiệp còn rất yếu nên khó có khả năng tiếp thu được hết ý kiến của các chuyên gia nước ngoài dẫn đến tình trạng doanh nghiệp phải tự bỏ ra chi phí bỏ ra thuê chuyên gia nước ngoài hoặc thuê phiên dịch. Trong khi đó, cán bộ lãnh đạo, quản lý, quản trị doanh nghiệp giỏi và đội ngũ chuyên gia trong các ngành kinh tế, kỹ thuật, logistic thiếu, chưa đáp ứng được nhu cầu phát triển nhanh KKT Vũng Áng. Đối với ngành công nghiệp, logistic mặc dù chất lượng nguồn nhân lực ngày càng được nâng lên, tuy nhiên công tác đào tạo, tập huấn các lớp kỹ thuật, các lớp chuyên gia và ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất vẫn chưa nhiều, chất lượng đào tạo chưa cao, các doanh nghiệp tự tổ chức tập huấn, đào tạo lại. Việc xây dựng, đào tạo đội ngũ cán bộ kỹ thuật có trình độ cao phục vụ cho sản xuất công nghiệp, logistic... vẫn chưa thực sự được chú trọng.

Như vậy, qua phân tích có thể thấy việc đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực chất lượng cao cho các dự án KKT Vũng Áng vẫn còn nhiều hạn chế, nguyên nhân của những hạn chế này là do: Trong đào tạo đại học, cao đẳng và đào tạo nghề tại địa phương, các trường và các cơ sở chủ yếu đào tạo theo khả năng hiện có, chưa thật sự đào tạo theo nhu cầu của thị trường. Do vậy, sinh viên, học sinh ra trường chưa đáp ứng được nhu cầu nhân lực, gây lãng phí lớn cho xã hội. Đào tạo nghề gần đây được chú trọng hơn nhưng vẫn còn thấp xa so với nhu cầu lao động có tay nghề của các cơ sở sử dụng lao động chất lượng cao tại KKT Vũng Áng. Thêm vào đó, tỉnh chưa ban hành được danh mục các ngành nghề cần thu hút hàng năm hoặc theo giai đoạn vào KKT Vũng Áng. Mặt khác, chưa xây dựng được một chiến lược về đào tạo nguồn nhân lực địa phương cho KKT Vũng Áng theo định hướng chiến lược phát triển KKT Vũng Áng trong tương lai. Trên cơ sở đó để hình thành chiến lược phát triển đào tạo đại học, cao đẳng và đào tạo nghề tại địa phương đáp ứng yêu cầu thị trường nhân lực chất lượng cao. Ngoài ra, các cơ chế, chính sách riêng cho hệ thống giáo dục đào tạo của vùng kinh tế trọng điểm là KKT Vũng Áng chưa có, chỉ mới các chính sách thu hút, đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực chất lượng cao chung.

3. Một số giải pháp về đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển KKT Vũng Áng trong thời gian tới

Từ thực tế nêu trên, đồng thời cụ thể hóa chủ trương, đường lối của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Hà Tĩnh lần thứ XIX đã xác định một trong ba đột phá chiến lược để

phát triển kinh tế-xã hội trong những năm tới là phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao, qua đó đáp ứng nhu cầu phát triển nhanh KKT Vũng Áng. Để thực hiện đột phá chiến lược này, trong thời gian tới Hà Tĩnh sẽ tập trung thực hiện một số giải pháp trên cơ sở lấy khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo làm nền tảng và động lực; coi con người là trung tâm, chủ thể, nguồn lực chủ yếu và mục tiêu của sự phát triển.

Thứ nhất, xây dựng chiến lược kế hoạch hóa mục tiêu đào tạo nhân lực một cách đồng bộ, gắn đào tạo với sử dụng nhân lực tại KKT Vũng Áng.

Trước hết cần xây dựng một hệ thống thông tin thị trường lao động kỹ thuật của riêng KKT Vũng Áng nhằm xác định và cung cấp những thông tin chính xác, có căn cứ về nhu cầu của các ngành nghề cũng như về khả năng đào tạo. Hoạt động của hệ thống thông tin thị trường lao động là cầu nối góp phần quan trọng trong việc giải quyết quan hệ giữa đào tạo và sử dụng nguồn nhân lực. Thông qua các cơ sở dữ liệu về cung và cầu lao động kỹ thuật của KKT Vũng Áng để có thể dự báo chính xác nhu cầu và lập kế hoạch đào tạo nguồn nhân lực hàng năm của địa phương cho KKT.

Thứ hai, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu các dự án của KKT Vũng Áng trên cơ sở nâng cao, tạo bước chuyển biến căn bản, mạnh mẽ, toàn diện về giáo dục đào tạo.

Xây dựng và thực hiện hiệu quả các chính sách đào tạo nguồn nhân lực cho KKT Vũng Áng. Ưu tiên đào tạo lao động phục vụ các ngành kinh tế, kỹ thuật, logistic,... đáp ứng nhu cầu của các doanh nghiệp và thị trường của KKT Vũng Áng. Chuyển đổi, sắp xếp mô hình quản lý giáo dục ở các cấp học theo hướng xã hội hóa đồng thời xem xét nguồn lực Trường Đại học Hà Tĩnh và các cơ sở dạy nghề cấp tỉnh hướng đến xây dựng các chương trình đào tạo nghề chất lượng cao đạt chuẩn quốc gia, đa dạng hóa các loại hình liên kết đào tạo phù hợp với xu hướng đột phá, gắn việc đào tạo với nhu cầu sử dụng lao động của các doanh nghiệp, tạo động lực cho phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, hội nhập quốc tế, phát triển mang tính bền vững cho KKT Vũng Áng.

Thứ ba, hoàn thiện cơ chế, chính sách đảm bảo sự nghiệp đào tạo, phát triển đáp ứng nhu cầu nhân lực chất lượng cao cho KKT Vũng Áng.

Tỉnh cần có những bổ sung chính sách phát triển cho hệ thống giáo dục đào tạo tập trung vào phát triển nhanh về công nghiệp, logistic... nhất là các

chính sách về đào tạo và thu hút nguồn nhân lực, chính sách tăng cường đầu tư tài chính, con người cho việc đào tạo nguồn nhân lực vào KKT Vũng Áng. Mặt khác, cần thực hiện việc giao quyền tự chủ về tài chính và đội ngũ cán bộ, giáo viên cho các trường chuyên nghiệp, dạy nghề để tạo điều kiện cho các trường chủ động xây dựng kế hoạch đào tạo hàng năm theo yêu cầu thị trường lao động. Về quản lý vĩ mô, cần có chế độ ưu tiên đầu tư phát triển hệ thống trường và cơ sở đào tạo nhân lực chất lượng cao cho KKT Vũng Áng.

Thứ tư, phát triển đào tạo, dạy nghề, nâng cao chất lượng và hiệu quả của hệ thống đào tạo nguồn nhân lực cho KKT Vũng Áng.

Đối với hình thức đào tạo, phải xác định lấy đào tạo tại các trường, các trung tâm và cơ sở dạy nghề là giai đoạn cơ bản còn đào tạo chuyên ngành phải gắn chặt với các dự án, nhà máy, xí nghiệp để đạt hiệu quả cao. Việc tổ chức đào tạo nguồn nhân lực cần có những giải pháp đồng bộ phối hợp giữa các ngành đào tạo và sử dụng nhân lực, phải có sự liên kết chặt chẽ giữa các vùng, giữa các cấp quản lý về đào tạo nhân lực và giữa các trường, cơ sở đào tạo tại địa phương và KKT Vũng Áng về chương trình mục tiêu đào tạo trong từng giai đoạn cụ thể. Về địa điểm đào tạo cung lao động cho KKT Vũng Áng thực hiện theo quy hoạch kinh tế - xã hội tỉnh Hà Tĩnh thời kỳ 2021-2030 tầm nhìn đến năm 2050 thì thành phố Hà Tĩnh và thị xã Hồng Lĩnh là trung tâm giáo dục đào tạo nghề lao động chất lượng cao cho KKT Vũng Áng và các KCN khác. Các trường, cơ sở đào tạo nguồn nhân lực phải có sự điều chỉnh cần thiết về chương trình đào tạo cho phù hợp với nhu cầu phát triển của các ngành trong KKT Vũng Áng. Thêm vào đó, cũng cần có qui hoạch phát triển thêm mạng lưới các trường, cơ sở đào tạo từ nhiều nguồn lực. Mặt khác, đầu tư tích cực về đổi mới trang thiết bị phục vụ đào tạo cho các cơ sở đào tạo. Đối với vốn đầu tư, ngoài ngân sách nhà nước, cần phải thể chế hóa công tác xã hội hoá giáo dục về đào tạo. Các cấp quản lý Nhà nước phải có cơ chế về sự liên kết, quản lý và khuyến khích, ưu tiên thu hút vốn đầu tư và công nghệ đào tạo từ các doanh nghiệp, công ty, nhất là các công ty có vốn đầu tư nước ngoài cho công tác đào tạo nguồn nhân lực. Mặt khác, phải chú ý việc đào tạo ngay từ chính các cơ sở sản xuất của các doanh nghiệp tại KKT Vũng Áng. Tỉnh cũng cần tập trung đầu tư xây dựng các trường mà cung nguồn nhân lực KKT Vũng Áng cần nhưng chi phí cho trang thiết bị dạy học đòi hỏi vốn lớn, các thành phần kinh tế khác không có điều kiện đầu tư. Tỉnh cần phải đầu tư xây dựng một số trường hoặc trung tâm đào tạo với qui mô lớn, hiện đại đủ sức đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao tại

chỗ theo chuẩn của các nước trong khu vực. Cần phải đầu tư mạnh mẽ hơn để nâng cấp các cơ sở đào tạo hiện có và có thể thành lập thêm các cơ sở mới, hiện đại nhằm đáp ứng tốt nhu cầu đào tạo. Đồng thời, một vấn đề hết sức quan trọng là phải cấp kinh phí để đào tạo nâng cao trình độ giáo viên, giảng viên đối với các ngành trọng điểm tại các trường, cơ sở đào tạo nguồn nhân lực này.

Thứ năm, tăng cường hợp tác về đào tạo nguồn nhân lực cho KKT Vũng Áng

Việc hợp tác có mục đích thu hút được các nguồn vốn đầu tư cho công tác đào tạo đội ngũ nhân lực trình độ cao. Quan trọng hơn đó là hợp tác đào tạo sẽ giúp cho việc mở rộng hoặc đi sâu đào tạo nhân lực cho những ngành nghề có công nghệ mới, phù hợp với yêu cầu phát triển của kinh tế công nghiệp, logistic... những ngành nghề mà hiện tại và tương lai gần tỉnh chưa có điều kiện đào tạo cung cấp đầy đủ cho các dự án KKT Vũng Áng. Bên cạnh việc đào tạo, quá trình hợp tác quốc tế cũng sẽ tạo điều kiện để các ngành kinh tế trong tỉnh tăng cường việc nâng trình độ kỹ thuật, khả năng tiếp cận và xử lý các qui trình công nghệ của các ngành kinh tế mũi nhọn, hiện đại, góp phần nâng cao năng suất lao động và hiệu quả sản xuất. Nội dung của việc hợp tác quốc tế về đào tạo nguồn nhân lực tập trung vào việc xây dựng những Trung tâm đào tạo Kỹ thuật cao ở KKT Vũng Áng - là vùng phát triển mạnh về kinh tế công nghiệp, dịch vụ. Mặt khác, thông qua hợp tác, tỉnh có thể lựa chọn và gửi đi nước ngoài hoặc các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đào tạo nguồn nhân lực cho các ngành nghề sẽ phát triển theo quy hoạch KKT Vũng Áng trong tương lai.

Kết luận

Với những tiềm năng, lợi thế cùng cơ chế, chính sách thu hút đầu tư đồng bộ, KKT Vũng Áng đang dần phát triển trở thành một KKT tầm cỡ với nhiều trụ cột về hậu thép, logistic, và dịch vụ cảng biển, công nghiệp chế biến, chế tạo,... Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao tại địa phương đáp ứng nhu cầu phát triển nhanh của KKT Vũng Áng trong thời gian tới là một trong những yêu cầu hết sức quan trọng để thực hiện được định hướng phát triển KKT theo đúng quy hoạch./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Hà Tĩnh (2022), *Báo cáo tình hình triển khai thực hiện nhiệm vụ năm 2022 và nhiệm vụ trọng tâm năm 2023*, Hà Tĩnh.

2. . Cục thuế tỉnh Hà Tĩnh (2022), *Báo cáo số liệu nộp ngân sách Khu kinh tế Vũng Áng*, Hà Tĩnh.
3. . Cục thuế tỉnh Hà Tĩnh (2022), *Báo cáo số liệu thống kê tỉnh Hà Tĩnh năm 2022*, Hà Tĩnh.
4. . The Boston Consulting Group (2020), *Báo cáo tổng hợp Quy hoạch tỉnh Hà Tĩnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050*.
5. . Thủ tướng Chính phủ (2022), *Quyết định về việc phê duyệt quy hoạch tỉnh Hà Tĩnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050*, Hà Nội.
6. . Trung tâm hỗ trợ phát triển doanh nghiệp và xúc tiến đầu tư tỉnh Hà Tĩnh (2022), *Số liệu tổng hợp các dự án đầu tư vào Khu kinh tế Vũng Áng*, Hà Tĩnh.

ĐÀO TẠO, THU HÚT NGUỒN NHÂN LỰC LOGISTICS CHẤT LƯỢNG CAO GÓP PHẦN THU HÚT CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG KHU KINH TẾ VŨNG ÁNG

ThS. Võ Thị Cẩm Hiếu
Trường Đại học Hà Tĩnh

Tóm tắt: Hà Tĩnh là tỉnh có nhiều lợi thế, hội tụ đầy đủ tiềm năng phát triển dịch vụ logistics. Việc phát triển dịch vụ logistics sẽ đưa Hà Tĩnh trở thành trung tâm vận chuyển hàng hóa, kho bãi đáp ứng sự phát triển thương mại, xuất nhập khẩu của Bắc Trung Bộ. Để đạt được mục tiêu xây dựng Trung tâm logistics tại Khu kinh tế (KKT) Vũng Áng, phục vụ các hoạt động logistics trong tỉnh, có tầm cỡ khu vực và quốc tế; nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh, góp phần đưa kinh tế Hà Tĩnh hội nhập sâu vào kinh tế quốc tế thì yếu tố cốt lõi cần phải có đó chính là nguồn nhân lực logistics, đặc biệt là nguồn nhân lực logistics chất lượng cao. Tuy nhiên, nguồn nhân lực đang là vấn đề cần được quan tâm giải quyết nhất của ngành logistic nói chung và của KKT Vũng Áng nói riêng hiện nay. Vì vậy, bài viết sẽ trình bày các vấn đề liên quan đến việc đào tạo, thu hút nguồn nhân lực logistics chất lượng cao góp phần thu hút các dự án đầu tư phát triển bền vững KKT Vũng Áng.

Từ khóa: nguồn nhân lực chất lượng cao, logistics, KKT Vũng Áng.

1. Đặt vấn đề

Nguồn nhân lực chất lượng cao là lực lượng tinh túy cấu thành nguồn nhân lực của mỗi địa phương, mỗi quốc gia; là nguồn lực chính quyết định quá trình tăng trưởng, phát triển triển nhanh và bền vững nền kinh tế - xã hội.

Vấn đề này càng được quan tâm và trở nên cấp thiết hơn bao giờ hết khi tỉnh Hà Tĩnh đang quyết tâm thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Hà Tĩnh lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2020 - 2025, về xây dựng KKT Vũng Áng thực sự trở thành KKT đa chức năng. Trong đó, phát triển dịch vụ cảng biển và logistics trở thành trụ cột kinh tế quan trọng của Hà Tĩnh. Được chỉ rõ trong các văn bản đã ban hành, cụ thể: Nghị quyết số 09-NQ/TU về phát triển KKT Vũng Áng giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030: xây dựng KKT Vũng Áng với các trụ cột là công nghiệp luyện kim, năng lượng, chế biến, chế tạo; trung tâm logistics và dịch vụ cảng biển; phát triển thương mại, dịch vụ, tạo nền tảng vững chắc. Quy hoạch tỉnh giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 vừa được

Thủ tướng Chính phủ phê duyệt xác định dịch vụ logistics là một trong bốn ngành kinh tế trọng điểm, phấn đấu đưa Hà Tĩnh trở thành trung tâm logistics của vùng Bắc Trung Bộ. Đồng thời, nhằm phát huy tiềm năng trong ngành kinh tế dịch vụ logistics, ngày 8/4/2021, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 1734/QĐ-UBND phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm logistics tại KKT Vũng Áng, tỷ lệ 1/500. Theo đồ án được phê duyệt, trung tâm logistics tại KKT Vũng Áng có quy mô diện tích lập quy hoạch 133,32ha nằm trên địa bàn xã Kỳ Lợi (thị xã Kỳ Anh), với mục tiêu hình thành trung tâm logistics tại KKT Vũng Áng có tầm cỡ khu vực và quốc tế, phục vụ các hoạt động logistics trong tỉnh, khu vực và quốc tế; nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh, góp phần từng bước đưa kinh tế Hà Tĩnh hội nhập sâu vào kinh tế quốc tế.

Tuy nhiên để khơi dậy tiềm năng và đạt được mục tiêu đề ra thì cần phải giải tốt bài toán về đào tạo, thu hút nguồn nhân lực của ngành đặc biệt là nguồn nhân lực logistics chất lượng cao. Đây cũng là cơ sở để thu hút các doanh nghiệp (DN) tham gia đầu tư, quản lý, kinh doanh, khai thác trung tâm logistics thúc đẩy phát triển nhanh và bền vững KKT Vũng Áng.

2. Khái quát chung

2.1. Logistics

Logistics là quá trình lập kế hoạch, tổ chức thực hiện và kiểm soát một cách có hiệu quả về mặt chi phí quá trình lưu chuyển và dự trữ nguyên vật liệu, bán thành phẩm và thành phẩm cùng những thông tin liên quan từ điểm xuất phát của quá trình sản xuất đến nơi tiêu thụ cuối cùng nhằm mục đích thỏa mãn được yêu cầu của khách hàng. Logistics và quản trị chuỗi cung ứng đóng vai trò quan trọng không thể thiếu trong sản xuất, lưu thông và phân phối hàng hóa. Nó giúp nhà sản xuất nắm bắt được kịp thời và chính xác các nhu cầu của khách hàng, thúc đẩy dòng lưu thông hàng hóa, dòng tiền và thông tin từ nhà cung cấp, nhà máy sản xuất, nhà vận tải, kho bãi qua các kênh phân phối sỉ, phân phối lẻ đến tay người tiêu dùng cuối cùng được thông suốt hơn. Đồng thời, thông qua dịch vụ logistics và quản trị chuỗi cung ứng, DN có thể giảm thiểu được một lượng lớn chi phí, thỏa mãn nhu cầu khách hàng và nâng cao mức độ nhận biết thương hiệu của DN.

2.2. Khái quát về nguồn nhân lực logistics

Nguồn nhân lực theo quan điểm của Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO), là toàn bộ những người trong độ tuổi quy định có khả năng tham gia lao động.

Nguồn nhân lực được thể hiện trên hai khía cạnh, đó là quy mô và chất lượng nguồn nhân lực.

Quy mô nguồn nhân lực là tổng số những người trong độ tuổi lao động theo quy định của nhà nước; phụ thuộc vào quy mô, cơ cấu (độ tuổi và giới tính), phân bố dân cư, thời gian lao động có thể huy động được từ họ và tốc độ tăng nguồn nhân lực hàng năm.

Chất lượng nguồn nhân lực được thể hiện thông qua các tiêu chí về sức khỏe, trình độ chuyên môn, trình độ học vấn, trình độ lành nghề và các phẩm chất tâm lý xã hội khác của người lao động như tác phong, tinh thần, ý thức trong lao động.

Như vậy nguồn nhân lực logistics là toàn bộ những người trong độ tuổi quy định có khả năng tham gia lao động trong các DN logistics.

2.3. Nguồn nhân lực logistics chất lượng cao

Nguồn nhân lực logistics chất lượng cao là nguồn nhân lực phải đáp ứng được yêu cầu của thị trường (yêu cầu của các DN logistics trong và ngoài nước), hội đủ các yếu tố:

- Kiến thức: chuyên môn về logistics, kinh tế, tin học, ngoại ngữ;
- Kỹ năng: kỹ thuật, tìm và tự tạo việc làm, làm việc an toàn, kỹ năng làm việc cá nhân và làm việc nhóm;
- Thái độ, tác phong làm việc tốt, có trách nhiệm với công việc.
- Đặc biệt nhất là khả năng sáng tạo tìm ra các giải pháp phù hợp thích ứng với các tình huống mới, phức tạp của nghề nghiệp.

Nguồn nhân lực chất lượng cao có vai trò hết sức quan trọng trong quá trình phát triển của lĩnh vực logistics. Đó là một trong những yếu tố quyết định sự thành công và là quá trình chuyển đổi căn bản, toàn diện các hoạt động của lĩnh vực logistics, tạo ra năng suất lao động xã hội cao. Nguồn nhân lực chất lượng cao là điều kiện để rút ngắn khoảng cách tụt hậu, phục vụ kết nối cung - cầu, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và đẩy nhanh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, phục vụ mục tiêu phát triển bền vững. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực là điều kiện để lĩnh vực logistics của nước ta hội nhập với quốc tế.

Việc đào tạo, thu hút được nguồn nhân lực logistics chất lượng cao không chỉ là nhân tố để khai thác tối đa những tiềm năng, thế mạnh của KKT Vũng Áng mà còn tạo khả năng cạnh tranh về nguồn nhân lực ở trong và ngoài tỉnh. Đó là sự gia tăng của các nhà đầu tư tìm đến để phát triển nguồn nhân lực, nâng

cao chất lượng công việc mà ở nơi đó có nhiều nguồn nhân lực chất lượng cao đang sinh sống, công tác và làm việc. Đồng thời, tạo ra lợi thế so sánh giữa tỉnh Hà Tĩnh với các địa phương trong nước và khu vực về nguồn nhân lực logistics chất lượng cao, sẽ là cơ hội, điều kiện để tỉnh đẩy mạnh hợp tác, phát triển các lĩnh vực, ngành nghề, từ đó nâng cao vị thế, uy tín của KKT Vũng Áng nói riêng và tỉnh Hà Tĩnh nói chung.

3. Tiềm năng, thực trạng hoạt động logistics tại KKT Vũng Áng

KKT Vũng Áng có cụm cảng Vũng Áng - Sơn Dương với lợi thế độ sâu tự nhiên lớn, từ -11m đến -22m, hàng năm độ sa bồi ít nên tiếp nhận được các tàu có trọng tải lớn đến 350.000 DWT, gồm bến cảng tổng hợp, container, hàng rời, hàng lỏng... Cụm cảng này còn có luồng hàng hải ngắn (cách phao số 0 khoảng 1,7 hải lý), là một tuyến luồng ngắn, sâu nhất trong hệ thống luồng hàng hải của Việt Nam, tạo thuận lợi cho các phương tiện vận tải biển giao nhận hàng trong chuỗi cung ứng dịch vụ logistics. Đồng thời, khu vực cảng Vũng Áng là điểm tập kết, cửa ngõ ngắn nhất ra biển Đông giúp kết nối hàng hóa quá cảnh của hai thị trường Lào, Đông Bắc Thái Lan để thông thương với các quốc gia trên thế giới và ngược lại.

Từ Vũng Áng đến Cửa khẩu quốc tế Cầu Treo thông thương sang cửa khẩu quốc tế Namphao (Lào) chỉ 190 km và đến Cửa khẩu Cha Lo (Quảng Bình) 170km. Với lợi thế địa lý thuận lợi sẽ thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội địa phương, tạo điểm bứt phá về kinh tế - xã hội trong khu vực Bắc Trung Bộ, tạo sự liên kết phát triển giữa các tỉnh Bắc Trung Bộ.

Trong khi đó, dự án đường cao tốc Bãi Vọt - Vũng Áng, dự án đường sắt Vũng Áng - Tân Ấp - Mụ Giạ nối với Thà Khẹt (Lào) là những dự án sẽ có tác động rất lớn đến vận tải hàng hóa về KKT Vũng Áng nói chung cũng như thuận lợi cho việc phân phối hàng hóa qua mạng lưới giao thông đường bộ của Trung tâm logistics và dịch vụ hậu cảng Vũng Áng nói riêng.

KKT Vũng Áng được coi là điểm đến hấp dẫn, thu hút hàng chục nhà đầu tư trong và ngoài nước, đóng góp 56% tổng thu ngân sách trên địa bàn tỉnh, 95% số thu xuất nhập khẩu, 90% giá trị sản xuất công nghiệp và 87% tổng kim ngạch xuất nhập khẩu; đã thu hút được 153 dự án trong và ngoài nước, trong đó có 55 dự án đầu tư nước ngoài; 1 dự án đầu tư theo hình thức BOT với số vốn đăng ký trên 15.769 triệu USD; 97 dự án đầu tư trong nước với số vốn đăng ký trên 60.300 tỷ đồng. KKT Vũng Áng đã giải quyết việc làm, thu nhập ổn định cho trên 18.000 lao động là người Việt Nam và lao động người nước ngoài.

Để phát huy thế mạnh của KKT Vũng Áng, ngày 08/4/2021 UBND tỉnh Hà Tĩnh đã ban hành Quyết định số 1734/QĐ-UBND phê duyệt Đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng Trung tâm logistics tại KKT Vũng Áng, tỉnh Hà Tĩnh, tỉ lệ 1/500. Quy hoạch Trung tâm logistics có diện tích hơn 133ha tại xã Kỳ Lợi (thị xã Kỳ Anh) với 06 khu chức năng gồm: Khu kho logistics, khu quản lý điều hành, dịch vụ tài chính ngân hàng, dịch vụ phụ trợ, khu nhà dịch vụ lưu trú chuyên gia, khách hàng và dịch vụ thiết yếu, giao thông, bãi đậu xe, khu đầu mối hạ tầng kỹ thuật, cây xanh. Trong đó, đất xây dựng kho logistics 67,66 ha, đất xây dựng khu quản lý điều hành và dịch vụ phụ trợ 7,05 ha; được quy hoạch đồng bộ về hệ thống giao thông, cấp-thoát nước, cấp điện-điện chiếu sáng, thông tin liên lạc, môi trường... Trung tâm logistics tại KKT Vũng Áng được quy hoạch là Trung tâm logistics hạng I, phục vụ các hoạt động logistics trong tỉnh, khu vực và quốc tế. Đây là điểm tập kết hàng các khu công nghiệp, cụm công nghiệp thuộc tỉnh Hà Tĩnh, Bắc Quảng Bình vận chuyển đến cảng Hải Phòng, bằng đường biển, vận chuyển trực tiếp đến các cảng trung chuyển lớn trong khu vực như: Hong Kong (Trung Quốc), Singapore, vận chuyển bằng đường bộ Quốc lộ 8, Quốc lộ 12C đến Lào, Đông Bắc Thái Lan.

Cảng Vũng Áng khi hoàn thành sẽ có 17 bến, trong đó 11 bến cảng tổng hợp, container, 06 bến chuyên dùng nhập than và xuất, nhập khẩu xăng dầu, cảng Sơn Dương xây dựng hoàn thiện có 51 bến chuyên dùng, trong đó 32 bến của Khu liên hợp gang thép và cảng Sơn Dương Formosa, 13 bến tổng hợp, 06 bến chuyên dụng. Hà Tĩnh đang tập trung huy động nguồn lực xây dựng phát triển cụm cảng Vũng Áng - Sơn Dương, đầu tư hạ tầng cảng Lào - Việt, Hoàng Sơn, Vingroup.

Để thu hút duy trì tuyến vận chuyển container và đối tượng có hàng hóa vận chuyển bằng container qua cảng Vũng Áng, tỉnh đã có chính sách hỗ trợ các hãng tàu và DN, cụ thể: hãng tàu biển được cấp phép hoạt động kinh doanh vận chuyển container theo quy định và trả hàng hoặc bốc hàng tại cảng Vũng Áng theo tuyến với tần suất tối thiểu 02 chuyến cập cảng mỗi tháng được hỗ trợ 200 triệu đồng/chuyến vào, ra cảng. Đối với các DN, tổ chức, cá nhân có hàng hóa vận chuyển bằng container qua cảng Vũng Áng được hỗ trợ 700.000 đồng/container (đối với container 20feet) 01 triệu đồng/ container (đối với container 40feet trở lên).

Mặc dù có nhiều tiềm năng lợi thế và đạt được một số kết quả đáng ghi nhận song hiện tại ngành dịch vụ logistics ở KKT Vũng Áng chưa phát triển

xứng tầm, chi phí dịch vụ còn cao, chỉ tham gia được một vài công đoạn nhỏ trong kinh doanh dịch vụ logistics. Chưa thu hút được nhiều DN đầu tư các dự án quy mô lớn. Dịch vụ ủy thác giao nhận, thanh toán quốc tế chuyên nghiệp hạn chế; chưa có DN lớn, chuyên nghiệp hoạt động nhận ủy thác giao nhận hàng hóa hoặc thanh toán tiền hàng. Các loại hình kho chứa, kho vận ngoại thương đạt tiêu chuẩn chưa hình thành Công nghệ, kinh nghiệm vận hành trung tâm logistics lớn còn hạn chế.

4. Thực trạng về nguồn nhân lực logistics chất lượng cao ở Việt Nam nói chung và KKT Vũng Áng nói riêng

Tốc độ phát triển của ngành logistics tại Việt Nam những năm gần đây tăng trưởng khoảng 14-16%, với quy mô 40-42 tỷ USD/năm chiếm 20,9% GDP của cả nước, tốc độ tăng trưởng hàng năm luôn ở mức cao trong khu vực.

Hiện nay, tại Việt Nam có khoảng 3.000 DN logistics, trong đó, 89% là DN Việt Nam có quy mô vừa và nhỏ với số vốn dưới 10 tỷ đồng, khoảng 5% trong nhóm này có vốn 10 - 20 tỷ đồng; 10% là DN liên doanh và 1% DN 100% vốn nước ngoài (khoảng 30 DN) cung cấp dịch vụ logistics xuyên quốc gia, với các tên tuổi lớn như: DHL, FedEx, Maersk Logistics, APL Logistics, CJ Logistics, KMTCL Logistics..., chỉ có một nhóm các công ty lớn có thể đáp ứng điều kiện chuyển đổi số như DHL, Fedex và các thương hiệu hàng đầu Việt Nam như Viettel Post và Vietnam Post.

Theo kết quả khảo sát của Hiệp hội DN dịch vụ logistics Việt Nam (VLA), Việt Nam có khoảng 6.000 nhân viên đang làm việc trong lĩnh vực logistics, nhưng số lao động được đào tạo bài bản về dịch vụ logistics chỉ chiếm khoảng 5 - 7% tổng số lao động đang làm việc và những người có kinh nghiệm và hiểu biết về luật pháp quốc tế còn thiếu nhiều. Hiện, nguồn nhân lực chính cho ngành này đều được lấy từ các đại lý hãng tàu, các công ty giao nhận vận tải biển và sử dụng theo khả năng hiện có. Trong khi đó, đây là lĩnh vực đòi hỏi chuyên gia am hiểu hệ thống pháp luật, thông lệ của nước sở tại và còn phải am hiểu pháp luật quốc tế, có mối quan hệ rộng khắp trên thế giới.

Ở Hà Tĩnh, khi Trung tâm logistics tại KKT Vũng Áng hoàn chỉnh và đi vào hoạt động phục vụ các hoạt động logistics trong tỉnh, khu vực và quốc tế sẽ cần một lượng lớn nguồn nhân lực chất lượng cao để có thể vận hành Trung tâm này một cách hiệu quả, xứng tầm. Tuy nhiên, công tác thu hút, đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao vẫn còn một số hạn chế, bất cập. Mặc dù nguồn lao động khá dồi dào góp phần đáp ứng nhu cầu

về lao động trong hoạt động logistics và dịch vụ hậu cảng cũng như KKT Vũng Áng; nhưng lực lượng lao động này phần lớn chưa qua đào tạo một cách chuyên nghiệp, chuyên sâu về dịch vụ logistics và các dịch vụ phụ trợ khác; thiếu lao động kỹ thuật cao, thiếu đội ngũ chuyên gia; công tác đào tạo của cơ sở giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp thuộc tỉnh chưa đáp ứng tốt yêu cầu của thực tiễn, trình độ ngoại ngữ và khả năng làm việc trong môi trường hợp tác quốc tế còn nhiều hạn chế. Đồng thời, việc thu hút nguồn lao động đã qua đào tạo, có trình độ chuyên môn cao từ các địa phương khác cũng đang còn khó khăn dẫn đến thiếu đội ngũ nhân viên chuyên nghiệp và lao động được đào tạo bài bản về lĩnh vực dịch vụ logistics. Trong khi đó nhu cầu về nguồn nhân lực ngành logistics trong thời gian tới chắc chắn sẽ còn tiếp tục tăng.

5. Thực trạng đào tạo nguồn nhân lực logistics hiện nay

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và cách mạng công nghiệp 4.0 diễn ra mạnh mẽ, yêu cầu về chất lượng, trình độ chuyên môn và kỹ năng của nguồn nhân lực logistics ngày càng cần phải được nâng cao, đáp ứng với yêu cầu thực tế. Với thực trạng khan hiếm nguồn nhân lực, công tác đào tạo, bồi dưỡng nhân lực logistics đã và đang được đẩy mạnh và ưu tiên trong thời gian qua.

Các chương trình đào tạo ngắn hạn chủ yếu được đào tạo bởi các hiệp hội ngành nghề liên quan đến lĩnh vực logistics, như: Hiệp hội DN dịch vụ Logistics Việt Nam (VLA), Hiệp hội Đại lý và Môi giới Hàng hải Việt Nam (VISABA), Hiệp hội Cảng biển Việt Nam (VPA), Hiệp hội Vận tải ô tô Việt Nam (VATA),... Bên cạnh đó, một số DN logistics tự mở trung tâm đào tạo ngắn hạn, nhằm đáp ứng nhu cầu đào tạo nhân lực logistics của bản thân DN, cũng như cung cấp dịch vụ đào tạo và các chứng chỉ, chứng nhận nghề nghiệp cho cá nhân, tổ chức khác có nhu cầu, tiêu biểu như: Tổng công ty Tân Cảng Sài Gòn (STC), U&I, Công ty Cổ phần Logistics Hàng không (ALS), Công ty Cổ phần Logistics U&I,... Ngoài ra, các trường đại học (ĐH), cao đẳng (CĐ), trung cấp (TC) hiện nay cũng thường xuyên tổ chức những khóa đào tạo ngắn hạn để bồi dưỡng kiến thức, nâng cao kỹ năng cho đa dạng các đối tượng ở tất cả các cấp từ công nhân kỹ thuật, nghiệp vụ; hành chính, văn phòng đến giám sát, quản lý, lãnh đạo như: Trung tâm Đào tạo Logistics tiểu vùng sông Mekong - Nhật Bản thuộc Trường ĐH Hàng hải Việt Nam, Viện Quản trị Logistics và Chuỗi cung ứng (EDINS),... Bên cạnh các chương trình đào tạo ngắn hạn trong nước, hiện có một số trung tâm, viện thuộc các trường ĐH, hiệp hội đã liên kết đào tạo chứng chỉ nghiệp vụ quốc tế, như: Trường Logistics và Hàng không Việt Nam

(VILAS), Viện Nghiên cứu và phát triển Logistics Việt Nam (VLI),... là đơn vị được Liên đoàn các Hiệp hội Giao nhận Quốc tế (FIATA) ủy quyền đào tạo chứng chỉ quốc tế về logistics có giá trị toàn cầu.

Đối với nhóm đào tạo bậc CĐ, ĐH và sau ĐH, các trường ĐH tiếp tục xu hướng mở ngành Logistics và quản lý chuỗi cung ứng với số lượng chỉ tiêu tuyển sinh tăng lên hằng năm. Bên cạnh đó, nhằm tăng tính thực tiễn trong đào tạo, các mô hình phòng thực hành mô phỏng logistics, các chương trình thực tế tổ chức đưa sinh viên đến các cảng đã được triển khai tương đối nhiều trong thời gian qua.

Số liệu thống kê hiện nay, có 60 trường tham gia Hiệp hội Phát triển nhân lực Logistics Việt Nam, trong đó có 49 trường ĐH; còn lại là trường CĐ và viện đào tạo. Logistics hiện là ngành học nhận được nhiều sự quan tâm cao của xã hội. Sự quan tâm này thể hiện ở số lượng đăng ký tuyển sinh vào ĐH, CĐ của ngành này tăng vọt và điểm chuẩn cũng vượt lên ở top đầu các ngành học tại một số trường. Điều này phản ánh phần nào nhu cầu của xã hội về mặt nguồn lực, nhu cầu của các DN đòi hỏi đáp ứng cả về mặt số lượng và chất lượng; đồng thời, tạo thuận lợi cho các cơ sở đào tạo phát triển ngành này ở trong nước.

Hoạt động đào tạo ngành/chuyên ngành logistics hiện nay đang được triển khai theo nhiều hình thức: Chương trình đào tạo đại trà, chương trình chất lượng cao hoặc chương trình tiên tiến, chương trình tài năng, chương trình tích hợp do trường ĐH nước ngoài cấp bằng. Kết quả khảo sát cho thấy 91,1% số trường đào tạo theo chương trình đại trà; khoảng 11,1% số trường đào tạo chương trình chất lượng cao tích hợp chứng chỉ nghề quốc tế FIATA hoặc chương trình tiên tiến đào tạo bằng tiếng Anh (như Trường ĐH Kinh tế quốc dân, Trường ĐH Ngoại thương, Trường ĐH Tôn Đức Thắng, Trường ĐH Hàng hải Việt Nam, Học viện Tài chính,...); khoảng 8,9% số trường có chương trình đào tạo do ĐH nước ngoài cấp bằng (như Trường ĐH Kinh tế quốc dân, Trường ĐH Giao thông vận tải TP. Hồ Chí Minh; Trường ĐH RMIT, Trường ĐH Thương mại,...).

Mặc dù số trường đào tạo logistics cũng như quy mô tuyển sinh tăng nhanh trong 3 năm vừa qua, nhưng thực tế cho thấy các trường đều đang gặp khó khăn về nguồn lực giảng viên, đặc biệt là giảng viên được đào tạo bài bản đúng chuyên ngành, giảng viên có khả năng giảng dạy bằng ngoại ngữ và giảng viên có kinh nghiệm thực tế lâu năm. Ngoài ra, các khó khăn chung khác có thể kể đến là chương trình đào tạo chưa thống nhất về chuẩn đầu ra, thiếu giáo trình, cơ sở vật chất thực hành, mô phỏng, công tác thực tập chưa có sự kết nối chặt

chẽ với DN. Điều này cũng tác động, ảnh hưởng đến chất lượng nguồn nhân lực logistics cung ứng ra thị trường lao động.

Theo thông tin từ Viện Nghiên cứu và Phát triển Logistics Việt Nam, trong 3 năm tới, trung bình các DN dịch vụ logistics cần thêm 18.000 lao động, các DN sản xuất, thương mại, dịch vụ cần trên một triệu nhân sự có chuyên môn về logistics. Dự kiến đến năm 2030, nhu cầu nguồn nhân lực về logistics là trên 200.000 nhân lực. Trong khi đó, khả năng đáp ứng về nhu cầu nguồn nhân lực logistics chỉ đáp ứng khoảng gần 20% nhu cầu của thị trường nên có thể nói nguồn nhân lực logistics tại Việt Nam đang thiếu cả về số lượng lẫn chất lượng.

Để hoạt động đào tạo và bồi dưỡng nguồn nhân lực logistics tốt hơn, thời gian tới cần có sự hỗ trợ từ phía các bộ, ban, ngành và DN Logistics hỗ trợ các cơ sở đào tạo nhân lực logistics góp phần tăng hiệu quả hợp tác giữa nhà trường và nhà DN từ đó giúp mở rộng quy mô và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực logistics, đáp ứng nhu cầu lao động của xã hội.

6. Giải pháp đào tạo, thu hút nguồn nhân lực logistics chất lượng cao

Hiện tại, ở Trường ĐH Hà Tĩnh cũng như các trường lân cận như ĐH Vinh, ĐH Hồng Đức, ĐH Quảng Bình... chưa có chuyên ngành đào tạo về Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng. Tuy nhiên, vẫn tuyển sinh và đào tạo chuyên ngành liên quan đến logistics như Quản trị kinh doanh. Vì vậy, bài viết này sẽ đưa ra những giải pháp cho việc đào tạo nguồn nhân lực logistics chất lượng cao ở Việt Nam nói chung và những giải pháp để KKT Vũng Áng thu hút được nguồn nhân lực này để đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực logistics cho mục tiêu mà tỉnh Hà Tĩnh đã đề ra.

6.1. Giải pháp đào tạo nguồn nhân lực logistics chất lượng cao

Để xây dựng nguồn nhân lực trong lĩnh vực logistics tại Việt Nam, đòi hỏi sự tham gia và cam kết tích cực của các bên liên quan bao gồm Chính phủ, chính quyền địa phương, các công ty logistics và trường ĐH, CĐ và dạy nghề.

- Về phía Nhà nước, tỉnh Hà Tĩnh

Rà soát và tiếp tục thực hiện các chính sách tạo thuận lợi cho hoạt động logistics. Đặc biệt, cần sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan chuyên trách với DN nhằm xác định chính xác nhu cầu lao động và tuyển dụng. Bên cạnh đó, Nhà nước cần xây dựng các bộ tiêu chuẩn nghề đối với lĩnh vực logistics, hỗ trợ các trường đầu tư về cơ sở vật chất, trang thiết bị thuộc lĩnh vực logistics. Tỉnh Hà Tĩnh

nên hình thành và liên kết với những trường đào tạo chuyên ngành về logistics, đặc biệt liên kết với nhà đầu tư từ nước ngoài trong việc đào tạo nguồn nhân lực này.

- Về phía Hiệp hội Logistics

Cần phát huy vai trò kết nối các Hiệp hội Logistics Việt Nam, các Hiệp hội Logistics địa phương, nhằm thực hiện công tác hỗ trợ các DN logistics trong công tác tuyển dụng nhân sự, các trường ĐH trong công tác đào tạo một cách hiệu quả.

Cần tạo ra hệ sinh thái kết nối nhà trường với nhà trường, nhà trường với DN, nơi chia sẻ tài nguyên giữa các trường ĐH nhằm tối ưu hóa chi phí trong quá trình đào tạo, nâng cao chất lượng giảng dạy. Hệ sinh thái phát triển nhân lực logistics sẽ cung cấp, trao đổi thông tin giữa các trường và với DN trong công tác tuyển dụng nhân sự ngành logistics, từ đó nhà trường có những định hướng đào tạo nguồn nhân lực phù hợp với yêu cầu của thị trường lao động.

- Về phía cơ sở đào tạo

Xây dựng chương trình đào tạo, gắn việc đào tạo với thực tiễn cũng như nhu cầu của DN. Tăng cường kết hợp tác với DN, phối hợp với DN trong công tác tổ chức các chương trình đào tạo cho sinh viên nhằm gắn lý thuyết với thực tiễn, định hướng nghề nghiệp từ sớm giúp người học định hình rõ nét ngành nghề lựa chọn. Theo đó, DN có thể tham gia một phần vào quá trình đào tạo như giảng dạy một số học phần thực hành nghề nghiệp, hướng dẫn hỗ trợ sinh viên trong các hoạt động trải nghiệm thực tế, quá trình thực tập hoặc cộng tác tại DN. Thông qua hoạt động này, DN cũng có thể quan sát, đánh giá và lựa chọn các ứng viên tiềm năng đáp ứng được yêu cầu tuyển dụng của DN trong tương lai, giúp giảm thiểu chi phí tuyển dụng và đào tạo lại sau tuyển dụng.

Cần xây dựng đội ngũ giảng viên giảng dạy có chất lượng cao, phục vụ công tác giảng dạy trong nước. Tạo điều kiện, khuyến khích giảng viên tham gia vào các hoạt động thực tế tại DN; thu hút các chuyên gia về logistics trong nước và quốc tế tham gia giảng dạy, đào tạo; liên kết chặt chẽ với DN xây dựng chương trình đào tạo, thực hành, thực tập. Việc hợp tác với DN cũng tạo điều kiện cho sinh viên đi thực tế, thực tập, hỗ trợ sinh viên nghiên cứu khoa học và tìm việc làm sau khi tốt nghiệp là cần thiết. Sinh viên ngành logistics cần thường xuyên được đi thực tế, tìm hiểu về các quy trình, thiết bị liên quan đến lĩnh vực đang được học. Cụ thể, khi đến một DN liên quan đến kinh doanh, vận hành các kho hàng, sinh viên sẽ được tìm hiểu kỹ về quy trình chọn và xử lý đơn hàng

trong kho, thực hành việc sử dụng các thiết bị chuyên dụng, thực hành cách phân loại, đóng gói và bảo quản hàng hóa.

Các hoạt động nghiên cứu khoa học của giảng viên cũng nên gắn liền với hoạt động của các DN logistics, nhằm hỗ trợ chuẩn hóa các hoạt động của DN, cũng như hỗ trợ xây dựng các chiến lược phát triển DN.

Đẩy mạnh công tác kết nối, liên thông giữa khối ĐH, CĐ nghề và các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, các khóa đào tạo ngắn hạn. Khuyến khích việc đào tạo liên thông và công nhận tín chỉ lẫn nhau, chia sẻ kinh nghiệm quản lý, giảng dạy, thúc đẩy nghiên cứu khoa học. Tăng cường hợp tác giữa các cơ sở giáo dục đào tạo với nhau nhằm chia sẻ nguồn lực giữa các cơ sở đào tạo như giảng viên, cơ sở vật chất, giáo trình, tài liệu học tập.

Đẩy mạnh liên kết, hợp tác đào tạo giữa các cơ sở đào tạo trong nước và quốc tế. Chú trọng nâng cao chất lượng nội dung chương trình đào tạo hiện có theo hướng chuyên sâu, đảm bảo tính khoa học, hệ thống và tính liên thông giữa các bậc đào tạo. Các chương trình đào tạo cần được xây dựng theo hướng tập trung vào các kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp từ cơ bản đến nâng cao, để đảm bảo người học có thể đáp ứng tốt yêu cầu của các vị trí việc làm khi được tuyển dụng.

Chú trọng nâng cao trình độ ngoại ngữ, tin học để tiếp cận sử dụng các công nghệ mới và khả năng vận dụng luật pháp, tập quán thương mại quốc tế, nhằm giúp người học sẵn sàng và nhanh chóng thích ứng với nhu cầu thực tiễn của DN, đặc biệt là trong môi trường làm việc quốc tế.

Trang bị, bổ sung những kỹ năng “mềm” cho sinh viên như làm việc nhóm, khả năng nắm bắt tình hình, cách nhận diện đối mặt với khó khăn, tinh thần trách nhiệm... Ngày nay, người kinh doanh dịch vụ logistics có thể cung cấp dịch vụ trọn gói từ kho gửi hàng đến kho nhận hàng qua một hệ thống đồng bộ từ cung ứng nguyên vật liệu, phục vụ sản xuất - kinh doanh tới lưu kho - lưu bãi cho tới vận tải - giao nhận hàng hóa nội địa và xuất nhập khẩu. Chính vì vậy, trong quá trình đào tạo chuyên ngành dịch vụ logistics và chuỗi cung ứng, sinh viên cần được trang bị những kiến thức, kỹ năng liên quan đến các nội dung này. Ví dụ, trong quá trình học, sinh viên được hướng dẫn cụ thể về quy trình chọn và xử lý đơn hàng trong kho mô phỏng, cách sử dụng một số thiết bị chuyên dụng tại các kho hàng hiện nay. Bên cạnh đó, sinh viên còn được trực tiếp sử dụng các trang thiết bị trong kho hàng như pallet jack (một cấu trúc vận tải phẳng hỗ trợ hàng hóa một cách ổn định trong khi được nâng lên bởi một xe nâng), hand trolley (xe đẩy tay, xe dọn bàn), label maker (máy in tem nhãn) và

thực hiện quy trình chọn và xử lý đơn hàng. Việc thực hiện các chuyên đề tập trung hướng dẫn kỹ năng cụ thể đã giúp sinh viên không chỉ lĩnh hội được kiến thức chuyên môn, mà còn được rèn luyện từng kỹ năng liên quan đến công việc.

Duy trì và nâng cao chất lượng đào tạo, tăng tỷ lệ tốt nghiệp, tốt nghiệp khá giỏi các trình độ trong lĩnh vực logistics để đảm bảo ổn định đầu ra nguồn nhân lực. Các cơ sở đào tạo cần phối hợp cùng DN ngay từ khâu tuyển sinh, tổ chức đào tạo, bố trí việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp ra trường đúng ngành, nghề và trình độ đào tạo.

Đầu tư vào cơ sở vật chất, trang thiết bị, xây dựng các phòng mô phỏng thực hành hoạt động logistics nhằm giúp sinh viên hiểu sâu hơn về các kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp; giúp sinh viên tự tin hơn trong các hoạt động thực tế sau này tại DN, rút ngắn khoảng cách giữa việc học và hành.

- Về phía DN sử dụng nhân lực logistics

Các DN sử dụng nhân lực logistics cũng cần được thu hút, tạo điều kiện để tham gia tích cực hơn nữa trong quá trình đào tạo, hướng dẫn thực tập, tăng tiếp cận thực tế cho sinh viên thông qua các chương trình huấn luyện nghề nghiệp.

Tích cực tham gia công tác truyền thông, hỗ trợ tư vấn hướng nghiệp để thu hút nguồn nhân lực có chất lượng vào lĩnh vực chuyên ngành này. Đây không chỉ là nhiệm vụ của các cấp quản lý, cơ sở đào tạo mà cần sự tham gia tích cực của các DN, các tổ chức trong việc cung cấp thông tin, xây dựng nhiều hình thức động viên khuyến khích như cấp học bổng, hỗ trợ phương tiện giảng dạy, học tập.

Khuyến khích, tạo điều kiện học tập, đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ cho người lao động tại DN.

6.2. Giải pháp thu hút nguồn nhân lực logistics chất lượng cao

Thu hút nguồn nhân lực là một trong những khâu quan trọng của quản trị nguồn nhân lực nhằm tuyển dụng những người có trình độ đáp ứng các yêu cầu đặt ra từ lực lượng lao động xã hội vào làm việc trong DN. Việc thu hút, bổ sung mới nguồn nhân lực góp phần quan trọng kích thích, phát huy hiệu quả cạnh tranh với nguồn nhân lực tại chỗ, là một nghệ thuật trong quản trị nguồn nhân lực.

Nâng cao hiệu quả trong công tác tuyển dụng nhân lực logistics: các DN cần phải thường xuyên dự báo xu hướng phát triển của ngành dịch vụ logistics nhằm xác định nhu cầu tuyển dụng và xây dựng chiến lược phát triển nhân sự phù hợp. Những dự báo này nếu được chia sẻ với các cơ sở đào tạo nhân lực logistics cũng

sẽ giúp các cơ sở đào tạo có căn cứ thực tiễn quan trọng trong việc tuyển sinh và xây dựng các chương trình đào tạo đáp ứng được thị trường lao động.

DN cần đẩy mạnh các chương trình thực tập sinh dành cho sinh viên năm thứ ba hoặc năm cuối chuyên ngành logistics từ các trường ĐH, CĐ nhằm tìm kiếm những nhân lực phù hợp và đáp ứng được yêu cầu của DN; đồng thời rút ngắn được thời gian đào tạo hoà nhập, đào tạo lại tại DN sau khi tuyển dụng chính thức.

DN tăng cường ký kết những chương trình hợp tác chính thức và dài hạn với các trường ĐH, CĐ trong đào tạo và tuyển dụng nhân lực logistics. Cung cấp các hỗ trợ tài chính và phi tài chính đối với những sinh viên có kết quả học tập xuất sắc nhằm thu hút nhân sự giỏi sau khi tốt nghiệp về làm việc tại DN. Bên cạnh đó, DN cũng có thể đồng hành với tư cách là nhà tài trợ cho các cuộc thi về logistics và quản lý chuỗi cung ứng do các cơ sở đào tạo, Hiệp hội Phát triển nhân lực Logistics Việt Nam hoặc các đơn vị khác có liên quan tổ chức để lựa chọn được những tài năng trẻ tuyển dụng cho DN.

DN cần xây dựng chính sách tuyển dụng và chính sách đãi ngộ, phúc lợi tốt để thu hút ứng viên trẻ, giỏi; lao động hiện có trong ngành về làm việc tại DN nhằm tăng cường nhân sự có trình độ chuyên môn và kinh nghiệm thực tế, bổ sung cho lực lượng lao động hiện có của DN; giảm chi phí và thời gian đào tạo nhân sự mới. Bên cạnh chính sách tiền lương hấp dẫn là quan trọng song cần quan tâm tạo môi trường làm việc tốt để người lao động được khẳng định mình, được thỏa sức sáng tạo.

7. Kết luận

Cùng với sự phát triển mạnh mẽ của khoa học và công nghệ và xu hướng toàn cầu hóa, hoạt động logistics xuyên suốt từ sản xuất tới tiêu dùng ngày càng giữ vai trò đặc biệt quan trọng đối với năng lực cạnh tranh của các ngành sản xuất, dịch vụ và của toàn nền kinh tế. Đầu tư vào công nghệ và con người là sẽ yếu tố quyết định đến sự phát triển của lĩnh vực logistics trong tương lai. Đặc biệt, nguồn nhân lực sẽ là yếu tố quyết định để giúp DN logistics nhanh chóng bắt kịp với các nước, nâng cao tính cạnh tranh, mở rộng thị trường trong nước, khu vực và quốc tế, góp phần quan trọng trong việc phát triển bền vững KKT Vũng Áng nói riêng và nền kinh tế Việt Nam nói chung.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Công Thương (2021), “Báo cáo logistics Việt Nam 2021: Phát triển nhân lực logistics”.

2. Nguyễn Ý Nhi (2022), Thực trạng logistics Việt Nam trước và trong đại dịch Covid-19, ..., ĐH Quốc gia Hà Nội.
3. Nguyễn Minh Quang (2020), Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực logistics thông qua việc kết nối cơ sở đào tạo với các doanh nghiệp logistics, Tạp chí khoa học và công nghệ trường ĐH Hùng Vương Tập 18, Số 1.
4. Thủ tướng Chính phủ (2017), Quyết định số 200/2017/QĐ-TTg ban hành Kế hoạch hành động nâng cao năng lực cạnh tranh và phát triển dịch vụ logistics Việt Nam đến năm 2025;
5. Nghị quyết số 249/NQ-HDND tỉnh Hà Tĩnh về kế hoạch phát triển kinh tế xã hội 5 năm 2021-2025.
6. Nghị quyết số 11-NQ/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo đẩy mạnh xuất khẩu gắn với phát triển dịch vụ logistics giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030.
7. Nghị quyết số 09-NQ/TU của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh phát triển Khu Kinh tế Vũng Áng giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030.

ĐÀO TẠO NGUỒN NHÂN LỰC DỊCH VỤ LOGISTICS HÀ TĨNH GẮN LIỀN VỚI ĐỀ ÁN PHÁT TRIỂN DỊCH VỤ LOGISTICS KHU KINH TẾ VŨNG ÁNG

NCS. Nguyễn Thị Thương
Trường Đại học Hà Tĩnh

Tóm tắt: *Nền kinh tế cả nước nói chung và Hà Tĩnh nói riêng tiếp tục hội nhập sâu rộng với thế giới. Đứng trước những cơ hội và thách thức từ cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư, tác động của toàn cầu hóa, thương mại điện tử, chuyển đổi số, sự phát triển của hạ tầng giao thông, cảng biển, các dự án trọng điểm của tỉnh, của quốc gia, đòi hỏi cả hệ thống chính trị cần tập trung thực hiện đồng bộ các giải pháp thúc đẩy và phát triển dịch vụ logistics, tạo động lực phát triển mới, góp phần đưa tỉnh nhà phát triển nhanh và bền vững. Tỉnh Hà Tĩnh cần đẩy mạnh công tác đào tạo nguồn nhân lực ngành dịch vụ Logistics để có thể đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng về loại hình dịch vụ này của các doanh nghiệp tỉnh nhà và cả nước, đặc biệt gắn liền với định hướng phát triển dịch vụ logistics của Khu Kinh tế Vũng Áng đến năm 2030.*

Từ khóa: *Logistics, Khu kinh tế Vũng Áng, Hà Tĩnh, nguồn nhân lực*

1. Đặt vấn đề

Tốc độ tăng trưởng nhanh của hoạt động xuất nhập khẩu cũng như tiêu thụ nội địa và tầm quan trọng của dịch vụ logistics đối với mọi hoạt động sản xuất đã đẩy ngành này trở thành ngành dịch vụ huyết mạch của tất cả các nền kinh tế.

Ngành dịch vụ Logistics Hà Tĩnh có những bước phát triển đáng ghi nhận trong thời gian gần đây. Tuy vậy, công tác lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện Nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về phát triển dịch vụ logistics chưa quyết liệt; số lượng doanh nghiệp tham gia dịch vụ này còn ít; dịch vụ logistics phục vụ xuất khẩu chưa phát triển; kết cấu hạ tầng thiếu đồng bộ, hệ thống kho bãi, dịch vụ hỗ trợ còn thiếu và yếu. Ngoài những nguyên nhân khách quan do xuất phát điểm nền kinh tế thấp, công nghiệp sản xuất hàng xuất khẩu chậm phát triển, nguyên nhân chính của những hạn chế trên do một số cấp ủy đảng, chính quyền, sở, ngành chưa thực sự quan tâm hoạt động dịch vụ logistics; cơ chế, chính sách chưa hấp dẫn, phát triển dịch vụ logistics chưa đáp ứng yêu cầu.

Khu kinh tế (KKT) Vũng Áng được Thủ tướng Chính phủ lựa chọn là 01 trong 05 KKT trọng điểm của cả nước được tập trung nguồn lực đầu tư phát

triển. Với những điều kiện thuận lợi sẵn có của mình như vị trí địa lí thuận lợi, hệ thống cảng biển nước sâu, cơ sở hạ tầng được đầu tư khá đồng bộ, việc đầu tư phát triển ngành dịch vụ Logistics của KKT là một hướng đi đúng đắn.

Vấn đề nhân lực phục vụ cho ngành dịch vụ Logistics Hà Tĩnh nói chung và tập trung cho phát triển KKT Vũng Áng nói riêng ở giai đoạn hiện nay là một bài toán khó của tỉnh nhà. Hiện tại, nhân lực hoạt động trong mảng này chủ yếu lấy từ nguồn đào tạo tại chỗ của doanh nghiệp hoặc lao động từ các cơ sở đào tạo khác trên cả nước. Tỉnh Hà Tĩnh chưa có cơ sở giáo dục nào đủ điều kiện đào tạo nhân lực dịch vụ Logistics. Nhưng giải pháp về lâu dài vẫn là tập trung đào tạo, phát triển nhanh nguồn nhân lực về Logistics để đáp ứng nhu cầu sử dụng của các doanh nghiệp dịch vụ Logistics Hà Tĩnh, đồng thời thực hiện định hướng phát triển dịch vụ này của KKT Vũng Áng định hướng đến năm 2030.

2. Khái quát về nhân lực ngành dịch vụ Logistics

Nhân lực của ngành dịch vụ logistics tại các doanh nghiệp được chia thành 4 loại hình cơ bản bao gồm:

(1) *Nhân sự quản trị - điều hành* là nhà quản trị cấp cao tại các doanh nghiệp dịch vụ logistics như giám đốc điều hành, giám đốc kinh doanh, giám đốc vận hành, giám đốc công nghệ, nhân sự, tài chính... hoặc nhà quản trị tại các phòng ban liên quan đến logistics ở các doanh nghiệp sản xuất thương mại như trưởng phòng logistics/quản lý chuỗi cung ứng, trưởng phòng xuất nhập khẩu, trưởng phòng vật tư/mua hàng, giám đốc trung tâm phân phối...

(2) *Nhân sự điều phối - giám sát* là nhà lãnh đạo cấp trung thực hiện các chức năng như: quản lý kinh doanh, quản lý dịch vụ khách hàng, quản lý/giám sát kho hàng, điều hành xếp dỡ hàng hoá, điều phối vận tải, quản lý công nghệ...

(3) *Nhân viên hành chính - văn phòng* bao gồm nhân viên hành chính pháp lý, khai báo hải quan, nhân viên chứng từ, nhân viên dịch vụ khách hàng, nhân viên kinh doanh, nhân viên công nghệ thông tin logistics, nhân viên phân tích dữ liệu...

(4) *Nhân viên kỹ thuật - nghiệp vụ hiện trường* bao gồm nhân viên vận hành kho (kiểm đếm, xếp dỡ, soạn hàng, giao nhận...), nhân viên đóng gói và dán nhãn hàng hoá, nhân viên xếp dỡ hàng hoá (lái cầu, xe nâng, xe kéo trong kho bãi...), nhân viên điều khiển phương tiện vận tải (lái xe tải, xe container...), nhân viên giao nhận tổng hợp...

Xét theo khu vực địa lý, Ở Việt Nam nhân lực logistics đang tập trung chủ yếu tại khu vực Đồng bằng sông Hồng và khu vực Đông Nam Bộ - nơi có mật

độ doanh nghiệp dịch vụ logistics lớn nhất cả nước, tương ứng lần lượt là 9.601 và 13.026 doanh nghiệp, chiếm 76,2% số doanh nghiệp logistics của cả nước. Trong đó, 05 tỉnh/thành phố là Hà Nội, Hải Phòng, Bình Dương, Đồng Nai và TP. Hồ Chí Minh là những địa phương tập trung số lượng doanh nghiệp logistics cao nhất. Tiếp theo đó là hai khu vực Bắc và Nam Trung Bộ với lợi thế về vị trí địa lý và nằm trên trục giao thương Bắc - Nam nên có tiềm năng phát triển lĩnh vực logistics với tương ứng có 1.509 và 2.732 doanh nghiệp logistics. Tỉnh Hà Tĩnh và các khu vực kinh tế khác do hạn chế về điều kiện kinh tế và kém lợi thế hơn trong phát triển lĩnh vực logistics nên không thu hút nhiều doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực này. Do đó, khả năng thu hút nhân lực logistics tại Hà Tĩnh và những khu vực kinh tế này cũng không cao.

3. Thực trạng phát triển dịch vụ Logistics và vấn đề đào tạo nhân lực Logistics tại Hà Tĩnh hiện nay

3.1. Tình hình phát triển của ngành dịch vụ Logistics tỉnh Hà Tĩnh hiện nay

Ngành dịch vụ Logistics là một trong những ngành dịch vụ khá đặc biệt, nó gắn liền từ khâu đầu tiên của quá trình sản xuất đến khâu cuối cùng của quá trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ.

Tỉnh Hà Tĩnh cuối năm 2021 ngành dịch vụ Logistics ước đạt 3639.32 tỷ đồng, giảm 12.58%, cụ thể vận tải hành khách giảm 37.03%, vận tải hàng hóa giảm 7.63%, dịch vụ kho bãi, hỗ trợ vận tải tăng 16.36%. Doanh thu vận tải, kho bãi năm 2022 ước đạt 5.446,13 tỷ đồng, tăng 25,45% so với năm 2021. Hiện nay tại Hà Tĩnh có hơn 7000 doanh nghiệp đang hoạt động trong đó có hơn 900 doanh nghiệp logistics, với hơn 30.000 lao động, dự kiến đến năm 2030 nhu cầu nguồn nhân lực về logistics của tỉnh sẽ cần 50.000 lao động. Trong khi đó, khả năng đáp ứng về nhu cầu nguồn nhân lực logistics chỉ đáp ứng khoảng 10% nhu cầu của thị trường nên có thể nói nguồn nhân lực logistics tại Hà Tĩnh đang thiếu cả về số lượng lẫn chất lượng. Để thúc đẩy kinh tế, tận dụng tốt các tiềm năng, lợi thế sẵn có, giảm chi phí logistics, tạo thuận lợi cho các doanh nghiệp trong xuất nhập khẩu hàng hóa, tăng năng lực cạnh tranh của hàng hóa trong tỉnh thì việc phát triển ngành dịch vụ logistics là hết sức cần thiết. Thời gian qua, tỉnh đã triển khai nhiều nội dung nhằm phát triển logistics và tạo thuận lợi thương mại, cụ thể như sau:

UBND tỉnh đã xây dựng và ban hành nhiều Văn bản nhằm phát triển dịch vụ logistics trên địa bàn, cụ thể: Quyết định số 144/QĐ-UBND ngày 12/01/2015

về việc phê duyệt Đề án Phát triển dịch vụ Logistics tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2030, Quyết định số 1588/QĐ-UBND ngày 27/4/2015 về việc phê duyệt Đề cương nhiệm vụ và Dự toán lập Quy hoạch tổng thể phát triển dịch vụ Logistics trên địa bàn tỉnh đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2040, Quyết định số 711/QĐ-UBND ngày 26/2/2015 của UBND tỉnh về việc phê duyệt đề cương nhiệm vụ, dự toán lập quy hoạch chi tiết xây dựng Trung tâm Logistics tại Khu kinh tế Vũng Áng, tỷ lệ 1/500. Đến nay, Quy hoạch phát triển tổng thể dịch vụ logistics trên địa bàn tỉnh đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2040 đang hoàn thiện và sẽ tích hợp vào quy hoạch tỉnh; Quy hoạch chi tiết xây dựng Trung tâm logistics tại Khu Kinh tế Vũng Áng, tỷ lệ 1/500 với quy mô 106,9ha, 07 phân khu chức năng đang hoàn thiện và sẽ phê duyệt trong thời gian tới.

Thời gian qua đã có một số doanh nghiệp lớn chuyên kinh doanh dịch vụ vận tải, kho bãi hàng hóa, hoạt động khá hiệu quả, như: Công ty CP xây lắp thương mại dịch vụ du lịch Thương Phú, Công ty TNHH thương mại vận tải Bình Nguyên, Công ty TNHH thương mại và dịch vụ vận tải Việt Hải, kho tập kết hàng hóa của Công ty TNHH Bình Hà... và hàng trăm kho hàng hóa thương mại được phân phối tương đối đồng đều trên địa bàn tỉnh. Không những vậy, tỉnh đã chủ động kêu gọi một số công ty, tập đoàn lớn vào tìm hiểu, nghiên cứu đầu tư dịch vụ logistics như: Tổng công ty CP bưu chính Viettel - Tập đoàn Viễn thông quân đội Viettel; Công ty CP tập đoàn Hoàn Sơn tìm hiểu, đầu tư các dự án logistics tại Khu kinh tế Vũng Áng. Hiện nay, tỉnh đã cấp chủ trương đầu tư cho 12 dự án lớn có hoạt động liên quan đến logistics, bao gồm: các dịch vụ bốc xếp hàng hóa, dịch vụ kho bãi và lưu kho hàng, dịch vụ vận tải...

Mặc dù có nhiều tiềm năng lợi thế và đạt được một số kết quả đáng ghi nhận như vậy song hiện tại ngành dịch vụ logistics ở Hà Tĩnh vẫn còn manh mún, nhỏ lẻ; chi phí dịch vụ cao; hoạt động thương mại, bán buôn bán lẻ chủ yếu hình thành tự phát, hệ thống siêu thị, trung tâm thương mại ít, quy mô nhỏ. Bên cạnh đó, kinh doanh dịch vụ logistics là một lĩnh vực khá mới, do đó, một số địa phương trong tỉnh có lợi thế về phát triển dịch vụ logistics chưa cập nhật kịp thời các thông tin, quy định pháp luật liên quan về kinh doanh dịch vụ logistics để giới thiệu, kêu gọi đầu tư xây dựng hạ tầng logistics. Đầu tư xây dựng kinh doanh dịch vụ logistics đòi hỏi vốn đầu tư lớn; hầu hết các doanh nghiệp trong tỉnh chỉ tham gia được một vài công đoạn nhỏ trong kinh doanh dịch vụ logistics. Quy hoạch hạ tầng thương mại, hệ thống bán buôn bán lẻ đã được ban hành nhưng chưa thu hút được nhiều doanh nghiệp đầu tư các dự án

quy mô lớn. Dịch vụ ủy thác giao nhận, thanh toán quốc tế chuyên nghiệp tại các cảng, cửa khẩu hạn chế; chưa có doanh nghiệp lớn, chuyên nghiệp hoạt động nhận ủy thác giao nhận hàng hóa hoặc thanh toán tiền hàng. Các loại hình kho chứa, kho vận ngoại thương đạt tiêu chuẩn chưa hình thành tại các cảng, cửa khẩu, các công kiểm soát giữa nội địa và các khu kinh tế. Công nghệ, kinh nghiệm vận hành trung tâm logistics lớn còn hạn chế.

3.2. Thực trạng đào tạo nhân lực ngành dịch vụ Logistics Hà Tĩnh hiện nay

Đào tạo nhân lực logistics Việt Nam hiện nay bao gồm nhiều bậc/trình độ đào tạo, từ đào tạo ngắn hạn đến trình độ sơ cấp, trung cấp, cao đẳng, đại học, sau đại học và các chương trình đào tạo theo tiêu chuẩn quốc tế. Theo dữ liệu cung cấp bởi Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp, tính đến tháng 10/2021, cả nước có 936 trường cao đẳng và trung cấp. Trong số đó, có 54 trường cao đẳng và 11 trường trung cấp đào tạo nghề logistics với chỉ tiêu tuyển sinh tương ứng là 3.560 sinh viên cao đẳng và 2.815 học sinh trung cấp; gấp gần 2 lần số trường năm 2019 (37 trường và tổng 3.280 chỉ tiêu tuyển sinh) và gấp 3 lần số trường cao đẳng, trung cấp có đào tạo về logistics năm 2017 (22 trường với tổng hơn 2.000 chỉ tiêu tuyển sinh). Các trường này tập trung chủ yếu ở khu vực Đông Nam Bộ và Đồng bằng sông Hồng - những nơi có nhu cầu cao về nhân lực logistics phục vụ cho phát triển sản xuất, kinh doanh của địa phương với tương ứng 26 và 21 trường. Khu vực Tây Nguyên có điều kiện phát triển kinh tế kém hơn chưa có trường nào đào tạo nghề logistics trong số 61 trường cao đẳng, trung cấp trên địa bàn.

Vấn đề đào tạo, phát triển nguồn nhân lực ngành dịch vụ Logistics Tỉnh Hà Tĩnh hiện nay đang rất hạn chế. Trong khi nhu cầu về nhân lực phục vụ dịch vụ Logistics trên địa bàn Hà Tĩnh ngày càng tăng cao thì tỉnh nhà lại chưa có một cơ sở đào tạo nào đào tạo về chuyên ngành học này. Ngoài ra các đợt tập huấn, khóa đào tạo ngắn hạn cũng ít được tổ chức. Do một phần đây là ngành khá mới mẻ, hầu hết các doanh nghiệp trong tỉnh chỉ tham gia được một vài công đoạn nhỏ trong kinh doanh dịch vụ logistics vì vậy việc đào tạo phát triển nguồn nhân lực cho ngành chưa được chú trọng. Hiện nay, các doanh nghiệp dịch vụ logistics ở Hà Tĩnh chủ yếu sử dụng nguồn lao động được đào tạo từ các địa phương khác hoặc tự đào tạo nghiệp vụ trong nội bộ doanh nghiệp.

4. Một số khuyến nghị nhằm phát triển nguồn nhân lực Logistics tỉnh Hà Tĩnh

Vấn đề phát triển nguồn nhân lực ngành dịch vụ logistics Hà Tĩnh cần có một lộ trình với các phương án được vạch ra rõ ràng để đào tạo nguồn lao động đáp ứng được yêu cầu của ngành dịch vụ logistics như sau:

- Các cơ quan quản lý của Tỉnh cần có các định hướng, chính sách ưu tiên phát triển nguồn nhân lực cho ngành dịch vụ logistics tỉnh nhà. Ủy ban nhân dân Tỉnh cần xem xét mở nhiều hơn nữa các buổi hội thảo như Hội thảo “Đánh thức tiềm năng Hà Tĩnh - Kết nối liên vùng, phát triển thị trường Việt - Lào” 10/2021 hướng tới sự kết nối, phát triển các dịch vụ logistics tại Hà Tĩnh, đem lại lợi ích hài hòa cho các bên, thúc đẩy phát triển kinh tế chung toàn vùng. Đồng thời tạo điều kiện cho doanh nghiệp logistics Hà Tĩnh học hỏi kinh nghiệm điều phối, quản lý chuỗi cung ứng từ các doanh nghiệp nước bạn.

- Các cơ sở giáo dục đào tạo tại Hà Tĩnh, đặc biệt là Trường Đại học Hà Tĩnh cần nhanh chóng chuẩn bị các điều kiện cần và đủ để mở mã ngành đào tạo dịch vụ logistics và quản lý chuỗi cung ứng (chuẩn bị về con người, cơ sở vật chất). Tỉnh cần đưa ngành đào tạo logistics và quản lý chuỗi cung ứng vào danh sách các ngành ưu tiên tuyển dụng. Đồng thời có các chế tài thu hút đặc thù đối với đội ngũ cán bộ giảng viên có đủ điều kiện về bằng cấp và chuyên môn về lĩnh vực này. Trong thời gian tới, khi tiến hành lộ trình sát nhập Trường đại học Hà Tĩnh thành thành viên của Đại học Quốc gia Hà Nội thì sẽ trường sẽ thu hút được số lượng sinh viên theo học đông đảo hơn, và ngành dịch vụ logistics và quản lý chuỗi cung ứng là một ngành mới, có nhiều cơ hội việc làm khi ra trường cho sinh viên. Do đó có thể xây dựng dần các bước định hướng, quảng bá, mở mã ngành và tuyển sinh.

- Tỉnh phối hợp cử cán bộ giảng viên đi đào tạo trong và ngoài nước nhằm phát triển đội ngũ tại chỗ. Tạo điều kiện có các cán bộ tìm các học bổng của các cơ sở giáo dục nước ngoài, nhất là các nước có hệ thống logistics và quản lý chuỗi cung ứng phát triển mạnh mẽ.

- Các doanh nghiệp dịch vụ logistics tỉnh Hà Tĩnh tích cực phối hợp với Hiệp hội các doanh nghiệp tỉnh hoặc chủ động mời các chuyên gia về tổ chức các buổi tập huấn, khóa đào tạo ngắn hạn nhằm nâng cao nghiệp vụ cho nhân viên. Ngoài ra, việc tổ chức gặp gỡ, đối thoại giữa doanh nghiệp dịch vụ logistics, quản lý chuỗi cung ứng với các cơ sở đào tạo là rất cần thiết. Để các cơ sở đào tạo nắm được nhu cầu, yêu cầu về nguồn nhân lực mà các doanh nghiệp cần, từ đó tiến hành đặt hàng và đào tạo.

Thực hiện đồng bộ các phương án trên sẽ mang lại cho tỉnh Hà Tĩnh nguồn nhân lực có chất lượng, đủ về số lượng phục vụ sự phát triển của ngành dịch vụ Logistics nói riêng và nền kinh tế toàn tỉnh nói chung một cách bền vững.

5. Phát triển dịch vụ Logistics của KKT Vũng Áng và vấn đề nhân lực

Sau 17 năm xây dựng và phát triển, KKT Vũng Áng được đánh giá là một trong những khu kinh tế thành công trong cả nước, đóng góp to lớn vào sự phát triển kinh tế - xã hội, làm thay đổi cơ bản cơ cấu tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) của tỉnh theo hướng tăng mạnh tỷ trọng công nghiệp và tăng nguồn thu ngân sách của tỉnh Hà Tĩnh, tạo ra hàng vạn việc làm cho người lao động địa phương và các tỉnh lân cận, góp phần xóa đói giảm nghèo.

Để có thể thực hiện được các mục tiêu phát triển dịch vụ Logistics của KKT Vũng Áng cần xây dựng đồng bộ kết cấu hạ tầng dịch vụ logistics. Phát triển hạ tầng thương mại theo hướng văn minh hiện đại, thương mại điện tử. Kêu gọi đầu tư hoàn thành trung tâm logistics tại Khu Kinh tế Vũng Áng, huyện Đức Thọ và ở một số địa phương khác; phát triển Khu Kinh tế Cửa khẩu quốc tế Cầu Treo trở thành trung tâm logistics trên giao điểm giữa trục đường Hồ Chí Minh và hành lang kinh tế Đông - Tây, là điểm trung chuyển hàng hóa giữa nội địa với Tiểu vùng sông Mê Kông (GMS); nâng cao năng lực cung ứng của các doanh nghiệp logistics trên địa bàn tỉnh, thu hút các luồng hàng hóa qua các cửa khẩu biên giới; phấn đấu xây dựng Hà Tĩnh trở thành trung tâm logistics của vùng Bắc Trung bộ. Đồng thời, cần thực hiện đồng bộ những giải pháp bao gồm:

- Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của chính quyền các cấp và phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị đối với hoạt động xuất khẩu gắn với phát triển dịch vụ logistics.

- Tăng cường công tác quy hoạch, quản lý quy hoạch

- Xây dựng, tổ chức thực hiện hiệu quả các chính sách đẩy mạnh phát triển dịch vụ logistics

- Đầu tư xây dựng hạ tầng đồng bộ, phát triển sản xuất, tăng nguồn hàng hóa xuất khẩu, nâng cao nhu cầu sử dụng dịch vụ logistics

- Tăng cường công tác quản lý nhà nước trên các lĩnh vực; đẩy mạnh cải cách hành chính, tạo môi trường thuận lợi cho hoạt động xuất nhập khẩu, thu hút đầu tư

- Nâng cao năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp sản xuất hàng hóa xuất khẩu, doanh nghiệp cung ứng dịch vụ logistics

-Tăng cường công tác đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

Trong những giải pháp nói trên, công tác đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực là vấn đề cần đặt ra cho các cơ sở giáo dục đào tạo trên địa bàn Tỉnh. Việc đặt hàng đào tạo nhân lực là hình thức hiệu quả nhằm khép kín mô hình đào tạo và tuyển dụng, đào tạo nhằm đáp ứng trực tiếp yêu cầu của nhà tuyển dụng. KKT Vũng Áng cần phối hợp chặt chẽ, hiệu quả giữa cơ quan nhà nước, các cơ sở đào tạo và doanh nghiệp trong đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức cho nguồn nhân lực ngành dịch vụ logistics, vận tải, nghiệp vụ xuất nhập khẩu, kiến thức hội nhập quốc tế và các nhóm ngành liên quan. Khuyến khích, hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận, cập nhật những thay đổi về chính sách pháp luật, quy hoạch phát triển logistics, xuất nhập khẩu hàng hóa.

Quan tâm đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ phụ trách hội nhập kinh tế quốc tế, xuất nhập khẩu và logistics. Tổ chức các đoàn xúc tiến thương mại, tìm hiểu thị trường xuất khẩu tiềm năng, nghiên cứu mô hình các trung tâm logistics trong và ngoài nước.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Công Thương, Cục Xuất nhập khẩu. (2020). *Báo cáo Logistics Việt Nam năm 2020*
2. Bộ Công Thương, Cục Xuất nhập khẩu. (2021). *Báo cáo Logistics Việt Nam năm 2021*
3. Bộ Công Thương, Cục Xuất nhập khẩu. (2022). *Báo cáo Logistics Việt Nam năm 2022*
4. Cục thống kê Hà Tĩnh. (2021). *Báo cáo kinh tế-xã hội Tỉnh Hà Tĩnh năm 2021*
5. Cục thống kê Hà Tĩnh. (2022). *Báo cáo kinh tế-xã hội Tỉnh Hà Tĩnh năm 2022*

CÔNG TÁC ĐÀO TẠO NGHỀ GÓP PHẦN CUNG ỨNG NHÂN LỰC PHỤC VỤ SỰ PHÁT TRIỂN KHU KINH TẾ VŨNG ÁNG

Trần Đăng Kiên

Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

Giáo dục nghề nghiệp (GDNN) có vai trò quan trọng đối với đào tạo nhân lực trực tiếp trong sản xuất – kinh doanh, dịch vụ, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế đối với quá trình hội nhập. Những năm qua, công tác GDNN cả nước nói chung và Hà Tĩnh nói riêng được những kết quả quan trọng. Nhận thức của xã hội, người dân, doanh nghiệp về GDNN có bước chuyển biến tích cực; số lượng người tham gia vào GDNN ngày càng tăng; tỷ lệ người học sau tốt nghiệp có việc làm cao, thu nhập ổn định. Khu kinh tế Vũng Áng là 1 trong 5 năm khu kinh tế ven biển trọng điểm của cả nước. Việc đầu tư phát triển Khu Kinh tế Vũng Áng có tầm ảnh hưởng chiến lược đến sự phát triển chung của Hà Tĩnh nói riêng và cả nước nói chung. Do đó, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao có vai trò then chốt, góp phần quan trọng đưa Khu Kinh tế Vũng Áng phát triển xứng tầm.

Nhờ triển khai tích cực các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, trên cơ sở các văn bản chỉ đạo của Trung ương, Hà Tĩnh đã cụ thể hóa bằng các chỉ thị, chương trình hành động của Tỉnh ủy, nghị quyết của HĐND, kế hoạch, quyết định của UBND tỉnh về phát triển GDNN⁵⁹, trong đó đặc biệt Chỉ thị số 10-CT/TU ngày 15/6/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh

⁵⁹ Chương trình hành động số 1103-CTr/TU, ngày 16/01/2014 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về “Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng XHCN và hội nhập quốc tế”; Nghị quyết số 36/NQ-HĐND ngày 15/12/2016 về “Thông qua Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030”; Nghị quyết số 56/2017/NQ-HĐND ngày 15/7/2017 về đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng giai đoạn 2017-2020 trên địa bàn tỉnh; Nghị quyết số 57/2017/NQ-HĐND ngày 16/7/2017 của HDND tỉnh về việc quy định mức thu học phí trong các cơ sở giáo dục, đào tạo công lập từ năm 2017-2018 đến năm học 2020-2021 trên địa bàn tỉnh; Nghị quyết số 96/2018/NQ-HĐND ngày 16/7/2018 về “Phát triển giáo dục mầm non và phổ thông tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2025 và những năm tiếp theo”; Nghị quyết số 262/2020/NQ-HĐND ngày 08/12/2020 về “Tiếp tục thực hiện và sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 56/2017/NQ-HĐND ngày 15 tháng 7 năm 2017 về đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 3 tháng, giai đoạn 2017 - 2020 trên địa bàn tỉnh”; Nghị quyết số 70/2022/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 về “Quy định một số chính sách hỗ trợ đào tạo nghề, giải quyết việc làm trên địa bàn Hà Tĩnh giai đoạn 2022-2025”; Kế hoạch số 155/KH-UBND ngày 15/5/2013 về việc thực hiện Chiến lược phát triển dạy nghề của tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2013-2020; Kế hoạch số 182/KH-UBND ngày 28/6/2019 Thực hiện Đề án “Giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông Hà Tĩnh giai đoạn 2018 - 2025”; Kế hoạch số 231/KH-UBND ngày 26/6/2020 Triển khai thực hiện Chỉ thị số 24/CT-TTg ngày 28/5/2020 của Thủ tướng Chính phủ về đẩy mạnh phát triển nhân lực có kỹ năng nghề, góp phần nâng cao năng suất lao động và năng lực cạnh tranh quốc tế trong tình hình mới; Kế hoạch số 403/KH-UBND ngày 17/9/2021 Thực hiện công tác đào tạo nghề, giải quyết việc làm trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2021-2025;...

ủy về tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo công tác đào tạo nghề, giải quyết việc làm cho người lao động trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh thực sự là một cú hích quan trọng nhằm thúc đẩy GDNN phát triển nhanh, mạnh hơn. Do đó, công tác GDNN thời gian qua đã gặt hái được nhiều kết quả quan trọng, góp phần vào phát triển kinh tế- xã hội, tạo việc làm và thu nhập cho người lao động. Kết quả thể hiện trên một số mặt nổi bật như sau:

- Về quy hoạch mạng lưới GDNN: được Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh chỉ đạo quyết liệt theo tinh thần Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII và các văn bản chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội. Hệ thống cơ sở GDNN được quy hoạch, sắp xếp theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực hiệu quả. Năm 2023 có 22 cơ sở GDNN gồm: 04 trường cao đẳng, 4 trường trung cấp, 01 trung tâm giáo dục nghề nghiệp, 10 trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên cấp huyện, 03 cơ sở tham gia hoạt động GDNN, trong đó có 02 trường cao đẳng được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đưa vào danh sách đầu tư thành trường nghề chất lượng cao theo Quyết định số 761/QĐ-TTg ngày 23/5/2014⁶⁰; 14 nghề trọng điểm cấp độ quốc gia, 09 nghề trọng điểm cấp độ khu vực ASEAN, 07 nghề trọng điểm cấp độ quốc tế được Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội phê duyệt tại Quyết định số 1769/QĐ-BLĐTBXH ngày 25/11/2019⁶¹. Để đáp ứng yêu cầu phát triển trong tình hình mới, trên cơ sở các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: số 1363/QĐ-TTg ngày 08/11/2022 về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Hà Tĩnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; số 73/QĐ-TTg ngày 10/02/2023 phê duyệt Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045, UBND tỉnh đang chỉ đạo Sở Lao động - Thương binh và Xã hội xây dựng Dự thảo Nghị quyết ban hành “Đề án quy hoạch mạng lưới GDNN thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh”, sẽ trình HĐND tỉnh vào phiên họp cuối năm 2023, để thay thế Nghị quyết số 36/NQ-HĐND ngày 15/12/2016

⁶⁰ Quyết định số 761/QĐ-TTg ngày 23/05/2014 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt “Đề án phát triển trường nghề chất lượng cao đến năm 2020” bao gồm: Trường Cao đẳng Công nghệ Hà Tĩnh và Trường Cao đẳng Kỹ thuật Việt- Đức Hà Tĩnh.

⁶¹ 14 nghề trọng điểm quốc gia: Trường Cao đẳng Công nghệ Hà Tĩnh 2 nghề, Trường Cao đẳng Kỹ thuật Việt-Đức Hà Tĩnh 1 nghề, Trường Cao đẳng Nguyễn Du 4 nghề, Trường Trung cấp nghề Hà Tĩnh 3 nghề, Trường Trung cấp Kỹ nghệ Hà Tĩnh 2 nghề, Trường Trung cấp nghề Lý Tự Trọng 2 nghề; 09 nghề trọng điểm khu vực ASEAN: Trường Cao đẳng Công nghệ Hà Tĩnh 2 nghề, Trường Cao đẳng Kỹ thuật Việt-Đức Hà Tĩnh 3 nghề, Trường Cao đẳng Y tế Hà Tĩnh 2 nghề, Trường Cao đẳng Nguyễn Du 1 nghề, Trường Trung cấp Kỹ nghệ Hà Tĩnh 1 nghề; 07 nghề trọng điểm cấp độ quốc tế: Trường Cao đẳng Công nghệ Hà Tĩnh 3 nghề, Trường Cao đẳng Kỹ thuật Việt- Đức Hà Tĩnh 3 nghề, Trường Cao đẳng Y tế Hà Tĩnh 1 nghề.

của HĐND tỉnh phê duyệt Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.

- *Về phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý:* Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp của tỉnh có sự phát triển đều về số lượng và chất lượng, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục và đào tạo. Năm 2023, toàn tỉnh có 1.054 người, trong đó: 5 tiến sĩ, 231 thạc sĩ, 545 đại học, 124 cao đẳng và 147 trình độ khác. Ngoài ra đã huy động được số lượng lớn giáo viên thỉnh giảng là cán bộ kỹ thuật, thợ có tay nghề cao, nghệ nhân, chuyên gia tham gia đào tạo nghề cho lao động nông thôn; nhà giáo cơ hữu đạt chuẩn về trình độ chuyên môn. Đã có 17 nhà giáo được bồi dưỡng đạt chuẩn giảng dạy trình độ cao đẳng quốc tế ở các nước phát triển như: Úc, CHLB Đức, Malaysia... nhiều nhà giáo học thêm chuyên ngành khác để đảm bảo giảng dạy được 02 ngành, nghề. Nhiều trường đã tổ chức cho các nhà giáo học tập nâng cao tay nghề tại các cơ sở đào tạo có uy tín trong và ngoài nước; phần lớn trong số đó hoàn thành việc học tập và về phục vụ có hiệu quả cho việc nâng cao chất lượng đào tạo.

- *Về quy mô và chất lượng đào tạo:* Với sự linh hoạt về chính sách đào tạo nghề của tỉnh, việc lựa chọn học nghề của học sinh đã chuyển dần theo hướng phù hợp với phát triển kỹ năng phục vụ nhu cầu lao động của xã hội. Thay vì tiếp tục học lên THPT (đối với học sinh tốt nghiệp THCS) hoặc đăng ký tuyển sinh đại học (đối với học sinh tốt nghiệp THPT), tỷ lệ học sinh đăng ký học nghề từ cấp THCS và THPT có xu hướng tăng trong thời gian qua. Việc tổ chức học tập theo thời vụ, công tác tuyển sinh học nghề được thực hiện liên tục trong năm, người lao động có thể đăng ký học bất kể thời gian nào trong giờ hành chính, ngoài giờ hành chính và thứ bảy và chủ nhật. Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đã phát triển mô hình đào tạo trong doanh nghiệp, tổ chức lớp học thực hành tại doanh nghiệp, huy động được doanh nghiệp tham gia đào tạo. Chính nhờ các giải pháp này, giai đoạn 2013-2022, hệ thống các cơ sở GDNN tuyển sinh, đào tạo cho trên 210.000 người, trong đó trên 56.000 là đối tượng phân luồng sau tốt nghiệp THCS vừa học nghề vừa học GDTX bậc THPT. Mô hình THPT-TCN theo Thông báo 551/TB-BGDĐT ngày 29/7/2016 của Bộ GDĐT; Công văn số 4627/UBND-NC ngày 12/9/2016 của UBND tỉnh theo kết luận của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc nhân rộng mô hình kết hợp dạy văn hóa và dạy nghề trình độ trung cấp cho học sinh đang học văn hóa tại các trường THPT, đã có trên 15.000 học sinh THPT được đào tạo nghề trình độ trung cấp và tham gia thị trường lao động ngay khi vừa mới tốt nghiệp THPT .

Với quy mô tuyển sinh trên 20.000 HSSV/năm ở 4 cấp trình độ từ cao đẳng, trung cấp, sơ cấp, dưới 3 tháng và hệ thống ngành nghề gồm: nhóm nghề về văn hóa nghệ thuật, y tế (chiếm 13,02%); nhóm nghề về nông, lâm, ngư nghiệp (chiếm 14,29%); nhóm nghề công nghiệp, xây dựng (chiếm 33,07%); nhóm nghề dịch vụ, thương mại (chiếm 39,62%), GDNN Hà Tĩnh đã giải quyết cơ bản nhu cầu học nghề của người dân đồng thời góp phần không nhỏ vào việc cung ứng nguồn nhân lực chất lượng cao, phục vụ phát triển kinh tế- xã hội của tỉnh.

Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, đặc biệt là các trường cao đẳng, trung cấp đã tích cực liên kết với các doanh nghiệp trong quá trình đào tạo và tuyển dụng. Tỷ lệ lao động sau đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng có việc làm chiếm 80%, có một số ngành nghề đạt 100%. Điển hình là các trường: Cao đẳng Công nghệ Hà Tĩnh, Cao đẳng Kỹ thuật Việt-Đức Hà Tĩnh, Trung cấp nghề Hà Tĩnh, Trung cấp nghề Lý Tự Trọng,...

Khu Kinh tế Vũng Áng được thành lập theo Quyết định số 72/2006/QĐ-TTg ngày 3/4/2006 của Thủ tướng Chính phủ, đến nay đã đi vào hoạt động được 17 năm. Khi mới thành lập, Khu kinh tế Vũng Áng đã có hơn 226 doanh nghiệp được cấp giấy chứng nhận đầu tư/đăng ký kinh doanh, trong đó có 77 dự án đầu tư, với số vốn đầu tư đăng ký trên 16 tỷ USD, 40.284 tỷ đồng⁶². Đến tháng 6/2013, có 12.465 lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp, nhà đầu tư, nhà thầu trong KTT Vũng Áng, trong đó tập trung nhiều nhất tại Công ty TNHH Gang thép Hưng Nghiệp Formosa với 5.701 lao động. Đến hết 2022, Khu Kinh tế Vũng Áng thu hút được 153 dự án, bao gồm 56 dự án có vốn đầu tư nước ngoài (trong đó có 01 dự án đầu tư theo hình thức BOT) với tổng số vốn đăng ký 16.040.933 triệu USD; 97 dự án đầu tư trong nước với số vốn đăng ký 55.694.020 tỷ đồng; tổng số lao động là 18.762 người, trong đó 17.532 lao động trong nước, 1.230 lao động nước ngoài⁶³.

Có thể nhận thấy sau 17 năm hoạt động, Khu Kinh tế Vũng Áng phát triển khá đồng bộ về số dự án, vốn đầu tư và nguồn nhân lực. Do tính chất quan trọng của một khu kinh tế đối với sự phát triển của tỉnh nên ngay từ khi mới thành lập, Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh đã đặt vấn đề đào tạo nguồn nhân lực phục vụ sự phát triển Khu Kinh tế Vũng Áng trở thành một trong nhiệm vụ chính trị trọng

⁶² Hội nghị trực tuyến sơ kết công tác đào tạo nguồn nhân lực cho Khu Kinh tế Vũng Áng, 2013.

⁶³ Báo cáo số 98/BC-KKT ngày 09/12/2022 của Ban Quản lý Khu Kinh tế tỉnh về tình hình triển khai nhiệm vụ năm 2022 và nhiệm vụ trong tâm năm 2023.

tâm của tỉnh. Nội dung này đã được đề ra trong các Nghị quyết Đại hội tỉnh Đảng bộ các khóa XVI, XVII, XVIII, XIX và các nghị quyết chuyên đề của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh⁶⁴, được UBND tỉnh triển khai thực hiện qua các văn bản: Quyết định số 26/2013/QĐ-UBND ngày 03/7/2013 về chính sách hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực cho Khu Kinh tế Vũng Áng; Quyết định số 1008/QĐ-UBND ngày 15/4/2014 về việc tiếp tục áp dụng chính sách hỗ trợ đào tạo nghề tạo nguồn lực Khu Kinh tế Vũng Áng năm 2013 sang thực hiện năm 2014 và nhiều văn bản chỉ đạo, triển khai, hướng dẫn thực hiện khác⁶⁵.

Với quy mô, tính chất của các dự án lớn mang tầm quốc gia và khu vực, Khu Kinh tế Vũng Áng đã thu hút một lượng lao động lớn cả trong và ngoài nước. Đây cũng là cơ hội để Hà Tĩnh giải quyết bài toán về lao động, việc làm. Người Hà Tĩnh có thể học nghề, làm việc ở các công trường, nhà máy, xí nghiệp ngay tại quê hương mình. Nhờ các chính sách ưu đãi về học nghề, giải quyết việc làm, từ 2006 đến nay, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp của tỉnh của tỉnh đã đào tạo và cung ứng 3868 HSSV sau khi tốt nghiệp⁶⁶, nhằm giải quyết nhu cầu nhân lực chất lượng cao của các doanh nghiệp, góp phần đáng kể vào sự phát triển của Khu Kinh tế Vũng Áng. Tuy nhiên, so với nhu cầu nhân lực chất lượng cao phục vụ các dự án trọng điểm thì số lượng lao động được đào tạo tại các cơ sở GDNN trên địa bàn Hà Tĩnh được tuyển dụng, làm việc tại Khu Kinh tế Vũng Áng chiếm một tỉ lệ khá thấp. Nguyên nhân của vấn đề này là việc ký kết hợp tác đào tạo giữa nhà trường và doanh nghiệp chưa được quan tâm đúng mức. Tuyển sinh đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp theo đơn đặt hàng của doanh nghiệp chưa đạt chỉ tiêu kế hoạch đề ra. Chất lượng đào tạo một số ngành vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu của doanh nghiệp, nhất là đối với những nhóm ngành yêu cầu kỹ thuật chuyên môn sâu như luyện cán thép; tự động hóa; điện công nghiệp. Một số ngành nghề đào tạo như: Kỹ thuật chế biến món ăn, Hàn, Điện Công nghiệp, Kỹ thuật máy lạnh điều hòa không khí được tuyển sinh đào tạo phân tán ở hầu hết các cơ sở giáo dục nghề nghiệp dẫn đến phân tán nguồn lực đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy nghề nên hiệu quả chưa cao. Việc

⁶⁴ Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 22/11/2021 của Ban Chấp hành tỉnh Đảng bộ tỉnh Hà Tĩnh về phát triển Khu Kinh tế Vũng Áng giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030; Nghị quyết số 70/2022/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 của HĐND tỉnh về quy định một số chính sách hỗ trợ đào tạo nghề, giải quyết việc làm trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2022-2025.

⁶⁵ Báo cáo số 515/BC-UBND ngày 05/12/2014 của UBND tỉnh về tình hình quy hoạch phát triển nhân lực Hà Tĩnh giai đoạn 2011-2020.

⁶⁶ Trường Cao đẳng Công nghệ Hà Tĩnh: 772 em; Trường Cao đẳng Kỹ thuật Việt- Đức Hà Tĩnh: 1595 em; Trường Cao đẳng Y tế Hà Tĩnh: 03 em; Trường Trung cấp nghề Hà Tĩnh: 1416 em; Trường Trung cấp Kỹ nghệ Hà Tĩnh: 46 em; Trường Trung cấp nghề Lý Tự Trọng: 36 em.

theo dõi, nắm bắt thông tin thị trường lao động và quản lý cơ sở dữ liệu về việc làm của học sinh, sinh viên sau khi tốt nghiệp chưa được các cơ sở GDNN quan tâm; đa số các trường mới chỉ ước tính số liệu, chưa có danh sách theo dõi đầy đủ, chính xác về việc làm của học sinh, sinh viên sau khi ra trường.

Theo Quy hoạch tỉnh Hà Tĩnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1363/QĐ-TTg ngày 08/11/2022, thì Khu Kinh tế Vũng Áng là Trung tâm động lực tăng trưởng với hạt nhân là Khu liên hợp gang thép Formosa, cụm cảng nước sâu Vũng Áng- Sơn Dương. Để đáp ứng nhu cầu phát triển Khu Kinh tế Vũng Áng trong thời gian tới theo Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Hà Tĩnh lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2020-2025: *"Tập trung chuyển dịch cơ cấu, tăng năng suất lao động, sức cạnh tranh của nền kinh tế gắn với chuyển dịch cơ cấu lao động; tăng cường thu hút đầu tư, nâng tỉ trọng lấp đầy các khu, cụm công nghiệp; xây dựng Khu Kinh tế Vũng Áng thực sự trở thành khu kinh tế đa chức năng..."*, về vấn đề đào tạo nghề, cung ứng nguồn nhân lực cần tập trung một số nhiệm vụ giải pháp như sau:

- Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng, sự quản lý của Nhà nước trong việc đổi mới công tác GDNN. Tiếp tục quán triệt đến các cấp ủy Đảng, chính quyền về tầm quan trọng của công tác đổi mới, coi đổi mới giáo dục nghề nghiệp là nhiệm vụ trọng tâm và có ý nghĩa quan trọng trong sự nghiệp giáo dục đào tạo. Thực hiện quy hoạch lại mạng lưới GDNN đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2045, trong đó chú trọng sắp xếp lại các cơ sở GDNN theo hướng thu gọn đầu mối, các trường chỉ phát triển các ngành nghề thế mạnh, phục vụ trực tiếp nhu cầu phát triển kinh tế-xã hội của tỉnh, ưu tiên các ngành nghề mà các doanh nghiệp tại Khu Kinh tế Vũng Áng đang có nhu cầu⁶⁷; khuyến khích các doanh nghiệp tham gia hoạt động GDNN.

- Đổi mới công tác quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp, tăng cường công tác đảm bảo chất lượng; tham mưu ban hành các chính sách hỗ trợ phát triển GDNN; xây dựng mức kinh tế- kỹ thuật các cấp trình độ theo hướng tự chủ; xây dựng đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý nhà nước có trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao, am hiểu và tận tâm với nghề. Đơn giản hóa các thủ tục hành chính; hỗ trợ các cơ sở GDNN trong công tác tuyên truyền, hỗ trợ đầu tư cơ sở vật chất thiết bị đào tạo; thông tin cụ thể về nhu cầu tuyển dụng trên địa bàn và

⁶⁷ Theo khảo sát của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh, giai đoạn 2023-2025, các doanh nghiệp tại Khu Kinh tế Vũng Áng cần tuyển dụng 3863 người trình độ cao đẳng, trung cấp các nhóm nghề về Công nghệ- Kỹ thuật, Kiến trúc- Xây dựng.

đánh giá về hiệu quả sau đào tạo; tăng cường công tác xã hội hóa các nguồn lực trong hoạt động GDNN.

- Tăng cường gắn kết chặt chẽ 3 “Nhà”: Nhà nước - Nhà trường - Nhà doanh nghiệp trong lĩnh vực đào tạo và cung ứng nhân lực; huy động các chuyên gia giỏi tại các doanh nghiệp tham gia xây dựng chương trình đào tạo, trực tiếp giảng dạy, hướng dẫn thực hành, thực tập cho học sinh, sinh viên; tham gia đánh giá năng lực, kỹ năng nghề cũng như thái độ học sinh, sinh viên. Khảo sát, tổng hợp chính xác nhu cầu sử dụng lao động của các doanh nghiệp và các công trình dự án đầu tư trên địa bàn theo từng lĩnh vực, từng ngành nghề và theo từng trình độ đào tạo, trên cơ sở đó chỉ đạo các cơ sở giáo dục nghề nghiệp xây dựng kế hoạch để hợp tác và tổ chức có hiệu công tác đào tạo, cung ứng lao động, không để xảy ra tình trạng thiếu hụt nguồn nhân lực của các doanh nghiệp, làm ảnh hưởng tới chủ trương thu hút đầu tư trên địa bàn. Đẩy mạnh liên kết giữa gia đình - nhà trường - doanh nghiệp trong tuyển sinh, tổ chức đào tạo, thực tập nghề; thành lập bộ phận quan hệ doanh nghiệp tại các cơ sở đào tạo để nắm bắt nhu cầu, giới thiệu việc làm cho học sinh, sinh viên sau khi tốt nghiệp.

- Đẩy mạnh quan hệ hợp tác trao đổi giáo viên, học sinh, sinh viên các trường nghề trên địa bàn tỉnh với các cơ sở đào tạo nghề trong và ngoài nước có quan hệ hợp tác với tỉnh Hà Tĩnh; tăng cường hội thảo khoa học, tham quan mô hình đào tạo tiên tiến của các nước; nhân rộng mô hình đào tạo chương trình nghề trọng điểm quốc tế do CHLB Đức, Úc chuyên giao. Xây dựng và đề xuất các dự án về nâng cao năng các cơ sở giáo dục nghề nghiệp do các tổ chức quốc tế hỗ trợ đầu tư.

Chất lượng nguồn nhân lực luôn là yếu tố then chốt đối với sự phát triển kinh tế-xã hội của quốc gia nói chung và địa phương nói riêng. Khu Kinh tế Vũng Áng được quy hoạch là Trung tâm động lực tăng trưởng cho cả tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Do đó, việc triển khai đồng bộ các giải pháp trong công tác đào tạo nghề, cung ứng nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ các công trình, dự án trọng điểm nơi đây có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, giúp Hà Tĩnh hiện thực hóa tiềm năng và khát vọng, để trở thành một trong số tỉnh khá của cả nước trong thời gian không xa./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- 1.Luật Giáo dục nghề nghiệp năm 2014.
- 2.Các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ:số 1363/QĐ-TTg ngày 08/11/2022 về

việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Hà Tĩnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; số 73/QĐ-TTg ngày 10/02/2023 phê duyệt Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp thời kỳ 2021-2030.

Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Hà Tĩnh lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2020-2025.

4. Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 22/11/2021 của Ban Chấp hành tỉnh Đảng bộ tỉnh Hà Tĩnh về phát triển Khu Kinh tế Vũng Áng giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030.

5. Nghị quyết số 36/NQ-HĐND ngày 15/12/2016 về “Thông qua Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030”.

6. Nghị quyết số 70/2022/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 về “Quy định một số chính sách hỗ trợ đào tạo nghề, giải quyết việc làm trên địa bàn Hà Tĩnh giai đoạn 2022-2025”.

7. Báo cáo số 98/BC-KKT ngày 09/12/2022 của Ban Quản lý Khu Kinh tế tỉnh về tình hình triển khai nhiệm vụ năm 2022 và nhiệm vụ trọng tâm năm 2023.

8. Báo cáo số 515/BC-UBND ngày 05/12/2014 của UBND tỉnh về tình hình quy hoạch phát triển nhân lực Hà Tĩnh giai đoạn 2011-2020.

9. Báo cáo số 76/BC-SLĐTBXH ngày 11/5/2021 của Sở Lao động- Thương binh và Xã hội về đánh giá thực trạng và dự kiến mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2030, định hướng đến năm 2045.

10. Báo cáo số 176/BC-SLĐTBXH ngày 24/10/2022 của Sở Lao động- Thương binh và Xã hội về thực trạng tình hình và kết quả thực hiện quy định pháp luật về đào tạo nghề, giải quyết việc làm giai đoạn 2020 - 2022 trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

THU HÚT NGUỒN NHÂN LỰC CHẤT LƯỢNG CAO ĐÁP ỨNG YÊU CẦU PHÁT TRIỂN KHU KINH TẾ VŨNG ÁNG

Nguyễn Thị Hồng Ninh
Trưởng Đại học Hà Tĩnh

Tóm tắt: *Nguồn nhân lực chất lượng cao là nhân tố cơ bản thúc đẩy sự phát triển nền kinh tế. Trên cơ sở phân tích khái niệm và vai trò của nguồn nhân lực chất lượng cao, phân tích thực trạng nguồn nhân lực tại Khu Kinh tế Vũng Áng, bài viết đề ra một số giải pháp nhằm thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu phát triển Khu Kinh tế Vũng Áng trong thời gian tới.*

1. Khái niệm và vai trò của nguồn nhân lực chất lượng cao

Trong giai đoạn phát triển hiện nay của nền kinh tế, nhân tố có động lực mạnh mẽ nhất là nhân tố về khoa học công nghệ, nhưng nhân tố cơ bản nhất thúc đẩy sự phát triển vẫn là nhân tố con người, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao.

Nguồn nhân lực chất lượng cao là khái niệm để mô tả một lực lượng lao động làm thông thạo một nghề nào đó, và việc thành thạo đó khiến họ trở thành một lao động giỏi và có kỹ năng chuyên môn tốt trong nghề của mình. Nguồn nhân lực chất lượng cao không chỉ là những người lao động có trình độ chuyên môn cao cử nhân hay kỹ sư được đào tạo bài bản, mà đó còn là lực lượng lao động có tay nghề cao, ý thức tổ chức kỷ luật tốt, luôn cố gắng phấn đấu vì sự phát triển của bản thân và của công ty, doanh nghiệp.

Nguồn nhân lực chất lượng cao là điều kiện cần thiết để doanh nghiệp, công ty, tổ chức tiếp cận và nhanh chóng ứng dụng hiệu quả tri thức và công nghệ vào hoạt động sản xuất và hoạt động kinh doanh. Nhất là trong điều kiện cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại, nguồn nhân lực chất lượng cao luôn là lợi thế, giúp doanh nghiệp không những ứng dụng nhanh công nghệ mới vào sản xuất mà còn có khả năng sản sinh ra tri thức và công nghệ dựa trên sự sáng tạo và tích lũy kinh nghiệm của đội ngũ này. Nguồn nhân lực chất lượng cao với kỹ năng làm việc tốt, kiến thức, kinh nghiệm làm việc sẽ mang năng suất lao động cao cho tổ chức, công ty, doanh nghiệp. Người lao động với trình độ chuyên môn cao, ý thức tổ chức kỷ luật tốt sẽ hoàn thành tốt công việc được giao. Với tinh thần lao động tích cực, họ luôn là người sáng tạo trong công việc và tìm tòi học hỏi cách làm mới để đạt hiệu quả và năng suất lao động tốt nhất.

Doanh nghiệp có lực lượng lao động chất lượng cao là doanh nghiệp mạnh, có ưu thế trong cạnh tranh và khả năng phát triển lớn. Chính vì vậy, đầu tư phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao là đầu tư cho sự phát triển bền vững. Nguồn nhân lực chất lượng cao là nền móng cho sự vững mạnh của doanh nghiệp, giúp doanh nghiệp nâng cao khả năng cạnh tranh trên thị trường trong nước và quốc tế. Nguồn nhân lực chất lượng cao được ví như “đôi cánh” để đưa doanh nghiệp tiến xa hơn trên con đường phát triển của doanh nghiệp. Như vậy, nguồn nhân lực chất lượng cao là yếu tố rất quan trọng và là yếu tố nòng cốt để phát triển tổ chức, phát triển doanh nghiệp bền vững, tăng khả năng cạnh tranh và phát triển lâu dài trong tương lai.

2. Thực trạng nguồn nhân lực tại Khu Kinh tế Vũng Áng hiện nay

Khu kinh tế Vũng Áng được xác định là trung tâm động lực tăng trưởng với hạt nhân là khu liên hợp gang thép, cụm cảng nước sâu Vũng Áng, Sơn Dương. Vũng Áng cũng là nơi hội tụ của hai trong bốn ngành công nghiệp trọng điểm, một trong ba đô thị trung tâm và là một trong ba hành lang kinh tế. Khu kinh tế Vũng Áng là một trong năm khu kinh tế trọng điểm ven biển được Chính phủ chọn để tập trung trong đầu tư. Các doanh nghiệp trong Khu kinh tế Vũng Áng trở thành nguồn đóng góp chủ đạo vào ngân sách tỉnh Hà Tĩnh với trung bình đóng góp 60% tổng thu toàn tỉnh hàng năm.

Mục tiêu tổng quát đề ra cho phát triển Khu Kinh tế Vũng Áng là xây dựng Khu Kinh tế Vũng Áng trở thành Khu Kinh tế tổng hợp, đa ngành, đa lĩnh vực với trọng tâm là: phát triển đồng bộ khu liên hợp cảng Vũng Áng - Sơn Dương; xây dựng trung tâm logistics tại Vũng Áng - Sơn Dương cùng các trung tâm công nghiệp luyện kim, chế biến, chế tạo, trung tâm điện lực, đảm bảo hiệu quả tổng hợp về kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh và bảo vệ môi trường; đồng hành với nâng cấp Thị xã Kỳ Anh trở thành vùng đô thị trung tâm phía Nam, hình thành thành phố công nghiệp Kỳ Anh trong tương lai, kết nối Nam Hà Tĩnh - Bắc Quảng Bình. Khu Kinh tế Vũng Áng giữ vững vai trò là hạt nhân tăng trưởng của tỉnh Hà Tĩnh trên các lĩnh vực: tốc độ tăng trưởng, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, lao động của tỉnh theo hướng hợp lý, hiện đại và hiệu quả.

Theo số liệu của công đoàn Các khu kinh tế, hiện nay số lao động tại Khu Kinh tế Vũng Áng có 18.264 người, trong đó có 17.035 lao động Việt Nam và 1.229 lao động nước ngoài). Riêng Dự án Khu liên hợp Gang thép và cảng nước sâu Sơn Dương Formosa Hà Tĩnh tổng số lao động là 11.313 người: trong đó lao động Việt Nam có 10.352 người (Công ty FHS: 5.715 người; Nhà thầu: 4.637

người). và lao động nước ngoài có 961 người (Công ty FHS: 530 người; Nhà thầu: 431 người).

Khu Kinh tế Vũng Áng được quy hoạch và đang phát triển theo hướng tổng hợp, đa ngành nghề, đa lĩnh vực, xứng tầm là cực tăng trưởng kinh tế quan trọng của tỉnh Hà Tĩnh và khu vực Bắc Trung bộ; vì vậy người lao động có nhiều cơ hội việc làm với mức thu nhập ổn định. Các doanh nghiệp luôn chú trọng nâng chăm lo đời sống cho công nhân, tạo điều kiện cho công nhân ổn định công việc và gắn bó với doanh nghiệp.

Người lao động Hà Tĩnh nói chung và Kỳ Anh nói riêng có phẩm chất siêng năng, cần cù chịu khó, trung thực trong công việc. Nguồn cung lao động địa phương ít nên các doanh nghiệp quan tâm, giữ chân người lao động địa phương. Đó là những điều kiện thuận lợi cho việc phát triển và thu hút nguồn nhân lực cho khu vực này.

Tuy nhiên, hiện nay Khu Kinh tế Vũng Áng đang thiếu hụt lao động, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao. Về số lượng, mục tiêu đề ra cho giai đoạn phát triển khu Kinh tế Vũng Áng từ 2021 đến 2025 là giải quyết việc làm: 25.000 lao động chưa thực hiện được.

Về chất lượng, cũng như tình trạng chung của các khu công nghiệp trên cả nước, khu kinh tế Vũng Áng rất cần nguồn nhân lực chất lượng cao. Tuy nhiên, chất lượng của nguồn nhân lực địa phương cũng như trên cả nước chưa cao. Số lao động chưa qua đào tạo còn chiếm tỷ trọng đáng kể, các chương trình đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao còn chưa thực sự hiệu quả. Chính vì vậy, mặc dù nhu cầu tuyển dụng nhân lực chất lượng cao rất nhiều, nhưng lực lượng lao động hiện nay chưa đáp ứng được yêu cầu khắt khe về tuyển dụng của các tổ chức, công ty hay doanh nghiệp. Hiện nay, ở Thị xã Kỳ Anh lực lượng lao động qua đào tạo có bằng cấp còn chiếm tỷ lệ thấp (57%) so với kế hoạch đào tạo nhân lực của thị xã. Chính vì vậy nguồn cung về lao động chất lượng cao của địa phương cho Khu Kinh tế Vũng Áng còn hạn chế.

Khu Kinh tế Vũng Áng tạo nhiều cơ hội việc làm với mức thu nhập ổn định cho lao động địa phương. Tuy nhiên tính chuyên nghiệp, tác phong lao động công nghiệp và ý thức tổ chức kỷ luật trong lao động của một bộ phận người lao động này chưa cao.

Một số lao động có tay nghề cao, có sự đào tạo bài bản đạt trình độ kỹ sư, cử nhân...chưa thực sự gắn bó với Khu Kinh tế Vũng Áng. Nhiều lao động trình

độ cao đã trúng tuyển vào làm việc nhưng chỉ một thời gian ngắn đã rời đi. Họ tìm kiếm công việc ở những địa phương khác hoặc đi xuất khẩu lao động. Thực tế cho thấy, số sinh viên liên kết đào tạo của trường đại học địa phương với những trường đại học lớn trên cả nước như Đại học Bách khoa Hà Nội và Đại học Bách khoa Đà Nẵng nhằm cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao cho Khu Kinh tế Vũng Áng hầu như đã không về đây làm việc. Như vậy, công việc và thu nhập ổn định tại Khu Kinh tế Vũng Áng chưa phải là điều kiện quyết định thu hút việc làm đối với bộ phận lao động này.

Nguyên nhân:

Thứ nhất, Kỳ Anh là địa phương còn nhiều khó khăn, điều kiện tự nhiên khắc nghiệt, mùa mưa lạnh kéo dài; mùa nắng nóng đổ lửa, thời tiết khô nóng gió Lào, người dân chưa có điều kiện chăm lo sức khỏe, chưa đủ năng lực thể chất cho lao động công nghiệp. Điều đó ảnh hưởng đến năng suất lao động và chất lượng cuộc sống của người lao động. Mặt khác, do điều kiện địa lý, Vũng Áng nằm ở một dải đất hẹp miền Trung, xa các trung tâm kinh tế và thành phố lớn của cả nước, không thuận tiện về giao thông nên số lao động ở các địa phương khác đến làm việc tại đây cũng không nhiều.

Thứ hai, Khu kinh tế Vũng Áng còn chưa tạo sức thu hút mạnh mẽ với đội ngũ lao động trẻ, có trình độ cao. Vì điều kiện kinh tế - xã hội, hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng kết nối cảng biển, sân bay, logistics... chưa đáp ứng yêu cầu. Chính sách an sinh xã hội; môi trường làm việc, chế độ ưu đãi của một số doanh nghiệp chưa thực sự hấp dẫn...

Thứ ba, các công trình hạ tầng thiết yếu như: Hạ tầng giao thông, nhà ở xã hội, nhà ở cho người lao động, trường mầm non, cơ sở y tế, khu thể thao, chợ, siêu thị, khu vui chơi phục vụ nhu cầu thiết yếu của người lao động trong Khu Kinh tế, Khu Công nghiệp chưa được đầu tư xây dựng đồng bộ.

Thứ tư, hạ tầng giao thông, trường học, nhà trẻ, bệnh viện, vui chơi giải trí cho công nhân, lao động còn hạn chế. Người lao động ít có sự lựa chọn để thỏa mãn và phát triển đời sống tinh thần so với các địa phương lân cận; Bên cạnh đó điều kiện phục vụ sinh hoạt và đời sống như điện - nước sinh hoạt có chất lượng không ổn định.

Tất cả những hạn chế trên làm trở ngại cho việc thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao đến với Khu Kinh tế Vũng Áng.

3. Các giải pháp nhằm thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao cho Khu Kinh tế Vũng Áng

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, quảng bá thu hút lao động

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, quảng bá thu hút lao động cho Khu Kinh tế trên các phương tiện thông tin đại chúng và mạng xã hội in ternet, zalo, face book... để các đối tượng, nhất là lớp trẻ nhanh chóng tiếp cận nguồn thông tin và định hướng nghề nghiệp cho bản thân. Đồng thời phát huy vai trò của các tổ chức chính trị - xã hội như Đoàn Thanh niên, hội Liên hiệp Phụ nữ các địa phương trong việc tuyên truyền quảng bá và thu hút lao động cho Khu Kinh tế; Thay đổi phương thức tiếp cận, kết hợp việc người lao động tìm đến doanh nghiệp với doanh nghiệp tìm đến người lao động. Một thực tế cho thấy, hiện nay đa số học sinh thanh niên ở Hà Tĩnh có nhu cầu đi xuất khẩu lao động rất cao. Nguyên nhân là các em không có thông tin đầy đủ về nhu cầu việc làm ở địa phương và hy vọng về nguồn thu nhập cao và điều kiện việc làm tốt hơn của xuất khẩu lao động.

Xây dựng hệ thống dữ liệu; dự báo nhu cầu lao động qua đào tạo

Để đáp ứng yêu cầu mục tiêu 25.000 lao động đến năm 2025 và 30.000 lao động đến năm 2013, cần xây dựng hệ thống dữ liệu; dự báo nhu cầu lao động qua đào tạo cho Khu Kinh tế theo ngành, nghề, trình độ đào tạo; Thúc đẩy thực thi cơ chế hợp tác chặt chẽ giữa các bên Nhà nước, Nhà trường, Nhà doanh nghiệp trong phát triển nguồn nhân lực.

Có cơ chế chính sách thu hút lao động trình độ cao, lao động lành nghề

Có chính sách thoả đáng về tiền lương, nhà ở nhằm thu hút cán bộ có trình độ kỹ thuật, các chuyên gia giỏi, công nhân lành nghề về Vũng Áng làm việc, lập nghiệp và tham gia vào công cuộc xây dựng và phát triển quê hương. Ngoài cơ chế chính sách trực tiếp đối với cán bộ kỹ thuật, chuyên gia giỏi, cần có các chính sách khuyến khích ưu tiên đối với những người đi cùng (gia đình). Có chính sách ưu tiên khuyến khích, thu hút hộ gia đình công nhân an cư lạc nghiệp để người công nhân, cán bộ, chuyên gia yên tâm công tác. lâu dài.

Phát huy vai trò của tổ chức công đoàn Khu Kinh tế trong việc đảm bảo lợi ích cho người lao động

Phát huy vai trò của tổ chức công đoàn Khu Kinh tế trong việc đảm bảo lợi ích cho người lao động như thương lượng với chủ doanh nghiệp tăng mức đóng bảo hiểm; trợ cấp nhà ở, chi phí đi lại, ăn ca, khám sức khỏe định kỳ; xây

dựng phòng vắt trữ sữa cho nữ công nhân nuôi con nhỏ... đảm bảo các dịch vụ cho người lao động như phúc lợi xã hội, nhà ở cho công nhân, đảm bảo dịch vụ đào tạo, y tế, tổ chức các hoạt động vui chơi giải trí hay trường mẫu giáo cho con em công nhân, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống cho người lao động.

Xây dựng Khu Kinh tế Vũng Áng theo mô hình khu công nghiệp sinh thái

Chất lượng cuộc sống và môi trường làm việc tốt luôn là điều kiện hấp dẫn người lao động, nhất là lao động chất lượng cao. Một trong những lý do gây trở ngại cho người lao động đến với Vũng Áng là tốc độ công nghiệp hóa nhanh trong điều kiện thời tiết khí hậu và môi trường khắc nghiệt ảnh hưởng tiêu cực tới sức khỏe người lao động. Chính vì vậy phải xây dựng Khu Kinh tế Vũng Áng theo mô hình khu công nghiệp sinh thái. Trước mắt cần giảm thiểu tác động tiêu cực của công nghiệp hóa tới môi trường như xử lý bụi mịn, giữ trong sạch môi trường biển, xử lý chất thải độc hại... hướng tới phát triển kinh tế xanh, phát triển bền vững. Phát huy lợi thế về điều kiện tự nhiên, phát triển bền vững các ngành công nghiệp và du lịch gắn với biển ở Vũng Áng.

Phát triển bền vững Khu Kinh tế Vũng Áng không nằm ngoài mục tiêu của phát triển bền vững là phát triển hiệu quả về kinh tế; phát triển hài hòa về mặt xã hội, nâng cao chất lượng cuộc sống của người lao động; khai thác và sử dụng tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường khu công nghiệp.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Công đoàn Các khu kinh tế tỉnh Hà Tĩnh – *Báo cáo công tác 2023*
2. <https://tamnhin.trithuccuocsong.vn/de-an-phat-trien-khu-kinh-te-vung-ang-thanh-khu-kinh-te-da-chuc-nang-111524.html>
3. <https://hatinh.gov.vn/uploads/topics/16377464308093.pdf> Nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ Tỉnh Về phát triển Khu Kinh tế Vũng Áng giai đoạn 2021 – 2025, định hướng đến năm 2030
4. http://tailieudientu.lrc.tnu.edu.vn/Upload/Collection/brief/brief_3852_9797_NGHIEN_CUUDANHGIASUPHATTRIENBENVUNG.pdf

PHẦN 5

**XÂY DỰNG KẾT CẤU HẠ TẦNG, THU HÚT ĐẦU TƯ
TẠI KHU KINH TẾ VŨNG ÁNG**

NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA VÀ GIẢI PHÁP NHẪM PHÁT TRIỂN TUYỂN VẬN TẢI HÀNG CONTAINER QUA CẢNG VŨNG ÁNG - HÀ TĨNH

Nhóm tác giả Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn
Bùi Văn Quý, Phó Tổng Giám đốc;
Phạm Thị Mỹ Lệ, Phó Giám đốc Marketing;
Phạm Tuân, Phòng Kinh doanh SNPL;
Nguyễn Trọng Hà Thanh, Ban Hăng tàu, P. Marketing

Ngày 14/01/2021, TCT Tân Cảng Sài Gòn (TCSG) kí biên bản ghi nhớ với UBND Tỉnh Hà Tĩnh về việc hợp tác, phát triển dịch vụ logistics, vận tải biển và đầu tư Trung tâm Logistics. Đến nay, hai bên đã có nhiều hoạt động thực tế, quyết liệt để hiện thực hoá biên bản này. Trong đó, tuyển dịch vụ của Công ty CP Vận tải Biển Tân Cảng (Tân Cảng Shipping- TCS) vào cảng Quốc Tế Lào - Việt với chuyên tàu container đầu tiên vào ngày 10/4/202. Đến nay, tuyển dịch vụ đã đi vào khai thác ổn định với tần suất 2 - 4 chuyến/ tháng kết nối Hà Tĩnh với cụm cảng Hải Phòng, cụm cảng KV Hồ Chí Minh, cụm cảng Cái Mép và khu vực ĐBSCL. Điều đó khẳng định TCT TCSG đã nhận được sự ủng hộ của các cơ quan ban ngành Tỉnh Hà Tĩnh, sự tin tưởng của các Khách hàng sử dụng dịch vụ - bước đầu thành công trong chiến lược phát triển dịch vụ vận tải và logistics tại Hà Tĩnh.

1. Lượng hàng hoá từ Hà Tĩnh đến các Cảng và tiềm năng phát triển qua các khu vực:

- **Tổng nhu cầu vận chuyển hàng hóa bằng đường biển** năm 2022 là khoảng 2.000 Teu và 5,5 triệu tấn hàng rời (không bao gồm hàng hóa của Formosa xuất qua cảng Sơn Dương). Sản lượng có sự tăng trưởng tốt qua từng năm, tập trung các nhóm hàng: sản phẩm may mặc, sợi, chè, thủy sản, bao bì, tấm mài mòn bằng thép, viên nén gỗ, dăm gỗ (hàng rời), ván gỗ MDF. Hiện tại, các nhóm hàng container của doanh nghiệp Hà Tĩnh xuất khẩu thông qua cảng Hải Phòng, hàng nội địa thông qua tuyến vận tải biển nội địa của Tân Cảng Shipping, hàng rời thông qua cảng Vũng Áng Lào – Việt.

- **Giá trị hàng hoá xuất nhập khẩu bằng đường bộ qua cửa khẩu Cầu Treo** có sự tăng trưởng tốt qua từng năm (+19.56% năm 2021, +12.73% năm 2022). Một số mặt hàng xuất khẩu chủ yếu: sắt thép, bánh kẹo, xi măng, vật liệu xây dựng, hàng tiêu dùng, hàng nông sản...; Các mặt hàng nhập khẩu chủ yếu gồm: gạo các loại, khí CO2 hóa lỏng, nước tăng lực, đồ điện gia dụng, phân bón, nhãn khô, bánh kẹo, cây vầu, sản lát khô,...

- Với vị trí địa lý thuận lợi, tiềm năng phát triển hàng hoá giữa Việt Nam - Lào qua Hà Tĩnh là rất lớn. Kim ngạch thương mại hàng hoá giữa Việt Nam – Lào gia tăng đều qua các năm, đặc biệt năm 2021 tăng trên 33% và năm 2022 tăng 24%.

2. Các vấn đề đặt ra

2.1. Năng lực đội tàu của TCS

Đội tàu của TCS gồm 3 tàu, do nhu cầu của thị trường nội địa hiện đang giảm nên chỉ khai thác 1 tàu chạy nội địa, đủ để đáp ứng nhu cầu hàng hoá của khu vực Vũng Áng; 2 tàu còn lại khai thác tuyến quốc tế. Nếu nhu cầu thị trường nội địa tăng, TCS sẽ điều chuyển tàu về khai thác thêm tuyến, đảm bảo phục vụ khách hàng khu vực.

Hiện tại hàng hóa tuyến Vũng Áng chủ yếu phục vụ nội địa. Đối với hàng xuất nhập khẩu trực tiếp tại cửa khẩu Cảng Vũng Áng chưa thực hiện được do liên quan đến việc điều chỉnh Cảng nhận hàng/Cảng giao hàng trên vận đơn, việc này phải được chấp thuận bởi Hãng tàu ngoại và Người gửi hàng.

2.2. Năng lực cung cấp dịch vụ logistics

- Dịch vụ logistics trên địa bàn Tỉnh còn nhiều hạn chế, phần lớn các doanh nghiệp chỉ có thể cung cấp một phần trong chuỗi dịch vụ logistics; năng lực vận tải đường bộ còn yếu và thiếu tính cạnh tranh. Sau 2 năm triển khai dịch vụ tại khu vực, TCSG đã tìm kiếm và hợp tác với các đối tác lớn có năng lực, thực hiện dịch vụ trọn gói cho khách hàng, do đó khi nhu cầu thị trường tăng lên sẽ đảm bảo được năng lực phục vụ cho các khách hàng.

- Năng lực đóng hàng ở cảng Vũng Áng còn hạn chế do thiếu thiết bị và nhân công, khách vẫn chủ yếu chuyển về cảng Cửa Lò vì chuỗi cung ứng hoàn thiện hơn và kết hợp dịch vụ đảm bảo chi phí và chất lượng.

- Hệ thống Kho gần cảng đã đến hạn và chưa đáp ứng nhu cầu lưu trữ cho các mặt hàng nông sản, khoáng sản từ Lào về Việt Nam và ngược lại.

- Nhu cầu thị trường chưa sôi động, việc đầu tư phương tiện cung cấp dịch vụ logistics trọn gói khai thác không đạt hiệu quả cao. Thực tế thì khó khăn trong việc tìm kiếm, hợp tác với nhà cung cấp.

- Các nhà máy hay doanh nghiệp ở khu vực Hà Tĩnh nằm rất xa nhau và xa Cảng gây khó khăn khi kết nối hàng hóa vận chuyển, từ đó làm tăng chi phí logistics, giảm năng lực cạnh tranh của cảng Vũng Áng.

2.3. Chính sách giá, cạnh tranh của đối thủ và nhu cầu khách hàng

- Tại khu vực Bắc Trung Bộ, các Hãng tàu như VIMC, GLS, Vietsun ưu tiên sử dụng dịch vụ tại Cảng Cửa Lò, Nghệ An do thị trường hàng hóa container và hệ thống logistics tương đối phát triển, có thể đảm bảo hiệu quả khai thác của các Hãng tàu.

- Các chính sách thu hút tàu của địa phương sẽ là ưu tiên của các Hãng tàu trong kế hoạch khảo sát, triển khai các tuyến dịch vụ mới: Cảng Nghi Sơn với Nghị quyết số 248/2022/NQ-HĐND của tỉnh Thanh Hóa về việc thu hút các hãng tàu quốc tế và nội địa; Huế đã quyết liệt ban hành chính sách thu hút tàu nội địa về Cảng Chân Mây nhằm phát triển hàng hóa trên địa bàn và thu hút thêm hàng từ một số Tỉnh khác như Quảng Trị, Quảng Bình, ...; Nghệ An cũng đang nghiên cứu Dự thảo chính sách thu hút hàng container về Cảng Cửa Lò.

- Chi phí vận chuyển đường bộ giữa các Nhà máy và Cảng Vũng Áng cao hơn nhiều so với Cảng Cửa Lò nên khó cạnh tranh được về giá.

2.4. Tình hình khai thác hàng hoá tuyến dịch vụ của TCS tuyến VAG – HCM – HPH – VAG:

- **Hàng Gỗ ván ép (Vũng Áng – HCM)** từ Nhà máy Thanh Thành Đạt (Hà Tĩnh) và TH (Nghệ An) là mặt hàng chủ lực của tuyến, với sản lượng ổn định 20x40'/chuyến.

- **Hàng gạch (Vũng Áng – HCM):** tại thời điểm tháng 9, 10/2022 đã tăng đến 3 chuyến/tháng nhưng lượng hàng không ổn định. Hiện mới có lại mặt hàng này từ tháng 4/2023 với sản lượng hạn chế.

- **Hàng tã bỉm:** từ HCM đi Viên Chăn, Lào bắt đầu vận chuyển từ tháng 6/2023 với sản lượng ổn định.

- Một số mặt hàng đã/ đang vận chuyển nhưng sản lượng không đều:

o **Hàng Formosa (Hải Phòng - Vũng Áng):** Do phụ thuộc vào số ngày lưu vò của Hãng tàu ngoại nên chỉ vận chuyển được những lô hàng có thời gian lưu vò dài và phù hợp lịch tàu. Ngoài ra, giá xe đường bộ tại thị trường miền Bắc cạnh tranh nên chủ hàng tiếp tục chọn phương án vận chuyển đường bộ, đáp ứng tiêu chí giá rẻ, nhanh chóng, thuận tiện. Hiện nay, sản lượng tuyến Vũng Áng vẫn chưa tận dụng được lượng hàng này.

o **Hàng giấy Lee&Man (HCM - Vũng Áng):** vận chuyển đi Lào với sản lượng không ổn định do cạnh tranh gay gắt từ hãng tàu GLS qua cảng Cửa Lò.

o **Hàng cám, hạt nhựa (HCM – Vũng Áng):** vận chuyển theo đơn hàng nhỏ lẻ.

o **Hàng thiết bị điện gió (Vũng Áng - HCM):** vận chuyển theo dự án

- **Hàng phân bón (Vũng Áng - HCM) của KH Traco và Sky:** Hàng vận chuyển bằng xe tải từ nhà máy ở Lào về cảng Vũng Áng đóng vào container để xuất đi các tỉnh phía Nam và ĐBSCL. Công suất nhà máy tại Lào năm 2023 dự kiến 3 triệu tấn và đến năm 2024 tăng lên 4 triệu tấn. Nhược điểm của mặt hàng này là đóng theo từng lô lớn và giá cả biến động cao, khách hàng ưu tiên sử dụng tàu rời để vận chuyển những lô hàng trên 1.500 tấn nên việc khai thác bằng container chưa có tính ổn định. Trong tháng 02 và 03/2023, TCS đã đóng 82 TEU.

- **Hàng nước tăng lực Redbull:** từ Thái Lan qua Lào về Việt Nam qua cửa khẩu Cầu Treo sau đó vận chuyển về các khu vực Đông Nam Bộ. Tuy nhiên, lượng hàng này chưa có sự tập trung để chuyển bằng container vào phía Nam.

3. Một số nhận định

- Hà Tĩnh nói riêng, khu vực Bắc Trung bộ nói chung vẫn còn nhiều khó khăn, quy mô kinh tế nhỏ, dân cư thưa thớt, thị trường chưa phát triển sôi động, KKT Vũng Áng có vị trí địa lý cách xa 02 trung tâm kinh tế, đô thị lớn nhất cả nước là Hà Nội và TP. HCM, trong điều kiện hệ thống hạ tầng giao thông kết nối còn hạn chế.

- Khó khăn lớn nhất khi phát triển tuyến Vũng Áng là khu vực duyên hải Bắc Trung Bộ tuy lượng hàng, đặc biệt là hàng container ít nhưng các tỉnh đều có cảng biển riêng và đều có chính sách thu hút hàng container về cảng mình. Trong đó, Nghệ An và Thanh Hoá là 2 Tỉnh có thế mạnh về sản xuất công nghiệp, kết hợp với chính sách hỗ trợ nên năng lực thu hút hàng tàu container tốt hơn. Ngoài ra, hệ thống Kho bãi của hai Tỉnh này đa dạng, ngày càng mở rộng phục vụ lưu trữ hàng nội địa và xuất nhập khẩu sang Lào trong khi đó, hệ thống Kho tại Khu vực Vũng Áng hiện chưa có sức hấp dẫn và phục vụ đa dạng các loại mặt hàng.

- Tiềm năng phát triển logistics Hà Tĩnh không chỉ cung cấp dịch vụ cho hàng hoá xuất nhập khẩu mà còn phục vụ hàng quá cảnh từ Lào:

- Về hàng xuất nhập giữa hai nước Việt Nam - Lào: hàng Kali đang đưa về cảng Cửa Lò do hệ thống kho tại Vũng Áng đã đến hạn mặc dù sẽ thuận tiện và tiết kiệm hơn khi đưa hàng về xuất tại cảng Vũng Áng; Cần tìm kiếm thêm những mặt hàng mới: chai, vỏ lon, bia,...

- Đối với hàng quá cảnh nhập đa phần phục vụ các dự án nhà máy tại Lào. Hàng quá cảnh xuất đa dạng hơn như: Phân bón, gỗ, sản lát... mặc dù phần lớn lượng hàng sẽ đi tàu rời nhưng vẫn có ít nhu cầu vận chuyển bằng container.

- Trong bối cảnh thị trường vận tải biển nội địa có sự cạnh tranh khốc liệt, việc cạnh tranh giữa các cảng khu vực Bắc Trung Bộ cho mặt hàng container sẽ cực kỳ khó khăn trong quý III và quý IV năm 2023.

- Tỉnh Hà Tĩnh còn nhiều tiềm năng về phát triển cảng biển – vận tải biển, cơ sở hạ tầng, dịch vụ logistics phục vụ không chỉ cho vùng Bắc Trung Bộ mà cả cho nước bạn Lào, Đông Bắc Thái Lan và phía nam Trung Quốc (kết nối qua tuyến đường sắt Vân Nam – Viên Chăn và đường bộ cao tốc Viên Chăn – Hà Nội).

- Với vị thế là nhà khai thác cảng và logistics hàng đầu tại Việt Nam, TCT TCSG nhận thức rõ vai trò trách nhiệm, đồng thời là cơ hội rất lớn cho TCSG phát triển các hoạt động logistics, đầu tư cơ sở hạ tầng logistics tại khu vực Hà Tĩnh, kết nối với hệ sinh thái cảng biển, ICD, kho bãi, dịch vụ Logistics hiện hữu của TCT TCSG. Qua đó mang những giải pháp logistics hiệu quả cho khách hàng trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh, khu vực Bắc Trung Bộ, nước bạn Lào và Đông Bắc Thái Lan.

4. Một số đề xuất

Một trong những ưu thế nổi bật nhất của cảng Vũng Áng so với các đối thủ cạnh tranh khác là cảng biển do Doanh nghiệp Lào nắm giữ cổ phần chi phối, do đó, hàng hoá xuất từ Lào, hoặc hàng từ Đông Bắc Thái Lan qua Lào, nếu có cảng đích là cảng Vũng Áng cần được hải quan và cơ quan chức năng của Lào quan tâm tạo điều kiện phát triển. Trên cơ sở đó, TCT TCSG đề xuất với các cơ quan, đơn vị liên qua như sau:

4.1. Đề xuất với Lãnh đạo Tỉnh Hà Tĩnh

- Chỉ đạo Sở Công Thương, chi cục Hải Quan Hà Tĩnh trao đổi với các cơ quan tương ứng của Lào cùng nghiên cứu, ban hành văn bản hướng dẫn, tạo thuận lợi cho hàng hoá qua biên giới các nước (Lào – Thái, Lào Việt); Lấy đó làm cơ sở để xây dựng tuyến vận tải container qua cảng Vũng Áng kết nối với Lào và các tỉnh Đông Bắc Thái Lan.

- Tiếp tục có các chính sách mạnh mẽ để hỗ trợ duy trì các tuyến hiện hữu cũng như mở tuyến (nội địa và quốc tế) vận chuyển container qua cảng Vũng Áng. Một số đề xuất để chính sách có tính cạnh tranh hơn:

- Không giới hạn doanh nghiệp trên địa bàn: hỗ trợ các doanh nghiệp logistics, doanh nghiệp XNK trong và ngoài tỉnh đều được hưởng chính sách.

- Quy trình thanh quyết toán theo hướng đơn giản hóa thủ tục, tiết kiệm được thời gian.

- Tập trung đầu tư xây dựng hạ tầng thiết yếu như giao thông, cấp nước, điện, thông tin liên lạc,... tại khu hậu cảng Vũng Áng và hạ tầng giao thông kết nối với Quốc lộ 12C nhằm tạo sự đột phá mạnh mẽ, thu hút đầu tư.

- Xúc tiến triển khai dự án đường sắt tuyến Vũng Áng – Tân Ấp – Mụ Giạ từ cảng Vũng Áng đến biên giới Việt - Lào theo Quy hoạch được phê duyệt.

- Tiếp tục xúc tiến thu hút đầu tư các nhà máy sản xuất vào các KCN trên địa bàn Tỉnh. Với tiềm năng đầu tư của VSIP và Hoàng Thịnh Đạt vào Tỉnh Hà Tĩnh, cần xem xét vị trí thuận lợi để phát triển hàng hoá kết nối với cảng Vũng Áng dần hướng đến tăng nguồn hàng, phát triển thêm tuyến tàu nội và ngoại vào cảng Vũng Áng.

- Tiếp tục thực hiện MOU giữa TCSG và Tỉnh Hà Tĩnh: nghiên cứu phát triển trung tâm logistics tại khu vực Vũng Áng, cụ thể là kho phân phối, kho ngoại quan cung cấp cho doanh nghiệp. Đầu tiên là nhu cầu về kho ngoại quan phục vụ cho lượng hàng kali, quặng sắt từ Lào.

4.2. BQL KKT Vũng Áng và Sở Công Thương tỉnh Hà Tĩnh

- Tạo điều kiện cho TCSG tiếp cận cung cấp dịch vụ logistics cho các doanh nghiệp tiềm năng tại địa phương

- Lấy các giải pháp trọng tâm ngành khai thác Cảng và Logistics làm điều kiện thuận lợi để giới thiệu quảng bá trong các chương trình xúc tiến đầu tư vào Tỉnh để doanh nghiệp yên tâm luôn được đồng hành và phát triển.

4.3. Cảng Vũng Áng Lào – Việt

- Tập trung phát triển nguồn nhân lực khai thác container và chuyên ngành logistics. Trên cơ sở phối hợp cùng Tân Cảng STC, nghiên cứu xây dựng các chương trình đào tạo chuyên ngành Logistics phù hợp nhằm phát triển nhân lực chất lượng cao.

- Nâng cao năng lực tiếp nhận tàu trọng tải lớn theo Quy hoạch phát triển hệ thống cảng biển, nâng cao năng lực bốc xếp hàng hóa, kêu gọi, thu hút đầu tư Cảng Vũng Áng nhằm khai thác tối đa hiệu quả tiềm năng, lợi thế của cảng biển Vũng Áng.

- Tổ chức duy tu, nạo vét luồng hàng hải theo kế hoạch bảo trì kết cấu hạ tầng hàng hải của Bộ GTVT. Triển khai đầu tư xây dựng đê chắn sóng cảng Vũng Áng theo quy hoạch.

THỊ XÃ KỲ ANH HUY ĐỘNG TỔNG HỢP CÁC NGUỒN LỰC CHO CÔNG TÁC GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG ĐỀ THU HÚT ĐẦU TƯ VÀO KHU KINH TẾ VŨNG ÁNG

Đặng Văn Thành

UVBCH Đảng bộ tỉnh, Bí thư Thị ủy Kỳ Anh

Thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng (GPMB) các dự án trong Khu Kinh tế Vũng Áng thuộc địa bàn thị xã Kỳ Anh trong giai đoạn hiện nay là một nhiệm vụ quan trọng, cấp bách, đòi hỏi phải huy động sức mạnh tổng hợp từ cơ chế chính sách của Trung ương, Tỉnh, sự vào cuộc quyết liệt của cả hệ thống chính trị từ thị xã đến cấp xã, thôn, tổ dân phố nhằm triển khai một cách đồng bộ, nhất quán, kịp thời đảm bảo yêu cầu, tiến độ GPMB đề ra; đồng thời đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, tạo môi trường ổn định để thu hút đầu tư, trong đó xác định công tác tuyên truyền, vận động là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt đi trước một bước; lấy tuyên truyền, vận động, thuyết phục là chính để Nhân dân tự giác chấp hành.

*** GPMB là yêu cầu cấp thiết nhằm thúc đẩy thu hút đầu tư vào Khu Kinh tế (KKT) Vũng Áng trong giai đoạn hiện nay**

Thị xã Kỳ Anh được thành lập theo Nghị quyết số 903/NQ-UBTVQH13 ngày 10/4/2015 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, trên cơ sở điều chỉnh địa giới hành chính huyện Kỳ Anh; có tổng diện tích tự nhiên là 28.025,03ha⁶⁸; dân số là 88.766 người, có 11 xã, phường trực thuộc. Năm 2020, thị xã Kỳ Anh được công nhận Đô thị loại III, mục tiêu đến năm 2025 xây dựng thị xã trở thành Thành phố trực thuộc Tỉnh. Sau gần 8 năm thành lập tình hình kinh tế xã hội của thị xã đã có nhiều phát triển vượt bậc, bước đầu đã mang diện mạo mới của một đô thị trẻ. Gắn với sự phát triển của khu đô thị trẻ phía Nam tỉnh là KKT Vũng Áng⁶⁹.

Sau 16 năm thành lập, KKT Vũng Áng (thị xã Kỳ Anh) hiện đang hoạt động và phát triển đúng với định hướng quy hoạch, theo hướng bền vững. Là điểm sáng thu hút đầu tư của cả nước, đặc biệt là các dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài như: Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan, Singapore, Mỹ, Đức... mở ra những

⁶⁸ Diện tích tự nhiên của KKT Vũng Áng là 22.781 ha; phần lớn diện tích đất trong khu vực bị nhiễm mặn nên sản xuất nông nghiệp cho năng suất thấp, ít hiệu quả, chỉ phù hợp cho xây dựng, phát triển công nghiệp và đô thị.

⁶⁹ Khu Kinh tế Vũng Áng tỉnh Hà Tĩnh được thành lập theo Quyết định số 72/2006/QĐ-TTg ngày 03/4/2006 của Thủ tướng Chính phủ. Quy hoạch chung xây dựng KKT Vũng Áng đến năm 2025 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1076/QĐ-TTg ngày 20/8/2007; bao gồm 09 xã, phường thuộc thị xã Kỳ Anh.

triển vọng mới. Xác định vai trò, vị thế và tầm quan trọng của KKT Vũng Áng đối với chiến lược phát triển của tỉnh đến năm 2030, tầm nhìn 2050, tại Báo cáo Chính trị Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2020-2025 đã nhấn mạnh “Bốn trụ cột - Ba nền tảng” và “Ba đô thị - Một trung tâm - Ba hành lang”⁷⁰ làm trọng điểm phát triển kinh tế tỉnh giai đoạn 2021-2030; trong đó, xác định KKT Vũng Áng đóng vai trò là “Một trung tâm”; công nghiệp chế biến, chế tạo, năng lượng, dịch vụ cảng biển, logistics là những trụ cột của nền kinh tế.

Thị xã Kỳ Anh gắn với KKT Vũng Áng là hạt nhân của đô thị phía Nam. Để phát triển KKT Vũng Áng như mục tiêu, nhiệm vụ và kỳ vọng của tỉnh còn gặp nhiều khó khăn, thách thức, nhất là công tác GPMB để tạo quỹ đất sạch có vai trò rất quan trọng, là điểm mấu chốt trong thu hút đầu tư.

Trong quá trình thực hiện, công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, GPMB trên địa bàn thị xã vẫn còn tình trạng một số dự án kéo dài (một số dự án đầu tư kéo dài 5-7 năm vẫn chưa được xử lý dứt điểm để bàn giao mặt bằng sạch cho nhà đầu tư); một số tồn đọng sau khi thành lập thị xã đến nay chưa được giải quyết dứt điểm; nguy cơ tiềm ẩn về an ninh trật tự trên địa bàn... là những yếu tố ảnh hưởng rất lớn đến tiến độ của các dự án và ảnh hưởng đến việc tạo môi trường thuận lợi trong thu hút đầu tư, giảm sức cạnh tranh với các KKT khác.

Bên cạnh đó, hiện nay chưa có quỹ đất sạch đã được bồi thường, GPMB thuộc các khu chức năng để thu hút đầu tư các dự án lớn, nhà đầu tư chiến lược⁷¹. Quỹ đất công nghiệp còn lại chưa đáp ứng được với nhu cầu phát triển và nhu cầu của các nhà đầu tư⁷². Việc thiếu quỹ đất sạch đã được bồi thường, GPMB tại KKT Vũng Áng là một trong những tồn tại, hạn chế lớn trong quá

⁷⁰ Bốn trụ cột: Công nghiệp chế biến, chế tạo, năng lượng; Nông nghiệp; Dịch vụ, du lịch; Dịch vụ cảng biển và logistics. (*)Ba nền tảng: nguồn lực con người; cơ sở hạ tầng đồng bộ; đổi mới hoàn thiện thể chế, cơ chế chính sách, cải thiện môi trường kinh doanh. (*)Ba đô thị: Đô thị xung quanh TP Hà Tĩnh, trong đó TP Hà Tĩnh là hạt nhân và các đô thị vệ tinh, đô thị cửa ngõ kết nối TP Hà Tĩnh; Đô thị phía Bắc với hạt nhân là TX. Hồng Lĩnh gắn với thị trấn Nghi Xuân, thị trấn Xuân An, thị trấn Can Lộc và thị trấn Đức Thọ; Đô thị phía Nam với hạt nhân là TX. Kỳ Anh gắn với KKT Vũng Áng và các vùng phụ cận. (*)Một trung tâm: KKT Vũng Áng. (*)Ba hành lang kinh tế: Đồng bằng ven biển cùng với quốc lộ 1A và đường ven biển; Dọc đường 8 và thị xã Hồng Lĩnh - Cửa khẩu quốc tế Cầu Treo kết nối hành lang kinh tế Đông - Tây; Trung du và miền núi gắn với đường Hồ Chí Minh.

⁷¹ Khoản 2 Điều 151 Luật Đất đai quy định: “Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao đất cho Ban quản lý KKT để tổ chức xây dựng KKT theo kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt trong quy hoạch chi tiết xây dựng của KKT”. Tuy nhiên, do hạn chế về nguồn lực nên các khu đất thuộc khu chức năng của KKT Vũng Áng chưa được bồi thường, GPMB tạo mặt bằng sạch mà có dự án đầu tư mới ứng tiền của nhà đầu tư để bồi thường, GPMB.

⁷² Tổng diện tích đất công nghiệp trong KKT Vũng Áng theo quy hoạch chung được phê duyệt là 4.895 ha, diện tích đã đăng ký đầu tư trong các khu công nghiệp 2.780 ha, đạt 56,79% tổng diện tích quy hoạch. Diện tích đất công nghiệp còn lại theo quy hoạch chung KKT là 2.115 ha; tuy nhiên thực tế sau khi quy hoạch thị xã Kỳ Anh, quy hoạch phân khu công nghiệp đa ngành phê duyệt: 1.842,47 ha. Hiện tại, Công ty Cổ phần Vinhomes đang đề xuất nghiên cứu dự án sản xuất ô tô và linh phụ kiện với diện tích đất công nghiệp 1.200 ha, đất logistics 160 ha, đất cảng 110 ha sẽ nộp hồ sơ vào thời gian tới. Như vậy, khi đó đất công nghiệp trong KKT Vũng Áng cơ bản sẽ được lấp đầy..

trình kêu gọi, thu hút các dự án đầu tư vào KKT, nhất là các dự án trọng điểm tác động lớn đến sự phát triển kinh tế - xã hội của KKT và thị xã Kỳ Anh. Nhu cầu về diện tích đất cho các dự án, nhất là diện tích đất cho các dự án đầu tư công nghiệp trong thời gian tới là rất lớn trong khi quỹ đất công nghiệp còn lại là không nhiều.

Để đạt được mục tiêu đưa KKT Vũng Áng trở thành KKT đa chức năng, trung tâm công nghiệp và logistics, thực sự trở thành động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội gắn với mục tiêu xây dựng thị xã Kỳ Anh trở thành trung tâm kinh tế động lực phía Nam của tỉnh, thị xã Kỳ Anh xác định việc ***huy động tổng hợp các nguồn lực cho công tác GPMB để thu hút đầu tư vào KKT Vũng Áng*** là nhiệm vụ chính trị trọng tâm, cấp bách trong giai đoạn hiện nay nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội thị xã, tạo đà và động lực xây dựng thành phố Kỳ Anh, góp phần hoàn thành thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thị xã lần thứ II đã đề ra.

*** Nhất quán về quan điểm, mục tiêu; chủ động, linh hoạt trong cách làm**

Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thị xã Kỳ Anh lần thứ II, xác định thực hiện tốt công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, GPMB phục vụ các dự án đầu tư là một trong 6 chương trình trọng điểm. Ngay sau Đại hội, Ban Thường vụ Thị ủy Kỳ Anh đã ban hành Nghị quyết số 03-NQ/ThU ngày 30/3/2021 “về tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, GPMB các dự án và xử lý tồn đọng, vướng mắc trên địa bàn thị xã giai đoạn 2021 - 2025 và những năm tiếp theo”; cấp ủy, chính quyền toàn thị xã triển khai thực hiện quyết liệt, đồng bộ các giải pháp, đẩy nhanh tiến độ GPMB để tranh thủ thời cơ thu hút các nhà đầu tư chiến lược, tạo bước phát triển đột phá về phát triển công nghiệp, dịch vụ, đô thị trên địa bàn thị xã.

Đồng thời, nhất quán với quan điểm làm tốt các bước trong công tác bồi thường, GPMB là góp phần bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng và ổn định cuộc sống cho người dân bị thu hồi đất, giảm thiểu tình trạng tranh chấp, bất đồng, khiếu nại, tố cáo trong Nhân dân, tạo môi trường xã hội ổn định góp phần tích cực trong công tác kêu gọi thu hút đầu tư.

Nhất quán với mục tiêu đó, cấp ủy, chính quyền thị xã Kỳ Anh đã tập trung chỉ đạo đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động nhân dân chấp hành nghiêm túc các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước trên các lĩnh vực đất đai, bồi thường, GPMB, quản lý quy hoạch, trật tự xây dựng, tạo thuận lợi trong quá trình triển khai các dự án, bàn giao mặt bằng đúng thời hạn.

Ban Thường vụ Thị ủy Kỳ Anh đã chủ động thành lập, kiện toàn Ban Chỉ đạo công tác GPMB phục vụ cho việc triển khai các chương trình, dự án. Đồng thời thực hiện đồng bộ, linh hoạt các giải pháp, tập trung cao trong thực hiện GPMB các dự án trọng điểm và những dự án có vướng mắc. Căn cứ tình hình cụ thể, Ban Thường vụ Thị ủy đã thành lập 3 đoàn công tác do đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ làm trưởng đoàn, thực hiện nhiệm vụ tuyên truyền, vận động ở các xã, phường đang thực hiện GPMB phục vụ các dự án trọng điểm; nắm bắt tâm tư, nguyện vọng và kịp thời giải quyết những khó khăn, vướng mắc.

Chú trọng công tác kiểm tra, giám sát, đôn đốc tiến độ GPMB, hàng tháng Ban Thường vụ Thị ủy tổ chức làm việc để nghe và cho ý kiến về kết quả, tiến độ GPMB các dự án; chỉ đạo UBND thị xã báo cáo kết quả hàng tháng, Hội đồng BT, HT, TĐC thị xã báo cáo kết quả, vướng mắc, khó khăn hàng ngày, hàng tuần theo từng địa bàn để nắm, chỉ đạo kịp thời. Trong Quý I/2023, đã tổ chức kiểm tra việc lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện Nghị quyết 03-NQ/ThU của Ban Thường vụ Thị ủy đối với Đảng ủy xã Kỳ Lợi, Đảng ủy phường Kỳ Phương.

Với chủ trương, tinh thần chỉ đạo quyết liệt, tổ chức thực hiện hiệu quả. Trong quá trình GPMB thực hiện các dự án trong khu kinh tế Vũng Áng, thị xã Kỳ Anh đã đạt được những kết quả quan trọng: Đã thực hiện di dời trên 5.500 hộ dân, trên 30.000 ngôi mộ, di dời dân 5 xã hơn 10.000 hộ dân. Riêng năm 2022, trên địa bàn thị xã Kỳ Anh triển khai thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư giải phóng mặt bằng cho 76 dự án; vận động kiểm kê, chi trả tiền cho hơn 2.500 lượt hộ, với số tiền 200 tỷ đồng; vận động cất bốc trên 3.500 ngôi mộ; di dời trên 400 hộ dân, hơn 20 nhà thờ họ, 04 đền thờ. Trong Quý I/2023, thị xã Kỳ Anh đã tập trung cao cho công tác GPMB 29/66 dự án: Tổ chức họp dân triển khai, ban hành, niêm yết công khai thông báo thu hồi đất 443 hộ và 01 tổ chức ảnh hưởng 05 dự án; vận động và kiểm kê 376 hộ ảnh hưởng 07 dự án; hoàn thành phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ 195 hộ ảnh hưởng 06 dự án với số tiền 48,054 tỷ đồng; đã hoàn thiện hồ sơ bồi thường, hỗ trợ 57 hộ ảnh hưởng 02 dự án. Tập trung vận động chi trả tiền tại 06 dự án với 102 hộ, số tiền bồi thường, hỗ trợ 36,563 tỷ đồng. Vận động 03 hộ ảnh hưởng dự án Di dời thôn Tân Phúc Thành 2&3 xây dựng nhà cửa, công trình ở khu tái định cư; vận động cất bốc, di dời 189 ngôi mộ ảnh hưởng 02 dự án. Tổ chức bóc thăm đất tái định cư cho 18 hộ ảnh hưởng 03 dự án. Tổ chức bàn giao mặt bằng một phần ở 05 dự án với diện tích 23,66ha. Đến nay cơ bản hoàn thành công tác bồi thường, hỗ trợ, GPMB trên 30 dự án, trong đó có một số dự án trọng điểm như: Đường dây

500kV Quảng Trạch - Vũng Áng; Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng II; Đường bộ cao tốc Bắc - Nam đoạn qua xã Kỳ Hoa (thị xã Kỳ Anh).

Quá trình thực hiện công tác GPMB đều được hệ thống chính trị từ thị xã đến xã, phường tập trung chỉ đạo quyết liệt, đúng trình tự thủ tục pháp lý, đảm bảo quyền lợi chính đáng của người dân, quan tâm công tác tuyên truyền, giải thích đối thoại, với phương châm vướng đến đâu tập trung xử lý tháo gỡ dứt điểm đến đó, từ đó người dân dần hiểu đồng thuận phối hợp chấp hành nhận tiền bàn giao mặt bằng đảm bảo tiến độ thực hiện các dự án; việc cưỡng chế thu hồi đất, GPMB rất ít, đặc biệt là trong năm 2022 thị xã Kỳ Anh không phải tiến hành cưỡng chế thu hồi đất, GPMB dự án nào.

Nhờ làm tốt công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, GPMB gắn với cải cách hành chính đã góp phần quan trọng trong xúc tiến đầu tư, thu hút dự án đầu tư vào KKT Vũng Áng ngày càng có hiệu quả.

Đến thời điểm hiện nay, KKT Vũng Áng, thị xã Kỳ Anh đã thu hút được 152 dự án, bao gồm: 56 dự án có vốn đầu tư nước ngoài (trong đó có 01 dự án đầu tư theo hình thức BOT) với số vốn đăng ký 16.040.933 triệu USD) và 96 dự án đầu tư trong nước với số vốn đăng ký 55.234.000 tỷ đồng. Có trên 30 nhà đầu tư trong và ngoài nước nghiên cứu, đề xuất đầu tư vào KKT Vũng Áng, trong đó có các nhà đầu tư lớn như: Tập đoàn Mitsumitshi (Nhật Bản), Tập đoàn Vingroup, Tập đoàn HBRE, Công ty cổ phần Vĩnh Nha Trang...

*** Một số vấn đề đặt ra trong công tác GPMB trên địa bàn thị xã Kỳ Anh**

Công tác bồi thường, GPMB vẫn còn nhiều khó khăn, vướng mắc; tiến độ bồi thường, GPMB các dự án vẫn chưa kịp tiến độ; việc giải quyết một số vấn đề liên quan tái định cư còn bất cập; tình trạng khiếu nại liên quan đến GPMB vẫn còn nhiều; giải quyết một số vụ việc tồn đọng chưa dứt điểm.

Những tồn tại, hạn chế nêu trên do nhiều nguyên nhân, bên cạnh nguyên nhân khách quan thì nguyên nhân chủ quan là cơ bản, đó là: Vai trò lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện của một số cấp ủy, chính quyền cơ sở còn thiếu quyết liệt, vai trò người đứng đầu chưa phát huy tốt; sự phối hợp trong công tác GPMB có thời điểm chưa hiệu quả; chưa phát huy tốt vai trò của hệ thống chính trị trong tuyên truyền, vận động Nhân dân; tình trạng đùn đẩy, né tránh trách nhiệm vẫn còn; đội ngũ cán bộ làm công tác bồi thường, GPMB thiếu, trong khi yêu cầu của tiến độ GPMB cao. Công tác tuyên truyền để người dân hiểu, chấp hành chủ trương chủ trương chính sách của Đảng, Nhà nước về bồi thường,

GPMB chưa mang lại hiệu quả như mong muốn. Công tác phối hợp giữa cấp ủy, chính quyền và các ngành, chủ đầu tư dự án chưa chặt chẽ, thiếu gắn kết trách nhiệm, hiệu quả chưa cao; quản lý nhà nước về đất đai, xây dựng ở một số xã, phường còn khó khăn, bất cập.

*** Một số nhiệm vụ, giải pháp trong GPMB để thu hút đầu tư vào Khu kinh tế Vũng Áng thời gian tới**

Từ những kết quả đạt được nêu trên, thị xã Kỳ Anh xin chia sẻ một số giải pháp trong lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, GPMB, cụ thể như sau:

Thứ nhất, tăng cường vai trò lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị tập trung giải quyết dứt điểm các vụ việc tồn đọng, đẩy nhanh tiến độ GPMB. Tiếp tục chỉ đạo thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 03-NQ/ThU ngày 30/3/2021 của Ban Thường vụ Thị ủy “về tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, GPMB các dự án và xử lý tồn đọng, vướng mắc trên địa bàn thị xã giai đoạn 2021 - 2025 và những năm tiếp theo”. Nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền, vận động, giáo dục phổ biến kiến thức pháp luật về đất đai, GPMB, giải quyết tồn đọng, vướng mắc với phương châm: **Kiên quyết, kiên trì, bền bỉ, liên tục và bằng nhiều hình thức phong phú, thiết thực, hiệu quả.**

Chú trọng tuyên truyền, vận động cá biệt và người đứng đầu cấp ủy, chính quyền đối thoại với Nhân dân để kịp thời giải quyết tháo gỡ khó khăn, vướng mắc; thành lập các đoàn, tổ công tác trực tiếp xuống tận thôn, tổ dân phố và từng hộ dân, nhất là những khu vực có các dự án trọng điểm để tuyên truyền, vận động nhân dân hiểu và phối hợp thực hiện. Kiên quyết xử lý nghiêm những đối tượng cố tình lôi kéo, kích động làm cản trở và kéo dài thời gian thực hiện công tác bồi thường, GPMB làm ảnh hưởng đến tiến độ của dự án.

Thứ hai, tập trung giải quyết các vấn đề tồn đọng, vướng mắc ngay từ cơ sở và không để phát sinh vụ việc mới, tạo niềm tin trong Nhân dân. Cùng có hệ thống chính trị, nâng cao chất lượng hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị xã hội. Phân công các đồng chí trong Ban Thường vụ, Ban Chấp hành Đảng bộ thị xã bám sát địa bàn để chỉ đạo giải quyết kịp thời các khó khăn, vướng mắc từ khi mới phát sinh. Chủ động giải quyết các vụ việc liên quan đến công tác GPMB thuộc thẩm quyền từ cơ sở, tuyệt đối không được né tránh việc tiếp công dân, đùn đẩy lên cấp trên, không để phát sinh các vụ việc phức tạp do cơ sở không quyết liệt xử lý. Đồng thời, quan tâm thực hiện các

chương trình đào tạo nghề, giải quyết việc làm, xóa đói, giảm nghèo và các chính sách an sinh xã hội trên địa bàn.

Hàng tuần, hàng tháng, định kỳ duy trì chế độ giao ban, hội ý giữa Ban Thường vụ Thị ủy, các Đoàn công tác chỉ đạo cơ sở nơi có dự án triển khai, cùng UBND thị xã và các ngành liên quan để nghe tiến độ triển khai GPMB, vướng mắc liên quan để bàn giải pháp tháo gỡ hoặc đề xuất UBND tỉnh cho chủ trương thực hiện.

Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát trong việc thực hiện công tác bồi thường, GPMB nhằm phát hiện, bổ cứu kịp thời các nhiệm vụ, giải pháp phù hợp với thực tiễn.

Thứ ba, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý Nhà nước trong lĩnh vực đất đai, xây dựng; kiện toàn tổ chức bộ máy thực hiện nhiệm vụ GPMB đảm bảo tinh gọn. Thực hiện tốt công tác quản lý đất đai, quy hoạch, xây dựng. Thực hiện đầy đủ, đúng quy trình, công khai, minh bạch, công bằng, đúng pháp luật trong công tác GPMB; phân định rõ trách nhiệm của từng cấp, từng bộ phận trong quá trình thực hiện ở từng dự án, giải quyết các vụ việc vướng mắc, tồn đọng. Quy trình bồi thường, GPMB phải gắn liền với quy trình công bố và quản lý quy hoạch, quy trình thu hồi đất và thực hiện các thủ tục đầu tư. Bố trí cán bộ thực hiện việc giải quyết tồn đọng, GPMB đảm bảo tinh gọn, có chuyên môn phù hợp, trách nhiệm, trung thực. Cho phép các tổ chức tư vấn, định giá, thẩm định giá độc lập hoạt động hỗ trợ công tác bồi thường, GPMB đảm bảo khách quan, công khai, minh bạch, kịp thời.

Thứ tư, tiếp tục thực hiện tốt các chỉ đạo của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh; phối hợp chặt chẽ với các sở, ban, ngành đề xuất ban hành cơ chế, chính sách tháo gỡ các khó khăn vướng mắc trong công tác bồi thường, GPMB như:

Xem xét các chính sách về đất đai, bồi thường, hỗ trợ phù hợp với thực tiễn trên địa bàn thị xã để giải quyết dứt điểm các vấn đề tồn đọng, vướng mắc. Rà soát, bổ sung, điều chỉnh về trình tự, thủ tục... theo hướng quan tâm, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của người bị thu hồi đất.

Xây dựng cơ chế, chính sách, sử dụng vốn Nhà nước và huy động các nguồn lực xã hội hợp pháp để GPMB thực hiện dự án và GPMB theo quy hoạch, tạo quỹ đất “sạch” phục vụ thu hút đầu tư nhất là các dự án trọng điểm, dự án FDI ... cử cán bộ có trình độ chuyên môn, trách nhiệm vào giúp thị xã Kỳ Anh

tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc trong công tác xử lý tồn đọng, bồi thường, GPMB các dự án.

Thứ năm, tăng cường phối hợp, đồng hành cùng với Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh để giải quyết tồn đọng, vướng mắc; thực hiện tốt công tác GPMB thúc đẩy thu hút đầu tư. Thực hiện tốt các nội dung phối hợp trên tất cả các lĩnh vực phát triển kinh tế, xã hội, an ninh quốc phòng, trong đó, tập trung hoàn thiện hạ tầng các khu tái định cư⁷³, công tác đào tạo nghề, giải quyết việc làm cho người dân thị xã, đặc biệt là người dân phải di dời GPMB các dự án; phối hợp đề xuất UBND tỉnh, các sở ngành cấp tỉnh xem xét, xử lý các dự án gặp khó khăn, vướng mắc, đầu tư xây dựng các dự án hạ tầng kỹ thuật, hỗ trợ phát triển sản xuất, chuyển đổi nghề cho người dân.

Tăng cường công tác phối hợp giữa các lực lượng, các địa phương, các ngành trong thực hiện đồng bộ các giải pháp đảm bảo an ninh trật tự, kiểm chế các vi phạm đến đất đai, xây dựng, GPMB, giảm thiểu các phát sinh phức tạp, làm ảnh hưởng đến tiến độ các dự án đầu tư và môi trường thu hút đầu tư.

*** Một số kiến nghị, đề xuất**

1. Đề nghị Trung ương, Tỉnh hỗ trợ nguồn lực thực hiện công tác bồi thường, GPMB đối với các dự án trọng điểm; có cơ chế, chính sách đặc thù trong công tác GPMB trên địa bàn thị xã Kỳ Anh; quan tâm công tác quy hoạch, lập dự án tái định cư và triển khai đầu tư xây dựng đồng bộ hạ tầng các khu tái định cư trước một bước theo hướng hiện đại, đảm bảo có đất ở tái định cư, nhà ở tái định cư trước khi Nhà nước quyết định thu hồi đất để người dân an tâm, đồng thuận trong công tác GPMB, góp phần đảm bảo bàn giao mặt bằng sạch phục vụ các dự án đầu tư kịp thời, đúng tiến độ.

2. Đề xuất sớm phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chung thị xã Kỳ Anh đến năm 2030 để làm căn cứ điều chỉnh, lập các quy hoạch liên quan đến các dự án tạo quỹ đất sạch thu hút đầu tư; tháo gỡ điểm nghẽn trong công tác GPMB hiện nay.

3. Đề nghị Tỉnh tập trung chỉ đạo triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 55/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh về Đề án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, GPMB tạo quỹ đất phục vụ thu hút đầu tư tại KKT Vũng Áng. Nghiên cứu bố trí nguồn lực hợp lý để đầu tư xây dựng các khu sản xuất tập trung, đáp ứng nhu cầu chính đáng của Nhân dân.

⁷³ Đặc biệt quan tâm sớm bố trí nguồn lực hợp lý để xây dựng hạ tầng các khu tái định cư đảm bảo các khu tái định cư tập trung hoàn chỉnh về cơ sở hạ tầng để người dân an tâm, đồng thuận trong công tác GPMB.

4. Đề nghị tiếp tục hỗ trợ để thị xã Kỳ Anh giải quyết dứt điểm các tồn đọng còn lại sau khi thành lập.

Tin tưởng rằng, với sự nhất quán trong chủ trương, quan điểm, đồng bộ trong giải pháp, cách làm và với quyết tâm chính trị cao của cả hệ thống chính trị, sự đồng thuận, ủng hộ của người dân, công tác GPMB của thị xã Kỳ Anh sẽ đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, góp phần quan trọng để thu hút đầu tư vào KKT Vũng Áng và từng bước phát triển kinh tế, xã hội, nâng cao đời sống của Nhân dân, nhất là người dân bị thu hồi đất, di dời tái định cư, tạo nền tảng vững chắc để thực hiện thắng lợi mục tiêu xây dựng thị xã Kỳ Anh trở thành thành phố vào năm 2025.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Quyết định số 72/2006/QĐ-TTg ngày 03/4/2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Khu kinh tế Vũng Áng.
2. Quyết định số 1076/QĐ-TTg ngày 20/8/2007 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Vũng Áng đến năm 2025.
3. Quyết định số 1786/QĐ-TTg ngày 27/11/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2050.
4. Quyết định số 830/QĐ-TTg ngày 02/6/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt đồ án Quy hoạch xây dựng vùng Nam Hà Tĩnh - Bắc Quảng Bình đến năm 2030.
5. Quyết định số 1037/QĐ-TTg ngày 24/6/2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng biển Việt Nam đến năm 2020, định hướng đến năm 2030.
6. Quyết định số 706/QĐ-TTg ngày 07/6/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2035.
7. Báo cáo Chính trị Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2020-2025.
8. Đề án xây dựng Khu kinh tế Vũng Áng thực sự là động lực phát triển nhanh kinh tế Hà Tĩnh giai đoạn 2021 - 2030 của UBND tỉnh.
9. Nghị quyết 55/NQ-HĐNDNQ-HĐND ngày 11/01/2021 về Đề án Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư giải phóng mặt bằng tạo quỹ đất phục vụ thu hút đầu tư tại Khu kinh tế Vũng Áng.
10. Báo cáo tổng kết năm 2022 của Ban Thường vụ Thị ủy Kỳ Anh.
11. Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ Quý I/2023 của Ban Thường vụ Thị ủy Kỳ Anh.

XÂY DỰNG HUYỆN HƯƠNG SƠN TRỞ THÀNH CỬA NGÕ XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG HÓA CỦA LÀO, CÁC TỈNH ĐÔNG BẮC THÁI LAN VÀ KẾT NỐI VỚI KHU KINH TẾ VŨNG ÁNG

Bùi Nhân Sâm

*UVBCH Đảng bộ tỉnh, Bí thư huyện ủy,
Chủ tịch HĐND huyện Hương Sơn*

Hương Sơn là huyện miền núi nằm về phía Tây bắc của tỉnh Hà Tĩnh. Phía Đông giáp huyện Đức Thọ; Phía Tây giáp tỉnh Bôlykhămxay của Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào (có đường biên giới dài 63,927 km); Phía Nam giáp huyện Vũ Quang; Phía Bắc giáp huyện Thanh Chương và huyện Nam Đàn tỉnh Nghệ An. Huyện có 25 đơn vị hành chính trực thuộc gồm 02 thị trấn và 23 xã. Dân số 112.250 người.

Hương Sơn có tiềm năng thế mạnh về phát triển nông nghiệp; toàn huyện có trên 1.570,84 ha đất đồi núi chưa sử dụng nên có nhiều khả năng mở rộng diện tích cây công nghiệp, cây ăn quả và cây lâm nghiệp. Huyện có nhiều vùng sinh thái nông nghiệp đa dạng thích nghi với nhiều cây trồng, vật nuôi sẽ tạo đà phát triển ngành nông nghiệp nhanh và bền vững. Bên cạnh đó, địa bàn huyện phù hợp phát triển các ngành công nghiệp chế biến nông, lâm sản như nhưng hươu, chè, lạc, đậu, trái cây, sản phẩm chăn nuôi, thức ăn gia súc; chế biến gỗ, bột giấy, mộc dân dụng, mây tre đan; sản xuất và lắp ráp các sản phẩm máy móc hạng nhẹ, hàng điện tử, gia dụng; công nghiệp khai thác khoáng sản và sản xuất vật liệu xây dựng ... đây là những mặt hàng chủ yếu để xuất nhập khẩu qua Cửa khẩu quốc tế Cầu Treo.

Giai đoạn 2015-2020, kinh tế Hương Sơn có bước phát triển khá nhanh, bền vững, giá trị sản xuất tăng bình quân hàng năm đạt 12,38%; năm 2022, giá trị sản xuất tăng 9,43% so với năm 2021; Tổng giá trị sản xuất (theo giá hiện hành) đạt 13.356 tỷ đồng; Cơ cấu giá trị sản xuất các ngành chuyển dịch đúng hướng: Nông, lâm nghiệp, thủy sản 27,89%; Công nghiệp - Xây dựng 31,25%, Thương mại - Dịch vụ 40,86%. Thu nhập bình quân đầu người đạt 45,84 triệu đồng/người. Tổng nguồn vốn đầu tư toàn xã hội bình quân hàng năm đạt trên 2.000 tỷ đồng; kết cấu hạ tầng kỹ thuật được tăng cường khá đồng bộ. Thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới đạt được kết quả tích cực; đến nay, có 23/23 xã đạt chuẩn nông thôn mới (đạt 100%); 02 xã đạt nông

thôn mới nâng cao. Được Thủ tướng Chính phủ công nhận huyện đạt chuẩn nông thôn mới năm 2020.

Hương Sơn có Khu kinh tế Cửa khẩu Quốc tế Cầu Treo (viết tắt là KKT Cầu Treo) được thành lập và hoạt động theo Quyết định số 162/2007/QĐ-TTg ngày 19/10/2007 của Thủ tướng Chính phủ, được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 961/QĐ-TTg ngày 25/6/2010 bao gồm toàn bộ ranh giới hành chính của 03 xã: Sơn Kim 1, Sơn Kim 2, Sơn Tây và thị trấn Tây Sơn; với tổng diện tích tự nhiên 56.685 ha; tổng diện tích quy hoạch 12.500 ha.

KKT Cầu Treo được xây dựng với mục tiêu tăng cường hợp tác với CHDCND Lào, Đông Bắc Thái Lan và Myanmar. Tương tự như KKT Vũng Áng, KKT Cầu Treo hiện cũng được lựa chọn là một trong 08 khu kinh tế cửa khẩu được Nhà nước ưu tiên tập trung đầu tư phát triển giai đoạn 2013-2015 và tiếp tục là một trong 09 khu kinh tế cửa khẩu được ưu tiên tập trung đầu tư phát triển giai đoạn 2016-2020. Cửa khẩu quốc tế Cầu Treo hoạt động theo Quy chế quy định tại Quyết định số 45/2013/QĐ-TTg ngày 25/7/2013 của Thủ tướng Chính phủ.

Từ năm 2015 đến nay, công tác phối hợp hoạt động tại cửa khẩu có những chuyển biến tích cực, các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành làm việc tại cửa khẩu đã phối hợp tốt trên các lĩnh vực công tác chủ yếu như: xuất nhập khẩu, xuất nhập cảnh, kiểm dịch, bảo đảm an ninh biên giới, giữ gìn trật tự an toàn xã hội tại khu vực cửa khẩu v.v... Tổng kim ngạch XNK bình quân hàng năm đạt trên 200,0 triệu USD. Hoạt động kinh doanh thương mại, xuất nhập khẩu qua Cửa khẩu quốc tế Cầu Treo từ trước đến nay chủ yếu là hoạt động trao đổi hàng hóa giữa Việt Nam, Lào và Thái Lan. Mặt hàng xuất khẩu chủ yếu: Vật liệu xây dựng (Sắt thép, ống nhựa, xi măng, gạch...); phụ tùng ô tô; củ quả khô, tươi...; mặt hàng nhập khẩu chủ yếu: Gỗ và hoa quả tươi các loại, khí CO₂ hoá lỏng, điện tử, điện lạnh, phế liệu, bia, nước giải khát, phân bón...

Năm 2018, có 468 doanh nghiệp (Xuất khẩu có 310 doanh nghiệp; nhập khẩu có 158 doanh nghiệp); một số doanh nghiệp có kim ngạch xuất khẩu lớn như: Công ty Cổ phần Siêu Chung Kỳ, Công ty TNHH xây dựng Seog Woo (Việt Nam), Công ty Cổ phần thiết bị đo lường Tân Phát...; một số doanh nghiệp có kim ngạch nhập khẩu lớn như: Công Ty TNHH kinh doanh và dịch vụ XNK, Công ty TNHH Nam Tiến, Công ty TNHH xuất nhập khẩu Thiệp Phát...

Năm 2019, có 367 doanh nghiệp tham gia làm thủ tục hải quan; một số doanh nghiệp có kim ngạch xuất khẩu lớn như: Tổng Công ty Thành An - Công ty TNHH MTV, Công ty TNHH một thành viên Ngọc Quang

Phát, Công ty cổ phần Sông Đà Cao Cường (chủ yếu xuất khẩu các loại vật liệu xây dựng); một số doanh nghiệp có kim ngạch nhập khẩu lớn như: Công ty cổ phần Sông Đà 5; Công ty TNHH Trang Thuận Mai; Công ty TNHH xuất nhập khẩu Thiệp Phát (chủ yếu nhập khẩu các loại máy móc, thiết bị, nước giải khát).

Năm 2020, có 411 doanh nghiệp tham gia làm thủ tục hải quan; một số doanh nghiệp có kim ngạch xuất khẩu lớn như: Tổng công ty Thành An - Công ty TNHH MTV, Công ty cổ phần Sông Đà Cao Cường, Công ty TNHH MTV Kc Hà Tĩnh...; một số doanh nghiệp có kim ngạch nhập khẩu lớn như: Công ty CP Thương mại và Dịch vụ Thanh Hưng; Công ty Cổ phần SCI; Công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại tổng hợp Hoàng Thịnh...

Do ảnh hưởng Đại dịch Covid-19, năm 2021, có 357 doanh nghiệp tham gia làm thủ tục hải quan, giảm 12,71% so cùng kỳ năm 2020. Năm 2022, có 355 doanh nghiệp tham gia làm thủ tục hải quan, giảm 0,56% so cùng kỳ năm 2020.

Kim ngạch XNK hàng năm bình quân khoảng 287,286 triệu USD, trong đó: Xuất khẩu bình quân 129,613 triệu USD, nhập khẩu bình quân 157,673 triệu USD; thu ngân sách bình quân hàng năm từ 248,87 tỷ VNĐ.

Bảng số liệu kim ngạch XNK và thu ngân sách qua CK QT Cầu Treo

Năm	Tổng kim ngạch XNK (triệu USD)			Thu ngân sách (tỷ đồng)
	Tổng	Xuất khẩu	Nhập khẩu	
2015	179,80	87,80	92,00	167,90
2016	145,01	86,71	58,30	98,13
2017	229,29	122,14	107,15	86,58
2018	212,37	94,01	118,36	117,61
2019	247,02	137,18	109,84	119,72
2020	279,9	150,3	129,6	206,48
2021	334,43	123,74	210,69	443,38
2022	383,18	105,41	277,77	502,29

(Theo số liệu Chi cục Hải quan cửa khẩu quốc tế Cầu Treo)

Các hoạt động kinh tế của các doanh nghiệp và dân cư vùng biên giới đã từng bước mở rộng quan hệ giao lưu với các nước láng giềng như Lào, Thái Lan và Myanmar, đặc biệt củng cố tình hữu nghị truyền thống giữa hai nước Việt -

Lào; góp phần tích cực việc bảo vệ an ninh biên giới, giữ vững chủ quyền quốc gia. Tuy vậy, hoạt động xuất nhập khẩu qua cửa khẩu Cầu Treo hiện đang gặp nhiều khó khăn, trong đó có thể thấy rõ nhất là :

- Thị trường Lào và lân cận còn nhỏ, việc khai thác thị trường thông qua hợp tác khu vực của các nước chưa mạnh nên mức độ giao lưu thương mại, trao đổi hàng hoá qua cửa khẩu quốc tế Cầu Treo chưa nhiều, kim ngạch XNK hàng năm còn quá ít so với các cửa khẩu biên giới đất liền phía Bắc.

- Nhu cầu thông thương, trao đổi hàng hóa giữa hai bên (Việt Nam và Lào) tại Cửa khẩu Cầu Treo không còn như trước do việc thay đổi chính sách xuất khẩu của Lào. Trước đây, Lào xuất khẩu khoáng sản, gỗ, một số nguyên liệu khác; nhập khẩu xi măng, sắt thép, đồ vật liệu gia dụng... Nhưng nay đã hạn chế hoặc cấm xuất thô các mặt hàng trên khiến quan hệ kinh tế hai chiều giảm mạnh.

- Các cơ chế, chính sách của nhà nước thay đổi nhiều, thời gian áp dụng cơ chế chính sách ngắn; đặc biệt, từ ngày 01/9/2016 khi Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13 có hiệu lực và ngày 16/01/2018, Thủ tướng Chính phủ ra Quyết định số 01/QĐ-TTg về việc bãi bỏ Quyết định số 72/QĐ-TTg ngày 26/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ, KKT Cửa khẩu Cầu Treo không còn là khu phi thuế quan nữa, phải áp dụng các chính sách chung của cả nước đối với các KKT (trong khi hạ tầng KKT Cửa khẩu Cầu Treo thấp kém), làm giảm sức hấp dẫn của hàng hóa xuất nhập khẩu qua cửa khẩu.

- Cơ sở hạ tầng chưa đáp ứng yêu cầu phát triển, nhất là hạ tầng khu kinh tế (đường sá giao thông kết nối – đường quốc lộ 8A xuống cấp; khu vực công A chật hẹp; dịch vụ logistic, hạ tầng viễn thông, tài chính,... chưa đáp ứng yêu cầu).

- Thu hút đầu tư vào địa bàn, nhất là trong khu kinh tế còn nhiều khó khăn (đến nay, chưa có dự án lớn đầu tư vào địa bàn sản xuất hàng hóa xuất nhập khẩu);

- Việc phối hợp giải quyết thủ tục hành chính, thông thương hàng hóa, xuất nhập cảnh giữa các cơ quan chức năng địa phương chưa được nhuần nhuyễn, đồng bộ.

Mặc dù có những khó khăn, nhưng khu kinh tế Cửa khẩu Cầu Treo vẫn được Chính phủ đưa vào 1 trong 8 khu kinh tế cửa khẩu trọng điểm để đầu tư phát triển giai đoạn 2021-2025, trong điều kiện kinh tế - xã hội trong nước và khu vực có nhiều thay đổi lớn, việc nghiên cứu, đề xuất các giải pháp xây dựng huyện Hương Sơn trở thành cửa ngõ xuất nhập khẩu hàng hóa của Lào, các tỉnh

Đông Bắc Thái Lan và kết nối với Khu Kinh tế Vũng Áng có ý nghĩa rất quan trọng. Sau đây tôi xin đưa ra một số giải pháp chính như sau:

1. Giải pháp chung

- Tập trung xây dựng, hoàn thiện đồng bộ cơ sở vật chất, hạ tầng Khu kinh tế Cầu Treo đáp ứng yêu cầu xuất nhập khẩu và giao thông hàng hóa nhất là hạ tầng giao thông, hệ thống kho bãi, dịch vụ logistics.

- Đẩy mạnh đơn giản hóa thủ tục hành chính, hoàn thiện thể chế, hoàn thiện môi trường đầu tư, kinh doanh và xuất nhập khẩu, tạo thuận lợi và giảm chi phí cho doanh nghiệp; Tăng cường dịch vụ công trực tuyến, triển khai cơ chế một cửa quốc gia.

- Rà soát, hoàn thiện cơ chế chính sách quản lý hoạt động xuất nhập khẩu, tăng cường công tác kiểm tra thi hành pháp luật, kịp thời phát hiện những vấn đề phát sinh để đề xuất phương hướng chỉnh sửa, bổ sung phù hợp với thực tế.

- Các cơ quan, đơn vị làm việc tại KKT Cầu Treo phải thường xuyên trao đổi, phối hợp công tác, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ các biện pháp kiểm soát, phòng chống dịch bệnh nhưng cũng bảo đảm không gây gián đoạn quá mức cần thiết cho hoạt động thương mại giữa hai bên. Các cơ quan ngoại vụ, hải quan cửa khẩu, kiểm dịch y tế, kiểm tra di dân, bộ đội biên phòng...của hai bên cùng tham gia nhằm tăng cường hợp tác hai bên trong chia sẻ thông tin, phối hợp chính sách, xử lý vụ việc đột xuất trong phòng chống dịch.

- Cung cấp thông tin tư vấn và hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp liên quan đến hoạt động xuất nhập khẩu.

2. Đối với hoạt động xuất khẩu

- Xây dựng các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư đổi mới thiết bị, đổi mới công nghệ và đổi mới quy trình sản xuất sản phẩm đạt chất lượng, tiêu chuẩn của các thị trường xuất khẩu; Đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu và triển khai, ứng dụng khoa học và công nghệ, đặc biệt là công nghệ cao, nhằm nhanh chóng chuyển sang phương thức sản xuất và phương thức quản trị tiên tiến theo các hướng phát triển của cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0.

- Tổ chức đánh giá hoạt động sản xuất, xuất khẩu để tháo gỡ khó khăn trong hoạt động sản xuất, xuất khẩu; khai thông dòng lưu chuyển hàng hóa; Phối hợp với các cơ quan nước bạn đánh giá nhu cầu nhập khẩu của từng mặt hàng cụ thể ở từng địa phương của Lào và các tỉnh Đông Bắc Thái Lan để có chiến lược tập trung vào một số hàng hóa xuất khẩu chính.

- Thực hiện tốt các giải pháp về tổ chức sản xuất, quy hoạch đối với các mặt hàng nông, thủy sản gắn với thị trường nhằm tạo nguồn hàng có chất lượng để phục vụ xuất khẩu sang Lào và các tỉnh Đông Bắc Thái Lan.

- Triển khai các biện pháp nhằm chuyển dịch cơ cấu hàng hóa xuất khẩu vào các sản phẩm có hàm lượng công nghệ cao, chế biến sâu, ứng dụng khoa học - công nghệ tiên tiến; nâng cao tỷ trọng sản xuất hàng xuất khẩu từ nguyên liệu trong nước; đẩy mạnh sản xuất các mặt hàng sản xuất có tiềm năng tăng trưởng xuất khẩu lớn. Chuyển dịch cơ cấu sản phẩm xuất khẩu theo hướng nâng cao tỷ trọng sản phẩm có giá trị gia tăng cao.

- Tăng cường công tác thông tin thị trường để tạo điều kiện cho các doanh nghiệp khai thác tốt cơ hội xuất khẩu. Nâng cao hiệu quả và đổi mới phương thức xúc tiến thương mại, tập trung vào các hàng hóa có lợi thế xuất khẩu, các thị trường tiềm năng và các thị trường ngách để mở ra các thị trường mới nhằm đa dạng hóa thị trường xuất khẩu. Tăng cường công tác nghiên cứu, phân tích, dự báo thị trường hỗ trợ doanh nghiệp.

- Đẩy mạnh phát triển hạ tầng cơ sở (điện, nước, thông tin liên lạc, giao thông vận tải); phát triển dịch vụ logistics, đưa hàng hóa xuất khẩu tới các tỉnh, thành lớn của Lào và các tỉnh Đông Bắc Thái Lan với chi phí và thời gian tiết kiệm nhất.

3. Đối với hoạt động nhập khẩu

- Hỗ trợ tìm kiếm, cung cấp và cập nhật thường xuyên danh sách các nhà phân phối, sản xuất xuất khẩu nguyên phụ liệu cho các ngành dệt may, da giày, máy tính và các nguyên nhiên vật liệu phục vụ sản xuất của ngành hóa chất, đồ gỗ, sắt thép...; Hỗ trợ các Hiệp hội ngành hàng, các doanh nghiệp kết nối với nhà cung cấp nước ngoài khi được yêu cầu.

- Nghiên cứu, xúc tiến nhập khẩu nguyên vật liệu thiết yếu phục vụ các ngành sản xuất sử dụng nhiều lao động như dệt may, da giày, điện tử..., đặc biệt chú trọng các doanh nghiệp vừa và nhỏ chưa có nhiều kinh nghiệm trong giao dịch nhập khẩu.

- Theo dõi sát tình hình nhập khẩu, phát hiện những mặt hàng gia tăng đột biến và làm rõ nguyên nhân, chủ động tham mưu, triển khai thực hiện những biện pháp kịp thời nhằm tăng cường quản lý, kiểm soát phù hợp với cam kết quốc tế.

4. Một số kiến nghị, đề xuất cụ thể

4.1. Đối với Chính phủ, bộ ngành trung ương

- Đề nghị sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 112/2014/NĐ-CP phù hợp với Luật Biên phòng Việt Nam, Luật Xuất nhập cảnh của công dân Việt Nam và Hiệp định về quy chế cửa khẩu biên giới đất liền giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào, cụ thể:

+ Tại điểm b khoản 1 Điều 8 Nghị định quy định Công dân Việt Nam thường trú ở khu vực biên giới, tỉnh biên giới khi sang khu vực biên giới, tỉnh biên giới đối diện nước láng giềng phải có giấy thông hành biên giới hoặc giấy tờ có giá trị xuất, nhập cảnh theo quy định của điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

Đề nghị bổ sung quy định cơ quan có thẩm quyền cấp các loại giấy tờ này để các cơ quan chuyên ngành tại cửa khẩu thực hiện thống nhất theo quy định.

+ Tại điểm d khoản 1 Điều 19 Nghị định quy định một trong những nguyên tắc mở, nâng cấp cửa khẩu là phải đảm bảo phù hợp với lưu lượng người, phương tiện, hàng hóa xuất, nhập.

Đề nghị quy định định lượng cụ thể về lưu lượng người, phương tiện, hàng hóa xuất, nhập làm căn cứ để thực hiện việc mở, nâng cấp cửa khẩu.

- Xúc tiến phía Lào thống nhất sử dụng nguồn vốn viện trợ của Chính phủ Việt Nam để triển khai đầu tư xây dựng dự án đường giao thông giữa hai cửa khẩu quốc tế Cầu Treo - Nậm Phào (đoạn phía Lào).

- Làm việc với các Bộ, ngành Trung ương Lào để sớm đưa tuyến Quốc lộ 8A, Quốc lộ 12 (Việt Nam) và đường 13 (Lào) vào Hiệp định Vận tải xuyên biên giới các nước Tiểu vùng sông Mekong mở rộng (GMS-CBTA),

- Tập trung nguồn lực để sớm hoàn thành dự án nâng cấp mở rộng Quốc lộ 8A nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho thu hút đầu tư và hoàn chỉnh hạ tầng kỹ thuật khu kinh tế Cửa khẩu quốc tế Cầu Treo; ưu tiên nguồn vốn đầu tư, sớm triển khai thi công đoạn Bãi Vọt - Vũng Áng nhằm góp phần kết nối nhanh, thuận tiện giữa Khu Kinh tế Vũng Áng với Lào, các tỉnh Đông Bắc Thái Lan qua Quốc lộ 8A và kết nối với các tỉnh Bắc Trung Bộ nói riêng, cả nước nói chung.

- Hỗ trợ huyện Hương Sơn trong việc kết nối, làm việc, kêu gọi các doanh nghiệp Lào đẩy mạnh xuất, nhập hàng hóa qua cửa khẩu Quốc tế Cầu Treo và cảng Vũng Áng.

4.2. Đối với UBND tỉnh Hà Tĩnh và các sở ngành:

Thường niên tổ chức hội nghị hợp tác, xúc tiến đầu tư, hỗ trợ hoạt động xuất nhập khẩu giữa Hà Tĩnh với các tỉnh Đông Bắc Thái Lan, các tỉnh Viêng Chăn, Bolikhamsay; Khammuane,... của Lào, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp và nhân dân các nước quan hệ hợp tác. Tổ chức kết nối tua, tuyến du lịch giữa Việt Nam với Lào, Thái Lan đi qua Cửa khẩu Cầu Treo.

- *Đề nghị Cục Hải quan Hà Tĩnh:*

+ Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện giải quyết thủ tục hành chính, quan tâm ý kiến đánh giá của người dân, tổ chức, doanh nghiệp trong quá trình thực hiện thủ tục hải quan để nâng cao hiệu quả cải cách thủ tục hành chính, tạo thuận lợi cho thương mại, đầu tư và đảm bảo yêu cầu quản lý Nhà nước về hải quan. Tăng cường quản lý, nâng cao trách nhiệm của cán bộ, công chức trong việc thực hiện kỷ cương hành chính, đạo đức công vụ, nhất là trách nhiệm của người đứng đầu; kiên quyết đấu tranh ngăn chặn và xử lý nghiêm mọi biểu hiện phiền hà, sách nhiễu, tiêu cực trong công tác hải quan tại cửa khẩu.

+ Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan làm việc trực tiếp với các doanh nghiệp (nhất là các doanh nghiệp trong tỉnh) trước đây thực hiện xuất nhập khẩu qua CKQT Cầu Treo nay chuyển sang các cửa khẩu khác; giải quyết kịp thời các vướng mắc, khó khăn để doanh nghiệp tiếp tục thực hiện thông quan qua CKQT Cầu Treo; đồng thời, chủ động làm việc với các doanh nghiệp có kim ngạch xuất nhập khẩu lớn qua cửa khẩu về những khó khăn, vướng mắc (nếu có) của doanh nghiệp khi làm thủ tục xuất nhập khẩu và có giải pháp, cam kết tạo mọi điều kiện thuận lợi, đảm bảo các doanh nghiệp duy trì và tăng cường thực hiện thông quan qua CKQT Cầu Treo.

+ Phối hợp chặt chẽ với các đơn vị làm nhiệm vụ kiểm tra, kiểm soát tại cửa khẩu để xử lý linh hoạt, tạo điều kiện cho việc vận tải, lưu thông hàng hóa. Ưu tiên giải quyết thông quan cho các mặt hàng cần thông quan nhanh như nông sản, hoa quả tươi; tuyệt đối không để xảy ra tình trạng ùn tắc tại khu vực cửa khẩu.

+ Tổ chức thực hiện nghiêm túc, kịp thời, có hiệu quả chủ trương, chính sách hỗ trợ xuất nhập khẩu; đồng hành tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho DN phục hồi sản xuất, kinh doanh do đại dịch COVID-19. Phối hợp tham mưu, đề xuất các cơ chế, chính sách đẩy mạnh xuất nhập khẩu qua CKQT Cầu Treo; phấn đấu đạt và vượt chỉ tiêu kim ngạch xuất nhập khẩu, thu ngân sách được giao hằng năm.

- *Đề nghị Sở Công thương:* Hướng dẫn, tạo điều kiện thuận lợi cấp giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) cho các doanh nghiệp xuất khẩu trên địa bàn tỉnh; đồng thời, chủ động phối hợp thu hút doanh nghiệp làm thủ tục thông quan qua CKQT Cầu Treo.

- *Đề nghị Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh:* Chủ trì, phối hợp với Sở Công thương và các đơn vị liên quan thực hiện có hiệu quả chính sách hỗ trợ các tổ chức, cá nhân có hàng hóa vận chuyển bằng container qua cảng Vũng Áng gắn với thu hút doanh nghiệp Lào, Thái Lan thông quan qua CKQT Cầu Treo.

Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan rà soát các vướng mắc, bất cập; tham mưu UBND tỉnh giải pháp đảm bảo cơ chế thông thoáng trong vận chuyển hàng hóa qua CKQT Cầu Treo, tránh việc chông chéo trong kiểm tra, giám sát, quản lý; cắt giảm thời gian lưu kho, chi phí vận chuyển hàng hóa cho doanh nghiệp.

Tập trung đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án hạ tầng kỹ thuật khu vực cổng A, Khu kinh tế CKQT Cầu Treo.

- Đề nghị các sở, ngành theo chức năng, nhiệm vụ hỗ trợ, tạo điều kiện, thu hút doanh nghiệp hoạt động kinh doanh xuất khẩu hàng hóa qua CKQT Cầu Treo, tăng kim ngạch xuất khẩu và thu nộp ngân sách nhà nước; đồng thời, thực hiện hiệu quả công tác phòng chống buôn lậu và gian lận thương mại qua biên giới.

- Đề nghị Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh phối hợp với các cơ quan liên quan vận động các doanh nghiệp kinh doanh, vận chuyển hàng hóa qua CKQT Cầu Treo; thường xuyên nắm bắt, kịp thời phản ánh các khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp và phối hợp với các cơ quan liên quan kịp thời tháo gỡ khó khăn, thúc đẩy hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu qua CKQT Cầu Treo.

XÂY DỰNG VÀ KẾT NỐI CÁC TRUNG TÂM LOGISTICS THEO QUY HOẠCH TẠI QUYẾT ĐỊNH SỐ 1363/QĐ-TTG NGÀY 08/11/2022 CỦA CHÍNH PHỦ TRỞ THÀNH MỘT TRONG NHỮNG TRỤ CỘT CỦA NỀN KINH TẾ TỈNH HÀ TĨNH

Võ Tá Nghĩa

Phó Giám đốc Sở Công Thương

1. Logistics là một ngành dịch vụ mới, tạo nhiều thuận lợi cho hoạt động sản xuất kinh doanh đóng góp quan trọng cho nền kinh tế. Theo Điều 233 Luật Thương mại năm 2005 định nghĩa: “*Dịch vụ logistics là hoạt động thương mại, theo đó thương nhân tổ chức thực hiện một hoặc nhiều công việc bao gồm nhận hàng, vận chuyển, lưu kho, lưu bãi, làm thủ tục hải quan, các thủ tục giấy tờ khác, tư vấn khách hàng, đóng gói bao bì, ghi ký mã hiệu, giao hàng hoặc các dịch vụ khác có liên quan đến hàng hóa theo thỏa thuận với khách hàng để hưởng thù lao*”.

Theo Nghị định số 163/2017/NĐ-CP ngày 30/12/2017 của Chính phủ, dịch vụ logistics được phân loại chi tiết gồm 16 loại hình, trong đó chủ yếu gồm các dịch vụ: xếp dỡ container, kho bãi, chuyển phát, đại lý vận tải hàng hóa, đại lý hải quan, dịch vụ hỗ trợ bán buôn bán lẻ, dịch vụ khác (kiểm tra vận đơn, kiểm định, môi giới vận tải hàng hóa...), dịch vụ vận tải hàng hóa, dịch vụ phân tích và kiểm định kỹ thuật và các dịch vụ hỗ trợ vận tải. Ngoài các dịch vụ trên, nếu có các dịch vụ khác mà thương nhân kinh doanh dịch vụ logistics và khách hàng thỏa thuận phù hợp với nguyên tắc cơ bản của Luật Thương mại thì cũng được coi là dịch vụ logistics.

Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư xác định “Kinh doanh dịch vụ logistics” thuộc danh mục ngành, nghề tiếp cận thị trường có điều kiện đối với nhà đầu tư nước ngoài. Đầu tư kinh doanh trung tâm logistics, cảng cạn, kho hàng hóa thuộc danh mục ngành, nghề ưu đãi đầu tư.

Có thể thấy Logistics là một ngành dịch vụ quan trọng trong cơ cấu tổng thể nền kinh tế quốc dân, đóng vai trò hỗ trợ, kết nối và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của cả nước cũng như từng địa phương, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế. Chính phủ ban hành Quyết định số 200/QĐ-TTg ngày 14/02/2017 phê duyệt Kế hoạch hành động nâng cao năng lực cạnh tranh

và phát triển dịch vụ logistics Việt Nam đến năm 2025; Quyết định số 221/QĐ-TTg ngày 22/02/2021 về sửa đổi, bổ sung Quyết định số 200/QĐ-TTg ngày 14/02/2017 của Thủ tướng Chính phủ. Ngày 16/12/2022 Chính phủ tiếp tục ban hành Nghị quyết số 163/NQ-CP về đẩy mạnh triển khai đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh và phát triển dịch vụ logistics Việt Nam.

3. Tỉnh Hà Tĩnh nằm ở vị trí trung tâm khu vực Bắc Trung Bộ, là điểm trung chuyển hàng hóa với Lào, Đông Bắc Thái Lan, Myanmar và cửa ra biển của tuyến hành lang kinh tế Đông - Tây nối với đường hàng hải quốc tế và giao lưu hàng hóa với các quốc gia trên thế giới; nằm trên 02 trục giao thông Bắc - Nam và trục giao thông nối Đông Bắc Thái Lan và Lào với Biển đông.

- Lợi thế về cảng biển: Tỉnh có cụm cảng biển Vũng Áng - Sơn Dương đã được quy hoạch là cảng chuyên dụng và tổng hợp quốc gia, đầu mối khu vực và là cảng loại I trong hệ thống cảng biển quốc gia. Hiện nay, trên địa bàn tỉnh có 05 bến cảng với 24 cầu cảng được Cục Hàng hải Việt Nam công bố đưa vào sử dụng gồm 20 bến tổng hợp, hàng rời, 04 bến hàng lỏng khí (khu vực Vũng Áng 6 cầu cảng, khu vực Sơn Dương 14 cầu cảng, khu vực Xuân Hải 02 cầu cảng, Xuân Phổ 01 cầu cảng và Xuân Giang 01 cầu cảng). Năm 2022 có 3.437 lượt tàu rời ra vào cảng biển trên địa bàn tỉnh, khối lượng hàng thông qua cảng 29,35 triệu tấn; 32 lượt tàu container, tổng khối lượng hàng 19.501 tấn (1.967 TEU).

Khu bến Vũng Áng gồm:

Cầu cảng số 1 hoàn thành đưa vào sử dụng năm 2001, tiếp nhận tàu tổng hợp đến 45.000DWT, tàu container đến 2.000TEU, công suất thiết kế 460.000T/năm. Cầu cảng số 2 hoàn thành đưa vào sử dụng năm 2010, tiếp nhận tàu chở gỗ dăm đến 55.000 DWT; tàu chở hàng tổng hợp đến 61.617DWT giảm tải, container đến 45.000DWT, công suất thiết kế 860.000T/năm.

Bến cảng Xăng dầu LGP Vũng Áng khai thác năm 2010, cỡ tàu chở dầu đến 15.000DWT, tàu chở LPG đến 3.000DWT, kho chứa 60.000m³. Bến cảng Nhà máy nhiệt điện Vũng Áng 1 khai thác từ tháng 12/2013 tiếp nhận tàu chở than đến 30.000DWT. Sản lượng hàng hóa tính chung cho cả khu cảng Vũng Áng (cả bến số 1 + 2 + Bến than và Khi hóa lỏng) năm 2021 là 5,6 triệu tấn.

Các cầu cảng đang và chuẩn bị xây dựng gồm:

Cầu cảng số 3 tiếp nhận tàu đến 45.000DWT, công suất thiết kế 1,5 triệu tấn/năm. Cầu cảng số 4 tiếp nhận tàu tổng hợp đến 40.000 DWT, tàu container

4.000TEUS, công suất thiết kế 2,3 triệu tấn/năm. Cầu cảng số 5 và 6 tiếp nhận hàng tàu tổng hợp đến 50.000DWT, công suất thiết kế khoảng 5 triệu tấn/năm. Bến cảng Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 2 quy mô xây dựng mới 02 cầu cảng có chiều dài 325m tiếp nhận tàu có trọng tải 100.000DWT; công suất khoảng 4,6 triệu tấn/năm. Các cầu cảng số 7, 8, 9, 10, 11 đang có một số nhà đầu tư đề xuất đầu tư.

Hiện nay, tổng kho xăng dầu Giang Nam và Phúc Lâm đã được chấp thuận chủ trương đầu tư do đó trong quy hoạch sẽ cập nhật các bến chuyên dùng cho xuất, nhập sản phẩm xăng, dầu, khí, hóa chất dạng lỏng.

Khu bến Cảng Sơn Dương: hiện đã có 14 cầu cảng được Cục Hàng hải Việt Nam cho phép đưa vào sử dụng, có khả năng tiếp nhận tàu trọng tải tới 300.000 DWT. Sản lượng hàng hóa 2021 là 27,05 triệu tấn.

Các bến khác

Bến cảng Xuân Hải: là bến tổng hợp địa phương nằm trên địa bàn xã Xuân Hải - huyện Nghi Xuân - Tỉnh Hà Tĩnh. Bến Xuân Hải hiện có 02 cầu cảng, tiếp nhận tàu có trọng tải đến 1.200 DWT. (Cầu 01 dài 42m, cầu 02 dài 64m), công suất thiết kế 250.000 tấn/năm. Sản lượng trong mấy năm qua đạt bình quân khoảng 120.000-130.000 tấn/năm; năm 2019 chỉ đạt 79.532 tấn, chủ yếu hàng nội địa; năm 2020 đạt 112.025 tấn, và năm 2021 đạt 210.418 tấn.

Bến cảng Cửa Sốt (Thạch Khê): Khu bến cảng chuyên dùng tiềm năng phục vụ công nghiệp khai khoáng khi có yêu cầu. Bến cảng xăng dầu Xuân Giang nằm trên địa bàn xã Xuân Giang - huyện Nghi Xuân - Tỉnh Hà Tĩnh do Chi nhánh công ty cổ phần Thương mại và XNK miền Trung tại Hà Tĩnh làm chủ đầu tư quy mô tiếp nhận tàu đến 2.000DWT; hiện đã được đưa vào khai thác. Sản lượng hàng năm 2021 đạt 3.650 tấn.

- Về giao thông đường bộ thuận lợi: có Quốc lộ 1A, đường Hồ Chí Minh; đường cao tốc Bắc Nam đã khởi công; kết nối với CHDCND Lào và Thái Lan có QL.8 và QL.12C. Ngoài ra có các tuyến quốc lộ chạy qua như QL8B, QL8C, QL15, QL15B, QL281 và tuyến đường ven biển. Giao thông đường sắt: Hà Tĩnh có tuyến đường sắt Bắc - Nam chạy qua, tổng cộng 08 ga đường sắt (có 02 ga chính là ga Yên Trung và ga Hương Phố, còn lại là 06 ga nhường tránh).

- Tình hình phát triển kinh tế: đến hết năm 2022, toàn tỉnh có 02 khu kinh tế, 03 khu công nghiệp, 23 cụm công nghiệp đã đi vào hoạt động. Tại các khu kinh tế và khu công nghiệp có 190 dự án đã được chấp thuận chủ trương đầu tư, trong đó

có 56 dự án có vốn đầu tư nước ngoài với số vốn đăng ký hơn 16 tỷ USD và 134 dự án đầu tư trong nước với số vốn đăng ký gần 60.000 tỷ đồng. Nhiều Tập đoàn kinh tế lớn đã và đang đầu tư dự án trọng điểm tại Hà Tĩnh như: Khu liên hợp gang thép và cảng Sơn Dương Formosa Hà Tĩnh (Giai đoạn 1: 7,5 triệu tấn/năm) của Công ty TNHH Gang thép Hưng nghiệp Formosa Hà Tĩnh (Công ty FHS); Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 (công suất 1.200 MW); Tổng kho Xăng dầu Dầu khí Vũng Áng (kho chứa 60.000 m³); Tổng kho khí hóa lỏng Bắc Trung bộ (kho chứa 1.785 tấn); Cảng Vũng Áng (bến số 01, bến số 02); Khách sạn Mường Thanh Hà Tĩnh. Một số dự án lớn đang trong quá trình đẩy nhanh tiến độ như: Bến cảng Vũng Áng (bến số 3, 4, 5, 6), Nhà máy sản xuất Pin VinES Vũng Áng, Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng II (đã bắt đầu xây dựng vào cuối năm 2021).

4. Mặc dù có lợi thế về điều kiện tự nhiên, tuy nhiên việc khai thác hiệu quả cảng biển, cửa khẩu quốc tế để phát triển dịch vụ logistics còn gặp nhiều khó khăn. Hầu như các tỉnh trên địa bàn Bắc Trung Bộ đều có cảng biển, bên cạnh đó đầu tàu kinh tế là Nhà máy gang thép Formosa chủ yếu vận chuyển nguyên liệu đầu vào và sản phẩm đầu ra bằng đường biển thông qua cảng biển nội bộ và ít sử dụng dịch vụ thuê ngoài dẫn đến lưu lượng vận chuyển trong địa bàn tỉnh không tăng cao tương ứng.

Năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp sản xuất, xuất nhập khẩu còn hạn chế; đa số quy mô nhỏ và vừa, chi phí logistics trong giá thành sản phẩm còn cao. Mặc dù Hà Tĩnh có đường biên giới trực tiếp với Lào, đường biển dài và có cảng nước sâu nhưng việc giao thương với Lào còn hạn chế. Các hoạt động ngoại thương của Lào vẫn qua Thái Lan dù khoảng cách ra biển từ Lào qua Thái Lan xa hơn qua Hà Tĩnh.

Dịch vụ logistics phục vụ xuất khẩu còn hạn chế; điều kiện kho bãi, nhất là bãi chứa container chật hẹp, thiếu các thiết bị bốc dỡ, ảnh hưởng đến lưu thông hàng hóa. Cơ sở hạ tầng cũng như năng lực bốc dỡ của cảng Vũng Áng, cảng Xuân Hải còn hạn chế nên việc thu hút các doanh nghiệp xuất nhập khẩu còn khó khăn.

Cảng Vũng Áng nói riêng và các cảng biển tại Hà Tĩnh nói chung là các cảng biển hở nên chịu ảnh hưởng lớn của điều kiện khí tượng thủy văn. Ngoài ra, cảng nằm trong khu vực chịu nhiều ảnh hưởng của bão, gió mùa nên hiệu suất khai thác chưa cao. Cảng biển là đầu mối giao thông, kết nối nhiều phương thức vận tải như đường bộ, đường không, đường sắt, đường thủy,... nhưng hiện tại cảng Vũng Áng mới kết nối đường bộ và đường thủy. Mặt khác khu vực Hà Tĩnh

chưa có các vị trí tránh bão, vì vậy khi có thời tiết xấu, bão thì các tàu thuyền phải đi tránh bão ở Quảng Ninh hoặc Đà Nẵng tùy theo hướng bão nên gây tăng chi phí cho chủ tàu, chủ hàng làm ảnh hưởng đến quá trình khai thác cảng.

Nhu cầu thông thương, trao đổi hàng hóa giữa Việt Nam và Lào tại Cửa khẩu Cầu Treo giảm do việc thay đổi chính sách xuất khẩu của Lào. Trước đây, Lào xuất khẩu khoáng sản, gỗ, một số nguyên liệu khác; nhập khẩu xi măng, sắt thép, đồ vật liệu gia dụng... nhưng nay đã hạn chế hoặc cấm xuất thô các mặt hàng trên nên quan hệ kinh tế hai chiều giảm mạnh.

Các cơ chế, chính sách của Nhà nước có nhiều thay đổi, thời gian áp dụng ngắn. Đặc biệt từ ngày 01/9/2016 khi Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13 có hiệu lực và ngày 16/01/2018, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 01/2018/QĐ-TTg về việc bãi bỏ Quyết định số 72/2013/QĐ-TTg ngày 26/11/2013 thì Khu kinh tế Cửa khẩu quốc tế Cầu Treo không còn là khu phi thuế quan nữa, chỉ được áp dụng các chính sách chung của cả nước đối với các khu kinh tế, làm giảm sức hấp dẫn của hàng hóa xuất nhập khẩu qua cửa khẩu.

5. Thực hiện các chủ trương của Chính phủ, phát huy tiềm năng, lợi thế, tỉnh Hà Tĩnh xác định dịch vụ logistics là một trong bốn ngành trọng điểm, định hướng đột phá phát triển kinh tế - xã hội. Tỉnh ủy, HĐND và UBND tỉnh đã ban hành đồng bộ hệ thống văn bản, cơ chế chính sách thúc đẩy phát triển ngành logistics. Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Hà Tĩnh lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2020-2025 xác định phát triển dịch vụ cảng biển và logistics là một trong những trụ cột của nền kinh tế; Ban Thường vụ tỉnh ủy ban hành Nghị quyết số 11-NQ-TU ngày 26/5/2022 về tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo đẩy mạnh xuất khẩu gắn với phát triển dịch vụ logistics giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030.

Tại quyết định Quyết định số 1363/QĐ-TTg ngày 08/11/2022 của Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Hà Tĩnh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 định hướng: phát triển dịch vụ logistics thành ngành kinh tế quan trọng của tỉnh, đưa Hà Tĩnh trở thành cửa ngõ, trung tâm trung chuyển hàng hóa, kho bãi đáp ứng đà phát triển thương mại, xuất nhập khẩu của vùng Bắc Trung bộ. Trong đó, phương án phát triển ngành dịch vụ logistics tích hợp quy hoạch 04 trung tâm logistics, gồm Trung tâm logistics Vũng Áng hạng I diện tích 106,9 ha; Trung tâm logistics Sơn Dương hạng I diện tích 159,84 ha; Trung tâm logistics Đức Thọ hạng II, quy mô từ 10 ha trở lên; Trung tâm logistics, cảng cạn tại KKT Cầu Treo quy mô 10 - 20 ha. Mỗi huyện/thành phố/ thị xã được

quy hoạch tối thiểu 01 Trung tâm logistics (Trung tâm phân phối, kho hàng hóa) cấp huyện quy mô tối thiểu 5ha, gắn với Khu, CCN.

HĐND tỉnh đã hành Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ các hãng tàu biển mở tuyến vận chuyển container và đối tượng có hàng hóa vận chuyển bằng container qua cảng Vũng Áng. Hình thành tuyến tàu biển container thường xuyên qua cảng Vũng Áng với tần suất tối thiểu 02 chuyến/tháng, từ tháng 4/2021 đến nay đã có 51 chuyến tàu container cập cảng Vũng Áng để vận chuyển hàng hóa, tần suất có xu hướng tăng (những tháng cuối năm 2022 có tần suất 3 chuyến tàu container/tháng cập cảng Vũng Áng để đóng dỡ hàng). Lượng hàng container qua cảng tăng dần (năm 2021 vận chuyển 713 TEUS, năm 2022 vận chuyển 2.047 TEUS, quý I/2023 vận chuyển 540 TEUS).

6. Thời gian tới, nền kinh tế nước ta tiếp tục hội nhập sâu rộng với thế giới; cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư, tác động của toàn cầu hóa, chuyển đổi số, sự phát triển của hạ tầng giao thông, cảng biển, các dự án trọng điểm của tỉnh, của quốc gia sẽ tạo thuận lợi để thúc đẩy phát triển dịch vụ logistics. Nghị quyết đại hội tỉnh đảng bộ đặt ra mục tiêu phấn đấu đến năm 2030 đưa tỉnh Hà Tĩnh trở thành tỉnh khá của cả nước, tốc độ tăng trưởng bình quân GRDP đạt 9,7%/năm. Nghị quyết số 11-NQ-TU ngày 26/5/2022 của BTV Tỉnh ủy về tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo đẩy mạnh xuất khẩu gắn với phát triển dịch vụ logistics giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 đặt ra mục tiêu đến năm 2025 kim ngạch xuất khẩu tỉnh đạt trên 2,7 tỷ USD, khối lượng hàng hóa qua cửa khẩu, cảng biển trên địa bàn đạt 107 triệu tấn; thu hút đầu tư các Trung tâm logistics hạng I và hạng II theo quy hoạch.

Tuy vậy, ảnh hưởng của tình hình thế giới, xung đột giữa các nền kinh tế lớn đang đặt ra không ít khó khăn đối với phát triển ngành dịch vụ logistics; đòi hỏi cần tập trung thực hiện đồng bộ thu hút đầu tư các trung tâm logistics theo quy hoạch, tạo động lực phát triển mới, góp phần đưa tỉnh nhà phát triển nhanh và bền vững. Các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm như sau:

Trước hết, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của chính quyền các cấp và phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị đối với phát triển logistics. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức của cán bộ, công chức, người lao động, các tổ chức, doanh nghiệp và Nhân dân về chủ trương phát triển dịch vụ logistics của Chính phủ tại Nghị quyết số 163/NQ-CP ngày 16/12/2022 của Chính phủ về đẩy mạnh triển khai đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh và phát triển dịch vụ logistics Việt Nam và

các văn bản liên quan; của Tỉnh tại Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX về hội nhập kinh tế quốc tế, phát triển dịch vụ cảng biển và logistics trở thành trụ cột kinh tế quan trọng; Nghị quyết số 11-NQ/TU ngày 26/5/2022 về tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo đẩy mạnh xuất khẩu gắn với phát triển dịch vụ logistics giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030; tạo sự chuyển biến rõ nét về nhận thức và hành động của đội ngũ cán bộ, công chức về tinh thần phục vụ người dân và doanh nghiệp.

Thứ hai, thực hiện đồng bộ công tác quy hoạch và cơ chế chính sách. Xây dựng quy hoạch chi tiết các Trung tâm logistics đã tích hợp trong quy hoạch tỉnh; triển khai hiệu quả chính sách giai đoạn 1 (2021-2023) hỗ trợ các hãng tàu biển mở tuyến vận chuyển container và các doanh nghiệp có hàng hóa vận chuyển bằng container qua cảng Vũng Áng; thu hút lượng hàng hóa qua lưu thông qua cảng nhằm tạo tiền đề cho việc phát triển cảng biển, dịch vụ logistics hậu cảng và đẩy mạnh xuất nhập khẩu, thu hút đầu tư tại Khu Kinh tế Vũng Áng. Xây dựng chính sách cho giai đoạn 2 (từ năm 2024-2030), sau khi chính sách giai đoạn 1 triển khai hiệu quả, quy mô thị trường dịch vụ logistics trên địa bàn tỉnh được nâng lên, tinh tập trung chính sách hỗ trợ đẩy mạnh xuất khẩu với các trọng tâm: hỗ trợ doanh nghiệp logistics gắn với xuất khẩu hàng hóa, thu hút đầu tư trong lĩnh vực logistics. Lồng ghép các cơ chế chính sách của tỉnh trong giai đoạn 2021 - 2030 để khuyến khích phát triển sản xuất nhằm tăng nguồn hàng xuất khẩu.

Thứ ba, tập trung phát triển sản xuất tăng nguồn hàng hóa xuất khẩu và nâng cao nhu cầu sử dụng dịch vụ logistics. Thực hiện hiệu quả chính sách phát triển công nghiệp để thu hút các doanh nghiệp lớn đầu tư tại KKT Vũng Áng và các cụm công nghiệp trên địa bàn. Hỗ trợ Công ty TNHH Gang thép Hưng nghiệp Formosa Hà Tĩnh đẩy nhanh tiến độ, sớm thu hút các dự án thứ cấp vào đầu tư tại Khu gia công phụ trợ trong khuôn viên Dự án Formosa; nâng công suất Nhà máy thép Formosa lên 11 triệu tấn (giai đoạn 2). Xúc tiến, tạo điều kiện thuận lợi đẩy nhanh tiến độ các Dự án: Nhà máy nhiệt điện Vũng Áng 2; Nhà máy luyện gang thép 500.000 tấn/năm; Nhà máy sản xuất Pin VINES Vũng Áng, Khu công nghiệp sản xuất ô tô và linh phụ kiện gắn với Trung tâm logistics Sơn Dương...

Thứ tư, huy động tối đa các nguồn lực để đầu tư hạ tầng giao thông kết nối cảng biển, cửa khẩu quốc tế Cầu Treo với các Khu kinh tế, Khu công nghiệp trong tỉnh và các tỉnh trong khu vực; nâng cấp, mở rộng các tuyến đường giao

thông huyết mạch như: Đường từ cảng Vũng Áng đến khu liên hợp gang thép Formosa; nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 12C, Quốc lộ 8C. Đẩy nhanh tiến độ thi công Dự án đường bộ cao tốc Bắc - Nam đoạn qua Hà Tĩnh nhằm kết nối hoạt động kinh tế - xã hội của tỉnh, nhất là Khu kinh tế Vũng Áng với các địa phương trong cả nước.

Thứ năm, kết nối với các doanh nghiệp lớn lĩnh vực logistics để tổ chức các hội nghị, hội thảo, đoàn ra nước ngoài nhằm quảng bá, hợp tác thu hút nguồn hàng từ Lào, Thái Lan qua cửa khẩu, cảng biển trên địa bàn tỉnh; hướng dẫn các doanh nghiệp logistics trên địa bàn nắm bắt, chuyển đổi số trong hoạt động kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp. Lập danh mục các dự án thuộc lĩnh vực ưu tiên thu hút đầu tư, trong đó chú trọng thu hút đầu tư xây dựng Trung tâm logistics tại Khu kinh tế Vũng Áng và các địa điểm khác theo Quy hoạch tỉnh và các quy hoạch liên quan.

Thứ sáu, tăng cường công tác quản lý nhà nước trên các lĩnh vực; đẩy mạnh cải cách hành chính, tạo môi trường thuận lợi cho hoạt động xuất nhập khẩu, thu hút đầu tư. Nâng cao năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp sản xuất hàng hóa xuất khẩu, doanh nghiệp cung ứng dịch vụ logistics và chú trọng công tác đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế.

XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN MẠNG LƯỚI GIAO THÔNG ĐÁP ỨNG YÊU CẦU CỦA SỰ PHÁT TRIỂN KHU KINH TẾ VŨNG ÁNG

Lê Anh Sơn

Phó Giám đốc Sở Giao thông vận tải

Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2020-2025 đã xác định “Huy động tối đa và sử dụng hiệu quả các nguồn lực xây dựng Khu Kinh tế Vũng Áng thực sự trở thành khu kinh tế đa chức năng, trung tâm công nghiệp động lực và logistics; xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ, trọng tâm là hạ tầng giao thông chiến lược, hạ tầng đô thị, hạ tầng thông tin, thúc đẩy phát triển kinh tế số” là một trong ba đột phá chiến lược để phát huy mạnh mẽ các tiềm năng, lợi thế của tỉnh, tạo sự chuyển biến quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Với phương châm phát huy sức mạnh nội lực, tranh thủ sự giúp đỡ của Chính phủ, của các bộ, ngành trung ương, Hà Tĩnh đã thu hút được nhiều nguồn vốn đầu tư xây dựng các công trình giao thông trên địa bàn. Đến nay, nhiều công trình lớn có tính kết nối cao, mang tính chất đòn bẩy phục vụ cho các chương trình kinh tế - xã hội trọng điểm của tỉnh đã được đầu tư xây dựng hoàn thành và đưa vào sử dụng phát huy hiệu quả cao. Giao thông đô thị được đầu tư, nâng cấp làm cho bộ mặt các đô thị ngày càng khang trang; mạng lưới giao thông nông thôn ngày càng phát triển, mở rộng đến vùng sâu, vùng xa, vùng bãi ngang, cồn bãi. Hệ thống giao thông trên địa bàn toàn tỉnh đã kết nối tương đối liên hoàn, bao gồm các loại hình đường bộ, đường sắt, hàng hải, đường thủy nội địa; kết nối Hà Tĩnh với cả nước và một số nước trong khu vực Đông Nam Á.

* *Về đường bộ*: Đến năm 2022, hệ thống đường bộ trên địa bàn tỉnh đã có bước tiến vượt bậc cả về số lượng và chất lượng. Trên trục Bắc Nam qua tỉnh Hà Tĩnh là các tuyến đường huyết mạch Quốc lộ 1, đường Hồ Chí Minh, đường ven biển, đường cao tốc (đang triển khai); trên trục Đông - Tây là các tuyến Quốc lộ 12C, Quốc lộ 8 kết nối Việt Nam với các nước Lào và Đông Bắc Thái Lan, đồng thời nối liền với các cảng biển lớn trong vùng như: Vũng Áng (Hà Tĩnh), Hòn La (Quảng Bình), Nhiều công trình giao thông có quy mô lớn đã được xây dựng và hoàn thành như: cầu Cửa Hội, đường Ven biển Xuân Hội – Thạch Khê – Vũng Áng, đường tránh Đèo Con,... Ngoài ra, đã đầu tư

nhiều công trình giao thông quan trọng, đảm bảo nhu cầu kết nối, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Hiện nay, trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh đang triển khai dự án Đường từ Quốc lộ 12C đi Khu liên hợp gang thép Formosa, tỉnh Hà Tĩnh, Đường vành đai phía Nam Khu kinh tế Vũng Áng, Dự án Đường trục chính nối quốc lộ 1 đoạn tránh thị xã Kỳ Anh đến cụm cảng nước sâu Vũng Áng – Sơn Dương, tỉnh Hà Tĩnh, Dự án Cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 8C đoạn từ Thiên Cầm - Quốc lộ 1 và đoạn từ Quốc lộ 8 đến đường Hồ Chí Minh, tỉnh Hà Tĩnh, dự án cải tạo nâng cấp Quốc lộ 8 đoạn Km37-Km85, phối hợp với Bộ Giao thông vận tải triển khai thực hiện Dự án đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông đoạn qua tỉnh Hà Tĩnh gồm 3 dự án thành phần với tổng chiều dài khoảng 113km,... Đây là các dự án mang tính kết nối liên vùng, khi hoàn thành sẽ tạo động lực lớn cho phát triển kinh tế cũng như đảm bảo quốc phòng, an ninh của tỉnh nhà, đáp ứng yêu cầu phát triển hạ tầng phục vụ khu kinh tế Vũng Áng.

Về hệ thống đường giao thông nông thôn, nhờ phát huy tối đa nội lực của các địa phương, kết hợp với các nguồn vốn hỗ trợ của các bộ, ngành trung ương, các tổ chức quốc tế, lồng ghép có hiệu quả từ các chương trình, dự án nên đến nay, 100% xã có đường ô tô về tận trung tâm xã; mặt đường đã được rải nhựa, bê tông hóa chiếm tỷ lệ trên 90%. Nhiều thôn, bản bị chia cắt bởi sông, suối đã được đầu tư hệ thống giao thông kết nối với các vùng xung quanh, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân vùng khó khăn có điều kiện sản xuất phát triển kinh tế - xã hội.

*** Về đường biển:** Tỉnh Hà Tĩnh có bờ biển dài 137km, những năm qua, tỉnh đã triển khai các dự án đầu tư xây dựng, nâng cấp các cảng biển và hệ thống luồng vào cảng để nâng cao năng lực vận tải bằng đường hàng hải. Đến nay, Hà Tĩnh có các bến cảng biển: Khu bến cảng Vũng Áng, khu bến cảng Sơn Dương, khu bến cảng Xuân Hải, Xuân Giang, Xuân Phổ có khả năng tiếp nhận tàu vào cảng lớn nhất 50.000 DWT.

Hiện nay UBND tỉnh đang lập quy hoạch chi tiết vùng đất, vùng nước cảng biển Hà Tĩnh thời kỳ 2021-2023, tầm nhìn đến năm 2050.

*** Về đường thủy nội địa:** Hiện nay có 3 tuyến sông Trung ương gồm: sông La- Ngàn Sâu, sông Rào Cái- Gia Hội, sông Nghèn- Kênh nhà Lê với tổng chiều dài 167,5km; 3 tuyến sông cấp tỉnh quản lý gồm sông Ngàn Phố, sông Ngàn sâu đoạn Cửa Rào- cầu treo Hương Giang, sông Kinh (kênh nhà Lê) với chiều dài 87km.

*** Về đường sắt:**

Tuyến đường sắt Bắc - Nam qua địa bàn Hà Tĩnh (qua 3 huyện Đức Thọ, Vũ Quang, Hương Khê) với chiều dài 70,2km với 8 ga (trong đó 2 ga chính và 6 ga phụ), đóng góp một phần không nhỏ về sản lượng vận tải hành khách, hàng hóa qua địa bàn tỉnh. Tỉnh Hà Tĩnh đang phối hợp với các bộ, ngành trung ương triển khai nghiên cứu tuyến đường sắt Thà Khế - Mụ Giạ - Vũng Áng, trong đó đoạn qua Việt Nam từ Mụ Giạ (Quảng Bình) đến Vũng Áng (Hà Tĩnh) dài 103km.

*** Về đường hàng không:** Hiện nay quy hoạch cảng hàng không sân bay Việt Nam thời kỳ 2021-2030 tầm nhìn 2050 đang trong quá trình lập; trong đó cảng hàng không sân bay Hà Tĩnh đang được xem xét lập Đề án nghiên cứu để đề xuất bổ sung vào quy hoạch ở huyện Cẩm Xuyên, với diện tích đất dự trữ cho quy hoạch (được giữ từ năm 2008 đến nay) khoảng 400-450ha.

Mặc dù đã đạt được những kết quả quan trọng, song trong bối cảnh mới khi Hà Tĩnh xác định phát triển công nghiệp gắn với xây dựng khu kinh tế Vũng Áng trở thành khu kinh tế đa chức năng, trung tâm công nghiệp động lực và logistics thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội tỉnh Hà Tĩnh phát triển bền vững thì việc tiếp tục hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông theo hướng đồng bộ, hiện đại vẫn là nhiệm vụ rất quan trọng. Do vậy tỉnh định hướng phát triển hạ tầng giao thông vận tải trong giai đoạn tới là:

- Tiếp tục phối hợp với các cơ quan của Bộ Giao thông vận tải để sớm xây dựng hoàn thành tuyến đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông đoạn qua tỉnh Hà Tĩnh. Mở rộng, nâng cấp các quốc lộ có nhu cầu vận tải lớn như: Quốc lộ 12C, Quốc lộ 8 để tăng năng lực thông hành của tuyến đường, kết nối thuận lợi với nước bạn Lào và vùng đông bắc Thái Lan với khu kinh tế Vũng Áng. Xây dựng hoàn thành dự án Đường từ Quốc lộ 12C đi Khu liên hợp gang thép Formosa, tỉnh Hà Tĩnh, Đường vành đai phía Nam Khu kinh tế Vũng Áng, Dự án Đường trục chính nối quốc lộ 1 đoạn tránh thị xã Kỳ Anh đến cụm cảng nước sâu Vũng Áng – Sơn Dương, tỉnh Hà Tĩnh, Dự án Cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 8C đoạn từ Thiên Cầm - Quốc lộ 1 và đoạn từ Quốc lộ 8 đến đường Hồ Chí Minh.

- Khai thác có hiệu quả khu bến cảng Vũng Áng, khu bến cảng Sơn Dương, hoàn thành xây dựng các bến số 4, số 5, số 6 thuộc khu bến cảng Vũng Áng. Nạo vét thông luồng các cửa biển, bảo đảm thuận lợi cho phương tiện vận tải đường thủy cũng như các hoạt động đánh bắt, nuôi trồng thủy sản của nhân dân và bảo đảm công tác cứu hộ, cứu nạn trên biển. Hoàn thành quy

hoạch chi tiết vùng đất, vùng nước cảng biển Hà Tĩnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Phối hợp với Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam để khai thác có hiệu quả tuyến Đường sắt Bắc - Nam hiện có. Đồng thời, phối hợp tốt với các cơ quan của Bộ Giao thông vận tải trong việc nghiên cứu khả thi tuyến đường sắt tốc độ cao Bắc - Nam và tuyến đường sắt Vũng Áng - Tân Ấp - Mụ Giạ - Viêng Chăn đảm bảo triển khai theo đúng kế hoạch đề ra.

- Hoàn thành đề án để bổ sung quy hoạch cảng hàng không Hà Tĩnh.

Để thực hiện tốt định hướng chiến lược nêu trên, các cấp ủy, chính quyền từ tỉnh đến cơ sở cần quán triệt và triển khai thực hiện tốt một số giải pháp như sau:

Một là, huy động tối ưu nguồn lực để đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng giao thông: Trong điều kiện ngân sách tỉnh còn hạn hẹp, cần phải tích cực, chủ động bám sát để tranh thủ sự hỗ trợ của Chính phủ, các bộ, ngành Trung ương nhằm tăng nguồn vốn hỗ trợ đầu tư cho các công trình trọng điểm; đẩy mạnh vận động các nhà tài trợ tiếp tục cung cấp vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) để phát triển kết cấu hạ tầng giao thông, nhất là các công trình lớn, có sức lan tỏa, tạo ra đột phá lớn. Tiếp tục hoàn thiện các cơ chế, chính sách nhằm thu hút vốn đầu tư từ mọi thành phần kinh tế tham gia đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng giao thông. Khuyến khích và tạo điều kiện để các doanh nghiệp nghiên cứu áp dụng các hình thức đầu tư kết cấu hạ tầng GTVT trên địa bàn tỉnh theo hình thức xã hội hóa trên cơ sở bảo đảm hiệu quả đầu tư, cân bằng lợi ích của các chủ thể. Tích cực quảng bá, cung cấp thông tin về những tiềm năng, thế mạnh, những định hướng phát triển, những cơ hội đầu tư và thông tin về các dự án của tỉnh cho các nhà đầu tư trong và ngoài nước biết để thu hút đầu tư.

Hai là, tăng cường công tác quản lý nhà nước để nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn lực: Sử dụng nguồn lực hợp lý, hiệu quả; đầu tư có trọng tâm, trọng điểm, ưu tiên các công trình có tính lan tỏa, đảm bảo kết nối các trung tâm kinh tế, các vùng kinh tế trọng điểm. Phân cấp trong quản lý đầu tư phù hợp với yêu cầu về cải cách hành chính và các quy định pháp luật về xây dựng mới ban hành, nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước, đơn giản hóa và tinh giảm, rút gọn các thủ tục đầu tư xây dựng cơ bản. Đi đôi với việc phân cấp quản lý đầu tư cần xác định rõ trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân; gắn cơ chế thưởng phạt hợp đồng theo quy định nhằm nâng cao trách nhiệm của các bên khi tham gia quá trình hoạt động đầu tư xây dựng. Tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát đánh giá đầu tư.

Ba là, tăng cường ứng dụng khoa học và công nghệ: Quan tâm đầu tư kinh phí cho việc chuyển giao ứng dụng các công nghệ mới trong thiết kế, thi công xây dựng các công trình để từng bước hiện đại hóa, đồng bộ hóa đầu tư xây dựng công trình GTVT. Thường xuyên đổi mới và nâng cao trình độ công nghệ, đầu tư chiều sâu đổi mới thiết bị thi công, hình thành đội ngũ cán bộ kỹ thuật có trình độ cao trong sử dụng thiết bị và điều hành thi công nhằm nâng cao năng suất và chất lượng các công trình hạ tầng GTVT.

Bốn là, rà soát, tham mưu các cơ chế chính sách theo hướng đồng bộ, thông thoáng: Tạo mọi điều kiện và ban hành các cơ chế chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư cho các công trình kết cấu hạ tầng GTVT. Tiếp tục thực hiện chính sách đầu tư xây dựng đường giao thông nông thôn theo phương thức Nhà nước và nhân dân cùng làm; điều chỉnh tỷ lệ đóng góp hợp lý trong từng giai đoạn nhằm khuyến khích người dân bỏ vốn đầu tư. Thực hiện giải pháp công khai, minh bạch thông tin và xây dựng cơ chế giám sát để các tầng lớp nhân dân tham gia giám sát việc thực hiện các nhiệm vụ của các sở, ngành, địa phương.

Năm là, thực hiện tốt công tác tuyên truyền, vận động trong giải phóng mặt bằng các dự án hạ tầng giao thông: Sự thành công của dự án giao thông bên cạnh hiệu quả từ việc huy động cả hệ thống chính trị vào cuộc còn có sự đóng góp rất lớn của toàn xã hội và các cơ quan truyền thông. Làm tốt công tác tuyên truyền về để nhân dân đồng tình ủng hộ, tham gia giám sát, phát hiện những tồn tại, vướng mắc trong quá trình triển khai dự án để cơ quan chức năng có những biện pháp xử lý kịp thời, đảm bảo tiến độ và chất lượng công trình, tránh bức xúc trong dư luận.

GIẢI PHÁP XÂY DỰNG KẾT CẤU HẠ TẦNG, CÁC KHU CHỨC NẴNG, HẠ TẦNG GIAO THÔNG NỘI VÙNG, GIAO THÔNG TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN HƯƠNG SƠN ĐỂ KẾT NỐI KHU KINH TẾ CẦU TREO VỚI KHU KINH TẾ VŨNG ÁNG

Trần Bình Thân

Ủy viên BTV, Phó chủ tịch UBND huyện Hương Sơn

1. Vị trí, vai trò của Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Cầu Treo

Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Cầu Treo (viết tắt là KKT Cầu Treo) được thành lập và hoạt động theo Quyết định số 162/2007/QĐ-TTg ngày 19/10/2007; đồ án quy hoạch chung xây dựng KKT Cầu Treo, tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2025 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 961/QĐ-TTg ngày 25/6/2010 bao gồm toàn bộ ranh giới hành chính của 03 xã: Sơn Kim 1, Sơn Kim 2, xã Sơn Tây và thị trấn Tây Sơn, thuộc huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh; với tổng diện tích tự nhiên 56.685ha.

Khu Kinh tế Cầu Treo là cửa ngõ giao thương quốc tế và đầu mối giao thông quan trọng trong nước và quốc tế trên hành lang kinh tế Đông Tây; là Khu kinh tế tổng hợp đa ngành, đa lĩnh vực, bao gồm: thương mại - dịch vụ - du lịch - công nghiệp - đô thị và nông lâm nghiệp. Khu Kinh tế Cầu Treo có vị trí quan trọng về an ninh - quốc phòng, là mũi nhọn trong phát triển kinh tế phía Tây của tỉnh Hà Tĩnh; Cửa khẩu quốc tế Cầu Treo và Quốc lộ 8 là con đường ngắn nhất từ vùng Trung, Thượng Lào và Đông Bắc Thái Lan ra Biển Đông của Việt Nam; đây cũng con đường hiệu quả nhất để nước bạn Lào và các nước tiểu vùng sông Mê Kông giao thương với các nước trong khối ASEAN, Trung Quốc, Úc và Bắc Mỹ qua cụm cảng nước sâu Vũng Áng - Sơn Dương tỉnh Hà Tĩnh và đi các địa phương khác qua QL1, đường Hồ Chí Minh. Do đó, việc đầu tư xây dựng kết nối hạ tầng giữa 2 khu kinh tế nhằm phát huy các lợi thế là hết sức cần thiết.

Sau gần mười năm hoạt động, với nhiều chính sách ưu đãi của Trung ương cũng như của tỉnh, KKT Cầu Treo đã có những bước đột phá thúc đẩy phát triển về kinh tế xã hội, không chỉ cải thiện kết cấu hạ tầng, thuận lợi hóa thương mại, thu hút đầu tư trong nước và nước ngoài vào các khu vực biên giới, mà còn nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân vùng biên giới, góp phần vào tăng trưởng kinh tế của các địa phương biên giới và rút ngắn khoảng cách phát triển giữa các vùng miền.

2. Hiện trạng hạ tầng, các khu chức năng, hạ tầng giao thông nội vùng của Khu kinh tế Cầu Treo; giao thông trên địa bàn huyện Hương Sơn

2.1. Tình hình đầu tư phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng:

Tổng số vốn đầu tư cho KKT Cầu Treo từ năm 1998 đến nay là 1.203,76 tỷ đồng, đã thực hiện đầu tư 113 công trình, dự án. Riêng giai đoạn từ năm 2008 đến nay (kể từ khi có Quyết định số 162/2007/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ), tổng số vốn đầu tư xây dựng cơ bản 1.002,63 tỷ đồng, thực hiện đầu tư 58 công trình, dự án.

Đến nay, 111 công trình trong tổng số 113 công trình đã được bàn giao đưa vào sử dụng, riêng 02 công trình hạ tầng kỹ thuật khu vực cổng B và KCN Đại Kim đã hoàn thành theo điểm dừng kỹ thuật. Các công trình đưa vào sử dụng, hoạt động góp phần phát huy hiệu quả, đẩy nhanh tốc độ đô thị hóa, thu hút đầu tư, đóng vai trò thiết thực đối với việc phát triển kinh tế - xã hội trong vùng, làm thay đổi căn bản KKT Cầu Treo, cụ thể:

- Kết cấu hạ tầng kỹ thuật:

+ Công trình giao thông: 19 công trình (dài tổng cộng hơn 39km);

+ Công trình hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, khu tái định cư: 03 công trình (01 công trình hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp Đại Kim; 02 công trình khu tái định cư: tái định cư Hà Tân và tái định cư số 02, thị trấn Tây Sơn); Hạ tầng kỹ thuật khu vực cổng A (đang triển khai thực hiện);

+ Công trình cấp điện; điện chiếu sáng và sửa chữa hệ thống điện: 09 công trình; Công trình cấp nước: 02 công trình; Công trình thủy lợi: 06 công trình (dài tổng cộng hơn 2,8km);

+ Công trình xử lý chất thải rắn: 01 công trình;

+ Công trình thông tin liên lạc: 01 công trình;

+ Công trình hạ tầng kỹ thuật khác: 10 công trình;

+ Cải tạo, nâng cấp sửa chữa các công trình: 06 công trình.

- Kết cấu hạ tầng xã hội:

+ Công trình thương mại: 01 công trình;

+ Công trình giáo dục: 09 công trình;

+ Công trình y tế: 03 công trình;

+ Công trình trụ sở hành chính, nhà ở: 07 công trình;

+ Công trình chợ: 01 công trình;

+ Công trình bến xe: 01 công trình.

Hệ thống giao thông nội vùng trên địa bàn Khu kinh tế Cầu Treo (gồm các xã Sơn Kim 1, Sơn Kim 2, Sơn Tây và thị trấn Tây Sơn) được quan tâm đầu tư đạt chuẩn xã nông thôn mới và NTM nâng cao.

2.2. Tình hình hệ thống giao thông trên địa bàn huyện Hương Sơn

Hệ thống giao thông trên địa bàn huyện gồm 04 tuyến Quốc lộ (Quốc lộ 8, đường Hồ Chí Minh, Quốc lộ 8C, Quốc lộ 281) đi qua địa bàn với chiều dài 154,5km; 08 tuyến đường huyện dài 108km và 1.136km đường GTNT các loại. Hệ thống giao thông trên địa bàn nhìn chung đảm bảo nhu cầu đi lại, phát triển kinh tế xã hội, an ninh quốc phòng và kết nối với Khu kinh tế Cầu Treo. Riêng tuyến QL8 đang được triển khai thi công dự kiến hoàn thành trong năm 2023.

2.3. Tình hình thu hút đầu tư sản xuất kinh doanh

Đến cuối năm 2021, có 35 dự án đầu tư đã được cấp Chứng nhận đầu tư và Chứng nhận đăng ký đầu tư với tổng số vốn đăng ký đầu tư là 2.641,306 tỷ đồng; trong đó, đã thu hồi, chấm dứt hoạt động 08 dự án; số dự án đang còn hiệu lực đầu tư là 27 dự án (trong nước) với tổng số vốn đầu tư đăng ký 2.198,698 tỷ đồng.

Đã có 15 dự án hoàn thành đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh; 02 dự án đã hoàn thành một phần, đưa vào hoạt động và tiếp tục triển khai các hạng mục tiếp theo của dự án; 05 dự án đang triển khai và 05 dự án chưa triển khai.

Một số dự án đã hoàn thành đi vào hoạt động và có sản phẩm tiêu thụ ra thị trường, trong đó, một số dự án lớn như: Nhà máy Thủy điện Hương Sơn; Nhà máy sản xuất nước khoáng Sơn Kim; Xí nghiệp chè Tây Sơn; Nhà máy sản xuất gạch Tuynel Kim Thành (công suất 15 triệu viên/năm); Nhà máy chế biến gỗ của Công ty MTV Lâm nghiệp và Dịch vụ Hương Sơn; Nhà máy may Five Star Hà Tĩnh.

3. Đánh giá chung về kết cấu hạ tầng, các khu chức năng, hạ tầng giao thông nội vùng của Khu kinh tế Cầu Treo

3.1. Những kết quả đạt được

- Việc đầu tư xây dựng hệ thống các công trình hạ tầng trên địa bàn bước đầu đã hình thành và phát triển hệ thống hạ tầng cơ bản, đóng góp vào phát triển của địa phương, phát triển văn minh đô thị và xây dựng nông thôn mới, đẩy nhanh tốc độ đô thị hóa, thu hút đầu tư, đóng vai trò quan trọng đối với việc phát triển kinh tế - xã hội trong vùng, làm thay đổi bộ mặt của các địa phương trong Khu kinh tế;

- Tạo những bước chuyển biến mới về phát triển kinh tế - xã hội, làm thay đổi cơ cấu kinh tế, tập quán làm ăn kinh tế của người dân, thúc đẩy một số ngành tại một số địa phương khác phát triển, tạo điều kiện để tăng nguồn thu ngân sách cho địa phương và của tỉnh; tạo thêm nhiều việc làm mới với yêu cầu tay nghề cao hơn, từng bước nâng cao thu nhập, chất lượng đời sống dân cư khu kinh tế cửa khẩu;

- Thông qua các hoạt động kinh tế của các doanh nghiệp và dân cư vùng biên giới, đã góp phần tạo không khí hiểu biết lẫn nhau trong hợp tác phát triển, từng bước mở rộng quan hệ giao lưu với các nước láng giềng như Lào, Thái Lan và Mianma, đặc biệt củng cố tình hữu nghị truyền thống giữa hai nước Việt - Lào; góp phần tích cực việc bảo vệ an ninh biên giới, giữ vững chủ quyền quốc gia.

3.2. Tôn tại, hạn chế và nguyên nhân

- Công tác đầu tư xây dựng, phát triển hạ tầng KKT CKQT Cầu Treo mặc dù đã nhận được sự quan tâm, hỗ trợ, ưu tiên bố trí vốn từ ngân sách trung ương và ngân sách tỉnh, đáp ứng phần nào nhu cầu về đời sống và phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, tuy nhiên đến nay vẫn chưa thực sự đáp ứng được những mục tiêu, kỳ vọng đã đề ra đối với KKT CKQT Cầu Treo. Đến nay chưa có một khu chức năng nào của KKT CKQT Cầu Treo được đầu tư đồng bộ theo quy hoạch. Từ đó, dẫn đến việc chưa thu hút được các nguồn lực xã hội hóa, các nguồn lực tư nhân tiếp tục đầu tư phát triển hạ tầng, đầu tư các dự án và tổ chức sản xuất kinh doanh tại KKT CKQT Cầu Treo.

- Đặc biệt, cửa khẩu quốc tế Cầu Treo có vai trò và vị trí đặc biệt quan trọng trong phát triển KKT CKQT Cầu Treo, địa phương huyện Hương Sơn nói riêng và của toàn tỉnh và khu vực nói chung. Tuy nhiên, thực tế cho thấy hiện tại quy hoạch cửa khẩu không đáp ứng yêu cầu phát triển, hoạt động xuất nhập khẩu tại khu vực cửa khẩu trong các năm qua thường xuyên ứ đọng, đặc biệt là trong thời kỳ dịch bệnh Covid-19.

Các nguyên nhân chính của hạn chế nói trên bao gồm:

- KKT CKQT Cầu Treo có điều kiện đất đai, địa hình, khí hậu phức tạp, diện tích tự nhiên lớn nhưng quỹ đất để xây dựng các khu chức năng rất hạn hẹp, có khoảng cách xa các khu trung tâm, do đó việc đầu tư xây dựng hạ tầng theo quy hoạch cũng như thu hút các dự án đầu tư rất khó khăn, đặc biệt là các dự án sản xuất công nghiệp.

- Khu vực cửa khẩu quốc tế Cầu Treo có diện tích nhỏ hẹp, chưa đáp ứng được với lưu lượng phương tiện vận tải và hàng hoá thông thương cũng như tập kết hàng hoá chuẩn bị thông quan.

- Tuyến đường huyết mạch - Quốc lộ 8A - lên cửa khẩu quốc tế Cầu Treo đang được nâng cấp, sửa chữa theo dự án của Bộ Giao thông vận tải⁷⁴, do đó tiến độ thực hiện phụ thuộc vào tiến độ giải ngân vốn đầu tư công của Bộ.

- Sự thay đổi trong các cơ chế, chính sách của Nhà nước cũng như cắt giảm các ưu đãi đã khiến cho các nhiều dự án đầu tư tại KKT CKQT Cầu Treo ngừng hoạt động, nhiều doanh nghiệp giải thể. Vướng mắc trong việc thực hiện các thủ tục cho thuê đất đối với các dự án thương mại, dịch vụ theo quy định tại Nghị định 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 khiến một số dự án đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư chưa được bàn giao đất. Do đó, giảm sức thu hút của KKT CKQT Cầu Treo, dẫn đến việc đầu tư phát triển hạ tầng tại đây chưa được quan tâm đúng mức.

- Ngân sách nhà nước có hạn trong khi nhu cầu đầu tư tại nhiều địa phương, nhiều ngành khác nhau rất lớn, do đó việc đầu tư cơ sở hạ tầng cho KKT CKQT Cầu Treo bị cắt giảm, ảnh hưởng đến nhiều mặt, đặc biệt là vấn đề về giao thông, bãi tập kết các phương tiện chờ làm thủ tục xuất nhập cảnh; các cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

- Công tác chỉ đạo và tổ chức thực hiện về đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng tại KKT CKQT Cầu Treo tại một số cơ quan chưa quyết liệt, chưa ý thức đầy đủ về vị trí, tầm quan trọng của KKT CKQT Cầu Treo đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, của tỉnh, cũng như chưa quan tâm sâu sát đến việc phát triển kết cấu hạ tầng làm động lực thúc đẩy phát triển Khu kinh tế.

- Từ ngày 01/3/2018, Quyết định số 01/2018/QĐ-TTg ngày 16/01/2018 về việc bãi bỏ Quyết định số 72/QĐ-KKT ngày 26/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ quy định cơ chế, chính sách tài chính đối với khu kinh tế cửa khẩu có hiệu lực, KKT Cầu Treo không còn các cơ chế chính sách ưu đãi riêng nữa; khi lợi thế, ưu đãi đầu tư hầu như không còn, điều kiện hạ tầng kỹ thuật chưa đáp ứng các yêu cầu đặt ra, khoảng cách địa lý xa các trung tâm đô thị, hoạt động xuất nhập khẩu tại khu vực cửa khẩu thường xuyên bị ùn tắc; dự án cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 8 đang triển khai thực hiện. Do đó, việc kêu gọi, thu hút đầu tư gặp nhiều khó khăn.

⁷⁴ Dự án Cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 8 hiện đang triển khai thi công, dự kiến hoàn thành toàn tuyến trong năm 2023

4. Một số giải pháp xây dựng kết cấu hạ tầng, các khu chức năng, hạ tầng giao thông nội vùng, giao thông trên địa bàn để kết nối Khu Kinh tế Cầu Treo với Khu Kinh tế Vũng Áng

4.1. Sự cần thiết của việc xây dựng hạ tầng Khu Kinh tế Cầu Treo

Trong thời gian qua, mặc dù KKT CKQT Cầu Treo đã nhận được sự quan tâm, hỗ trợ về nguồn vốn đầu tư phát triển từ ngân sách trung ương cũng như ngân sách tỉnh, được lựa chọn là 1 trong 8 khu kinh tế cửa khẩu tập trung đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2013 - 2015⁷⁵ và 1 trong 9 khu kinh tế cửa khẩu được ưu tiên tập trung đầu tư phát triển giai đoạn 2016 - 2020⁷⁶. Tuy nhiên, kết quả đầu tư phát triển tại KKT CKQT Cầu Treo chưa đạt như kỳ vọng, quá trình đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng còn gặp nhiều khó khăn, vướng mắc. Một số công trình hạ tầng thiết yếu chưa đồng bộ, xuống cấp, chưa phục vụ việc kết nối Khu Kinh tế Cầu Treo với Khu Kinh tế Vũng Áng, cụ thể như: Quy hoạch cửa khẩu không đáp ứng yêu cầu phát triển, hoạt động xuất nhập khẩu tại khu vực cửa khẩu trong các năm qua thường xuyên ùn tắc, đặc biệt là trong thời kỳ dịch bệnh Covid 19; hạ tầng kỹ thuật khu vực Hà Tân chưa được đầu tư; giao thông kết nối giữa các khu chức năng chưa đồng bộ; hệ thống đường trục chính Khu công nghiệp, thương mại chưa được đầu tư theo quy hoạch nên ảnh hưởng đến việc kêu gọi đầu tư xây dựng dự án cảng cạn gắn với phát triển dịch vụ logistics; hạ tầng giao thông vào các khu du lịch, dịch vụ hiện đã xuống cấp nghiêm trọng không đáp ứng được nhu cầu nghỉ dưỡng cho khách du lịch trong và ngoài nước... Những yếu tố đó đã làm ảnh hưởng đến tiến độ đầu tư xây dựng một số dự án, ảnh hưởng đến công tác thu hút và xúc tiến đầu tư cũng như hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp tại đây.

Bên cạnh những nguyên nhân do điều kiện địa hình, địa chất phức tạp, khí hậu khắc nghiệt (nắng ít, mưa nhiều, thường xuyên gặp thiên tai...), nguyên nhân chủ yếu do vốn đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng hàng năm còn hạn hẹp, mới chỉ đáp ứng một phần nhỏ so với nhu cầu đầu tư phát triển của Khu kinh tế, chưa tạo được đột phá trong phát huy tiềm năng, lợi thế vốn có để phát triển kinh tế - xã hội tại KKT CKQT Cầu Treo nói riêng và của toàn tỉnh nói chung.

Xác định rõ vị trí và tầm quan trọng của KKT CKQT Cầu Treo trong phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo quốc phòng - an ninh; căn cứ đề xuất của Bộ

⁷⁵ Văn bản số 2074/TTg-KTTH ngày 07/12/2012 về việc Đề án rà soát, xây dựng tiêu chí lựa chọn một số KKT cửa khẩu để tập trung đầu tư giai đoạn 2013 - 2015.

⁷⁶ Văn bản số 2236/TTg-KTTH ngày 08/12/2015 về việc lựa chọn một số KKT cửa khẩu để tập trung đầu tư phát triển từ nguồn NSNN giai đoạn 2016 - 2020.

Kế hoạch và Đầu tư⁷⁷, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành văn bản số 1804/TTg-CN ngày 18/12/2020 lựa chọn 8 khu kinh tế cửa khẩu để tập trung đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025, trong đó có KKT CKQT Cầu Treo. Do đó, việc phải có các giải pháp trong việc xây dựng hạ tầng Khu Kinh tế Cầu Treo là hết sức cần thiết.

4.2. Các giải pháp xây dựng kết cấu hạ tầng, các khu chức năng, hạ tầng giao thông nội vùng, giao thông trên địa bàn.

4.2.1. Công tác quy hoạch xây dựng

- Đẩy nhanh tiến độ điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng KKT CKQT Cầu Treo đến năm 2045 theo Quyết định số 2150/QĐ-TTg ngày 21/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ đảm bảo phát huy tổng hợp các tiềm năng của KKT CKQT Cầu Treo, phù hợp trong giai đoạn trước mắt và bền vững trong tương lai lâu dài, làm cơ sở pháp lý để quản lý xây dựng, triển khai các quy hoạch chi tiết và thực hiện các dự án đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng.

- Tập trung xây dựng và triển khai phương án quy hoạch mở rộng khu vực cửa khẩu quốc tế Cầu Treo nhằm đáp ứng nhu cầu hiện tại và định hướng phát triển trong tương lai.

- Chủ động rà soát, đánh giá, chuẩn bị các nội dung liên quan để thực hiện điều chỉnh các đồ án quy hoạch phân khu chức năng, quy hoạch chi tiết đã được phê duyệt sau khi điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

4.2.2. Rà soát, đề xuất đầu tư các công trình trọng điểm từ nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025

Lựa chọn các dự án/công trình đầu tư xây dựng, phát triển kết cấu hạ tầng tại KKT CKQT Cầu Treo quan trọng, thiết yếu, mang tính động lực để đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước (bao gồm: ngân sách trung ương và ngân sách tỉnh) giai đoạn 2021 - 2025, tạo nền tảng phát triển theo định hướng đã được đề ra trong Quy hoạch tỉnh giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và định hướng điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng KKT CKQT Cầu Treo đến năm 2045, đảm bảo tính khả thi, hiệu quả, phù hợp với các quy định của pháp luật; góp phần tích cực vào việc thu hút đầu tư, thực sự phát huy tiềm năng, lợi thế và phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh quốc phòng của khu vực KKT

⁷⁷ Tờ trình số 7106/TTr-BKHĐT ngày 26/10/2020 về việc tổng kết thực hiện Đề án rà soát, xây dựng tiêu chí lựa chọn một số khu kinh tế cửa khẩu để tập trung đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025 và đề xuất lựa chọn một số khu kinh tế cửa khẩu tập trung đầu tư trong giai đoạn 2021 - 2025.

CKQT Cầu Treo; nhằm cụ thể hóa các tính chất của KKT CKQT Cầu Treo⁷⁸ là: (1) Là cửa ngõ giao thương quốc tế và đầu mối giao thông quan trọng trong nước và quốc tế trên hành lang kinh tế Đông Tây; (2) Là Khu kinh tế tổng hợp đa ngành, đa lĩnh vực, bao gồm: thương mại - dịch vụ - du lịch - công nghiệp - đô thị và nông lâm nghiệp; (3) Là trung tâm văn hóa, dịch vụ du lịch của tỉnh Hà Tĩnh và vùng Bắc Trung Bộ; (4) Có vị trí quan trọng về an ninh - quốc phòng.

Nhằm cụ thể hoá các định hướng phát triển kết cấu hạ tầng KKT CKQT Cầu Treo trong giai đoạn 2021 - 2025 nói trên, trước mắt cần tập trung đẩy mạnh công tác triển khai các dự án đã được bố trí vốn trong Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025, cụ thể là dự án Hạ tầng kỹ thuật khu vực công A theo các quyết định đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Đến nay, giá trị thực hiện dự án đạt khoảng 37% giá trị các hợp đồng đã ký kết.

Đồng thời, đề xuất 11 dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025⁷⁹ (theo thứ tự ưu tiên) với tổng số vốn đầu tư là 2.497 tỷ đồng, trong đó dự kiến nguồn vốn ngân sách trung ương là 2.362 tỷ đồng (09 dự án), ngân sách tỉnh là 135 tỷ đồng (02 dự án). Thông tin sơ bộ các dự án đề xuất như sau:

(1). Nâng cấp, mở rộng khu vực cửa khẩu quốc tế Cầu Treo:

Hiện tại quy hoạch cửa khẩu không đáp ứng yêu cầu phát triển, hoạt động xuất nhập khẩu tại khu vực cửa khẩu trong các năm qua thường xuyên ùn tắc, đặc biệt là trong thời kỳ dịch bệnh Covid 19. Do đó, việc mở rộng quy hoạch khu vực cửa khẩu quốc tế Cầu Treo là cần thiết và phù hợp với nhu cầu thực tế. Dự án triển khai nhằm mục tiêu mở rộng diện tích mặt bằng, tạo quỹ đất, giảm ùn ứ cục bộ, góp phần xây dựng cửa khẩu quốc tế Cầu Treo đáp ứng vai trò là khu vực cửa khẩu giao thương quan trọng của các nước tiểu vùng sông Mê Kông (đặc biệt là Việt Nam, Lào và các tỉnh Đông Bắc Thái Lan).

(2). Hạ tầng kỹ thuật khu vực Hà Tân, KKT cửa khẩu Quốc tế Cầu Treo:

Theo dự thảo Quy hoạch tỉnh, KKT CKQT Cầu Treo sẽ là trung tâm logistics quan trọng trong hành lang kinh tế dọc quốc lộ 8, trở thành đầu mối trung chuyển hàng hóa phía Tây của tỉnh, qua Lào và Thái Lan. Dự án được đầu tư sẽ hình thành mạng lưới giao thông đối ngoại thiết yếu của Khu công nghiệp,

⁷⁸ Theo Quyết định số 2150/QĐ-TTg ngày 21/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Nhiệm vụ điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng KKT CKQT Cầu Treo đến năm 2045

⁷⁹ Chuyên đề xây dựng hạ tầng Khu Kinh tế cửa khẩu Quốc tế Cầu Treo từ nguồn ngân sách Nhà nước giai đoạn 2021 - 2025.

thương mại, dịch vụ và đô thị Hà Tân, tạo điều kiện phát triển kinh tế - xã hội, góp phần đảm bảo an ninh - quốc phòng.

(3). Đường nối từ Khu tái định cư Hà Tân đến cầu Chi Lòi, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh:

Hiện nay, hạ tầng giao thông trong KKT CKQT Cầu Treo còn thiếu và yếu kém so với định hướng quy hoạch chung, chưa đảm bảo sự kết nối đồng bộ giữa các khu chức năng, đặc biệt là sự kết nối giữa Khu công nghiệp, thương mại, dịch vụ và đô thị Hà Tân với Khu vực Cửa khẩu Quốc tế Cầu Treo, Khu đô thị Tây Sơn, Khu đô thị phía Nam thị trấn Tây Sơn..., nên hạn chế rất lớn tới hoạt động thương mại, dịch vụ, đặc biệt phát triển dịch vụ logistics.

Dự án nhằm kết nối Khu vực Cửa khẩu Quốc tế Cầu Treo, Khu đô thị Tây Sơn, Khu đô thị phía Nam thị trấn Tây Sơn với Khu công nghiệp, thương mại, dịch vụ và đô thị Hà Tân thúc đẩy mạnh mẽ hoạt động thương mại, dịch vụ, đặc biệt phát triển dịch vụ logistics nhằm đáp ứng yêu cầu lưu thông hàng hóa thông qua cửa khẩu Cầu Treo và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội phía Tây huyện Hương Sơn. Bên cạnh đó, việc đầu tư dự án Đường nối từ khu tái định cư Hà Tân đến cầu Chi Lòi kết hợp với tuyến đường tìm kiếm cứu hộ, cứu nạn, phòng chống lụt kết hợp phát triển kinh tế xã hội phía Tây, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh đóng vai trò quan trọng trong công tác cứu hộ, cứu nạn, phòng chống lụt bão.

(4). Đường trục chính Khu công nghiệp, thương mại, dịch vụ và đô thị Hà Tân, xã Sơn Tây, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh:

Việc đầu tư dự án Đường trục chính Khu công nghiệp, thương mại, dịch vụ và đô thị Hà Tân góp phần hoàn thiện hệ thống hạ tầng theo quy hoạch, tạo ra quỹ đất lớn, tạo điều kiện thuận lợi để kêu gọi các nhà đầu tư, đặc biệt là thu hút đầu tư xây dựng dự án cảng cạn gắn với phát triển dịch vụ logistics nhằm đáp ứng yêu cầu lưu thông hàng hóa thông qua cửa khẩu Cầu Treo, kết hợp với hệ thống cảng biển Vũng Áng - Sơn Dương, Cửa Lò phục vụ sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Hà Tĩnh và khu vực Bắc Trung Bộ hiện nay và trong tương lai.

(5). Đường từ Quốc lộ 8 đến Khu sinh thái nhân văn Nước Sốt, xã Sơn Kim 1 và các hạ tầng phụ trợ khác:

Khu Du lịch - Dịch vụ Nước Sốt nằm về phía Tây quốc lộ 8A gần biên giới Việt - Lào thuộc xã Sơn Kim 1, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh, cách đường Hồ Chí Minh 35km và cách cửa khẩu quốc tế Cầu Treo 17km, là khu du lịch sinh thái rộng gần 300ha, có phong cảnh thiên nhiên sơn thủy hữu tình, cảnh

sắc tươi đẹp với những những khu rừng nguyên sinh với hệ động thực vật phong phú và đa dạng, những dòng suối trong xanh với nhiều bãi đá, cát tự nhiên, nhiều thác nước hùng vĩ của núi rừng Hương Sơn như thác Cá Nhảy, thác Tiên Nữ.... Với lợi thế về tài nguyên thiên nhiên, Khu Du lịch - Dịch vụ Nước Sốt có tiềm năng phát triển các dịch vụ như tắm nước khoáng nóng, du lịch mạo hiểm - săn bắn, du lịch nghỉ dưỡng - chữa bệnh...Tuy nhiên, hiện nay Khu Du lịch - Dịch vụ Nước Sốt chưa được đầu tư đồng bộ, các hạ tầng cơ sở được đầu tư xây dựng từ lâu đã xuống cấp nghiêm trọng nên không đáp ứng được nhu cầu nghỉ dưỡng cho khách du lịch trong và ngoài nước.

(6). Kè chống sạt lở khu vực cổng B, xã Sơn Tây, huyện Hương Sơn:

Việc thực hiện đầu tư dự án nhằm chống sạt lở bờ sông Ngàn Phố, góp phần ổn định đời sống, sinh hoạt của nhân dân xã Sơn Tây và vùng phụ cận; đảm bảo an toàn cho các cơ quan hành chính Nhà nước thực hiện nhiệm vụ tại khu vực cổng B và người dân trong khu vực; tạo điều kiện thuận lợi thu hút, kêu gọi các nhà đầu tư triển khai các dự án tại khu vực theo quy hoạch được duyệt.

(7). Đường từ thị trấn Tây Sơn qua Khu công nghiệp Đá Mông đi Khu công nghiệp Đại Kim, Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Cầu Treo:

Tuyến đường từ thị trấn Tây Sơn qua Khu công nghiệp Đá Mông đi Khu công nghiệp Đại Kim là một trong những tuyến đường giao thông ngoại quan trọng của Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Cầu Treo. Tuyến đường kết nối Khu trung tâm của thị trấn Tây Sơn với Khu công nghiệp Đá Mông, Khu công nghiệp Đại Kim, góp phần phát triển kinh tế Khu vực phía Nam sông Ngàn Phố của Khu kinh tế.

(8). Kè chống sạt lở bờ sông Ngàn Phố, đoạn qua khu đô thị Nam sông Ngàn Phố đến cầu Đá Đón 2:

Hai bên bờ phía Nam sông Ngàn Phố đoạn chảy qua địa bàn thị trấn Tây Sơn, xã Sơn Kim 2 và xã Sơn Tây bị sạt lở, hư hại; khi có mưa lũ lớn thì xói mòn vào phần đất bên bờ, gây ngập lụt cho toàn bộ hoa màu, đường giao thông, ảnh hưởng tới đời sống và sinh hoạt của nhân dân hai xã Sơn Tây và Sơn Kim 2. Đặc biệt khu vực quỹ đất thuộc Quy hoạch Khu đô thị Nam thị trấn Tây Sơn thường xuyên bị xói lở mỗi khi mùa mưa lũ đến.

Việc thực hiện đầu tư dự án giúp chống sạt lở bờ sông, đảm bảo an toàn cho các hộ dân phía Nam sông Ngàn Phố trong mùa mưa lũ; tạo sự đồng bộ trong kết cấu hạ tầng và ổn định quỹ đất lâu dài của thị trấn Tây Sơn, xã Sơn

Kim 2 và xã Sơn Tây; góp phần hoàn thiện cơ sở hạ tầng, chỉnh trang đô thị thị trấn Tây Sơn.

(9). Đường trục chính thị trấn Tây Sơn, huyện Hương Sơn và các hạ tầng đô thị Tây Sơn mở rộng.

Thị trấn Tây Sơn là trung tâm hành chính, văn hóa, kinh tế của KKT CKQT Cầu Treo nói riêng và là một trong trung tâm chính của huyện Hương Sơn nói chung. Hoạt động dịch vụ, thương mại được xác định là những hoạt động kinh tế chính của khu vực, tuy nhiên hiện nay hạ tầng đường giao thông tại khu vực thị trấn còn thiếu đồng bộ, đoạn tuyến đi qua còn quy mô nhỏ, các tuyến đường hiện nay đã xuống cấp gây khó khăn trong quá trình đi lại, mở rộng sản xuất kinh doanh trong điều kiện các khu đất ở quá xa trục đường chính là đường quốc lộ 8A đi qua thị trấn.

Tuyến đường này nằm trong khu vực đông dân cư, nằm bên tuyến trục chính là 2 cơ sở giáo dục của thị trấn Tây Sơn (trường Tiểu học và trường Trung học cơ sở). Tuyến đường sẽ đảm bảo giao thông đi lại thuận tiện, góp phần xây dựng, chỉnh trang hoàn thiện đô thị miền núi Tây Sơn; đồng thời từng bước hoàn thiện hệ thống hạ tầng giao thông trong Khu kinh tế theo định hướng quy hoạch xây dựng đã được phê duyệt.

Các hạ tầng về giao thông, cấp thoát nước, điện chiếu sáng của đô thị Tây Sơn mở rộng chưa được quan tâm đầu tư, bộ mặt đô thị chưa được hình thành rõ rệt, ảnh hưởng rất lớn đến các hoạt động dịch vụ, thương mại trên địa bàn.

(10). Hạ tầng kỹ thuật Khu công nghiệp Đại Kim (giai đoạn 2):

Dự án Hạ tầng kỹ thuật Khu công nghiệp Đại Kim đến nay đã đầu tư cơ bản hoàn thành giai đoạn 1. Để hoàn thiện đồng bộ hệ thống kỹ thuật toàn Khu công nghiệp, đáp ứng các tiêu chuẩn về môi trường và phát huy hết năng lực quỹ đất còn lại, cần thiết phải hoàn thiện các hạng mục kỹ thuật tạm dừng đầu tư trong giai đoạn trước, trong đó đặc biệt là hệ thống thu gom và trạm xử lý nước thải Khu công nghiệp.

(11). Xây dựng hệ thống cảng cạn:

Theo quy hoạch chi tiết phát triển hệ thống cảng cạn Việt Nam giai đoạn đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 được Bộ Giao thông vận tải phê duyệt tại Quyết định số 1201/QĐ-BGTVT ngày 11/6/2018, tại khu vực hành lang kinh tế Đường 8 giai đoạn đến năm 2030 - sau 2030 hình thành cảng cạn với diện tích

05 ha (dự kiến nâng lên 50-100ha tại Thị trấn Tây Sơn), năng lực thông qua hàng hóa 13.500 (TEU), kết nối chủ yếu với cảng biển Vũng Áng, Cửa Lò.

4.2.3. Giải pháp huy động vốn

- Tham mưu, đề xuất phương án bố trí vốn cho các dự án đầu tư theo danh mục được đề xuất từ nguồn ngân sách trung ương và ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025; phương án huy động vốn từ Chính phủ, các Bộ, Ngành trung ương để thực hiện các dự án nêu trên theo thứ tự ưu tiên, đảm bảo tính khả thi, hiệu quả, tuân thủ quy định của Luật Đầu tư công và các quy định khác của pháp luật.

- Đề xuất Chính phủ, các Bộ, ngành Trung ương hỗ trợ vốn đầu tư cho các công trình dự án trọng điểm theo chương trình, dự án của ngành, lĩnh vực trên địa bàn KKT CKQT Cầu Treo, đồng thời lồng ghép các chương trình, dự án của các Bộ, ngành Trung ương để tập trung đầu tư hạ tầng cho Khu Kinh tế CKQT Cầu Treo.

- Tiếp tục tranh thủ sự hỗ trợ của Chính phủ, các Bộ, ngành, các nhà tài trợ để huy động các nguồn vốn ngân sách trung ương, nguồn vốn hỗ trợ ODA và các nguồn vốn hỗ trợ khác; tăng cường phối hợp với các Bộ, ngành ngay từ khâu xây dựng quy hoạch và kế hoạch đầu tư công trung hạn, đảm bảo các công trình, dự án trọng điểm đã được rà soát được đưa vào danh mục đầu tư.

- Đối với nguồn ngân sách tỉnh: Có chính sách phù hợp để huy động các nguồn lực từ quỹ đất, nhất là quỹ đất cho phát triển đô thị, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp. Đồng thời, đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nhằm thu hút các nhà đầu tư, tạo thuận lợi cho các doanh nghiệp hoạt động sản xuất kinh doanh trên địa bàn có hiệu quả, từ đó thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và tăng nguồn thu cho ngân sách tỉnh.

- Huy động nguồn vốn đầu tư từ doanh nghiệp trong nước và vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI). Trong điều kiện nguồn vốn từ ngân sách có hạn và để tạo động lực thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, tạo việc làm và tăng thu ngân sách nhà nước thì nguồn vốn đầu tư từ khu vực tư nhân và FDI có vai trò hết sức quan trọng. Do đó, cần đẩy mạnh cải cách hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin, chính quyền điện tử; cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh và chỉ số PCI.

- Kiêu hoi và vận động nguồn vốn viện trợ của các tổ chức phi chính phủ quốc tế:

+ Hà Tĩnh hiện có khoảng 52.000 người đang làm ăn, sinh sống, lao động và học tập ở nước ngoài. Hàng năm, lượng kiều hối chuyển về nước của kiều bào Hà Tĩnh liên tục tăng. Đây cũng là nguồn lực rất lớn cần được huy động để phát triển kinh tế - xã hội, tăng thu ngân sách.

+ Đối với nguồn viện trợ phi chính phủ, trong giai đoạn 2017 - 2019, tỉnh Hà Tĩnh đã vận động được nhiều nguồn vốn viện trợ của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài cho các dự án về nước sạch, bảo vệ môi trường, phòng chống thiên tai và hạn chế tác động của biến đổi khí hậu....Các chương trình phát triển của các tổ chức quốc tế như Ngân hàng Thế giới, Ngân hàng Phát triển Châu Á...có thể tiếp tục là nguồn cung cấp tài trợ cho các giải pháp xã hội hóa nguồn đầu tư vào hoạt động môi trường trong giai đoạn 2021 - 2030./.

THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP NHẪM PHÁT TRIỂN CÁC BẾN CẢNG TRONG KHU KINH TẾ VŨNG ÁNG

Trần Văn Thắng

Trưởng phòng Pháp chế hàng hải, Cảng vụ Hàng hải Hà Tĩnh

Hà Tĩnh có vị trí đặc biệt quan trọng trong không gian phát triển kinh tế biển cũng như kinh tế hàng hải. Nằm trên các tuyến giao thông huyết mạch như Quốc lộ 1A, đường sắt Bắc - Nam, đường Hồ Chí Minh, đường biển; Quốc lộ 8 đi cửa khẩu Quốc tế Cầu Treo và Quốc lộ 12 nối cửa khẩu Cha Lo - Quảng Bình với Bến cảng biển nước sâu Vũng Áng - Sơn Dương.

Hà Tĩnh với 137 km bờ biển, 04 cửa sông đổ ra biển, là một tỉnh có tiềm năng kinh tế hàng hải hết sức to lớn. Hà Tĩnh còn có mỏ sắt Thạch Khê với trữ lượng 544 triệu tấn, có Khu kinh tế tổng hợp Vũng Áng, cùng với các KKT khác của khu vực miền Trung, tạo thành chuỗi các khu kinh tế có mối liên kết chặt chẽ với nhau, từng bước trở thành những hạt nhân tăng trưởng. Hà Tĩnh còn là đầu mối giao lưu quốc tế quan trọng, cầu nối với thị trường Lào và Đông Bắc Thái Lan. Tuy nhiên tiềm năng này mới chỉ được đánh thức từ năm 2001 khi bến số 1 cảng Vũng Áng hoàn thành và được đưa vào sử dụng. Từ đó đến nay khu vực Hà Tĩnh có sự phát triển mạnh mẽ, vượt trội về đầu tư xây dựng, khai thác cảng biển, số lượng hàng hóa, tàu thuyền, cơ sở hạ tầng không ngừng tăng trưởng năm sau cao hơn năm trước. Từ một cầu cảng dài 185,5m cho phép tiếp nhận tàu 15.000 DWT, với khối lượng hàng hóa thông qua chỉ mấy chục nghìn tấn mỗi năm, đến nay đã có hàng chục cầu cảng với chiều dài trên 5km hoạt động, mỗi năm tiếp nhận hơn 4000 lượt tàu, với khối lượng hàng hóa thông qua trên 30 triệu tấn, cỡ tàu lớn nhất có thể tiếp nhận là 200.000 DWT.

Cảng biển Hà Tĩnh được xác định là cảng biển tổng hợp quốc gia, đầu mối khu vực loại I. Hiện nay Cảng biển có 06 bến cảng đang hoạt động, trong đó bến cảng Vũng Áng và bến Sơn Dương đóng vai trò là các khu bến chính, đảm nhận lượng tàu và hàng hóa qua cảng lớn nhất. Phát triển các bến cảng trong khu kinh tế vừa là mục tiêu vừa là giải pháp để phát triển Khu kinh tế Vũng Áng, từ đó góp phần phát triển kinh tế xã hội của tỉnh nhà.

I. Hiện trạng Khu bến cảng Vũng Áng – Sơn Dương

1. Tiềm năng và lợi thế

Vị trí địa lý giao thông khá thuận lợi

Bến Cảng Vũng Áng - Sơn Dương nằm cách đường Quốc lộ 1A 9 km về phía Tây, cách thị xã Kỳ Anh 20 km, cách Sân bay Vinh 120 km, cách ga đường sắt Gia Phố 100 km, cách cửa khẩu Cầu Treo 190 km, cách cửa khẩu Cha Lo Quảng Bình 142 km.

Bến Cảng Vũng Áng – Sơn Dương có độ sâu tự nhiên lớn

Các Bến cảng tại khu vực kinh tế Vũng Áng có độ sâu tự nhiên lớn, tương đối ổn định, có thể tiếp nhận các tàu hàng rời lên đến 200.000 DWT tại Bến cảng Sơn Dương và tàu hàng tổng hợp 61.671 DWT giảm tải tại bến cảng Vũng Áng, hàng năm độ sa bồi ít nên các doanh nghiệp giảm được chi phí nạo vét, duy tu. Các tuyến luồng hàng hải vào bến cảng Sơn Dương và bến cảng Vũng Áng tương đối ngắn, từ vị trí các cầu cảng đến phao số “0” ở khu vực Vũng Áng khoảng 2 hải lý, khu vực Sơn Dương khoảng 5 hải lý, tạo điều kiện thuận lợi cho tàu thuyền ra vào, đảm bảo tiết kiệm thời gian, chi phí và an toàn trong quá trình hành hải.

Nằm trong khu vực tương đối kín gió

Các cảng biển tại khu vực kinh tế Vũng Áng nằm trong khu vực tương đối kín gió cảng được che chắn bởi dãy núi Ô Tôn, có Mũi Ròn che chắn ở phía Bắc nên trong quá trình khai thác cảng được thuận lợi hơn.

Gắn với tuyến giao thông hàng hải quốc tế

Từ các cảng biển tại khu kinh tế Vũng Áng có thể kết nối với các tuyến hàng hải quốc tế như Vũng Áng - Đông Bắc Á; Vũng Áng - Châu Mỹ; Vũng Áng – Đông Nam Á – Châu Âu – Châu Phi.

Với lợi thế nằm khá gần tuyến hàng hải quốc tế huyết mạch qua biển Đông - nơi chiếm khoảng 45% tổng lượng vận tải biển của thế giới, Vũng Áng không chỉ có tiềm năng trở thành một Bến cảng đầu mối của Việt Nam mà còn trở thành cửa ngõ xuất nhập khẩu hàng hóa bằng đường biển cho Lào và cả vùng Đông Bắc Thái Lan.

Gắn với miền hậu phương nhiều tiềm năng

Các Bến cảng tại khu vực kinh tế Vũng Áng có miền hậu phương nhiều tiềm năng như Lào, Đông bắc Thái Lan, Khu kinh tế Vũng Áng, mỏ sắt Thạch Khê... với miền hậu phương rộng lớn, nhiều tiềm năng là cơ sở để thu hút ngày càng nhiều tàu và hàng hóa thông qua cảng.

2. Quy hoạch hệ thống cảng biển Hà Tĩnh

Hệ thống cảng biển Hà Tĩnh được quy hoạch và phê duyệt tại:

Quyết định 1579/QĐ-TTg ngày 22/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng biển Việt Nam thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Khu bến Vũng Áng

- Phạm vi quy hoạch: vùng đất và vùng nước khu vực phía Tây Mũi Ròn.
- Chức năng: phục vụ phát triển kinh tế - xã hội liên vùng, tiếp chuyển một phần hàng quá cảnh cho Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào và Đông Bắc Vương quốc Thái Lan; có bến tổng hợp, container, hàng rời, hàng lỏng/khí.
- Cỡ tàu: tàu tổng hợp trọng tải đến 70.000 tấn; tàu container sức chở đến 4.000 TEU; tàu hàng rời trọng tải đến 100.000 tấn, tàu hàng lỏng/khí trọng tải đến 15.000 tấn hoặc lớn hơn khi đủ điều kiện.

Khu bến cảng Sơn Dương

- Phạm vi quy hoạch: vùng đất và vùng nước khu vực phía Đông Mũi Ròn.
- Chức năng: phục vụ phát triển kinh tế - xã hội liên vùng, tiếp chuyển một phần hàng quá cảnh cho Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào, Đông Bắc Vương quốc Thái Lan và khu liên hợp công nghiệp luyện kim; có bến hàng rời, hàng lỏng/khí, tổng hợp, container.
- Cỡ tàu: tàu hàng rời trọng tải đến 300.000 tấn, tàu hàng lỏng/khí trọng tải đến 150.000 tấn, tàu tổng hợp và container trọng tải đến 50.000 tấn hoặc lớn hơn khi đủ điều kiện.

Các khu bến khác

- Bến cảng Xuân Hải, Xuân Phô (trên sông Lam): bến tổng hợp, có bến hàng lỏng (Xuân Phô), tiếp nhận tàu trọng tải đến 2.000 tấn.
- Bến cảng Cửa Sót (Lộc Hà): bến hàng rời (tiềm năng), phục vụ công nghiệp khai khoáng ở địa phương khi có yêu cầu.
- Bến cảng xăng dầu Xuân Giang (trên sông Lam): bến hàng lỏng, tiếp nhận tàu trọng tải đến 2.000 tấn.

Bến phao, khu neo đậu chuyển tải

Vị trí ngoài khơi khu bến Vũng Áng cho tàu trọng tải đến 100.000 tấn hoặc lớn hơn khi đủ điều kiện.

Các khu neo đậu tránh, trú bão

- Khu vực Xuân Hải, Xuân Giang: vị trí thượng lưu bến cảng Xuân Hải, chức năng neo trú bão cho tàu trọng tải đến 2.000 tấn.

- Khu vực Cửa Khẩu: vị trí phía trong Cửa Khẩu, chức năng neo trú bão cho tàu trọng tải đến 1.000 tấn.

- Khu vực Sơn Dương: vị trí phía Bắc và Tây Nam hòn Sơn Dương (phía trong đê chắn sóng), chức năng neo trú bão cho tàu trọng tải đến 50.000 tấn.

- Các khu neo đậu tránh, trú bão khác có đủ điều kiện.

3. Hiện trạng cơ sở hạ tầng khu Bến cảng Vũng Áng - Sơn Dương

Khu bến cảng Sơn Dương

Khu bến cảng Sơn Dương đã được đầu tư xây dựng đưa vào vận hành, khai thác thuộc Dự án khu liên hợp gang thép và cảng Sơn Dương do Công ty TNHH Gang thép Hưng Nghiệp Formosa làm chủ đầu tư, bao gồm các hạng mục sau:

- Tuyến luồng dài 9,6 km, chiều rộng đáy luồng từ 400-600m, độ sâu đạt -18.8m (Hải đồ); Vũng quay tàu có đường kính 900m, độ sâu đạt -19.6m.

- Hạng mục đê chắn sóng dài 5.243m đã hoàn thiện.

- Hiện đã có 14 cầu cảng được Cục Hàng hải Việt Nam cho phép đưa vào sử dụng (S1,S2,S3,W1, W2, W3,W4,W5,W6,W7,A1,A2,N2, Cầu dịch vụ); với tổng chiều dài các cầu cảng là 3.997m. Trong đó 03 cầu cảng tiếp nhận tàu đến 200.000 DWT, 03 cầu tiếp nhận tàu đến 50.000 DWT, 07 cầu cảng tiếp nhận tàu đến 10.000 DWT (trong đó W4 và W5 có thể kết hợp để tiếp nhận tàu 50.000 DWT).

Khu bến cảng Vũng Áng

Khu bến cảng Vũng Áng hiện có 03 bến cảng đang hoạt động khai thác gồm: cầu cảng số 1, 2 Bến cảng Vũng Áng, bến cảng xăng dầu LPG Vũng Áng, bến cảng Nhà máy nhiệt điện Vũng Áng 1.

- Cầu cảng số 1: Hoàn thành đưa vào sử dụng năm 2001, với chiều dài cầu cảng là 185,5m, tiếp nhận tàu tổng hợp đến 45.000 DWT, tàu container đến 2.000 TEU, công suất thiết kế 460.000T/năm.

- Cầu cảng số 2: Hoàn thành đưa vào sử dụng năm 2010, với chiều dài cầu cảng là 270m, tiếp nhận tàu chở gỗ dầm đến 55.000 DWT; tàu chở hàng tổng hợp đến 61.617 DWT giảm tải, container đến 45.000 TEU, công suất thiết kế 860.000T/năm.

- Bến cảng Xăng dầu LPG Vũng Áng: chiều dài 218m, hoàn thành đưa vào khai thác năm 2010, cỡ tàu chở dầu đến 15.000 DWT, tàu chở LPG đến 3.000 DWT, kho chứa 60.000m³.

- Bến cảng Nhà máy nhiệt điện Vũng Áng 1 đưa vào khai thác từ tháng 12/2013 với tổng chiều dài 330m, tiếp nhận tàu chở than đến 30.000 DWT.

Hạ tầng hàng hải phụ trợ

Đê chắn sóng khu bến cảng Vũng Áng:

Đê chắn sóng phía Bắc Vũng Áng hiện có chiều dài 260 m. Theo quy hoạch Đê chắn sóng phía Bắc Vũng Áng có chiều dài 370 m, đê phía Tây dài 1850m.

- Khu dịch vụ hậu cảng và đầu mối logistic: 297,9 ha (trong đó Vũng Áng 106,9 ha, Sơn Dương 191 ha). Khu này bao gồm kho, bãi tập kết và bố trí cơ sở triển khai các thủ tục hải quan.

- Khu hành chính và quản lý cảng: 46 ha (trong đó Vũng Áng 18 ha, Sơn Dương 28 ha) bao gồm khu vực cho các cơ quan quản lý Nhà nước tại cảng biển.

- Bên cạnh đó Bến cảng tạm cho cỡ tàu trọng tải đến 2.000 DWT đang thi công phục vụ xây dựng dự án Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng II.

Hiện trạng hạ tầng kết nối

Đường bộ

Hiện trạng hệ thống đường bộ kết nối với các cảng biển khu vực Hà Tĩnh gồm các tuyến chính như sau:

✓ *Đường kết nối phương dọc (Nam - Bắc)*

Theo hướng từ biển vào, các tuyến đường kết nối phương dọc gồm:

- Quốc lộ 1: Quy mô cấp II, 4 làn xe cơ giới;
- Đường Hồ Chí Minh: nối thông toàn tuyến trong khu vực nghiên cứu với quy mô cấp III, 2 làn xe cơ giới;
 - ✓ Đường ven biển: quy mô cấp III, 2 làn xe cơ giới.
 - ✓ *Đường kết nối theo phương ngang (Đông – Tây)*

Quốc lộ 12A và 12C từ cảng VũngÁng (Hà Tĩnh) đến cửa khẩu Cha Lo (Quảng Bình) dài 117km, tối thiểu đạt chuẩnđường cấp III miền núi; Đoạn từ cảng Vũng Áng đến quốc lộ 1A theo quy hoạch khu công nghiệp VũngÁng, hiện đạt chuẩn cấp III đồng bằng, 2 làn xe;

Đường sắt

Đường sắt Bắc – Nam hiện là tuyến đường sắt duy nhất trên địa bàn các tỉnh Hà Tĩnh. Hiện chưa có cảng biển nào trong tỉnh Hà Tĩnh có kết nối trực tiếp với ga đường sắt.

Đường thủy nội địa

Khu vực Hà Tĩnh có Tuyến đường thủy nội địa trên Sông Nghèn có tổng chiều dài khoảng 34,5km trong đó: (1) Đoạn từ Cửa Sốt đến Hộ Độ có chiều dài khoảng 14km, sông cấp II; (2) Đoạn từ Hộ Độ đến Cầu Nghèn có chiều dài khoảng 20,5km, sông cấp III.

Hàng hóa và tàu thông qua

Chỉ tiêu	Năm					
	2017	2018	2019	2020	2021	2022
Số lượt tàu (Lượt)	2.433	3.525	4.011	3.651	3.878	3.437
Hàng hóa thông qua (Tấn)	14.713.296	27.357.104	32.612.784	31.184.064	32.856.286	29.347.214

Bảng 1: Sản lượng Hàng hóa và lượt tàu thông qua các năm cảng biển Hà Tĩnh

II. Một số giải pháp nhằm phát triển khai thác cảng biển Khu vực Bến cảng Vũng Áng – Sơn Dương

1. Nâng cao chất lượng công tác lập và tổ chức thực hiện quy hoạch cảng biển.

- Triển khai lập quy hoạch phát triển hệ thống cảng biển Hà Tĩnh gắn kết đồng bộ với quy hoạch xây dựng, quy hoạch chung phát triển kinh tế xã hội của địa phương, tận dụng tối đa các yếu tố tự nhiên, độ sâu tự nhiên tại khu vực.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy hoạch phù hợp với sự phát triển kinh tế xã hội của địa phương.

2. Tập trung giải quyết vấn đề giao thông kết nối hệ thống cảng biển.

Phát triển đồng bộ giữa cảng biển với mạng lưới kết cấu hạ tầng sau cảng, giữa kết cấu hạ tầng cảng biển với kết cấu hạ tầng công cộng kết nối với cảng biển. Đặc biệt chú trọng bảo đảm sự kết nối liên hoàn giữa cảng biển với mạng lưới giao thông quốc gia và hệ thống các cảng cạn, trung tâm phân phối hàng hóa, đầu mối logistics ở khu vực.

Thời gian qua, trên cơ sở quy hoạch chi tiết phát triển hệ thống cảng cạn Việt Nam giai đoạn đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 tại Quyết định số 1201/QĐ-BGTVT ngày 11/6/2018 của Bộ giao thông vận tải; Quy hoạch logistic của quốc gia tại Quyết định số 1012/QĐ-TTg ngày 03/7/2015 của Thủ

tướng Chính phủ, UBND tỉnh Hà Tĩnh đã chủ động giành quỹ đất 132.3 ha tại khu kinh tế Vũng Áng để phát triển logistic và quy hoạch 80 -100 ha để xây dựng cảng cạn tại khu vực Cầu Treo để làm hậu phương cho cảng biển.

3. Huy động tối đa mọi nguồn lực và chính sách thu hút đầu tư để phát triển cảng biển.

- Bố trí nguồn ngân sách đầu tư cho các hạng mục kết cấu hạ tầng công cộng như luồng tàu, khu vực đón trả hoa tiêu kiểm dịch, đê chắn sóng... kết nối với các cảng biển.

- Huy động mọi nguồn lực, đặc biệt là nguồn lực ngoài ngân sách để đầu tư đồng bộ, có trọng tâm trọng điểm hệ thống kết cấu hạ tầng hàng hải ;

- Có chính sách cụ thể để hỗ trợ hoạt động liên quan đến phát triển kinh tế hàng hải. Cụ thể trong thời gian qua UBND tỉnh Hà Tĩnh có ban hành chính sách hỗ trợ như hỗ trợ cho các tàu vận chuyển container tuyến vận tải container Hải Phòng-Vũng Áng-TPCM, đáp ứng nhu cầu cho các tổ chức, cá nhân có hàng hóa vận chuyển bằng container qua cảng Vũng Áng; Chủ động huy động xã hội hóa nguồn kinh phí để thuê đơn vị Tư vấn lập quy hoạch chi tiết cảng biển Hà Tĩnh theo Quyết định 1579/QĐ-TTg ngày 22/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng biển Việt Nam thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050...

4. Lựa chọn các nhà đầu tư có năng lực, có công nghệ, đủ nhân lực, vật lực để đầu tư, khai thác, quản lý cảng biển.

Hiện nay tại khu vực cảng biển Hà Tĩnh có 05 đơn vị đang khai thác các cảng biển và 03 nhà đầu tư đang triển khai các dự án và một số doanh nghiệp khác đang có kế hoạch chuẩn bị đầu tư cảng biển. Trong đó các doanh nghiệp đã đang đầu tư xây dựng khai thác cảng biển có hiệu quả cao như Công ty CP cảng Quốc tế Lào - Việt, Công ty TNHH Gang thép Formosa Hà Tĩnh...

5. Áp dụng khoa học công nghệ vào quản lý khai thác và nâng cao chất lượng các dịch vụ hỗ trợ khai thác cảng biển:

Hiện nay việc quản lý khai thác Cảng biển Hà Tĩnh đang được thực hiện đồng bộ và hiện đại như:

- Cải cách thủ tục hành chính cho tàu thuyền ra vào cảng, thực hiện 100% thủ tục điện tử cho tàu biển trên Cổng thông tin một cửa quốc gia. Thanh toán 100% bằng biên lai điện tử.

- Giám sát, điều động tàu thuyền bằng hệ thống điều phối giao thông hàng hải (VTS).

- Hệ thống tàu lai dắt hiện đại, Hoa tiêu đảm bảo đủ số lượng, hạng hoa tiêu để dẫn tàu ra vào cảng, các đơn vị dịch vụ hỗ trợ như đại lý hàng hải, khai báo hải quan... chuyên nghiệp góp phần nâng cao hiệu quả khai thác cảng biển.

6. Quản lý đầu tư xây dựng.

Nhằm đảm bảo an toàn thì quá trình xây dựng phải quản lý: ngoài các thủ tục về môi trường, đầu tư... thì về hàng hải cần quan tâm thực hiện một số vấn đề:

- Thủ tục giao khu vực biển theo Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10/02/2021 của Chính phủ Quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác sử dụng tài nguyên biển;

- Thỏa thuận vị trí quy mô theo Nghị định 58/2017/NĐ-CP ngày 10/05/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ luật hàng hải Việt Nam về quản lý hoạt động hàng hải;

- Phương án bảo đảm an toàn hàng hải theo Nghị định 58/2017/NĐ-CP ngày 10/05/2017;

- Phương án bảo đảm an toàn giao thông Nghị định 159/2018/NĐ-CP ngày 28/11/2018 của Chính phủ về quản lý hoạt động nạo vét trong vùng nước cảng biển và vùng nước đường thủy nội địa...

Khu Kinh tế Vũng Áng có chiến lược quan trọng trong quy hoạch phát triển Kinh tế xã hội của tỉnh Hà Tĩnh, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ lần thứ XIX nhiệm kỳ 2021-2025 đã chỉ ra tầm quan trọng của việc phát triển Khu Kinh tế Vũng Áng là đột phá chiến lược “Huy động tối đa sử dụng hiệu quả các nguồn lực xây dựng Khu kinh tế Vũng Áng thực sự trở thành khu kinh tế đa chức năng, trung tâm công nghiệp động lực và logistics; xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ, trọng tâm là hạ tầng giao thông chiến lược, hạ tầng đô thị, hạ tầng thông tin, thúc đẩy phát triển kinh tế số”. Khu Kinh tế Vũng Áng với tiềm năng đang trở thành khu kinh tế mạnh ven biển, hướng ra biển, phát huy được lợi thế về biển, thu hút mạnh nguồn lực bên ngoài góp phần thực hiện tốt Nghị quyết 36-NQ/TW ngày 22/10/2018 của Ban Chấp hành Trung ương về chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030 tầm nhìn 2045.

Cảng biển là đầu mối giao thông phục vụ việc vận chuyển hàng hóa nội địa và xuất nhập khẩu. Gắn việc phát triển cảng biển với phát triển khu kinh tế là một hướng đi phù hợp với xu thế phát triển của thế giới.

Bến cảng Vũng Áng - Sơn Dương là tiền đề để thúc đẩy thu hút đầu tư cũng như sự phát triển Khu kinh tế Vũng Áng, là một cửa ngõ nối Hà Tĩnh với thế giới.

Mặc dù còn khó khăn về nguồn lực, kết cấu hạ tầng cảng biển, logistics, kết nối giao thông, nhưng với nỗ lực, quyết tâm cao đã được cụ thể hóa bằng Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 22/11/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hà Tĩnh, trong thời gian tới Cảng biển Hà Tĩnh nói riêng và Khu Kinh tế Vũng Áng sẽ phát huy tiềm năng và lợi thế để có bước phát triển mạnh mẽ góp phần vào sự phát triển kinh tế xã hội của địa phương, vùng Bắc Trung Bộ và cả nước.

MỘT SỐ GIẢI PHÁP GÓP PHẦN ĐẨY MẠNH HOẠT ĐỘNG XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG HÓA TẠI KHU KINH TẾ VŨNG ÁNG

Phạm Thị Mỹ Hạnh

Phó trưởng Phòng Nghiệp vụ, Cục Hải quan Hà Tĩnh

I. Đặt vấn đề

Khu kinh tế Vũng Áng được thành lập tại Quyết định số 72/2006/QĐ-TTg ngày 03/4/2006 của Thủ tướng Chính phủ. Kể từ khi được thành lập đến nay, Khu kinh tế Vũng Áng được lựa chọn là 1 trong 5 Khu kinh tế trọng điểm của cả nước được tập trung nguồn lực đầu tư phát triển giai đoạn 2013-2015⁸⁰ và 1 trong 8 Khu kinh tế ven biển được ưu tiên để tập trung đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016-2020⁸¹; được xác định là khu vực động lực phát triển, cần tiếp tục tập trung đầu tư xây dựng theo các Thông báo kết luận của lãnh đạo Đảng, Chính phủ⁸². Điều này khẳng định được vai trò vị thế ngày càng quan trọng của Khu kinh tế Vũng Áng, không chỉ là động lực, mục tiêu thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của riêng tỉnh Hà Tĩnh mà còn là động lực, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của khu vực Bắc Trung bộ và của cả nước.

Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Hà Tĩnh lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2021-2025 đã chỉ ra tầm quan trọng của việc phát triển Khu kinh tế Vũng Áng qua **chương trình trọng điểm**: “*Phát triển các tuyến giao thông chiến lược, hình thành các trục phát triển, đầu tư hạ tầng Khu Kinh tế Vũng Áng, hạ tầng số, kết cấu hạ tầng ứng phó với biến đổi khí hậu, môi trường, nước sạch*”; **đột phá chiến lược**: “*Huy động tối đa và sử dụng hiệu quả các nguồn lực xây dựng Khu Kinh tế Vũng Áng thực sự trở thành khu kinh tế đa chức năng, trung tâm công nghiệp động lực và logistics; xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ, trọng tâm là hạ tầng giao thông chiến lược, hạ tầng đô thị, hạ tầng thông tin, thúc đẩy phát triển kinh tế số*”; **giải pháp trọng tâm**: “*Huy động, sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực tập trung xây dựng hạ tầng đồng bộ, nhất là hệ thống giao thông trọng yếu, hạ tầng Khu Kinh tế Vũng Áng*”. Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 22/11/2021 của

⁸⁰ Văn bản số 1231/TTg-KTTH ngày 17/8/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc Đề án rà soát, xây dựng tiêu chí lựa chọn một số KKT ven biển để tập trung đầu tư giai đoạn 2013-2015

⁸¹ Văn bản số 2021/TTg-KHTH ngày 09/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc lựa chọn một số KKT ven biển để tập trung đầu tư phát triển từ nguồn NSNN giai đoạn 2016-2020

⁸² Thông báo số 05-TB/VPTW ngày 27/4/2016 kết quả chuyến thăm và làm việc của đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng tại tỉnh Hà Tĩnh; Thông báo số 447/TB-VPCP ngày 21/9/2017 kết luận của Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc tại buổi làm việc với tỉnh Hà Tĩnh

Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển Khu kinh tế Vũng Áng giai đoạn 2021 – 2025, định hướng đến năm 2030 đã xác định rõ mục tiêu phát triển tổng quát của KKT Vũng Áng trong giai đoạn tới là: “*Xây dựng Khu Kinh tế Vũng Áng với các trụ cột: Công nghiệp luyện kim, năng lượng, chế biến, chế tạo; Trung tâm logistics và dịch vụ cảng biển; Phát triển thương mại, dịch vụ, tạo nền tảng vững chắc. Phát triển đồng bộ khu liên hợp công nghiệp luyện kim, công nghiệp hỗ trợ, chế biến, chế tạo, trung tâm điện lực gắn với cụm cảng nước sâu Vũng Áng - Sơn Dương; đảm bảo hiệu quả tổng hợp về kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh, bảo vệ môi trường; thúc đẩy tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa; từng bước phát triển thị xã Kỳ Anh trở thành đô thị trung tâm phía Nam; hình thành thành phố Kỳ Anh, liên kết phát triển vùng Nam Hà Tĩnh - Bắc Quảng Bình.*”

Nhờ sự hỗ trợ kịp thời và các chính sách phù hợp, đúng đắn, kể từ khi thành lập đến nay, Khu kinh tế Vũng Áng đã thực sự trở thành hạt nhân, thành động lực phát triển của kinh tế toàn tỉnh. Hàng năm, Khu kinh tế Vũng Áng đóng góp hơn 90% kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa và 80% số thu ngân sách toàn tỉnh. Đặc biệt, nhờ hoạt động nhộn nhịp của Khu kinh tế Vũng Áng mà điểm sáng nổi bật là Công ty TNHH gang thép Hưng nghiệp Formosa Hà Tĩnh, trong nhiều năm qua, tỉnh Hà Tĩnh đã luôn nằm trong top đầu các tỉnh có số thu ngân sách từ hoạt động xuất nhập khẩu cao nhất cả nước.

Sự hình thành và phát triển của Khu kinh tế Vũng Áng là nguyên nhân chính cho sự phát triển của một vùng rộng lớn tại thị xã Kỳ Anh bao gồm các hoạt động kinh tế, văn hóa, giải trí. Tại đây, hàng ngàn người lao động đã có việc làm và có thu nhập ổn định, cuộc sống được cải thiện. Cơ sở hạ tầng, y tế, giáo dục cũng được nâng cao nhờ sự hỗ trợ đặc lực của nguồn thu ngân sách. Bộ mặt kinh tế thị xã Kỳ Anh nói riêng và toàn tỉnh Hà Tĩnh nói chung đã thay đổi hết sức đáng kể.

Khu kinh tế Vũng Áng ở thời điểm hiện tại dù có nhiều đóng góp cho sự phát triển kinh tế tỉnh nhà nhưng chưa hoàn toàn phát huy được những tiềm năng sẵn có của mình. Đặc biệt, hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa tại khu vực này có những thời điểm chưa thật sự nhộn nhịp, chưa hoàn toàn đáp ứng được kỳ vọng của Chính phủ cũng như UBND tỉnh Hà Tĩnh khi thực hiện đề án xây dựng Khu kinh tế. Cùng với xu hướng dịch chuyển dây chuyền, công nghệ sản xuất của các tập đoàn lớn đến Việt Nam và những đánh giá tích cực của các chuyên gia quốc tế về Việt Nam trên cương vị một đối tác thương mại quốc tế, hoạt động xuất nhập

khẩu ở nước ta thời gian tới dự kiến sẽ còn phát triển hơn nữa. Các Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới cũng là một yếu tố quan trọng dự báo sự tham gia sâu rộng của Việt Nam trong chuỗi cung ứng toàn cầu trong thời gian tới, kéo theo các hoạt động lưu chuyển hàng hóa, dịch vụ kho, bãi phát triển. Bối cảnh đó thúc đẩy tỉnh Hà Tĩnh cần có các giải pháp đồng bộ mang tính đột phá hơn nữa để tận dụng được mọi lợi thế của Khu kinh tế Vũng Áng, khắc phục những hạn chế, khó khăn để kịp thời nắm bắt cơ hội đẩy mạnh hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa trên địa bàn tỉnh, tạo động lực phát triển kinh tế bền vững.

2. Thực trạng hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa tại Khu kinh tế Vũng Áng:

2.1. Khái quát về một số yếu tố tác động đến hoạt động xuất nhập khẩu và phát triển dịch vụ logistics trên địa bàn và các nhóm nhiệm vụ, giải pháp mang tính đột phá mà đơn vị đã xây dựng và triển khai thực hiện trong thời gian qua:

Một số yếu tố tác động đến hoạt động xuất nhập khẩu và phát triển dịch vụ logistics trên địa bàn:

Khu kinh tế Vũng Áng được đánh giá là thị trường đầy tiềm năng và hấp dẫn cho sự phát triển của ngành dịch vụ logistics. Logistics đóng vai trò hỗ trợ, kết nối và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Một số yếu tố tác động đến việc phát triển dịch vụ logistics tại Khu kinh tế Vũng Áng hiện nay:

- Sự chỉ đạo quyết liệt của Lãnh đạo tỉnh sẽ làm cho các hoạt động phục vụ xây dựng và phát triển khu kinh tế nhanh và đồng bộ. Thời gian vừa qua cho thấy, Lãnh đạo tỉnh luôn có sự chỉ đạo quyết liệt trong việc xây dựng và phát triển Khu kinh tế Hà Tĩnh. Để tập trung lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng và phát triển các Khu kinh tế Hà Tĩnh, Ban Chấp hành Đảng bộ Tỉnh đã ban hành một nghị quyết riêng về tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo, xây dựng Khu kinh tế Vũng Áng trở thành động lực chính thúc đẩy phát triển kinh tế nhanh và bền vững. Rất ít tỉnh ban hành nghị quyết riêng của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh để chỉ đạo thực hiện cho một Khu kinh tế, một Khu công nghiệp. Đây là một trong những nội dung khẳng định sự đồng hành của Đảng bộ, HĐND, UBND tỉnh và các sở, ngành, địa phương với các nhà đầu tư.

- Được miễn thuế nhập khẩu đối với hàng hoá nhập khẩu theo quy định tại Điều 16 Luật Thuế xuất khẩu, Thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13 ngày 06/4/2016; được ưu đãi đối với thuế thu nhập doanh nghiệp và tiền thuê đất.

- Hệ thống điện và hệ thống cấp nước được quy hoạch đồng bộ, có tầm chiến lược dài hạn cho Khu kinh tế và vùng phụ cận, đảm bảo cung cấp đủ nhu cầu cho toàn bộ Khu kinh tế Vũng Áng.

- Nguồn lao động: Hà Tĩnh là một trong những tỉnh nằm trong tốp đầu của cả nước về giáo dục đào tạo; nguồn lao động tương đối dồi dào, cơ bản đã qua đào tạo, cần cù, chịu khó.

Các giải pháp mang tính đột phá mà đơn vị đã xây dựng và triển khai thực hiện trong thời gian qua:

Trong phạm vi quyền hạn của mình, Cục Hải quan tỉnh Hà Tĩnh đã thường xuyên chỉ đạo Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng Vũng Áng nỗ lực thúc đẩy hoạt động xuất nhập khẩu, logistics trên địa bàn Khu kinh tế Vũng Áng, cụ thể:

- Tạo thuận lợi tối đa cho hoạt động xuất nhập khẩu, xuất nhập cảnh thông qua việc đẩy mạnh cải cách hành chính, hiện đại hóa hải quan, triển khai mở rộng thủ tục hải quan điện tử; tuyên truyền, phổ biến pháp luật về hải quan và các chính sách mới về xuất nhập khẩu đến cộng đồng doanh nghiệp; đồng hành, hỗ trợ, giải quyết kịp thời các khó khăn cho doanh nghiệp trong quá trình làm thủ tục hải quan; Tổ chức hội nghị đối thoại Hải quan – Doanh nghiệp; thành lập Tổ hỗ trợ, xử lý vướng mắc về thủ tục hải quan tại cấp Cục và cấp Chi cục; duy trì hiệu quả hoạt động của Tổ hỗ trợ và cung cấp thông tin cho doanh nghiệp; Tổ giải quyết vướng mắc thuộc lĩnh vực nghiệp vụ.

- Đơn vị đã tích cực triển khai hiệu quả Cơ chế một cửa quốc gia, một cửa ASEAN; hệ thống tiếp nhận, xử lý thông tin lược khai hàng hóa điện tử (e-Manifest). Cơ chế một cửa quốc gia đã kết nối 13 bộ, ngành triển khai 249 thủ tục hành chính với sự kết nối tham gia xử lý của nhiều cơ quan quản lý nhà nước. Trong năm 2022, Cục Hải quan tỉnh Hà Tĩnh đã triển khai thực hiện ở tất cả 3/3 Chi cục với 12 thủ tục phát sinh liên quan của 05 Bộ Ban ngành.

- Nâng cao hiệu quả quản lý rủi ro, thực hiện công tác kiểm tra sau thông quan theo kế hoạch, tăng cường kiểm soát hải quan, phòng chống buôn lậu, gian lận thương mại, tập trung triển khai quyết liệt các chuyên đề chống buôn lậu. Kiểm soát hàng tạm nhập tái xuất phục vụ dự án xây dựng khu liên hợp gang thép và cảng Sơn Dương.

- Cục Hải quan tỉnh Hà Tĩnh thường xuyên chú trọng công tác quan hệ đối tác giữa doanh nghiệp và cơ quan hải quan, chỉ đạo Chi cục chủ động liên hệ với Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh Hà Tĩnh nhằm thu thập thông tin các doanh nghiệp

hiện đang thực hiện dự án trên địa bàn Khu kinh tế Vũng Áng để xác định doanh nghiệp có khả năng phát sinh hoạt động xuất nhập khẩu nhằm kêu gọi mở tờ khai tại Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng Vũng Áng.

- Chú trọng công tác giáo dục chính trị tư tưởng và phổ biến quán triệt văn bản pháp luật cho cán bộ công chức trong toàn Cục; Tổ chức thực hiện nghiêm túc Quyết định số 188/QĐ-TCHQ ngày 02/02/2017 của Tổng cục Hải quan về việc ban hành quy chế hoạt động công vụ của Hải quan Việt Nam; Quyết định số 2435/QĐ-TCHQ ngày 19/08/2015 quy định trách nhiệm đối với CBCC khi thực hiện nghiệp vụ hải quan và xử lý công chức Hải quan có hành vi vi phạm nghiệp vụ hải quan, những thiếu, tham nhũng và Công văn số 1720/HQHT- TTCB ngày 01/12/2017 về việc tăng cường kỷ luật, kỷ cương khi thực hiện nhiệm vụ... nhằm xác định tác phong, thái độ phục vụ doanh nghiệp tận tình, văn minh, lịch sự của cán bộ công chức; kiên quyết không để xảy ra hiện tượng gây phiền hà, sách nhiễu, tiêu cực tại đơn vị.

2.2. Đánh giá về tiềm năng, lợi thế và thực trạng kho, bãi, cảng trên địa bàn khu kinh tế Vũng Áng trong việc đáp ứng và phát triển hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa, dịch vụ logistics:

Tiềm năng, lợi thế:

Khu kinh tế Vũng Áng có cụm cảng nước sâu Vũng Áng - Sơn Dương được Thủ tướng Chính phủ quy hoạch đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 là cảng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội liên vùng, tiếp chuyển một phần hàng quá cảnh cho Lào và Đông Bắc Thái Lan. Bên cạnh sự thuận lợi về vị trí địa lý, Khu kinh tế Vũng Áng còn được hưởng chính sách ưu đãi đối với địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn theo pháp luật về đầu tư.

Cụm cảng nước sâu Vũng Áng - Sơn Dương có vị trí thuận lợi, nằm trên hành lang các tuyến hàng hải quốc tế. Đặc biệt, cụm cảng Vũng Áng - Sơn Dương có luồng hàng hải ngắn (cách phao số 0 khoảng 1,7 hải lý) và độ sâu tự nhiên lớn, từ -11m đến -22m. Với độ sâu lý tưởng này, cụm cảng Vũng Áng - Sơn Dương có thể tiếp nhận tàu có trọng tải từ 5 - 30 vạn DWT, tàu container có sức chở đến 4.000 TEU, hàng rời, hàng lỏng...

Bên cạnh hệ thống cảng nước sâu, những năm qua, tỉnh Hà Tĩnh cũng đã tập trung đầu tư phát triển hạ tầng giao thông đường bộ khá liên hoàn, thông suốt bao gồm các trục dọc, trục ngang và các hành lang Đông Tây; các đường nan quạt từ TP Hà Tĩnh đi các huyện, thị và hệ thống đường nông thôn cho phép

ô tô đến tận trung tâm các xã, cụm xã; liên kết vùng núi, trung du đến đồng bằng ven biển. Hệ thống giao thông đồng bộ tạo điều kiện để hoạt động logistics, vận chuyển tại Khu kinh tế Vũng Áng diễn ra thuận lợi. Đặc biệt, tuyến đường cao tốc Bãi Vọt - Vũng Áng, đường sắt kết nối Viêng Chăn - Vũng Áng cũng đang được Chính phủ 2 nước Việt Nam - Lào triển khai là yếu tố quan trọng đảm bảo lưu thông hàng hóa, khai thác dịch vụ logistics tại Khu kinh tế.

Thực trạng kho, bãi, cảng trên địa bàn khu kinh tế Vũng Áng:

Trung tâm logistics tại Khu kinh tế Vũng Áng có quy mô diện tích quy hoạch 133,32 ha nằm trên địa bàn xã Kỳ Lợi (thị xã Kỳ Anh, Hà Tĩnh); phía Bắc giáp cảng Vũng Áng; phía Đông – Đông Nam giáp núi Ô Tôn; phía Tây – Tây Nam giáp Khu phi thuế quan trong Khu kinh tế Vũng Áng. Trong đó, trung tâm logistics tại Vũng Áng - Sơn Dương được quy hoạch là trung tâm logistics hạng I cấp quốc gia và quốc tế. Trong đó, khu logistics Vũng Áng có diện tích quy hoạch 106,9 ha, công suất khoảng 16,3 triệu tấn/năm; khu logistics cảng Sơn Dương có diện tích quy hoạch 159,84 ha, công suất khoảng 22,5 triệu tấn/năm.

Cụm cảng Sơn Dương - Vũng Áng là cảng chuyên dùng và tổng hợp quốc gia, đầu mối khu vực - loại I trong hệ thống cảng biển Việt Nam, là tiền đề động lực phát triển khu kinh tế Vũng Áng và là một trong các đầu mối trung chuyển hàng quá cảnh tiếp chuyển cho Lào và Đông Bắc Thái Lan.

+ Cảng Vũng Áng: Là khu bến tổng hợp cho tàu trọng tải 3 - 5 vạn DWT, tàu container sức chở 4.000 TEU; có bến chuyên dùng nhập than phục vụ trung tâm nhiệt điện cho tàu trọng tải 3 - 10 vạn DWT, bến tiếp nhận sản phẩm lỏng của tổng kho xăng dầu cho tàu trọng tải đến 3 vạn DWT. Theo quy hoạch giai đoạn hoàn thiện với 17 bến (11 bến cảng tổng hợp, container; 06 bến chuyên dùng). Hiện nay đã hoàn thành đầu tư xây dựng và đi vào khai thác 06 bến, trong đó 02 bến thương mại, năng lực xếp dỡ 1,32 triệu tấn/năm, 02 bến chuyên dùng sản phẩm dầu của Tổng kho xăng dầu, 02 bến chuyên dùng nhập than của Nhà máy nhiệt điện Vũng Áng 1; 04 bến cảng tổng hợp đang được đầu tư xây dựng (các bến số 3, 4, 5, 6). Chuẩn bị đầu tư bến chuyên dùng của Nhà máy nhiệt điện Vũng Áng 2.

+ Cảng Sơn Dương: Là khu bến chuyên dùng, có bến cho tàu trọng tải đến 30 vạn DWT nhập than, quặng, dầu thô, bến cho tàu trọng tải 3 - 5 vạn DWT xuất sản phẩm và hàng khác phục vụ trực tiếp cho liên hợp luyện thép, lọc hóa dầu và cơ sở công nghiệp; có bến tổng hợp, container và bến trung chuyển than nhập khẩu dự phòng phát triển phục vụ các trung tâm nhiệt điện trong khu vực.

Về hạ tầng kỹ thuật, Trung tâm Logistics và dịch vụ hậu cảng Vũng Áng nằm trong Khu kinh tế Vũng Áng đã được quy hoạch hạ tầng khá đồng bộ và đầy đủ. Khu kinh tế Vũng Áng đang sử dụng mạng lưới điện quốc gia, thông qua lưới điện 500kv và 220kv và một phần từ các nhà máy điện đặt trực tiếp trong Khu kinh tế Vũng Áng. Hệ thống cấp nước cho Khu kinh tế Vũng Áng được quy hoạch đồng bộ, có tầm chiến lược dài hạn cho toàn bộ KKT và vùng phụ cận. Đã thu hút xã hội hóa đầu tư từ doanh nghiệp trong nước đầu tư hệ thống cấp nước với công suất thiết kế đáp ứng 1.005.000 m³/ngày đảm bảo cung cấp nhu cầu dùng nước công nghiệp cho toàn bộ KKT Vũng Áng.

Tuy nhiên, cơ sở hạ tầng phục vụ hoạt động logistics tại khu vực này chưa thực sự được phát triển hoàn thiện đủ để phát huy tiềm năng, lợi thế của mình. Trong khu vực chỉ có Bến số 1 và số 2 cảng Vũng Áng Lào – Việt hoạt động bốc xếp hàng tổng hợp. Số lượng các tàu container đến và rời cảng hiện tại còn hạn chế do năng lực khai thác của hệ thống logistics tại Khu kinh tế chưa đáp ứng được. Điều kiện kho bãi, nhất là bãi chứa container đang chật hẹp; thiết bị bốc dỡ hàng hóa còn thiếu nghiêm trọng... Bên cạnh đó, khu vực hậu cần cảng Vũng Áng cũng còn yếu kém. Điều này làm hạn chế sự phát triển vận tải đường thủy nội địa và dịch vụ logistics. Khu vực cảng trong khu vực hầu như mới chỉ đáp ứng được nhu cầu gom hàng rời vận chuyển đến các cảng Hải Phòng hay TP. Hồ Chí Minh để xuất đi.

2.3. Đánh giá kết quả nổi bật đạt được trong hoạt động xuất nhập khẩu tại Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng Vũng Áng giai đoạn 2018-2022:

Giai đoạn 2018-2022 hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa tại Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng Vũng Áng đạt những kết quả ấn tượng, đóng góp tích cực vào tăng trưởng kinh tế Khu kinh tế Vũng Áng. Kết quả cụ thể:

Bảng 2.1. Số thu nộp ngân sách nhà nước và kim ngạch xuất nhập khẩu của Khu kinh tế Vũng Áng từ năm 2018-2022

Năm	Số thu thuế XNK (tỷ đồng)	So với năm trước (±%)	Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu (triệu USD)	So với năm trước (±%)
2018	5.735,17	+102,22	3.122,56	+97
2019	6.061,43	+5,68	3.300,27	+6
2020	4.557,98	-24,8	3.025,02	-8
2021	7.088,55	+55,51	5.398,26	+78
2022	8.679,05	+22,43	4.806,57	-10

Nguồn: Số liệu thống kê của Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng Vũng Áng

Nhìn chung, số thu nộp ngân sách nhà nước và kim ngạch xuất nhập khẩu tại Khu kinh tế Vũng Áng tăng trưởng khá ổn định trong giai đoạn 2018-2022, ngoại trừ sự giảm sút nhẹ trong năm 2020 và 2022 do tình hình chung trên Thế giới. Trong năm 2021, mặc dù tình hình dịch bệnh vẫn còn phức tạp nhưng nhờ chính sách mở cửa tạo thuận lợi phục hồi nền kinh tế của các nước trên thế giới, kim ngạch hàng hóa xuất nhập khẩu tại Khu kinh tế Vũng Áng đã đạt được mức tăng trưởng đáng kể, tăng 78% so với năm trước đó. Đến năm 2022, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu có giảm nhẹ chủ yếu do lượng tồn kho năm trước của các doanh nghiệp vẫn còn nhiều nên chưa có nhu cầu nhập khẩu nguyên vật liệu phục vụ sản xuất kinh doanh; số thu ngân sách nhà nước tăng 22,43% so với năm 2021 nhưng chưa đáp ứng kỳ vọng đặt ra.

So sánh với giai đoạn trước đó có thể thấy, kim ngạch hàng hóa xuất nhập khẩu tại Khu kinh tế Vũng Áng đã có sự tăng trưởng rõ rệt. Từ mức kim ngạch chưa vượt quá 2.000 triệu USD mỗi năm (2016: 1.815 triệu USD, 2017: 1.585 triệu USD), con số này đã tăng gần gấp đôi và được duy trì quanh mức 5.000 triệu USD trong 02 năm gần đây. Đây là kết quả của những chính sách kịp thời của UBND tỉnh trong việc giải quyết khó khăn, hỗ trợ doanh nghiệp trên địa bàn và quyết tâm của cán bộ công chức hải quan trong việc minh bạch, đơn giản hóa thủ tục hải quan.

3. Tồn tại, hạn chế, nguyên nhân:

3.1. Những tồn tại, hạn chế:

- Cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật và ứng dụng khoa học công nghệ trong quản lý hải quan vẫn còn nhiều bất cập, chưa đạt mức hiện đại hóa cao: Một số phần mềm đã được xây dựng phục vụ công tác chuyên môn nhưng chưa được tích hợp vào chung một hệ thống nên mất nhiều thời gian trong quá trình tra cứu, tổng hợp các số liệu liên quan.

Ngoài ra, hệ thống máy tính cá nhân và một số trang thiết bị phục vụ công tác CNTT được trang bị đã lâu, một số máy không phù hợp với cấu hình hệ điều hành mới dẫn tới bị đơ và chậm.

- Lượng hàng hóa xuất nhập khẩu qua cảng Vũng Áng và cảng Sơn Dương chiếm tỷ trọng thấp so với lượng hàng hóa thực hiện thủ tục xuất nhập khẩu vào/ra Khu kinh tế Vũng Áng:

Trong giai đoạn 2018-2022, số lượng lô hàng thực hiện xếp dỡ tại cảng Vũng Áng và cảng Sơn Dương chiếm tỷ lệ thấp (25% - 37%); hàng hóa nhập

khẩu chủ yếu thực hiện hình thức chuyển cửa khẩu (từ cảng Hải Phòng, Đà Nẵng, Hà Nội về Vũng Áng). Điều này đã ảnh hưởng đến sự phát triển chung của Khu kinh tế, đặc biệt phát triển dịch vụ cảng biển (xếp/dỡ; kho bãi cảng, cung cấp xăng dầu, các dịch vụ phục vụ con người), dịch vụ xuất nhập khẩu đi kèm, vận tải nội địa, công ăn việc làm cho người dân địa phương...

- Việc tiếp nhận, kiểm tra, xử lý tờ khai nhập khẩu vào dự án Khu liên hợp gang thép và cảng Sơn Dương đôi khi còn chậm, dẫn đến thời gian thông quan lô hàng kéo dài, ảnh hưởng đến hoạt động quản lý hải quan cũng như hoạt động của doanh nghiệp.

3.2. Nguyên nhân:

- Hệ thống công nghệ thông tin chưa đáp ứng yêu cầu đổi mới. Hiện tại, hầu hết các chương trình phần mềm quản lý chưa tích hợp chung một hệ thống và chưa đáp ứng được hết các bài toán nghiệp vụ.

- Cơ sở hạ tầng tại Khu kinh tế Vũng Áng chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển. Hiện tại, chưa có tuyến đường vận tải biển/tuyến tàu container về Vũng Áng. Cảng Vũng Áng đang triển khai hệ thống xếp/dỡ container nên chưa hăng tàu vận chuyển container nào khai thác tuyến hàng hải quốc tế về cảng Vũng Áng. Bên cạnh đó, cảng Sơn Dương với hệ thống xếp dỡ hiện đại, năng lực xếp dỡ cao nhưng chưa được phép kinh doanh thương mại. Điều này là nguyên nhân chính khiến lượng hàng hóa thông quan qua cảng Vũng Áng và Sơn Dương chiếm tỷ trọng thấp trong tổng số tờ khai hải quan hàng năm. Mặt khác, hàng xuất khẩu tại Khu kinh tế Vũng Áng chủ yếu là hàng rời như thép cuộn, dăm gỗ, khoáng sản, xỉ hạt lò cao, dầu nhẹ, hắc ín,...

- Thời gian thông quan đối với các lô hàng hóa nhập khẩu vào dự án Khu liên hợp gang thép và cảng Sơn Dương kéo dài do hàng hóa nhập khẩu gồm nhiều loại hình phức tạp như tạm nhập – tái xuất, nhập miễn thuế tạo tài sản cố định, nhập nguyên vật liệu, hàng hóa thay thế... Hàng hóa nhập khẩu từ nhiều nước khác nhau, máy móc thiết bị đa số lần đầu nhập khẩu vào Việt Nam, trong đó có nhiều mặt hàng đặc thù hoặc là một bộ phận của hệ thống (không có model, nhãn hiệu mà chỉ có tên nhà sản xuất) nên việc tra cứu so sánh giá với cơ sở dữ liệu giá hiệu quả chưa cao; việc khai báo thông tin về tính năng, công dụng của các mặt hàng không đầy đủ, dẫn đến việc xác định chính xác tên hàng, mã HS rất khó khăn.

Ngoài ra, do áp dụng các biện pháp tăng cường công tác quản lý phế liệu nhập khẩu nên phát sinh thêm các khâu như phối hợp Cục kiểm định Hải quan kiểm tra thực tế hàng hóa (có những lô hàng tỷ lệ kiểm tra 100%), lấy mẫu, chụp ảnh, ghi hình...; phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường để kiểm tra, chờ Thông báo kết quả kiểm tra Nhà nước về chất lượng đạt yêu cầu mới giải phóng lô hàng. Kết quả phân tích, phân loại đối với các mặt hàng phải lấy mẫu để phân tích phân loại như hóa chất, phân bón, vật liệu chịu lửa, xỉ hạt lò cao... cũng tương đối chậm.

- Nguyên nhân chủ quan: Do người khai hải quan chưa thực sự nắm rõ và khai báo chi tiết mô tả hàng hóa, khai báo tên hàng không đồng nhất dẫn đến công chức hải quan gặp khó khăn trong quá trình áp mã số hàng hóa.

4. Giải pháp góp phần đẩy mạnh hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa, dịch vụ logistics tại địa bàn Khu kinh tế Vũng Áng:

4.1. Dự báo tình hình và mục tiêu phát triển hoạt động xuất nhập khẩu, thu ngân sách nhà nước từ hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa tại địa bàn Khu kinh tế Vũng Áng giai đoạn 2023-2025, định hướng đến năm 2030.

Ngày 22/11/2021, Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh Hà Tĩnh đã ban hành Nghị quyết số 09/NQ-TU về việc phát triển Khu kinh tế Vũng Áng giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030 nhằm xây dựng Khu kinh tế Vũng Áng trở thành Khu kinh tế đa chức năng, trung tâm công nghiệp động lực, logistics của tỉnh và khu vực.

Các chỉ tiêu cụ thể về hoạt động xuất nhập, thu ngân sách nhà nước trên địa bàn được xác định theo các giai đoạn như sau:

** Giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025:*

- Tổng thu ngân sách trên địa bàn cả giai đoạn đạt từ 55.000 - 60.000 tỷ đồng.
- Hàng hoá thông qua cảng trên 40 triệu tấn/năm.
- Tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa cả giai đoạn đạt từ 7,5 - 8,5 tỷ USD.

** Giai đoạn từ năm 2026 đến năm 2030:*

- Tổng thu ngân sách trên địa bàn cả giai đoạn đạt từ 100.000 - 120.000 tỷ đồng.
- Hàng hoá thông qua cảng trên 60 triệu tấn/năm.
- Tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa cả giai đoạn đạt từ 12 - 14 tỷ USD.

Các mục tiêu nêu trên tuy khả quan nhưng để thực hiện được cần có những chính sách quản lý phù hợp nhằm phát triển, thu hút đầu tư cho Khu kinh

tế Vũng Áng, nâng cao năng lực khai thác hàng hóa tại cụm cảng Vũng Áng – Sơn Dương để cải thiện năng lực vận hành dịch vụ logistics, thu hút lượng hàng hóa xuất nhập khẩu lớn hơn.

Mặc dù năm 2022, Việt Nam được đánh giá là điểm sáng của nền kinh tế thế giới với việc điều hành nền kinh tế vĩ mô ổn định, kim ngạch xuất nhập khẩu tăng 10% so với năm 2021, tuy nhiên nền kinh tế Việt Nam trong năm 2023 sẽ không tránh khỏi ảnh hưởng của lạm phát và khả năng xảy ra suy thoái kinh tế trên toàn cầu. Điều này phần nào sẽ ảnh hưởng đến sức mua của nền kinh tế thế giới, dự báo làm giảm nhu cầu hàng hóa lưu thông cũng như khó khăn cho hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam. Trong năm 2022, nhu cầu hàng xuất khẩu của Việt Nam đã có đợt suy giảm chạm đáy thấp nhất trong vòng 2 năm liên tiếp. Đơn hàng mới, giá bán đều xuống thấp cho thấy tâm lý thị trường đang không tốt. Các doanh nghiệp trong Khu kinh tế Vũng Áng chắc chắn cũng không nằm ngoài làn sóng này của thị trường thế giới nói chung và của Việt Nam nói riêng.

Với những dự báo như vậy, các giải pháp cần sớm được thực hiện đồng bộ để nhanh chóng đưa Khu kinh tế Vũng Áng thành khu vực trọng điểm logistics, giao thương hàng hóa, xây dựng hệ thống cảng biển đủ sức cạnh tranh với không chỉ các cảng biển trong nước mà với cả các cảng biển trong khu vực để đạt được lưu lượng hàng hóa xuất nhập khẩu tối đa.

4.2. Các giải pháp để góp phần đẩy mạnh hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa, dịch vụ logistics tại địa bàn Khu kinh tế Vũng Áng giai đoạn 2023-2025, định hướng đến năm 2030:

Giải pháp từ cơ quan hải quan:

- Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện cải cách thủ tục hành chính, ứng dụng có hiệu quả hệ thống công nghệ thông tin, phần mềm quản lý vào công tác chuyên môn nghiệp vụ; triển khai chương trình số hóa dữ liệu và số hóa quy trình nghiệp vụ hải quan theo kế hoạch của Tổng cục Hải quan, nâng cao hiệu quả cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho người dân và doanh nghiệp; Hỗ trợ và thúc đẩy chuyển đổi số của doanh nghiệp và các bên có liên quan để đảm bảo sự đồng bộ với quá trình chuyển đổi số của ngành Hải quan.

- Đồng hành cùng doanh nghiệp, kịp thời xử lý các vướng mắc phát sinh, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động xuất nhập khẩu, xuất nhập cảnh của các doanh nghiệp trên địa bàn, đặc biệt là các dự án đầu tư trọng điểm.

- Tăng cường hợp tác phối hợp giữa cơ quan hải quan với doanh nghiệp và với các đơn vị quản lý trong Khu kinh tế. Kịp thời tham mưu cho Tỉnh ủy, HĐND, UBND Tỉnh về cơ chế chính sách có liên quan đến công tác quản lý Nhà nước về hải quan nhằm thúc đẩy sản xuất kinh doanh phát triển. Xây dựng tốt mối quan hệ phối hợp giữa cơ quan với các Ngành, các đơn vị liên quan và cấp uỷ chính quyền các cấp trong thực hiện nhiệm vụ được giao.

- Kịp thời tham mưu cho UBND tỉnh Hà Tĩnh và phối hợp với các cơ quan liên quan trên địa bàn tập trung thu hút, kêu gọi các nhà đầu tư có kinh nghiệm và năng lực tài chính đầu tư vào Trung tâm logistics Vũng Áng – Sơn Dương gắn với khai thác lợi thế cảng biển, dịch vụ hậu cảng.

- Tăng cường công tác phát triển nguồn nhân lực; Tăng cường kỷ cương, kỷ luật hành chính trong thực thi nhiệm vụ, chống các biểu hiện tiêu cực, tham nhũng... Phát động phong trào thi đua của Tổng cục Hải quan gắn với việc thi đua hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ chính trị được giao năm 2023 và thực hiện văn hóa công sở nhằm tạo khí thế sôi nổi, động viên khích lệ tinh thần làm việc của các tập thể, cá nhân, tạo động lực phấn đấu hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ chính trị được giao. Tăng cường công tác kiểm tra, tự kiểm tra việc thực hiện công tác bảo vệ nội bộ tại các đơn vị chấn chỉnh kịp thời sai sót, xử lý trách nhiệm công chức có liên quan.

Kiến nghị, đề xuất đối với UBND tỉnh, BQL Khu kinh tế tỉnh:

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức về tầm quan trọng phát triển Khu Kinh tế Vũng Áng, tạo đồng thuận, quyết tâm cao trong tổ chức thực hiện. Đẩy mạnh quảng bá tiềm năng, lợi thế của Khu Kinh tế Vũng Áng để các doanh nghiệp, nhà đầu tư trong và ngoài nước khảo sát, tìm hiểu đầu tư.

- Xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ, khuyến khích đầu tư vào các khu kinh tế, khu công nghiệp tỉnh theo Kết luận số 23-KL/TU ngày 21/6/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, đảm bảo tính đột phá và có đủ nguồn lực thực hiện; trong đó, chính sách hỗ trợ có trọng tâm, trọng điểm, tập trung cho các dự án đầu tư thuộc ngành nghề, lĩnh vực ưu tiên thu hút, kêu gọi đầu tư giai đoạn 2021-2025 để hình thành các động lực mạnh, có tính lan tỏa lớn thay vì thực hiện hỗ trợ dàn trải cho nhiều đối tượng cùng một lúc.

- Hỗ trợ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật thiết yếu như giao thông, cấp nước, điện, thông tin liên lạc,... đối với khu hậu cảng Vũng Áng, cũng như hạ

tăng giao thông kết nối với Quốc lộ 12C nhằm tạo sự đột phá mạnh mẽ, sức hấp dẫn cho việc thu hút, kêu gọi các nhà đầu tư có kinh nghiệm và năng lực tài chính đầu tư vào Trung tâm Logistics Vũng Áng – Sơn Dương gắn với khai thác lợi thế cảng biển Vũng Áng – Sơn Dương. Xây dựng khu phi thuế quan, tạm nhập tái xuất tại khu vực cảng Vũng Áng – Sơn Dương và Trung tâm Logistics. Hình thành chuỗi giá trị có tính liên kết: Các dịch vụ cảng biển, khu đô thị cảng biển, dịch vụ phục vụ cho Khu kinh tế với trọng tâm là cảng biển, công nghiệp gang thép, khu đô thị du lịch.

- Đồng hành cùng doanh nghiệp đẩy nhanh tiến độ các dự án trọng điểm như: Các cầu cảng số 3, 4, 5, 6; Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 2;...; tăng cường công tác hỗ trợ tiếp cận pháp lý cho doanh nghiệp, nhà đầu tư để nâng cao hiểu biết, ý thức chấp hành pháp luật trong quá trình triển khai, vận hành dự án đầu tư./.

BÀN VỀ ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI TẠI KHU KINH TẾ VŨNG ÁNG HIỆN NAY

Ths. Nguyễn Thị Mỹ Hạnh
Trưởng Chính trị Trần Phú

Đầu tư trực tiếp nước ngoài (tiếng Anh: Foreign Direct Investment, sau đây gọi là FDI) dùng để chỉ khoản đầu tư được thực hiện bởi một công ty hoặc cá nhân nước ngoài vào nền kinh tế của một quốc gia khác. Khoản đầu tư này có thể có nhiều hình thức khác nhau, chẳng hạn như mua một công ty, xây dựng một cơ sở mới hoặc mua cổ phần trong một doanh nghiệp hiện có...

Theo Khoản 19 và Khoản 22, Điều 3 Chương I, Luật Đầu tư Quốc hội Việt Nam ban hành ngày 17 tháng 06 năm 2020, “nhà đầu tư nước ngoài là cá nhân có quốc tịch nước ngoài, tổ chức thành lập theo pháp luật nước ngoài thực hiện hoạt động đầu tư kinh doanh tại Việt Nam; tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài là tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài là thành viên hoặc cổ đông”; thường được gọi là đầu tư trực tiếp nước ngoài.

FDI có nhiều tác động đối với nền kinh tế của nước chủ nhà, được coi là nguồn cung cấp vốn mới và các cơ hội đầu tư khác, có thể góp phần thúc đẩy các doanh nghiệp mới, các dự án cơ sở hạ tầng, như giao thông, năng lượng và mạng lưới thông tin liên lạc. FDI cũng thường mang lại công nghệ và kỹ năng quản lý tiên tiến đến các nước đang phát triển, phát triển nguồn nhân lực về kỹ năng, kiến thức và mở rộng cơ hội việc làm mới, thúc đẩy tăng trưởng và kích thích thương mại quốc tế. FDI có thể làm tăng tính cạnh tranh trong nền kinh tế thị trường của nước chủ nhà, qua đó kích thích đổi mới, nâng cao chất lượng và hạ giá cho người tiêu dùng. Nhìn chung, FDI là một động lực quan trọng đối với tăng trưởng và phát triển kinh tế cho các nước tiếp nhận đầu tư.

Qua hơn 30 năm đổi mới, Đảng và Nhà nước ta đã thể hiện quan điểm coi thu hút đầu tư FDI là một nội dung quan trọng; đã ban hành nhiều chủ trương, chính sách, pháp luật thu hút, quản lý đầu tư nước ngoài, tạo dựng môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi, từng bước tiếp cận với thông lệ quốc tế. Khu vực kinh tế FDI đã phát triển nhanh và có hiệu quả, trở thành bộ phận quan trọng của nền kinh tế, đóng góp tích cực vào sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Đảng ta khẳng định “Khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài là bộ phận hợp thành quan trọng của nền kinh tế Việt Nam, được khuyến khích, tạo điều

kiện phát triển lâu dài, hợp tác và cạnh tranh lành mạnh với các khu vực kinh tế khác”(83). Văn kiện Đại hội Toàn quốc lần thứ XIII tiếp tục khẳng định: kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài là một bộ phận quan trọng trong nền kinh tế quốc dân, có vai trò lớn trong thu hút vốn đầu tư, công nghệ, phương thức quản lý hiện đại, mở rộng thị trường xuất khẩu.

Để thu hút đầu tư, phát triển kinh tế, Ủy ban Nhân dân Hà Tĩnh đã tham mưu Thủ tướng Chính Phủ thành lập Khu Kinh tế (KKT) ven biển Vũng Áng (quyết định số 72/2006/QĐ-TTg ngày 03/4/2006 của Thủ tướng Chính phủ), một trong tám khu kinh tế ven biển của cả nước. Với vị trí địa lý thuận lợi, nằm ở trung tâm khu vực Đông Bắc Á, Vũng Áng được xem là một trong những cửa ngõ kinh tế của đất nước, có tiềm năng lớn về kinh tế biển; kinh tế năng lượng; kinh tế công nghiệp và logistics (84).

Trên cơ sở Nghị quyết số 50-NQ/TW (85) của Bộ Chính trị về định hướng hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao chất lượng, hiệu quả hợp tác đầu tư nước ngoài đến năm 2030, Ban Thường vụ Tỉnh ủy (BTVTU) Hà Tĩnh đã ban hành Nghị quyết 09-NQ/TU ngày 22/11/2021 về phát triển Khu Kinh tế Vũng Áng giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030, khẳng định quan điểm huy động mọi nguồn lực của các thành phần kinh tế; phát huy vai trò kinh tế tư nhân, kinh tế có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài; tăng cường thu hút các nhà đầu tư chiến lược, các dự án tạo động lực phát triển vào Khu Kinh tế Vũng Áng. Chỉ tiêu giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025: Thu hút vốn đăng ký đầu tư mới đạt từ 3,5 tỷ USD - 5,5 tỷ USD (vốn thực hiện từ 60 - 70%); tốc độ tăng giá trị sản xuất công nghiệp, dịch vụ đạt từ 15% - 20%/năm; tổng thu ngân sách trên địa bàn cả giai đoạn đạt từ 55.000 - 60.000 tỷ đồng; hàng hoá thông qua cảng trên 40 triệu tấn/năm; tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa cả giai đoạn đạt từ 7,5 - 8,5 tỷ USD; giải quyết việc làm trên 25.000 lao động. Giai đoạn từ năm 2026 đến năm 2030: Thu hút vốn đăng ký đầu tư mới đạt từ 4 tỷ USD - 7 tỷ USD (vốn thực hiện từ 60 - 70%); tốc độ tăng giá trị sản xuất công nghiệp, dịch vụ đạt từ

⁸³Bộ Chính trị: Nghị quyết số 50-NQ/TW ngày 20 tháng 8 năm 2019 về định hướng hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao chất lượng, hiệu quả hợp tác đầu tư nước ngoài đến năm 2030

⁸⁴ Vũng Áng được đầu tư đầu tư hệ thống cảng và khu vực lưu trữ hàng hóa hiện đại. Nhiều dự án năng lượng đang được triển khai tại khu vực này, bao gồm cả các dự án nhiệt điện và điện gió. Một số khu công nghiệp lớn, với nhiều doanh nghiệp sản xuất lớn đã và đang hoạt động mạnh mẽ ở đây như Formosa, LG, Posco, Samsung và Vedan. Vũng Áng cũng có nhiều tiềm năng để phát triển các ngành công nghiệp khác như chế biến gỗ, sản xuất vật liệu xây dựng và các ngành công nghiệp hỗ trợ khác. Đồng thời, Vũng Áng là một trong những trung tâm logistics quan trọng của nước ta, với hệ thống đường bộ và đường thủy liên kết với các khu vực khác trong nước và quốc tế. Khu vực này cũng có nhiều tiềm năng để phát triển ngành logistics và dịch vụ liên quan. do đó, việc thu hút FDI vào Vũng Áng là một trong những mục tiêu quan trọng của chính phủ Việt Nam.

⁸⁵ Ngày 20/8/2019

15% - 20%/năm; tổng thu ngân sách trên địa bàn cả giai đoạn đạt từ 100.000 - 120.000 tỷ đồng; hàng hoá thông qua cảng trên 60 triệu tấn/năm; tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa cả giai đoạn đạt từ 12 tỷ USD - 14 tỷ USD; giải quyết việc làm trên 30.000 lao động.

Trước Nghị quyết 09, đã có 72 dự án đầu tư nước ngoài đã được cấp phép đầu tư vào KKT Vũng Áng (từ 2001 đến 2020) với tổng số vốn đầu tư đăng ký 13,77 tỷ USD, bao gồm các nhà đầu tư đến từ 13 quốc gia và vùng lãnh thổ: Hà Lan, Anh, Pháp, Nhật Bản, Trung Quốc, Hàn Quốc, Đài Loan, Thái Lan, Ấn Độ, Singapore, Hồng Kông, Lào, Canada, Australia. Bình quân 01 dự án/191,3 triệu USD đăng ký vốn đầu tư (86).

Trong số 34 dự án (được cấp phép đầu tư vào Vũng Áng từ năm 2015), có 05 dự án/100.304.000 USD đã đi vào hoạt động ổn định, 29 dự án/368.491.518 USD triển khai chậm tiến độ, do chưa được bàn giao mặt bằng hoặc đang tiến hành xây dựng. Tỷ lệ vốn thực hiện/vốn đầu tư đăng ký bình quân đạt khoảng 45% (87).

Dòng vốn FDI thực sự đã thúc đẩy nâng cao năng lực sản xuất công nghiệp của Vũng Áng và thị xã Kỳ Anh, tạo chuyển dịch cơ cấu kinh tế; hình thành nhiều ngành kinh tế công nghiệp mũi nhọn như: luyện thép, nhiệt điện, công nghiệp công nghệ cao... Qua đó tăng thu ngân sách; tạo nguồn lực đầu tư; giải quyết việc làm cho nhiều lao động ở địa phương; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực thông qua việc tiếp cận với công nghệ hiện đại và phương thức quản lý tiên tiến; thúc đẩy chuyển giao công nghệ, nâng cao năng lực quản lý; hình thành và phát triển của nhiều ngành, lĩnh vực dịch vụ cũng như sản phẩm mới; cụ thể như sau:

Thứ nhất, cơ cấu vốn đầu tư toàn xã hội từ khu vực tư nhân tăng nhanh; khắc phục dần tình trạng dàn trải, nâng cao hiệu quả trong đầu tư công. Một số sản phẩm công nghiệp chủ lực (thép, điện) đóng góp quan trọng vào phát triển

⁸⁶ 2015 đến nay có tới 34 dự án cấp phép đầu tư vào KKT với tổng số vốn 468.795.518 USD, chiếm tới 47,22% tổng dự án đã được cấp phép đầu tư tại địa bàn, trong đó:

- Hình thức 100% vốn đầu tư nước ngoài: Có 31 dự án với số vốn là 427.346.129 USD, chiếm 91,18% số lượng dự án và 91,16% vốn đăng ký đầu tư.

- Hình thức liên doanh: Có 03 dự án với số vốn là 41.449.389 USD, chiếm 8,82% số lượng dự án và 8,84% số vốn đăng ký.

- Lĩnh vực Công nghiệp chế biến, chế tạo, cơ khí: 14 dự án với số vốn 119.050.000 USD, chiếm 41,18% số lượng dự án và 25,39% vốn đăng ký.

- Lĩnh vực Dịch vụ, thương mại: 13 dự án với số vốn 94.879.898 USD, chiếm 38,24% số lượng dự án và 20,24% vốn đăng ký.

- Lĩnh vực Xây dựng, đầu tư phát triển hạ tầng thương: 07 dự án với số vốn 254.865.620 USD, chiếm 20,58% số lượng dự án và 54,37% vốn đăng ký.

⁸⁷ Nguồn: Sở kế hoạch đầu tư Tỉnh

kinh tế của KKT và góp phần đảm bảo an ninh ngành thép, an ninh năng lượng của quốc gia. Dự án Khu liên hợp gang thép và cảng Sơn Dương (giai đoạn 1) hoàn thành đầu tư đi vào hoạt động, trở thành hạt nhân tăng trưởng, đóng góp tích cực vào tăng trưởng chung cả tỉnh. Các khu công nghiệp, cụm công nghiệp được quan tâm thu hút đầu tư; một số dự án công nghiệp quan trọng hoàn thành; thu hút đầu tư phát triển công nghiệp năng lượng mới, năng lượng tái tạo; xúc tiến công nghiệp hỗ trợ, công nghiệp sau thép.

Thứ hai, FDI đã thúc đẩy chuyên giao công nghệ và có tác động lan tỏa đến các thành phần kinh tế khác trong tỉnh; hình thành và phát triển một số ngành kinh tế chủ lực của địa phương, kéo theo các dự án vệ tinh, các nhà cung cấp sản phẩm công nghiệp, dịch vụ hỗ trợ nên số lượng doanh nghiệp và các dự án đầu tư tăng nhanh; đến nay toàn tỉnh đã có trên 1.000 doanh nghiệp, chi nhánh và văn phòng đại diện; gần 100 HTX hoạt động kinh doanh; thu hút được nhiều tập đoàn kinh tế lớn trong và ngoài nước đầu tư vào KKT.

Thứ ba, giải quyết việc làm, tăng năng suất và chuyên dịch cơ cấu lao động; góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của địa phương. Đến nay, khu vực có FDI đã tạo ra việc làm cho trên 15.000 lao động; cơ cấu lao động thay đổi; góp phần nâng cao phúc lợi xã hội, cải thiện đời sống của người dân; bước đầu hình thành đội ngũ cán bộ quản lý, công nhân kỹ thuật có trình độ cao, từng bước tiếp cận được với khoa học, kỹ thuật, công nghệ tiên tiến.

Thứ tư, tăng cường và mở rộng quan hệ hợp tác đối ngoại; chủ động hội nhập kinh tế với khu vực và thế giới; đến nay đã có trên 15 quốc gia và vùng lãnh thổ đã có mặt đầu tư tại Khu Kinh tế Vũng Áng.

Thứ năm, tăng trưởng kinh tế đạt khá, cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng hướng, giảm tỷ trọng ngành nông nghiệp, tăng nhanh tỷ trọng công nghiệp và xây dựng (88); quy mô nền kinh tế từ 17.502,5 tỷ đồng năm 2015 tăng lên 37.045,4 tỷ đồng năm 2020. Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất bình quân giai đoạn 2015 - 2020 đạt 15,05%. Năm 2022, tổng sản phẩm trong tỉnh (GRDP) của Hà Tĩnh đạt trên 92.960 tỷ đồng, xếp thứ 30/63 tỉnh, thành phố trong cả nước; GRDP bình quân đầu người ước đạt 70,47 triệu đồng/năm (tăng 3,77 triệu đồng/người/năm so với năm 2021), cao nhất khu vực Bắc Miền Trung và xếp thứ 9/14 các tỉnh Bắc Trung bộ và Duyên hải miền Trung. Giá trị sản xuất ngành công nghiệp - xây dựng tăng bình quân hàng năm 15,93%⁸⁹ Sản xuất ngành công nghiệp và xây

⁸⁸Năm 2015: NN 3,35%, CN - XD 67,65%, DV 29%; đến năm 2020: NN 2,29%, CN - XD 81,2%, DV 16,51%

⁸⁹Giá trị ngành CN - XD tăng từ 11.839,7 tỷ đồng năm 2015 lên 30.080,8 tỷ đồng năm 2020.

dựng dịch chuyển từ giai đoạn đầu tư xây dựng sang sản xuất, kinh doanh (90).. (Nhiệt điện Vũng Áng1, Dự án Formosa, Cảng biển, vv..). Các khu, cụm công nghiệp cơ bản hoàn thành đầu tư hạ tầng, bắt đầu thu hút các nhà đầu tư thứ cấp. Các cơ sở công nghiệp địa phương (như may mặc, gia công, cơ khí, mạ tôn thép, chế biến hải sản,..) sản xuất ổn định, có mức tăng trưởng khá.

Năm 2022, Hà Tĩnh tiếp tục triển khai có hiệu quả các hoạt động xúc tiến đầu tư, thu hút doanh nghiệp trong nước và quốc tế tìm hiểu cơ hội đầu tư trên địa bàn, tạo điều kiện thuận lợi để đẩy nhanh tiến độ các dự án trọng điểm, góp phần phục hồi, phát triển kinh tế - xã hội, là điểm sáng của cả nước trong việc thu hút đầu tư. Cụ thể, năm 2022, Tỉnh đã chấp thuận chủ trương đầu tư cho 18 dự án, trong đó 16 dự án đầu tư trong nước với tổng vốn gần 5.000 tỷ đồng, 02 dự án đầu tư nước ngoài với tổng vốn hơn 278 triệu USD. Đã kết nối, xúc tiến dự án với các nhà đầu tư lớn đầu tư hạ tầng khu công nghiệp, đô thị, du lịch, dịch vụ, phát triển nông nghiệp hữu cơ; tiếp tục đầu tư, phát triển KKT Vũng Áng theo Nghị quyết số 09/NQ-TU ngày 22/11/2021 của BCH Đảng bộ tỉnh. Tính đến thời điểm tháng 12/2022, các hạng mục quan trọng của dự án Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng II đang được tiến hành khẩn trương theo đúng tiến độ đề ra. Ngoài Nhiệt điện Vũng Áng II, các dự án lớn khác trong quá trình xây dựng như: Nhà máy Sản xuất Pin VinES; nhà máy bia Hà Nội - Nghệ Tĩnh đã đi vào sản xuất kinh doanh, các khu công nghiệp Công Khánh 2, khu đô thị TNR tại Thị xã Hồng Lĩnh, huyện Hương Sơn, huyện Đức Thọ, huyện Thạch Hà, Thị xã Kỳ Anh... cũng đang được các nhà thầu tập trung thực hiện. Tại sự kiện nổi bật công bố quy hoạch Tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2021 – 2030, tầm nhìn 2050 ngày 28/5/2023, nhiều nhà đầu tư nước ngoài từ Đức, Pháp, Nhật, Lào, Thái Lan... cũng bày tỏ hết sức quan tâm đến cơ hội nghiên cứu, đầu tư vào Hà Tĩnh trong thời gian tới.

Bên cạnh những thành tựu, xoay quanh vấn đề thu hút FDI vào Khu Kinh tế Vũng Áng còn một số vấn đề đặt ra, như:

- Thu hút FDI còn đạt thấp so với tiềm năng; ít dự án lớn với công nghệ hiện đại mang tính đột phá để làm chuyển dịch mạnh cơ cấu, chất lượng nền kinh tế; tình hình thực hiện dự án sau khi được cấp phép còn triển khai chậm, một số dự án có vướng mắc nhưng chưa giải quyết được triệt để.

- Hiệu quả kinh tế do các dự án FDI mang lại chưa cao; tỷ trọng đóng góp

⁹⁰Giá trị sản xuất ngành xây dựng chiếm tỷ trọng 45,18% năm 2015 đến năm 2020 dự kiến còn 10,8%; ngành công nghiệp từ 22,46% năm 2015 lên 70,4% năm 2020.

cho ngân sách của và thu nhập cho người lao động còn khiêm tốn, chưa tương xứng với yêu cầu đặt ra.

- Nhiều doanh nghiệp chưa thực hiện tốt pháp luật lao động.

- Chưa thu hút được vốn FDI vào những lĩnh vực đặc biệt ưu tiên và là thế mạnh của Khu Kinh tế như nuôi trồng, chế biến nông sản, nuôi trồng chế biến thủy sản, du lịch sinh thái,...

- Công tác tổ chức, chỉ đạo, điều hành, triển khai thực hiện nội dung tuyên truyền, phổ biến pháp luật đôi khi còn chậm, một số chính sách mới chưa được phổ biến kịp thời đến doanh nghiệp; công tác quản lý chưa sát với thực tế hoạt động của doanh nghiệp; việc xử lý các thủ tục đầu tư, các kiến nghị, vướng mắc của doanh nghiệp còn chậm.

- Cơ sở hạ tầng; thủ tục đầu tư còn nhiều trở ngại; nguồn lao động...; cơ chế chính sách thu hút đầu tư còn coi trọng số lượng, số vốn đăng ký đầu tư mà chưa chú trọng đến chất lượng dự án. Cơ chế phối hợp tham mưu giữa các sở, ngành của với Ban Quản lý KKT vẫn chưa thực sự đồng bộ và hiệu quả. Công tác quy hoạch còn bất cập, phải sửa đổi bổ sung nhiều lần, một số ngành, lĩnh vực trọng điểm chưa có quy hoạch phát triển như: ngành công nghiệp hỗ trợ, công nghiệp công nghệ cao... Công tác xúc tiến đầu tư, xúc tiến đầu tư tại chỗ chưa thực sự có hiệu quả.

Dự báo trong thời gian tới sẽ vừa có những thuận lợi vừa đan xen những khó khăn đối với việc tăng cường thu hút và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn FDI. Kinh tế thế giới và dòng vốn FDI có khả năng tiếp tục phục hồi trên toàn cầu, nhưng xu hướng cạnh tranh thu hút FDI tiếp tục diễn ra gay gắt. Trong nước, Đảng ta khẳng định quyết tâm tiếp tục đổi mới và đề ra nhiều chủ trương, quyết sách quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội, xác định kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài là một bộ phận của kinh tế Việt Nam, được khuyến khích phát triển với chủ trương tạo môi trường kinh doanh thuận lợi cho đầu tư trực tiếp nước ngoài. Việt Nam có sự ổn định kinh tế, chính trị, xã hội trong bối cảnh quốc tế diễn biến phức tạp, kinh tế thế giới chưa thoát hẳn ra khỏi tình trạng trì trệ, khó khăn. Thế và lực của đất nước ta đã được nâng lên một bước mới tạo điều kiện mở mang các mối quan hệ kinh tế với các nước và vùng lãnh thổ trên khắp các châu lục, vị thế, uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế ngày một nâng lên. Có lực lượng lao động dồi dào, trẻ, có trình độ văn hóa và khả năng nắm bắt, thích ứng nhanh với điều kiện mới, giá nhân công vẫn vào loại rẻ, đây là lợi thế nếu so sánh với nhiều nước khác trong khu vực như Singapore,

Malaysia.... Có hơn 2,5 triệu Việt kiều đang sinh sống và hàng vạn lao động đang làm việc ở nước ngoài là một tiềm năng đáng kể nếu có chính sách khai thác tốt lực lượng này sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho việc thu hút FDI, đặc biệt trong giai đoạn phát triển kinh tế tri thức như hiện nay.

Với vị trí địa lý, năng lực, tiềm năng của KKT, cần có những giải pháp hữu hiệu nhằm khắc phục để có những bước chuyển biến mới về thu hút FDI, thực hiện tốt chiến lược phát triển kinh tế xã hội mà Tỉnh đã đề ra. Để tăng cường và nâng cao chất lượng thu hút nguồn vốn FDI vào Vũng Áng trong thời gian tới, cần tập trung một số giải pháp sau:

Thứ nhất, hoàn thiện cơ chế, chính sách thu hút đầu tư, tiếp tục tăng cường chỉ đạo việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 50-NQ/TW của Ban chấp hành Trung ương về định hướng hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao chất lượng, hiệu quả hợp tác đầu tư nước ngoài đến năm 2030.

- Xây dựng các tiêu chí, ưu tiên thu hút đầu tư phù hợp với quy hoạch, định hướng phát triển ngành, lĩnh vực, địa bàn; xây dựng danh mục khuyến khích thu hút; cơ chế đánh giá an ninh, rà soát an ninh đối với các dự án, hoạt động đầu tư nước ngoài.

- Đổi mới, rà soát, hoàn thiện cơ chế, chính sách: khuyến khích các doanh nghiệp; phân biệt ưu đãi giữa các ngành, nghề đầu tư; thu hút các dự án lớn, trọng điểm, dự án công nghệ cao, các nhà đầu tư chiến lược, tập đoàn đa quốc gia; khuyến khích hợp tác, chuyển giao công nghệ; tăng liên kết giữa đầu tư nước ngoài và đầu tư trong nước, các lĩnh vực mà tỉnh cần ưu tiên; phát triển cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị; khuyến khích doanh nghiệp đầu tư nước ngoài đào tạo, nâng cao kỹ năng, trình độ cho lao động trong nước; sử dụng lao động trong nước đã làm việc, tu nghiệp ở các quốc gia tiên tiến; phát triển công nghiệp hỗ trợ, khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo; nâng cao năng lực hấp thụ công nghệ, tiến tới tự chủ công nghệ, tham gia chuỗi giá trị toàn cầu; thu hút FDI vào phát triển cơ sở hạ tầng, logistics tại Khu Kinh tế Vũng Áng.

- Không xem xét mở rộng, gia hạn hoạt động đối với những dự án sử dụng công nghệ lạc hậu, tiềm ẩn nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, thâm dụng tài nguyên.

- Tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện cơ chế, chính sách cho KKT Vũng Áng, các khu công nghiệp, cụm công nghiệp theo hướng xác định rõ trọng tâm phát triển với cơ chế chính sách vượt trội phù hợp với đặc thù của KKT và từng khu công

ng nghiệp, cụm công nghiệp, đảm bảo tính liên kết, đồng bộ với các khu vực khác.

- Đa dạng hóa và phát huy có hiệu quả mô hình hợp tác công – tư (PPP) vào đầu tư cơ sở hạ tầng, hình thức mua lại và sáp nhập (M&A) đối với các nhà đầu tư nước ngoài. Nghiên cứu, thực hiện thí điểm đối với các phương thức đầu tư, mô hình kinh doanh mới để tận dụng cơ hội từ Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

Thứ 2, đề cao, quy định rõ trách nhiệm của nhà đầu tư trong xây dựng hạ tầng, phục vụ người lao động; về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật. Thúc đẩy tiến độ đầu tư hạ tầng cho các KCN đã quy hoạch.

Thứ 3, hoàn thiện chính sách quản lý, giám sát đầu tư: Nâng cao năng lực phân tích, dự báo của các ngành các cấp; kịp thời cập nhật, triển khai các quy định liên quan đến điều chỉnh, hướng dẫn các quan hệ kinh tế mới, các mô hình, phương thức kinh doanh mới. Đảm bảo phát triển công nghiệp hóa phải gắn với đô thị hóa, bảo đảm các thiết chế phục vụ đời sống người lao động và góp phần phát triển kinh tế - xã hội địa phương.

- Xây dựng, đào tạo đội ngũ cán bộ đủ mạnh, đủ năng lực; có cơ chế kiểm tra, phối hợp liên ngành, chuyên ngành để ngăn ngừa và hạn chế tình trạng “vốn mỏng”, chuyển giá, đầu tư “chui”, đầu tư “núp bóng” của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Xây dựng cơ chế phòng ngừa và giải quyết vướng mắc, khiếu nại, khiếu kiện của nhà đầu tư. Nâng cao chất lượng, hiệu quả các thiết chế giải quyết tranh chấp và thực thi.

- Đẩy mạnh phân công, phân cấp, ủy quyền và cơ chế phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước; tăng cường áp dụng cơ chế một cửa, một cửa liên thông. Xây dựng tiêu chí đánh giá hiệu quả đầu tư nước ngoài về kinh tế, xã hội, môi trường, quốc phòng, an ninh.

- Xây dựng các quy định về hoạt động quản lý, giám sát đầu tư nước ngoài, quy định rõ trách nhiệm của các sở, ngành, địa phương trong việc chủ trì, phối hợp quản lý, giám sát hoạt động đầu tư nước ngoài.

Thứ tư, đổi mới, hoàn thiện, nâng cao hiệu quả công tác xúc tiến đầu tư: cơ cấu lại hệ thống các cơ quan theo hướng chuyên nghiệp, độc lập, không chồng chéo nhiệm vụ; gắn kết xúc tiến đầu tư với xúc tiến thương mại và du lịch phù hợp. Thu hút đầu tư có chọn lọc các dự án chất lượng, có giá trị gia tăng cao; công nghệ tiên tiến, hiện đại, thân thiện với môi trường; đặc biệt là trong lĩnh vực công nghệ thông tin; công nghệ sinh học phục vụ nông nghiệp; phát

triển kết cấu hạ tầng; đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, các dự án công nghiệp cơ khí, chế tạo máy, năng lượng - điện, công nghiệp hỗ trợ sau thép, phát triển kết cấu hạ tầng, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, nghiên cứu và phát triển dịch vụ hiện đại; chuyển từ chạy theo số lượng sang chất lượng; Tăng cường các hoạt động xúc tiến đầu tư “tại chỗ”, hỗ trợ các dự án đầu tư nước ngoài đã được chấp thuận chủ trương đầu tư, cấp chứng nhận đăng ký đầu tư trên địa bàn tỉnh.

- Tăng cường sự phối hợp với các cơ quan Trung ương, liên kết các địa phương trong nước, giữa cơ quan quản lý nhà nước với các hiệp hội nghề nghiệp trong công tác xúc tiến đầu tư. Chủ động xúc tiến đầu tư có mục tiêu, trọng tâm, trọng điểm, tập trung thu hút các doanh nghiệp đầu tư nước ngoài đến từ các quốc gia có trình độ công nghệ tiên tiến. Công khai, minh bạch hệ thống thông tin kinh tế - xã hội, pháp luật, chính sách, quy hoạch, kế hoạch, thị trường... trên các phương tiện thông tin đại chúng. Tăng cường cơ chế đối thoại, đổi mới, mở rộng phương thức tiếp nhận kiến nghị, phản ánh của nhà đầu tư; xử lý dứt điểm, kịp thời các khó khăn, vướng mắc liên quan đến các dự án đang thực hiện. Chỉ đạo các ngành tăng cường quan hệ với các nhà tài trợ, tranh thủ sự ủng hộ của các cơ quan có liên quan ở Trung ương nhằm vận động tài trợ nguồn vốn ODA cho các dự án có nhu cầu bức thiết của tỉnh.

Thứ 5, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về đầu tư nước ngoài của các cơ quan, đơn vị, chính quyền địa phương các cấp không để phát sinh khiếu kiện, tranh chấp; đảm bảo hiệu quả về kinh tế - xã hội - môi trường, phù hợp với quy hoạch, chặt chẽ về quy trình, thủ tục. Không phân biệt đối xử giữa nhà đầu tư trong nước với nhà đầu tư nước ngoài trong tổ chức thi hành pháp luật, chính sách.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra gắn với nâng cao trách nhiệm của chính quyền địa phương và người đứng đầu trong chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước liên quan đến FDI; chú trọng nâng cao năng lực và đạo đức công vụ của đội ngũ cán bộ quản lý nhà nước. Xử lý dứt điểm các dự án gây ô nhiễm môi trường, sử dụng đất không hiệu quả, kinh doanh thu lỗ nhiều năm, dự án thực hiện không đúng cam kết. Dự báo, phòng ngừa, giải quyết sớm, có hiệu quả các tranh chấp liên quan đến đầu tư nước ngoài. Nâng cao chất lượng công tác báo cáo, thống kê, bảo đảm kịp thời, đầy đủ, chính xác và phù hợp với thông lệ quốc tế.

- Đẩy mạnh phân công, phân cấp, phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị và các

địa phương trong quản lý hoạt động đầu tư nước ngoài gắn với tăng cường kiểm tra, giám sát. Phối hợp chặt chẽ với các hiệp hội doanh nghiệp, các tổ chức quốc tế để nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác bình chọn, vinh danh các doanh nghiệp đầu tư nước ngoài; định kỳ bình chọn các nhà đầu tư nước ngoài tiêu biểu.

Đẩy mạnh việc tuyên truyền vận động kêu gọi FDI bằng nhiều hình thức: biên soạn và in các tài liệu song ngữ như tập sách, tờ rơi, phim, đĩa CD, xây dựng website... giới thiệu các thông tin có tính cập nhật về tiềm năng, chính sách khuyến khích và dự án đầu tư. Ứng dụng công nghệ thông tin vào việc tuyên truyền và quản lý đầu tư FDI.

Thứ sáu, chú trọng phát triển tổ chức đảng; có hướng dẫn và chỉ đạo rõ về mô hình tổ chức, phương thức hoạt động, nội dung sinh hoạt; tăng cường gắn kết tổ chức đảng và đảng viên với doanh nghiệp, chủ doanh nghiệp thông qua mối quan tâm, mục tiêu phát triển và lợi ích chung khu vực FDI. Phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động, vai trò của các công đoàn trong việc đại diện, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên, người lao động. Phát huy vai trò giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc trên địa bàn và các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội – nghề nghiệp trong việc thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về FDI.

Khu Kinh tế Vũng Áng hiện đang hoạt động và phát triển đúng với định hướng quy hoạch, theo hướng bền vững; là điểm sáng thu hút đầu tư của cả nước, đặc biệt là các dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài. Với sự tham gia của các nhà đầu tư đến từ các nước có nền khoa học tiên tiến như Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan, Singapore, sắp tới là Mỹ, Đức... mở ra những triển vọng mới; góp phần tăng trưởng, chuyển dịch cơ cấu kinh tế của Tỉnh. Cần nghiên cứu, đẩy mạnh thu hút đầu tư; thu hút FDI để xây dựng và phát triển KKT Vũng Áng thực sự trở thành khu kinh tế tổng hợp, đa ngành, đa lĩnh vực, khai thác tối đa lợi thế về điều kiện tự nhiên, vị trí địa lý kinh tế và chính trị trong giao thương, dịch vụ quốc tế và trong nước, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội; góp phần thu hẹp khoảng cách khu vực tỉnh Hà Tĩnh và khu vực Bắc Trung Bộ với các vùng khác trong cả nước./.

SỰ PHÁT TRIỂN DỊCH VỤ LOGISTICS TẠI CÁC ĐỊA PHƯƠNG VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM CHO TỈNH HÀ TĨNH

Ths. Lê Thị Quyên
Trường Đại học Hà Tĩnh

Tóm tắt: Nghiên cứu logistics luôn là vấn đề cấp thiết đối với nền kinh tế của Việt Nam nói chung cũng như tỉnh Hà Tĩnh nói riêng. Nền kinh tế hội nhập, thị trường được mở rộng và có nhiều cơ hội hơn cho các doanh nghiệp khi tham gia các hoạt động quốc tế. Logistics đang là một lĩnh vực mới cần tập trung phát triển, gia tăng sức cạnh tranh. Hiện nay, các địa phương trên cả nước đang tập trung phát triển dịch vụ logistics và một số địa phương đã có những kết quả đáng kể như Hải Phòng, Đà Nẵng... Vì vậy, việc nghiên cứu hiệu quả từ sự phát triển dịch vụ logistics các Tỉnh đó là bài học kinh nghiệm để Hà Tĩnh có thể học tập xây dựng nâng cao hiệu quả hệ thống logistics của Tỉnh.

Từ khóa: *Phát triển logistics, Hà Tĩnh, kinh nghiệm Logistics.*

Developing local logistics services and experienced lessons for Ha Tinh province

Abstract: *Logistics research is always an urgent issue for the economy of Vietnam in general and Ha Tinh province in particular. The economy is integrated, the market is expanded and there are more opportunities for businesses when participating in international activities. Logistics is a new field that needs to focus on developing and increasing competitiveness. Currently, localities across the country are focusing on developing logistics services and some localities have had some significant results such as Hai Phong, Da Nang... Therefore, the effective research from the development of services Logistics services in the provinces are lessons learned so that Ha Tinh can learn to build and improve the efficiency of the province's logistics system.*

Keywords: *Logistics development, Ha Tinh, Logistics experience.*

1. Đặt vấn đề

Phát triển hệ thống logistics tại Hà Tĩnh là một trong những vấn đề trọng tâm hiện nay, được UBND Tỉnh đặt ra như một điều kiện tiên quyết để phát triển và tăng trưởng kinh tế. Logistics luôn gắn chặt với các dòng vận động của hàng hóa, dòng thương mại. Vì vậy nó quyết định việc lưu thông hàng hóa trong phạm vi nội địa, cũng như thương mại quốc tế của Tỉnh.

Hà Tĩnh là một trong những địa phương có nhiều tiềm năng và lợi thế để phát triển dịch vụ Logistics. Kinh tế Hà Tĩnh đang trên đà phát triển; cơ cấu kinh tế tiếp tục chuyển dịch theo hướng tích cực. Hà Tĩnh nằm trong các tỉnh đứng vào tốp đầu cả nước về thu hút đầu tư và tỷ lệ doanh nghiệp thành lập mới. Bên cạnh đó, Hà Tĩnh có vị trí địa lý thuận lợi cho hoạt động vận tải quốc tế và liên vùng trong nước cả về đường biển, đường bộ, đường sắt và hàng không.

Mặc dù có nhiều tiềm năng lợi thế và đạt được một số kết quả đáng ghi nhận như vậy song hiện tại ngành dịch vụ logistics ở Hà Tĩnh vẫn còn manh mún, nhỏ lẻ; chi phí dịch vụ cao; hoạt động thương mại, bán buôn bán lẻ chủ yếu hình thành tự phát, hệ thống siêu thị, trung tâm thương mại ít, quy mô nhỏ. Quy hoạch hạ tầng thương mại, hệ thống bán buôn bán lẻ đã được ban hành nhưng chưa thu hút được nhiều doanh nghiệp đầu tư các dự án quy mô lớn. Công nghệ, kinh nghiệm vận hành trung tâm logistics lớn còn hạn chế.

Chính vì vậy, việc nghiên cứu, phát triển ngành Logistics của Hà Tĩnh là chủ đề đang được quan tâm hiện nay. Hà Tĩnh cần phải rút ngắn quá trình phát triển tự nhiên, học hỏi kinh nghiệm của các địa phương có hệ thống Logistics phát triển và có những điều kiện tương đồng với Hà Tĩnh về Logistics. Dựa trên ý nghĩa đó, bài viết tập trung nghiên cứu hệ thống Logistics của các Tỉnh/Thành phố Hải Phòng, Đà Nẵng và rút ra những bài học kinh nghiệm cho việc phát triển hệ thống Logistics cho Hà Tĩnh.

2. Sự phát triển Logistics của các địa phương

Thời gian gần đây nhiều địa phương trên cả nước tiến hành xây dựng Quy hoạch tỉnh, thành phố tầm nhìn đến năm 2030. Đóng vai trò nổi bật là dịch vụ Logistics trong phát triển địa phương cũng như tạo ra các liên kết vùng cho sự phát triển đồng bộ trong thập kỷ. Trong lĩnh vực này phải kể đến các địa phương như Hải Phòng, Đà Nẵng. Các tỉnh đã đưa ra những chính sách phù hợp để phát triển dịch vụ Logistics ngày càng phát triển. Cụ thể:

a. Thành phố Hải Phòng

- Kết quả đạt được

Tốc độ tăng trưởng dịch vụ Logistics trên địa bàn thành phố đạt khoảng 20-23%/năm; tỷ trọng đóng góp vào GRDP thành phố đạt từ 13-15%. Sản lượng hàng hóa qua cảng tăng trưởng mạnh, chiếm thị phần ngày càng lớn trong hệ thống cảng biển của cả nước. Theo Nghị quyết số 45 của Bộ Chính trị đã xác định: đến năm 2025, xây dựng và phát triển Hải Phòng trở thành trung tâm dịch

vụ logistics quốc gia và đến năm 2030, thành phố Hải Phòng trở thành trung tâm dịch vụ Logistics quốc tế hiện đại bằng cả đường biển, đường hàng không, đường bộ cao tốc, đường sắt tốc độ cao.

- Kinh nghiệm phát triển Cảng Hải Phòng

Một là, quy hoạch lại cảng biển và hệ thống phục vụ cho cảng biển hợp lý; Phối hợp chặt chẽ giữa hệ thống giao thông đường bộ, đường thủy, đường sắt, hàng không và có khả năng linh hoạt giải quyết các gián đoạn do thời tiết, thiên tai... nhằm đảm bảo các cảng Hải Phòng vẫn hoạt động bình thường và có sự phát triển về nhu cầu cũng như công nghệ trong tương lai.

Hai là, cảng đã áp dụng các công cụ điện tử hiện đại để quản lý hành chính cần thiết như: ứng dụng tối đa hệ thống quản lý điện tử trong việc thực hiện thủ tục hành chính, phân loại hàng hóa, kiểm soát tàu xuất – nhập cảng. Các ứng dụng này đã giúp Hải Phòng tinh giảm bộ máy hành chính cũng như nâng cao chất lượng và năng lực cá nhân của mỗi người lao động.

Ba là, cảng đã áp dụng các chương trình học tiên tiến để giúp doanh nghiệp địa phương để giúp nâng cao trình độ người lao động, đào tạo nguồn nhân lực có kiến thức chuyên môn và thực tế.

Bốn là, Thành phố đã có những chính sách ưu đãi để kêu gọi các nhà đầu tư như: Theo Quyết định số 369/QĐ-UB ngày 08/02/2002 của UBND thành phố Hải Phòng): Ưu đãi và miễn tiền thuê đất; Bồi thường và chi phí di dời, giải phóng mặt bằng; Hỗ trợ chi phí cho việc san lấp: UBND thành phố Hải Phòng sẽ hỗ trợ một phần chi phí lên tới 25% tùy theo điều kiện khuyến khích khu vực đất đai; Hỗ trợ đào tạo nhân lực: Lao động được tuyển dụng cho các dự án FDI sẽ được đào tạo miễn phí tại các trường đào tạo miễn phí tại các trường đào tạo của thành phố; Thời gian đánh giá dự án: được rút ngắn lại từ 3 đến 5 ngày; Chính sách một giá: Giá nước, phí thu gom rác thải, phí xây dựng thông nhất một giá cho cả doanh nghiệp trong nước và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

b. Thành phố Đà Nẵng

- Kết quả đạt được

Đà Nẵng đã có những bước phát triển rất ấn tượng với tốc độ tăng trưởng bình quân cao; diện mạo của thành phố thay đổi rất nhanh; cơ cấu và quy mô kinh tế của Đà Nẵng đạt được những kết quả rất tốt. Cảng Đà Nẵng có sự phát triển vượt bậc với tổng sản lượng hàng hóa qua cảng đạt mức tăng trưởng

gần 20% (trong đó container dự kiến tăng 29,6%), doanh thu tăng hơn 16%, lợi nhuận tăng trên 20%.

- Kinh nghiệm phát triển Cảng Đà Nẵng

Cảng Đà Nẵng đang hiện thực hóa mục tiêu trở thành 1 trong 5 cảng hàng đầu tại Việt Nam, cùng định hướng chiến lược cảng xanh (Green Port) theo hai giải pháp đột phá: Khai thác cảng và dịch vụ logistics ngoài cảng. Các chính sách phát triển dịch vụ logistics bao gồm:

Một là, Đầu tư hệ thống cơ sở hạ tầng đồng bộ, chuyên sâu Hạ tầng cầu cảng ngày càng được đầu tư, nâng cấp, mở rộng, với tổng chiều dài lên đến gần 1,2km, tiếp nhận các tàu hàng 35.000 -50.000 DWT, cùng hàng loạt các tàu chuyên dụng khác như tàu RORO, tàu container, tàu khách loại lớn và vừa, tàu hàng siêu trường, siêu trọng. Ngoài ra, cảng Đà Nẵng chủ động đầu tư hệ thống kho bãi tại Xí nghiệp Cảng Tiên Sa và Công ty CP Logistics cảng Đà Nẵng cùng hệ thống trang thiết bị, máy móc chuyên dụng hiện đại, công suất lớn đảm bảo cho việc khai thác, làm hàng.

Hai là, Đà Nẵng đẩy nhanh tiến trình đầu tư các dự án trọng điểm. Trong giai đoạn tới sẽ triển khai các dự án như khu bến Liên Chiểu, trung tâm logistics tại Cảng hàng không quốc tế Đà Nẵng cũng như các trung tâm logistics, cảng cạn trên địa bàn thành phố. Cảng Đà Nẵng đã tập trung nguồn lực xây dựng Cảng Tiên Sa có hạ tầng ngày càng hiện đại, ứng dụng triệt để công nghệ 4.0 trong mọi mặt hoạt động, đi đầu trong việc trở thành cảng điện tử (E-Port). Từ giữa năm 2021, khách hàng giao nhận container không cần đến cảng để làm các thủ tục hành chính. Đây là nền tảng quan trọng để phát triển các phương án thu hút hàng quá cảnh trên EWEC.

Ba là, phát triển trung tâm dịch vụ logistics. Đà Nẵng đưa vào khai thác 2 cầu bến mới thuộc Dự án mở rộng cảng Tiên Sa giai đoạn 2, góp phần nâng cao năng lực xếp dỡ và chất lượng dịch vụ, đáp ứng nhu cầu phát triển KT-XH Đà Nẵng và khu vực. Đồng thời, cảng Đà Nẵng xây dựng bến sà lan tại Liên Chiểu để trung chuyển hàng hóa qua vịnh Đà Nẵng, cùng với việc đầu tư Trung tâm dịch vụ logistics 20ha tại Hòa Nhơn (huyện Hòa Vang) góp phần quan trọng trong việc hình thành chuỗi dịch vụ logistics cho khu vực kinh tế trọng điểm miền Trung. Cảng Đà Nẵng chủ động phát triển Trung tâm Dịch vụ logistics theo đề án “Phát triển ngành dịch vụ logistics TP Đà Nẵng đến năm 2015, tầm nhìn đến năm 2020” được UBND thành phố phê duyệt. Đà Nẵng đã xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật ban đầu cho chuỗi cung ứng dịch vụ logistics, phần đầu đạt

tốc độ tăng trưởng GDP bình quân của lĩnh vực này là 14,5%/năm. Năm 2020, Đà Nẵng đã thiết lập một trung tâm chuẩn hóa dịch vụ logistics - Trung tâm Logistics Đà Nẵng - bao gồm các dịch vụ như theo dõi, giám sát hàng gửi; xử lý thủ tục hải quan hiệu quả và phi giấy tờ. Trung tâm logistics sẽ kết nối đầy đủ với kết cấu hạ tầng giao thông vận tải, đặc biệt là đường bộ và đường sắt; tiếp cận tốt tới các cảng biển chính, cảng hàng không, ga đường sắt chính; tập trung khách hàng muốn thuê dịch vụ logistics từ 3PL (cung cấp dịch vụ logistics bên thứ ba); thu hút lượng hàng container xuất và nhập cao.

3. Bài học kinh nghiệm cho phát triển hệ thống Logistics Hà Tĩnh

- Thuận lợi:

+ Hà Tĩnh có vị trí địa lý thuận lợi: TP. Hà Tĩnh cách sân bay Vinh 50km, cách sân bay Đồng Hới 141km. Đường sắt Bắc Nam chạy qua địa bàn Hà Tĩnh dài khoảng 71km với 8 ga; Quốc lộ 1, đường Hồ Chí Minh là các tuyến dọc Bắc - Nam trên địa bàn tỉnh; Quốc lộ 8 nối với cửa khẩu Cầu Treo, Quốc lộ 12C nối với cửa khẩu Cha Lo là các tuyến ngang chính giao thương với Lào trên địa bàn tỉnh, đây là điều kiện thuận lợi cho hoạt động vận tải quốc tế và liên vùng trong nước cả về đường biển, đường bộ, đường sắt và hàng không.

+ Cụm cảng Vũng Áng - Sơn Dương được xác định là cảng chuyên dùng và tổng hợp quốc gia đầu mối khu vực - loại I trong hệ thống cảng biển quốc gia. Hà Tĩnh có khu kinh tế Vũng Áng là một trong năm khu kinh tế trọng điểm ven biển được lựa chọn tập trung đầu tư với những dự án quy mô lớn mang tầm quốc gia; khu vực như khu Liên hợp luyện thép và cảng nước sâu Sơn Dương của tập đoàn Formosa; nhà máy nhiệt điện Vũng Áng I, Vũng Áng II. Nơi đây sẽ là một trung tâm công nghiệp nặng quan trọng của khu vực Bắc Trung Bộ và cả nước.

+ Hà Tĩnh có khu kinh tế cửa khẩu Cầu Treo là một trong các cửa khẩu quốc tế trọng điểm của Việt Nam với vị trí thuận lợi cho việc giao lưu và phát triển hợp tác giữa Việt Nam với Lào và Thái Lan. Đây là những tiềm năng, lợi thế để phát triển dịch vụ logistics của Tỉnh nhà.

+ Hà Tĩnh có Trung tâm logistics tại Khu kinh tế Vũng Áng có quy mô diện tích lập quy hoạch 133,32 ha nằm trên địa bàn xã Kỳ Lợi (thị xã Kỳ Anh, Hà Tĩnh) đã được ký thông qua Quyết định phê duyệt Đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng, tỷ lệ 1/500 (Quyết định số 1734/QĐ-UBND) vào ngày 8/4/2021, hợp tác với Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn; trung tâm logistics cảng Liên Chiểu; trung tâm logistics ga Kim Liên mới; trung tâm logistics Khu Công nghệ cao;

trung tâm logistics Hòa Nhơn; trung tâm logistics cảng hàng không quốc tế Đà Nẵng; các trung tâm logistics nhỏ lẻ và kho bãi khác tại Đà Nẵng.

- *Khó khăn:*

+ Ngành dịch vụ logistics ở Hà Tĩnh vẫn còn manh mún, nhỏ lẻ; chi phí dịch vụ cao.

+ Hoạt động thương mại, bán buôn bán lẻ chủ yếu hình thành tự phát, hệ thống siêu thị, trung tâm thương mại ít, quy mô nhỏ. Một số địa phương trong tỉnh có lợi thế về phát triển dịch vụ Logistics chưa cập nhật kịp thời các thông tin, quy định pháp luật liên quan về kinh doanh dịch vụ logistics để giới thiệu, kêu gọi đầu tư xây dựng hạ tầng logistics. Hầu hết các doanh nghiệp trong tỉnh chỉ tham gia được một vài công đoạn nhỏ trong kinh doanh dịch vụ logistics vì đầu tư xây dựng kinh doanh dịch vụ logistics đòi hỏi vốn đầu tư lớn.

+ Quy hoạch hạ tầng thương mại, hệ thống bán buôn bán lẻ đã được ban hành nhưng chưa thu hút được nhiều doanh nghiệp đầu tư các dự án quy mô lớn. Chưa có doanh nghiệp lớn, chuyên nghiệp hoạt động nhận ủy thác giao nhận hàng hóa hoặc thanh toán tiền hàng. Các loại hình kho chứa, kho vận ngoại thương đạt tiêu chuẩn chưa hình thành tại các cảng, cửa khẩu, các cổng kiểm soát giữa nội địa và các khu kinh tế. Công nghệ, kinh nghiệm vận hành trung tâm logistics lớn còn hạn chế.

- *Bài học kinh nghiệm cho tỉnh Hà Tĩnh:*

Hà Tĩnh là một tỉnh giáp biển, do vậy phát triển logistics cần gắn bó chặt chẽ với cảng biển. Cần phát triển thương hiệu cảng biển nước sâu Vũng Áng – Sơn Dương ở cả trong nước và quốc tế. Để nâng cao mức cạnh tranh, Hà Tĩnh cũng cần chính sách đột phá. Dựa trên kinh nghiệm đã được các địa phương trong nước triển khai thành công, Hà Tĩnh có thể nghiên cứu các đề xuất sau:

Thứ nhất, Xác định vị trí và quy mô đủ lớn cho các trung tâm logistics để sớm đầu tư: Cần quy hoạch phân bố không gian cho hoạt động dịch vụ logistics trên địa bàn; đặc biệt nghiên cứu hình thành các trung tâm logistics tập trung quy mô cấp vùng, phục vụ không chỉ trong phạm vi tỉnh Hà Tĩnh, khu vực Miền Trung mà còn kết nối với hành lang kinh tế Đông - Tây và phục vụ các hoạt động giao thương quốc tế. Đảm bảo quản lý quỹ đất xây dựng theo đúng quy hoạch phát triển dịch vụ logistics được duyệt.

Thứ hai, Phát triển hệ thống cảng nước sâu Vũng Áng – Sơn Dương. Mặc dù, Cụm cảng nước sâu Vũng Áng – Sơn Dương đã được triển khai đi vào hoạt

động. Tuy nhiên, Đến nay cảng tổng hợp Vũng Áng mới đưa vào hoạt động thêm một cầu cảng là bến số 2; Bến số 3 và 4 đang thi công dở dang, suốt 5 năm vẫn chưa xong. Hệ thống logistics, hậu cảng đang... giẫm chân tại chỗ. Hàng năm lượng hàng hoá thông quan ở cảng tổng hợp Vũng Áng chỉ quanh con số 4-5 triệu tấn/năm, chủ yếu là dăm gỗ, khoáng sản... Để đẩy nhanh việc quy hoạch chi tiết đồng bộ cả trên bờ và dưới nước ở khu vực cảng Sơn Dương, Vũng Áng cũng như ở một số nơi khác, tỉnh Hà Tĩnh phải xem đây là nhiệm vụ trọng tâm, rút ráo thời gian tới; rất cần phối hợp chặt chẽ giữa Bộ GTVT và tỉnh Hà Tĩnh để thực hiện. Đây là vấn đề tiên quyết mà Hà Tĩnh phải triển khai ngay, không để chậm trễ. Khi có đủ quy hoạch chi tiết của tỉnh kết hợp các bộ, ngành... thì sẽ mời các doanh nghiệp lớn đến công bố và kêu gọi đầu tư. Chỉ như vậy, doanh nghiệp mới đủ điều kiện và yên tâm đến đầu tư lâu dài.

Thứ ba, Phát triển cơ sở hạ tầng cảng biển và giao thông kết nối như đường bộ, đường sắt, các trung tâm logistics hiện đại. Mạng lưới giao thông kết nối và vận tải đa phương thức sau cảng là một trong những yếu tố quan trọng để phát triển cảng biển bền vững và có chiều sâu. Hà Tĩnh cần tăng cường tính cạnh tranh trong các dịch vụ liên quan đến thương mại như vận tải hàng hóa đường bộ, đường sắt; Xây dựng và quy hoạch tổng thể khu phân phối hàng hóa hợp lý kết nối cả đường bộ, đường sắt, đường hàng; Đẩy mạnh xây dựng hệ thống cơ sở hạ tầng hiện đại, chất lượng như các cảng nước sâu, khu kinh tế mở.

Thứ tư, Cải cách thủ tục hành chính, tạo môi trường pháp lý thuận lợi để nhà đầu tư yên tâm khai thác. Tăng cường công tác cải cách thủ tục hành chính; tạo thuận lợi thương mại thông qua việc đơn giản hóa các quy định hải quan và quản lý chuyên ngành; đồng thời, tăng cường phối hợp hiệu quả giữa các cơ quan quản lý nhà nước và khu vực doanh nghiệp nhằm mục tiêu tạo thuận lợi tối đa cho doanh nghiệp, nâng cao năng lực cạnh tranh thương mại. Tăng cường thu hút doanh nghiệp trong, ngoài tỉnh và nước ngoài tham gia vào lĩnh vực logistics.

Thứ năm, Ứng dụng, cập nhật công nghệ hiện đại trong quản lý cảng (hải quan điện tử, định vị container, bốc xếp tự động,...). Hà Tĩnh cần triển khai và cập nhật hệ thống quản lý vận chuyển phần mềm TMS (Transport Management System) và hệ thống quản lý giao nhận và kho vận WMS (Warehouse Management System). Bởi giao nhận và vận tải là 2 lĩnh vực kinh doanh khác nhau, song nếu thiếu sự liên kết sẽ không hiệu quả. Cần triển khai các phương pháp công nghệ logistics tiên tiến, như: quản trị chuỗi cung ứng SCM (Supply Chain Management) hay giao hàng đúng thời điểm JIT (Just In Time) trong thiết

kế luồng vận tải nhiều chặng và sắp xếp các công đoạn trong dây chuyền cung ứng dịch vụ logistics.

4. Kết luận

Đề Hà Tĩnh sẽ sớm đạt mục tiêu đưa Logistics trở thành dịch vụ chủ lực trong lĩnh vực thương mại, dịch vụ của tỉnh đóng góp vào tăng trưởng GDP và hỗ trợ các ngành, lĩnh vực khác phát triển, đặc biệt góp phần thúc đẩy thương mại với Lào, các tỉnh Đông Bắc Thái Lan và các nước trong khối ASEAN. Hà Tĩnh cần tận dụng hiệu quả vị trí địa lý kinh tế thuận lợi cũng như là kinh nghiệm phát triển logistics của các Tỉnh để phát triển thành công các trung tâm logistics của Hà Tĩnh.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Bộ công thương (2021), *Báo cáo Logistics Việt Nam 2021 Phát triển nhân lực logistics*, NXB Công Thương.

Đoàn Ngọc Ninh (2020), *Nghiên cứu sự phát triển hệ thống logistics Trung Quốc và bài học kinh nghiệm cho Việt Nam*, Tạp chí công thương.

Ủy ban nhân dân Tỉnh Hà Tĩnh (2015), Quyết định số 144/QĐ-UBND ngày 12/01/2015 về việc phê duyệt Đề án Phát triển dịch vụ Logistics tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2030.

Ủy ban nhân dân Tỉnh Hà Tĩnh (2022), Quyết định số 1681/QĐ-UBND ngày 18/8/2022 về việc Phê duyệt Đề án đẩy mạnh hoạt động xuất khẩu gắn với phát triển dịch vụ logistics tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030.

Ủy ban nhân dân Tỉnh Hà Tĩnh (2022), Quyết định số 1734/QĐ-UBND ngày 18/8/2022 về việc Phê duyệt đề án quy hoạch chi tiết xây dựng Trung tâm Logistics tại Khu kinh tế Vũng Áng, tỉnh Hà Tĩnh, tỷ lệ 1/500.

XÂY DỰNG HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ CÁC CẤP VỮNG MẠNH, ĐỒNG HÀNH CÙNG DOANH NGHIỆP TẠO RA LỢI THẾ CẠNH TRANH BỀN VỮNG TRONG THU HÚT ĐẦU TƯ KHU KINH TẾ VỮNG ÁNG

Ths.GVC. Hồ Thanh
Trưởng Chính trị Trần Phú

Trong quá trình phát triển của các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trong những năm qua nhiều địa phương đã có những cách làm hiệu quả để thực hiện thu hút đầu tư như các tỉnh: Thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội, Đồng Nai, Bình Dương, Bà Rịa – Vũng Tàu, Đà Nẵng, Quảng Ninh, Vĩnh Phúc, Thái Nguyên... Các địa phương này dựa trên cơ sở lợi thế về hạ tầng như: giao thông, viễn thông, bệnh viện, trường học... Một số địa phương xây dựng các cơ chế, chính sách về thuế, hỗ trợ giải phóng mặt bằng, hỗ trợ thị trường thị trường... Tuy nhiên sau một thời gian hoạt động bắt đầu xuất hiện những vấn đề như: giá nhân công ngày càng cao, mặt bằng các khu công nghiệp ngày càng hẹp, hạ tầng quá tải, thiếu năng lượng cục bộ... Các doanh nghiệp, nhà đầu tư bắt đầu mở rộng đến những địa bàn xa các trung tâm hơn, trong đó có Hà Tĩnh địa phương được lựa chọn, với lợi thế về giá mặt bằng, nhân công, dân số, thị trường, tiềm năng về giao thông vận tải... Năm bắt được xu thế đó các tỉnh đã thực hiện một số chính sách như: giảm thuế, hỗ trợ doanh nghiệp giải phóng mặt bằng và nhiều cơ chế thu hút đầu tư để nhanh chóng có được dự án để giải quyết công ăn, việc làm cho lao động địa phương, tăng thu ngân sách, chuyển dịch cơ cấu kinh tế...

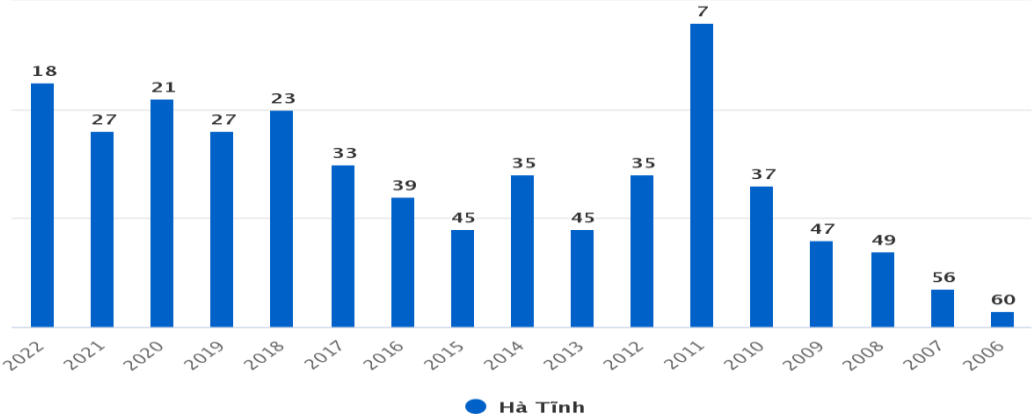
Một trong những câu hỏi nhà đầu tư luôn đặt ra địa phương mong muốn là chính sách với doanh nghiệp chất lượng công nhân, mặt bằng sạch, thị trường ổn định, đảm bảo quy hoạch, hạ tầng về an sinh xã hội như: y tế, giáo dục, viễn thông, tài chính, thương mại, dịch vụ... Tất cả những câu hỏi đó một phần quan trọng được trả lời từ vai trò lãnh đạo của cấp ủy Đảng, quản lý nhà nước của chính quyền, phản biện xã hội và tuyên truyền, vận động của Mặt trận tổ quốc, Công đoàn, Đoàn Thanh niên, hội Liên hiệp Phụ nữ, hội Nông dân, hội Cựu chiến binh và các đoàn thể khác tham gia từ khâu lập, triển khai quy hoạch, xúc tiến đầu tư, giải phóng mặt bằng, hỗ trợ doanh nghiệp đăng ký kinh doanh, định hướng, đào tạo, bồi dưỡng tay nghề công nhân, giới thiệu việc làm, bảo vệ an ninh trật tự công trường xây dựng nhà máy, xây dựng hạ tầng kỹ thuật phục vụ

đời sống công nhân, chuyên gia, logistics, giải quyết các vấn đề cụ thể của doanh nghiệp như: môi trường, an sinh xã hội, văn hóa doanh nghiệp...

Hà Tĩnh thu hút được 190 dự án đầu tư ở các khu kinh tế, khu công nghiệp trong đó: Khu kinh tế Vũng Áng thu hút được 153 dự án, bao gồm: 56 dự án có vốn đầu tư nước ngoài với số vốn đăng ký 16.040.933 triệu USD và 97 dự án đầu tư trong nước với số vốn đăng ký 55.650.020 tỷ đồng, số lượng lao động: 18.264 người (17.035 lao động Việt Nam; 1.229 lao động nước ngoài); Khu kinh tế cửa khẩu Quốc tế Cầu Treo thu hút được 27 dự án đầu tư trong nước với số vốn đăng ký 2.235,67 tỷ đồng; Khu công nghiệp Gia Lách thu hút được 10 dự án đầu tư trong nước với số vốn đầu tư đăng ký 825,596 tỷ đồng, tổng số lao động tại Khu kinh tế Quốc tế Cầu Treo và Khu công nghiệp Gia Lách là 1.750 người. Hà Tĩnh còn được biết đến là vùng đất giàu tài nguyên, khoáng sản, có tiềm năng phát triển rừng đồi rất lớn; có hệ sinh thái đa dạng sinh học, thảm thực vật rừng phong phú đa dạng với nhiều nhiều loại gỗ, thú quý hiếm; đặc biệt có Vườn quốc gia Vũ Quang rộng 52.882ha và Khu bảo tồn thiên nhiên Kẽ Gỗ rộng 21.759 ha thuộc rừng đặc dụng. Đây là những tiềm năng lợi thế cho đầu tư phát triển kinh tế trang trại, chế biến gỗ, phát triển các điểm nghỉ dưỡng kết hợp du lịch sinh thái. Bờ biển dài 137 km, nhiều bãi tắm đẹp như Xuân Thành, Chân Tiên, Xuân Hải, Thạch Hải, Thiên Cầm, Kỳ Ninh, Đèo Con... Hà Tĩnh nằm trên tuyến Du lịch xuyên Việt, Con đường Di sản Miền Trung, không gian du lịch Hành lang Đông - Tây qua quốc lộ 8, 12C sang Lào, Thái Lan và truyền thống văn hóa cách mạng... tạo nên tiềm năng và lợi thế so sánh lớn khi đầu tư hợp tác phát triển du lịch.

Thời gian qua, Hà Tĩnh đã ban hành đồng bộ các văn bản chỉ đạo, điều hành phát triển kinh tế - xã hội. Trong đó, tập trung triển khai các nhiệm vụ cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh với những giải pháp thiết thực, quyết liệt nhằm phấn đấu đứng vào nhóm đầu của cả nước.

Xếp hạng PCI theo thời gian của Hà Tĩnh



Nhiều doanh nghiệp lớn chọn Hà Tĩnh đầu tư các dự án lớn phải kể đến như: khu liên hợp gang thép và cảng Sơn Dương Formosa Hà Tĩnh có tổng mức đầu tư đã điều chỉnh trên 12,7 tỷ USD; nhà máy nhiệt điện Vũng Áng I có tổng mức đầu tư 1,595 tỷ USD; nhà máy nhiệt điện Vũng Áng 2 tổng mức đầu tư hơn 2,5 tỷ USD; các dự án bến cảng thuộc cảng Vũng Áng, dự án tổng kho xăng dầu và khí hóa lỏng Bắc Trung Bộ công suất 70 nghìn tấn/năm... Về chiến lược thu hút FDI trong thời gian tới, tỉnh tập trung thu hút đầu tư theo hướng ưu tiên các dự án có sản phẩm chứa hàm lượng giá trị gia tăng cao, sử dụng công nghệ hiện đại, thân thiện với môi trường; các dự án đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp công nghệ cao; các dự án sản xuất điện gió, điện quang, điện sinh học; các dự án xử lý rác thải, nước thải tại các khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp... Trong đó, ưu tiên các dự án công nghệ cao, công nghệ tiên tiến từ các nước công nghiệp phát triển như: Đức, Nhật Bản, Hàn Quốc...

- Bên cạnh những kết quả đạt được trong thu hút đầu tư thì còn những khó khăn, hạn chế trong thực hiện kêu gọi đầu tư của tỉnh Hà Tĩnh:

+ Cơ sở hạ tầng kỹ thuật còn thiếu và chưa đồng bộ, nhất là hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp; chất lượng nguồn nhân lực chưa cao; công tác giải phóng mặt bằng đã được chính quyền quan tâm và đạt một số kết quả nhất định nhưng còn gặp nhiều khó khăn, ảnh hưởng đến việc thu hút và kêu gọi đầu tư;

+ Nhiều nhà đầu tư đến nghiên cứu, khảo sát đầu tư vào Hà Tĩnh nhưng số lượng dự án đăng ký còn hạn chế. Công tác hỗ trợ và triển khai thực hiện các dự án sau khi được chấp thuận chủ trương đầu tư, cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số lượng dự án triển khai, đi vào hoạt động hiệu quả còn hạn chế; một số dự án triển khai không đảm bảo tiến độ cam kết, việc tìm kiếm thị trường đầu ra cho các sản phẩm của doanh nghiệp, hợp tác xã, nhất là sản phẩm nông nghiệp còn gặp khó khăn;

+ Việc thu hút các dự án đầu tư vào các lĩnh vực kinh doanh dịch vụ du lịch; hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp; nông lâm nghiệp, khoa học công nghệ, y tế hiệu quả chưa cao. Công tác tổ chức các hoạt động xúc tiến đầu tư đã được quan tâm, triển khai đồng bộ nhiều giải pháp nhưng chưa đáp ứng được yêu cầu; chủ yếu mới tập trung vào công tác giới thiệu, quảng bá bằng hình ảnh, phim về tỉnh; các hoạt động xúc tiến đầu tư đang thực hiện đơn lẻ, tính liên kết giữa các ngành, lĩnh vực chưa cao và việc chọn lọc trong các hoạt động xúc tiến đầu tư chưa thực sự hiệu quả;

+ Công tác xây dựng, rà soát điều chỉnh, bổ sung quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất chưa đáp ứng kịp thời nhu cầu của doanh nghiệp, nhà đầu tư cũng như chưa theo kịp tốc độ phát triển của khu vực; việc công bố và cung cấp thông tin về các quy hoạch của tỉnh trên trang thông tin điện tử của tỉnh, các sở, ngành còn hạn chế;

+ Thủ tục hành chính về đầu tư mặc dù đã có nhiều chuyển biến tích cực nhưng chưa tương xứng với tốc độ thu hút đầu tư; chưa đáp ứng được yêu cầu của doanh nghiệp, nhà đầu tư trong điều kiện hiện hội nhập; Đội ngũ cán bộ làm công tác xúc tiến đầu tư của tỉnh còn mỏng, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, kinh nghiệm xúc tiến đầu tư còn hạn chế, trình độ ngoại ngữ chưa đáp ứng được yêu cầu.

- Nguyên nhân hạn chế có nhiều từ khách quan, chủ quan, từ góc độ kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, quy hoạch, an ninh, quốc phòng... nhưng từ góc độ của bài viết chúng tôi có một số nguyên nhân:

+ Một số cơ quan chuyên môn và các địa phương chưa làm tốt công tác lập các quy hoạch, còn thiếu tính liên kết, chưa thống nhất, chưa sát với thực tế, gây khó khăn cho nhà đầu tư trong quá trình tìm hiểu đầu tư. Việc điều chỉnh, bổ sung quy hoạch (quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng) chưa được thực hiện kịp thời;

+ Người đứng đầu một số ngành, địa phương, đơn vị chưa tập trung cao, nhất là công tác cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI); chưa thực sự tích cực, chủ động trong việc hỗ trợ nhà đầu tư tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong việc triển khai thực hiện dự án nhất là các thủ tục về đất đai và công tác giải phóng mặt bằng;

+ Chương trình, kế hoạch xúc tiến đầu tư còn lúng túng trong quá trình thực hiện, chiến lược chưa rõ ràng; chưa có cơ chế thỏa đáng để thúc đẩy xã hội hóa hoạt động xúc tiến đầu tư;

+ Cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, hỗ trợ doanh nghiệp chưa tạo ra sự đột phá, “cú huých” cho thu hút doanh nghiệp mạnh dạn đầu tư. Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính đã được áp dụng nhưng còn hạn chế, chưa đáp ứng được nhu cầu về trao đổi thông tin và xử lý thông tin trong thực hiện nhiệm vụ;

+ Một số nhà đầu tư chưa quan tâm báo cáo đầy đủ về tiến độ triển khai thực hiện các dự án sau khi có Quyết định chủ trương đầu tư cho cơ quan quản lý nhà

nước, dẫn tới thông tin dự án không được cập nhật đầy đủ nên việc hỗ trợ, giải quyết khó khăn, vướng mắc cho nhà đầu tư có lúc chưa kịp thời, chưa chính xác.

Để tiếp tục nâng cao hiệu quả thu hút đầu tư, phát triển doanh nghiệp ở Hà Tĩnh cần thực hiện thực hiện đồng bộ các giải pháp:

- Phát huy những lợi thế, giá trị, đúc rút bài học kinh nghiệm, nhất là kinh nghiệm của các địa phương khác có cùng đặc điểm tình hình kinh tế - xã hội, khắc phục những khó khăn, hạn chế trong thu hút đầu tư và phát triển doanh nghiệp. Đổi mới phương thức lãnh đạo của Cấp ủy đảng, quản lý của Chính quyền vào vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội trong hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp. Xây dựng niềm tin và quy chế phối hợp giữa hệ thống chính trị ở địa phương với doanh nghiệp như giải quyết các vấn đề an sinh xã hội, thành lập và tổ chức hoạt động có hiệu quả các tổ chức chính trị xã hội trong doanh nghiệp: Công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Tổ nữ công... Nhằm thực hiện mục tiêu phát huy mọi tiềm năng, lợi thế, nguồn lực, yếu tố con người, khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo để xây dựng Hà Tĩnh trở thành tỉnh có công nghiệp, nông nghiệp và dịch vụ phát triển; hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ; phát triển bền vững về kinh tế, công bằng về xã hội, bền vững môi trường sinh thái, ứng phó hiệu quả với biến đổi khí hậu; đảm bảo quốc phòng - an ninh; trở thành một trong những cực phát triển của vùng Bắc Trung bộ, Duyên hải miền Trung; đến năm 2030 trở thành tỉnh khá của cả nước.

- Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ; rèn luyện, cống hiến và trưởng thành, thích ứng nhanh, vận dụng sáng tạo quy luật khách quan của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế để lãnh đạo, quản lý và phát triển doanh nghiệp, thu hút đầu tư. Nắm vững và gương mẫu thực hiện đường lối, chủ trương, quan điểm, nguyên tắc của Đảng, chính sách, pháp luật Nhà nước về xây dựng kinh tế - xã hội nhất là đồng hành cùng doanh nghiệp, coi sự phát triển của doanh nghiệp là để phục vụ cho lợi ích của nhân dân. Phát huy nội lực, tranh thủ ngoại lực, kết hợp giá trị truyền thống với hiện đại để thúc đẩy phát triển số lượng, chất lượng doanh nghiệp nhằm nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho Nhân dân, vị thế và uy tín của tỉnh và khu vực. Đánh giá, dự báo, hoạch định đường lối, chính sách, tạo sự bứt phá trong thu hút đầu tư gắn với bảo đảm quốc phòng - an ninh, đối ngoại, công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị. Dám đương đầu với khó khăn, thách thức trong các mục tiêu lớn trong kinh tế như: tăng trưởng xanh, kinh tế sinh thái, kinh tế tuần hoàn, quản trị

hiện đại, chuyển đổi số... về phát triển doanh nghiệp, cầu thị trong giải quyết hiệu quả tranh chấp, mâu thuẫn, điểm nóng, vụ việc phức tạp, tạo ổn định để phát triển.

- Cải cách thủ tục về thành lập doanh nghiệp, thuế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế. Thực hiện đồng bộ các giải pháp cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh; tập trung giải quyết các điểm nghẽn, bất cập cản trở sự phát triển của doanh nghiệp. Đẩy nhanh tiến độ xây dựng chính quyền số; đơn giản hóa quy trình, thủ tục hành chính, nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công, nâng tỷ lệ hồ sơ giải quyết qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4. Thực hiện công khai, minh bạch thông tin về giá đất, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất. Đẩy nhanh tiến độ xây dựng, phê duyệt giá đất cụ thể các công trình, dự án; tiến độ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho các tổ chức, doanh nghiệp.

- Thu hút đầu tư có chọn lọc theo đúng quy hoạch của tỉnh, Bắc Trung bộ vào những lĩnh vực: Ngành công nghiệp theo hướng xanh, bền vững, phát triển các sản phẩm có tiềm năng lợi thế như thép và công nghiệp hỗ trợ chế tạo sau thép; sản xuất điện; chế biến nông, lâm, thủy sản; dệt may; dược phẩm sinh học, dịch vụ du lịch biển, du lịch sinh thái, tâm linh, dịch vụ logistic, thể thao, dịch vụ logistics, nông nghiệp công nghệ cao, chế biến sâu, tạo giá trị gia tăng lớn; phát triển nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp thông minh, công nghệ sinh học nông nghiệp và các vùng chuyên canh, áp dụng các tiêu chuẩn bảo vệ môi trường. Kêu gọi đầu tư xây dựng khu đô thị, nhà ở, y tế, giáo dục... ở các khu đô thị, hạ tầng đồng bộ, hiện đại, góp phần đẩy nhanh tốc độ đô thị hóa vừa tạo “cú huých” trong thu hút đầu tư vừa đảm bảo an sinh xã hội cho công nhân, nhà quản lý của các doanh nghiệp.

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát, thanh tra các cơ quan, bộ phận, cá nhân trực tiếp, gián tiếp thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến thu hút đầu tư, phát triển doanh nghiệp. Lấy đo các chỉ số PCI, PAPI, SIPAS... làm thước đo để đánh giá năng lực lãnh đạo, quản lý, điều hành của tập thể lãnh đạo, người đứng đầu các cấp ủy chính quyền. Lập kênh tương tác, đối thoại, giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị với các tổ chức đại diện cho cộng đồng doanh nghiệp, đội ngũ doanh nhân và đề cao tính chủ động, sáng tạo của doanh nghiệp, doanh nhân. Quan tâm tạo điều kiện thuận lợi để Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh, Hội Doanh nhân trẻ tỉnh, Hiệp hội Nữ doanh nhân tỉnh..., các câu lạc bộ doanh nhân hoạt động hiệu quả, thiết thực; phát huy vai trò đại diện, bảo vệ quyền và

lợi ích của cộng đồng doanh nghiệp, làm cầu nối giữa doanh nghiệp với các cơ quan quản lý nhà nước và chính quyền địa phương.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban Tuyên giáo tỉnh ủy Hà Tĩnh, Văn kiện Đại hội đại biểu tỉnh Đảng bộ Hà Tĩnh, lần thứ XIX nhiệm kỳ 2021 – 2025;
2. Nghị quyết số 08-NQ/TU, ngày 22/11/2021 của Ban Chấp hành tỉnh ủy Hà Tĩnh, Về đổi mới, phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động doanh nghiệp đến năm 2025 và những năm tiếp theo.
3. Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 22/11/2021 của Ban Chấp hành tỉnh ủy Hà Tĩnh, Về phát triển Khu Kinh tế Vũng Áng giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030
4. Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh, số 185/CTr-UBND ngày 31/5/2021, Chương trình xúc tiến đầu tư vào Hà Tĩnh năm 2021;